

THIỀN ĐƯỜNG NIKĀYA



TINH HOA NIKĀYA

Tập 1

**TỶ KHEO NI THÍCH NỮ TOÀN LIÊN
(PHƯỚC CHƠN TÍN TOÀN)**

DL: 2022 - PL: 2566



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
VÀI NHẬN XÉT VỀ TẬP SÁCH TINH HOA NIKĀYA	14
1 DẪN NHẬP.....	20
1.1 Cảnh quan của thế giới	20
1.2 Nguyên nhân của khổ đau	21
1.3 Sự ra đời của đạo Phật.....	22
1.4 Bối cảnh đạo Phật ngày nay	23
1.5 Nhân duyên hình thành tập sách.....	24
1.6 Mục đích của tập sách	25
1.7 Tâm nguyện của tác giả.....	27
1.8 Lời xin lỗi	28
1.9 Lòng tri ân	28
2 TỔNG QUAN KINH NIKĀYA.....	31
2.1 Lời mở đầu	31
2.2 Kinh Nikāya là gì?.....	32

2.3	Nguồn gốc bộ Nikāya được đề cập ở đây.....	33
2.4	Đôi nét về 5 bộ kinh Nikāya.....	33
2.5	Đôi nét về A-hàm (Āgama) và Nikāya.....	33
2.6	Bộ Nikāya này được các vị Thánh Tăng thời Đức Phật sắp xếp thế nào?.....	35
2.7	Lợi ích trong việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya.....	36
2.7.1	Kinh Nghe Với Tai (<i>Tăng II</i> , 172)	36
2.7.2	Chiếc vé an toàn	39
2.7.3	Mười lợi ích khi học và hành theo Nikāya	44
2.8	Điều nên tránh, nên làm khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya.....	49
2.8.1	Điều nên tránh	49
2.8.2	Điều nên làm	52
2.9	Nhân duyên hình thành Kinh Nikāya	56
2.10	Có gì mâu thuẫn, đáng nghi là “kinh giả sau này thêm vào” trong bộ Nikāya này không?	60
3	TRUYỀN THÔNG TU TẬP TRONG NIKĀYA...	63

3.1	Kinh Makhādeva (<i>Trung</i> II, bài 83).....	63
3.2	Truyền thống tu tập tốt đẹp mà Đức Phật đã truyền trao là gì?	64
3.3	Người tu chân chánh nào cũng phải có Tám Sự Chân Chánh này.....	66
3.4	Tu mà không có Tám Sự Chân Chánh này thì tu cái gì?.....	70
3.5	Tám Chánh làm thỏa mãn những ước nguyện chân chánh	73
3.6	Tiến trình sanh khởi Tám Chánh	76
3.7	Tầm quan trọng của Pháp Tám Chánh	82
3.8	Không tu tập Tám Chánh, không thể chứng Thánh quả	86
3.8.1	Kinh Đại Bát Niết-Bàn (<i>Trường</i> I, bài 16) (Phần IV)	86
3.8.2	Thánh chuông đánh thức tâm mê	89
3.9	Tầm vóc giá trị của Pháp Tám Chánh	90
4	CHÁNH KIẾN TRONG NIKĀYA	93
4.1	Thế nào là vị thành tựu Chánh Kiến?	93
4.1.1	Kinh Chánh Tri Kiến (<i>Trung</i> I, bài 9)	93

4.1.2	Chánh kiến và lầm tưởng Chánh kiến	114
4.1.3	Thế nào là Chánh kiến và Tà kiến về thân?	118
4.1.4	Thế nào là Chánh kiến và Tà kiến về tâm?	120
4.1.5	Thế nào là Chánh kiến về đời sống này?	121
4.1.6	Tâm mê chấp năm uẩn này khổ cái gì, khổ thế nào?.....	125
4.1.7	Chánh kiến Bốn Sự Thật về thân tâm và thế giới.....	127
4.2	Duyên sanh khởi Chánh kiến, Tà kiến.....	129
4.2.1	Kinh Hy Vọng (<i>Tăng I</i> , 160).....	129
4.2.2	Duyên sanh khởi Tà kiến.....	130
4.2.3	Dòng chảy của Tà kiến.....	131
4.2.4	Tác hại của Tà kiến	134
4.2.5	Duyên sanh khởi Chánh kiến	135
4.2.6	Dòng chảy của Chánh kiến.....	136
4.2.7	Lợi ích của Chánh kiến.....	138

5	CHÁNH KIẾN SỰ CHUYỂN PHÁP LUÂN CỦA ĐỨC PHẬT	139
5.1	Xác định sự Chuyển Pháp Luân của Đức Phật	139
5.1.1	Kinh Phân Biệt Về Sự Thật (<i>Trung III</i> , bài 141).....	139
5.1.2	Đức Phật đã chuyển Vô Thượng Pháp Luân gì?	148
5.2	Pháp Vô Thượng trong Đạo Phật	149
5.2.1	Vì sao Bốn Thánh Đế được gọi là Pháp Vô Thượng?	149
5.2.2	Đức Phật, bậc Vô Thượng Sĩ thuyết giảng Vô Thượng Pháp.....	152
5.2.3	Vì sao không dễ nhìn ra Sự thật của cuộc sống?	155
5.2.4	Ai có thể tiếp nhận Thánh Pháp Vô Thượng này?.....	158
5.3	Tác dụng Tám Đúng trong Vô Thượng Pháp Luân	160
5.3.1	Tác dụng của Thấy biết đúng	161
5.3.2	Tác dụng của Suy nghĩ đúng	162

5.3.3	Tác dụng của Lời nói đúng.....	165
5.3.4	Tác dụng của Hành động đúng.....	168
5.3.5	Tác dụng của Nuôi mạng đúng.....	171
5.3.6	Tác dụng của Siêng đúng việc.....	173
5.3.7	Tác dụng của Quán đúng chỗ.....	177
5.3.8	Tác dụng của Định đúng cách.....	181
5.3.9	Đôi nét về Chánh định trong đạo Phật	183
5.4	Đức Phật - Người chỉ đường cho kẻ bị lạc lối	189
5.5	Trí về Ngũ uẩn là Tối Thượng Trí.....	192
5.6	Trí sách vở hay Trí thực chứng	193
5.7	Tự đào hồ chôn mình.....	196
5.8	Tám Chánh - Sự tồn vong của Chánh pháp..	198
6	ĐẶC ĐIỂM BẬC ĐẦY ĐỦ CHÁNH KIẾN	203
6.1	Kinh Chúng Được Đoạn Tận (<i>Tăng III</i> , 254)	203
6.1.1	Vì sao Bậc đầy đủ Chánh kiến phá được Thân kiến?	203

6.1.2	Vì sao Bạc đầy đủ Chánh kiến phá được Hoài nghi?	205
6.1.3	Vì sao Bạc đầy đủ Chánh kiến phá được Giới cấm thủ?	209
6.1.4	Vì sao Bạc đầy đủ Chánh kiến chấm dứt những hành nghiệp tham sân si nặng đưa đến đọa xứ?.....	211
6.2	Kinh Làm Cho Sanh Khởi (<i>Tăng III</i> , 254) ...	212
6.3	Kinh Bạc Đạo Sư (<i>Tăng III</i> , 254)	213
6.3.1	Bạc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư”	214
6.3.2	Bạc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp”	215
6.3.3	Bạc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng”	216
6.3.4	Bạc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận Học pháp”	217

6.3.5	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể rơi trở lại vào những vấn đề không nên trở lại”	218
6.3.6	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm cho sanh khởi hữu thứ tám”	219
6.4	Kinh Hành (<i>Tăng</i> III, 255).....	220
6.4.1	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể chấp nhận bất cứ hành nào là thường còn”	221
6.4.2	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể chấp nhận bất cứ hành nào là lạc”	222
6.4.3	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể chấp nhận bất cứ hành nào là ngã”	223
6.4.4	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm hành động vô gián”	224
6.4.5	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm cho thanh tịnh với những lễ nghi đặc biệt”	226
6.4.6	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể đi tìm các vị đáng được cúng dường ngoài chư Tăng”	228

6.5	Kinh Mẹ (<i>Tăng III</i> , 256)	229
6.5.1	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm bốn việc”	230
6.5.2	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể phá hòa hợp Thánh chúng”	231
6.5.2.1	Kinh Các Đồ Rác (<i>Tăng III</i> , 513).....	235
6.5.2.2	Kinh Kesi (<i>Tăng II</i> , 23)	239
6.5.2.3	Kinh Ngày Trai Giới(<i>Tăng III</i> ,565).	243
6.5.2.4	Tóm lược	246
6.5.3	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể nhận ai làm thầy ngoài Đức Phật và Thánh chúng”	248
6.6	Kinh Tự Làm (<i>Tăng III</i> , 256)	249
6.7	Điều không xảy ra với Bậc đầy đủ Chánh kiến	252
6.8	Bậc Hữu Học - Bậc Vô Học	260
6.8.1	Kinh Hữu Học (<i>Tương V</i> , 28)	260
6.8.2	Kinh Hữu Học 1 (<i>Tăng I</i> , 419)	261
6.8.3	Kinh Hữu Học (<i>Tương V</i> , 356)	262
6.8.4	Kinh Một Phần (<i>Tương V</i> , 273)	264

6.8.5	Kinh Hoàn Toàn (<i>Tương V</i> , 274)	265
6.8.6	Kinh Vô Học (<i>Tăng IV</i> , 537)	266
6.8.7	Kinh Moranivāpa (<i>Tăng I</i> , 535).....	266
6.8.8	Kinh Các Chi Phần (<i>Tăng IV</i> , 254) ..	267
6.8.9	Bát Hữu Học	269
6.8.10	Bát Vô Học	271
7	RUỒNG CỘT PHẬT GIÁO TRONG NIKĀYA.	273
7.1	Kinh Ngày Trai Giới (<i>Tăng III</i> , 565).....	273
7.2	Tám Điều Vi Diệu Trong Đạo Phật.....	278
7.2.1	Điều thứ nhất: “Tu chứng có thứ tự”	278
7.2.2	Điều thứ hai: “Không vượt qua lời Thầy”	281
7.2.3	Điều thứ ba: “Không chung cùng kẻ xấu”	290
7.2.4	Điều thứ tư: “Không giữ họ tên riêng”	293
7.2.5	Điều thứ năm: “Không voi đầy Tịnh giới”	295

7.2.6	Điều thứ sáu: “Chỉ có vị Giải Thoát”	296
7.2.7	Điều thứ bảy: “Ba Bảy Pháp Thần Diệu”	299
7.2.8	Điều thứ tám: “Nhiều bậc chứng Thánh quả”	308
7.3	Rường cột của đạo Phật	308
7.4	Bài kệ “Tám Vi Diệu Đạo Phật”	317
8	CỐT TỦY KINH NIKĀYA	320
8.1	Đức Phật đã chứng ngộ và giảng nói điều gì?	320
8.2	Trí về Ngũ uẩn và Trí về Thế giới là một hay là khác?	322
8.3	Trí về Ngũ uẩn liên hệ thế nào với toàn bộ tinh thần kinh Nikāya?	328
8.4	Vì sao Tinh thần Nikāya chính là Trí về Ngũ uẩn?	330
8.5	Vì sao Đức Phật khai thị Trí về Ngũ uẩn cho chúng sanh?	332
8.6	Cốt tủy của Nikāya	334

8.6.1	Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn.....	335
8.6.2	Thánh Trí thứ nhất.....	337
8.6.2.1	Thế nào là “Sự chấp thủ Ngũ uẩn”? ..	338
8.6.2.2	Thế nào là “Phiền não và khổ đau”? ..	339
8.6.3	Thánh Trí thứ hai.....	341
8.6.4	Thánh Trí thứ ba.....	342
8.6.5	Thánh Trí thứ tư	342
8.7	Chiếc chìa khóa vàng.....	344
8.8	Chiếc bè qua sông.....	348
8.9	Pháp còn phải bỏ, hà huống Phi pháp.....	349
8.9.1	Kinh Ví Dụ Con Rắn (<i>Trung</i> , bài 22)	349
8.9.2	Có thể hưởng dục mà không dính mắc không?	356
8.9.3	Khi nào “Pháp còn phải bỏ”	365
8.9.4	Kinh Kaccàyanagotta (<i>Trung</i> II, 36)	367
8.9.5	Chấp không và Vô thường là khác nhau	368
8.9.6	Chưa qua sông, bỏ thuyền, giậm chân tại chỗ	371

8.10 Tiến trình sanh khởi Giới - Định - Tuệ - Giải Thoát - Giải Thoát Tri Kiến.....	374
8.11 Tâm Giải Thoát – Tuệ Giải Thoát	380
8.12 Vô Chấp Thủ Giải Thoát	382
8.13 Qua sông rồi mới bỏ thuyền	383
8.14 Cần trọng trong thấy nghe	385
8.15 Hãy dẫn thân và thực chứng	389
HỒI HƯỚNG	392

VÀI NHẬN XÉT VỀ TẬP SÁCH TINH HOA NIKĀYA

Trước hết, tôi thành tâm cảm ơn sâu sắc đến đạo hữu Chơn Tín Toàn, tác giả của tập sách, đưa cho tôi đọc và nhận xét. Điều này đã cho tôi có một cái nhìn rõ nét về Tinh Hoa của Kinh tạng Nikāya.

Sau khi tốt nghiệp Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam Cơ Sở II, khóa I, tôi có duyên lành đi giảng dạy ở các trường Phật học. Những gì được học về Kinh tạng Nikāya do Hòa thượng - Giáo sư Thích Minh Châu trao truyền, tôi tiếp tục nghiên cứu và giảng dạy từ đó. Từ việc học giáo lý cho đến thực nghiệm bản thân đã mang đến cho tôi niềm pháp lạc, niềm tin và hướng đi của mình. Tôi thấy rằng được sống với những đạo lý chân truyền của Đức Phật là điều hạnh phúc nhất trong cuộc đời tu hành.

Điều khó khăn để hiểu và hành trì là do không nắm bắt được hệ thống tư tưởng của Phật qua Kinh Nikāya; khó khăn hơn nữa là sự phân loại cụ thể trong vô vàn những bài kinh trong năm bộ Nikāya. Qua nhiều năm giảng dạy nghiên cứu, tôi dần nhận ra những phần cốt lõi trong Kinh

Nikāya, mỗi lần hiểu ra một vấn đề, ngộ được thêm một nghĩa là một lần hạnh phúc tràn ngập trong tâm.

Khi đọc tập sách Tinh Hoa Nikāya của Chơn Tín Toàn, tôi cảm động vô cùng vì nhìn thấy quá trình tư duy, khao khát tìm kiếm chân lý của mình trong đó. Đặc biệt, những vấn đề tôi thấy chưa rõ thì tập sách này đã nói đến rất rõ, những điều mình chưa tập trung cao độ thì tập sách này cho mình một hướng nhìn tập trung hơn, nhờ đó, thấy biết được rõ hơn con đường Thánh đạo.

1. Vấn đề cốt tủy của Kinh Nikāya

Căn cứ vào lời Phật dạy, tác giả đã cho ta cái nhìn rộng và xác định mục tiêu xuyên suốt của Đức Phật: “Chư Tử-kheo, xưa cũng như nay ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ” và sự khổ ấy được tập chú vào cái căn bản nhất: “Sự chấp thủ đối với năm uẩn là khổ”. Điều đó, theo tác giả của tập sách, có nghĩa là “Trước kia và nay, Đức Phật chỉ tuyên bố về Năm thủ uẩn và con đường diệt tận Năm thủ uẩn”. Nhận định này cho ta thấy rõ nỗi khổ của cuộc đời chính là chấp thủ năm uẩn chứ không phải cuộc đời là khổ như mọi người thường nghĩ. Điều này rất quan trọng vì khi biết rõ cái khổ là gì, do cái gì tạo nên thì sự thực hành diệt khổ mới khả thi.

Ngoài ra, tác giả chỉ cho ta rằng sự thấy biết, sự phân tích, tư duy về năm uẩn tuần tự từ thô đến tế, từ thân tâm cho đến thế giới - Đó là trí tuệ để diệt tận khổ đau, trí tuệ ấy được gọi là Trí về Ngũ uẩn. Nhờ vậy, hành giả không bị lạc vào định nghĩa về trí tuệ một cách chung chung. Tác giả kết luận rằng: “Tinh thần chính của Nikāya là Trí về Ngũ uẩn, và đó là Trí mà Đức Phật đã chứng ngộ và trao truyền cho chúng sanh. Khi biết rõ như vậy Trí tuệ của hành giả sẽ không bị tản mác, không bị phân tán, không bị lạc lối trong rừng Kinh Nikāya”. Quả thực đó là khám phá quý báu.

2. Vấn đề Chánh pháp

Chánh pháp là gì? Đây là một câu hỏi không dễ trả lời thỏa đáng cho mọi người. Nếu không xác định Chánh pháp là gì thì con đường tu hành sẽ có nhiều ngã ba đường và không thể đi đến mục đích. Tác giả dựa vào Kinh Nikāya để định nghĩa về Chánh pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian (có hiệu quả tức thời), đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu”. Tác giả đã phân tích rõ về định nghĩa Chánh pháp này và kết luận: “Pháp mà Đức Phật đã chứng ngộ, đã giảng dạy với thượng trí của Ngài đó chính là Bốn Niệm Xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy bồ đề phần và Tám thánh đạo

phần”. “Ngay cả đến giây phút cuối cùng, trước khi nhập Niết-bàn, Đức Phật vẫn khẳng định lại rằng Ba mươi bảy bồ đề phần là những pháp mà Ngài đã chứng ngộ và giảng dạy lại cho đệ tử của Ngài. Ngài còn căn dặn đệ tử phải khéo học hỏi, khéo tu tập, khéo thực chứng và khéo truyền rộng Thánh pháp này để con đường chân chánh này được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng với đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người”.

Đó là Chánh pháp vì đây là con đường diệt khổ mà Đức Phật đã khẳng định: “Trước sau gì Ngài cũng chỉ giảng nói về Khổ và Con đường diệt khổ”. Con đường diệt khổ ở đây là Ba mươi bảy bồ đề phần, không có con đường nào khác. Tác giả cũng dựa vào tuyên bố trong Kinh Nikāya để xác định thêm Chánh pháp là những gì Đức Phật đã chứng ngộ và đã giảng thuyết nên không thể tự tiện thêm bớt gì. Bất cứ một sự thêm bớt nào đều có thể làm loãng hoặc sai lệch Chánh pháp này, đó là lời cảnh giác cần thiết cho các hành giả thời đại.

3. Tiến trình thành tựu Thánh đạo

Vấn đề mà tôi tâm đắc ở đây là sự thực tập hành trì. Bậc Đạo Sư đã có, con đường đã được thiết lập; đệ tử tu hành cũng có nhưng sự thành tựu đạo quả thì kẻ có người không,

thậm chí không nhiều hơn có... Tại sao? Bởi vì sự tu tập ấy không rõ ràng, không biết bắt đầu như thế nào hoặc ngay từ khi bắt đầu đã bị sai nên không có kết quả tốt đẹp.

Tác giả đã từng bước phân tích, có bốn bước được phân tích sâu để hành giả có thể thực tập, quán chiếu: Tu tập chánh kiến, Thở nhập chánh kiến, Như lý tác ý và Chánh tư duy, cuối cùng là các pháp còn lại trong Bát Chánh Đạo. Tác giả tập chú vào Chánh kiến và Chánh tư duy rất chi tiết và thuyết phục, rồi kết luận: “Phần trên là một số phương cách thiện xảo, khéo nhận diện, khéo như lý tác ý, khéo vận dụng Chánh tri kiến, Chánh tư duy để chế ngự, nhiếp phục và đào thải hoàn toàn khỏi nội tâm những cặn bã, những rác bẩn, những cấu uế. Khi đã bước vào được cánh cửa của Chánh tri kiến, thì cái nhìn, cái thấy của hànhgiả sẽ sâu sắc, thiện xảo, tinh tế, uyển chuyển trong sự vận dụng Chánh tư duy và vận dụng Như lý tác ý”. Tôi cho rằng điều này là đúng hướng như Đức Phật dạy trong Đại Kinh Bốn Mươi Pháp: “Chánh kiến đi hàng đầu trong mọi pháp môn”. Đồng thời lối tu này thể hiện sự thấy, sự biết rõ, khách quan và khoa học rất phù hợp cho lối tư duy hiện đại.

Bước thứ tư các pháp còn lại gồm Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Trên cơ sở thành tựu Chánh kiến và Chánh tư

duy, các pháp còn lại được soi chiếu giữa chánh tà, đúng sai, các mức độ sâu cạn từng bước thành tựu, kể cả con đường Chánh định, các trạng thái tâm chứng cũng mô tả rõ. Tôi cho rằng rất lợi ích và tạo nhiều cảm xúc tích cực cho những người yêu mến con đường Thánh đạo này.

Tóm lại, với một vài nhận định như trên không thể nào đầy đủ được, nhưng với tấm lòng của người khao khát Chánh pháp, tôi rất tùy hỷ, đồng tình và tán dương việc làm đầy ý nghĩa của tác giả. Với tập sách này Tôi cho rằng đây chính là Tinh Hoa của Nikāya.

Kính mong tập sách này sẽ sớm là cẩm nang cho những người con Phật đang trên con đường tu tập hướng về đạt thành các Thánh quả.

Chùa Từ Tân, Sài Gòn, mùa An Cư

PL.2563 – DL.2019

Tỳ-kheo **Thích Viên Giác**

1 DẪN NHẬP

1.1 Cảnh quan của thế giới

Chúng sanh đang chìm đắm trong tham sân si, bản ngã và vô minh. Con người chạy theo dục lạc, chạy theo bề ngoài, chạy theo vật chất, chạy theo danh lợi, chức quyền, địa vị, sắc tài. Bức tranh của cuộc sống thay đổi liên tục, lúc xinh tươi, sống động, lúc đen tối, âm u. Cuộc sống lúc thực, lúc hư ảo, biến đổi không ngừng, có đó rồi không đó, được đó rồi mất đó, thương đó rồi ghét đó, vui đó rồi buồn đó, khỏe đó rồi bệnh đó, giàu đó rồi nghèo đó, sống đó rồi chết đó. Sống thì tranh giành danh lợi, tranh giành được mất, tranh giành hơn thua, chạy theo dục, chạy theo ái, chạy theo tham sân si, chạy theo bản ngã. Chết thì ra đi trong cô độc, ra đi trong cô đơn, ra đi trong cay đắng, ra đi trong bóng đêm mù mịt tăm tối của vô minh và nghiệp lực.

Cuộc sống như màn ảo thuật, như trò hư ảo. Sáng còn chiều mất, sáng có chiều không. Thực rồi lại hư, thực hư hư, ngắn ngủi, mong manh, biến đổi không lường. Chuyện tình cảm ái luyến trên cuộc đời này cũng thật vô thường, tạm bợ, dễ vỡ, dễ tan. Ngày nào yêu thương nhau, tay trong tay với nhau trong sự say đắm, nồng nàn, sống chết bên nhau, bây giờ nhìn mặt nhau cũng không muốn nhìn, bên nhau chỉ còn là sự chán ngán, mệt mỏi, thù hận, tức giận, chỉ trích nhau, phiền trách nhau, ráng sống bên

nhau, ráng chịu đựng nhau, sống vật vờ, phỉnh phờ nhau cho qua ngày, qua tháng, qua năm. Đôi khi nảy sinh tình cảm với người mới rồi sanh khởi ý định giết hại người đã cùng mình “đầu ấp tay gối” thuở xưa. Bao nhiêu tình cảm yêu thương mặn nồng với nhau trước đây, giờ đã trở thành khói mây, trở thành cát bụi, trở thành hư ảo, giống như nó chưa từng có mặt trên cuộc đời này. Thực mà hư, hư mà thực. Thật là đau đớn và đắng cay. Thật là vô thường, tạm bợ. Thật là mong lung, bấp bênh, bất an và ảo mộng là cuộc sống này, là những tình cảm trong cuộc sống này.

1.2 Nguyên nhân của khổ đau

Bao nhiêu chuyện dở khóc, dở cười trong cuộc đời này, bao nhiêu chuyện cay đắng, xót xa, đau lòng, nát ruột trong cuộc đời này, tất cả cũng chỉ vì những dục, ái, tham, sân si trong thân tâm này thay đổi liên tục, biến đổi liên tục, sanh diệt liên tục. Nhưng những dục, ái, tham, sân, si trong thân tâm này thay đổi liên tục, biến đổi liên tục là vì sự vô thường, tạm bợ của những tình cảm, cảm xúc, cảm thọ, cảm giác trong thân tâm này; sự vô thường tạm bợ của những suy nghĩ, tư tưởng, sự hay biết, rõ biết trong thân tâm và sự vô thường của những xác thân này. Những sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong thân tâm này thay đổi liên tục, sanh diệt liên tục, biến đổi liên tục. Cuộc sống như một trò ảo thuật giữa có và không. Nhưng đáng tiếc thay, chúng

sanh không nhìn thấy rõ trò ảo thuật này của cuộc sống, chúng sanh không thấy rõ sự vô thường, tạm bợ của cuộc sống, chúng sanh không thấy rõ những dục, ái, tham, sân, si trong tự thân và trong cuộc sống.

Do không nhìn thấy rõ, không thấy biết rõ sự thật và bản chất của những gì đang có mặt trong thân tâm và những gì đang có mặt trong cuộc sống này nên chúng sanh đã mê mãi, điên đảo chạy theo những thứ vô thường, tạm bợ này, chạy theo những cảm giác, cảm xúc của dục, ái, tham lam, sân hận, và si mê đối với thân tâm tạm bợ này và cuộc sống vô thường này để rồi chúng sanh chuốc lấy cho mình những lo sợ, bất an, những tai họa, tai ương, ách nạn, phiền não và đau khổ.

1.3 Sự ra đời của đạo Phật

Đức Phật, Ngài đã nhìn thấy được bản chất vô thường, tạm bợ của thân tâm và cuộc sống, Ngài đã nhìn ra được những dục, ái, tham, sân, si. Và Ngài đã nhiếp phục được lòng tham, lòng sân, lòng si đối với thân tâm và cuộc sống. Ngài đã có một đời sống hoàn toàn tự do, tự tại, không làm nô lệ cho dục, ái, tham, sân, si, không phụ thuộc vào những thứ vô thường, tạm bợ trong thân tâm và cuộc sống. Ngài đã đạt được tâm hoàn toàn thanh tịnh, hoàn toàn không dính mắc, không trói buộc với bất cứ thứ gì trên đời này. Ngài đạt được tâm hoàn toàn giải thoát. Ngài đã giải

thoát khỏi tất cả những thứ vô thường, tạm bợ, mong manh, giải thoát khỏi tham sân si, dục, ái, giải thoát khỏi phiền não và khổ đau. Và Ngài đã chỉ dẫn lại cho chúng sanh con đường đưa đến sự thoát khỏi tất cả những phiền phức, phiền não trong cuộc sống này. Từ đó, đạo Phật ra đời, đạo Phật xuất hiện trên thế gian này.

Sự có mặt của đạo Phật là sự có mặt của sự giác ngộ, sự có mặt của ánh sáng trí tuệ, sự có mặt của con đường đưa đến sự chấm dứt sanh tử, phiền não và khổ đau. Sự có mặt của đạo Phật là sự có mặt của ánh bình minh xua tan màn đêm đen tối của vô minh và si ám. Sự có mặt của đạo Phật là sự có mặt của tuệ giác, sự có mặt của trí tuệ chiếu soi sự thật của cuộc đời, vén lên màn đêm đen tối của cuộc đời, vén lên sự thật về cuộc đời.

1.4 Bối cảnh đạo Phật ngày nay

Cũng vậy, tập sách này ra đời nhằm mục đích làm sáng tỏ lại những lời dạy chân chánh của Đức Phật vốn đã bị mai một khá nhiều cùng với khoảng thời gian lịch sử khá dài trên hai ngàn năm trăm năm. Với một quá trình lịch sử chìm nổi, đầy biến động trong Phật giáo trên hai ngàn năm trăm năm qua; với những cuộc thăm sát, tàn sát, hủy diệt của Hồi giáo đối với Phật giáo; với sự thêm bớt của người đời sau về những lời dạy của Đức Phật; với sự phát triển tràn lan của những tư tưởng cá nhân được đưa vào trong

đạo Phật; với sự chia rẽ tông phái, môn phái, trường phái trong Tăng chúng, thì đạo Phật ngày nay ví như một chén mật ong đã bị pha tạp thành một hồ nước lớn. Do đó, một hành giả chân chánh trong đạo Phật khó lòng tìm thấy được hương vị ngọt dịu, vi diệu, thần diệu và giải thoát của những lời dạy nguyên chất của Đức Phật ngày xưa. Đây là chỗ khó khăn, là chỗ khốn đốn, khốn khổ cho những hành giả muốn dẫn thân vào trong đạo Phật, muốn đi sâu vào đạo Phật, muốn tìm hiểu những lời dạy chân thật nguyên gốc của Đức Phật, muốn thực hành và thể nhập thâm sâu vào giáo pháp, vào sự thật, vào pháp hành mà Đức Phật đã chỉ dạy.

1.5 Nhân duyên hình thành tập sách

Với những thuận duyên hiền thiện, tốt lành của đời trước và đời này, chúng tôi đã tiếp cận được với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật, chúng tôi lại có cơ duyên thực hiện công trình phân loại kinh Nikāya, phân loại những lời dạy nguyên chất của Đức Phật và chúng tôi lại được duyên lành trong thời gian vừa làm công tác phân loại kinh, vừa tu tập, thiền tập theo những lời dạy của Đức Phật trong bộ kinh sách này. Nhờ vậy, chúng tôi đã thể nhập được đôi phần trong những lời dạy nguyên chất của Đức Phật, chúng tôi đã phát hiện ra cốt tủy trong những lời dạy của Ngài, chúng tôi thấy rõ con đường đi của mình, thấy

được con đường trực chỉ đi đến sự thanh tịnh thân tâm, chấm dứt sanh tử.

Tập sách này được chúng tôi viết ra với lòng từ mẫn, với tâm chân thành, với lòng tha thiết, tha thiết mong cầu, tha thiết trao gửi, tha thiết mong muốn đưa hành giả trở về với cội nguồn của Phật pháp, đi đến gần với lời dạy nguyên chất của Đức Phật. Qua đây, hành giả được thấy, được nghe và được hành trì theo những lời dạy vi diệu, tuyệt vời của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác thuở xưa để hành giả không bị tiền mất, tật mang, uổng công, vô ích khi đi theo những lối rẽ, ngõ cụt trong Phật giáo ngày nay, đi theo những cành lá trong đạo Phật ngày nay, không đạt được trí tuệ chân thật về tự thân và cuộc sống, không nhìn ra được những hoạt động của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trong tự thân và không đào thải hoàn toàn khỏi thân tâm tất cả những cấu uế, những rác bẩn này.

1.6 Mục đích của tập sách

Chúng sanh đang phải chịu đựng những nỗi khổ vì thân xác này bị sự vô thường, biến đổi, hoại diệt; phải chịu những nỗi khổ về già nua, bệnh tật, chết chóc; phải chịu những nỗi khổ về thương yêu nhau nhưng lại phải chia ly, chia lìa, xa cách, biệt ly nhau; phải chịu những nỗi khổ về thù hận, thù ghét, căm ghét nhau nhưng lại phải gặp gỡ, gặp mặt, đối mặt, đối diện nhau mỗi ngày; những nỗi khổ

về sinh nhai, kiếm sống, những nỗi khổ về sinh tồn... Chúng sanh đang quần quai trong sự khống chế và áp bức của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, ích kỷ, ganh tỵ, tật đố, hẹp hòi, hơn thua, tranh giành, đấu đá, gian xảo, lừa dối, tráo trở, phản bội... Chúng sanh đang chết gục trong những lòng tham dục, tham ái, tham danh, tham lợi, tham sắc, tham tài... Chúng sanh đang bị thiêu đốt bởi những tâm sân hận, thù hận, tức giận, hiềm hận, oán hận, oán thù... Chúng sanh đang mê mờ trong những tâm dật dờ, buông lung, phóng dật, sống chìm nổi theo những cảm giác, cảm xúc tri tri, u mê, si mê, si ám trong nội tâm.

Tóm lại, chúng sanh đang bị chìm đắm trong tham sân si, chúng sanh đang bị tham sân si hành hạ, bị tham sân si dẫn dắt, bị tham sân si chi phối, bị tham sân si làm cho khổ đau. Mục đích của đạo Phật là nhằm tháo gỡ, nhằm giải tỏa những tham sân si này cho chúng sanh, giúp chúng sanh nhìn rõ được chân tướng của dục, ái, tham, sân, si, nhìn rõ chân tướng của cuộc đời và có một thái độ đúng đắn đối với cuộc đời, không mê đắm cuộc đời, không lệ thuộc cuộc đời, không bị cuộc đời chi phối, khống chế, áp bức và thống trị. Mục đích của đạo Phật là giải thoát chúng sanh khỏi tất cả những sanh tử, phiền não và khổ đau. Mục đích của đạo Phật là chỉ cho chúng sanh nhìn thấy rõ thân tâm đầy cạn bã, đầy rác bẩn, đầy sâu bọ, đầy nhiễm ô của mình và chỉ cho chúng sanh một phương pháp chân chánh

để đào thải, để thanh lọc khỏi thân tâm tất cả những cấu uế trong thân tâm, đưa thân tâm đi đến sự trong sạch, thanh tịnh, an lạc, tự tại, giải thoát.

Như vậy, với mục đích làm sáng tỏ lại những lời dạy nguyên chất của Đức Phật, đưa người con Phật đến gần với những lời dạy nguyên gốc của Ngài, khơi gợi lại cho người con Phật nhớ về mục đích của đạo Phật cội nguồn thuở xưa và phương pháp tu tập chân chánh để đạt được mục đích này. Vì thế, chúng tôi đã thực hiện tập sách này.

1.7 Tâm nguyện của tác giả

Tóm lại, vì muốn làm cho sáng tỏ lại mục đích của đạo Phật; muốn dựng đứng lại một Chánh pháp đã bị quăng ngã xuống vì thời gian và không gian; muốn phơi bày ra trước ánh sáng những sự thật về thân tâm đã bị những thấy biết sai lầm che kín; muốn chỉ đường cho những người con Phật đang lạc lối trong những cành lá của Phật giáo ngày nay, không tìm về được cốt lõi của đạo Phật; muốn đem đèn sáng trí tuệ vào trong bóng tối của vô minh đang che phủ thế gian này để cho những ai có mắt có thể thấy được Sự thật của giáo pháp, Sự thật của những lời dạy của Đức Phật, Sự thật của thân tâm và Sự thật của cuộc sống nên chúng tôi đã chân thành, tha thiết viết nên tập sách này.

Mong rằng tấm lòng chân thành tha thiết vì Phật pháp, vì chúng sanh của chúng tôi sẽ cảm động được tất

trời, cảm động được lòng người, cảm động được những độc giả, học giả, hành giả đang dần thân, đang tìm cầu, đang tìm đến giáo pháp chân thật của Đức Thế Tôn. Và với sự cảm động này, với sự xúc động này, chúng tôi chân thành cầu chúc quý thiện hữu tri thức, quý độc giả, học giả, hành giả sẽ tìm được cho mình một chân đứng vững vàng, thâm sâu trong giáo pháp chân chánh của Đức Thế Tôn.

1.8 Lời xin lỗi

Với cái nhìn còn giới hạn của bậc hữu học, chúng tôi chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sơ sót khi thực hiện tập sách này. Nếu có những sơ sót nào trong tập sách này làm phiền lòng quý thiện hữu tri thức, chúng tôi xin chân thành xin lỗi, xin quý thiện hữu hoan hỷ chỉ dẫn lại hoặc xả bỏ cho vì người viết đã không viết tập sách này với tâm bất thiện. Chúng tôi đã viết tập sách này bằng một tâm chân thành, hiền thiện, một lòng từ mẫn, cảm thương, một trách nhiệm đối với đạo Phật, một bổn phận đối với đời. Vì vậy, nếu có điều gì trong tập sách này không làm hài lòng quý thiện hữu, chúng tôi xin chân thành xin lỗi, xin quý thiện hữu hỷ xả cho.

1.9 Lòng tri ân

Tuy rằng còn trong trí tuệ hữu học nhưng để thành tựu được đôi phần trí tuệ này chúng tôi đã trải qua quá trình tìm cầu, học hỏi trong đạo Phật trong hơn ba mươi năm

qua - từ những năm tháng còn là những thanh thiếu niên mười mấy tuổi cho đến ngày giờ này đã gần năm mươi tuổi. Trong suốt hơn ba mươi năm đến với đạo Phật và tìm cầu học hỏi trong đạo Phật, chúng tôi đã có hơn mười lăm năm tu học theo Phật giáo Bắc truyền, và mười lăm năm tu học theo Phật giáo Nam truyền. Sau mười mấy năm tu học theo Phật giáo Bắc truyền, chúng tôi đã chuyển sang tu học theo Phật giáo Nam truyền và tự tìm được chân đứng cho mình trong dòng kinh sách Nikāya nguyên chất của Đức Phật.

Trong sự đâm chồi nảy lộc của cây Bồ Đề có nhiều nhân duyên hiền thiện được kết hợp trong đó, nhưng chắc chắn rằng: Duyên quyết định trong tất cả các nhân duyên này chính là hạt giống Bồ Đề phải có mặt trong những nhân duyên đó. Nếu trong những nhân duyên, những thuận duyên đó không có hạt giống Bồ Đề thì chắc chắn rằng sẽ không có sự đâm chồi nảy lộc của cây Bồ Đề. Đôi chút trí tuệ chúng tôi thành tựu được trong dòng kinh Nikāya này là cả một khối nhân duyên dài từ đời sống quá khứ cho đến đời sống hiện tại hôm nay. Dù vậy, chúng tôi vẫn xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân tất cả những nhân duyên chúng tôi đã gặp trên con đường đi đến với giáo pháp chân truyền chân chánh nguyên gốc của Đức Phật.

Chúng con xin cúi đầu cung kính tri ân Cố Hòa thượng thượng Minh hạ Châu, người đã thành công trong việc phiên dịch sang Việt ngữ những lời dạy chân chánh,

nguyên gốc của Đức Phật, đưa chúng con đến gần với những lời dạy nguyên chất của Đức Thế Tôn trong kinh tạng Nikāya, mở mắt cho chúng con thấy được Chánh pháp thần diệu mà Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác đã truyền trao. Chúng con xin vô lượng cung kính tri ân Ngài.

Chúng con xin cúi đầu cung kính tri ân Chư tôn hiền đức Tăng Ni đã nỗ lực gìn giữ và trao truyền Thánh tạng Nikāya này cho đến ngày hôm nay.

Chúng con xin cúi đầu cung kính tri ân cha mẹ, tri ân người anh trai đã theo sát chúng con trong thời gian chúng con còn tu học trong dòng pháp của Phật giáo Bắc truyền.

Chúng con xin cúi đầu cung kính tri ân cư sĩ Tâm Minh Anh, Thiện Trí, Mỹ Vân - Những người đã luôn hỗ trợ chúng con trong suốt quá trình thực hiện công trình phân loại kinh Nikaya và thực hiện tập sách này.

Chúng con xin cúi đầu cung kính tri ân chư vị thiện hữu tri thức đã trực tiếp hoặc gián tiếp hỗ trợ chúng con trong việc in ấn tập sách này.

Chúng con xin cúi đầu cung kính tri ân tất cả.

Canh Tý, PL.2564 – DL.12-2020

Chơn Tín Toàn Kính Lễ

2 TỔNG QUAN KINH NIKĀYA

2.1 Lời mở đầu

Sau gần mười lăm năm tiếp xúc, làm việc, học hỏi và tu tập theo sự hướng dẫn của Đức Phật trong năm bộ kinh Nikāya, đó là Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh và Tiểu Bộ Kinh. Chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những trí tuệ vi diệu, thâm sâu, thực tế, gần gũi và rất sống động trong cuộc sống, nếu không được đem phổ biến rộng rãi cho cộng đồng Phật giáo trong nước và ngoài nước thì thật là một đáng tiếc vô cùng.

Thế nên, tập sách “Tinh Hoa Nikāya” này nhằm giới thiệu bộ kinh Nikāya đến với cộng đồng Phật giáo người Việt ở khắp nơi trên thế giới, nhằm đưa những người con Phật đến gần với lời dạy nguyên chất của Đức Phật. Chúng tôi xin mạn phép được trình bày những tinh hoa, cốt tủy trong kinh Nikāya, pháp hành truyền thống trong kinh Nikāya, tầm quan trọng và lợi ích trong việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh Nikāya và một số những vấn đề khác. Những phần được chia sẻ trong tập sách này sẽ giúp ích rất nhiều cho những đạo hữu đang muốn tìm hiểu pháp học và pháp hành trong kinh Nikāya, đang muốn dần thân sâu vào dòng pháp này, và đang muốn thể nhập vào giáo pháp này. Tập sách này là sự đúc kết của gần mười lăm năm chúng

tôi dấn thân trong việc nghiên cứu, học hỏi, thẩm sát, thực tập và làm công trình phân loại kinh Nikāya.

Với tấm lòng chân thành tha thiết hướng về những người con chân chánh của Đức Phật đang khao khát tìm kiếm một đạo lộ tu tập chân chánh mà Đức Phật đã trao truyền lại trên hai ngàn năm trăm năm qua, chúng tôi đã tâm huyết hoàn thành tập sách này. Mong rằng tập sách này sẽ giúp quý hành giả đến gần với một đạo Phật đã trải qua quá nhiều những thăng trầm của thời gian, không gian, sự thêm bớt và sự vô thường.

2.2 Kinh Nikāya là gì?

Nikāya là tiếng Pāli, theo tiếng Việt thì Nikāya có nghĩa là sự thu thập lại, gom lại, thu góp lại, tập hợp lại, sưu tập lại, đúc kết lại. Bộ Kinh Nikāya có nghĩa là bộ sách đúc kết lại, tổng kết lại, tổng hợp lại, kết tập lại, khẳng định lại rõ ràng những lời dạy của Đức Thế Tôn khi Ngài còn tại thế (có ý kiến cho rằng Nikāya có nghĩa là Kinh, nên khi nói thì chỉ cần nói là 5 bộ Nikāya).

Kinh Nikāya gồm có 5 bộ kinh:

1. Trường Bộ Kinh
2. Trung Bộ Kinh
3. Tương Ưng Bộ Kinh
4. Tăng Chi Bộ Kinh
5. Tiểu Bộ Kinh

2.3 Nguồn gốc bộ Nikāya được đề cập ở đây

Bộ Nikāya được đề cập và trích dẫn trong tập sách này là bộ Nikāya trong Đại Tạng Kinh Việt Nam do Hòa thượng Thích Minh Châu dịch từ nguyên bản Pāli tạng, xuất bản năm 1992, nhà xuất bản Tôn Giáo.

2.4 Đôi nét về 5 bộ kinh Nikāya

- Trường Bộ Kinh: gồm 2 tập sách, với 34 bài kinh.
- Trung Bộ Kinh: gồm 3 tập sách, với 152 bài kinh.
- Tương Ưng Bộ Kinh: gồm 5 tập sách, với khoảng gần 1.800 bài kinh ngắn.
- Tăng Chi Bộ Kinh: gồm 4 tập sách, được sắp xếp từ Tăng chi một pháp cho đến Tăng chi mười một pháp, với khoảng gần 1.200 bài kinh ngắn.
- Tiểu Bộ Kinh: là bộ sách 10 quyển. Bộ kinh này gồm những bài kinh lẻ và một số câu chuyện tiền thân về Đức Phật và tiền thân về chư Tăng được từ từ đưa vào sau này trong tạng kinh từ lần kết tập kinh điển lần 2 cho đến lần kết tập kinh điển lần 3. Trong phần này chúng tôi xin được phép không đề cập đến bộ kinh này.

2.5 Đôi nét về A-hàm (Āgama) và Nikāya

Trong lần kết tập kinh điển thứ 3, tức là khoảng 250 năm sau khi Đức Phật nhập diệt, một số bất đồng xảy ra trong Tăng đoàn. Sau lần kết tập này, một số Tỳ-kheo bỏ đi về miền Bắc Ấn Độ, từ đây thành lập khái niệm Phật giáo Bắc

truyền (hay Bắc tông). Một thời gian sau đó, các vị này tổ chức kết tập kinh điển lần 4, phần kinh được kết tập lần này gọi là kinh A-hàm, và đây cũng là lần kết tập duy nhất của Phật giáo Bắc truyền. Cũng sau lần kết tập kinh điển lần 3, vua A-dục cho người đi về miền Nam Ấn Độ để truyền dạy Phật pháp, từ đây thành lập khái niệm Phật giáo Nam truyền (hay Nam Tông).

- Bắc Truyền có 4 bộ kinh A-hàm: Trường A-hàm, Trung A-hàm, Tạp A-hàm và Tăng Nhất A-hàm.
- Nam Truyền có 5 bộ kinh Nikāya: Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh và Tiểu Bộ Kinh.
- Bộ A-hàm được truyền tụng bằng tiếng Sanskrit (tiếng Phạn).
- Bộ Nikāya được truyền tụng bằng tiếng Pāli.
- Bộ A-hàm bằng tiếng Sanskrit đã được dịch sang tiếng Trung Hoa, và lại dịch tiếp từ Trung Hoa sang Trung Hoa, và từ Trung Hoa sang Việt ngữ. Tính đến năm 1936 thì bộ kinh A-hàm, Đại Tạng Kinh Bắc Truyền bên Trung Hoa đã được sao dịch mười mấy lần, từ đó đến nay không biết có thêm lần phiên dịch nào nữa hay không.
- Bộ Nikāya được giữ nguyên ngôn ngữ tiếng Pāli từ trước đến nay nên không bị tình trạng “tam sao thất bản”. Bộ Đại Tạng Kinh Việt Nam được chúng tôi nói

đến trong bài viết này là bộ kinh do Hòa thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ bộ Nikāya bằng tiếng Pāli sang Việt ngữ. Vì vậy, xét về nội dung, xét về độ xác thực theo sát lời Phật dạy thì đây là bộ kinh có độ xác thực gần gũi nhất với lời dạy nguyên gốc của Đức Phật.

• ***So sánh Nikāya và A-hàm:***

Dưới đây là bảng so sánh của Hòa thượng thượng Minh hạ Châu.

- Kinh Trường bộ: 34 bài, Trường A-hàm: 30 bài, giống nhau 27 bài.
- Kinh Trung bộ: 152 bài, Trung A-hàm: 222 bài, giống nhau 97 bài.
- Kinh Tương ưng bộ tương đương với Tập A-hàm.
- Kinh Tăng chi bộ tương đương với Kinh Tăng nhất.
- Riêng Kinh Tiểu bộ thì tạng Pāli mới có.

2.6 Bộ Nikāya này được các vị Thánh Tăng thời Đức Phật sắp xếp thế nào?

- Những bài kinh khá dài được sắp xếp chung với nhau, gọi là *Kinh Trường Bộ*.
- Những bài kinh dài vừa vừa được xếp chung với nhau, gọi là *Kinh Trung Bộ*.
- Những bài kinh ngắn có cùng một vấn đề, những bài kinh này được xếp chung với nhau, gọi là *Kinh Tương Ưng Bộ*.

- Những bài kinh ngắn được sắp xếp theo số lượng vần đề được đề cập đến từ ít tới nhiều, những bài kinh này được xếp chung với nhau, gọi là *Kinh Tăng Chi Bộ*.

Ngoài ra, các bài kinh được kết tập thêm trong lần kết tập kinh điển lần hai và lần ba được gọi là *Kinh Tiểu bộ*.

2.7 Lợi ích trong việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya

2.7.1 Kinh Nghe Với Tai (*Tăng II, 172*)

(Trích đoạn)

1.- *Này các Tỷ-kheo, các pháp do được **nghe** bằng tai, do **tụng** đọc bằng lời, do ý quan sát, do **kiến** khéo thể nhập, có bốn lợi ích được chờ đợi. Thế nào là bốn?*

*Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như Kinh Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Không hỏi tự nói, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. Các pháp ấy, vị ấy được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập. Vị ấy khi mạng chung bị thất niệm, được sanh công trú với một loại Thiên nhân. Tại đấy, các vị sống an lạc đọc các pháp cũ cho vị ấy. Này các Tỷ-kheo, **chậm chạp niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.***

Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập; đây là lợi ích thứ nhất được chờ đợi.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo...

Ví như, một người thiện xảo về tiếng trống. Người ấy trong khi đi giữa đường có thể nghe được tiếng trống. Người ấy không có nghi ngờ, không có do dự, đó là tiếng trống hay không phải là tiếng trống. Người ấy đi đến kết luận: “Đây là tiếng trống”.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... Vị ấy khi mạng chung bị thất niệm, được sanh cộng trú với một loại Thiên nhân. Tại đấy, các vị sống an lạc không đọc các pháp cú cho vị ấy. Nhưng có Tỷ-kheo có thần thông, đã đạt được tâm tự tại, thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: “Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh”. Này các Tỷ-kheo, chậm chạp niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập, đây là lợi ích thứ hại được chờ đợi.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo...

Ví như, một người thiện xảo về tiếng tù và. Người ấy, trong khi đi giữa đường có thể nghe được tiếng tù và. Người ấy

không có nghi ngờ, không có do dự, đó là tiếng tù và hay không phải là tiếng tù và. Người ấy đi đến kết luận: “Đây là tiếng tù và”.

*Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... Vị ấy khi mạng chung bị thất niệm, được sanh cộng trú với một loại Thiên nhân. Tại đây, các vị sống an lạc không đọc các pháp cú cho vị ấy, không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên; nhưng có **một Thiên tử** thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: “Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh”. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.*

Này các Tỷ-kheo, do được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập; đây là lợi ích thứ ba được chờ đợi.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo...

Ví như, hai người bạn cùng chơi trò chơi đất bùn, hai người vào một thời nào, một chỗ nào được gặp nhau. Người bạn này có thể nói với người bạn kia: “Này bạn, bạn có nhớ cái này không? Này bạn, bạn có nhớ cái này không?”. Người ấy có thể trả lời: “Này bạn, tôi có nhớ! Này bạn, tôi có nhớ!”.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... Vị ấy khi mạng chung bị thất niệm, được sanh cộng trú với một loại Thiên nhân. Tại đây,

các vị sống an lạc không đọc các pháp cú cho vị ấy, không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên; và không có Thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Nhưng có thể **có người được hóa sanh**: “Này bạn, bạn có nhớ không? Này bạn, bạn có nhớ không, tại chỗ ấy chúng ta đã sống Phạm hạnh?”. Vị ấy trả lời: “Này bạn, tôi nhớ! Này bạn, tôi nhớ”. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập; đây là lợi ích thứ tư được chờ đợi.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập, có bốn lợi ích này được chờ đợi.

(Hết trích kinh)

2.7.2 Chiếu vé an toàn

Như vậy, nhờ ý khéo quán sát ý nghĩa các pháp, nhờ trí tuệ khéo thể nhập sự thật của các pháp trong khi nghiên cứu, nghe, học, đọc, tụng các pháp trong lời Phật dạy trong Nikāya, khi mạng chung, nếu hành giả bị thất niệm thì một trong bốn sự kiện sau đây sẽ xảy ra:

- Trường hợp thứ nhất: Sau khi bị thất niệm khi mạng chung, hành giả được sanh chung với một loại Thiên nhân. Tại đây, các vị Thiên nhân này sống an lạc và đọc lại, nhắc nhở lại những lời dạy của Đức Phật cho hành giả nghe. Chậm chạp hành giả khởi lên trí nhớ về các pháp mà mình đã học, sau đó, hành giả mau chóng đi đến thù thắng, mau chóng đi đến thành tựu các pháp mà hành giả cần phải thành tựu tiếp theo. Đó là trường hợp thứ nhất, lợi ích thứ nhất khi hành giả tu học theo dòng pháp này.
- Trường hợp thứ hai: Sau khi bị thất niệm khi mạng chung, hành giả được sanh chung với một loại Thiên nhân. Tại đây, các vị Thiên nhân này sống an lạc nhưng không đọc lại, không nhắc nhở lại những lời dạy của Đức Phật, nhưng sẽ có *“một Người tu có thần thông”*, vị này tu học theo đúng Chánh pháp, đạt được tâm tự tại, đến thuyết giảng Chánh pháp cho hội chúng chư Thiên này. *Ví như, có một người thiện xảo về tiếng trống. Người ấy trong khi đi giữa đường nghe được tiếng trống. Người ấy không có nghi ngờ, không có do dự, đó là tiếng trống hay không phải là tiếng trống, người ấy mau chóng đi đến kết luận: “Đây là tiếng trống”*. Cũng vậy, khi được nghe vị tu có thần thông này thuyết giảng Chánh pháp, hành giả tư duy, quán sát và thấy rõ: *“Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta*

đã sống, đã tu tập”. Chậm chạp hành giả khởi lên trí nhớ về các pháp mà mình đã học, sau đó, hành giả mau chóng đi đến thù thắng, mau chóng đi đến thành tựu các pháp mà hành giả cần phải thành tựu tiếp theo. Đó là trường hợp thứ hai, lợi ích thứ hai khi hành giả tu học theo dòng pháp này.

- Trường hợp thứ ba: Sau khi bị thất niệm khi mạng chung, hành giả được sanh chung với một loại Thiên nhân. Tại đây, các vị Thiên nhân này sống an lạc nhưng không đọc tụng, không nhắc nhở lại những lời dạy của Đức Phật, nhưng có *“một Thiên tử đến thuyết giảng Chánh pháp”* cho hội chúng chư Thiên ấy. *Ví như có một người thiện xảo về tiếng tù và. Người ấy, trong khi đi giữa đường nghe được tiếng tù và. Người ấy không có nghi ngờ, không có do dự, đó là tiếng tù và hay không phải là tiếng tù và. Người ấy mau chóng đi đến kết luận: “Đây là tiếng tù và”.* Cũng vậy, khi được nghe vị Thiên tử này thuyết giảng Chánh pháp, hành giả tư duy, quán sát và thấy rõ: *“Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta đã sống, đã tu tập”*. Chậm chạp hành giả khởi lên trí nhớ về các pháp mà mình đã học, sau đó, hành giả mau chóng đi đến thù thắng, mau chóng đi đến thành tựu các pháp mà hành giả cần phải thành tựu tiếp theo. Đó là trường hợp thứ ba, lợi ích thứ ba khi hành giả tu học theo dòng pháp này.

- Trường hợp thứ tư: Sau khi bị thất niệm khi mạng chung, hành giả được sanh chung với một loại Thiên nhân. Tại đây, các vị Thiên nhân này sống an lạc nhưng không đọc tụng, không nhắc nhở lại những lời dạy của Đức Phật, nhưng có *“người trước đây là bạn đạo với hành giả”*, giờ hóa sanh tại cảnh giới chư Thiên cùng nơi với hành giả, vị này nhắc hành giả nhớ lại đời sống trước, nhớ lại pháp tu trước mà hành giả đã tu tập cùng với vị ấy. *Ví như, có hai người bạn nhỏ cùng chơi trò chơi đất bùn. Sau này lớn lên, hai người này gặp lại nhau. Người bạn này có thể nói với người bạn kia: “Này bạn, bạn có nhớ cái này không? Này bạn, bạn có nhớ trò chơi này không?”. Người ấy trả lời: “Này bạn, tôi có nhớ! Này bạn, tôi có nhớ!”. Cũng vậy, khi được nghe người bạn đạo trước đây nhắc nhở và thuyết giảng Chánh pháp, hành giả tư duy, quán sát và thấy rõ: “Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta đã sống, đã tu tập”. Chậm chạp hành giả khởi lên trí nhớ về các pháp mà mình đã học, sau đó, hành giả mau chóng đi đến thù thắng, mau chóng đi đến thành tựu các pháp mà hành giả cần phải thành tựu tiếp theo. Đó là trường hợp thứ tư, lợi ích thứ tư khi hành giả tu học theo dòng pháp này.*

Tóm lại, khi hành giả tu tập và thể nhập vào dòng pháp này, đến lúc mạng chung, nếu hành giả bị thất niệm thì bốn trường hợp, bốn lợi ích sau đây sẽ đến với hành giả:

1. Hành giả được sanh tại một Thiên giới và các chư thiên ở đây sẽ nhắc nhở hành giả tu học tiếp tục.
2. Hoặc tại thiên giới ấy, hành giả được một người bậc có thần thông, tu theo Chánh pháp, đến giảng pháp, nhắc hành giả tu học tiếp tục.
3. Hoặc tại thiên giới ấy, hành giả được một Thiên tử đến giảng Chánh pháp, nhắc hành giả tu học tiếp tục.
4. Hoặc tại thiên giới ấy, hành giả được một bạn đạo ở đời trước, giờ hóa sanh cùng chỗ với hành giả, nhắc hành giả tu học tiếp tục.

Đó là bốn trường hợp, bốn lợi ích, bốn sự kiện xảy ra với hành giả khi hành giả mạng chung bị thất niệm, nhưng nhờ trước đó hành giả đã tu học theo dòng pháp này với trí tuệ khéo quán sát và khéo thể nhập ý nghĩa và sự thật của các pháp nên có được lợi ích đó.

Như vậy, khi tu học theo con đường này, khi tu học theo dòng pháp này, hành giả sẽ có được sự an toàn, sự bảo đảm, sự chắc chắn cho mình *một chiếc vé an toàn, một chỗ ngồi an toàn*, vững chắc trên chiếc Thuyền Bát Nhã với Tám sự chân chánh, vĩ đại, thần diệu và hoàn hảo mà bậc Chánh Đẳng Giác đã truyền trao để vượt biển sanh tử, vượt thoát khỏi sanh già bệnh chết, vượt thoát khỏi dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vượt thoát khỏi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, vô thường và phiền não.

Hành giả hãy hoan hỷ lên, hãy hân hoan lên, hãy vui cười lên khi hơn hai ngàn năm trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt, chúng ta còn được thấy, còn được nghe, còn được đọc, còn được học, và còn được thực hành theo những lời nói, lời dạy, lời chỉ bảo, lời phơi bày những sự thật, những điều chân chánh, hy hữu, và thần diệu từ kim khẩu của Đức Thế Tôn. Hãy hạnh phúc lên, hãy hoan hỷ lên, hãy rạng ngời niềm vui, niềm an lạc và trí tuệ khi tu học theo dòng Thánh pháp này.

2.7.3 Mười lợi ích khi học và hành theo Nikāya

1. Trực chỉ Phật ngôn.
2. Biết được thực tế đời sống và xã hội thời Đức Phật.
3. Được tiếp xúc với trí tuệ tuyệt vời của Đức Phật.
4. Pháp học, pháp hành được rộng mở, không bị gò bó.
5. Tâm nguyện tu học chân chánh có khả năng được thành tựu.
6. Biết rõ điều cần tu tập.
7. Tâm được an trú trong trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Giác.
8. Được gieo duyên với Chánh pháp, Chánh đạo.
9. Thực tu theo Nikāya sẽ thực chứng sự chấm dứt sanh tử.
10. Tuệ đã khai mở, đạo sẽ thành tựu.

❖ Giải thích mười lợi ích

1. *Trực chỉ Phật ngôn*: Trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, hành giả đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
2. *Biết được thực tế đời sống và xã hội thời Đức Phật*: Trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, hành giả biết được với những sự kiện thực tế đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế, hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh pháp của Ngài.
3. *Được tiếp xúc với trí tuệ tuyệt vời của Đức Phật*: Trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, trí tuệ của hành giả được mở rộng, hành giả được nghe biết đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật thông qua các bài thuyết giảng của Ngài, và cách đối diện, cách xử trí của Ngài trước các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.
4. *Pháp học, pháp hành được rộng mở, không bị gò bó*: Trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, hành giả thấy biết được pháp học và pháp hành đã được Đức Phật trình bày đa dạng dưới nhiều hình thức, nhiều góc độ,

nhiều khía cạnh. Hành giả học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một cá nhân, một tông phái nào.

5. *Tâm nguyện tu học chân chánh có khả năng được thành tựu*: Trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, hành giả có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh pháp, giúp hành giả không đi lệch ra ngoài con đường chân chánh đưa đến sự thoát ly khổ, thoát ly sanh tử, không làm uổng phí thời gian và công sức mà hành giả đã bỏ ra để nghiên cứu, tìm hiểu, học hỏi và thực hành theo giáo pháp của Đức Phật, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện chân chánh của người tu được thành đạt, được kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.
6. *Biết rõ điều cần tu tập*: Khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, hành giả có đầy đủ những phương tiện để thực hiện pháp học và pháp hành cho tự thân, hành giả biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt sanh tử.
7. *Tâm được an trú trong trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Giác*: Trong khi học, đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bài kinh Nikāya thì tâm của hành giả được an trú

vào trong Chánh tri kiến, trong lúc ấy tham sân si vắng mặt, tâm được an trú vào trong Chánh pháp.

8. *Được gieo duyên với Chánh pháp, Chánh đạo:* Khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, ngay trong hiện tại hành giả gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại, chứng đạt quả A-la-hán. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự chấm dứt sanh tử thì những thiện duyên này sẽ giúp cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm của hành giả luôn hướng về sự tìm cầu Chánh pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà pháp, tà nhân, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
9. *Thực tu theo Nikāya sẽ thực chứng sự chấm dứt sanh tử:* Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bài kinh Nikāya thì chánh tri kiến đi đến thành tựu, giới hạnh đi đến thành tựu, tối thiểu cũng là bậc hướng đến Dự lưu, hoặc chứng được Dự lưu quả, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục,

súc sanh, ngã quý. Nếu hành giả dần thân sâu hơn trong dòng pháp này, vượt qua cửa chánh kiến, thành tựu các pháp chánh còn lại, làm giảm thiểu dục tham và sân, hoặc diệt tận dục tham và sân, diệt tận những tàn dư lậu hoặc, tùy theo mức độ tẩy sạch những rác bẩn, cấu uế trong tâm, hành giả có thể thành tựu Nhất lai quả, Bất lai quả, hay A-la-hán quả.

10. *Tuệ đã khai mở, đạo sẽ thành tựu:* Trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, ngay giờ phút thân hoại mạng chung, nếu chẳng may do bệnh tật hay do duyên nghiệp cũ trước khi tu đã tạo, hay do tâm chưa thành tựu trong thiền định, hành giả bị thất niệm, tâm không tỉnh giác trong lúc ra đi, thì lúc đó nhờ vào các thiện duyên đã kết gieo đối với kinh Nikāya trước đây, tâm của hành giả đã nghiêng nhiều vào trong việc học hỏi và hành trì theo lời Phật dạy trong Nikāya, chánh tri kiến được đầy đủ, giới đức giới hạnh được đầy đủ, nên khi tái sanh đời sau, lúc đầu không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại đạo pháp, hành giả tiếp tục tu tập, tối đa bảy lần sanh tử là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng, giải thoát khỏi mọi khổ đau, phiền não, mệt mỏi, ràng buộc và dính mắc với Năm thủ uẩn (xem Kinh Nghe Với Tai (*Tăng* II, 172), Kinh Đế Thích Sở vấn (*Trường* II, bài 2).

Đó là những lợi ích trong việc nghiên cứu học hỏi và thực hành theo lời Phật dạy trong kinh Nikāya. Có thể còn có thêm nhiều lợi ích nữa trong việc nghiên cứu học hỏi Nikāya, nhưng trong phần này chúng tôi xin chỉ giới thiệu các lợi ích này. Mong rằng với những lợi ích được trình bày trên đây, hành giả sẽ tự biết điều mình cần phải làm trên con đường đưa đến sự chấm dứt sanh tử, phiền não và khổ đau.

2.8 Điều nên tránh, nên làm khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya

2.8.1 Điều nên tránh

- 1. Tránh sân hận khi thấy nhiều sai lệch trong đạo Phật ngày nay:** Người tu học nên tránh sự phản kháng, đả phá, công kích, sân hận, bực tức khi phát hiện tình trạng sai lệch trong đạo Phật hiện nay so với những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật. Vì sao? – Vì sự công kích, sân hận, phẫn nộ không mang đến lợi ích cho mình hay cho người, không đem lại an lạc cho mình và người, không giúp người thấy được thực pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy, và chỉ đem lại mệt mỏi, phiền não cho mình và người mà thôi. Hiểu biết và chấp trước sự hiểu biết thì đó không phải là lời dạy của Đức Phật. Chánh kiến và hành trì theo chánh kiến, mang đến lợi ích và an lạc cho mình và cho người, đi đến sự phá sạch phiền não, diệt

tận vô minh, chấm dứt luân hồi sanh tử, đó mới là điều mà Đức Phật đã chỉ dạy cho chúng ta.

2. **Tránh học pháp chỉ để khoái khẩu biện luận:** Người tu học cần tránh việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya chỉ để đem ra khoái khẩu biện luận, tranh luận, ta đây, hơn thua với đời. Cách học pháp này chỉ làm tăng trưởng bản ngã, tăng trưởng kiến chấp, tăng trưởng tánh hơn thua, làm giảm thiện pháp trong mình và tăng trưởng bất thiện pháp trong tự thân, làm những người chưa biết Chánh pháp mất cảm tình, cảm hứng, cảm xúc và lòng tin với kinh Nikāya. Cách học pháp này là vô minh, là hại mình và hại người.
3. **Tránh học pháp chỉ để giảng nói, không phải để tu:** Người tu học nên tránh việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya chỉ để đem ra giảng dạy cho người nhưng xao lãng việc tu học của tự thân. Ví như việc chăn bò người, giúp người chăn con bò của họ nhưng lại không chăm sóc con bò của mình. Ví như muỗng với vị canh, vị này không thưởng thức được hương vị thực sự của giáo pháp. Cách học pháp này là vô minh, chỉ mang lại lợi ích cho người, nhưng không đem lại lợi ích cho tự thân, Đức Phật không khuyến khích cách học pháp này.
4. **Tránh mê học pháp, xao lãng thiền định:** Người tu học nên tránh việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya nhưng suốt ngày chỉ thích miệt mài vào trong các bài

kinh, không tu tập thiền định, không làm cho tâm an tịnh, tịnh chỉ, không nhiếp phục trạng thái vọng động hữu lậu trong tâm. Cách học pháp này là không đúng pháp, Đức Phật nói đó là không sống đúng pháp.

5. Tránh học pháp nhưng không áp dụng trong thực tế cuộc sống: Người tu học nên tránh việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya nhưng suốt ngày chỉ thích nghe, thích đọc Nikāya, không đem những ý nghĩa đã nghe, đã học áp dụng quán sát xem xét tự thân, phát hiện Ngũ uẩn trong tự thân, phát hiện tham sân si, vô minh, bản ngã, điều chỉnh tự thân, nhiếp phục tự ngã. Cách học pháp này là cạn cợt, hời hợt, không thể đi sâu vào dòng pháp, không thể nhập thâm sâu ý nghĩa các pháp trong lời Phật dạy.

6. Tránh diễn dịch câu kinh quá xa so với ý nghĩa thực tế của câu kinh: Người tu học nên tránh việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya nhưng diễn dịch ý nghĩa câu kinh đi quá xa so với ý nghĩa thực tế của câu kinh. Các pháp trong kinh Nikāya có ý nghĩa luôn minh bạch, xác thực, rõ ràng. Vì vậy, học giả hay hành giả cố gắng theo sát ý nghĩa thực tế của bài kinh, đừng diễn dịch xa vời hư ảo, làm nhiều loạn pháp, góp phần làm diệt tận Chánh pháp. Cách học pháp này là mang tội phỉ báng Phật pháp, xuyên tạc Phật pháp, góp phần làm Chánh pháp sớm ngày diệt vong.

7. **Tránh học hiểu sơ sài, thực hành sơ sài:** Người tu học nên tránh việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya nhưng đọc bài kinh, đọc câu kinh một cách sơ sài rồi nắm hiểu ý nghĩa một cách sơ sài, thực hành một cách sơ sài, làm lệch lạc ý nghĩa thâm sâu lời dạy của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Cách học pháp này là vô minh, không nắm được cốt tủy lời dạy của Đức Phật, không đạt được lợi ích của người học pháp.
8. **Tránh học hiểu hời hợt rồi diễn giảng lại theo vô minh và bản ngã:** Người tu học nên tránh việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya nhưng đọc bài kinh, đọc câu kinh một cách hời hợt, không để tâm vào câu kinh, không để tâm vào pháp, rồi lại diễn giảng câu kinh theo hiểu biết trong vô minh và ngã mạn của bản thân, mang tội xuyên tạc Phật pháp. Cách học pháp này là vô minh và rất tai hại, đưa đến hại mình, hại người, làm tiêu diệt Chánh pháp, mở cửa vào ba đường ác đạo là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

2.8.2 Điều nên làm

1. **Nên cẩn trọng tìm hiểu đạo Phật:** Người tu học cần tìm hiểu cẩn trọng về nguồn gốc hình thành kinh Nikāya, cốt tủy của Nikāya, lợi ích trong việc nghiên cứu học hỏi Nikāya, tầm quan trọng và vị trí của kinh Nikāya trong Đạo Phật.

2. **Nên nắm vững cốt tủy Nikāya:** Người tu học cần nắm vững tinh thần cốt tủy của Nikāya là gì, rồi sau đó bám sát tinh thần này để xem xét ý nghĩa các bài kinh. Sau khi thấy biết rõ ý nghĩa của bài kinh thì liên hệ ý nghĩa này với thực tế cuộc sống, thực tế bản thân để thực thấy, thực biết, thực chứng các pháp này.
3. **Nên gom ý nghĩa các bài kinh về một mối:** Người tu học nên nắm vững cốt tủy của Nikāya rồi tìm hiểu các bài kinh trong đó thì sẽ không bị lan man tri kiến trong rừng kinh Nikāya, sự thấy biết các pháp được gom về một mối, trí tuệ sẽ được xác quyết một cách rõ ràng trong sáng, rạch ròi, làm sanh khởi trạch pháp giác chi.
4. **Nên đọc hiểu cẩn trọng từng câu kinh:** Người tu học nên trân trọng từng bài kinh, đọc cẩn trọng từng lời, từng chữ trong câu kinh, để tâm vào từng lời từng chữ trong câu kinh, để tâm vào pháp, quán sát kỹ ý nghĩa các câu kinh và các pháp để nắm hiểu sâu sắc ý nghĩa của câu kinh. Không đọc sơ sài, nắm hiểu sơ sài cạn cợt ý nghĩa của bài kinh.
5. **Nên bám sát các ví dụ trong bài kinh:** Người tu học nên để ý cẩn trọng, bám sát cẩn trọng những ví dụ trong bài kinh để nắm hiểu sâu sắc ý nghĩa của những điều mà Đức Phật muốn chỉ dẫn.
6. **Nên kham nhẫn cách nói lặp lại trong kinh:** Người tu học nên kham nhẫn cách nói lặp lại trong các bài kinh,

không để những cảm giác bức xúc, thúc giục, gấp gáp đọc nhanh đọc lẹ chi phối, tập kiểm chế cảm giác thúc giục này và đọc cẩn trọng bài kinh.

7. Nên quán sát lời kinh vào trong thực tế cuộc sống:

Người tu học nên áp dụng các thiện pháp đã được học, được nghe trong Nikāya vào trong đời sống của tự thân để thường thức được lợi ích khi gặp được Chánh pháp cao quý này, không uổng phí thời gian và công sức học pháp và tu tập của mình, thường thức được hương vị Pháp bảo tối thượng thần diệu này.

8. Nên học thuộc một số bài kinh căn bản rồi áp dụng

thực hành: Người tu học nên nắm vững một số bài kinh căn bản trong pháp hành, học thuộc những bài kinh này rồi vận dụng tu tập cho tự thân. Không nên học nhiều, đọc nhiều kinh nhưng tri kiến lan man, không rõ đường vào, không biết chỗ vào, không biết chỗ nào để nắm bắt để tu học theo Nikāya. (Những bài kinh căn bản cần học thuộc lòng đã được chúng tôi giới thiệu trong tập sách TÓM TẮT NGŨ UẨN, đó là những bài: Kinh Thủ Chuyển, Kinh Đàng Được Ăn, Kinh Trăng Rằm, Kinh Bảy Xứ, Kinh Niệm Xứ, Kinh Bọt Nước, Kinh Học Giới, Kinh Sa-môn, Kinh Hữu Học, Kinh Sona, Kinh Bạc Dụ Lưu, Kinh Bạc A-la-hán, Kinh Các Hạng Sa-môn).

Đó là những điều nên tránh và nên làm trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya. Có thể còn có nhiều điều nên tránh và nên làm khác nữa, nhưng trong bài viết này chúng tôi chỉ xin giới thiệu các điều ngắn gọn, đơn giản ở trên.

Vào Nikāya là vào trong rừng kinh điển lời dạy của Đức Phật, thật không dễ nắm bắt được xương tủy lời dạy của Đức Phật trong các bài kinh; lại càng không dễ xâu chuỗi ý nghĩa của các bài kinh lại với nhau. Nếu không xâu chuỗi được ý nghĩa của các bài kinh và không xâu chuỗi được các pháp hành trong Nikāya thì bước vào Nikāya chẳng khác gì hành giả bước vào khu rừng mà không tìm được lối ra, hành giả vẫn bị lạc lối trong Nikāya, hoặc bị rơi vào một “*tri kiến ngỗ cụt*” nào đó khi đọc một vài bài kinh trong Nikāya. Ngay cả khi đọc hết bộ Nikāya cũng chưa chắc là hành giả đã nắm được xương tủy của Nikāya nếu hành giả không xâu chuỗi lại được cốt tủy của ý nghĩa và pháp hành trong Nikāya. Vì vậy, đến với Nikāya là điều hoàn toàn không phải dễ. Nếu không nắm được cốt tủy của Nikāya mà bước vào Nikāya thì khó mà tìm được chân đứng trong sự tu học của tự thân, và khó đạt được lợi ích cho tự thân trong việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya.

Những điều nên tránh và nên làm trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya được chúng tôi trình bày trên đây là những kinh nghiệm được đúc kết lại sau gần mười lăm năm tiếp xúc với kinh Nikāya, trong đó có chín năm làm công việc

phân loại năm bộ Nikāya này. Chín năm ngồi đọc từng bài kinh một, đọc từng lời từng chữ trong từng bài kinh, đọc tới đọc lui một bài kinh, không những chỉ đọc một lần mà chúng tôi đã đọc nhiều lần, nghe nhiều lần năm bộ Nikāya này. Chúng tôi viết ra những lời khuyên nên tránh và nên làm này là vì lòng thương tưởng đối với đời, lòng thương tưởng đối với những hành giả đã và đang dần thân vào Nikāya nhưng không tìm được chân đứng trong Nikāya, không tìm được lối ra trong Nikāya, không nắm được cốt tủy trong pháp học và pháp hành trong Nikāya.

2.9 Nhân duyên hình thành Kinh Nikāya

Khi Thế Tôn nhập diệt, lúc ấy những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc than, thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: *“Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm”*. Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm, tỉnh giác, nhẫn nại suy tư: *“Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy?”*. Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo được xuất gia khi đã lớn tuổi trong Tăng đoàn tên là Subhadda đã nói như sau: *Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Chúng ta đã được thoát khỏi hoàn toàn vị Đại Sa-môn ấy, chúng ta đã bị phiền nhiễu quấy rầy với những lời: “Làm như thế này không hợp với các Ngươi. Làm như thế này hợp với các Ngươi”. Nay những*

gì chúng ta muốn, chúng ta làm, những gì chúng ta không muốn, chúng ta không làm.

Khi nghe những manh nha loạn động này khởi lên trong Tăng chúng, Tôn giả Đại Ca Diếp quyết định tập hợp các vị A-la-hán đương thời để trùng tuyên lại, xác quyết lại những lời dạy của Đức Phật, xác quyết đường lối tu hành mà Đức Phật đã truyền trao và những giới luật mà Đức Phật đã ban hành. Ba tháng sau khi Đức Phật nhập diệt, đại hội kết tập kinh điển đầu tiên được tiến hành.

Trong lần kết tập kinh điển này, các Ngài Mahākassapa (Đại Ca Diếp), Ānanda, Upāli, Anuruddhā (A-na-luật)... Tất cả là 500 vị, phần nhiều các vị này đã được chính Đức Phật xác chứng là đã chứng đắc Thánh quả A-la-hán. Các vị A-la-hán này đã cùng nhau hội họp lại để thu góp lại, tập hợp lại, đúc kết lại những lời dạy của Đức Phật. Các Ngài cùng nhau xác định lại những điều mà Đức Phật đã chỉ dạy. Sau khi đã cùng nhau khẳng định lại, xác quyết lại tất cả những lời dạy, những bài giảng của Đức Phật, các Ngài đã kết tập, tập hợp những bài pháp này lại để cùng nhau tụng đọc, tu học và truyền trao cho các thế hệ Tăng Ni tiếp nối. Và bộ đúc kết những bài giảng của Đức Phật được gọi là Kinh, hay là Nikāya (Nikāya là bộ sách đúc kết lại những lời dạy nguyên chất của Đức Phật).

Các vị Thánh đệ tử đã tiến hành việc sắp xếp lại các bài giảng này theo các mức độ dài ngắn của bài giảng, theo chủ đề ý nghĩa của bài giảng, theo số lượng pháp được đề cập đến trong bài giảng. Năm trăm vị A-la-hán này đã công nhận bốn bộ kinh Nikāya là tất cả những lời dạy, những bài giảng của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, hay đó chính là toàn bộ phần Kinh tạng trong giáo pháp của đạo Phật. Mục đích của việc làm này là nhằm để ngăn chặn sự thêm bớt, bịa đặt, ngụy ngôn, ngụy tạo, giả mạo, bôi nhọ, xuyên tạc, trá hình lời dạy của Đức Phật. Đây là nguyên nhân đưa đến sự hình thành bộ kinh Nikāya.

Trong lần đầu tiên kết tập kinh điển này, 500 vị A-la-hán đã công nhận sự hình thành chính thức của Tạng Kinh và Tạng Luật trong đạo Phật. Trong Tạng Kinh lúc này chính thức gồm có Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh và Tăng Chi Bộ Kinh, không có Kinh Tiểu Bộ và không có Tạng Luận.

Kinh Tiểu Bộ là những bài kinh được kết tập thêm trong lần kết tập kinh điển lần thứ hai và thứ ba. Như vậy, các bản kinh được đưa vào trong tạng kinh, thành lập bộ Tiểu Bộ Kinh đã không được năm trăm vị A-la-hán chính thống thời Đức Phật xác chứng. Nếu xét về nội dung và ý nghĩa của các bài kinh trong Tiểu Bộ Kinh thì một số bài kinh trong Tiểu bộ trùng lặp trong bốn bộ kinh trước, còn các bài kinh còn lại thì tương đối phù hợp với ý nghĩa của bốn bộ

kinh Nikāya đầu tiên. Nhưng, để đảm bảo tính nguyên chất lời Phật dạy, khi làm công trình phân loại kinh Nikāya chúng tôi đã tách phần Kinh Tiểu Bộ ra để làm phân loại riêng. Kinh Tiểu Bộ còn được kết tập thêm trong lần kết tập kinh điển lần thứ ba.

Tạng Luận được xuất hiện rải rác từ kỳ kết tập kinh điển lần thứ hai đến kỳ kết tập kinh điển lần thứ ba. Giai đoạn này là giai đoạn Tăng đoàn rơi vào tình trạng tranh luận gay gắt, lý luận nhiều kiểu, chia rẽ tả tơi, không phải là chia năm xẻ bảy mà là chia rẽ ra tới hơn hai mươi bộ phái. Sau này, một số ý kiến cho rằng: Nếu không hiểu biết về Tạng Luận thì sẽ không hiểu được Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn. Nếu nghĩ như vậy, thì chúng ta nên biết rằng, trong lần kết tập kinh điển lần thứ nhất thì khi ấy Tạng Luận chưa hình thành, mãi đến lần kết tập kinh điển lần ba thì Tạng Luận mới chính thức xuất hiện. Như vậy, các vị chứng Dự lưu, Nhất lai, Bất lai và A-la-hán trong thời Phật còn tại thế và sau khi Phật nhập diệt cho đến khi Tạng Luận xuất hiện thì sự chứng đắc Thánh quả của các vị này không chịu sự ảnh hưởng nào của các Tạng Luận sau này. Rõ ràng, sự chứng đắc này chính là do học hỏi trực tiếp từ tinh thần Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn (Tứ Thánh Đế), Phương Pháp Tám Đúng (Bát Chánh Đạo), Bốn Chỗ Cần Quán Sát (Tứ Niệm Xứ). Thế nên, trong sự tu tập này không nhất thiết phải hiểu biết về Luận tạng thì mới tu tập được.

2.10 Có gì mâu thuẫn, đáng nghi là “kinh giả sau này thêm vào” trong bộ Nikāya này không?

Thời gian xuất hiện của Tiểu Bộ Kinh là khoảng một trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt đến khoảng trên hai trăm ba mươi năm sau khi Đức Phật diệt độ, tức là Tiểu Bộ Kinh xuất hiện từ lần kết tập kinh điển lần thứ 2 và được kết tập thêm từ từ cho đến lần kết tập kinh điển lần 3, như vậy có sự thêm vào từ từ sau này. Một vài ý kiến chia sẻ với chúng tôi đã tỏ lộ sự nghi ngờ trong một vài bài kinh trong Tiểu Bộ Kinh như: kinh Hôi Thối (*Tiểu I*, 542) nói về vấn đề ăn thịt, một số bài kinh thuộc về tiền thân trong Tiểu Bộ, những bài kinh nói về trạng thái Niết-bàn trong Tiểu Bộ... Đó là một vài vấn đề bất cập trong Tiểu Bộ Kinh. Nhưng nếu xét về tinh thần chung thì Tiểu Bộ Kinh vẫn không đi ra ngoài tinh thần của Tứ Thánh Đế, Bát Chánh Đạo. Đọc lại cẩn thận, chúng tôi thấy một số bài kinh trong Tiểu Bộ đã trùng lặp với các bài kinh có trong bốn bộ kinh chính.

Nhưng để cẩn trọng trong việc tu học, trong phần này và trong tập sách này, chúng tôi xin không đề cập đến Tiểu Bộ Kinh mà chỉ xin trình bày tinh thần chung của bốn bộ Nikāya chính thống được công nhận bởi các vị Thánh tăng chân chánh thời Đức Phật còn tại thế. Như vậy, có gì mâu thuẫn và đáng nghi ngờ là kinh giả sau này thêm vào trong bốn bộ kinh chính của Nikāya không? Pháp hành thống nhất trong Nikāya là gì?

Nếu xét về tinh thần giáo pháp chủ đạo trong Nikāya thì tất cả các bài kinh có trong bốn bộ kinh Nikāya chánh thống lời Phật dạy đều hướng về sự trình bày và làm tỏ lộ tinh thần của Tứ Thánh Đế, Bát Chánh Đạo, Giới Định Tuệ và Ba Mươi Bảy Bồ-đề Phần. Nội dung của các bài kinh này không có gì mâu thuẫn nhau, chống trái nhau, đối nghịch nhau. Tất cả các bài kinh trong bốn bộ Nikāya chính này có nội dung và ý nghĩa tương đồng với nhau, tất cả đều hướng về làm sáng tỏ Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn (Bốn Thánh Đế), Bốn Chỗ Cần Quán Sát của người tu (Bốn Niệm Xứ), Bốn Việc Chân Chánh Cần Làm của người tu (Bốn Chánh Cần), Bốn Pháp Giúp Định Tâm của người tu (Bốn Như Ý Túc), Năm Nền Tảng Tu Tập của người tu (Năm Căn), Năm Sức Mạnh Cần Có của người tu (Năm Lực), Bảy Pháp Đưa Đến Giác Ngộ cho người tu (Bảy Giác Chi), Phương Pháp với Tám Sự Chân Chánh trong đời sống của người tu (Bát Chánh Đạo), Giới Định Tuệ của một người tu và Bốn Vô Lượng Tâm mà một người tu cần tu tập để hỗ trợ tâm đi đến sự nhiếp phục tham sân si đối với Ngũ uẩn.

Lại nữa, sau mười lăm năm tìm hiểu, học hỏi, tu tập, thực hành, làm việc và xem xét từng bài kinh, từng câu kinh trong Nikāya, chúng tôi nhận thấy rằng tất cả các bài kinh trong bốn bộ Nikāya đều hướng về một mục đích là chỉ rõ những hành tướng của Ngũ uẩn, chỉ rõ những sự vô thường,

mông lung, đau khổ, bấp bênh của đời sống Ngũ uẩn, và những phương pháp hành trì, phương pháp tu tập, phương pháp thực hành để đi đến sự diệt tận vô minh, chặt đứt khát ái, chấm dứt luân hồi sanh tử, phiền não và khổ đau do tâm chấp thủ Ngũ uẩn đem lại. Và tất cả những điều này không ra ngoài Tứ Thánh Đế và Bát Chánh Đạo. Vì vậy, nội dung xuyên suốt và ý nghĩa xuyên suốt trong bốn bộ Nikāya chính là sự phơi bày, sự làm sáng tỏ, sự khai thị, khai mở, mở rộng Thánh trí về Ngũ uẩn (Tứ Thánh Đế) cho cuộc đời này.

Như vậy, nếu xét trên tinh thần chung của bốn bộ Nikāya thì tất cả các bài kinh trong bốn bộ này không có gì là mâu thuẫn và đáng nghi ngờ là kinh giả sau này thêm vào. (Có ý kiến nghi ngờ về Thiên vô sắc giới trong Nikāya là do sau này thêm vào, phần này chúng tôi sẽ đề cập đến trong chương thiên sắc giới và thiên vô sắc giới trong tập sách).

3 TRUYỀN THÔNG TU TẬP TRONG NIKĀYA

3.1 Kinh Makhādeva (Trung II, bài 83)

Trong bài kinh này, Đức Phật đã tuyên bố như sau:

“Và này Ānanda, nay thế nào là truyền thống tốt đẹp được Ta thiết lập, và truyền thống ấy đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn?

- Chính là **Thánh đạo Tám ngành** này, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Nay Ānanda, đây là truyền thống tốt đẹp được Ta thiết lập và truyền thống ấy đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Này Ānanda, về vấn đề này, Ta nói như sau: “Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, hãy tiếp tục duy trì. Các Ông chớ có thành người tối hậu sau Ta”.

Này Ānanda, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào (làm cho đứt đoạn), người ấy là người tối hậu.

Vậy này Ānanda, Ta nói với Ông: “Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, các Ông hãy tiếp tục duy trì. Các Ông chớ có thành người tối hậu sau Ta”.

(Hết trích kinh)

3.2 Truyền thống tu tập tốt đẹp mà Đức Phật đã truyền trao là gì?

Thánh đạo Tám ngành hay Pháp Tám Chánh gồm có: *thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh, định tâm chân chánh*. Đây là một đường lối tu tập, một phương pháp tu tập chân chánh, chân thiện, hoàn hảo và thiện xảo mà Đức Phật đã tự mình thấy biết, tự mình giác ngộ, tự mình phát giác phát hiện ra. Ngài đã tìm thấy một đường lối tu hành chân chánh hoàn hảo để giúp chúng sanh đi đến sự diệt tận khổ, chấm dứt sanh tử.

Trước đó và trong thời điểm Đức Phật thành đạo, tại Ấn Độ chưa có một ai khai mở, khai thị, hiển lộ một đạo lộ tu tập hoàn hảo và thiện lành đến như vậy. Chỉ cho đến khi Đức Phật với trí tuệ tròn đầy, với đôi mắt tâm sáng tỏ, Ngài đã nhìn thấy rõ Tám Chánh là một đạo lộ tu tập chân chánh, tuần tự và hoàn hảo đưa đến sự chấm dứt sanh tử, phiền não và khổ đau cho các chúng sanh. Ngài đã tu tập theo đạo lộ này, theo pháp hành này và Ngài đã đạt được sự chấm dứt khổ, chấm dứt sanh tử. Sau đó, Ngài đã trình bày, đã giới thiệu, đã xác lập cho chúng sanh đạo lộ đưa đến thoát khổ này. Vì vậy, Đức Phật nói rằng: Thánh Đạo Tám Ngành là truyền thống tu tập tốt đẹp mà Ngài đã thiết lập

cho cuộc đời này, tức là truyền thống tu tập với Tám sự chân chánh.

Tóm lại, Đức Phật đã thiết lập một truyền thống tu tập tốt đẹp, một đường lối tu hành chân chánh, hoàn hảo, thiện lành, đúng pháp mà bất cứ một người tu chân chánh nào muốn tu tập nhiếp phục những cấu uế trong thân tâm này cũng cần phải tu tập, cần phải dần thân, cần phải thực hành, cần phải thể nhập. Và truyền thống tốt đẹp đó chính là sự tu tập với Tám Điều Chân Chánh.

Sự tu tập Tám Điều Chân Chánh, cũng được gọi là Pháp Tám Chánh hay **Pháp Tám Đúng** với “Thấy đúng, Nghĩ đúng, Nói đúng, Làm đúng, Sống đúng, Siêng đúng, Quán đúng và Định đúng”.

Pháp Tám Đúng này, hay Pháp Tám Chánh này là pháp hành truyền thống tốt đẹp mà Đức Phật đã thiết lập và hướng dẫn cho chúng sanh. Ngài còn căn dặn những hàng hậu học trong đạo trí tuệ và giải thoát này phải nỗ lực học hỏi, thể nhập và truyền trao Thánh pháp này, chớ để cho Thánh pháp này bị diệt vong.

Đoạn kinh trên đã xác định, đã làm sáng tỏ pháp hành truyền thống, Chánh pháp truyền thống trong đạo Phật chính là Bát Chánh Đạo, hay Phương Pháp Tám Đúng.

3.3 Người tu chân chánh nào cũng phải có Tám Sự Chân Chánh này

Thánh đạo Tám ngành, hay Phương Pháp Tám Đúng, là một phương pháp tu tập với Tám Sự Chân Chánh mà Đức Phật Thích Ca đã thiết lập để cho những ai muốn có một đời sống chân chánh, muốn có một sự tu hành chân chánh, muốn có một pháp hành chân chánh đúng pháp đưa đến sự thành tựu một thân tâm cao thượng, trong sạch, thanh tịnh, không cấu uế, những vị này có thể nghiên cứu học hỏi và áp dụng thực hành để đạt được mục đích cao thượng, tốt đẹp này.

Tám Đúng hay Tám Điều Chân Chánh là những điều mà bất cứ một người tu chân chánh nào cũng cần phải biết, cần phải tu tập, cần phải dần thân, cần phải thực hành trong đời sống của mình. Một sự tu hành mà có tu tập, có thực hành Tám điều chân chánh này thì đó chính là một sự tu hành chân chánh, một người tu chân chánh. Một sự tu nhưng không có tu tập, không có thực hành Tám Pháp Chân Chánh thì không được gọi là một sự tu hành chân chánh, không được xem là một người tu chân chánh.

Vì vậy, người tu cần phải biết rõ những điều mà mình cần phải có, cần phải tu tập, cần phải thực hành để trở thành một con người chân chánh thiện lành trong cuộc sống, trong xã hội và trong đạo pháp. Có Tám điều chân chánh, có Tám Pháp chân chánh mà một người tu cần phải biết và

cần phải tu tập thực hành để trở thành một người tu chân chánh.

Thế nào là Tám điều chân chánh mà một người tu cần phải biết, cần phải tu tập thực hành thì mới được gọi là một người tu chân chánh?

- Người tu chân chánh nào cũng cần có sự thấy biết đúng, thấy biết rõ ràng, thấy biết chân chánh về thân tâm, về thế giới. Vị này cần thấy biết rõ những sắc, thọ, tưởng, hành, thức đang hoạt động thế nào trong thân tâm, chúng đang áp bức, khống chế thân tâm như thế nào. Vị này cần thấy biết rõ những căn bã, những rác bần, những cấu uế lậu hoặc đang có mặt trong Ngũ uẩn trong tự thân. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có *Chánh Tri Kiến*.
- Người tu chân chánh nào cũng cần phải từ bỏ những suy nghĩ về dục, ái, tham, sân, si, bản ngã và cần nuôi dưỡng những suy nghĩ về ly dục, ly sân, ly ngu si. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có *Chánh Tư Duy*.
- Người tu chân chánh nào cũng cần phải từ bỏ những cách nói bất thiện, những lời nói bất chánh như: từ bỏ nói dối, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời nhảm nhí và cần thành tựu những lời nói

hiền thiện, thiện lành, ái ngữ. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có *Chánh Ngữ*.

- Người tu chân chánh nào cũng cần phải từ bỏ những hành động bất thiện, bất chánh, bất nhân như: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, dâm dục và cần thành tựu những hành động hiền thiện cao đẹp. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có *Chánh Nghiệp*.
- Người tu chân chánh nào cũng cần phải từ bỏ những hình thức nuôi mạng bất chánh, bất thiện, không đúng pháp, và cần thành tựu sự nuôi mạng sống một cách chân chánh, đúng pháp. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có *Chánh Mạng*.
- Người tu chân chánh nào cũng cần phải từ bỏ những siêng năng sai lầm, không đúng pháp; từ bỏ những sự nỗ lực tinh cần nhưng không có khả năng đưa đến đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh, diệt tận khát ái. Vị này cần phải có những nỗ lực tinh tấn đối với những việc chân chánh cần phải làm của một người tu như: tinh cần chế ngự các căn, tinh cần đoạn tận những tà tâm ý, tinh cần tu tập bảy pháp đưa đến giác ngộ, tinh cần hộ trì những thiện pháp đã thành tựu. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có *Chánh Tinh Tấn*.

- Người tu chân chánh nào cũng cần phải từ bỏ những tà niệm, từ bỏ những tâm niệm, những quán niệm sai lầm và cần tu tập thành tựu những tâm niệm, những quán niệm chân chánh, đúng pháp, có khả năng đưa đến đâm thủng vô minh, thành tựu trí tuệ về tự thân, thấy biết rõ những cấu uế trong thân tâm và nhiếp phục được những cấu uế này. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có sự tu tập và thành tựu *Chánh Niệm*.
- Người tu chân chánh nào cũng cần phải từ bỏ những cách định tâm sai, từ bỏ những lỗi thiền định không đúng pháp, không có khả năng đưa đến diệt tận tham sân si, và cần tu tập thành tựu cách thiền định chân chánh đúng pháp mà Đức Phật chỉ dạy, có khả năng đưa đến lậu tận, đưa đến diệt tận tất cả mọi tham ái, chấp thủ, vô minh, lậu hoặc trong nội tâm. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có sự tu tập và thành tựu *Chánh Định*.

Như vậy, bất cứ một người tu chân chánh nào cũng cần phải có sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh. Tức là, một người tu nào cũng cần phải có chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh

định. Tóm lại, sự tu hành nào cũng cần phải có sự thấy biết, có sự tu tập và thực hành Tám Pháp Chân Chánh này thì đó mới gọi là một sự tu chân chánh, một người tu chân chánh.

Nếu tu mà không có thấy biết, không có tu tập Tám Pháp Chân Chánh này thì đó không phải là một sự tu tập chân chánh, không phải là một pháp hành chân chánh, không phải là một đường lối tu chân chánh đúng pháp mà Đức Phật đã thiết lập, đã truyền trao.

3.4 Tu mà không có Tám Sự Chân Chánh này thì tu cái gì?

- Tu mà không có sự thấy biết chân chánh, không có sự thấy biết rõ ràng về những gì đang vận hành, đang hoạt động, đang thúc giục, đang chi phối thân tâm này và cuộc sống này... Tu nhưng không thấy biết rõ thân tâm và cuộc sống, tu như vậy thì tu cái gì?
- Tu mà không từ bỏ những suy nghĩ hướng về dục, ái, tham, sân, si và không tu tập những suy nghĩ về ly dục, ly ái, ly tham, ly sân, ly si... Tu nhưng không từ bỏ những suy nghĩ bất chánh, bất thiện như vậy và không tu tập những suy nghĩ chân chánh thiện lành, tu như vậy thì tu cái gì?
- Tu mà không từ bỏ những lời nói bất thiện, không từ bỏ những cách nói bất thiện như: nói dối, nói hai lưỡi, nói

lời độc ác, nói lời nhảm nhí, linh tinh, nói trên đầu trên cổ người, nói lời hơn thua, nói móc người, nói la hét, nói chửi bới... Tu nhưng không từ bỏ những lỗi nói bất chánh, bất thiện, tu như vậy thì tu cái gì?

- Tu mà không từ bỏ những hành động bất chánh, không từ bỏ những hành động sát hại chúng sanh, không từ bỏ lấy của không cho, đối với cư sĩ thì không từ bỏ tà dâm, đối với tu sĩ thì không từ bỏ dâm dục... Tu nhưng không từ bỏ những thân hành bất chánh, bất thiện, tu như vậy thì tu cái gì?
- Tu nhưng nuôi mạng không chân chánh, cách kiếm sống không chân chánh, không từ bỏ những cách nuôi mạng bất chánh, bất thiện... Tu mà nuôi mạng sống của mình một cách bất chánh, tu như vậy thì tu cái gì?
- Tu mà không nỗ lực tinh cần chế ngự các căn, không nỗ lực tinh cần đoạn tận những tà tâm ý, không nỗ lực tinh cần tu tập bảy pháp đưa đến giác ngộ, không nỗ lực tinh cần gìn giữ những thiện pháp đã hình thành... Tu mà không siêng năng, không nỗ lực tu tập bốn sự tinh cần này, tu như vậy thì tu cái gì?
- Tu mà đề tâm không đúng chỗ, an trú tâm không đúng pháp, không khéo an trú tâm, không khéo quán sát thân, không khéo quán sát những cảm giác trong thân tâm, không khéo quán sát những hành tướng của nội tâm, không khéo quán sát những gì đang có mặt trong thân

tâm để phát giác, phát hiện những tham, sân, si, dục, ái, bản ngã đang sanh khởi, hoạt động và chi phối thân tâm... Tu mà không khéo quán sát thân tâm để thành tựu trí tuệ về thân tâm, không nhiếp phục những pháp bất thiện trong thân tâm, tu như vậy thì tu cái gì?

- Tu mà tâm định không đúng cách, cách định tâm không đưa đến trí tuệ, không thấy biết rõ hành tướng của vọng tưởng, hôn trầm, vô minh, lậu hoặc, không khéo nhiếp phục những dao động này trong tâm, không khéo diệt tận những cấu uế trong tâm... Tu mà định tâm không đúng cách, định tâm sai, cách định tâm không đưa đến diệt tận được những lậu hoặc trong nội tâm, tu như vậy thì tu cái gì?

Tóm lại, tu nhưng không có sự thấy biết đúng, suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ và định đúng cách, tu như vậy thì tu cái gì?

Như vậy, tu chính là tu tập Tám Điều Chân Chánh để hướng dẫn thân khẩu ý đi vào một đời sống chân chánh thiện lành, tốt đẹp, cao thượng, trong sạch, thanh cao, diệt tận được tham sân si, bản ngã, lậu hoặc, vô minh, khát ái. Tu là dẫn thân tu tập Tám Pháp Chân Chánh, thanh cao mà Đức Phật đã tu tập, đã thực hành, đã thành tựu và đã truyền trao. Nhờ sự tu tập thành tựu Tám Pháp Chân Chánh này mà Đức Phật đã thành tựu mục đích xuất gia của Ngài và

Ngài đã chứng đạt Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu tu mà không tu tập Tám Pháp Chân Chánh như vậy thì tu cái gì? Và một sự tu hành không có những điều chân chánh như vậy có mang đến lợi ích tốt đẹp, chân chánh gì cho người tu hay không? Đây là chỗ mà người con Phật ngày nay cần nên suy ngẫm, suy tư, cân nhắc.

3.5 Tám Chánh làm thỏa mãn những ước nguyện chân chánh

Phương Pháp Tám Đúng hay Bát Chánh Đạo là sự tu tập Tám Điều Chân Chánh hay tu tập Tám cái đúng trong đời sống của một người tu, đó là *“thấy biết đúng, suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ và định đúng cách”*. Tu tập một đời sống với Tám cái đúng này hành giả sẽ có thể thành tựu được những ước nguyện chân chánh của một người con Phật chân chánh.

Thế nào là những ước nguyện chân chánh của một người con Phật chân chánh?

Người con Phật chân chánh là người đến với đạo Phật với những ước nguyện và những mong cầu chân chánh như sau:

- Mong rằng con sẽ tìm được trong đạo Phật một đạo lộ chân chánh, một con đường chân chánh, một pháp

hành chân chánh để diệt tận khổ, để chấm dứt khổ, chấm dứt phiền não và nước mắt.

- Mong rằng con sẽ tìm thấy được trong đạo Phật một pháp tu chân chánh để thấy biết rõ tất cả những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trong tự thân và nhiếp phục được chúng, chế ngự được chúng và diệt tận được chúng.
- Mong rằng con sẽ tìm được trong đạo Phật một con đường chân chánh để hoàn thiện thân tâm, để trong sạch thân tâm, để thanh tịnh thân tâm.
- Mong rằng con sẽ tìm thấy được trong đạo Phật một lối tu chân chánh đưa đến thoát khỏi luân hồi, thoát khỏi biển trầm luân sanh tử, thoát địa ngục, thoát súc sanh, thoát ngạ quỷ, thoát những kiếp người tạm bợ, mong manh, bất an, rỗng không, vô nghĩa.
- Mong rằng con sẽ tìm thấy được trong đạo Phật một đường lối tu chân chánh, trong sạch, thiện lành, đúng pháp và con có thể sống một đời sống chân chánh, thiện lành, không làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ cả hai, an lạc, tự tại, giải thoát giữa cuộc đời đầy triền phược, rối ren này.
- Mong rằng con sống giữa cuộc đời này với tâm không tham, không sân, không si, không bị dục quấy rối, không bị ái trói buộc, không bị sân hành hạ, không bị vô minh chi phối, không bị bản ngã làm

mờ tối tâm tư, không phiền não, không dao động, không dính mắc, không giận hờn, không buồn vui, thương ghét, không được mất, có không trước những thứ vô thường, vô nghĩa và vô ngã trên cuộc đời.

Đó là những ước nguyện chân chánh của một người tu chân chánh. Đó cũng là những ước nguyện chân chánh của một người con Phật chân chánh. Và với những ai có những ước nguyện chân chánh như vậy khi đến với đạo Phật thì Thánh Pháp Tám Chánh thần diệu sẽ làm cho những ước nguyện chân chánh này đi đến sự thành tựu trọn vẹn, thành tựu mỹ mãn.

Pháp Tám Chánh là thần dược để điều trị những căn bệnh sanh tử, bệnh tật, chết chóc cho chúng sanh.

Pháp Tám Chánh là thần dược để giải tỏa tất cả những ưu buồn, phiền não trên cuộc đời này.

Pháp Tám Chánh là chiếc thuyền bát nhã đưa chúng sanh từ bến bờ của khổ đau đi đến bến bờ của an lạc, bình an, giải thoát chúng sanh khỏi cuộc đời mệt mỏi, trống rỗng này.

Tóm lại, Pháp Tám Chánh là một pháp tu chân chánh tối thượng, có thể làm thỏa mãn tất cả những ước muốn chân chánh của một người tu chân chánh.

3.6 Tiến trình sanh khởi Tám Chánh

Sau khi “nghe tiếng nói của người khác và như lý tác ý” được thành tựu, hành giả thành tựu *Chánh Tri Kiến*.

Với người có sự thấy biết chân chánh, thấy biết đúng sự thật về thân tâm, về cuộc sống được thành tựu, thì những dòng suy nghĩ chân chánh trong người này sẽ bắt đầu sanh khởi và đi đến thành tựu, đó là *Chánh Tư Duy* sanh khởi.

Với người có những dòng suy nghĩ chân chánh, đúng pháp được thành tựu thì người này dần kiểm soát được lời nói của mình. Mỗi lần lỡ thốt ra những lời nói bất chánh, không hiền thiện, không đúng pháp, hành giả cảm thấy tâm quý, cảm thấy xấu hổ, mắc cỡ và không muốn tiếp tục nói những lời không đẹp, không đúng pháp. Hành giả dần từ bỏ những lời nói bất chánh, không hiền thiện và tu tập nói những lời chân chánh, hiền thiện, đúng pháp. Như vậy, khẩu hành, cách nói chuyện chân chánh, đúng pháp ở người này sẽ sanh khởi và đi đến thành tựu, đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Ngữ*.

Với người có khẩu hành chân chánh, đúng pháp được thành tựu, vị này sẽ khởi lên mong muốn thân hành của mình cũng được trong sạch, hiền thiện, đúng pháp như khẩu hành, nên những thân hành, những hành động bất thiện, không chân chánh, không đúng pháp sẽ được người này nhiếp phục, từ bỏ, lánh xa. Người này hướng đến thực

hành những điều chân chánh, làm những việc hiền thiện, chân chánh, đúng pháp, thích ứng với một người có một sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh và lời nói chân chánh. Như vậy, thân hành chân chánh của người này được sanh khởi và đi đến thành tựu. Đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Nghiệp*.

Với người có thân hành chân chánh, đúng pháp được thành tựu thì việc kiếm miếng ăn để nuôi thân mạng của người này sẽ được chuyển hướng đi vào quỹ đạo của việc kiếm sống một cách chân chánh, đúng pháp. Người này không muốn nuôi mạng sống của mình bằng những lời nói, những hành động bất chánh, không hiền thiện, không đúng pháp. Người này từ bỏ việc kiếm sống một cách bất chánh, bất minh, an trú sự mưu sinh trong đời sống giới đức, giới hạnh mà Đức Phật đã chỉ dạy. Đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Mạng*.

Với người có sự nuôi thân mạng một cách chân chánh đúng pháp được thành tựu thì những nỗ lực, tích cực, tinh cần, siêng năng, tinh tấn của người này sẽ đi đến sự chân chánh đúng pháp. Với sự chiếu soi của chánh tri kiến, với pháp Bốn Chánh Cần và Bốn Tinh Cần mà Đức Phật đã chỉ dạy, người này khéo kiểm soát, khéo chế ngự thân tâm (chế ngự căn), khéo nhiếp phục những tâm ý có dục, ái, tham, sân, si (đoạn tận tà tư duy), khéo tu tập chánh niệm tỉnh giác (tu tập Bảy Giác Chi), khéo duy trì, khéo hộ trì những pháp

hiền thiện đã sanh khởi trong nội tâm (hộ trì các thiện pháp đã sanh khởi như hộ trì các tướng xác chết, tướng bộ xương, tướng thân trương phình, tướng thân bị đòi ăn...). Như vậy, với người có sự nuôi mạng chân chánh thì những nỗ lực chân chánh, những siêng năng tinh cần chân chánh sẽ sanh khởi và thành tựu. Đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Tinh Tấn*.

Với người có những nỗ lực chân chánh, đúng pháp được thành tựu thì tâm vị này dần an trú nhiều trên thân, vị này nhớ biết thân tâm nhiều hơn; sự thất niệm, hướng ngoại được giảm dần; vị này thường quay về an trú tâm trên thân, thường quán sát những sự thật đang có mặt trong thân, thọ, tâm và các pháp theo lời dạy của Đức Phật trong Kinh Niệm Xứ (*Trung I*, bài 10). Khi vị này quay về quán sát thân, thọ, tâm, pháp theo lời Kinh Niệm Xứ thì trí tuệ về thân, thọ, tâm, pháp trong vị này dần đi đến thành tựu. Vị này thành tựu trí tuệ về thân, thành tựu trí tuệ về các cảm thọ đang có mặt trong thân tâm, thành tựu trí tuệ về các hành tướng của tâm, thành tựu trí tuệ về các pháp cần phải nhiếp phục hay cần phải cho tăng trưởng, phát triển trong thân tâm. Như vậy, trí tuệ của hành giả tăng trưởng, phát triển và thành tựu khi hành giả có tâm được an trú trên thân.

Như vậy, khi Chánh Tinh Tấn được thành tựu, khi những siêng năng, những nỗ lực tinh cần chân chánh của một người tu được thành tựu thì tâm được kiểm soát nhiều hơn,

tâm được quán sát nhiều hơn, tâm được thấy biết nhiều hơn, tâm không còn lang thang, lơ mơ, mơ mộng, buông lung, phóng dật, chìm nổi, hướng ngoại như trước, mà tâm được đưa về an trú trên thân, tâm bắt đầu định trên thân, tâm bắt đầu nhớ biết thân, quán sát thân ngày một nhiều hơn và tâm dần đi đến sự định tâm trên thân một cách hoàn toàn, tất cả những gì đang có mặt trong thân tâm, đang sanh diệt trong thân, thọ, tâm, pháp được hành giả thấy biết trọn vẹn, thấy biết hoàn toàn. Và với những pháp bất thiện được thấy biết, được phát hiện trong thân, thọ, tâm, pháp, hành giả vận dụng như lý tác ý, vận dụng chánh tri kiến, vận dụng chánh tinh tấn để nhiếp phục, để chế ngự, để diệt tận chúng. Như vậy, sự nhớ biết chân chánh, sự quán niệm chân chánh trong hành giả được sanh khởi và đi đến thành tựu. Đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Niệm*.

Với người có tâm niệm được an trú đúng chỗ, có tâm được an trú trên thân, có chánh niệm tỉnh giác chân chánh được thành tựu thì những lậu hoặc cấu uế trong tâm được thấy biết, được phát giác phát hiện và được nhiếp phục. Những pháp ác, pháp bất thiện trong vị này được đào thải, những pháp hiền thiện, chân chánh trong vị này được tu tập và đi đến thành tựu, tâm của vị này dần đi đến sự lắng dịu, dễ chịu. Vị này an trú tâm trong sự hoan hỷ với những pháp bất thiện được từ bỏ và những pháp thiện lành được thành tựu để tu tập và thể nhập Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền,

Tứ thiền. Vị này tuần tự tu tập và thể nhập vào các tầng thiền định, thể nhập các trạng thái nhất tâm theo Thánh Chánh Định mà Đức Phật đã tu tập, đã thành tựu và đã chỉ dạy. Như vậy, khi tâm niệm chân chánh được thành tựu thì sự định tâm chân chánh sanh khởi và đi đến thành tựu. Đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Định*.

Với người có tâm an tịnh, định tĩnh một cách chân chánh đúng pháp thì người này sẽ có sự thấy biết chân chánh, chính xác tình trạng thân tâm của mình. Khi tâm còn có chút tàn dư cấu uế, lậu hoặc, vô minh nào thì vị này rõ biết tâm mình vẫn còn chút tàn dư cấu uế lậu hoặc, vô minh. Khi tâm không còn bất cứ một sự dao động, dính mắc, trói buộc nào đối trước nội trần và ngoại trần, không còn bất cứ một tàn dư nào của vô minh, lậu hoặc, người này thấy biết rõ điều đó. Trí tuệ chân chánh chính xác về tự thân được trong sáng và xác thực với thực tế của thân tâm. Như vậy, khi tâm có sự định tĩnh chân chánh, trong sáng, đúng pháp thì trí tuệ chân chánh, trong sáng, chính xác về tự thân được sanh khởi và thành tựu. Đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Trí*.

Với người có trí tuệ chân chánh, chính xác về thực tế thân tâm đã thực sự không còn dao động, không còn uế nhiễm lậu hoặc thì sự chân chánh giải thoát khỏi sanh tử, giải thoát khỏi phiền não, khổ đau trong người này sẽ đi đến thành tựu viên mãn. Người này không còn bị vô minh, lậu

hoặc lén lút dần đi trong sanh tử. Người này không bị rơi vào trường hợp “vô minh còn, lậu hoặc còn mà tưởng là đã hết vô minh, tưởng là đã hết lậu hoặc, rồi tuyên bố là việc đã làm xong, tuyên bố là đã đến đích, tuyên bố là đã giải thoát, nhưng khi thân hoại mạng chung thì vẫn tiếp tục đi trong sanh tử mà tâm không hay, không biết”. Người này không bị rơi vào hoang tưởng, không bị rơi vào lầm tưởng rằng mình đã giải thoát trong khi tâm vẫn còn vô minh và lậu hoặc. Như vậy, khi trí tuệ chân chánh, chính xác về tự thân đã hết sạch lậu hoặc được thành tựu thì sự giải thoát chân chánh thật sự mới diễn ra. Đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Giải Thoát*.

Tóm lại,

- Với người có *chánh tri kiến*, thì *chánh tư duy* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có *chánh tư duy*, thì *chánh ngữ* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có *chánh ngữ*, thì *chánh nghiệp* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có *chánh nghiệp*, thì *chánh mạng* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có *chánh mạng*, thì *chánh tinh tấn* được sanh khởi và đi đến thành tựu.

- Với người có chánh tinh tấn, thì *chánh niệm* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có chánh niệm, thì *chánh định* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có chánh định, thì *chánh trí* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có chánh trí, thì *chánh giải thoát* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có chánh giải thoát, có sự giải thoát chân chánh khỏi các cấu uế, lậu hoặc trong nội tâm thì sanh tử được chấm dứt, phiền não được chấm dứt, dục, ái, bản ngã, tham, sân được chấm dứt, được diệt tận một cách hoàn toàn trong nội tâm.

Đó là tiến trình sanh khởi và thành tựu Tám Pháp Chân Chánh của bậc hữu học và Mười Pháp Chân Chánh của bậc vô học.

3.7 Tầm quan trọng của Pháp Tám Chánh

Sự tu hành với một đường lối tu tập chân chánh, tốt đẹp và hoàn thiện với Tám Sự Chân Chánh như vậy chỉ có thể có dưới sự dẫn dắt, dưới sự hướng dẫn của một bậc đã khai mở được tuệ nhãn, đã thành tựu Chánh Đẳng Chánh Giác. Chỉ có bậc Chánh Đẳng Chánh Giác mới có thể hướng dẫn một đường lối tu tập hoàn thiện như vậy, một đạo lộ tu tập

hoàn hảo cao đẹp đến vậy. Điều này đã được nêu rõ trong các kinh như: Kinh Các Pháp Thanh Tịnh (*Tăng IV*, 564), Kinh Pháp Chư Khởi (*Tăng IV*, 564), Kinh Sanh Khởi 1 (*Tương V*, 28), Kinh Sanh Khởi 2 (*Tương V*, 29).

- Vì Pháp Tám Đúng đưa người thực hành đi đến một đời sống tối thượng cao đẹp, tối thượng hiền thiện, tối thượng chân chánh trong xã hội, trong đạo đức làm người và đạo đức của bậc Thánh nhân, nên Pháp Tám Đúng có vi trí tối thượng trong cuộc sống, có tầm quan trọng tối thượng trong đạo Phật.
- Vì Pháp Tám Đúng đưa người thực hành đi đến sự thoát khỏi tất cả những phiền não khổ đau trong cuộc sống nên Pháp Tám Đúng có lợi ích tối thượng trong cuộc sống.

Như vậy, Pháp hành Tám Đúng là châu báu của đạo Phật, là châu báu của thế giới, là tài sản vô giá của thế giới, là tinh hoa trí tuệ vô giá của thế giới, là ánh sáng trí tuệ tối thượng của cuộc sống. Thế giới nhờ có ánh sáng trí tuệ thần diệu này mà các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh, các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già, các chúng sanh bị bệnh được giải thoát khỏi bệnh, các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết, các chúng sanh bị ô nhiễm được giải thoát khỏi ô nhiễm, các chúng sanh bị sầu bi khổ ưu não được giải thoát khỏi sầu bi khổ

ưu não. Do đó, giá trị của Pháp Tám Đúng là vô giá, là vô thượng, là tối thượng cao đẹp trên cuộc đời này.

Khi Pháp Tám Đúng còn được tu tập, còn được thành tựu, còn được trao truyền thì đạo Phật còn, Chánh pháp còn, lời dạy nguyên gốc của Đức Phật còn, còn có người tu hành chân chánh và còn có người đạt được sự giải thoát chân chánh khỏi sanh tử.

Khi Pháp Tám Đúng không còn được tu tập, không có người thành tựu, không có người truyền trao thì khi đó là đạo Phật bị mất gốc, Chánh pháp bị diệt tận, những lời dạy nguyên chất của Đức Phật bị thất truyền, không có người tu hành chân chánh và không có người chân chánh đạt được sự chấm dứt sanh tử và khổ đau. Khi đó, sự tu đạo của chúng sanh rơi vào trong tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Tức là khi đó, chúng sanh tu tập trong sự thấy biết sai lầm, suy nghĩ sai lầm, lời nói sai lầm, hành động sai lầm, nuôi mạng sai lầm, siêng năng sai việc, quán niệm sai chỗ và định tâm sai cách. Với một sự thấy biết sai lầm và một đường lối tu tập sai lầm như vậy, chúng sanh sẽ không thể đạt đến chánh trí và chánh giải thoát, tức là chúng sanh sẽ không thể thành tựu trí tuệ chân chánh về tự thân và không thể thành tựu sự giải thoát chân chánh. Chúng sanh sẽ đi đến thành tựu tà trí và tà giải thoát.

Tà trí là trí tuệ sai lầm về tự thân. Tâm còn vô minh, còn lậu hoặc mà lại tưởng rằng tâm mình đã hết vô minh, hết lậu hoặc. Đó gọi là *Tà trí*.

Tà giải thoát là sự giải thoát không chân chánh, không thật sự giải thoát. Cho rằng mình đã giải thoát khỏi sanh tử, mình đã hết sạch những cấu uế trong nội tâm, nhưng trên thực tế thì vị này vẫn chưa được giải thoát khỏi sanh tử, chưa hết sạch những cấu uế lậu hoặc trong tâm. Đó gọi là *Tà giải thoát*.

Như vậy, khi phương pháp tu tập với Tám sự chân chánh đưa đến sự thoát khỏi phiền não và khổ đau mà Đức Phật đã truyền trao bị thất truyền, bị biến mất, thì thế giới chìm vào trong bóng tối, rơi vào trong màn đêm của vô minh, chúng sanh tu tập trong sự quờ quạng, tăm tối, không có lối thoát khỏi sanh tử, không có lối thoát khỏi khổ đau.

Vì vậy, Đức Phật đã nói: *Này Ānanda, Ta nói với Ông: “Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, các Ông hãy tiếp tục duy trì. Các Ông chớ có thành người tối hậu sau Ta”*. Như vậy, điều mà người con Phật chân chánh cần ghi khắc trong tim, đó là: Pháp hành chân chánh, pháp hành truyền thống mà Đức Phật đã truyền trao lại cho chúng sanh đó chính là Phương Pháp Tám Đúng, là đường lối tu hành với Tám Sự Chân Chánh. Bốn phận của người con Phật là phải tiếp nối, phải duy trì, phải thực hành và phải

trao truyền lại đường lối tu hành chân chánh này cho người đời sau. Chớ làm người tối hậu sau Đức Phật. Chớ làm cho dòng pháp hiền thiện, chân chánh này bị đứt đoạn ở đời sau. Đây là bốn phận, là trách nhiệm của những người con Phật chân chánh. Người con Phật ngày nay cần ghi khắc kỹ trong tâm bốn phận và trách nhiệm này.

3.8 Không tu tập Tám Chánh, không thể chứng Thánh quả

3.8.1 Kinh Đại Bát Niết-Bàn (Trường I, bài 16) (Phần IV)

(Trích đoạn)

26. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đến chỗ Thế Tôn, nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là những vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pàrana Kassapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesakambali, Pakadha Kaccàyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigaṇṭha Nàthaputta, tất cả những vị này có phải là giác ngộ như các vị đã tư cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác

ngô?

- *Thôi Subhadda, hãy để vấn đề này yên một bên: “Tất cả những vị này có phải là đã giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ”. Nay Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho Ngươi. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.*

- *Thưa vâng, bạch Thế Tôn!*

Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

27. - *Này Subhadda,*

- *Trong pháp luật nào không có Bát Thánh Đạo, thời ở đây không có (đệ nhất) Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn.*
- *Trong pháp luật nào có Bát Thánh Đạo thời ở đây có (đệ nhất) Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn.*
- *Chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn.*

- *Này Subhadda, nếu những vị Tỷ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán.*

*Này Subhadda, năm hai mươi chín,
Ta xuất gia hướng tìm chân thiện đạo.
Trải năm mươi năm với thêm một năm
Từ khi xuất gia, này Subhadda,
Ta là du sĩ tu **Trí**, tu **Đức**.*

- *Ngoài lĩnh vực này, không có Sa-môn (đệ nhất), cũng không có Sa-môn đệ nhị, cũng không có Sa-môn đệ tam, cũng không có Sa-môn đệ tứ. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những Tỷ-kheo sống chơn chánh, thì đời này không vắng những vị A-la-hán.*

28. *Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:*

- Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong con được xuất gia với Thế Tôn. Con

xin thọ đại giới.

(Hết trích kinh)

3.8.2 Thánh chuông đánh thức tâm mê

Như vậy, với đoạn kinh trên, Đức Phật đã xác quyết rõ năm điều sau đây:

- Nơi nào không có tu tập, không có thực hành Tám Pháp Chân Chánh, tức là không có tu tập sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và thiền định chân chánh, thì nơi đó không có người chân chánh thể nhập các Thánh quả từ Dự lưu đến A-la-hán quả.
- Nơi nào có tu tập, có thực hành Tám Pháp Chân Chánh thì nơi đó có người chân chánh thể nhập các Thánh quả từ Dự lưu đến A-la-hán quả.
- Ngay trong đạo Phật, những nơi có tu tập, có thực hành Tám Pháp Chân Chánh thì nơi đó có những vị chứng Bốn Thánh quả. Còn những hệ thống ngoại đạo khác đều không có người chứng các Thánh quả.
- Nếu những vị đệ tử chân chánh của Đức Phật sống tu tập Tám Pháp Chân Chánh này thì đời này sẽ không vắng những vị A-la-hán, những vị với tâm thuần thiện, thuần lương, hết sạch tham sân si, hết sạch tất cả những

cầu uế, lậu hoặc, rác bần trong nội tâm, tâm được hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, giải thoát.

- Ngoài lĩnh vực này, ngoài sự tu tập Tám Pháp Chân Chánh này thì những hệ thống tu tập khác không có những vị chứng các Thánh quả tối thượng, cao đẹp nhất trên đời.

Lời nói này, lời tuyên bố này của Đức Phật là một hồi Thánh chuông đánh thức tâm mê, đánh thức cuộc đời vô minh tăm tối này rằng: Dù là ai, dù ở đâu, dù bất cứ nơi nào trên thế giới này nếu không có sự tu tập thân tâm với Tám Pháp Chân Chánh, không đưa thân tâm vào trong một đời sống chân chánh như vậy thì khó mà vượt phàm chứng Thánh, khó mà tẩy sạch hết tất cả những dục, ái, bản ngã, tham, sân, si, vô minh, lậu hoặc trong nội tâm, khó mà đi đến sự đoạn diệt sanh tử và chấm dứt khổ đau.

3.9 Tầm vóc giá trị của Pháp Tám Chánh

Pháp Tám Đúng, hay Pháp Tám Chánh, hay Bát Chánh Đạo là đạo lộ duy nhất (Kinh Magandiya – *Trung II*, bài 75), pháp hành duy nhất để tác thành sự giải thoát sanh tử, sự chấm dứt khổ đau. Nếu không thực hành, không tu tập theo đường lối này thì việc diệt tận lậu hoặc và giải thoát sanh tử là điều không thể xảy ra.

Đức Phật, Ngài được gọi là Phật, được gọi là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác chính nhờ vào việc Ngài đã phát minh,

phát giác, phát hiện và khám phá ra một con đường hoàn hảo, một đạo lộ chu toàn, một đường lối tu tập thiện xảo đưa đến sự vượt thoát lưới sanh tử. Và con đường hoàn hảo đó, đạo lộ chu toàn đó, đường lối tu tập thiện xảo đó chính là đường lối tu tập với Pháp Tám Đúng hay Tám Sự Chân Chánh, đó là *Thấy biết đúng* hay *Thấy biết chân chánh*, *Suy nghĩ đúng* hay *Suy nghĩ chân chánh*, *Nói lời đúng* hay *Nói lời chân chánh*, *Hành động đúng* hay *Hành động chân chánh*, *Nuôi mạng đúng* hay *Nuôi mạng chân chánh*, *Siêng đúng việc* hay *Siêng năng chân chánh*, *Quán đúng chỗ* hay *Quán niệm chân chánh*, *Định đúng cách* hay *Định tâm chân chánh*.

Với đường lối tu tập hoàn hảo, chu toàn, tuyệt diệu, thiện xảo với Tám cái đúng, Tám sự chân chánh này, hành giả có thể đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh, diệt tận mọi sự si ám trong nội tâm, lật tẩy hết tất cả những sâu bọ, những rác bần, những cấu uế trong nội tâm, đưa thân tâm đi đến sự thuần thiện, trong sạch, cao thượng, giải thoát.

Pháp Tám Đúng là một đường lối tu tập hoàn hảo, thiện xảo trong sự nhiếp phục và đào thải hết tất cả những rác bần trong nội tâm. Bất luận là ai ở trên đời, bất luận nơi nào ở trên đời nếu nơi đó có tu tập Tám Sự Chân Chánh này thì nơi đó có những người đã và đang trên con đường đi đến sự phá trừ phiền não, diệt tận tham sân si và chấm dứt khổ đau do luân hồi sanh tử mang lại.

Pháp Tám Đúng là một phương pháp tu tập hợp lý, hoàn hảo, chu toàn trong việc diệt trừ phiền não và diệt tận tham sân si.

Vì vậy, Pháp Tám Đúng có vị trí tối thượng trong đạo Phật, có tầm vóc tối thượng trong đạo Phật, có giá trị tối thượng trong đạo Phật. Và Pháp Tám Đúng chính là độc đạo, là con đường độc nhất, con đường duy nhất đưa đến sự diệt trừ phiền não, chấm dứt sanh tử cho các chúng sanh. Đây là điều đã được Đức Phật nói rõ trong kinh Magandiya (*Trung II*, bài 75).

4 CHÁNH KIẾN TRONG NIKĀYA

4.1 Thế nào là vị thành tựu Chánh Kiến?

4.1.1 Kinh Chánh Tri Kiến (Trung I, bài 9)

(Sammādiṭṭhi Suttam)

(Trích đoạn)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sāvattthī (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta (Xá-Lợi-Phất) gọi các Tỷ-kheo... Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Chư Hiền, chánh tri kiến, chánh tri kiến, được gọi là như vậy. Chư Hiền, cho đến như thế nào, một Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?

– Chúng tôi từ xa đến để được hiểu ý nghĩa lời nói ấy từ Tôn giả Sāriputta. Thật lành thay, nếu Tôn giả Sāriputta giảng cho ý nghĩa lời nói ấy. Sau khi nghe Tôn giả Sāriputta, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Chư Hiền, vậy hãy nghe, hãy khéo tác ý. Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, Hiền giả...

• **Tuệ tri THIỆN, BÁT THIỆN**

Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Chư Hiền, khi Thánh đệ tử tuệ tri được **Bất thiện** và tuệ tri được **Căn bốn bất thiện**, tuệ tri được **Thiện** và tuệ tri được **Căn bốn thiện**. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là Bất thiện? Thế nào là Căn bốn bất thiện? Thế nào là Thiện? Thế nào là Căn bốn thiện?

1. Chư Hiền, sát sanh là bất thiện
2. Lấy của không cho là bất thiện
3. Tà hạnh trong các dục là bất thiện
4. Nói láo là bất thiện
5. Nói hai lưỡi là bất thiện
6. Ác khẩu là bất thiện
7. Nói phù phiếm là bất thiện
8. Tham dục là bất thiện
9. Sân là bất thiện
10. Tà kiến là bất thiện

Chư Hiền, như vậy gọi là bất thiện.

Và chư Hiền, thế nào là **căn bốn bất thiện**?

- **Tham** là căn bốn bất thiện
- **Sân** là căn bốn bất thiện

- **Si** là căn bốn bất thiện

Chư Hiền, như vậy gọi là căn bốn bất thiện.

Và này chư Hiền, thế nào là **thiện**?

1. Từ bỏ sát sanh là thiện
2. Từ bỏ lấy của không cho là thiện
3. Từ bỏ tà hạnh trong các dục là thiện
4. Từ bỏ nói láo là thiện
5. Từ bỏ nói hai lưỡi là thiện
6. Từ bỏ ác khẩu là thiện
7. Từ bỏ nói phù phiếm là thiện
8. Không tham dục là thiện
9. Không sân là thiện
10. Chánh tri kiến là thiện

Chư Hiền, như vậy gọi là thiện.

*Chư Hiền, thế nào là **căn bốn thiện**?*

- **Không tham** là căn bốn thiện
- **Không sân** là căn bốn thiện
- **Không si** là căn bốn thiện.

Chư Hiền, như vậy gọi là căn bốn thiện.

*Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri bất thiện như vậy, tuệ tri căn bốn bất thiện như vậy, tuệ tri thiện như vậy, tuệ tri căn bốn thiện như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả **tham***

tùy miên, tẩy sạch **sân** tùy miên, nhờ tận gốc **kiến mạn** tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ **vô minh**, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả! Các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta và hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

• **Tuệ tri BỐN THỨC ĂN**

– Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **thức ăn**, tuệ tri tập khởi của thức ăn, tuệ tri đoạn diệt của thức ăn, và tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là **thức ăn**? Thế nào là tập khởi của thức ăn? Thế nào là đoạn diệt của thức ăn? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn?

- Chư Hiền, có bốn loại thức ăn này, khiến các loài

chúng sanh đã sanh được an trú hay các loài hữu tình sẽ sanh được hỗ trợ cho sanh. Thế nào là bốn? Đoàn thực, loại thô hay loại tế, xúc thực là thứ hai, tư niệm thực là thứ ba, thức thực là thứ tư.

- Từ tập khởi của **ái** có tập khởi của thức ăn.
- Từ đoạn diệt của ái có đoạn diệt của thức ăn.
- **Thánh Đạo Tám Ngành** này là con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn, tức là: Chánh Tri kiến, Chánh Tư duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức ăn như vậy, tuệ tri tập khởi của thức ăn như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thức ăn như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến man tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả! Các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

• **Tuệ tri KHỔ**

– Này Hiền giả, có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này

Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri Khổ, tuệ tri Tập khởi của khổ, tuệ tri Đoạn diệt của khổ, tuệ tri con Đường đưa đến đoạn diệt của khổ. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là Khổ? Thế nào là Tập khởi của khổ? Thế nào là Đoạn diệt của khổ? Thế nào là Con Đường đưa đến đoạn diệt của khổ?

- *Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi khổ ưu não là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại Năm thủ uẩn là khổ. Chư Hiền, như vậy gọi là Khổ.*
- *Chư Hiền, thế nào là Tập khởi của khổ? Chính là ái đưa đến tái sanh, cùng khởi hỷ dục và tham hưởng đến tái sanh, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Chư Hiền, như vậy gọi là Tập khởi của khổ.*
- *Chư Hiền, thế nào là Đoạn diệt của khổ? Đó là sự đoạn diệt ly tham, không có dư tàn, sự quăng bỏ, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự vô chấp khát ái ấy.*
- *Chư Hiền, thế nào là Con Đường đưa đến đoạn diệt của khổ? Chính là Thánh Đạo Tám Ngành đưa đến*

khổ diệt, tức là Chánh tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri Khổ như vậy, tuệ tri Tập khởi của khổ như vậy, tuệ tri Đoạn diệt của khổ như vậy, tuệ tri con Đường đưa đến đoạn diệt của khổ như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến man tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri GIÀ CHẾT**

– Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **già chết**, tuệ tri tập khởi của già chết, tuệ tri đoạn diệt của già chết, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của già chết. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là già chết? Thế nào là tập khởi của già chết? Thế nào là đoạn diệt của già chết? Thế nào là con

đường đưa đến đoạn diệt của già chết?

- Thuộc bất kỳ hữu tình giới nào, trong từng mỗi loại hữu tình, sự già cả, suy lão, rụng răng, tóc bạc da nhăn, tuổi thọ ngày một hao mòn, bại hoại các căn; chư Hiền, như vậy gọi là già.
- Chư Hiền thế nào là chết? - Thuộc bất kỳ hữu tình giới nào trong từng mỗi loại hữu tình, sự mệnh một, từ trần, hủy hoại, hoại diệt, tử biệt, mệnh chung, hủy hoại các uẩn, vất bỏ hình hài; chư Hiền, như vậy gọi là chết. Già như vậy và chết như vậy, chư Hiền, như vậy gọi là già chết.
- Từ sự tập khởi của sanh, có sự tập khởi của già chết.
- Từ sự đoạn diệt của sanh, có sự đoạn diệt của già chết.
- Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của già chết, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri già chết như vậy, tuệ tri tập khởi của già chết như vậy, tuệ tri đoạn diệt của già chết như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của già chết như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri

kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri SANH**

– *Này Hiền giả, có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?*

– *Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri sanh, tuệ tri tập khởi của sanh, tuệ tri đoạn diệt của sanh, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của sanh. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...*

Chư Hiền, thế nào là sanh? Thế nào là tập khởi của sanh? Thế nào là đoạn diệt của sanh? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của sanh?

- *Thuộc bất kỳ hữu tình giới nào, trong từng mỗi loại hữu tình, sự sanh, hiện khởi, xuất hiện, hiện diện, hiện hành các uẩn, tụ đặc các xứ; Chư Hiền, như vậy gọi là sanh.*
- *Từ sự tập khởi của hữu, có sự tập khởi của sanh.*
- *Từ sự đoạn diệt của hữu, có sự đoạn diệt của sanh.*
- *Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của sanh, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.*

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri được sanh như vậy, tuệ tri được tập khởi của sanh như vậy, tuệ tri được đoạn diệt của sanh như vậy, tuệ tri được con đường đưa đến đoạn diệt của sanh như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tủy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến man tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả! ...

• **Tuệ tri HỮU**

– Này Hiền giả, có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **hữu**, tuệ tri tập khởi của hữu, tuệ tri đoạn diệt của hữu, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hữu. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là hữu? Thế nào là tập khởi của hữu? Thế nào là đoạn diệt của hữu? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của hữu?

- Chư Hiền, có ba hữu này: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

- Từ tập khởi của **thủ**, có tập khởi của hữu.
- Từ đoạn diệt của thủ có đoạn diệt của hữu.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của hữu, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri hữu như vậy, tuệ tri tập khởi của hữu như vậy, tuệ tri đoạn diệt của hữu như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hữu như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri THỦ**

... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri tập khởi của **thủ**, tuệ tri đoạn diệt của thủ, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thủ. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là thủ? Thế nào là tập khởi của thủ? Thế nào là đoạn diệt của thủ? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thủ?

- Chư Hiền, có bốn thủ này: dục thủ, kiến thủ, giới cầm thủ, ngã luận thủ.
- Từ tập khởi của **ái**, có tập khởi của thủ.
- Từ đoạn diệt của ái, có đoạn diệt của thủ.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thủ, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thủ như vậy, tuệ tri tập khởi của thủ như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thủ như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thủ như vậy, khí ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri Ái**

... Chư Hiền khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **ái**, tuệ tri tập khởi của ái, tuệ tri đoạn diệt của ái, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của ái. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là ái? Thế nào là tập khởi của ái? Thế

nào là đoạn diệt của ái? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của ái?

- Chư Hiền, có sáu loại ái này: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.
- Từ tập khởi của **thọ**, có tập khởi của ái.
- Từ đoạn diệt của thọ, có đoạn diệt của ái.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của ái, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri ái như vậy, tuệ tri tập khởi của ái như vậy, tuệ tri đoạn diệt của ái như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của ái như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tủy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• Tuệ tri THỌ

... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **thọ**, tuệ tri tập khởi của thọ, tuệ tri đoạn diệt của thọ, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thọ. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là thọ? Thế nào là tập khởi của thọ? Thế nào là đoạn diệt của thọ? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thọ?

- *Chư Hiền, có sáu loại thọ này: thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh.*
- *Từ tập khởi của xúc, có tập khởi của thọ.*
- *Từ đoạn diệt của xúc, có đoạn diệt của thọ.*
- *Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thọ, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.*

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thọ như vậy, tuệ tri tập khởi của thọ như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thọ như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thọ như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh khiến mình khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri XÚC**

... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri xúc, tuệ tri tập khởi của xúc, tuệ tri đoạn diệt của xúc, tuệ tri con đường

đưa đến đoạn diệt của xúc. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là xúc? Thế nào là tập khởi của xúc? Thế nào là đoạn diệt của xúc? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của xúc?

- Chư Hiền, có sáu loại xúc này: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc.
- Từ tập khởi của **sáu nhập**, có tập khởi của xúc.
- Từ đoạn diệt của sáu nhập, có đoạn diệt của xúc.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của xúc, tức là: Chánh Tri kiến...
Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri xúc như vậy, tuệ tri tập khởi của xúc như vậy, tuệ tri đoạn diệt của xúc như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của xúc như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri SÁU NHẬP**

... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **sáu nhập**, tuệ tri tập khởi của sáu nhập, tuệ tri đoạn diệt của sáu nhập, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là sáu nhập? Thế nào là tập khởi của sáu nhập? Thế nào là đoạn diệt của sáu nhập? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập?

- Chư Hiền, có sáu nhập này: nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập.
- Từ tập khởi của **danh sắc** có tập khởi của sáu nhập.
- Từ đoạn diệt của danh sắc có đoạn diệt của sáu nhập.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, chỉ khi nào vị Thánh đệ tử tuệ tri sáu nhập như vậy, tuệ tri tập khởi của sáu nhập như vậy, tuệ tri đoạn diệt của sáu nhập như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri DANH SẮC**

... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **danh sắc**, tuệ tri tập khởi của danh sắc, tuệ tri đoạn diệt của danh sắc, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là danh sắc? Thế nào là tập khởi của danh sắc? Thế nào là đoạn diệt của danh sắc? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc?

- Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý, như vậy gọi là danh. Bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành, như vậy gọi là sắc. Như vậy, đây là danh và đây là sắc, Chư Hiền, như vậy gọi là danh sắc.
- Từ tập khởi của **thức**, có tập khởi của danh sắc.
- Từ đoạn diệt của thức, có đoạn diệt của danh sắc.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc, tức là: Chánh Tri kiến...
Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri danh sắc như vậy, tuệ tri tập khởi của danh sắc như vậy, tuệ tri đoạn diệt của danh sắc như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tủy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên

“Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri THỨC**

... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **thức**, tuệ tri tập khởi của thức, tuệ tri đoạn diệt của thức, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là thức? Thế nào là tập khởi của thức? Thế nào là đoạn diệt của thức? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thức?

- Chư Hiền, có sáu loại thức này: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.
- Từ tập khởi của **hành**, có tập khởi của thức.
- Từ đoạn diệt của hành, có đoạn diệt của thức.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thức, tức là: Chánh Tri kiến...
Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức như vậy, tuệ tri tập khởi của thức như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thức như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức như vậy,

khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri HÀNH**

... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **hành**, tuệ tri tập khởi của hành, tuệ tri đoạn diệt của hành, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hành. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là hành? Thế nào là tập khởi của hành? Thế nào là đoạn diệt của hành? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của hành?

- Chư Hiền, có ba loại hành này: thân hành, ngữ hành, tâm hành.
- Từ tập khởi của **vô minh**, có tập khởi của hành.
- Từ đoạn diệt của vô minh, có đoạn diệt của hành.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của hành, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri hành như vậy, tuệ

tri tập khởi của hành như vậy, tuệ tri đoạn diệt của hành như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hành như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri VÔ MINH**

*... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **vô minh**, tuệ tri tập khởi của vô minh, tuệ tri đoạn diệt của vô minh, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...*

Chư Hiền, thế nào là vô minh? Thế nào là tập khởi của vô minh? Thế nào là đoạn diệt của vô minh? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh?

- Sự không tuệ tri về khổ, không tuệ tri về khổ tập, không tuệ tri về khổ diệt, không tuệ tri về con đường đưa đến khổ diệt, Chư Hiền, như vậy gọi là vô minh.
- Từ tập khởi của **lậu hoặc**, có tập khởi của vô minh.
- Từ đoạn diệt của lậu hoặc, có đoạn diệt của vô minh.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa

*đến đoạn diệt của vô minh, tức là: Chánh Tri kiến...
Chánh Định.*

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri vô minh như vậy, tuệ tri tập khởi của vô minh như vậy, tuệ tri đoạn diệt của vô minh như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tủy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri LẬU HOẶC**

*... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **lậu hoặc**, tuệ tri tập khởi của lậu hoặc, tuệ tri đoạn diệt của lậu hoặc, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.*

Chư Hiền, thế nào là lậu hoặc? Thế nào là tập khởi của lậu hoặc? Thế nào là đoạn diệt của lậu hoặc? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc?

- Chư Hiền, có ba lậu hoặc này: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

- Từ tập khởi của **vô minh** có tập khởi của lậu hoặc.
- Từ đoạn diệt của vô minh có đoạn diệt của lậu hoặc.
- Và **Thánh Đạo Tám Ngành** này là con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc, tức là: Chánh Tri kiến, Chánh Tư duy, Chánh Ngự, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri lậu hoặc như vậy, tuệ tri tập khởi của lậu hoặc như vậy, tuệ tri đoạn diệt của lậu hoặc như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Tôn giả Sāriputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời giảng của Tôn giả Sāriputta.

(Hết trích kinh)

4.1.2 Chánh kiến và làm tướng Chánh kiến

- Tà kiến là cái nhìn sai lầm, sự thấy biết sai lầm về thân tâm và cuộc sống.

- Chánh kiến là cái nhìn đúng đắn, sự thấy biết đúng pháp, thấy biết đúng sự thật về thân tâm và cuộc sống.

Thông qua bài kinh trên chúng ta thấy rằng: Người thành tựu chánh tri kiến là người thành tựu trí tuệ thấy biết rõ, phân biệt rõ giữa thiện và căn bản của thiện, bất thiện và căn bản của bất thiện, thành tựu trí tuệ về bốn loại thức ăn, về khổ, về già chết, về sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc, thức, hành, vô minh, lậu hoặc. Sự thành tựu trí tuệ về các pháp này, chính là sự thành tựu trí tuệ về thân tâm, thành tựu trí tuệ về sanh tử, thành tựu trí tuệ về tham sân si, bản ngã, vô minh, thành tựu trí tuệ về khổ.

- Với người thành tựu trí tuệ về tự thân thì chắc chắn vị ấy sẽ nhiếp phục được tự thân.
- Với người thành tựu trí tuệ về sanh tử thì chắc chắn sẽ sớm thoát khỏi sanh tử.
- Với người thành tựu trí tuệ về tham, sân, si, bản ngã, vô minh thì chắc chắn sẽ đào thải sạch, sẽ nhổ bật gốc rễ của tham, sân, si, bản ngã và vô minh.
- Với người thành tựu trí tuệ về khổ thì chắc chắn sẽ đi đến sự diệt trừ, sự chấm dứt hoàn toàn mọi phiền não và khổ đau.

Đó là ý nghĩa của bài kinh trên. Nhưng không phải khi đọc xong bài kinh này, không phải khi nghe xong lời giảng dạy, lời giải thích về bài kinh là hành giả được gọi là có chánh kiến. Không phải học thuộc bài kinh này là hành giả có chánh tri kiến. Không phải đem bài kinh này ra giảng giải ý nghĩa cho người khác nghe, là hành giả có chánh tri kiến.

Để thực sự là vị đệ tử chân chánh của Đức Phật, để thực sự là vị có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Chánh pháp này, hành giả phải tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng cái gọi là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu trong nội tâm. Hành giả phải thực sự bằng đôi mắt trí tuệ của mình nhìn thấy rõ vô minh, thấy rõ khổ, thấy rõ Ngũ uẩn đang vận hành, đang hoạt động thế nào trong tự thân của hành giả, thấy rõ tham, sân, si, bản ngã và những pháp bất thiện đang lộng hành, đang hoạt động trong hành giả như thế nào. Hành giả phải thực sự thấy biết những vấn đề này bằng tuệ nhãn, bằng đôi mắt trí tuệ trong nội tâm của mình, chứ không phải chỉ thấy qua ngôn ngữ, thấy qua chữ nghĩa, thấy qua suy luận, suy tư, qua tưởng tượng, nếu chỉ thấy vấn đề như vậy thì đó gọi là *tưởng tri*.

Tưởng tri là hành giả tưởng tượng về lậu hoặc và vô minh, chứ hành giả không thực sự thấy biết rõ lậu hoặc và vô minh. Khi hành giả thực sự nhìn thấy ba lậu hoặc trong chính tự thân này, thực sự nhìn thấy trạng thái vô minh, si

ám trong mình, thật sự nhìn thấy những gì đang vận hành trong trạng thái tâm vô minh, khi ấy, hành giả mới thật sự là **tuệ tri**, là thấy biết với trí tuệ. Tuệ tri hay thấy biết với trí tuệ chính là thực thấy, thực biết về điều đó, chứ không phải tưởng tượng về điều đó, liên tưởng về điều đó, lường tượng về điều đó.

Như vậy, thông qua bài kinh này, chúng ta học được bài học như sau: Người có chánh tri kiến, có sự thấy biết chân chánh, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao, đó chính là người thành tựu trí tuệ, thành tựu sự thực thấy, thực biết về lậu hoặc, vô minh, mười hai nhân duyên, tứ thực, thiện và bất thiện.

Nếu hành giả quán xét tự thân và nhận thấy mình vẫn chưa thành tựu trí tuệ về những pháp này thì nên biết rằng, hành giả vẫn chưa thành tựu chánh tri kiến, chưa có tri kiến chánh trực, lòng tin của hành giả đối với dòng pháp này vẫn chưa tuyệt đối, Thánh pháp này vẫn chưa bám rễ sâu sắc, vững chắc trong lòng của hành giả, hành giả còn có thể bị chao đảo, bị dẫn dụ, bị dẫn dắt bởi những tà kiến, tà đạo, tà pháp, tà nhân; hành giả vẫn chưa có chân đứng vững vàng trong Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao, hành giả vẫn còn có thể gặp sự nguy hiểm, vẫn còn có thể bị lôi kéo ra khỏi Chánh pháp thân diệu này và dòng sanh tử của

hành giả sẽ vẫn còn tiếp tục triền miên, triền miên, triền miên trong vô thường, phiền não và nước mắt.

Vì vậy, nếu xét thấy mình vẫn chưa thành tựu chánh tri kiến, chưa thành tựu tri kiến chánh trực, chưa thành tựu lòng tin tuyệt đối trong dòng pháp này thì hành giả cần phải nỗ lực, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng nhiều hơn trong sự tu học này để thành tựu những trí tuệ chân chánh cho tự thân, trước là để tự thân được giải thoát khỏi phiền não và nước mắt, sau là mang lại trí tuệ và an lạc cho những người hữu duyên với mình, và sau cùng là đền ơn tám lòng, sự hy sinh, sự khó nhọc của Đức Phật để tìm ra con đường tu học hoàn hảo này. Đây gọi là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

4.1.3 Thế nào là Chánh kiến và Tà kiến về thân?

- Thân này là tứ đại, là đất nước gió lửa phối hợp với nhau mà hình thành. Sắc diện hay ngoại hình của thân chính là sắc diện hay ngoại hình của tứ đại.
- Thân này sanh khởi do tâm vô minh, vô trí, không thấy biết đúng về thân, không thấy biết rõ bốn loại thức ăn làm cho thân sanh khởi, do tâm khao khát ái luyến đối với thân.
- Thân này sẽ không sanh khởi nữa khi tâm hết vô minh đối với thân, tâm thấy biết rõ bốn loại thức ăn

làm thân sanh khởi, tâm diệt tận sự khao khát ái luyến đối với thân.

- Vì thân này là do duyên sanh, do duyên tứ đại, do duyên thức ăn, do duyên tham ái, do duyên vô minh, do các nhân duyên trên mà hình thành nên thân này không phải là mình, không phải là của mình, không phải là cái ta, cái tôi gì của mình.
- Vì thân này được sanh khởi do những nhân duyên trên nên bản chất của thân là tạm bợ, vô thường, rỗng không, vô ngã, thay đổi, biến đổi, hoại diệt.
- Vì thân này là do duyên sanh nên thân không trường cửu, không vững bền, dễ tan rã, dễ diệt vong, dễ tham đắm, dính mắc đối với thân thì sẽ phiền não, khổ đau và nước mắt.

Đó là những sự thật về thân. Đó là cái nhìn, cái thấy chân chánh, đúng pháp về thân. Người có cái nhìn, cái thấy chân chánh đúng pháp về thân như vậy, đó gọi là người có chánh kiến đối với thân, có sự thấy biết chân chánh đối với thân. Với người có chánh kiến đối với thân thì hành xử của người này đối với thân sẽ chừng mực, vừa phải, không quá chăm chú, không bị tham ái và vô minh đối với thân che mờ tâm.

Khi không thấy biết rõ sự thật về thân như trên, rồi lại cho thân này là mình, là của mình, là cái ta, cái tôi của mình,

đó gọi là sự vô minh, vô trí đối với thân, sự thấy biết sai lầm về thân, hay còn gọi là tà kiến đối với thân.

Với người có tà kiến về thân, với người có sự thấy biết sai lầm về thân, cho thân này là mình, là của mình, không thấy tánh duyên sanh, vô thường, tạm bợ của thân, chăm lo, cung phụng cho thân đủ điều, trau chuốt bề ngoài cho thân một cách si mê, si ám. Nỗ lực tìm danh, tìm lợi, tìm chức, tìm quyền cho thân. Làm tội đời, làm nô lệ cho thân suốt cả cuộc đời. Không cho ai nói đụng đến thân. Dùng mọi lời ngụy biện, xảo trá để bênh vực thân. Sẵn sàng làm mọi ác nghiệp về thân, về lời, về ý để bảo vệ thân, để che lấp tội lỗi mà thân đã làm. Một lòng che chở và nâng niu thân như vậy nhưng khi tử thần đến, tử thần kêu đi là thân lập tức vội vã ra đi, thân không màng gì đến cái tâm hôn mê còn đang luyến tiếc nhìn theo thân này. Tâm si mê đối với thân như vậy, được gọi là tâm vô minh, vô trí đối với thân.

4.1.4 Thế nào là Chánh kiến và Tà kiến về tâm?

Thân này được gọi là thân Ngũ uẩn. Trong thân này có thọ, tưởng, hành, thức. Thọ là những cảm giác trong thân tâm. Tưởng là những bóng dáng trong tâm. Hành là những suy nghĩ trong tâm. Thức là những sự hay biết, rõ biết trong ngoài thân tâm. Thọ, tưởng, hành sanh khởi là do duyên Xúc. Thức sanh khởi là do duyên Danh sắc. Khi không có các duyên này thì thọ, tưởng, hành, thức không có mặt.

Khi không thấy biết rõ hành tướng của những cảm giác, hình bóng, suy nghĩ, sự hay biết rõ biết trong nội tâm và không thấy biết rõ những nhân duyên đã sanh khởi ra chúng thì chúng sanh lầm tưởng cho rằng những cảm giác, hình bóng, suy nghĩ, sự hay biết rõ biết trong tâm này là mình, là của mình, là tâm của mình. Sự lầm tưởng như vậy, sự sai lầm như vậy, quan điểm hay cái nhìn cái thấy về tâm sai lầm như vậy đó gọi là tà tri kiến, hay sự thấy biết sai lầm về nội tâm.

Khi thấy biết rõ hành tướng của thọ, tưởng, hành, thức và thấy biết rõ những nhân duyên đã sanh khởi ra chúng thì chúng sanh sẽ không lầm tưởng về chúng, sẽ không cho các pháp duyên sanh này là mình, là của mình, là tâm của mình mà vị này biết rõ những thọ, tưởng, hành, thức này là những pháp duyên sanh, bản chất của nó là tạm bợ, vô thường, thay đổi, biến diệt. Sự thấy biết rõ về thọ, tưởng, hành, thức như vậy trong nội tâm và không lầm nhận nó là tâm mình, đây gọi là hành giả có chánh kiến, có tri kiến chánh trực, có cái nhìn cái thấy biết chân chánh, đúng đắn về nội tâm.

4.1.5 Thế nào là Chánh kiến về đời sống này?

Sắc thân tứ đại này và những thọ, tưởng, hành, thức này được gọi là Ngũ uẩn. Thân Ngũ uẩn này sanh khởi là do tâm mê, tâm vô minh, vô trí đối với Ngũ uẩn. Thân Ngũ

uẩn này sanh khởi là do nhân duyên, nên bản chất của nó là tạm bợ, vô thường, vô ngã, rỗng không, biến đổi, hoại diệt.

Thân Ngũ uẩn này sanh khởi chính là sự sanh khởi của hàng loạt những mệt mỏi, phiền não, bất an, lo sợ, mong manh, dễ tan, dễ vỡ. Thân Ngũ uẩn này sanh khởi là sự sanh khởi của già nua, bệnh tật và chết chóc. Thân Ngũ uẩn này sanh khởi là sự sanh khởi của khổ và nước mắt.

Cả một đời chăm sóc, chăm lo, chăm chút cho thân Ngũ uẩn để rồi thân Ngũ uẩn này đi đến biến đổi, hoại diệt, diệt vong, không còn gì cả, chỉ có nghiệp là đi theo mình cùng với một tâm hôn mê, khao khát, yêu mến, quyến luyến thân Ngũ uẩn này. Và rồi “tâm mê thân Ngũ uẩn này” lại bị những nghiệp đã tạo vì “thân Ngũ uẩn vừa hoại diệt” đẩy đi đến với những thân Ngũ uẩn mới, tạo ra những đời sống vô thường, tạm bợ, dễ vỡ, dễ tan tiếp theo.

Nay mang mặt người, mai mang mặt thú. Nay đội lột người, mai đội lột thú, mai đội lột của súc vật, súc sanh, đội lột của quỷ ma, của cô hồn, của những vong linh vất vơ, vất vưởng, những ngạ quỷ đói rách, đói khát, khổ đau, bơ vơ... “Đây là khổ... Đây là khổ...” - Đó là lời mà Đức Phật đã thốt ra khi Ngài giác ngộ ra chân tướng của thân tâm, chân tướng của cuộc đời. Trước đôi mắt tâm trong sạch, thanh tịnh, định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm của bậc Chánh

Đẳng Chánh Giác thì bản chất của cuộc đời, bản chất của cuộc sống, sự thật về cuộc sống đã hoàn toàn bị vạch trần, bị hiển lộ.

Sự thật của cuộc sống đã bị phơi bày trong sự đấng cay, rỗng không và vô nghĩa. Chúng sanh đã chịu biết bao nhiêu sự đau khổ với vô lượng lần sanh tử trong cuộc đời này để rồi vô lượng cái kết của vô lượng lần sanh tử đó là sự trắng tay, là sự đấng cay, là khói mây, là hư ảo. Như những con đã tràng xe cát biển đông... Chúng sanh đã không biết bao nhiêu lần, đã vô lượng lần nỗ lực, phấn đấu, cố gắng xây dựng, tranh giành, gìn giữ những sắc tài danh lợi trên cuộc đời để rồi tất cả vẫn là sự trắng tay, sự rỗng không, sự trống không và vô nghĩa. Chúng sanh phải làm lại từ đầu cho tất cả những lần sanh tử. Mười hai năm ăn học để bắt đầu một đời người, mười hai năm ăn học này chúng ta đã phải học đi học lại mười hai năm ăn học này hằng vô lượng lần mà lần nào sanh ra chúng ta có nhớ đâu.

Lần nào sanh ra chúng ta cũng vẫn phải bắt đầu lại từ đầu với mười hai năm ăn học, với một cộng một bằng hai, cũng lại bắt đầu tập gọi cha, gọi mẹ, lại bắt đầu tham dục, tham ái, sân hận, si mê, bản ngã, tranh giành kiếm tiền, kiếm sự sống, kiếm vợ, kiếm chồng, kiếm tình nhân, kiếm con cháu, rồi già nua, bệnh tật và ngã lăn ra chết, nằm dài ra chết, tai nạn xe cộ đụng chết, bệnh tật làm chết, đói khát quá chết, lạnh nóng quá chết, thương yêu quá chết, sân hận quá

chết... Chết rồi lại sanh, sanh rồi lại chết. Mỗi lần sanh ra nếu được làm người là lại bắt đầu với mười hai năm ăn học, bắt đầu cho những cuộc tranh giành, tranh giành dục, tranh giành ái, tranh giành vật chất, tiền tài, danh vọng, địa vị, rồi lại bệnh, lại già, lại chết, lại trắng tay. Đó, chân tướng của cuộc sống là vậy đó.

Tất cả những gì đang có mặt, đang hiện hữu trong dòng sanh tử này chỉ là vô minh, nghiệp và nhân quả. Nhân quả của dục ái, nhân quả của sân hận, nhân quả của si mê. Tất cả chỉ là bao nhiêu đó. Tất cả chỉ luẩn quẩn trong bao nhiêu đó, luẩn quẩn trong vô minh, luẩn quẩn trong nghiệp, luẩn quẩn trong nhân quả, luẩn quẩn trong dục, luẩn quẩn trong ái, luẩn quẩn trong tham sân si... Vô nghĩa, thật là vô nghĩa. Vô nghĩa là sự sống này. Vô ngã là sự sống này. Rỗng không là sự sống này. Tạm bợ là sự sống này. Khói mây và hư ảo là sự sống này. Cay đắng, khổ đau và nước mắt là sự sống này... Bản chất của cuộc sống là như vậy đó. Chân tướng của cuộc đời này là như vậy đó. Bộ mặt thật của dòng sanh tử này là như vậy đó. Đây chính là sự thật về cuộc đời, là sự thấy biết chân chánh về cuộc đời. Khi hành giả có sự thấy biết chân chánh như vậy về cuộc sống, thấy biết rõ bản chất của cuộc sống, đó là hành giả thành tựu Chánh kiến về cuộc sống.

Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, Ngài đã nhìn thấy, đã giác ngộ, đã ngộ ra, đã phát giác phát hiện ra sự

thật của cuộc đời, bản chất của cuộc đời là khổ như vậy, là rỗng không như vậy, là vô nghĩa như vậy. Và nhờ sự giác ngộ này, nhờ sự thấy biết này mà Ngài đã hoàn toàn thức tỉnh trước cuộc sống, Ngài đã hoàn toàn từ bỏ lòng dục, lòng ái, lòng tham, lòng dính mắc đối với cuộc đời và Ngài đã hoàn toàn giải thoát khỏi cuộc đời, giải thoát khỏi dòng sanh tử oan nghiệt, cay đắng, luẩn quẩn trong bất an, lang thang, phiền não, khổ đau và nước mắt.

Và “Đây là khổ” đó chính là “Tâm hôn mê, si ám, dính mắc, chấp thủ, trói buộc đối với thân Ngũ uẩn này là khổ”.

4.1.6 Tâm mê chấp năm uẩn này khổ cái gì, khổ thế nào?

Tâm hôn mê chấp trước Ngũ uẩn này là khổ. Khổ vì phải chịu sự bị sanh trong những cái thân Ngũ uẩn vô thường này. Khổ vì phải chịu sự bị già nua của những cái thân Ngũ uẩn vô thường này. Khổ vì phải chịu sự bị bệnh tật, ốm đau của những cái thân Ngũ uẩn vô thường này. Khổ vì phải chịu sự bị chết của những cái thân Ngũ uẩn vô thường này. Khổ vì cầu nguyện cho thân Ngũ uẩn này sống hoài mà không được. Khổ vì ghét những Ngũ uẩn khác nhưng lại phải gặp mặt. Khổ vì thương những Ngũ uẩn nọ nhưng lại phải lìa xa.

Tâm hôn mê chấp trước Ngũ uẩn này là khổ. Khổ vì nay mang mặt người, mai mang mặt thú. Khổ vì lúc sống đòi làm con người, lúc sống đòi làm con thú, lúc sống đòi làm quỷ ma, lúc thì phải chịu những sự thống khổ liên tục trong địa ngục.

Tâm hôn mê chấp trước Ngũ uẩn này là khổ. Khổ vì được làm người nhưng với những hình tướng dị dạng, với đôi mắt vô thần, tay chân khẳng khiu, nằm một chỗ, vô ý thức. Khổ vì nghèo khổ, bần cùng, đói khát, lo toan, vất vả, chật vật trong từng bữa ăn. Khổ vì giàu có mà chồng vợ ngoại tình, con cái hư hỏng, bất hiếu, tham lam, chiếm đoạt tài sản. Khổ vì tai nạn xe cộ, phá sản, tiền mất tật mang, tù tội. Khổ vì dục vọng, khổ vì sân hận, khổ vì si mê, khổ vì bản ngã. Khổ vì tật đố, ganh tỵ, ích kỷ, hẹp hòi, gian trá, dối trá. Khổ vì phải lãnh nhận quả của một đời sống, một lối sống vô đạo đức. Khổ vì danh lợi sắc tài. Khổ vì ăn, khổ vì ngủ. Khổ vì được mất, có không, buồn vui, thương ghét, nhục vinh, phải quấy trên cuộc đời. Khổ vì tâm dao động, tán loạn, thất thường, bất an, dễ thay đổi... Đó là những cái khổ, những nỗi khổ mà tâm hôn mê, tâm dính mắc, tâm trói buộc, tâm chấp trước, tâm bám víu, tâm kết dính với Ngũ uẩn này phải chịu đựng.

Chỉ vì mê thân Ngũ uẩn này mà chúng sanh phải chịu sự trầm luân trong sanh tử, chịu sự luân quần trong những gương mặt lúc người, lúc thú, lúc ngựa quỷ đói, lúc địa ngục,

lúc thân tiên. Luẩn quẩn trong những thân xác vô thường, trong những hình tướng vô thường rồi thương ghét, ghét thương, buồn vui, được mất với bao nhiêu đó mà cứ làm hoài, làm hoài, làm hoài, không có lối thoát. Và rồi trong cái vòng luẩn quẩn đó, bao nhiêu đau khổ, bao nhiêu phiền não, bao nhiêu giọt nước mắt đã chảy xuống, đã nhỏ xuống trên cuộc đời này... Những giọt nước mắt mà chúng sanh đã nhỏ xuống trên cuộc đời này, đã nhỏ xuống vì những cái thân Ngũ uẩn vô thường này là nhiều hơn nước ở bốn biển. Đó là điều mà Đức Phật đã giác ngộ, đã thấy biết và đã tuyên bố.

Khi sự thật về thân tâm và cuộc sống được thấy biết rõ như vậy, đây gọi là hành giả có chánh kiến, có tri kiến chánh trực, có cái nhìn, cái thấy biết chân chánh về thân tâm và cuộc sống.

4.1.7 Chánh kiến Bốn Sự Thật về thân tâm và thế giới

Như vậy, có **Bốn Sự Thật** về thân tâm và thế giới cần được thấy biết rõ, thấy biết đúng, thấy biết chân chánh:

- *Sự thật thứ nhất*: Tâm nắm giữ, bám víu vào các sắc thân tứ đại này (Sắc), những cảm giác trong thân tâm (Thọ), những hình bóng trong tâm (Tưởng), những tư duy suy nghĩ trong tâm (Hành), những sự hay biết trong tâm (Thức), đây gọi là Năm thủ uẩn. Tâm bám

vúi vào năm uẩn này là phiền não, mệt mỏi và khổ đau.

- *Sự thật thứ hai*: Do vô minh, tức là do sự không thấy biết rõ về Năm uẩn nên tâm mới tham ái, dính mắc và thêm khát đối với Năm uẩn.
- *Sự thật thứ ba*: Khi vô minh diệt, tức là khi tâm đã thấy biết rõ bản chất của Ngũ uẩn thì tâm sẽ diệt tận được tham ái, dính mắc và thêm khát đối với Năm uẩn.
- *Sự thật thứ tư*: Phương Pháp Tám Đúng là “thấy đúng, nghĩ đúng, nói đúng, làm đúng, sống đúng, siêng đúng, quán đúng, định đúng” là một phương pháp chân chánh đưa đến diệt tận vô minh và khát ái đối với những thân xác Ngũ uẩn vô thường, tạm bợ, đầy phiền não và đầy khổ này.

Tóm lại, sự thấy biết đúng, thấy biết rõ Bốn sự thật về thân tâm và thế giới như vậy, đây gọi là Chánh tri kiến. Tác dụng của *Chánh tri kiến* là dùng để tẩy trừ *Tà tri kiến*. Sự thấy biết đúng dùng để đào thải sự thấy biết sai của người tu về thân tâm và thế giới, giúp người tu định hướng cái nhìn cái thấy của mình, từ bỏ những quan điểm thấy biết không chân chánh, không đúng pháp về thân tâm, về thế giới, đưa tâm về an trú trong sự thấy biết chân chánh, thấy biết đúng pháp về thân tâm và thế giới.

4.2 Duyên sanh khởi Chánh kiến, Tà kiến

4.2.1 Kinh Hy Vọng (Tăng I, 160)

(Trích đoạn)

Này các Tỷ-kheo, có hai duyên này, khiến Tà kiến sanh khởi. Thế nào là hai?

- *Tiếng nói của người khác*
- *Và không như lý tác ý.*

Những pháp này, là hai duyên khiến tà kiến sanh khởi.

Này các Tỷ-kheo, có hai duyên này, khiến Chánh kiến sanh khởi. Thế nào là hai?

- *Tiếng nói của người khác*
- *Và như lý tác ý.*

Những pháp này, là hai duyên khiến chánh kiến sanh khởi.

(Hết trích kinh)

Như vậy, chánh kiến hay tà kiến sanh khởi chính là tiếng nói của người khác và như lý tác ý, hay phi như lý tác ý.

“Tiếng nói của người khác” tức là nghe tiếng nói, nghe lời nói, nghe người khác nói, nghe người khác giảng, nghe người khác thuyết hoặc đọc sách này, sách kia và tin theo những quan điểm, những tư tưởng, những chỉ dạy được nói

trong tập sách. Trong Nikāya gọi là “tiếng nói của người khác”, hay “nghe tiếng của người khác”.

4.2.2 Duyên sanh khởi Tà kiến

Khi nghe tiếng nói của người khác, nếu người nói đó, người thuyết giảng đó, hoặc người viết tập sách đó không phải là bậc chân nhân, không phải là bậc có chánh kiến, không phải là bậc thực hành và thuyết giảng đúng pháp nhưng người nghe, người đọc lại có cảm hứng, cảm tình, cảm xúc với lời nói đó, có sự đồng ý với lời nói đó; không cân trọng tư duy theo nhân quả; không cân trọng quán sát vấn đề dựa trên thực tế của cuộc sống, thực tế của thân tâm; dễ dàng chấp nhận một quan điểm, một tư tưởng, một lời chỉ dạy; dễ dàng sanh khởi một niềm tin không cơ sở, không hợp với nhân quả, không hợp lý, không hợp logic của cuộc sống. Những dòng suy nghĩ của người này nghiêng theo những lời nói đó, tập sách đó.

Vị này chấp nhận dòng suy nghĩ, dòng tư tưởng, lời chỉ dạy của người đó, của tập sách đó; định hướng trí tuệ của người này nghiêng theo lời nói, tư tưởng đó. Do nhân duyên này mà sự thấy biết sai lầm sanh khởi, định hướng sai lầm trong trí tuệ sanh khởi, niềm tin sai lầm sanh khởi, đường hướng tu tập sai lầm sanh khởi. Đây gọi là Tà kiến sanh khởi. Tà kiến là sự thấy biết sai lầm, sự hiểu biết sai lầm về thân tâm và cuộc sống.

Đường lối tu tập sai lầm, không làm khai mở được trí tuệ, không đưa đến sự thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng về thân tâm và cuộc sống; không giải quyết, không giải tỏa được những vấn đề dục, ái, tham, sân, si trong tự thân; không nhìn ra được bản ngã trong tự thân; không đưa đến sự hoàn toàn thanh tịnh thân tâm; không làm cho tâm thật sự được giải thoát khỏi tất cả những phiền não, khổ đau trong cuộc sống. Đường lối tu tập sai lầm như vậy, được gọi là Tà pháp hay Tà đạo.

Lòng tin sai lầm, lệch lạc, tin vào điều không thật có trong cuộc sống, tin vào điều hư ảo, trừu tượng, viển vông, tin vào những lời hứa hẹn mơ hồ, mộng lung, không hợp với nhân quả, không hợp lý, đó gọi là Tà tín.

4.2.3 Dòng chảy của Tà kiến

- Với người có tà kiến, tức là, với người có sự thấy biết sai lầm về thân tâm, xác định sai lầm về đường hướng tu tập đưa đến nhiếp phục thân tâm, an tịnh thân tâm, trong sạch thân tâm, thì những dòng suy nghĩ sai lầm sanh khởi.
- Với người có những suy nghĩ sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp thì lời nói sẽ sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp.

- Với người có lời nói không chân chánh, không đúng pháp thì hành động sẽ sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp.
- Với người có hành động sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp thì cách nuôi mạng, cách kiếm sống sẽ có những sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp.
- Với người có sự nuôi mạng, sự kiếm sống không chân chánh, không đúng pháp thì những nỗ lực, siêng năng, tinh cần, cố gắng sẽ sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp.
- Với người có những nỗ lực, siêng năng, tinh cần sai việc, sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp thì tâm niệm của vị này sẽ trú không đúng chỗ, không chân chánh, không đúng pháp.
- Với người có tâm niệm an trú không đúng chỗ, không chân chánh, không đúng pháp thì sự định tĩnh trong nội tâm của vị này sẽ không chân chánh, không đúng pháp.
- Với người có nội tâm định tĩnh không đúng cách, không chân chánh, không đúng pháp thì trí tuệ về tự thân, sự thấy biết về tự thân sẽ không chính xác, không xác định đúng tình trạng thân tâm của mình, nhìn nhận sai lầm về tình trạng thanh tịnh trong sạch trong thân tâm, sanh

khởi trí tuệ sai lầm về thân tâm, tâm chưa hoàn toàn trong sạch lại cho rằng tâm đã hoàn toàn trong sạch, tâm chưa hoàn toàn thanh tịnh lại cho rằng tâm đã hoàn toàn thanh tịnh.

- Với người có trí tuệ sai lầm, trí tuệ không chân chánh, không chính xác về thân tâm thì tâm chưa chấm dứt được sanh tử lại tưởng rằng tâm đã chấm dứt được sanh tử, tâm chưa thật sự giải thoát lại tưởng rằng tâm đã thật sự giải thoát.

Tóm lại,

Với người có tà tri kiến, thì tà tư duy sanh khởi.

Với người có tà tư duy, thì tà ngữ sanh khởi.

Với người có tà ngữ, thì tà nghiệp sanh khởi.

Với người có tà nghiệp, thì tà mạng sanh khởi.

Với người có tà mạng, thì tà tinh tấn sanh khởi.

Với người có tà tinh tấn, thì tà niệm sanh khởi.

Với người có tà niệm, thì tà định sanh khởi.

Với người có tà định, thì tà trí sanh khởi.

Với người có tà trí, thì tà giải thoát sanh khởi.

Với người có tà giải thoát, tức là không có sự giải thoát chân chánh thì không chấm dứt được sanh tử, không chấm

dứt được phiền não, không diệt tận được bản ngã, vô minh, lậu hoặc, cấu uế, rác bần trong nội tâm.

Đó là sự sanh khởi và thành tựu một loạt những tà pháp sau khi tà tri kiến sanh khởi và thành tựu.

4.2.4 Tác hại của Tà kiến

Khi sự thật về thân tâm và thế giới không được thấy biết đúng thì chúng sanh sẽ bám chặt vào thân tâm Ngũ uẩn và thế giới Ngũ uẩn này, cho rằng thân tâm và thế giới Ngũ uẩn này là những thứ trường cửu, vững bền, rồi dính mắc, tham ái đối với chúng.

Do vô minh, vô trí đối với Ngũ uẩn nên khởi lên những tri kiến sai lầm, những tà kiến sai lầm về thân tâm, về thế giới, để rồi bản thân vướng mắc vào những tri kiến sai lầm và lại còn dẫn dắt người khác thực hành theo những tà kiến đó. Làm việc vô ích, bất lợi cho tự thân và lại còn dẫn dắt người khác làm những việc vô ích bất lợi đó.

Do dính mắc, trói buộc đối với thân tâm và cuộc sống nên khi thân tâm và cuộc sống thay đổi, biến đổi, hoại diệt thì tâm sanh luyến tiếc, bám víu, ám ảnh, khao khát, phiền não và khổ đau.

Với tâm có ám ảnh, có khao khát về thế giới Ngũ uẩn nên khi thân hoại mạng chung tâm này lại tiếp tục tìm đến thế giới Ngũ uẩn để tiếp tục chịu sự tạm bợ, vô thường, rỗng

không và vô nghĩa, làm cho sự đau khổ, phiền não và nước mắt không có điểm dừng. Đó là sự nguy hại của tâm có *Tà tri kiến*.

4.2.5 Duyên sanh khởi Chánh kiến

Có hai duyên làm chánh kiến sanh khởi, đó là: tiếng nói của người khác và như lý tác ý.

Khi nghe tiếng nói của người khác, nếu người nói đó hoặc người viết tập sách đó, người đề ra chủ trương đó là bậc chân nhân, bậc có chánh kiến, bậc thực hành và thuyết giảng đúng pháp, và người đọc, người nghe có cảm hứng, cảm tình, cảm xúc với lời nói đó, có sự đồng ý hoan hỷ với lời nói đó sau khi đã cân trọng tư duy theo nhân quả, cân trọng quán sát vấn đề dựa trên thực tế của cuộc sống, thực tế của thân tâm. Vị này chấp nhận vấn đề đã được nghe dựa trên cơ sở thực tế, khách quan, hợp với nhân quả, hợp lý, logic. Những dòng suy nghĩ của người này hướng vào việc tác ý để thể nhập chân lý, thể nhập sự thật của những điều đã được thấy, đã được nghe, đã được trình bày.

Do nhân duyên này mà sự hiểu biết chân chánh sanh khởi, trí tuệ chân chánh sanh khởi, niềm tin chân chánh sanh khởi, đường hướng tu tập chân chánh sanh khởi. Đây là sự sanh khởi của Chánh tri kiến.

4.2.6 Dòng chảy của Chánh kiến

- Với người có chánh kiến, có sự thấy biết chân chánh, thấy biết đúng pháp, đúng sự thật về thân tâm và cuộc sống thì những dòng suy nghĩ chân chánh, suy nghĩ đúng pháp được sanh khởi.
- Với người có những suy nghĩ chân chánh, đúng pháp thì những lời nói của vị này đi đến sự chân chánh, đúng pháp.
- Với người có lời nói chân chánh, đúng pháp thì hành động cũng sẽ dần đi đến sự chân chánh, đúng pháp.
- Với người có hành động chân chánh, đúng pháp thì việc nuôi mạng, sự kiếm sống của người này sẽ đi đến sự chân chánh, đúng pháp.
- Với người có sự nuôi mạng, sự kiếm sống một cách chân chánh, đúng pháp thì những nỗ lực, tinh tấn của vị này đi đến sự chân chánh, đúng việc.
- Với người có những nỗ lực, siêng năng chân chánh, đúng pháp thì tâm niệm của vị này được an trú trong sự chân chánh, đúng chỗ.
- Với người có tâm niệm được an trú chân chánh, đúng chỗ thì tâm dần đi đến sự định tĩnh chân chánh, đúng cách.

- Với người có tâm được định tĩnh một cách chân chánh, đúng cách thì sự thấy biết về tự thân được trong sáng, trong sạch, rõ ràng, chính xác. Tâm còn rác bần thì biết rõ tâm còn rác bần, tâm hết rác bần thì biết rõ tâm hết rác bần. Trí tuệ chân chánh, trí tuệ chính xác, xác thực về tự thân sanh khởi.
- Với người có trí tuệ chân chánh, chính xác về tự thân thì khi tâm vị này còn vô minh, lậu hoặc thì biết rõ tâm còn vô minh, lậu hoặc; khi tâm hết vô minh, lậu hoặc thì biết rõ tâm hết vô minh, lậu hoặc. Vị này không bị sai lầm trong khi xác định sự còn hay hết của vô minh và lậu hoặc trong tự thân. Khi vị này tuyên bố đạt lậu tận thì vị này thật sự đạt lậu tận. Khi vị này tuyên bố đã chấm dứt được sanh tử thì vị này thật sự đạt được sự chấm dứt sanh tử. Vị này không bị rơi vào trường hợp: cho rằng mình đã giải thoát nhưng trên thực tế khi thân hoại mạng chung thì vẫn tiếp tục bị dẫn đi trong sanh tử mà không hay không biết. Tóm lại, với vị có Chánh tri kiến được thành tựu thì sẽ đi đến sự thành tựu Chánh giải thoát, sẽ thật sự đạt được sự giải thoát hoàn toàn khỏi sanh tử, giải thoát hoàn toàn khỏi những thống khổ do sanh tử mang lại.

Đó là sự sanh khởi và thành tựu một loạt những pháp chân chánh sau khi Chánh tri kiến sanh khởi và thành tựu.

4.2.7 Lợi ích của Chánh kiến

Sự thấy biết đúng về thân tâm và cuộc sống sẽ giúp cho tâm thức tỉnh trước cái gọi là thân tâm và cuộc sống.

Do tự thân thấy biết rõ về thân tâm và cuộc sống nên dẫn dắt người khác cũng thấy biết rõ tự thân và cuộc sống của họ. Làm việc có lợi ích cho tự thân và lại còn dẫn dắt người khác làm việc có lợi ích cho bản thân họ.

Từ sự thức tỉnh này, tâm sẽ không còn tham đắm, dính mắc, trói buộc với những tà kiến, những tri kiến sai lầm về thân tâm và cuộc sống, tâm đạt được sự hoàn toàn giải thoát khỏi những thứ có bản chất là tạm bợ, vô thường, biến đổi, hoại diệt, phiền não và khổ đau. Đó là lợi ích của tâm có *Chánh tri kiến*.

5 CHÁNH KIẾN SỰ CHUYỂN PHÁP LUÂN CỦA ĐỨC PHẬT

5.1 Xác định sự Chuyển Pháp Luân của Đức Phật

5.1.1 Kinh Phân Biệt Về Sự Thật (*Trung III*, bài 141)

(Saccavibhangacitta Suttam)

(Trích đoạn)

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), Isipatana (chỗ chur Tiên đạo), tại Migadāya (Lộc Uyển). Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- “Này các Tỷ-kheo”.

- “*Bạch Thế Tôn*”. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- ***Vô thượng Pháp luân*** đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chur Tiên đạo, tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chur Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại, tức là ***sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Bốn Thánh Đế***.

Thế nào là bốn?

- *Sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng,*

phân biệt, hiển lộ Khổ Thánh đế.

- Sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Khổ Tập Thánh đế.
- Sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Khổ Diệt Thánh đế.
- Sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Khổ Diệt Đạo Thánh đế.

Vô thượng Pháp luân, này các Tỷ-kheo, đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Bốn Thánh Đế.

Này các Tỷ-kheo,

- Hãy thân cận Sāriputta và Moggallāna.
- Hãy gần gũi Sāriputta và Moggallāna.
- Các vị ấy là những Tỷ-kheo hiển trí (pandita), là những vị sách tấn các đồng Phạm hạnh.
- Như một sanh mẫu, như vậy là Sāriputta!
- Như một duồng mẫu, như vậy là Moggallāna!
- Sāriputta hướng dẫn đến quả **Dự lưu**,
- Còn Moggallāna hướng dẫn đến **tối thượng nghĩa**.

- *Này Tỷ-kheo, Sāriputta có thể khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt hiển lộ một cách rộng rãi Bốn Thánh Đế.*

Thế Tôn nói như vậy; nói như vậy xong, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền gọi các Tỷ-kheo:

- *“Này chư Hiền”.*
- *“Thưa vâng, Hiền giả”.*

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

- Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Bốn Thánh Đế...

- *Và này chư Hiền, thế nào là **Khổ Thánh đế**?*

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ; cầu không được là khổ. Tóm lại Năm thủ uẩn là khổ.

Này chư Hiền, thế nào là sanh?

- *Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của chúng, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn. Nay chư Hiền, như vậy gọi là sanh.*

*Này chư Hiền, thế nào là **già**?*

- *Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự niên lão, sự hủy hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại. Nay chư Hiền, như vậy gọi là già.*

*Này chư Hiền, thế nào là **chết**?*

- *Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi. Nay chư Hiền, như vậy gọi là chết.*

*Này chư Hiền, thế nào là **sầu**?*

- *Này chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự sầu của người ấy. Nay chư Hiền, như vậy gọi là sầu.*

*Này chư Hiền, thế nào là **bi**?*

- *Này chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay*

sự đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy. Đây chư Hiền, như vậy gọi là bi.

*Này chư Hiền, thế nào là **khổ**?*

- *Này chư Hiền, sự đau khổ về thân, sự không sáng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sáng khoái do thân cảm thọ. Đây chư Hiền, như vậy gọi là khổ.*

*Này chư Hiền, thế nào là **ưu**?*

- *Này chư Hiền, sự đau khổ về tâm, sự không sáng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sáng khoái do tâm cảm thọ. Đây chư Hiền, như vậy gọi là ưu.*

*Này chư Hiền, thế nào là **não**?*

- *Này chư Hiền, với những ai gặp tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự áo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy. Đây chư Hiền, như vậy gọi là não.*

*Này chư Hiền, thế nào là **cầu bất đắc khổ**?*

- *Này chư Hiền, chúng sanh bị sanh chi phối, khởi sự mong cầu: “Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối!” “Mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh”. Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc*

khổ.

- *Này chư Hiền, chúng sanh bị già chi phối... chúng sanh bị bệnh chi phối... chúng sanh bị chết chi phối... chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối, khởi sự mong cầu: “Mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối!” Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy, gọi là cầu bất đắc khổ.*

*Này chư Hiền, như thế nào là “**Tóm lại, Năm thủ uẩn là khổ**”?*

- *Như sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này chư Hiền, như vậy “tóm lại, Năm thủ uẩn là khổ”.*
- *Này chư Hiền, thế nào là **Khổ tập Thánh đế**?*
 - *Sự tham ái đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia; như dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ tập Thánh đế.*
- *Này chư Hiền, và thế nào là **Khổ diệt Thánh đế**?*
 - *Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy). Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ diệt Thánh đế.*
- *Này chư Hiền, thế nào là **Khổ diệt đạo Thánh đế**?*
 - *Đó là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng,*

chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này chư Hiền, thế nào là Chánh Tri Kiến?

- *Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.*

Này chư Hiền, thế nào là Chánh Tư Dục?

- *Tư dục về ly dục, tư dục về vô sân, tư dục về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tư dục.*

Này chư Hiền, thế nào là Chánh Ngữ?

- *Tư chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.*

Này chư Hiền, thế nào là Chánh Nghiệp?

- *Tư chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.*

Này chư Hiền, thế nào là Chánh Mạng?

- *Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh mạng.*

Này chư Hiền, và thế nào là Chánh Tinh Tấn?

- *Này chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.*
- *Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.*
- *Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.*
- *Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.*

Này chư Hiền, thế nào là Chánh Niệm?

- *Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời.*
- *Sống quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời.*
- *Sống quán tâm trên các tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời.*
- *Sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác,*

chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh niệm.

Này chư Hiền, thế nào là Chánh Định?

- *Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ.*
- *Diệt tâm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.*
- *Ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.*
- *Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh định. Đây chư Hiền, như vậy gọi là Khổ diệt đạo Thánh đế.*

Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba-la-nại, Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Bốn Thánh Đế.

Tôn giả Sāriputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sāriputta dạy.

(Hết trích kinh)

5.1.2 Đức Phật đã chuyển Vô Thượng Pháp Luân gì?

Thượng là trên. Vô là không. Vô thượng là không có cái trên cái này, không có điều hơn điều này.

Vô thượng pháp là không có pháp nào cao hơn pháp này, không có điều gì cao quý hơn, tốt đẹp hơn điều này.

Luân là luân chuyển, lưu chuyển, lưu thông, vận hành, phổ biến, ban bố rộng rãi.

Vô Thượng Pháp Luân là những điều mà không có cái gì hơn đã được luân chuyển, lưu thông, công bố, ban bố rộng rãi cho cuộc đời này.

Chuyển Pháp Luân là sự trao truyền trí tuệ, sự chuyển giao trí tuệ, sự khai mở trí tuệ mà Đức Phật đã giác ngộ đến cho chúng sanh trong thế giới này.

Và bài kinh trên đã làm sáng tỏ: Điều mà không có gì có thể hơn được trong cuộc đời này đã được Đức Phật khai thị, được Đức Phật đem đến cho cuộc đời này chính là “*Sự Thật về Cuộc đời, Sự thật về Cuộc sống*”, tức là **Bốn Thánh Đế**. Sự khai thị, khai mở, trình bày, thuyết giảng, khai minh, hiển lộ Bốn Thánh Đế cho cuộc đời này được

gọi là Chuyển Pháp Luân.

Bốn Thánh Đế chính là Bốn Sự Thật về Khổ mà bậc Thánh đã giác ngộ, đã thấy biết.

Bốn Thánh Đế cũng là Bốn Sự Thật về Cuộc sống đã được Đức Phật phơi bày, vạch trần, làm sáng tỏ.

Bốn Thánh Đế cũng được Đức Phật gọi là Thánh pháp vô thượng trên cuộc đời này.

Tóm lại, Vô Thượng Pháp Luân mà Đức Phật đã khai thị, đã trao truyền cho cuộc đời này chính là Bốn Thánh Đế. Đây là điều mà người con Phật cần đặc biệt lưu tâm, cần có sự tìm hiểu học hỏi cẩn trọng và cần có sự tôn trọng cung kính đúng pháp.

5.2 Pháp Vô Thượng trong đạo Phật

5.2.1 Vì sao Bốn Thánh Đế được gọi là Pháp Vô Thượng?

- *“Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Bốn Thánh Đế”.*

Vì sao Bốn Thánh Đế hay Bốn Sự Thật về Cuộc sống được Đức Phật nói là Pháp vô thượng, điều tối thượng trên đời?

Bốn Thánh Đế chính là Bốn Sự Thật về Khổ. Bốn Sự Thật về Khổ chính là Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn. Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn chính là Bốn Trí về Ngũ uẩn, mà sự vận hành của Ngũ uẩn chính là sự vận hành của cuộc sống, sự vận hành của thế giới; sự hiện hữu của Ngũ uẩn là sự hiện hữu của cuộc sống, sự hiện hữu của thế giới. Cho nên, thành tựu Trí về Ngũ uẩn cũng chính là khi thành tựu Trí về Thế giới, Trí về Cuộc sống.

Thế giới này được Đức Phật gọi là thế giới của Ngũ uẩn. Cuộc sống này chính là cuộc sống của Ngũ uẩn. Khi thông hiểu mọi hành tướng của Ngũ uẩn, thông hiểu tất cả những khía cạnh thô tế của Ngũ uẩn, thông hiểu tất cả những duyên sanh diệt của Ngũ uẩn, thông hiểu bản tánh của Ngũ uẩn, thông hiểu phương pháp tu tập đưa đến diệt tận dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc trong Ngũ uẩn, - Đó được gọi là thông hiểu Ngũ uẩn, thành tựu Trí về Ngũ uẩn.

Khi Ngũ uẩn được thông hiểu thì thế giới được thông hiểu. Khi Ngũ uẩn được giải mã thì thế giới được giải mã. Khi Ngũ uẩn được thấy biết trọn vẹn thì thế giới được thấy biết trọn vẹn. Khi không một hoạt động nào của Ngũ uẩn mà không được tâm này thấy biết thì không một cái gì, không

một điều gì trong thế giới này vận hành, hoạt động mà tâm này không thấy không biết. Tóm lại, khi Trí về Ngũ uẩn được thành tựu tức là Trí về thế giới được thành tựu.

Khi Trí tuệ về thế giới được thành tựu trọn vẹn thì Trí tuệ này là tối thượng ở trên đời, không còn có một trí tuệ nào có thể cao hơn trí tuệ này. Vì vậy, Đức Phật gọi Bốn Thánh Đế là Vô Thượng Pháp, là Tối Thượng Pháp ở trên đời và không một ai có thể xuyên tạc, phỉ báng, nói ngược lại những điều này. Đó là ý nghĩa của câu: *“Không một Samôn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại”*.

Lời nói của Đức Phật thật không sai, giai đoạn Đức Phật còn tại thế và các bậc Thánh đệ tử thời Đức Phật còn tại thế thì không ai có thể chặn đứng được sự thật này, không ai có thể chuyển vận ngược lại các sự thật này, không ai có thể xuyên tạc, phỉ báng, chê bai, xem thường Thánh pháp tối thượng này. Vì có sao? Vì trước ánh sáng trí tuệ của Đức Phật và trước ánh sáng trí tuệ của các bậc Thánh tăng, Thánh ni, Thánh cư sĩ thời Đức Phật thì mọi tà thuyết, mọi âm mưu phá hoại đạo Phật, mọi âm mưu làm lu mờ Bốn Thánh Đế, làm lu mờ Bốn Sự Thật về cuộc sống, tất cả những lập luận gian tà, xảo trá, nguy hiểm, lừa dối, vô minh của ngoại đạo thời đó đều bị Đức Phật và các bậc Thánh đệ tử thời Đức Phật phát giác, phát hiện, vạch trần, phơi bày và đập tan. Vì vậy, Đức Phật đã nói rằng: “không một

ai ở đời có thể chặn đứng, xuyên tạc, phỉ báng hoặc làm cho người khác xem thường Bốn Thánh Đế, xem thường các Sự Thật, các Thánh pháp với Thánh Trí tối thượng này”.

Nhưng đáng tiếc thay, sau khi Đức Phật nhập diệt, sau khi các bậc Thánh đệ tử thời Đức Phật nhập diệt thì Thánh Pháp Vô Thượng này, Thánh Trí Tối Thượng này đã bị xuyên tạc, bị xem thường, bị để qua một bên và bị đưa vào quên lãng. Vì vậy, bổn phận của người con Phật ngày nay cần lật lại trang sử của đạo Phật ngày xưa một cách cẩn trọng, cần làm sáng tỏ trang hùng sử của đạo Phật và cần làm cho trang hùng sử này rực sáng và chói sáng lại giữa cuộc đời đầy vô minh tăm tối này. Bổn phận của người con Phật ngày nay cần nghiên cứu, học hỏi cẩn trọng Bốn Thánh Đế để làm sáng tỏ Thánh pháp tối thượng cao quý mà ngày xưa Đức Phật đã tuyên bố, đã truyền trao. Người con Phật ngày nay cần làm rực sáng Thánh trí tối thượng thần diệu này. Đừng đến với đạo Phật một cách hời hợt. Đừng tìm hiểu đạo Phật một cách sơ sài với những tài liệu không chân chánh, không chính xác về đạo Phật, không chính xác về lời Phật dạy để rồi tiền mất, tật mang, không thoát khỏi khổ, luân hồi, phiền não và nước mắt.

5.2.2 Đức Phật, bậc Vô Thượng Sĩ thuyết giảng Vô Thượng Pháp

Trong bài kinh Thủ Chuyển, Đức Phật nói rõ rằng khi Ngài

chưa thành tựu trí tuệ về Ngũ uẩn thì khi đó Ngài chưa tuyên bố Ngài đã chứng Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cho đến khi Ngài thành tựu Trí về Ngũ uẩn thì khi đó Ngài mới tuyên bố là đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là Ngài đã thành tựu trí tuệ tối thượng, trí tuệ thấy biết trọn vẹn, thấy biết đầy đủ tất cả mọi góc độ, mọi khía cạnh của cuộc sống. Tất cả sự vận hành và sự sanh diệt của Thế Giới được Ngài thấy biết trọn vẹn, thấy biết đầy đủ, thấy biết hoàn hảo, đó là ý nghĩa của danh từ Chánh Đẳng Chánh Giác.

Như vậy, Bốn Thánh Đế hay Bốn Sự Thật về Khổ, hay Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn, hay Bốn Sự Thật về Thế Giới, đó chính là Bốn Trí Tuệ về Thế Giới, là tất cả những gì đang có mặt, đang vận hành và đang hoạt động trong thế giới. Thông hiểu Bốn Thánh Đế là thông hiểu về Thế Giới. Thông hiểu Bốn Thánh Đế là thông hiểu cuộc sống, là giải mã cuộc sống, là giải mã Thế Giới.

Khi trí tuệ trong Bốn Thánh Đế được làm sáng tỏ, khi sự thật trong Bốn Thánh Đế được thông hiểu, được thấy biết rõ đó chính là sự thật về thế giới được phơi bày, được vạch trần, được giải mã. Thế giới không còn mờ lung, không còn mờ mịt trước trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Bản chất của thế giới đã bị lộ diện, hành tướng của thế giới đã bị phơi bày, hoạt động của thế giới đã bị nêu rõ. Thế giới đã bị Đức Phật nắm gọn trong lòng bàn tay. Ngài thấy

biết rõ bản chất của thế giới và Ngài vượt thoát khỏi thế giới, Ngài vượt thoát khỏi mọi ràng buộc, mọi uế nhiễm của thế giới. Ngài vượt thoát khỏi tất cả những phiền não và đau khổ của thế giới. Ngài vượt thoát khỏi sự vô thường, tạm bợ, mong manh, dễ vỡ, dễ tan, vô nghĩa, vô tình, bất an, nguy hiểm của thế giới. Ngài vượt thoát khỏi sự sanh, sự già, sự bệnh, sự chết của thế giới. Ngài vượt thoát khỏi tù ngục của thế giới. Ngài đã chiến thắng thế giới. Ngài là bậc đại anh hùng, bậc anh hùng vĩ đại, bậc đại hùng, đại lực đã chiến thắng thế giới, chiến thắng sự vô minh trong thế giới, chiến thắng sự chi phối, sự dẫn dắt, sự khống chế của thế giới. Ngài là bậc Đại Sĩ, bậc Vô Thượng Sĩ ở trên đời.

Đức Phật được gọi là bậc Vô Thượng Sĩ vì Ngài thành tựu trí tuệ vô thượng ở trên đời, Ngài đã thông tỏ hoàn toàn về cuộc đời, thông tỏ hoàn toàn về thế giới. Đức Phật được gọi là Bậc Đại Sĩ vì Ngài là Bậc có Trí Tuệ Vĩ Đại. Trí tuệ của Ngài đã đâm thủng vô minh, đã phá tan lớp màn vô minh sâu dày của thế giới. Trí tuệ của Ngài đã phá vỡ bức màn bí mật về dòng luân hồi sanh tử. Trí tuệ của Ngài đã vạch trần bộ mặt của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã. Trí tuệ của Ngài đã lật tẩy bản chất của cuộc đời, phơi bày bản chất của cuộc sống, vạch trần bản chất của thế giới.

Trí tuệ của Ngài đã phá vỡ, phá tan, phá sập tất cả những gì si ám trên cuộc đời này, phá tan tất cả những màn đêm

đen tối che ám cuộc đời, phơi bày tất cả những sự thật về cuộc đời. Trí tuệ của Ngài đã xuyên thấu thế giới, đã đâm thủng thế giới, đã vạch trần thế giới. Vì vậy, Đức Phật được gọi là bậc Vô Thượng Sĩ, bậc đã thành tựu trí tuệ vô thượng, trí tuệ tối thượng về thế giới, bậc đã chiến thắng thế giới, đã chiến thắng tham, sân, si, dục, ái, bản ngã, vô minh, lậu hoặc trong thế giới. Ngài xứng đáng để thế gian tôn vinh, tôn sùng, tôn kính, kính lễ. Ngài xứng đáng với danh xưng là Bậc Tối Thượng ở trên đời. Như vậy, Bậc Vô Thượng Sĩ đã thuyết giảng Vô Thượng Pháp, đã khai thị Vô Thượng Trí Tuệ cho cuộc đời, tức là Ngài đã khai thị, trình bày, thuyết giảng, khai minh Bốn Thánh Đế, hay Bốn Sự Thật về Thế giới, hay Bốn Trí Tuệ Tối Thượng trên cuộc đời.

5.2.3 Vì sao không dễ nhìn ra Sự thật của cuộc sống?

Thánh pháp tối thượng đã được Đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân đã phát giác, phát hiện ra. Nếu không có bậc Tối Thượng Nhân xuất hiện ở đời thì Tối Thượng Pháp, Vô Thượng Pháp ở trên đời sẽ không được thấy biết, không được phát hiện, không được trình bày, không được khai thị một cách minh bạch, rõ ràng, chân chánh và chính xác. Vì vậy, Đức Phật đã nói: “Khó thay nghe diệu pháp! Khó thay Phật ra đời!” (Pháp Cú 182). Diệu pháp vô thượng mà Đức Phật đã giảng dạy chính là Bốn Thánh Đế hay Bốn Thánh

Trí về Ngũ uẩn, Bốn Sự Thật về Cuộc đời. Câu Pháp Cú trên đã cho chúng ta một thông điệp rằng: Không dễ để có thể thông hiểu Bốn Thánh Đế, không dễ để có thể thông hiểu Thánh Pháp Vô Thượng, không dễ để có thể thông hiểu Sự Thật về Cuộc sống, và sự xuất hiện của Đức Phật, sự xuất hiện của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác ở đời là điều hiếm hoi, hy hữu, hiếm có.

Nhưng vì sao không dễ gì để có thể nhìn ra được sự thật của cuộc đời, không dễ gì để có thể thấy biết rõ sự thật của cuộc sống, không dễ gì để có thể thành tựu trí tuệ về thế giới nếu như Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không xuất hiện ở đời?

Chúng sanh sinh ra trong đời, lớn lên trong đời, già chết trong đời nhưng không nhìn ra được bản chất của đời, không nhìn ra được sự thật cuộc đời nên chúng sanh hôn mê trong đời, chạy theo đời, chạy theo dục, ái, tham, sân, si, bần ngã trong đời, bị đời dẫn dắt, bị đời chi phối, bị đời khống chế, bị đời diệt vong, bị đời làm cho đau khổ, phiền não, khổ não, đầy nước mắt.

Chúng sanh sinh ra trong đời, lớn lên trong đời rồi chết trong đời nhưng không biết rõ sự thật của đời, không biết rõ đời đang dẫn dắt mình như thế nào, không biết rõ đời đang khống chế mình như thế nào, không biết rõ đời đang giam hãm mình như thế nào, không biết rõ đời đang làm

khổ mình như thế nào.

Chúng sanh sinh ra trong đời, lớn lên trong đời, nhưng chúng sanh không biết rõ cái gì đang khống chế đời, cái gì đang dẫn dắt đời, cái gì đang hành hạ đời, cái gì đang lôi kéo những cuộc đời rỗng không, vô nghĩa cứ mãi tiếp nối, cứ mãi sanh sanh diệt diệt trong tạm bợ, vô thường, phiền não, bất an, mong manh, dễ tan, dễ vỡ.

Chúng sanh sinh ra trong đời, lớn lên trong đời, đau khổ vì đời, chết gục trong đời nhưng không biết một chút sự thật nào về đời thì còn gì đáng thương hơn, còn gì cay đắng hơn cho các chúng sanh.

Nhưng điều cay đắng nhất trên đời, điều khó khăn nhất trên đời chính là không dễ gì để nhìn ra được sự thật của đời, không dễ gì để nhìn ra được bộ mặt thật của cuộc sống. Chỉ cho đến khi nào có một vị với đầy đủ túc duyên, đầy đủ nhân duyên hiền thiện, thiện lành, giới đức trong sạch, thanh cao, tối thượng, nội tâm đã hoàn toàn định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản. Vị này dẫn tâm, hướng tâm nhu nhuyến thuần tịnh này tìm về đời sống quá khứ của mình và đời sống của các chúng sanh. Và với thiện duyên hội đủ, vị này nhớ lại được vô số vô lượng lần sanh tử của mình và nhìn thấy được những nẻo đường sanh tử của các chúng sanh, khi đó vị này mới có thể phát giác phát

hiện ra bộ mặt thật của đời sống, bộ mặt thật của dòng sanh tử. Và những ai quen biết với vị này, được nghe sự khai thị của vị này về bộ mặt thật của đời sống thì khi đó các vị đó mới có thể thấy biết được sự thật về đời sống.

Như vậy, sự thật về đời sống là điều hoàn toàn không phải dễ để có thể nhìn ra, không phải dễ để có thể thấy biết. Nếu bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không xuất hiện trên cuộc đời này thì Sự Thật về Cuộc đời sẽ chìm trong bóng tối. Nếu ai không được thấy, không được nghe bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác hay những vị đệ tử chân chánh của Ngài thuyết giảng thì đối với người đó Sự Thật về Cuộc đời vẫn bị chìm trong bóng đêm. Dù sự thật về cuộc đời vẫn đang hiện hữu sờ sờ ra đó, nhưng vô minh đã che lấp sự thấy biết của chúng sanh, vô minh đã phủ lên tâm của chúng sanh một màn đêm đen tối. Vì vậy, không dễ gì để chúng sanh có thể tự mình thấy biết sự thật về thân tâm, sự thật về thế giới.

5.2.4 Ai có thể tiếp nhận Thánh Pháp Vô Thượng này?

Như vậy, sự thấy biết về sự thật của cuộc sống là điều thật sự hy hữu, vi diệu, hiếm có. Sự tuyên bố, sự khai thị, sự chỉ dạy về sự thật của cuộc sống là điều thật sự hy hữu, vi diệu, hiếm có. Người có thể tự mình thấy biết sự thật của cuộc sống là người thật sự hy hữu, vi diệu, hiếm có. Do đó,

Đức Phật đã tuyên bố rằng: “Khó thay, nghe diệu pháp! Khó thay, Phật ra đời!”.

Trong kinh Nikaya, mỗi khi Đức Phật thuyết giảng Chánh pháp thì các vị thời đó đã thốt lên câu:

“Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn. Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn. Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che giấu, chỉ đường cho người bị lạc lối, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp (những điều chân thật, chân chánh, những sự thật chân chánh về cuộc đời) đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng”.

Vì sao khi nghe Đức Phật thuyết giảng, người có trí, người có mắt lại thốt lên những lời như vậy?

Vì mỗi một lời Đức Phật thốt ra là một sự thật về cuộc sống, một chân lý trong cuộc sống, một logic trong cuộc sống, một sự thật bị lãng quên trong cuộc sống. Và bất cứ ai khi nghe những lời này, nếu như đó là người không bị tâm thần, không bị thành kiến, định kiến, tà kiến chi phối, không bị ngu si đần độn thì đều công nhận, đều chấp nhận sự thật đó. Vì vậy, mà Đức Phật thường nói: “Pháp mà Ngài tuyên

thuyết là thiết thực ở hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu”. Và “người có trí” trong câu kinh này chính là “người có mắt” trong câu kinh trên.

“Người trí” hay “người có mắt” là người với tâm trong sáng, khách quan, tâm không có thành kiến, định kiến, không có tà kiến, không có kiến thủ, tâm không phe phái, tâm không bệnh hoạn, tâm không cứng đầu, ương ngạnh, chống đối, tâm không bị vô minh che kín hoàn toàn, tâm cởi mở, biết chấp nhận những vấn đề khi được trình bày một cách minh bạch, rõ ràng, thực tế, logic, hợp nhân quả, đúng pháp. Người có tâm như vậy được gọi là “người trí” hay “người có mắt”.

Như vậy, sự thật của cuộc sống, những điều chân thực, thiết thực ở hiện tại trong cuộc sống mà Đức Phật chỉ dạy, trình bày, không phải ai cũng có thể đón nhận, không phải ai cũng có thể chấp nhận, mà chỉ có những người trí, những người có mắt mới có thể giác hiểu. Và khi đã nhận hiểu được những sự thật này thì các vị này đã thoát lên lời tán thán Đức Phật như trên.

5.3 Tác dụng Tám Đúng trong Vô Thượng Pháp Luân

Pháp Tám Chánh hay Phương Pháp Tám Đúng trong Bốn Thánh Đế hay trong Vô Thượng Pháp Luân đó là phương

pháp tu tập hoàn hảo và thiện xảo, chu toàn và chu đáo, vi diệu và thần diệu, có khả năng đánh bật mọi góc độ, mọi khía cạnh, mọi hình thức hoạt động ẩn hiện thô tế của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc. Tác dụng của Phương Pháp Tám Đúng hay Bát Chánh Đạo thật siêu việt, tinh tế, tinh vi, thâm sâu, thần diệu và tuyệt vời. Điều này sẽ được trình bày rõ trong phần dưới đây.

5.3.1 Tác dụng của Thấy biết đúng

Với “Chánh tri kiến” hay “Thấy biết đúng” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật đã chỉ dạy cho chúng sanh thấy biết rõ thế nào là những tri kiến, những thấy biết chân chánh, đúng pháp về thân tâm và cuộc sống mà một người tu cần phải tu tập thực hành để thành tựu trí tuệ.

Nhờ sự chỉ dạy này của Đức Phật mà chúng sanh đã thấy biết rõ thế nào là cái nhìn, cái thấy không chân chánh, không đúng pháp về thân tâm và cuộc sống. (Mời xem kỹ phần *Chánh Kiến Trong Nikāya*).

Đức Phật giúp người tu thấy biết rõ những sự thật về cuộc sống. Ngài làm sáng tỏ sự thấy biết sai lầm, cái nhìn, cái thấy sai lầm của chúng sanh, rồi từ đó chúng sanh mới từ bỏ những tri kiến sai lầm này.

Như vậy, Chánh tri kiến hay Thấy biết đúng có tác dụng làm lộ diện những tri kiến sai lầm, những thấy biết sai lầm

về cuộc sống. Nhờ có *Chánh tri kiến* mà chúng sanh mới thấy biết rõ thế nào là *Tà tri kiến*. Nhờ thấy biết rõ tà kiến mà chúng sanh mới từ bỏ tà kiến. Nếu không có sự giảng dạy của Đức Phật về chánh tri kiến, sự thấy biết đúng trong cuộc sống thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong sự thấy biết của mình, sẽ không biết được thế nào là thấy biết đúng và thấy biết sai về cuộc sống. Chúng sanh sẽ nhìn thân tâm và cuộc sống một cách méo mó, sai lầm, lệch lạc với nội tâm bị vô minh che đậy và bị khát ái trói buộc.

Tóm lại, Chánh tri kiến hay Thấy biết đúng trong Pháp Tám Đúng có tác dụng đánh bật, đánh bật gốc “*Tà tri kiến*”, tiêu diệt sự “*Thấy biết sai*” về thân tâm và thế giới, diệt tận vô minh trong khía cạnh nhân sinh quan và thế giới quan.

5.3.2 Tác dụng của Suy nghĩ đúng

Với “Chánh tư duy” hay “Suy nghĩ đúng” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật đã trình bày, chỉ dạy cho chúng sanh biết rõ thế nào là những tư duy suy nghĩ chân chánh, đúng pháp mà một người tu cần phải tu tập thực hành.

Nhờ sự chỉ dạy này của Đức Phật mà những suy nghĩ bất chánh, không đúng pháp, không tương xứng với một người tu đã bị phơi bày, bị thấy biết. Đức Phật giúp người tu thấy biết rõ những điều nên suy nghĩ và những điều không nên

suy nghĩ. Ngài giúp người tu sáng tỏ, trạch pháp trong sự suy tư suy nghĩ của mình, giúp người tu từ bỏ những dòng suy nghĩ bất chánh, từ bỏ những suy nghĩ ngu si đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai, từ bỏ những suy nghĩ trong vô minh, khát ái, từ bỏ những suy nghĩ trong tham, sân, si, bản ngã. Ngài đã làm sáng tỏ vấn đề suy nghĩ sai và suy nghĩ đúng, chánh tư duy và tà tư duy.

Thế nào là Tà tư duy?

- Dục tư duy
- Sân tư duy
- Hại tư duy

Dục tư duy là những suy tư, suy nghĩ tơ tưởng về dục, suy nghĩ mong muốn việc này việc kia, suy nghĩ mong muốn những sắc, tài, danh, lợi trong cuộc sống, suy nghĩ tìm cách để thỏa mãn những dục vọng, thỏa mãn những mong muốn dục lạc của thế gian.

Sân tư duy là những suy tư, suy nghĩ sân hận, hờn giận, tức giận việc này việc kia, những suy nghĩ chìm lún trong sân si, hơn thua, đấu đá, trả đũa, những suy nghĩ tìm cách để thỏa mãn lòng sân của mình.

Hại tư duy là những tư duy tai hại, nguy hại, bất thiện, nghĩ việc này việc kia để làm hại người này, người kia, làm hại tự thân. Ba dòng suy nghĩ này gọi là tà tư duy.

Thế nào là Chánh tư duy?

- Ly dục tư duy
- Ly sân tư duy
- Bất hại tư duy

Ly dục tư duy là những suy tư, suy nghĩ về việc ly dục, suy nghĩ từ bỏ những dục vọng, từ bỏ những ham muốn đối với sắc, tài, danh, lợi trên đời; những suy nghĩ không thèm muốn dục lạc của thế gian; những suy nghĩ nhằm chán, ly tham, đoạn diệt đối với dục; những suy nghĩ tác ý tìm cách để từ bỏ dục, tìm cách để nhiếp phục dục, tìm cách để chế ngự dục, tìm cách để diệt tận dục và diệt tận những pháp bất thiện trong nội tâm. Đó là ly dục tư duy.

Ly sân tư duy là những suy tư, suy nghĩ về lòng từ, suy nghĩ về sự cảm thông, sự hiểu thương, sự tha thứ; suy nghĩ về lợi ích của sự không sân hận và tai hại của sân si; suy nghĩ sợ hãi lòng sân, sợ hãi tâm sân, chán ngán tâm sân, ghê sợ tâm sân; suy nghĩ cách làm sao để có thể diệt sân một cách hoàn toàn. Đó là ly sân tư duy.

Bất hại tư duy là những suy tư, suy nghĩ không làm hại mình, không làm hại người, không làm hại cả hai. Thế nào là những suy nghĩ không làm hại mình, hại người, hại cả hai? Đó là những suy nghĩ về chánh kiến, chánh tư duy... chánh định; suy nghĩ về những lời Phật dạy, suy nghĩ về

các bậc Thánh nhân, suy nghĩ về từ bi hỷ xả. Đó là bất hại tư duy.

Như vậy, “Chánh tư duy” hay “Suy nghĩ đúng” có tác dụng loại bỏ những suy nghĩ sai lầm của chúng sanh. Nhờ có chánh tư duy mà chúng sanh mới biết rõ thế nào là tà tư duy. Nhờ biết rõ về tà tư duy mà chúng sanh mới từ bỏ tà tư duy. Nếu không có sự giảng dạy của Đức Phật về chánh tư duy thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong những tư duy suy nghĩ của mình, không biết được thế nào là suy nghĩ chân chánh và suy nghĩ bất chánh, bất thiện, rồi chìm đắm trong những dòng suy nghĩ bất thiện, chìm đắm trong những suy nghĩ về dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, đưa đến khổ cho tự thân.

Như vậy, tác dụng của Suy nghĩ đúng hay Chánh tư duy là dùng để đánh bật, đánh bật gốc Tà tư duy, diệt trừ những tư duy suy nghĩ sai quấy, diệt trừ những tư tưởng chất chứa khổ, đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai. Đó là tác dụng và lợi ích trong việc tu tập chánh tư duy, tu tập những suy nghĩ chân chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy trong đạo lộ đưa đến sự chấm dứt sanh tử.

5.3.3 Tác dụng của Lời nói đúng

Với “Chánh ngữ” hay “Lời nói đúng” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật đã trình bày, chỉ dạy cho chúng sanh biết

rõ thế nào là những lời nói chân chánh, đúng pháp mà một người tu cần phải tu tập thực hành. Nhờ sự chỉ dạy này của Đức Phật mà những lời nói không chân chánh, không đúng pháp, không tương ứng với một người tu đã bị phơi bày.

Với Chánh ngữ, Đức Phật đã giúp cho người tu thấy biết rõ những điều nên nói và những điều không nên nói. Ngài giúp người tu sáng tỏ, trạch pháp trong khẩu hành, trong lời nói của mình, giúp người tu từ bỏ những lời nói bất chánh, bất thiện, từ bỏ những lời nói theo tập khí, nói trong vô minh, từ bỏ những lời nói trong tham, sân, si, bản ngã, không tạo những ác hạnh về lời nói, không tạo những khẩu nghiệp đưa đến quả báo khổ ở hiện tại và khổ ở tương lai. Đức Phật đã làm sáng tỏ vấn đề lời nói đúng và lời nói sai, chánh ngữ và tà ngữ.

Thế nào là Tà ngữ?

- Tự mình nói dối, khuyến khích người nói dối, tùy thuận nói dối, tán thán nói dối.
- Tự mình nói hai lưỡi, khuyến khích người nói hai lưỡi, tùy thuận nói hai lưỡi, tán thán nói hai lưỡi.
- Tự mình nói lời thô ác, khuyến khích người nói lời thô ác, tùy thuận nói lời thô ác, tán thán nói lời thô ác.

- Tự mình nói linh tinh, khuyến khích người nói chuyện linh tinh, tùy thuận nói linh tinh, tán thán nói linh tinh.

Trên đây là những lời nói đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai mình và người.

Thế nào là Chánh ngữ?

- Tự mình từ bỏ nói dối, không khuyến khích người nói dối, không tùy thuận nói dối, không tán thán nói dối, tập nói lời chân thật và khuyến khích người nói lời chân thật.
- Tự mình từ bỏ nói hai lưỡi, không khuyến khích người nói lời hai lưỡi, không tùy thuận nói hai lưỡi, không tán thán nói hai lưỡi, tập nói lời đưa đến hòa hợp và khuyến khích người nói lời hòa hợp.
- Tự mình từ bỏ nói lời thô ác, không khuyến khích người nói lời thô ác, không tùy thuận nói lời thô ác, không tán thán nói lời thô ác, tập nói lời từ ái hòa nhã và khuyến khích người nói lời từ ái hòa nhã.
- Tự mình từ bỏ nói linh tinh, không khuyến khích người nói linh tinh, không tùy thuận nói linh tinh, không tán thán nói linh tinh, chỉ nói đến Giới, Định, Tuệ, pháp học, pháp hành trong Chánh pháp và khuyến khích người chỉ nói đến pháp, Chánh pháp.

Trên đây là những lời nói không đưa đến hại mình, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai.

Tóm lại, Chánh ngữ hay lời nói chân chánh có tác dụng làm lộ diện những lời nói, những cách nói sai lầm, bất chánh, bất thiện của chúng sanh. Nhờ có *Chánh ngữ* mà chúng sanh mới biết rõ thế nào là *Tà ngữ*. Chúng sanh nhờ biết rõ tà ngữ mới từ bỏ tà ngữ. Nếu Đức Phật không chỉ dạy thế nào là lời nói chân chánh, đúng pháp thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong cách ăn nói của mình, không phân biệt chánh tà trong lời nói, để rồi phát ra những lời nói với dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, tạo ác nghiệp trong khẩu hành, đưa đến tự thân không thoát khỏi phiền não và khổ đau.

Như vậy, tác dụng của Lời nói chân chánh hay Chánh ngữ là phơi bày Tà ngữ, vạch trần Tà ngữ, từ bỏ những lời nói sai quấy, những thói quen nói trong vô minh, nói không đúng tư cách của một người tu. Đó là tác dụng và lợi ích trong việc tu tập chánh ngữ mà Đức Phật đã hướng dẫn trong đạo lộ đưa đến sự chấm dứt sanh tử.

5.3.4 Tác dụng của Hành động đúng

Với “Hành động đúng” hay “Chánh nghiệp” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật đã trình bày, chỉ dạy cho chúng sanh biết thế nào là những thân hành chân chánh, đúng pháp mà một người tu cần phải tu tập thực hành. Nhờ sự chỉ dạy này

của Đức Phật mà những hành động bất chánh, không đúng pháp, không tương ứng với một người tu đã bị phơi bày.

Đức Phật đã giúp cho người tu thấy biết rõ những điều nên làm và những điều không nên làm. Ngài giúp người tu sáng tỏ, trạch pháp trong thân hành, trong hành động của mình, giúp người tu từ bỏ những hành động bất chánh, bất thiện, từ bỏ những hành động theo tập khí, theo vô minh, theo bản ngã, không tạo ác hạnh về thân, không làm những thân nghiệp đưa đến quả báo khổ ở hiện tại và khổ ở tương lai. Đức Phật đã làm sáng tỏ vấn đề hành động đúng và hành động sai, chánh nghiệp và tà nghiệp.

Thế nào là Tà nghiệp?

- Tự mình Sát sanh, khuyến khích người sát sanh, tùy thuận sát sanh, tán thán sát sanh.
- Tự mình Lấy của không cho, khuyến khích người lấy của không cho, tùy thuận lấy của không cho, tán thán lấy của không cho.
- Tự mình Tà dâm, khuyến khích người tà dâm, tùy thuận tà dâm, tán thán tà dâm.

Đây là những hành động sai quấy đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai.

Thế nào là Chánh nghiệp?

- Tự mình từ bỏ sát sanh, không khuyến khích người sát sanh, không tùy thuận sát sanh, không tán thán sát sanh, khuyến khích người từ bỏ sát sanh.
- Tự mình từ bỏ lấy của không cho, không khuyến khích người lấy của không cho, không tùy thuận lấy của không cho, không tán thán lấy của không cho, khuyến khích người từ bỏ lấy của không cho.
- Tự mình từ bỏ tà dâm, không khuyến khích người tà dâm, không tùy thuận tà dâm, không tán thán tà dâm, khuyến khích người từ bỏ tà dâm (đối với tu sĩ là từ bỏ hoàn toàn việc hành dâm, dâm dục).

Đây là những hành động chân chánh, đúng pháp, không đưa đến hại mình, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai.

Như vậy, “Chánh nghiệp” hay “Hành động chân chánh” mà Đức Phật đã chỉ dạy có tác dụng làm lộ diện những hành động sai lầm, những thân hành sai lầm, bất thiện, bất chánh của chúng sanh. Nhờ sự chỉ dạy về *Chánh nghiệp* của Đức Phật mà chúng sanh mới biết rõ thế nào là *Tà nghiệp*. Nhờ biết rõ tà nghiệp mà chúng sanh mới từ bỏ tà nghiệp. Nếu không có sự chỉ dạy của Đức Phật về hành động chân chánh, thân hành chân chánh, đúng pháp thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong thân hành và không biết rõ chánh tà trong thân hành, để rồi làm những thân hành với

dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, đưa đến tự thân không thoát khỏi phiền não và khổ đau.

Như vậy, *Hành động đúng* hay *Chánh nghiệp* có tác dụng loại bỏ *Tà nghiệp*, nhiếp phục những hành động, những thân hành bất chánh, an trú trong những thân hành chân chánh, đúng pháp. Đó là tác dụng và lợi ích trong việc tu tập chánh nghiệp mà Đức Phật đã hướng dẫn trong đạo lộ đưa đến sự chấm dứt sanh tử.

5.3.5 Tác dụng của Nuôi mạng đúng

Với “Chánh mạng” hay “Nuôi mạng chân chánh” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật đã chỉ dạy cho chúng sanh biết rõ thế nào là cách nuôi mạng, nghề nghiệp nuôi mạng chân chánh, đúng pháp mà một người tu cần phải tu tập thực hành. Nhờ sự chỉ dạy này của Đức Phật mà những sự nuôi mạng, những hành động nuôi mạng bất chánh, không đúng pháp, không tương ứng với một người tu đã bị phơi bày.

- Nghề nghiệp không chân chánh đối với cư sĩ là: bán thịt, bán rượu, bán người, bán thuốc độc, bán vũ khí. Đây là năm nghề buôn bán mà người cư sĩ không nên làm vì những hậu quả tai hại của những nghề nghiệp này ở hiện tại và tương lai.
- Đối với tu sĩ thì cần nên xem kỹ kinh Sa-môn Quả, (*Trường*, bài 2) để biết rõ những cách kiếm sống

không xứng với Thánh hạnh xuất gia của một người tu.

Tóm lại, với Chánh mạng, sự nuôi mạng chân chánh, Đức Phật đã giúp cho người tu thấy biết rõ cách nuôi mạng nên thực hiện và không nên thực hiện. Ngài giúp chúng sanh sáng tỏ, trạch pháp trong cách nuôi mạng, cách kiếm sống, từ bỏ những cách nuôi mạng bất chánh, bất thiện, đưa đến quả báo khổ ở hiện tại và khổ ở tương lai.

Chánh mạng hay Nuôi mạng chân chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy, có tác dụng loại bỏ những cách nuôi mạng sai lầm, không chân chánh của chúng sanh. Nhờ có sự chỉ dạy về *Chánh mạng* của Đức Phật mà chúng sanh mới biết rõ thế nào là *Tà mạng*. Nhờ có sự thấy biết rõ về tà mạng nên chúng sanh mới từ bỏ tà mạng. Nếu không có sự giảng dạy trình bày của Đức Phật về sự nuôi mạng chân chánh và sự nuôi mạng bất chánh thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong việc kiếm miếng ăn nuôi mạng của mình rồi lại làm những việc bất chánh để nuôi mạng, tạo quả báo khổ ở hiện tại và tương lai, đưa đến tự thân không thoát khỏi phiền não và khổ đau.

Như vậy, Nuôi mạng đúng hay Chánh mạng có tác dụng giúp người tu loại bỏ Tà mạng khỏi đời sống của mình, nuôi thân mạng một cách chân chánh, đúng pháp của một người tu.

5.3.6 Tác dụng của Siêng đúng việc

Với “Chánh tinh tấn” hay “Siêng đúng việc” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật đã trình bày, chỉ dạy cho chúng sanh biết rõ những điều chân chánh, đúng pháp mà một người tu cần phải nỗ lực tu tập, thực hành. Nhờ sự chỉ dạy của Đức Phật mà những nỗ lực không chân chánh, không đúng pháp đối với một người tu đã bị phơi bày.

Đức Phật đã giúp người tu thấy biết rõ những điều cần phải nỗ lực tinh tấn tu tập thực hành và những điều không cần phải nỗ lực tu tập thực hành. Ngài giúp người tu sáng tỏ, trạch pháp trong vấn đề nỗ lực tu tập và không cần phải nỗ lực tu tập đối với những pháp không có khả năng đâm thủng vô minh, diệt tận khát ái. Ngài làm sáng tỏ vấn đề siêng năng sai việc và siêng năng đúng việc, chánh tinh tấn và tà tinh tấn.

- Tà tinh tấn là những tinh tấn sai lầm, siêng năng sai lầm, cái cần phải siêng năng thực hành thì lại không siêng năng thực hành, cái không cần phải siêng năng thực hành thì lại siêng năng thực hành, đưa đến uổng công phí sức, phí thời gian nhưng không đạt được mục đích của người tu.
- Chánh tinh tấn là những tinh cần tinh tấn chân chánh, những siêng năng chân chánh đúng pháp, đúng việc. Cái cần phải tinh cần tu tập thì tinh cần tu tập, cái không

cần phải tinh cần tu tập thì không tinh cần tu tập. Nhờ siêng năng tinh cần đúng việc như vậy nên hành giả có thể đi đến thành tựu những thiện pháp, diệt tận những bất thiện pháp và đạt được mục đích của sự tu đạo.

Trong kinh Nikāya, Chánh tinh tấn hay Sự tinh cần chân chánh, sự siêng năng chân chánh được Đức Phật trình bày với Bốn Chánh Cần hay Bốn Tinh Cần.

• **Bốn Chánh Cần**

Bốn Chánh Cần là bốn việc cần làm của người tu, gồm có:

- Với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không được sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.
- Với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh ra được diệt trừ, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.
- Với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.
- Với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Đây là Bốn Chánh Cần.

• Bốn Tinh Cần

Bốn Tinh Cần là bốn việc cần tinh tấn thực hiện của người tu, gồm có: Tinh cần chế ngự, tinh cần đoạn tận, tinh cần tu tập và tinh cần hộ trì.

- Tinh cần chế ngự: Cần nỗ lực tinh tấn chế ngự sáu căn khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần.
- Tinh cần đoạn tận: Cần nỗ lực tinh tấn đoạn tận những tà tư duy trong nội tâm khi chúng sanh khởi trong tâm.
- Tinh cần tu tập: Cần nỗ lực tinh tấn tu tập chánh niệm tỉnh giác theo Bảy Giác Chi để hướng dẫn tâm đi đến Minh và Giải Thoát.
- Tinh cần hộ trì: Cần nỗ lực tinh tấn hộ trì những thiện pháp đã có trong nội tâm như: tướng xác chết, tướng bộ xương, tướng xác bị côn trùng ăn... để tâm hướng đến thể nhập sự thật về Ngũ uẩn.

Bốn Chánh Cần là tổng quát bốn việc cần làm của người tu. Bốn Tinh Cần là chi tiết bốn việc cần làm đó. Khi khéo học hiểu, khéo hành trì thì các pháp này là một, không có gì sai khác. Đây là bốn pháp mà một người tu chân chánh cần phải siêng năng tu tập, thực hành. Khi người tu không biết rõ bốn pháp này thì sẽ không siêng năng thực hành bốn pháp này mà siêng năng tu tập những pháp khác, những pháp không có khả năng đưa đến niêp phục và diệt tận tham, sân, si, dục, ái, bản ngã, vô minh, lậu hoặc. Sự siêng

năng như vậy gọi là siêng năng không đúng pháp, siêng năng sai việc hay tà tinh tấn. Tà tinh tấn không có khả năng đưa đến diệt tận được những pháp bất thiện trong nội tâm.

Tóm lại, Chánh tinh tấn hay Siêng đúng việc có tác dụng làm lộ diện những siêng năng sai lầm, những điều không cần phải làm, phải tu tập của chúng sanh. Nhờ có sự chỉ dẫn về *Chánh tinh tấn* của Đức Phật mà chúng sanh mới biết rõ thế nào là *Tà tinh tấn*. Nhờ có thấy biết rõ về tà tinh tấn mà chúng sanh mới từ bỏ tà tinh tấn. Nếu không có sự giảng dạy, sự trình bày về những pháp mà một người tu chân chánh cần phải siêng năng nỗ lực thực hành thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong sự tu hành của mình và sẽ không phân biệt rõ chánh tà, đúng sai trong sự nỗ lực tinh cần, chúng sanh sẽ tinh cần những pháp không cần phải tinh cần và không tinh cần tu tập những pháp cần phải tu tập. Vì vậy, chúng sanh không thể nhiếp phục được thân tâm, đoạn tận được tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc.

Như vậy, Siêng đúng việc hay Chánh tinh tấn có tác dụng vạch mặt Tà tinh tấn, giúp chúng sanh thấy biết rõ những tinh tấn sai lầm không có khả năng diệt tận lậu hoặc và thấy biết rõ những tinh tấn siêng năng chân chánh mà một người tu cần nỗ lực siêng năng thực hành để đi đến sự đoạn diệt tham sân si, đưa thân tâm an trú trong những siêng năng chân chánh, đúng pháp. Đó là tác dụng và lợi ích trong việc

tu tập Chánh tinh tấn mà Đức Phật đã hướng dẫn trong đạo lộ đưa đến sự chấm dứt sanh tử.

5.3.7 Tác dụng của Quán đúng chỗ

Với “Chánh niệm” hay “Quán niệm chân chánh”, hay “Quán đúng chỗ” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật chỉ dạy cho chúng sanh biết rõ thế nào là những tư niệm chân chánh, những chỗ chân chánh đúng pháp mà một người tu cần phải hướng tâm đến đó, an trú trong đó để quán sát tự thân, để thấy biết rõ tự thân và nhiếp phục tự thân. Nhờ sự chỉ dạy này của Đức Phật mà những tư niệm sai lầm, không chân chánh, không đúng chỗ, không đúng pháp với một người tu, không tương xứng với một người tu đã bị phơi bày.

Chánh niệm là kim chỉ nam của người tu, là chỗ để người tu an trú tâm mình vào đấy. Nhờ có pháp chánh niệm của Đức Phật chỉ dạy, người tu sẽ biết mình cần đặt tâm ở đâu, cần để tâm ở đâu cho đúng, cho chân chánh để có thể đi đến sự thành tựu trí tuệ về tự thân, thấy biết mọi hành tướng của tham sân si. Nhờ tâm được đặt đúng chỗ, được nhớ biết đúng chỗ, được quán sát đúng chỗ mà tham, sân, si, vô minh, lậu hoặc được thấy biết, được nhiếp phục và được đoạn tận một cách hoàn toàn. Đức Phật đã làm sáng tỏ vấn đề chánh niệm và tà niệm.

- *Tà niệm* là sự hướng tâm sai chỗ, sự nhớ biết sai chỗ, sự quán sát sai chỗ, sự quán sát nhớ biết này không đưa đến trí tuệ cho người tu, không giúp cho người tu nhìn thấy được tham sân si trong tự thân, không giúp nhìn thấy rõ được vô minh, không nhiếp phục được vô minh, khát ái và bản ngã.
- *Chánh niệm* là sự quán niệm chân chánh, sự nhớ biết chân chánh, sự nhớ biết đúng chỗ, sự quán sát đúng chỗ, sự quán sát này giúp người tu thành tựu trí tuệ về tự thân, thấy biết rõ tham, sân, si, vô minh, bản ngã và khát ái trong tự thân, nhiếp phục tự thân, diệt tận vô minh và khát ái, tẩy sạch các cấu uế trong tâm.

Có bốn chỗ cần chân chánh quán niệm, chân chánh quán sát, chân chánh nhớ biết, đó là: thân, các cảm giác, tâm và các pháp đang có mặt trong thân tâm cần được nhiếp phục hoặc cần được tu tập trong tự thân. Đây là bốn chỗ mà người tu cần phải chân chánh quán sát, chân chánh nhớ biết và chân chánh thành tựu trí tuệ về chúng. Bốn sự quán sát này không đưa đến hại mình, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai mình và người.

Bốn sự quán sát này giúp người tu không bị ngoại cảnh chi phối, không chạy theo ngoại cảnh, không bị nội trần chi phối, không chìm trong nội trần, thấy biết rõ nội trần, nhiếp phục nội trần, nhiếp phục các pháp bất thiện trong tự thân,

thành tựu trí về Ngũ uẩn, diệt tận vô minh, diệt tận khát ái, diệt tận bản ngã, chấm dứt luân hồi, sanh tử, phiền não và khổ đau.

Tóm lại, Đức Phật đã giúp người tu xác định rõ những chỗ, những nơi mà tâm này cần phải quan tâm, chú ý, để ý và những chỗ, những điều, những việc mà tâm này không cần phải quan tâm, không cần phải chú ý, để ý. Ngài làm sáng tỏ trong vấn đề tà niệm và chánh niệm, chỗ để tâm chú ý, chỗ để tâm quán sát của người tu. Nhờ sự chỉ dạy này của Đức Phật mà người tu biết rõ mình cần phải để tâm quán sát điều gì và không cần phải để tâm chú ý cái gì. Đối với những điều mà một người tu chân chánh không cần phải để tâm, chú ý, quán sát, thì vị này sẽ không để tâm, chú ý, quán sát. Đối với những điều mà một người tu chân chánh cần phải để tâm, chú ý, quán sát thì vị này sẽ để tâm, chú ý, quán sát. Như vậy, Đức Phật đã giúp cho người tu xác định rõ chánh niệm và tà niệm. Sau khi biết rõ tà niệm, vị này sẽ từ bỏ tà niệm, an trú trong chánh niệm, vị này sẽ từ bỏ những tâm niệm sai lầm, những quán niệm sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp, không có khả năng đưa đến thấy biết rõ về tự thân và diệt tận những cấu uế trong tự thân.

Chánh niệm hay Quán niệm chân chánh, hay Quán đúng chỗ có tác dụng làm lộ rõ những tà niệm, những sự quán niệm sai lầm của chúng sanh. Nhờ có sự chỉ dạy của Đức

Phật về *Chánh niệm* mà chúng sanh mới thấy biết rõ *Tà niệm*. Nhờ có sự thấy biết rõ lợi ích của chánh niệm mà chúng sanh mới từ bỏ tà niệm. Nếu không có sự giảng dạy, trình bày của Đức Phật về sự quán niệm chân chánh, chỗ đặt tâm, chỗ an trú tâm chân chánh của một người tu thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong việc định hướng tâm trí của mình, không biết rõ những chỗ, những điều mà tâm cần phải quán sát, chú ý, để ý, rồi đặt tâm sai chỗ, để tâm quán niệm, quán sát sai chỗ, không đưa đến thành tựu trí tuệ về tự thân, không đưa đến thấy rõ tham sân si và không nhiếp phục được tham sân si, không chấm dứt phiền não, khổ đau.

Như vậy, Quán đúng chỗ hay Chánh niệm có tác dụng phơi bày Tà niệm, vạch trần tà niệm, làm sáng tỏ những tâm niệm sai quấy của người tu, những sự hướng tâm sai chỗ, quán sát sai chỗ, nhớ biết sai chỗ của người tu. Chỗ cần quán niệm, cần xem xét, để ý, thấy biết thì lại không quán niệm, không xem xét, không để ý, không thấy biết những chỗ đó. Chỗ không cần phải quán niệm, không cần phải xem xét, không cần phải để tâm thì lại hướng tâm quán niệm, xem xét những chỗ này, đó gọi là Tà niệm. Chuyển hướng những tà niệm, chuyển hướng những tâm niệm, những sự quán niệm sai quấy của một người tu đến với chánh niệm, đến với những điều chân chánh mà một người tu cần xem xét, cần quán niệm. Đó là tác dụng của Chánh

niệm, tác dụng của Quán đúng chỗ mà Đức Phật đã hướng dẫn trong đạo lộ đưa đến sự chấm dứt sanh tử.

5.3.8 Tác dụng của Định đúng cách

Với “Chánh định” hay “Định tâm chân chánh”, “Định tâm đúng cách” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật đã trình bày, chỉ dạy cho chúng sanh biết rõ thế nào là phương pháp thiền định chân chánh đúng pháp mà một người tu cần phải tu tập, cần phải thực hành. Nhờ sự chỉ dạy này của Đức Phật mà những cách tu thiền định không chân chánh, không đúng pháp, không có khả năng đưa đến diệt tận tham, sân, si, vô minh, lậu hoặc đã bị phơi bày, bị thấy biết, bị vạch trần, bị nêu rõ.

Đức Phật đã giúp cho người tu thấy biết rõ những thiền định cần được tu tập, cần được thực hành và những thiền định không cần phải tu tập, không cần phải thực hành. Ngài đã làm cho người tu sáng tỏ, trạch pháp trong cách tu thiền định của mình, giúp người tu từ bỏ những lỗi thiền định không chân chánh, không có khả năng đưa đến lậu tận, đưa đến sự trong sạch, thanh tịnh thân tâm một cách hoàn toàn. Ngài đã làm sáng tỏ vấn đề tà định và chánh định.

- *Tà định* là những cách định tâm sai, phương pháp định tâm sai, lỗi thiền định sai của người tu. Lỗi thiền định sai là đường lối tu tập thiền định không chân chánh,

không đúng pháp, không đưa đến sự thấy biết rõ về tự thân, không giúp thấy biết rõ những rác bần, lậu hoặc trong nội tâm.

- *Chánh định* là cách định tâm đúng, phương pháp định tâm đúng, lối thiền định đúng. Lối thiền định chân chánh là đường lối tu tập định tâm đúng cách đưa đến thấy biết rõ những uế nhiễm, lậu hoặc trong nội tâm và đào thải hết tất cả những uế nhiễm, lậu hoặc này, đó gọi là Chánh định.

Chánh định hay cách định tâm chân chánh có tác dụng làm lộ diện những lối thiền định sai lầm của chúng sanh. Nhờ Đức Phật chỉ dạy về chánh định mà chúng sanh mới biết rõ thế nào là tà định và từ bỏ tà định. Nếu không có sự giảng dạy của Đức Phật về cách định tâm chân chánh thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong cách định tâm của mình và không biết được thế nào là thiền định chân chánh, thế nào là thiền định không chân chánh, không đúng pháp, để rồi mất thời gian, mất công sức tu tập thiền định nhưng dục, ái, tham, sân, si, bần ngã không diệt tận, phiền não và sanh tử không chấm dứt.

Như vậy, Định Đúng Cách hay Chánh định có tác dụng phơi bày Tà định, nêu rõ tà định để chúng sanh sáng tỏ và từ bỏ những cách tu thiền định sai lầm không đưa đến trí tuệ, không đưa đến giải thoát tự thân khỏi cấu uế, lậu hoặc.

5.3.9 Đôi nét về Chánh định trong đạo Phật

Chánh định trong Bát Chánh Đạo là gồm có bốn tầng thiền, hay còn gọi là Tứ thiền. Thế nào là bốn thiền?

- **Sơ thiền** (*Thiền thứ nhất*): Ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tầm, có tứ.
- **Nhị thiền** (*Thiền thứ hai*): Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.
- **Tam thiền** (*Thiền thứ ba*): Ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là “xả niệm lạc trú”, chứng và trú thiền thứ ba.
- **Tứ thiền** (*Thiền thứ tư*): Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiền thứ tư, không khổ, không lạc, “xả niệm thanh tịnh”.

Đó là tứ thiền theo ngôn ngữ Hán Việt. Nếu hiểu Tứ thiền theo nghĩa thuần Việt, thì ý nghĩa của tứ thiền như sau:

- **Thiền thứ nhất**: Sau một thời gian khéo tu tập và khéo vận dụng như lý tác ý, khéo vận dụng chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn và chánh niệm để nhiếp phục, để từ bỏ những tham muốn đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, từ bỏ các pháp ác bất thiện che ám tâm là tham dục, sân hận, hôn trầm thụy miên, trạo hỷ, hoài

nghe, hành giả khéo tác ý sự an lạc thoải mái của thân tâm khi không bị dục và các pháp bất thiện chi phối, làm sanh khởi cảm giác thân dễ chịu an lạc, tâm hoan hỷ vui vui khi thấy mình đã xả ly được các dục và các bất thiện pháp. Lạc hỷ này gọi là lạc hỷ do ly dục sanh, có tầm, có tứ (thân thọ lạc, tâm thọ hỷ, hỷ lạc này do sự hướng tâm tác ý về ly dục sanh khởi). Đây là sự tu tập và thể nhập Sơ thiền.

- **Thiền thứ hai:** Dừng lại trạng thái tâm tìm đến (*tầm*) tư sát (*tứ*) trạng thái an ổn của thân tâm khi không bị dục và các pháp bất thiện chi phối, dừng lại tầm tứ này, làm định tĩnh, an tịnh nội tâm và an trú trong sự định tĩnh, an tịnh này. Sau đó khéo quán sát sự an lạc, thoải mái của thân tâm khi nội tâm định tĩnh, an tịnh, làm sanh khởi cảm giác tâm hoan hỷ vui vui và thân dễ chịu an lạc khi thấy tâm được nội tĩnh nhất tâm. Lạc hỷ này là lạc hỷ do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm (thân thọ lạc, tâm thọ hỷ do định sanh). Đây là sự tu tập và thể nhập Nhị thiền.
- **Thiền thứ ba:** Chánh niệm tỉnh giác từ bỏ cảm giác hoan hỷ vui vui trong tâm, tâm trú trong thọ xả, thân vẫn còn trú trong cảm giác lạc thọ (tức là tâm từ bỏ thọ hỷ, nhưng thân vẫn còn giữ thọ lạc, thân vẫn còn cảm giác dễ chịu). Trạng thái thân tâm như vậy được các bậc

Thánh gọi là “xả niệm lạc trú” (tâm thọ xả, thân trú trong thọ lạc). Đây là sự tu tập và thể nhập Tam thiên.

- **Thiền thứ tư:** Từ bỏ những cảm giác dễ chịu, khó chịu trong thân, diệt trừ những cảm giác vui buồn mà tâm đã cảm thọ trước đó, an trú thân tâm trong thọ xả, an trú thân tâm trong sự an tịnh, thanh tịnh hoàn toàn, không có chút gì là dễ chịu hay khó chịu trong thân tâm, thân tâm thuần trong sự thanh tịnh vắng lặng. Trạng thái thân tâm như vậy được gọi là “xả niệm thanh tịnh” (tâm thọ xả, thân thọ không khổ không lạc). Đây là sự tu tập và thể nhập Tứ thiên.

Chánh định là pháp thứ tám trong Phương Pháp Tám Đúng. Không phải ngẫu nhiên mà chánh định lại nằm ở pháp cuối trong Bát Chánh Đạo. Bảy cái chánh đầu tiên trong Bát Chánh Đạo là bảy pháp tư lương để hành giả đi vào trong chánh định.

Chánh định trong Bát Chánh Đạo là một phương pháp thiền định được chuẩn bị, được sửa soạn bởi Bảy điều chân chánh trước đó. Một thiền định được dẫn dắt bởi Chánh kiến, được chuẩn bị bởi bảy pháp chân chánh như vậy, đó mới được gọi là Chánh định. **Định này là Thánh Chánh Định**, được cận duyên và tư trợ bởi Bảy chi phần trước (Đại Kinh Bốn Mươi, bài 117, Trung Bộ). Đây là lõi thiền định được tu tập và được chỉ dạy bởi các Đức Phật, các bậc Thánh, các bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Một thiền định không được dẫn đạo bởi Chánh tri kiến, không được chuẩn bị bởi bảy sự chân chánh trong đời sống thì thiền định đó không được gọi là chánh định. Và thiền định đó không có khả năng đưa đến diệt tận vô minh, diệt tận bản ngã, diệt tận lậu hoặc, diệt tận các uế nhiễm trong nội tâm.

Cách thiền định chân chánh, hay cách định tâm đúng trong đạo Phật gồm có: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Bốn tầng thiền này còn gọi là bốn mức độ định tâm, bốn thứ tự làm an tịnh tâm từ thô đến tế. Nhưng như vậy không có nghĩa là ở tầng Sơ thiền hành giả không thành tựu được Thánh quả. Hành giả cần biết rõ rằng: Nếu là một hành giả chân chánh theo sát con đường của Bát Chánh Đạo, thì trước khi đi vào Sơ thiền trong Bát Chánh Đạo, vị này đã thành tựu chánh kiến, tâm vị này đã được sửa soạn, được chuẩn bị, được đào tạo với bảy chi phần đầu, tới giai đoạn này hành giả tiến hành tẩy sạch năm triền cái trong tâm, rồi bước vào thực tập trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh trong Sơ thiền. Nếu hành giả theo đúng tuần tự tu tập như vậy trong Bát Chánh Đạo thì khi bước vào trong chánh định, khi an trú trong hỷ lạc do ly dục sanh của Sơ thiền, khi khéo an trú và làm sung mãn trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, hành giả khéo tác ý từ bỏ Năm thủ uẩn trong giai đoạn này, tẩy sạch hết các kiết sử, các trói buộc còn sót lại trong nội tâm thì hành giả có thể chứng được A-la-hán quả.

Nhưng nếu khi trú trong Sơ thiền, hành giả chưa tẩy sạch hết các lậu hoặc, nhưng hành giả diệt tận được năm hạ phần kiết sử, còn tàn dư năm thượng phần kiết sử thì hành giả thể nhập Bất lai quả. Cũng giống như vậy, đối với Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, nếu hành giả khéo an trú trong các trạng thái thiền này và sau đó khéo quán từ bỏ Năm thủ uẩn trong các tầng thiền này thì hành giả có thể chứng A-la-hán quả hoặc Bất lai quả. Điều này đã được nói rõ trong các kinh: Kinh Thiền (*Tăng* IV, 173), Kinh Hạng Người Sai Khác 2 (*Tăng* II, 57), Kinh Đại Kinh Malunkyaputta (*Trung* II, bài 64).

Như vậy, Chánh định trong Bát Chánh Đạo là Thánh Chánh Định, là một lối thiền định phải được chuẩn bị bằng bảy pháp chánh trước đó, chứ không phải là tự dung bất tạy vào ngòai thiền mà không cần biết gì cả, chỉ cố gắng giữ cho tâm định, chỉ giữ một sự biết thôi, đối với tất cả những gì đang diễn ra trong nội tâm và đối với những rác bần trong nội tâm không cần phải tìm hiểu sâu về chúng, không cần thành tựu trí về Ngũ uẩn, không cần thấy rõ bản ngã, vô minh và tham sân si... Thiền định như vậy không được Đức Phật gọi là Chánh định.

Trong Bát Chánh Đạo, người đi vào trong Chánh định là người đã thành tựu Trí về Ngũ uẩn, thành tựu chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, tẩy sạch năm triền cái, vị này

đi vào trong chánh định, an trú trong chánh định, và sau khi an trú trong chánh định, vị này khéo quán sát nhận diện Ngũ uẩn trong các trạng thái thiền này, và quán từ bỏ Ngũ uẩn, quán từ bỏ những dục, ái đối với Ngũ uẩn, tẩy sạch dục nhiễm, hữu nhiễm và vô minh nhiễm.

Tóm lại, tác dụng của Pháp Tám Đúng là phơi bày và đào thải tất cả những sai lầm trong đời sống của người tu. Người tu đạo giải thoát nếu không chăm mỗi ngọn đèn trí tuệ từ bậc Chánh Đẳng Giác thì với tâm vô minh, với tâm phàm phu, với trí tuệ phàm phu, với trí tuệ còn đang nằm trong vô minh và bị vô minh che phủ sẽ có những sự thấy biết sai lầm về tự thân và cuộc sống. Với sự thấy biết sai lầm, vị này sẽ có những suy nghĩ sai lầm, lời nói sai lầm, hành động sai lầm, sự nuôi mạng sai lầm, sự nỗ lực sai lầm, sự quán niệm sai lầm và sự định tâm sai lầm. Với Tám sự sai lầm này, người tu hành muốn giải thoát sanh tử sẽ không thể đạt đến sự giải thoát sanh tử. Với Tám sự sai lầm này, người tu hành muốn đạt được sự thanh tịnh hoàn toàn trong nội tâm sẽ không thể đạt được sự thanh tịnh hoàn toàn trong nội tâm. Với Tám sự sai lầm này, người muốn diệt tận tham sân si, diệt tận bản ngã trong nội tâm sẽ không thể diệt tận được tham sân si và không thể diệt tận được bản ngã. Với Tám sự sai lầm này, người muốn giải thoát khỏi dục nhiễm, hữu nhiễm, vô minh nhiễm sẽ không thể giải thoát khỏi các uế nhiễm, lậu hoặc này.

Với ánh sáng trí tuệ mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã khai mở, với sự đâm thủng vô minh và diệt tận vô minh mà Ngài đã thành tựu, Ngài thấy được những quan điểm sai lầm, những thấy biết sai lầm của chúng sanh về tự thân và cuộc sống. Ngài giải phá, giải tỏa, phá bỏ những tri kiến sai lầm của chúng sanh. Ngài hướng dẫn cho chúng sanh một đường lối tu tập chân chánh đưa đến sự thấy biết chân thật về tự thân và cuộc sống, phá bỏ những thấy biết sai lầm về tự thân và cuộc sống, phá bỏ những suy nghĩ, cách nói chuyện, hành động, sự nuôi mạng, sự quán niệm, sự định tâm sai lầm. Ngài hướng dẫn chúng sanh đi đến một đời sống tu hành chân chánh với Tám Sự Chân Chánh hay Tám Cái Đúng. Với một đời sống chân chánh, đúng pháp như vậy, chúng sanh có thể thoát khỏi sanh tử, thoát khỏi phiền não và khổ do sanh tử đem lại. Tác dụng của Pháp **Tám Đúng** là để phá bỏ **Tám Tà**, tám sai lầm trong đời sống của những người tu muốn đi đến sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt phiền não, chấm dứt khổ.

5.4 Đức Phật - Người chỉ đường cho kẻ bị lạc lối

Vì sao nói: “Đức Phật như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống”?

Vì sự thật về cuộc đời, sự thật về thế giới Ngũ uẩn này trước đây đã từng được Đức Phật Kassapa trình bày sáng tỏ, nhưng rồi với thời gian, với sự vô minh, vô trí của một

số người kế thừa đời sau, với những tà ý phá hoại của ngoại đạo, những sự thật này đã bị xuyên tạc, bị phỉ báng, bị xem thường, và rồi bị lãng quên, bị quăng bỏ một bên. Mãi cho đến khi Đức Phật Thích Ca ra đời và thành tựu trí tuệ chân chánh tròn đầy, Ngài thấy lại được những sự thật này và Ngài đã dựng đứng lại những sự thật này. Vì vậy, người thời đó gọi Đức Phật là người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống.

Vì sao nói: “Đức Phật như người phơi bày ra những gì bị che giấu”?

Sự thật của cuộc sống đã bị vô minh che giấu, bị thời gian phủ mờ, bị những tà kiến, tà đạo, tà nhân chôn vùi, chôn lấp, nên không ai nhìn thấy được những sự thật này. Cho đến khi có người đầy đủ thiện duyên là Đức Phật xuất hiện, với trí tuệ tròn đầy của Ngài, thì sự thật này lại được hiển lộ, lại bị phơi bày một cách rõ ràng, trong sáng, minh bạch, chân chánh, đúng pháp. Vì vậy, người thời đó nói rằng Đức Phật là người đã phơi bày ra những gì bị che giấu.

Vì sao nói: “Đức Phật như người chỉ đường cho người bị lạc lối”?

Chúng sanh bị sanh tử chi phối, bị bệnh tật chi phối, bị chết chóc chi phối, bị phiền não khổ đau chi phối, chúng sanh muốn tìm một con đường để thoát bệnh tật, thoát sanh tử, thoát khổ đau, nhưng chúng sanh cứ lòng vòng, luẩn quẩn

trong vô minh, không tìm được lối thoát. Chúng sanh lạc lối giữa khu rừng rậm của những sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Chúng sanh không phân biệt rõ sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Chúng sanh không thấy biết rõ vô minh, khát ái và lậu hoặc trong Ngũ uẩn. Chúng sanh không thấy biết rõ những dục, ái, bản ngã, tham, sân, si nằm trong Ngũ uẩn. Vì vậy, chúng sanh cứ mãi loay hoay và lạc lối trên con đường đi đến sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ đau. Mãi cho đến khi Đức Phật Thích Ca xuất hiện và thành tựu tuệ giác thì con đường chân chánh, đúng pháp đưa đến sự chấm dứt khổ đau, chấm dứt sanh tử được Ngài giác ngộ và thực chứng. Và Ngài đã chỉ dẫn lại con đường này cho chúng sanh. Chúng sanh nghe theo sự chỉ dẫn, chỉ dạy này của Ngài, họ tu tập và thực hành theo, họ đạt được sự chấm dứt khổ, chấm dứt sanh tử. Vì vậy, người thời đó nói Đức Phật là “người chỉ đường cho những người bị lạc lối”.

Vì sao nói: “Đức Phật như người đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc”?

Chúng sanh sống trong bóng tối của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, sống trong bóng tối của sự vô minh, vô trí đối với Ngũ uẩn, sống trong bóng tối của luân hồi sanh tử, sống trong bóng tối nhầy nhụa của phiền não khổ đau. Vì sống trong bóng tối của vô minh nên chúng sanh không nhìn thấy rõ sự thật về dục, ái, tham, sân, si và không nhìn thấy rõ bản chất của dục, ái, tham, sân, si. Chúng sanh không

nhìn thấy rõ sự thật về Ngũ uẩn và bản chất của Ngũ uẩn. Chúng sanh không nhìn thấy rõ sự thật về khổ và bản chất của khổ. Chúng sanh không nhìn thấy rõ sự thật về sanh tử và bản chất của sanh tử. Mãi cho đến khi Đức Phật Thích Ca, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, Ngài thành tựu trí tuệ về dục, ái, tham, sân, si, bản ngã; Ngài thành tựu trí tuệ về Ngũ uẩn; Ngài thành tựu trí tuệ về sanh tử, phiền não và khổ đau. Ngài trình bày trí tuệ này, sự thấy biết những sự thật này lại cho cuộc đời và những ai có tâm cởi mở, không phe phái, không bảo thủ tư kiến, không u mê tâm trí, không bị phạm vào các ác nghiệp,... những vị như vậy có thể tiếp nhận được các sự thật này, các trí tuệ này. Vì vậy, người thời đó nói Đức Phật là người đã đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Đó là ý nghĩa của những lời tán thán trên khi Đức Phật tuyên bố, thuyết giảng những sự thật về cuộc đời.

5.5 Trí về Ngũ uẩn là Tối Thượng Trí

Sự thật của cuộc đời, hay những điều chân thực, thiết thực ở hiện tại mà Đức Phật đã chỉ dạy chính là Bốn Thánh Đế hay Bốn Sự Thật về Khổ.

Mà Bốn Sự Thật về Khổ cũng chính là Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn. Và Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn cũng chính là Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn.

Trong bài kinh Phân Biệt Sự Thật nêu trên, Bốn Thánh Đế được Đức Phật nói đó là “Vô Thượng Pháp” trên đời. Như vậy, “Bốn Sự Thật về Khổ” hay “Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn” cũng chính là **“Bốn Trí Tuệ Vô Thượng”** trong cuộc sống. Người tu tập bốn trí tuệ này là người tu tập pháp vô thượng, tu tập pháp tối thượng trên đời. Không có trí tuệ nào cao siêu hơn trí tuệ này. Không có trí tuệ nào cao quý, tốt đẹp hơn trí tuệ này. Không có trí tuệ nào thâm sâu, vi diệu, hoàn hảo hơn trí tuệ này. Vì vậy, người con Phật cần tìm hiểu cẩn trọng và nỗ lực tu tập để thể nhập Thánh trí này. Đừng vội đặt lòng tin khi nghe có cái gì khác cao siêu hơn, trí tuệ hơn Bốn Thánh Trí Vô Thượng này. Đây là điều mà người con Phật cần cẩn trọng ghi nhớ.

5.6 Trí sách vở hay Trí thực chứng

Đừng nghĩ đơn giản rằng “Bốn Thánh Đế chính là khổ, tập, diệt, đạo” như vậy là xong. Đừng nói đơn giản rằng “Khổ Thánh đế chính là: Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ. Tóm lại, Năm thủ uẩn này là khổ”. Nói ro ro về Bốn Thánh Đế nhưng năm uẩn là gì, thủ uẩn là gì, khổ do thủ uẩn tạo ra là gì thì lại mập mờ, lơ mơ, không nắm vững, không sáng tỏ. Hành tướng của năm uẩn không thấy biết rõ, hành tướng của thủ uẩn không thấy biết rõ, khổ do Năm thủ uẩn tạo ra không quán chiếu, không thể nhập. Nếu học Bốn Thánh Đế sơ sài như vậy thì chỉ mới học Bốn

Thánh Đế trên lý thuyết, trên chữ nghĩa, chứ chưa thật sự hiểu được Bốn Thánh Đế, chưa thật sự thấy được Bốn Thánh Đế, chưa thật sự giác ngộ được Bốn Thánh Đế.

Người con Phật cần ghi nhớ rằng Bốn Thánh Đế chính là Vô Thượng Pháp, Vô Thượng Trí trên cuộc đời này. Nếu chúng ta chỉ học hiểu Bốn Thánh Đế một cách hời hợt, sơ sài như vậy thì làm sao có thể chạm đến sự vô thượng, sự tối thượng của Bốn Thánh Đế mà chúng ta chỉ chạm được chữ nghĩa của danh từ Bốn Thánh Đế. Và như vậy, Bốn Thánh Đế đối với người học đạo mãi mãi chỉ là danh từ, chỉ là pháp học, chỉ là lý thuyết mà không thiết thực ở cuộc sống.

Học hiểu Bốn Thánh Đế chỉ trên lý thuyết, chữ nghĩa như vậy, người học Phật sẽ không bao giờ tìm thấy được pháp hành thực tế từ Bốn Thánh Đế. Khi không tìm thấy được pháp hành thực tế, pháp tu thực tế từ Bốn Thánh Đế, người học Phật sẽ cho rằng Bốn Thánh Đế là pháp học chứ không phải pháp hành, là lý thuyết chứ không phải để thực hành tu tập. Nếu cho rằng Bốn Thánh Đế là pháp học, chứ không phải là pháp hành, suy nghĩ như vậy đó là hành giả đã chưa thật sự được học, được nghe dạy, được nghe giảng một cách chân chánh, thâm sâu, đúng pháp về Bốn Thánh Đế. Và sự học hiểu về Bốn Thánh Đế của hành giả chỉ là một sự học hiểu sơ sài, qua loa từ những trí tuệ chưa trong sáng, chưa thành tựu chánh kiến, chưa thành tựu tri kiến chánh

trực trong giáo pháp này.

Học hiểu Bốn Thánh Đế trên lý thuyết, trên kinh sách, trên chữ nghĩa thì quá dễ. Nhưng để có thể học hiểu Bốn Thánh Đế trên thực tế của thân tâm, thực tế của đời sống là một điều hoàn toàn không phải dễ. Để có thể thâm nhập, để có thể thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng các sự thật trong Bốn Thánh Đế là điều hoàn toàn không phải dễ.

Để có thể đưa Bốn Thánh Đế từ trong kinh sách, từ trong chữ nghĩa, từ trong lý thuyết vào trong thực tế của cuộc sống là một điều hoàn toàn hết sức khó khăn nếu như hành giả không được tiếp dẫn, không được chỉ dạy từ những bậc đã thành tựu Thánh trí, những bậc thiện tri thức, những bậc Thánh đệ tử chân chánh của Đức Phật.

Khi không được học hiểu Bốn Thánh Đế từ những bậc có trí tuệ chân chánh đúng pháp thì Bốn Thánh Đế thật sự chỉ là pháp học, chỉ là lý thuyết, chỉ là sách vở và hành giả sẽ không thể tìm được pháp hành thực tế trong cuộc sống thông qua sự chỉ dạy của Đức Phật trong Bốn Thánh Đế.

Khi Bốn Thánh Đế được học hiểu, được chỉ dạy, được trình bày, được hiển lộ một cách sâu sắc, chân chánh, đúng pháp thì hành giả sẽ tìm thấy được pháp hành thực tế, thâm sâu, vi diệu, thần diệu trong Bốn Thánh Đế.

Người học hiểu Bốn Thánh Đế và có sự thâm nhập, có sự thực chứng các sự thật, các trí tuệ trong Bốn Thánh Đế thì

sự hướng dẫn giảng dạy Bốn Thánh Đế của vị này sẽ thâm sâu, vi diệu, thiết thực hiện tại, làm cho người tu học tìm thấy được pháp hành trong Bốn Thánh Đế và không dám xem thường, không dám tu học hời hợt Bốn Thánh Đế.

Nếu học hiểu Bốn Thánh Đế nhưng không có sự thâm nhập, không có sự thực chứng các sự thật, các trí tuệ trong Bốn Thánh Đế thì sự hướng dẫn, giảng dạy Bốn Thánh Đế sẽ khô khan, sơ sài, hời hợt, lý thuyết, sách vở, làm cho người tu học không tìm thấy được chân đứng trong lý thuyết, không tìm thấy được chân đứng trong pháp hành trong Bốn Thánh Đế. Và khi đó, vị này sẽ khởi tâm xem thường Bốn Thánh Đế, tu học sơ sài Bốn Thánh Đế.

Như vậy, sự học hiểu về Bốn Thánh Đế của mỗi người là khác nhau vì sự tu học và trí tuệ của người giảng dạy, người trình bày Bốn Thánh Đế là khác nhau. Bốn Thánh Đế được xem là lý thuyết, sách vở, tầm thường hay là thực tế, thâm sâu, vi diệu là do mức độ tu học, nhân duyên tu học của người học đạo.

5.7 Tự đào hố chôn mình

Kinh Phân Biệt Sự Thật (*Trung* III, bài 141) là bài kinh mà người con Phật cần phải cẩn trọng ghi nhớ, ghi khắc trong nội tâm. Trong bài kinh này, Bốn Thánh Đế được gọi là Vô Thượng Pháp. Khi Bốn Thánh Đế được Đức Phật khai thị,

trình bày, hiển lộ, thuyết giảng, chỉ dạy cho cuộc đời này thì đó là Vô Thượng Pháp đã được khai thị cho cuộc đời. Đó là ý nghĩa của danh từ Vô Thượng Pháp Luân.

Nhờ giác ngộ, nhờ thấy biết về Pháp Vô Thượng này, nhờ chứng ngộ trí tuệ, chứng ngộ sự thật về Bốn Thánh Đế mà Đức Phật mới tự nhận mình là Phật, tự nhận mình là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác và Ngài đã hoàn toàn thoát khỏi dòng trầm luân sanh tử trong phiền não đau khổ này.

Nhờ nghe Đức Phật khai thị, nghe Đức Phật giảng dạy Bốn Thánh Đế, Bốn Sự Thật Cuộc Sống mà bao nhiêu vị Thánh đệ tử thời Đức Phật đã chứng được, đã thể nhập được các Thánh quả cao thượng, tối thượng trong cuộc đời, từ Dự lưu đến Nhất lai, Bất lai và A-la-hán. Các vị này đã đạt được sự an lạc, sự tự tại, sự giải thoát tối thượng trong đạo Phật. Nhờ sự thấy biết, sự tu tập và sự thể nhập trọn vẹn trí tuệ về Bốn Thánh Đế mà Đức Phật và các vị Thánh đệ tử của Ngài đạt được sự bình yên, trong sạch, thanh tịnh và giải thoát sanh tử. Vì vậy, người con Phật hãy cẩn trọng, đừng xem thường Bốn Thánh Đế.

Xem thường Bốn Thánh Đế là tự đóng cánh cửa của con đường đưa đến giải thoát khổ, không cho mình cơ hội thoát khổ.

Xem thường Bốn Thánh Đế là tự đóng cửa của trí tuệ, làm mất cơ hội khai mở trí tuệ, không thể giải mã được cuộc

sống, không thể giải mã được thế giới, không thể thấy biết chân chánh trọn vẹn về tự thân.

Xem thường Bốn Thánh Đế là bít con đường đưa đến an lạc, tự tại, giải thoát, Niết-bàn.

Xem thường Bốn Thánh Đế là tiếp tục giam mình trong nhà tù của sanh già bệnh chết.

Xem thường Bốn Thánh Đế là tiếp tục chìm mình trong biển khổ, biển sanh tử, biển trầm luân, biển nước mắt.

Xem thường Bốn Thánh Đế là tự bít đôi mắt của mình trước ánh sáng mặt trời trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Xem thường Bốn Thánh Đế là tự tách rời mình khỏi đạo lộ đưa đến diệt tận tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc.

Xem thường Bốn Thánh Đế là tự giết mình, không cho mình đến với con đường thoát tử.

Vì vậy, thật là sai lầm, thật là đáng thương khi xem thường Bốn Thánh Đế. Xem thường Bốn Thánh Đế là “tự đào hố chôn mình”, không cho mình cơ hội an lạc, tự tại, thông dong, giải thoát giữa đất trời bao la, rộng lớn.

5.8 Tám Chánh - Sự tôn vinh của Chánh pháp

Tóm lại, Thánh Pháp Vô Thượng, Sự Thật Vô Thượng, Trí Tuệ Vô Thượng đã được Đức Phật khai thị, khai mở, chỉ

rõ cho cuộc đời này. Và Pháp Tối Thượng hay Vô Thượng Pháp Luân mà Thế Tôn đã công bố, đã khai thị, đã trao truyền, trao gửi cho cuộc đời này chính là Bốn Sự Thật về những nỗi khổ trong cuộc sống và trong đó Tám Chánh là Phương Pháp Chân Chánh đưa đến sự chấm dứt tất cả những phiền não, đau khổ trong cuộc sống. Bốn Sự Thật về những nỗi khổ trong cuộc sống chính là Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn, hay còn gọi là Bốn Thánh Đế, tức là Bốn Sự Thật mà bậc Thánh đã thấy biết, đã giác ngộ. Đó cũng chính là Bốn Trí Tuệ Tối Thượng trên cuộc đời này.

Do đó, sự vận hành của đạo Phật trong cuộc sống chính là sự vận hành của Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn và sự vận hành của Pháp Tám Đúng, tức là sự vận hành của Bốn Thánh Đế, Bát Chánh Đạo. Khi nào Bốn Thánh Đế và Bát Chánh Đạo còn vận hành, còn có mặt trong cuộc sống, thì khi đó đạo Phật vẫn còn tồn tại trên thế gian này. Khi nào Bốn Thánh Đế và Bát Chánh Đạo không còn được thấy biết một cách chân chánh, không còn được tu tập một cách đúng pháp thì khi đó đạo Phật đi đến sự diệt tận, diệt vong và sẽ dần biến mất khỏi thế giới.

Như vậy, đạo Phật tồn tại hay diệt vong trên thế gian này chính là do những người con Phật có chân chánh tu tập và chân chánh thể nhập trí tuệ thâm sâu, vi diệu, thần diệu của Bốn Thánh Đế và Bát Chánh Đạo hay không. Đây là bài kinh tuyệt đối quan trọng, người học Phật cần hết sức

nghiêm túc, cẩn trọng trong việc tìm hiểu, học hỏi và tu tập để thể nhập trí tuệ chân chánh thần diệu trong Chánh pháp mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã truyền trao.

*Bậc Vô Thượng Sĩ đã ra đời
Phơi bày sự thật của trần gian
Vô Thượng Phật Đạo được khai mở
Vô Thượng Pháp Luân được vận hành.*

*Bốn Thánh Trí được Ngài khai thị
Bốn Sự Thật được Ngài phơi bày
Dòng sanh tử được Ngài nêu rõ
Cửa bất tử được Ngài mở ra.*

*Năm thủ uẩn được Ngài chỉ rõ
Vô minh, dục, ái được trình bày
Để diệt tận dục, ái, vô minh
Pháp Tám Chánh được Ngài khai thị.*

*Ngài đã mở con đường Tám Chánh,
Mở con đường thoát khỏi trầm luân,
Thoát cảnh giới trời, người tạm bợ
Thoát địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.*

*Ngài đã mở con đường Tám Chánh,
Mở con đường thoát khỏi khổ đau,*

Mở con đường ra khỏi luân hồi,
 Làm dừng lại những dòng nước mắt.
 Làm dừng cảnh oan gia, trái chủ
 Làm dừng bao cay nghiệt, hận thù
 Làm chấm dứt sanh ly tử biệt
 Làm diệt tận phiền não, khổ đau.

Làm dừng sự triền miên mệt mỏi
 Trong luân hồi chìm nổi, mộng lung
 Trong bất an, lo sợ, hãi hùng
 Trong mù mịt, cô đơn, cay đắng.

Ngài đã mở con đường Tám Chánh,
 Mở con đường thoát khỏi khổ đau,
 Nay chúng con theo dấu chân Ngài,
 Nguyên tu tập con đường Tám Chánh.

“Thấy biết chân chánh về Ngũ uẩn
 Suy tư chân chánh bỏ tham, sân
 Nói lời chân chánh không tạo nghiệp
 Thân hành không tạo khổ mình, người
 Nuôi mạng chân chánh theo Thánh giới,
 Siêng năng chân chánh Bốn việc cần,
 Quán niệm chân chánh về Bốn chỗ,
 Định tâm chân chánh theo Bốn thiền”.

*“THẤY biết “Bốn Trí về Ngũ uẩn”
 NGHĨ cách từ bỏ “Dục, hại, sân”
 NÓI lời không “Dối, đâm, độc, nhảm”
 LÀM việc lành, không “Sát, trộm, dâm”
 SỐNG nuôi mạng năm nghề nên tránh
 SIÊNG hành trì “Chế, đoan, tu, trì”
 QUÁN sát nhìn “Thân, thọ, tâm, pháp”
 ĐỊNH tâm tuần tự theo Bốn thiền”.*

*Tám pháp này gọi là Tám Chánh
 Bỏ-tát tu theo Tám Chánh này
 Ngài thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết
 Thoát luân hồi, phiền não, khổ đau.*

*Tám Chánh mở đường cho Chánh Trí
 Chánh Giải Thoát theo đó khỏi sanh,
 Hành giả bước lên Thuyền Bát Nhã,
 Nhẹ nhàng ra khỏi biển trầm luân.*

*Trầm luân sanh tử, thế đủ rồi!
 Lên Thuyền Tám Chánh thoát khổ thôi!
 Các Đức Như Lai và Thánh chúng,
 Đều nhờ Tám Chánh thoát khổ đau.*

6 ĐẶC ĐIỂM BẬC ĐẦY ĐỦ CHÁNH KIẾN

6.1 Kinh Chúng Được Đoạn Tận (Tăng III, 254)

“Này các Tỷ-kheo, sáu pháp này được người đầy đủ tri kiến đoạn tận. Thế nào là sáu?

- Thân kiến, nghi, giới cấm thủ,
- Tham đưa đến đọa xứ, sân đưa đến đọa xứ, si đưa đến đọa xứ.

Này các Tỷ-kheo, sáu pháp này, được người đầy đủ tri kiến đoạn tận”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, bậc đầy đủ chánh kiến đoạn tận được thân kiến, nghi, giới cấm thủ, đoạn tận những tham sân si tội lỗi đưa đến đọa xứ. Bậc đầy đủ chánh kiến cũng chính là bậc Dự lưu. Bậc Dự lưu là bậc đã được Đức Phật tuyên bố là sanh tử tối đa bảy lần, và trong bảy lần này sẽ không sanh vào đọa xứ, ác thú, địa ngục.

6.1.1 Vì sao Bậc đầy đủ Chánh kiến phá được Thân kiến?

Thân kiến là sự thấy, sự quán, sự cho rằng thân Ngũ uẩn này là mình, cho rằng sắc thân này, những cảm giác cảm thọ trong thân tâm, những hình bóng trong nội tâm, những suy nghĩ trong nội tâm, những sự biết, sự hay biết, sự rõ

biết trong ngoài thân tâm này là mình, là của mình. Sự thấy, sự quán, sự nhìn nhận, sự suy nghĩ cho rằng những sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong thân tâm này là mình, là của mình, là cái tôi, cái ta của mình, sự suy nghĩ như vậy được gọi là *Thân kiến*.

Cái nhìn, cái thấy, cái suy nghĩ như vậy làm cho tâm ám ảnh, dính mắc, trói buộc với Ngũ uẩn. Do tâm ám ảnh, dính mắc, trói buộc đối với Ngũ uẩn nên tâm không được giải thoát khỏi Ngũ uẩn, tâm bị chìm nổi, khổ đau, vô thường, sanh diệt theo sự sanh diệt, vô thường của Ngũ uẩn. Vì vậy, tâm không giải thoát khỏi khổ, không giải thoát khỏi vô thường, không giải thoát khỏi sanh tử.

Bậc đầy đủ chánh kiến là bậc đầy đủ trí tuệ về Ngũ uẩn, bậc đã nhìn thấy rõ trọn vẹn chân tướng của Ngũ uẩn; nhìn thấy rõ nhân duyên Ngũ uẩn sanh; nhìn thấy rõ khi nào Ngũ uẩn diệt; nhìn thấy rõ phương pháp tu tập đưa đến đoạn diệt hoàn toàn những Ngũ uẩn duyên sanh, vô thường, tạm bợ, nhiều phiền não và nhiều khổ này. Vị này đầy đủ Bốn Trí về Ngũ uẩn, đầy đủ trí tuệ về thân tâm và cuộc sống.

Vị này thấy biết rõ tánh duyên sanh, tánh vô thường, tánh tạm bợ, tánh khổ, tánh rỗng không, vô ngã, vô chủ của Ngũ uẩn. Vì thấy biết rõ như vậy nên vị này *đoạn tận được thân kiến*, đoạn tận được cái nhìn, cái thấy, cái cho rằng sắc, thọ, tưởng, hành, thức này là mình, là của mình, là cái tôi cái ta

của mình. Do tâm không suy nghĩ, không quán, không nhìn nhận Ngũ uẩn như vậy, tâm vị này không ám ảnh, không dính mắc, không trói buộc đối với Ngũ uẩn. Do tâm không dính mắc, không trói buộc đối với Ngũ uẩn nên vị này được giải thoát khỏi những Ngũ uẩn duyên sanh, vô thường, tạm bợ, đầy phiền não và đầy khổ này. Tóm lại, với vị có đầy đủ chánh kiến thì thân kiến được đoạn tận, sự chấp trước, chấp thủ, vô minh, vô trí đối với thân này sẽ được đoạn tận.

6.1.2 Vì sao Bậc đầy đủ Chánh kiến phá được Hoài nghi?

Đối với vị đoạn tận được thân kiến, không còn cho thân Ngũ uẩn này là mình, là của mình, nên vị này đoạn tận được sự hoài nghi, đoạn tận sự nghi hoặc về sự hiện hữu của mình ở quá khứ, hiện tại và tương lai. Vị này không khởi lên những suy nghĩ rằng: Trong quá khứ mình có mặt hay không có mặt, trong tương lai mình sẽ có mặt hay không có mặt, ngay trong hiện tại này mình đang có mặt hay không có mặt”. Những sự nghi hoặc, hoài nghi về cái gọi là mình ở quá khứ, hiện tại, vị lai được đoạn tận. Vì sao? Vì vị ấy biết rõ rằng: Những hiện hữu ở quá khứ hay hiện tại này đều là sự hiện hữu của Ngũ uẩn và một nội tâm si mê, ám ảnh, dính mắc, trói buộc đối với Ngũ uẩn. Nếu trong hiện tại này không đoạn tận sự dính mắc, ám ảnh đối với Ngũ uẩn thì sự hiện hữu trong tương lai cũng chính là

những Ngũ uẩn vô thường sanh diệt mà thôi. Vị ấy không có nghi ngờ về quá khứ, không có nghi ngờ về hiện tại, không có nghi ngờ về tương lai.

Đối với “khổ” mà Đức Phật đã trình bày, vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy thực thấy, thực biết rằng: tất cả những phiền não, khổ đau trên cuộc đời này chính là Ngũ uẩn, là tâm hôn mê, ám ảnh, dính mắc, trói buộc đối với Ngũ uẩn. Vị ấy thấy biết rõ như vậy, vì sao? Vì rằng vị ấy đã nhìn thấy rõ Ngũ uẩn, đã đầy đủ trí tuệ về Ngũ uẩn, đã thấy biết rõ thế nào là tâm hôn mê đối với Ngũ uẩn, thế nào là tâm bị ám ảnh bởi Ngũ uẩn, thế nào là tâm bị dính mắc, bị trói buộc đối với Ngũ uẩn, thế nào là sự mệt mỏi phiền não do Ngũ uẩn gây ra. Vì thấy biết rõ như vậy nên vị ấy không có nghi ngờ gì về sự khổ mà Đức Phật đã tuyên thuyết.

Đối với “nguyên nhân khổ sanh khởi” mà Đức Phật đã trình bày, vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy thực thấy, thực biết rõ vô minh, hành tướng của vô minh, sự tập khởi của vô minh, sự đoạn diệt của vô minh, những hoạt động của vô minh. Vị ấy biết rõ sự không thấy biết rõ về Ngũ uẩn và sự không trong sáng trong nội tâm, đó chính là vô minh. Vị ấy biết rõ sự vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn và lòng khát ái đối với Ngũ uẩn là nguyên nhân sanh ra những thân Ngũ uẩn đầy khổ và phiền não như vậy. Vì thấy biết rõ như vậy, nên vị ấy không có nghi ngờ gì về vấn đề này.

Đối với “nhân duyên khổ chấm dứt”, nhân duyên khổ đoạn diệt mà Đức Phật đã trình bày, vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy thực thấy, thực biết rõ: khi tâm đã nhìn thấy rõ Ngũ uẩn, tức là khi sự vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn không còn thì lòng tham ái, lòng khát ái đối với Ngũ uẩn được diệt tận thì khi đó những thân Ngũ uẩn vô thường, tạm bợ này sẽ được chấm dứt. Bậc đầy đủ chánh kiến thấy biết rõ như vậy. Vì thấy biết rõ như vậy, nên vị ấy không có nghi ngờ gì về vấn đề này.

Đối với “phương pháp tu tập đưa đến sự chấm dứt, sự đoạn diệt khổ” mà Đức Phật đã trình bày, vị ấy không có nghi ngờ. Vị ấy thấy biết rõ Phương Pháp Tám Đúng thật sự là một phương pháp chân chánh, một con đường chân chánh, một đạo lộ chân chánh đưa đến sự diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn. Phương Pháp Tám Đúng đó là Thấy đúng, nghĩ đúng, nói đúng, làm đúng, sống đúng, siêng đúng, quán đúng, định đúng. Vị ấy không có nghi ngờ gì về phương pháp này, vì sao? Vì rằng chính vị ấy là người đã và đang dần thân vào, đang bước chân vào, đang thực nghiệm, đang trải nghiệm phương pháp này. Cho nên những vi diệu, thần diệu, kỳ diệu trong phương pháp này được vị này thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng. Vì tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng những giá trị, tác dụng, lợi ích thiết thực tuyệt vời của Phương

Pháp Tám Đúng nên vị này không có nghi ngờ gì về phương pháp này.

Đối với Tam bảo, vị ấy không có nghi ngờ gì, vị ấy biết rõ: Đức Phật là ai? Giáo pháp chân chánh mà Ngài đã chỉ dạy, đã truyền trao cho cuộc đời này là gì? Người thế nào được Đức Phật công nhận là người đệ tử chân chánh của Ngài? Vị ấy biết rõ về Tam bảo, biết rõ về Đức Phật, biết rõ về Chánh pháp, biết rõ về Thánh chúng đệ tử Phật. Vị thành tựu chánh kiến thấy biết rõ như vậy. Vì thấy biết rõ như vậy nên vị ấy không có nghi ngờ gì về Tam bảo.

Đối với Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn, đã chỉ dạy, vị ấy không có nghi ngờ gì. Vị ấy biết rõ ý nghĩa, giá trị, lợi ích, tác dụng của Thánh giới, Thánh định và Thánh trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Bậc thành tựu chánh kiến thấy biết rõ như vậy, vì sao? Vì rằng chính vị ấy là người đã và đang dần thân, đang thể nhập, đang tu tập và đang thành tựu những Thánh pháp này. Vị ấy đang thưởng thức những vi diệu, kỳ diệu, tuyệt diệu của Thánh pháp. Vị ấy đang thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng Thánh pháp. Vì thấy biết rõ tác dụng và lợi ích của Thánh pháp nên vị ấy không có nghi ngờ gì đối với Thánh giới hạnh, Thánh thiên định và Thánh trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao.

Như vậy, bậc đầy đủ chánh kiến sau khi đoạn tận được thân kiến, vị ấy tiếp tục đoạn tận được những nghi hoặc, hoài

ngghi về thân tâm, về cuộc sống, về Tam bảo và về những giáo pháp hy hữu thần diệu, thiết thực, thực tế mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã trình bày, đã chỉ dạy, đã tuyên thuyết, đã truyền trao.

6.1.3 Vì sao Bậc đầy đủ Chánh kiến phá được Giới cấm thủ?

Người có đầy đủ chánh kiến, đoạn tận được thân kiến và hoài nghi. Vị này biết rõ rằng tất cả những hiện hữu ở ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai đều là sự hiện hữu của Ngũ uẩn và tâm hôn mê, ám ảnh, trói buộc đối với Ngũ uẩn nên vị ấy không còn lo sợ những điều vớ vẩn, mộng lung, không còn sợ hãi trong mê tín, mê muội; vị này biết rõ nhân duyên và các pháp hình thành do duyên sanh; vị này biết rõ nhân quả. Vì rõ biết nhân duyên và nhân quả nên vị này gìn giữ những giới hạnh, giới đức, đức hạnh hiền thiện đưa đến những quả hiền thiện, thiện lành, tạo điều kiện thuận lợi trong sự tu tập chế ngự và nhiếp phục một nội tâm đầy căn bã, đầy cấu uế bên trong. Những giới hạnh hiền thiện thanh cao mà vị này gìn giữ là vì biết nhân quả, sợ nhân quả; vì sự an lạc bình an cho tự thân; vì sự an lạc và bình an cho xung quanh chứ không phải vì sự sợ hãi ai quở trách, vì bị ai cấm đoán hay một quyền lực nào cấm đoán. Nhờ vậy, vị này đoạn tận được giới cấm thủ.

Giới cấm thủ là sự tuân thủ, sự thực hành, sự thực thi, sự bảo thủ, sự gìn giữ một nguyên tắc nào đó, gìn giữ một giới hạnh nào đó trong sự mơ hồ, mê lung, mê tín, theo chỉ thị của người khác, theo sự sai khiến, áp đặt, bắt buộc của một quyền lực nào đó. Người giữ giới này đã giữ giới trong sự lo sợ, bất an, cố chấp, trói buộc, bị ép buộc, khen mình chê người, giữ giới với một lòng tin và một trí tuệ mơ hồ, mê lung, viển vông, không hiểu nguyên nhân, không biết hậu quả, không biết mục đích, không thấy rõ mục đích, không xác định được mục đích, lợi ích, giá trị, tác dụng của việc giữ giới, giữ nguyên tắc mà mình đang thực hành. Vị này chỉ biết tin theo, chỉ biết nghe theo, chỉ biết thực hành theo giới luật, nguyên tắc này mà không biết rõ mình giữ giới luật, giữ nguyên tắc này để làm gì. Vị này làm vì người sai bảo, làm vì sợ người, sợ quyền lực, sợ thần quyền. Việc gìn giữ giới như vậy, việc tuân theo một nguyên tắc như vậy, đó gọi là Giới cấm thủ. Tức là sự tuân thủ, sự thực hành một giới hạnh, một giới luật, một nguyên tắc trong sự bị cấm đoán, bị sợ hãi, bị chấp thủ, bị mê tín, mê lung, không biết mục đích, không thực tế, không rõ ràng, không đưa đến sự an lạc, bình an cho mình và cho người ở hiện tại và tương lai.

Đối với vị đầy đủ chánh kiến, vị này sẽ không thực hành những giới cấm thủ như vậy, vị này sẽ gìn giữ những giới hạnh, những đức hạnh cao thượng, hiền thiện thanh cao của

các bậc Thánh nhân trong sự tuệ tri rõ về nhân quả, biết rõ mục đích, giá trị, tác dụng, lợi ích của những giới hạnh mình gìn giữ. Vị này giữ giới vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc của mình và của người ở hiện tại và tương lai. Như vậy, bậc đầy đủ chánh kiến đoạn trừ được thân kiến, nghi hoặc, giới cầm thủ.

6.1.4 Vì sao Bậc đầy đủ Chánh kiến chấm dứt những hành nghiệp tham sân si nặng đưa đến đọa xứ?

Vì chánh kiến trong vị này sẽ bảo vệ vị này, che chở vị này, nhắc nhở vị này, ngăn chặn vị này, cảnh báo vị này những hậu quả đáng sợ sẽ gặp phải nếu có những tham sân si tội lỗi, xấu ác và làm những hành nghiệp tội lỗi, xấu xa. Chánh kiến trong vị này sẽ làm cho vị này ghê sợ, tránh xa những hành động tội lỗi nặng nề. Vì được chánh kiến bảo vệ, che chở, ngăn chặn như vậy nên những thân hành, khẩu hành, ý hành tội lỗi, xấu xa đưa đến sanh tại các cảnh giới xấu sẽ không được thực hiện, vị này đoạn tận những hành nghiệp xấu ác này. Do không làm những hành nghiệp trọng tội nên không sanh vào đọa xứ hay cõi giới xấu. Đó là lý do vì sao bậc Dự lưu, hay bậc có chánh kiến không thể sanh vào các cảnh giới xấu.

Như vậy, khi Đức Phật tuyên bố “Bậc Dự lưu chỉ sanh từ tối đa bảy lần, và chỉ sanh qua lại giữa chư Thiên và loài người, chứ không sanh vào đọa xứ, địa ngục, súc sanh, nga

quỷ” thì điều này có nghĩa là không phải do Đức Phật phù phép, hô biến hay dùng thần thông để làm cho các vị Dự lưu không sanh vào đọa xứ, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, mà chính là do chánh kiến trong các bậc Dự lưu đã gìn giữ thân khẩu ý của các vị này, không để cho thân khẩu ý của các vị này làm những hành nghiệp đưa đến những cảnh giới xấu. Chúng ta cần hiểu biết rõ điều này để không lầm lạc, hiểu sai sự việc được Đức Phật tuyên bố.

6.2 Kinh Làm Cho Sanh Khởi (Tăng III, 254)

“Này các Tỷ-kheo, một người đầy đủ tri kiến không có thể làm cho sanh khởi sáu pháp. Thế nào là sáu?”

- Thân kiến, nghi, giới cấm thủ.
- Tham đưa đến đọa xứ, sân đưa đến đọa xứ, si đưa đến đọa xứ.

Này các Tỷ-kheo, một người đầy đủ tri kiến không có thể làm cho sanh khởi sáu pháp này”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, bậc đầy đủ chánh kiến là bậc không thể làm cho sanh khởi thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham sân si đưa đến đọa xứ. Vì sao? Vì rằng chánh kiến của vị này đã phá tung, phá sập, phá vỡ, phá nát, phá hết toàn bộ cội rễ, cội gốc của thân kiến, nghi, giới cấm thủ và những tham sân si đưa đến đọa xứ. Vì vậy, những kiết sử, những pháp ác bất

thiện này không thể sanh khởi lại trong nội tâm của bậc đầy đủ chánh kiến.

6.3 Kinh Bạc Đạo Sư (Tăng III, 254)

“Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp không thể xảy ra. Thế nào là sáu?

- *Người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận học pháp.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể rơi trở lại vào những vấn đề không nên trở lại.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể làm cho sanh khởi hữu thứ tám.*

Này các Tỷ-kheo, đây là sáu trường hợp không thể xảy ra”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, sáu trường hợp trên không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến. Vấn đề này sẽ được chúng tôi giải thích rõ trong các phần dưới đây.

6.3.1 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư”

Điều thứ nhất này có nghĩa là: Người đầy đủ chánh kiến không thể là một người có những suy nghĩ, lời nói, hành động bất kính, ngang ngược, ngổ ngáo, xem thường Đức Phật, không tùy hỷ, không tùy thuận theo lời dạy của Đức Phật. Vì sao?

Vì rằng vị này đã hoàn toàn biết rõ Đức Phật là bậc có **đức hạnh cao thượng**, thánh thiện; có **trí tuệ tối thượng**, thần diệu, thâm sâu; có **giải thoát vô thượng** hoàn hảo.

Vị ấy biết rõ Đức Phật là Bậc Lưu Tận tận mình Chánh Giác, trí đức Ngài thật tròn đầy, Ngài đã thiện xảo thoát khỏi trầm luân, Ngài thông giải rõ tâm nhân thế, trí tuệ Ngài đạt vô thượng, Ngài điều phục các bậc trí nhân, Ngài là Thầy của trời và người, Ngài đã thấy và thoát tất cả những cấu uế trong cuộc đời, Ngài được thế giới tôn vinh tôn kính, Ngài đạt được sự nhất như trong tâm trí, Ngài nói làm trước sau không có thay đổi, Giới Định Tuệ Ngài đã viên thành, tham sân si Ngài đã diệt tận, phiền não được Ngài phá trừ, sanh tử được Ngài chấm dứt, Ngài đã thoát khỏi mọi khổ đau.

Vì biết rõ Đức Phật là bậc đã thành tựu trí tuệ và đức hạnh như vậy nên bậc đầy đủ chánh kiến không thể có những thân khẩu ý hành bất kính, bất chánh đối với Đức Phật. Đó

là điều thứ nhất không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.3.2 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp”

Điều thứ hai này có nghĩa là: Người đầy đủ chánh kiến không thể là một người có những suy nghĩ, lời nói, hành động dám qua mặt, ngụy tạo, giả mạo, thêm vào, bớt ra, dám thay đổi, chỉnh sửa, phỉ báng, xuyên tạc, khinh chê những điều mà Đức Phật đã giảng dạy. Vì sao?

Vì rằng vị này thấy biết rõ, thấy biết chân chánh, thấy biết sâu sắc, thấy biết trọn vẹn và thực giác, thực chứng những điều mà Đức Phật đã giảng dạy.

Vị này thấy được tác dụng thần diệu, lợi ích vi diệu, giá trị tuyệt diệu và mục đích cao thượng của những lời dạy của Đức Phật.

Vị này đã và đang được nếm trải, được thưởng thức những hương vị hỷ lạc trong sáng, thanh tịnh, trong sạch, cao thượng từ giáo pháp của Ngài. Vị này thể nhập những trí tuệ tối thượng, trí tuệ tuyệt vời mà Đức Phật đã hướng dẫn.

Vì vậy, vị này không thể sống mà không tôn kính, không tùy thuận theo giáo pháp chân chánh mà Ngài đã chỉ dạy. Đây là điều thứ hai không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.3.3 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng”

Điều thứ ba này có nghĩa là: Người đầy đủ chánh kiến không thể là một người có những suy nghĩ, lời nói, hành động khinh thường, chê bai, cứng đầu, chống đối với Thánh chúng đệ tử chân chánh của Đức Phật, hàng Bốn đôi tám chúng. Vì sao?

Vì rằng vị này biết rõ Bốn đôi tám chúng, Thánh đệ tử của Như Lai là những vị đã và đang thực hành một đời sống chân chánh hiền thiện với tám điều chân chánh, tức là thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh.

Vị này biết rõ rằng ngoài Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ tử Phật thì không một người nào, không một nơi nào có một đời sống chân chánh, một sự tu tập chân chánh hoàn hảo hoàn thiện đến như vậy.

Vị này biết rõ Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ tử Phật là những vị đã và đang tu tập đi đến sự hoàn thiện nhân cách của con người, hoàn thiện thánh cách của Thánh nhân, hoàn thiện Thánh giới hạnh, Thánh thiền định, Thánh trí tuệ và Thánh giải thoát tối thượng cao quý mà Đức Phật đã truyền trao.

Bậc đầy đủ chánh kiến biết rõ Bốn đôi tám chúng đệ tử Phật là những bậc đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng đánh lễ, đáng cúng dường, đáng chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

Vì thấy biết rõ như vậy, nên vị này không thể có lòng bất kính, chống đối Thánh chúng đệ tử Phật. Đây là điều thứ ba không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.3.4 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận Học pháp”

Điều thứ tư này có nghĩa là: Người đầy đủ chánh kiến không thể là một người sống không tôn kính, không kính trọng, không thực hành theo giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn. Vì sao?

Vì rằng vị này biết rõ lợi ích, giá trị, tác dụng và vị trí của Giới Định Tuệ là tối thượng trên đường đi đến sự nhiếp phục thân tâm, đoạn diệt tham sân si và chấm dứt khổ.

Vị này thấy biết rõ Giới Định Tuệ là ba Thánh pháp cao thượng, vi diệu mà chỉ có Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác mới có thể thấy biết và trình bày một cách hoàn hảo, viên mãn, không có khiếm khuyết. Ngoài Đức Phật thì không một ai ở đời có thể kiến lập một sự tu tập giới hạnh, thiền định và trí tuệ hoàn hảo như Đức Phật, đầy đủ chánh kiến thấy biết rõ như vậy.

Vì thấy biết rõ như vậy, vị này không thể có lòng bất kính, chống đối, phản kháng, đả kích, xuyên tạc, xiêu vẹo, méo mó, thêm bớt trong các học pháp về Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Đây là điều thứ tư không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.3.5 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể rơi trở lại vào những vấn đề không nên trở lại”

Điều thứ năm này có nghĩa là: Người đầy đủ chánh kiến không thể rơi trở lại những vấn đề trong những tri kiến phạm phu, tri kiến vô minh của thế gian. Vị này không thể rơi trở lại trong những pháp ác bất thiện mà vị này đã làm trước đây. Vị này không thể rơi trở lại trong những tà kiến, tà đạo, tà pháp, tà tín mà vị này đã có, đã theo trước đây. Vị này không thể rơi trở lại trong đời sống vô minh, mê muội, si ám, mê tín, phạm tục trước đây. Vì sao vậy?

Vì chánh kiến của vị này, trí tuệ của vị này tỏa sáng, rực sáng và chói sáng trong thế giới vô minh si ám này. Chánh kiến trong vị này làm cho vị này thấy rõ tất cả những tri kiến phạm phu, tri kiến vô minh, tri kiến ngã cut, tri kiến hôn ám, tri kiến mê lung, tri kiến mê tín, tri kiến hoang vu, tri kiến rừng rậm không có lối ra của chúng sanh. Trí tuệ chân chánh trong vị này làm cho vị này thấy rõ các pháp ác bất thiện, thấy rõ những tà pháp, tà đạo, tà kiến, tà tín của thế gian.

Vì nhìn thấy rõ tất cả những vô minh, hôn mê, vô trí, sai lầm, lệch lạc, hôn ám của thế gian nên chắc chắn vị này không thể nào rơi vào lại, quay trở lại trong những tà kiến, tà pháp này. Đây là điều thứ năm không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.3.6 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm cho sanh khởi hữu thứ tám”

Điều thứ sáu này có nghĩa là: Người đầy đủ chánh kiến không thể tiếp tục sanh tử khổ đau tới lần thứ tám. Vị này chỉ sanh tử tối đa bảy lần, không thể quá bảy lần. Vì sao?

Vì rằng chánh kiến trong vị này tỏa sáng, vị này nhìn thấy rõ sự đau khổ, phiền não, phiền phức, nhức nhối, thống khổ do sanh tử đem lại. Vị này nhìn thấy rõ trạng thái tâm cận bã, lậu hoặc, chấp thủ, tham ái, dính mắc, trói buộc vào Ngũ uẩn là những nhân duyên đưa đến sự đau khổ triền miên trong sanh tử của các chúng sanh.

Vì nhìn thấy rõ nỗi thống khổ của sanh tử, nhìn thấy rõ những cấu uế, những tham sân si, bản ngã, lậu hoặc trong nội tâm nên vị này sanh tâm nhàm chán, ngao ngán đối với những cấu uế lậu hoặc trong tâm và ngao ngán đối với luân hồi sanh tử. Vị này muốn ói ra, muốn mửa ra, muốn khạc nhổ ra khỏi nội tâm mình những cấu uế, lậu hoặc, vô minh, chấp thủ. Vị này không còn muốn dung túng, không còn

muốn chất chứa, không còn muốn tích lũy, nuôi dưỡng, bao che những mầm mống của sanh tử khổ đau.

Vì trạng thái tâm đang tràn sự ngao ngán, nhàm chán, ê chề, nhục nhĩ, xấu hổ với một nội tâm phải chịu đựng sự sanh tử với đầy cấu bẩn nên vị này chắc chắn sẽ đi đến sự ly thân, ly dị, ly biệt, ly tham hoàn toàn đối với những cấu uế trong nội tâm. Vị này thực hành sự xả ly, sự diệt tận, sự đào thải hết tất cả những rác bẩn, lậu hoặc khỏi nội tâm trong một ngày không xa. Nhiều lắm là trong bảy lần sanh tử nữa vị này sẽ đào thải hết tất cả những dục, ái, bản ngã, tham, sân, si, vô minh, lậu hoặc khỏi nội tâm. Vì vậy, Đức Phật nói bậc đầy đủ chánh kiến không thể làm cho sanh khởi hữu thứ tám, tức là bậc đầy đủ chánh kiến không thể tiếp tục luân hồi sanh tử khổ đau tới lần thứ tám.

Trên đây là sáu điều không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến. Đây cũng là đặc điểm của bậc đầy đủ chánh kiến. Đây cũng là sáu điểm để nhận biết bậc đầy đủ chánh kiến, nhận biết bậc đã thể nhập Dự lưu Thánh quả.

6.4 Kinh Hành (*Tăng III*, 255)

“Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp không thể xảy ra. Thế nào là sáu?

- *Người đầy đủ tri kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là thường còn.*

- *Người đầy đủ tri kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là lạc.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là ngã.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể làm hành động vô gián.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể làm cho thanh tịnh với những lễ nghi đặc biệt.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể đi tìm các vị đáng được cúng dường ngoài chư Tăng.*

Này các Tỷ-kheo, đây là sáu trường hợp không thể xảy ra”.
(Hết trích kinh)

Như vậy, sáu trường hợp trên không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến. Những vấn đề này sẽ được giải thích rõ trong các phần dưới đây.

6.4.1 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể chấp nhận bất cứ hành nào là thường còn”

Chữ “hành” trong câu kinh này cần được hiểu là sự hiện hữu, sự hiện hành của những sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong thế giới Ngũ uẩn này. Như vậy, câu kinh trên có nghĩa là: vị đầy đủ chánh kiến không thể chấp nhận bất cứ một sắc, một thọ, một tưởng, một hành, một sự hay biết, rõ

biết nào là thường còn, thường hằng, thường trú, vĩnh hằng, bất biến. Vì sao vậy?

Vì vị này rõ biết rằng tất cả những sắc, thọ, tưởng, hành, thức đang hiện hành, đang hiện hữu, đang có mặt trên cuộc đời này là do nhân duyên mà hình thành, do nhân duyên mà hiện hành, hiện hữu, và bản chất của những pháp do duyên sanh khởi, do duyên hình thành là tạm bợ, tạm thời, lắp ráp, nối kết, lắp ghép, kết hợp, phối hợp, hòa hợp rồi cùng hiện hữu, cùng hiện hành chung với nhau một thời gian rồi thì đường ai nấy đi, tất cả rồi sẽ biến đổi, thay đổi, hoại diệt, tiêu tan, thành mây khói, thành hư không. Vì vậy, bậc đầy đủ chánh kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là thường còn, bất biến. Đó là điều thứ nhất không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.4.2 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể chấp nhận bất cứ hành nào là lạc”

Điều này có nghĩa là, vị này không thể chấp nhận bất cứ một sắc, một thọ, một tưởng, một hành, một sự hay biết, rõ biết nào là lạc, là sung sướng, là hạnh phúc, là an vui. Vì sao vậy?

Vì vị này nhìn thấy rõ tất cả sự hiện hành, hiện hữu của những sắc, thọ, tưởng, hành, thức này là vô thường, là hữu vi, do duyên sanh, bản chất của chúng là biến đổi và hoại

diệt, không có gì đáng để hoan hỷ, say đắm, yêu thích. Nếu tâm này tham đắm, dính mắc, chấp thủ, trói buộc đối với chúng thì khi chúng biến đổi, hoại diệt, tiêu tan thì tâm này sẽ quyến luyến, đau khổ, khốn khổ, thống khổ, hoạn nạn.

Vì thấy biết rõ như vậy, bậc đầy đủ chánh kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là lạc. Đó là điều thứ hai không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.4.3 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể chấp nhận bất cứ hành nào là ngã”

Điều này có nghĩa là, vị này không thể chấp nhận, một sắc nào, một thọ nào, một tưởng nào, một hành nào, một sự biết, sự rõ biết, sự hay biết nào là mình, là của mình. Vì sao vậy?

Vì rằng vị này đã hoàn toàn biết rõ sắc, thọ, tưởng, hành, thức; biết rõ duyên sanh và duyên diệt của chúng; biết rõ con đường đưa đến chúng đoạn diệt nên vị này không nhìn nhận chúng là mình, không xem chúng là mình, không nghĩ chúng là mình, là của mình. Đó là ý nghĩa của câu: người đầy đủ chánh kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là ngã. Đây là điều thứ ba không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.4.4 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm hành động vô gián”

Vô gián là không gián đoạn. Vị thành tựu chánh kiến không thể làm hành động vô gián, nghĩa là vị này không thể làm những hành động liên tục, miên man, không gián đoạn. Vị này không phải là người: làm chỉ biết làm, nói chỉ biết nói, suy nghĩ chỉ biết suy nghĩ, tu chỉ biết tu. Vị này không thể miên man trong làm, miên man trong nói, miên man trong suy nghĩ, miên man trong cái gọi là tu mà không có sự cân nhắc, quan sát, suy xét nhân quả, suy xét kết quả của sự nói, sự làm, sự suy nghĩ, sự tu tập của mình. Vị đầy đủ chánh kiến không thể sống hôn mê trong thân khẩu ý hành và trong sự tu tập. Vị này có tư duy, tư sát, quán sát, cân nhắc, cân trọng trong suy nghĩ, lời nói, hành động và trong sự tu tập của tự thân.

Vị này luôn cân trọng nhìn lại mình, kiểm tra, kiểm soát mình trong thân hành, khẩu hành, ý hành. Vị này không thể cầm cúi làm một hành động mà không quán sát, không cân nhắc hành động đó.

Trong lời nói, vị này cân nhắc cân trọng trong từng lời nói, cân nhắc trước khi nói, cân nhắc trong khi nói, cân nhắc sau khi nói. Trong hành động, vị này cân nhắc cân trọng trong các hành động, cân nhắc cân trọng trước khi hành động, cân nhắc cân trọng trong khi hành động, cân nhắc

cẩn trọng sau khi hành động. Trong suy nghĩ, vị này cân nhắc cẩn trọng trong từng suy nghĩ, cân nhắc cẩn trọng trước khi suy nghĩ, cân nhắc cẩn trọng trong khi suy nghĩ, cân nhắc cẩn trọng sau khi suy nghĩ.

Vị này cẩn trọng cân nhắc trước – trong – sau mỗi lời nói, mỗi hành động, mỗi suy nghĩ. Vị này không thể làm mà không cân nhắc, không thể nói mà không cân nhắc, không thể suy nghĩ mà không cân nhắc. Mỗi một lời nói, suy nghĩ, hành động của vị này luôn có sự chậm rãi, sự dừng lại, sự cân nhắc cẩn trọng trong nội tâm. Do đó, Đức Phật nói vị thành tựu chánh kiến không thể làm hành động vô gián. Vì sao vậy?

Vì chánh kiến của vị này, trí tuệ trong vị này luôn kiểm soát, luôn phản tỉnh, luôn phản quan, luôn tra xét, luôn soi chiếu từng hành vi, cử chỉ, lời nói, hành động, suy nghĩ, sự tu tập của vị này, nên vị này luôn cân nhắc cẩn trọng trong cuộc sống của mình. Trí tuệ trong vị này làm cho vị này không sa đà, phóng dật, buông lung, hôn mê trong thân khẩu ý. Đó là lý do vị thành tựu chánh kiến không thể làm hành động vô gián.

6.4.5 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm cho thanh tịnh với những lễ nghi đặc biệt”

Điều này có nghĩa là, vị đầy đủ chánh kiến biết rõ rằng thân tâm này không thể thanh tịnh, trong sạch, bình an, hạnh phúc nhờ vào những nghi lễ cầu nguyện cầu xin ở bên ngoài. Vị này không thể chấp nhận những sự cầu nguyện, cầu xin ở bên ngoài có thể làm cho thân tâm này thanh tịnh, bình an, hết sạch tham sân si, hết sạch phiền não, hết sạch cấu uế lậu hoặc. Người đầy đủ chánh kiến không thể chấp nhận những suy nghĩ, hành động và lễ nghi cầu nguyện như vậy. Vì sao vậy?

Vì vị này thấu hiểu luật nhân quả, thấu hiểu những logic trong cuộc sống. Vị này thấu hiểu rõ rằng: *Muốn được thanh tịnh thân tâm, muốn được bình an thân tâm thì cần phải biết rõ cái gì không thanh tịnh trong thân tâm, cái gì không bình an trong thân tâm và sau đó cần phải tiến hành nhiếp phục, diệt trừ, loại bỏ những thứ bất tịnh, bất an trong thân tâm thì thân tâm sẽ đi đến sự thanh tịnh, bình an, an lạc.*

Vị này biết rõ không thể với cúng kiến, cầu xin, lễ bái, dâng lễ, cúng lễ bên ngoài mà thân tâm con người có thể đi đến sự trong sạch, thanh tịnh, bình an, hết cấu uế, hết nhiễm ô.

Vị này biết rõ rằng: Con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh, bình an, yên ổn cho chúng sanh, giúp chúng sanh vượt

khỏi sâu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu trí tuệ chân chánh, chứng ngộ sự tịch lặng, yên vui, hết khổ chính là sự quay về trực diện với thân tâm, đối diện với thân tâm, nhìn thẳng vào thân tâm, nhìn thẳng vào sắc thân này, nhìn thẳng vào những cảm giác đang ẩn hiện trong thân tâm, nhìn thẳng vào tình trạng hiện tại của nội tâm, nhìn thẳng vào những gì đang có mặt, đang vận hành, đang sanh diệt trong thân tâm, để từ đó nhiếp phục, đào thải khỏi thân tâm những dục, ái, tham, sân, si, cấu uế, đồng thời làm cho sanh khởi và phát triển trí tuệ và các đức tánh hiền thiện, chân chánh, cao thượng của bậc trượng phu, bậc Thánh nhân.

Vị thành tựu chánh kiến thấy biết rõ ràng: Con đường trên, phương pháp tu tập trên là phương pháp chân chánh, con đường chân chánh, cách làm chân chánh đưa chúng sanh đi đến sự thuần khiết trong tịnh lạc, bình an, hạnh phúc.

Vị thành tựu chánh kiến biết rõ ràng: Ngoài con đường trên, ngoài phương pháp nhìn thẳng vào thân tâm để thấy biết rõ thân tâm và nhiếp phục thân tâm theo phương cách mà Đức Phật đã chỉ dạy thì không thể có một cách nào khác có thể làm cho con người được bình an, thanh tịnh, thanh thản và hạnh phúc hoàn toàn.

Do đó, bậc đầy đủ chánh kiến có thể làm từ thiện giúp đỡ cho người nghèo khổ, có thể dâng tịnh tài, tịnh vật cúng dường Tam bảo với bốn phận hộ trì Tam bảo của người con Phật. Nhưng bậc đầy đủ chánh kiến sẽ không thể tiến

hành thực hiện những nghi lễ cúng kiến cầu xin vầy khác bên ngoài để tìm cầu sự bình an, sự thanh tịnh, sự giải thoát, sự hết khổ. Đó là điều thứ năm không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.4.6 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể đi tìm các vị đáng được cúng dường ngoài chư Tăng”

Điều này có nghĩa là, vị đầy đủ chánh kiến không thể tìm người đáng được cúng dường ngoài tứ chúng Thánh chúng đệ tử Phật. Vị này có thể đi làm từ thiện, giúp đỡ những người nghèo khổ, khó khăn, nhưng đối với việc cung kính cúng dường, vị này biết rõ *Bốn đôi tám chúng*, Thánh chúng đệ tử Phật là những bậc đáng được cung kính, đáng được cúng dường, là ruộng phước vô thượng ở trên đời. Vì sao vậy?

Vì vị này biết rõ các vị *Bốn đôi tám chúng* là Thánh chúng đệ tử chân chánh của Đức Phật, các vị này có những đức hạnh vi diệu, hiền thiện, chân chánh, trung thực đối với tự thân, chân thật nhìn nhận tự thân, đang tu tập thân tâm theo *Tám Sự Chân Chánh* mà Đức Phật đã chỉ dạy, đang hướng đến sự thành tựu, sự hoàn thiện *Giới hạnh, Thiền định và Trí tuệ* mà Đức Phật đã truyền trao, đang nỗ lực chế ngự và nhiếp phục thân tâm, đang thực hành một công cuộc thanh lọc vĩ đại đối với thân tâm, đào thải sạch khỏi thân tâm những rác bần, cấu uế, lậu hoặc.

Bậc đầy đủ chánh kiến sẽ biết rõ Thánh chúng đệ tử Phật là những bậc có đầy đủ *Diệu hạnh, Trực hạnh, Chơn chánh hạnh, Như pháp hành (Ứng lý hạnh)*. Từ đó, vị này có thể làm từ thiện, bố thí cho người nghèo khổ, khó khăn trong cuộc sống nhưng khi nói đến việc cúng dường, thì vị này biết rằng Thánh chúng đệ tử chân chánh của Đức Phật là những bậc đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được đánh lễ, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở trên đời.

Vì biết rõ như vậy nên bậc đầy đủ chánh kiến không thể đi tìm người đáng được cúng dường ngoài Thánh chúng, không thể xem ai đáng được cúng dường ngoài các bậc nằm trong hàng *Bốn đôi tám chúng*, Thánh chúng đệ tử Phật. Đó là điều không thể xảy ra thứ sáu đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

Trên đây là sáu điều không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến. Đây cũng là đặc điểm của bậc đầy đủ chánh kiến. Đây cũng là sáu điểm để nhận biết bậc đầy đủ chánh kiến, nhận biết bậc đã thể nhập Dự lưu Thánh quả.

6.5 Kinh Mẹ (*Tăng III, 256*)

“Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra. Thế nào là sáu?

- *Người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của mẹ.*

- *Người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của cha.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của vị A-la-hán.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể với ác tâm làm Như Lai phải chảy máu.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể phá hòa hợp Tăng.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể đề cử một vị Đạo Sư khác.*

Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra”.
(Hết trích kinh)

6.5.1 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm bốn việc”

Như vậy, người đầy đủ chánh kiến không thể đoạn mạng sống của mẹ, cha, vị A-la-hán, không thể với ác tâm làm Như Lai chảy máu. Vì sao? Vì chánh kiến trong vị này không cho phép vị này làm những việc bất nhân, bất nghĩa, thất đức, tệ hại xấu xa đến như vậy. Vị này có thể còn vài tội xấu, vài lỗi lầm nhỏ nhất nhưng chắc chắn trí tuệ trong vị này sẽ ngăn chặn không cho vị này làm những việc quá tồi tệ, quá xấu xa, có khả năng đưa vị này vào đọa xứ, địa ngục.

6.5.2 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể phá hòa hợp Thánh chúng”

Người đầy đủ chánh kiến không thể phá hoại sự hòa hợp của Thánh chúng. Vì sao? Vì vị này biết rõ Thánh chúng đệ tử chân chánh của Đức Phật là những vị trong hàng “Bốn đôi tám chúng”. Các vị này là những bậc có những đức hạnh hiền thiện cao quý (Diệu hạnh), có đức hạnh trung trực nhìn nhận tự thân, chân thật đối với tự thân và chân thật đối với xung quanh (Trực hạnh), có thân khẩu ý hành chân chánh đúng pháp (Chơn chánh hạnh), có sự tu tập thân tâm theo đúng Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao (Như pháp hành, hay Ứng lý hạnh). Vị đầy đủ chánh kiến biết rõ Thánh chúng đệ tử Phật là những vị có những đức hạnh vi diệu, hiền thiện, cao quý, đúng pháp như vậy và bản thân của vị đầy đủ chánh kiến cũng đang dần thành tựu những Thánh đức hạnh này. Vì vậy, vị này không thể có những thân hành, khẩu hành, ý hành với mục đích, với âm mưu phá hoại sự hòa hợp của Thánh chúng.

Vị đầy đủ chánh kiến luôn tha thiết mong muốn Chánh pháp được rực sáng, được tỏa sáng trong thế giới này, đâm thủng màn vô minh si ám của cuộc đời, đem đèn sáng vào trong bóng tối của thế giới để cho những ai có đôi mắt của trí tuệ có thể nhìn ra được tự thân, nhìn ra được sự thật của

cuộc sống và vượt thoát ra khỏi những phiền não, đau khổ trong cuộc sống.

Vị đầy đủ chánh kiến luôn tha thiết mong muốn thế giới này được sống trong ánh sáng của Chánh pháp mà Đức Thế Tôn đã truyền trao. Vị này không có tâm ganh tỵ, ích kỷ, hẹp hòi, không có tâm muốn bôi nhọ người khác để đưa mình lên. Vị này luôn âm thầm cầu mong có nhiều người thông hiểu được Chánh pháp, tu tập chân chánh đúng pháp trong Chánh pháp và giảng dạy rộng rãi Chánh pháp này để cho Chánh pháp được an trú lâu dài, chúng sanh được khai mở trí tuệ, được tu tập đúng pháp, được thoát khỏi biển khổ đau. Nếu có một Thánh chúng được thành tựu, được thành lập một cách chân chánh đúng pháp với đầy đủ những đức hạnh, thiền định và trí tuệ chân chánh đúng pháp mà Đức Phật đã truyền trao thì đối với vị đầy đủ chánh kiến, đây là niềm vui không có gì bằng, một niềm hạnh phúc không có gì bằng. Vì vậy, vị đầy đủ chánh kiến không thể nào là người có những thân khẩu ý cố tình phá hoại sự hòa hợp trong Thánh chúng.

Vị đầy đủ chánh kiến là bậc sống chân thật và nói lên những lời chân thật. Vị này không có ý bôi nhọ người khác. Nếu phải nói những lời không tốt đẹp về người khác thì vị này chỉ nói lên sự thật để cảnh tỉnh hội chúng, làm trong sạch hội chúng, làm trong sạch Thánh chúng, chứ không có ý bôi nhọ hay nói xấu một ai. Cần xem kỹ trong các

kinh: Kinh Các Đồ Rác (*Tăng* III, 513), Kinh Devadatta (*Tương* I, 338), Kinh Devadatta (*Tăng* III, 502), Kinh Devadatta (*Tăng* I, 691), Kinh Gốc (*Tương* II, 417), Kinh Pháp (*Tương* II, 418).

Vị đầy đủ chánh kiến thường thức được hương vị trí tuệ của Pháp bảo, thường thức được hương vị giải thoát của Chánh pháp. Do đó, vị này luôn mong muốn Chánh pháp được bền vững, được vững mạnh, được truyền thừa tốt đẹp. Vị này luôn mong muốn chư đệ tử chân chánh của Đức Như Lai được hòa hợp, an vui, được cùng nhau tu học trong Thánh pháp, Thánh đạo mà Đức Như Lai đã truyền dạy. Vị này luôn mong muốn những người con chân chánh của Đức Phật được cùng nhau tu tập, cùng nhau nhiếp phục những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trong tự thân để thành tựu một nội tâm trong sạch, thanh tịnh, cao đẹp, thánh thiện, xứng đáng là những bậc Thánh đệ tử chân chánh của Đức Như Lai. Vị này biết rõ sự vận hành, sự hoạt động của nội tâm, tu tập sự chế ngự, nhiếp phục và làm chủ nội tâm, sống không làm khổ mình, không làm khổ người, tự tại giữa cuộc đời đầy uế trước, phiền não và khổ đau. Vì vậy, vị đầy đủ chánh kiến không thể nào là người phá hoại sự hòa hợp trong Thánh chúng.

Vị đầy đủ chánh kiến biết rõ nhân quả của việc phá sự hòa hợp của Thánh chúng, biết rõ nhân quả của việc làm cho Thánh chúng được hòa hợp. Vì vậy, với chánh kiến chiếu

soi, với Thánh trí tuệ dẫn đường, vị ấy chỉ nói những lời đưa đến hòa hợp, nói những lời làm cho người này có thể hiểu người kia hơn, thông cảm với tập khí, tánh tình của người kia, thông cảm với những lỗi lầm của người kia, khởi lòng từ mẫn đối với người kia, bao dung tha thứ cho người kia, biết cách cư xử với người kia. Vị ấy làm cho Thánh chúng ngày càng hòa hợp, hòa đồng, phát triển mạnh mẽ, tương thân, hòa ái, giảm thiểu những tâm niệm xấu xa bất thiện với nhau, giảm thiểu cái tôi, cái ta, bản ngã; sống với nhau trong sự chân thành, chân thật, nhiệt tình, hết lòng; mong muốn nhau ngày càng tốt đẹp hơn, xây dựng nhau trong tình tương thân tương ái, trong lòng từ mẫn, từ ái với nhau; sống vì nhau, sống cho nhau, sống không làm tổn thương nhau; sẵn sàng giúp đỡ nhau trong sinh hoạt đại chúng; sẵn sàng hy sinh cho nhau, nhường nhịn nhau, chịu tiếng thiệt, chấp nhận phần thiệt về mình; khuyến khích, khích lệ, hướng dẫn, chia sẻ với bạn đồng tu, làm cho đại chúng cùng tinh tấn, cùng tiến bộ, cùng vững bước trên con đường đi đến sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ.

Tóm lại, đối với bậc đầy đủ chánh kiến, khi đối trước một hội chúng, đối trước một con người, đối trước một nơi mà nơi đó, con người đó, hội chúng đó **thật sự** là một hội chúng, một con người, một nơi tu tập trong sạch, thanh tịnh, chân chánh, đúng pháp trong hàng *Bốn đôi tám chúng* thì vị đầy đủ chánh kiến không thể là người có tâm muốn

phá hoại sự hòa hợp của một Thánh chúng như vậy, của những nơi như vậy và những con người như vậy.

Nhưng nếu nơi đó, người đó, hội chúng đó có sự không trong sạch, không thanh tịnh, không chân chánh, không đúng pháp thì bậc đầy đủ chánh kiến sau khi thấy biết rõ như vậy, vị này với lòng từ mẫn khuyên dạy, chỉ dẫn, nhắc nhở. Nhưng nếu sau khi với lòng từ mẫn khuyên dạy, chỉ dẫn, nhắc nhở mà vấn đề vẫn không thay đổi thì vị này sẽ từ bỏ nơi đó, sẽ từ bỏ con người đó, đây gọi là “giết hại trong Pháp Luật của bậc Thánh” (Kinh Kesi - Tăng II, 26).

6.5.2.1 Kinh Các Đồ Rác (Tăng III, 513)

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Campà, trên bờ hồ Gaggarà. Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Vị ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, tránh né vấn đề với một vấn đề khác, hướng câu chuyện ra ngoài, và hiện tướng phần nộ, sân hận và bất mãn. Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo :

2. - Nay các Tỷ-kheo, hãy đuổi người này ra! Nay các Tỷ-kheo, hãy tẩn xuất người này ra! Nay các Tỷ-kheo, người này đáng bị khai trừ.

Sao để con cháu người khác làm phiền nhiễu các ông? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, khi nào một người đi ra, đi vào, nhìn lên, nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y sanghàti, bát và y, như vậy, như các Tỷ-kheo hiền thiện khác, cho

đến khi các Tỷ-kheo không thấy phạm tội. Nhưng khi các Tỷ-kheo thấy phạm tội, họ biết người này là như sau: “Người này là Sa-môn ô uế, họ là Sa-môn rom rạ, là Sa-môn rác rưởi. Khi biết như vậy, họ đuổi người ấy ra ngoài. Vì sao? Chớ để cho người ấy làm ô uế các Sa-môn hiền thiện khác.

3. Ví như, này các Tỷ-kheo, khi một ruộng lúa mì đã đầy đủ. Cây lúa mì ô nhiễm, cây lúa mì rom rạ, cây lúa mì rác rưởi được mọc lên với rễ như vậy, giống như các cây lúa mì hiền thiện khác. Với cành là như vậy, giống như những cây lúa mì hiền thiện khác. Với lá là như vậy, giống như những cây lúa mì hiền thiện khác, cho đến khi nào đầu ngọn lúa chưa mọc ra. Khi đầu ngọn lúa mọc ra, họ biết: “Đây là cây lúa mì hoang, đây là cây lúa mì rom rạ, cây lúa mì rác rưởi”. Sau khi biết như vậy, họ nhổ cây lúa mì ấy lên, luôn cả rễ, và quăng cây lúa mì ấy ra khỏi ruộng lúa. Vì có sao? Họ nói: “Đừng để cho cây lúa mì làm uế nhiễm các cây lúa mì hiền thiện khác”.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, khi nào một người đi ra, đi vào, nhìn lên, nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y sanghàti, bát và y, như vậy, như các Tỷ-kheo hiền thiện khác, cho đến khi các Tỷ-kheo không thấy người ấy phạm tội. Nhưng khi các Tỷ-kheo thấy người ấy phạm tội, họ biết được: “Người này là Sa-môn giả hiệu, Sa-môn rom rạ, Sa-môn rác rưởi”. Sau khi biết người ấy là như vậy, họ đuổi

người ấy ra ngoài. Vì có sao? “Chớ để cho người ấy làm uế nhiễm các Sa-môn hiền thiện khác”.

4. Ví như, này các Tỷ-kheo, khi một đồng lúa lớn đang được sàng quạt, tại đấy, các hạt lúa nào chắc cứng, có hạt, chúng được chắt thành đồng một bên; còn những hạt lúa nào yếu kém, chỉ là rom, thoir được gió thổi tạt qua một bên, và người chủ, với cây chổi, quét chúng còn xa hơn nữa. Vì có sao? “Chớ để cho lúa ấy làm uế nhiễm các hạt lúa hiền thiện khác”.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, khi nào một người đi ra, đi vào, nhìn lên, nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y sanghàti, bát và y, như vậy, như các Tỷ-kheo hiền thiện khác, cho đến khi các Tỷ-kheo không thấy người ấy phạm tội. Nhưng khi các Tỷ-kheo thấy người ấy phạm tội, họ biết được: “Người này là Sa-môn ô uế, Sa-môn rom rạ, Sa-môn rác rưởi”. Sau khi biết người ấy là như vậy, họ đuổi người ấy ra ngoài. Vì có sao? “Chớ để cho người ấy làm uế nhiễm các Sa-môn hiền thiện khác”.

5. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cần một số ống nước, lấy một cây búa sắc bén và đi vào rừng, và với cán cây búa ấy, gõ vào thân cây này hay thân cây khác. Ở đây, những cây nào chắc cứng, có lõi, khi được cán búa gõ vào, tiếng vang dội được tròn cứng. Còn những cây nào ở giữa bị mục nát, không có lõi (đầy ứ bất tịnh) như bản, khi được

cán búa gõ vào, tiếng vang dội lép xẹp. Người ấy chặt cây ấy, gốc ấy. Sau khi chặt gốc, người ấy chặt ngọn. Sau khi chặt ngọn, người ấy rửa phía trong của cây cho thật sạch. Sau khi rửa phía trong cho thật sạch rồi, người ấy nối liền các ống ấy lại.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, khi nào một người đi ra, đi vào, nhìn lên, nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y sanghàti, bát và y, như vậy, như các Tỷ-kheo hiền thiện khác, cho đến không các Tỷ-kheo không thấy người ấy phạm tội. Nhưng khi các Tỷ-kheo thấy người ấy phạm tội, họ biết được : “Người này là Sa-môn giả hiệu, Sa-môn rơm rạ, Sa-môn rác rưởi”. Sau khi biết người ấy là như vậy, họ đuổi người ấy ra ngoài. Vì có sao ? “Chớ để cho người ấy làm ố nhiễm các Sa-môn hiền thiện khác”.

*Thầy có thể biết được
 Người này Thầy chung sống
 Ái dục và phần nộ
 Dèm pha và ngoan cố
 Não hại và tật đố
 Xan tham và man trá
 Nói nhu hòa giữa người
 Nói như lời Sa-môn
 Che giấu, làm việc ác
 Ác kiến, thiếu kính trọng
 Quanh co và nói láo*

Biết vậy, người làm gì?
Tất cả phải đồng tình
Cùng tránh né người ấy
Hãy tản xuất rơm rác
Hãy tổng cổ uế trước
 Từ nay hãy đuổi xa
 Kẻ nói nhiều vô ích
 Không phải là Sa-môn
 Nhưng hiện tướng Sa-môn
 Tản xuất kẻ ác dục
 Ác hạnh, ác uy nghi
 Sống với người thanh tịnh
 Sống trong sạch chánh niệm
 Hòa hợp biết khôn khéo
 Hãy chấm dứt khổ đau.

6.5.2.2 Kinh Kesi (Tăng II, 23)

1. Rồi Kesi, người đánh xe điều phục ngựa đi đến Thế tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế tôn nói với Kesi, người đánh xe điều phục ngựa đang ngồi một bên :
2. - Nay Kesi, Ông là người đánh xe điều phục ngựa, có chế ngự. Và nay Kesi, Ông nhiếp phục ngựa như thế nào ?

- Bạch Thế Tôn, con nhiếp phục ngựa đáng được điều phục với lời nói mềm mỏng. Con nhiếp phục ngựa đáng được điều phục với lời thô ác. Con nhiếp phục ngựa đáng được điều phục với lời nói mềm mỏng và thô ác.

- Nay Kesi, nếu con ngựa đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói thô ác, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và thô ác, thời Ông làm gì với con ngựa ấy?

- Bạch Thế Tôn, nếu con ngựa đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói thô ác, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và thô ác của con, thời bạch Thế Tôn, con giết nó. Vì sao? Vì mong rằng nó không làm mất danh dự cho gia đình thầy của con!

Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn là bậc Vô thượng, đánh xe điều ngự những ai đáng được điều ngự, như thế nào Thế Tôn nhiếp phục những ai đáng được điều phục?

3 - Nay Kesi, Ta nhiếp phục người đáng được nhiếp phục với lời nói mềm mỏng. Ta nhiếp phục với lời nói cứng rắn. Ta nhiếp phục với lời nói vừa mềm mỏng, vừa cứng rắn.

- Tại đây, nay Kesi, đây là với lời nói mềm mỏng:

- Đây là thân làm **thiện**. Đây là quả báo thân làm thiện.

- Đây là lời nói thiện. Đây là quả báo lời nói thiện.
- Đây là ý nghĩ thiện. Đây là quả báo ý nghĩ thiện.
- Đây là chư Thiên. Đây là loài Người.
- Tại đây, này Kesi, đây là với lời nói cứng rắn:
 - Đây là thân làm ác. Đây là quả báo thân làm ác.
 - Đây là lời nói ác. Đây là quả báo lời nói ác.
 - Đây là ý nghĩ ác. Đây là quả báo ý nghĩ ác.
 - Đây là địa ngục. Đây là loài bàng sanh. Đây là loại ngạ quỷ.
- Tại đây, này Kesi, đây là lời nói vừa mềm mỏng vừa cứng rắn:
 - Đây là thân làm thiện. Đây là quả báo thân làm thiện.
 - Đây là thân làm ác. Đây là quả báo thân làm ác.
 - Đây là lời nói thiện. Đây là quả báo lời nói thiện.
 - Đây là lời nói ác. Đây là quả báo lời nói ác.
 - Đây là ý nghĩ thiện. Đây là quả báo ý nghĩ thiện.
 - Đây là ý nghĩ ác. Đây là quả báo ý nghĩ ác.
 - Đây là chư Thiên. Đây là loài Người.
 - Đây là địa ngục. Đây là loài bàng sanh. Đây là ngạ quỷ.
- Bạch Thế Tôn, nếu người đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng của Thế Tôn, không

chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và cứng rắn, thời Thế Tôn làm gì với người ấy?

*- Nay Kesi, nếu người đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng của Ta, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói vừa mềm mỏng vừa cứng rắn, nay Kesi, **thời Ta giết hại người ấy!***

4. - Nhưng bạch Thế Tôn, sát sanh không xứng đáng với Thế Tôn. Tuy vậy, Thế Tôn nói: “Nay Kesi, Ta giết hại người ấy”.

*- Thật vậy, nay Kesi, sát sanh không xứng đáng với Như Lai. Nhưng người đáng được điều phục ấy không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và cứng rắn, Như Lai nghĩ rằng người ấy không xứng đáng để được nói đến, để được giáo giới. Và các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng người ấy không xứng đáng để được nói đến, để được giáo giới. Bị giết hại, nay Kesi là con người này, trong giới luật của bậc Thánh, **bị Như Lai nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới, bị các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới.***

- Bạch Thế Tôn, người ấy bị bậc Thiện Thệ giết hại là người nào bị Như Lai nghĩ rằng không xứng đáng được nói đến, không xứng đáng được giáo giới, bị các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! ... bắt đầu từ nay, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

6.5.2.3 Kinh Ngày Trai Giới (Tăng III, 565)

(Trích đoạn)

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvavatthi, tại Đông viên, chỗ lâu đài mẹ Migāra. Lúc bảy giờ Thế Tôn, nhân ngày trai giới, đang ngồi, có chúng Tăng đoanh vây.

Rồi Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, và canh một đã qua, từ chỗ ngồi, đứng dậy, đắp y thượng vào một bên vai, chắp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh một đã qua, chúng Tỷ-kheo đã ngồi lâu, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đọc giới bốn cho các Tỷ-kheo.

Khi được nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng.

2. Lần thứ hai, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, và canh giữa đã qua, từ chỗ ngồi, đứng dậy, đắp y thượng vào một bên vai, chấp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh hai đã qua, chúng Tỷ-kheo đã ngồi lâu, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đọc giới bốn cho các Tỷ-kheo.

3. Lần thứ ba, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, và canh cuối đã qua, rạng đông đã khởi, mặt đêm đã sáng rõ, từ chỗ ngồi, đứng dậy, đắp y thượng vào một bên vai, chấp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã qua, chúng Tỷ-kheo đã ngồi lâu, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đọc giới bốn cho các Tỷ-kheo.

- Nay Ananda, hội chúng không được thanh tịnh.

4. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna suy nghĩ như sau: Đề cập đến người nào, Thế Tôn đã nói: “Nay Ananda, hội chúng không được thanh tịnh”?

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna, với tâm của mình, chú tâm tác ý đến toàn thể chúng Tỷ-kheo Tăng, Tôn giả thấy một người ấy là ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh, đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là sống Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham

dục, tánh tình bất tịnh, đang ngồi giữa chúng Tỷ-kheo. Thấy vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến người ấy, sau khi đến, nói với người ấy :

- Này Hiền giả, hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy ông. Đối với Hiền giả, không thể chung sống với các Tỷ-kheo.

- Được nói như vậy, người ấy im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Mahāmoggallāna nói với người ấy:

- Này Hiền giả, hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy Ông. Đối với Hiền giả, không thể chung sống với các Tỷ-kheo.

Lần thứ hai, người ấy im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Mahāmoggallāna nói với người ấy:

- Này Hiền giả, hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy Ông. Đối với Hiền giả, không thể chung sống với các Tỷ-kheo.

Lần thứ ba, người ấy im lặng.

5. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nắm lấy cánh tay người ấy, đẩy ra khỏi cửa, đóng chốt cửa lại, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, người ấy đã bị con đuổi ra khỏi. Hội chúng đã thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, hãy thuyết giới bốn cho chúng Tỷ-kheo.

- *Thật vi diệu thay, này Mahàmoggallàna! Thật hy hữu thay, này Mahàmoggallàna! Cho đến khi bị nắm tay, kẻ ngu si kia mới đi.*

Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- *Này các Tỷ-kheo, các Thầy hãy hành trì Uposatha (Bồ-tát), hãy đọc giới bốn. Bắt đầu từ nay, này các Tỷ-kheo, Ta sẽ không đọc giới bốn. Này các Tỷ-kheo, không có sự kiện, không có cơ hội rằng Như Lai có thể đọc giới bốn trong một hội chúng không thanh tịnh.*

Này các Tỷ-kheo, trong biển lớn có tám pháp vi diệu chưa từng có này mà do thấy vậy, thấy vậy, các Asurà (A-tu-la) thích thú biển lớn...

(Hết trích kinh)

6.5.2.4 Tóm lược

Như vậy, với bài Kinh Các Đồ Rác (Tăng III, 513), khi trong đại chúng có người phạm lỗi, phạm giới, bị đại chúng buộc tội thì người này tránh né vấn đề sang một vấn đề khác, hướng câu chuyện ra ngoài, tỏ lộ sự phẫn nộ, sân hận, bất mãn, Đức Phật nói: “*Hãy đuổi người này ra! Hãy tẩn xuất người này ra! Người này đáng bị khai trừ. Sao để con cháu người khác làm phiền nhiễu các ông?... Người này là một Người tu ô uế, Người tu rơm rạ, Người tu rác rưởi... Chớ để cho người ấy làm ô uế các Người tu hiền thiện*

khác”. Như vậy, với một người ương ngạnh, cứng đầu, khó dạy, khó bảo, không chịu nhận lỗi khi phạm lỗi, quanh co, biện luận, nguy biện, nguy ngôn, Đức Phật không muốn đại chúng phải dài dòng với hạng người như vậy.

Lại nữa, trong bài kinh Kesi (*Tăng II*, 23) nêu trên, với hạng người khó dạy, khó bảo, ương ngạnh, cứng đầu, bản ngã cao, không chịu sửa đổi, không biết lắng nghe, với hạng người như vậy Đức Phật sẽ bỏ mặc, không thèm nói đến, đây gọi là “giết hại” trong Pháp Luật của bậc Thánh. Vì sao? Vì hạng người này không xứng đáng để được nói đến, không xứng đáng để được giáo giới, không xứng đáng để được chỉ dạy.

Lại nữa, trong bài kinh Ngày Trai Giới (*Tăng II*, 565) nêu trên, Tôn giả Ananda ba lần thỉnh Đức Phật thuyết pháp, nhưng Ngài im lặng, đến lần thứ ba, Ngài nói: “Hội chúng không được thanh tịnh”. Tôn giả Mục-Kiền-Liên nghe Đức Phật nói vậy, với tâm của mình, Tôn giả chú tâm tác ý đến toàn thể đại chúng và phát hiện ra trong đại chúng có một người không thanh tịnh, ác giới, phá giới, hành vi bất tịnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục. Tôn giả đi đến chỗ người ấy, sau ba lần yêu cầu người ấy đi ra khỏi đại chúng nhưng người ấy không đi, Tôn giả nắm lấy cánh tay người ấy, đẩy ra khỏi cửa và đóng chốt cửa lại. Sau khi người bất tịnh này ra khỏi đại chúng thì Đức Phật mới thuyết pháp và Ngài đã thuyết về Tám điều vi diệu trong giáo pháp mà

Ngài đã chỉ dạy. Như vậy, khi trong đại chúng, người phá giới được nêu rõ là người phá giới, người bất tịnh, bất chánh được nêu rõ là người bất tịnh bất chánh, đó không phải là phá hòa hợp Tăng, mà đó là Giới đức và Trí tuệ trong hội chúng chân chánh, hiền thiện, đúng pháp đã đào thải những người bất chánh ra khỏi hội chúng đó.

Tóm lại, các bài kinh trên đã nêu rõ, ngay thời Đức Phật còn tại thế, những người tu hành không chân chánh, vô đạo đức, phá giới, dâm dục, tâm tánh không hiền thuận, cứng đầu, ngoan cố, khó chỉ dạy. Đối với những người như vậy, Đức Phật không hoan hỷ và Ngài cho đại chúng đuổi ra ngoài.

Như vậy, khi trong đại chúng có người bất chánh, bất minh, hành vi đồi bại, thô nát, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là sống Phạm hạnh, hung hăng, hay gây cãi, ngy biện, quanh co... khi người này bị phát giác phát hiện và bị nêu rõ thì đó không phải là phá hòa hợp Tăng, mà đó là việc cần phải làm để làm trong sạch đại chúng, làm trong sạch Thánh chúng đệ tử của Đức Như Lai.

6.5.3 Bạc đầy đủ Chánh kiến “không thể nhận ai làm thầy ngoài Đức Phật và Thánh chúng”

Lại nữa, vị đầy đủ chánh kiến không thể đề cử một vị Đạo Sư khác, nghĩa là, vị này không thể xem một ai khác ngoài

Đức Phật và Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ tử Phật là vị thầy dẫn đường cho mình vượt thoát lưới sanh tử, vượt thoát phiền não và khổ đau. Vì sao vậy? Vì vị này biết rõ Đức Phật là bậc ngộ đạo, bậc chứng đạo, bậc thành tựu đạo, bậc thiện xảo về đạo, thiện xảo về con đường đưa đến sự chấm dứt khổ, chấm dứt sanh tử, chấm dứt phiền não; và *Bốn đôi tám chúng*, Thánh chúng đệ tử Phật là những vị đã và đang đi trên con đường này, đã và đang tiếp tục thành tựu con đường này. Vị thành tựu chánh kiến biết rõ: Ngoài Đức Phật và Thánh chúng đệ tử Phật thì không một ai có thể có một sự hướng dẫn chân chánh, đúng pháp, giúp người thực hành đi đến sự đoạn tận sanh tử, chấm dứt khổ đau. Vì nhìn thấy rõ như vậy, bậc đầy đủ chánh kiến không thể dè dặt, không thể nghe theo, không thể tìm kiếm một ai khác để làm Đạo Sư, làm người chỉ đường cho mình ngoài Đức Phật và Thánh chúng đệ tử Phật.

Đây là sáu điều không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến. Đây cũng là đặc điểm của bậc đầy đủ chánh kiến. Đây cũng là sáu điểm để nhận biết bậc đầy đủ chánh kiến, nhận biết bậc đã thể nhập Dự lưu Thánh quả.

6.6 Kinh Tự Làm (*Tăng III*, 256)

“Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra.

Thế nào là sáu?

- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ do tự mình làm.
- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ do người khác làm.
- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ do tự mình làm, do người khác làm.
- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ không do tự mình làm, do tự nhiên sanh.
- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ không do người khác làm, do tự nhiên sanh.
- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, do tự nhiên sanh.

Vì có sao? Nay các Tỷ-kheo, đối với người có đầy đủ tri kiến, thì nhân và các pháp do nhân sanh đã được khéo thấy.

Nay các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, người đầy đủ chánh kiến không thể trở lui, không thể trở về với các quan điểm: sướng khổ là do tự mình làm; hay sướng khổ do người khác làm; hay do tự mình làm và do người khác làm; hay không do tự mình làm mà do tự nhiên sanh; hay không do người khác làm mà do tự nhiên

sanh; hay không do tự mình làm, không do người khác làm mà do tự nhiên sanh. Đó là sáu quan điểm về nguyên nhân sanh ra hạnh phúc hay đau khổ trên cuộc đời này của những người không đầy đủ chánh kiến.

Bậc đầy đủ chánh kiến, tức là bậc đã thấy biết rõ về thân tâm là Ngũ uẩn, do duyên sanh, bản chất là vô thường, rỗng không, vô ngã, khổ. Vị này không còn cho rằng thân Ngũ uẩn này là mình, là của mình; không còn cho rằng những Ngũ uẩn xung quanh là người, là của người, vị này phá được thân kiến. Vị này thấy biết rõ không có mình cũng không có ai ở đây, tất cả đều là duyên sanh. Do duyên vô minh, do duyên tâm mê, tâm tham dục, tâm tham ái đối với Ngũ uẩn mà những thân Ngũ uẩn này đã hình thành. Do duyên xúc, do duyên thân hành, khẩu hành, ý hành mà có nghiệp, có những cảm thọ lạc khổ, có buồn vui sướng khổ trong cuộc đời này, có giàu nghèo đẹp xấu, có may mắn bất hạnh, có sang hèn khác nhau. Vì nhìn thấy rõ như vậy nên bậc đầy đủ chánh kiến không nói sướng khổ (lạc khổ) là do mình, do người hay do tự nhiên; vị này biết rõ sướng khổ là do nhân duyên, đó là ý nghĩa lời nói của Đức Phật “*đối với người đầy đủ chánh kiến thì nhân và các pháp do nhân sanh đã được khéo thấy*”.

6.7 Điều không xảy ra với Bậc đầy đủ Chánh kiến

Như vậy, sáu điều sau đây được đoạn tận đối với bậc thành tựu chánh kiến:

- Đoạn tận thân kiến
- Đoạn tận nghi
- Đoạn tận giới cấm thủ
- Đoạn tận tham đưa đến đọa xứ
- Đoạn tận sân đưa đến đọa xứ
- Đoạn tận si đưa đến đọa xứ

Lại nữa, ba mươi điều sau đây là những điều không thể xảy ra đối với bậc thành tựu chánh kiến:

1. Không có thể làm cho sanh khởi thân kiến
2. Không có thể làm cho sanh khởi hoài nghi
3. Không có thể làm cho sanh khởi giới cấm thủ
4. Không có thể làm cho sanh khởi tham đưa đến đọa xứ
5. Không có thể làm cho sanh khởi sân đưa đến đọa xứ
6. Không có thể làm cho sanh khởi si đưa đến đọa xứ
7. Không thể sống không cung kính, không tùy thuận Đức Phật

8. Không thể sống không cung kính, không tùy thuận Chánh pháp
9. Không thể sống không cung kính, không tùy thuận Thánh chúng
10. Không thể sống không cung kính, không tùy thuận các học pháp
11. Không thể rơi trở lại vào những vấn đề không nên trở lại
12. Không thể làm cho sanh khởi hữu thứ tám
13. Không thể chấp nhận bất cứ hành nào là thường còn
14. Không thể chấp nhận bất cứ hành nào là lạc
15. Không thể chấp nhận bất cứ hành nào là ngã
16. Không thể làm hành động vô gián
17. Không thể làm cho thanh tịnh thân tâm với nghi lễ đặc biệt
18. Không thể tìm các vị đáng cúng dường ngoài Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ tử Phật
19. Không thể đoạn mạng sống của mẹ
20. Không thể đoạn mạng sống của cha
21. Không thể đoạn mạng sống của bậc A-la-hán
22. Không thể với ác tâm làm Như Lai chảy máu

23. Không thể phá hòa hợp Thánh chúng
24. Không thể đề cử một vị Đạo sư tối thượng khác ngoài Đức Phật
25. Không thể trở về với quan điểm lạc khổ do tự mình làm
26. Không thể trở về với quan điểm lạc khổ do người khác làm
27. Không thể trở về với quan điểm lạc khổ do tự mình làm, do người khác làm
28. Không thể trở về với quan điểm lạc khổ không do tự mình làm, do tự nhiên sanh
29. Không thể trở về với quan điểm lạc khổ không do người khác làm, do tự nhiên sanh
30. Không thể trở về với quan điểm lạc khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, do tự nhiên sanh. Đối với người có đầy đủ tri kiến, thì nhân và các pháp do nhân sanh đã được khéo thấy.

Tóm lại, người có chánh kiến là người có cái nhìn, cái thấy biết về thân tâm này và cuộc sống này một cách chân thật, chân chánh, đúng pháp, chính xác với sự thật về thân tâm, chính xác với sự thật về cuộc sống. Trí tuệ trong vị này được khai mở, vị này có sự thấy biết rõ về thân tâm, thấy biết rõ từng ngõ ngách, từng mức độ hoạt động thô tế của

những cảm giác, tưởng tượng, suy nghĩ, rõ biết trong thân tâm. Trí tuệ của vị này trong sáng, rõ ràng, trạch pháp, đen trắng phân minh, đục trong đều rõ.

Người thành tựu chánh kiến, không thể quay về, lui về, rơi vào lại trong những sự thấy biết sai lầm, trong những trí tuệ sai lầm về tự thân, trong những pháp hành, những pháp tu, những đường lối tu sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp, không có khả năng đưa đến sự diệt tận dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, lậu hoặc. Vì sao vậy?

Ví như một người mù, không sáng mắt, không thấy rõ các sắc màu, người, vật, nên không thể kiểm chứng, kiểm định, xác chứng sự thấy biết của mình, ai nói sao thì nghe vậy. Nhưng đối với một người mắt tốt, mắt sáng, thấy rõ các sắc màu, người, cảnh, vật, thì người này không thể nào nghe theo lời chỉ dạy của người mù kia về các sắc màu, người, cảnh, vật.

Ví như một người chưa từng đến nước Pháp, chưa từng nhìn thấy người Pháp, chưa từng sinh sống tại Pháp, thì khi nghe người khác nói nước Pháp vậy khác, hoặc khi đọc những bài viết vậy khác về nước Pháp, thì người này không có khả năng kiểm tra, kiểm định, kiểm chứng, xác chứng sự thật của những gì mình được nghe từ người kia, từ sách vở, mà người này chỉ có thể tưởng tượng về nước Pháp, tưởng tượng về người Pháp, tưởng tượng về cuộc sống ở

Pháp theo những nguồn thông tin về nước Pháp do người khác cung cấp. Nhưng đối với một người đã từng đến nước Pháp, đã từng gặp người Pháp, đã từng sinh sống tại Pháp trong nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm và hiện vẫn còn đang sống ở đó, thì người này không thể nghe theo những lời nói vầy khác, những lời chỉ dạy vầy khác về nước Pháp của những người chưa hề đặt chân đến đất Pháp.

Ví như một người chưa khai mở được trí tuệ, chưa phá được lớp màn mờ ảo của vô minh trong nội tâm, chưa thành tựu sự thấy biết chân chánh về tự thân, chưa vào được căn nhà nội tâm của mình, vì vậy khi nghe ai nói gì về tâm, về nội tâm thì dễ dàng tin theo, dễ dàng chấp nhận theo. Vị này không thể kiểm tra và cũng không có khả năng kiểm tra, kiểm định, xác chứng tánh chân thực, hay sai lầm của lời nói ấy. Nhưng đối với người có chánh kiến, người đã khai mở được trí tuệ, đã phá được lớp màn mờ ảo của vô minh, đã thành tựu sự thấy biết chân chánh về tự thân, đã vào được trong căn nhà nội tâm của mình, nên khi nghe người khác nói vầy khác về tâm, về nội tâm, thì vị này lập tức biết rõ lời nói kia là chân chánh, đúng pháp, đúng với sự thật về nội tâm, hay không chân chánh, không đúng pháp, không đúng với sự thật về tâm, về nội tâm. Người này sẽ không thể nào rơi vào lại trong những sự thấy biết sai lầm về tâm, về nội tâm. Và người có trí tuệ này sẽ không thể nào nghe lời, tin tưởng và thực hành theo những lời nói,

những sự chỉ dẫn, những pháp hành từ một người chưa khai mở được trí tuệ, chưa thành tựu chánh kiến.

Người có chánh kiến sẽ không thể nghe theo, tin tưởng và thực hành theo những tà kiến, tà thuyết, tà đạo. Vì sao? Vì những tà kiến, tà thuyết, tà đạo này, hay những sự thấy biết sai lầm, những lý thuyết sai lầm, những giáo lý sai lầm, những đường lối tu hành sai lầm là sản phẩm của một nội tâm còn ở trong vô minh, sanh khởi từ một nội tâm chưa được khai mở trí tuệ, nên những giáo lý, những đường lối tu hành này đưa người thực hành đi vào ngõ cụt, đi vào mê mông lung, không có lối thoát khỏi trầm luân sanh tử. Người có chánh kiến sẽ thấy biết rõ những sai lầm này đến từ sự dính mắc, sự mắc kẹt trong những cảm thọ cảm giác, mắc kẹt trong những tưởng, mắc kẹt trong những suy tư, mắc kẹt trong những sự hay biết rõ biết, mắc kẹt trong những sắc tướng tứ đại này. Sau khi thấy biết rõ như vậy, người có chánh kiến chỉ có lòng thương cảm đối với những vô minh, lầm lạc này nhưng sẽ không thể nào nghe theo, tin tưởng theo và thực hành theo những vô minh lầm lạc ấy.

Ví như một người sáng mắt đã đi vào một căn nhà và đang sống trong căn nhà ấy. Vị ấy chắc chắn thấy biết rõ lối đi vào căn nhà, các cánh cửa của căn nhà, phòng khách, phòng bếp, phòng ngủ, phòng vệ sinh trong căn nhà, cách trang trí sắp đặt trong căn nhà. Vì vậy, khi nghe người khác

nói về căn nhà ấy, thông qua cách nói của người đó thì vị này sẽ có thể biết rõ là người đó đã vào căn nhà này hay chưa, đã sống trong căn nhà này hay chưa, hay vẫn chưa vào, vẫn còn ở ngoài hàng rào, vẫn chưa bước vào bên trong căn nhà, chưa thấy được những gì đang có trong căn nhà. Vì sao vậy? Vì vị này chưa nói đúng về căn nhà, chưa nói đúng về đường lối đi vào căn nhà.

Cũng vậy, bậc có chánh kiến là bậc đã đi vào được bên trong căn nhà nội tâm của mình, đã thấy rõ những gì đang vận hành, đang hoạt động, đang dẫn dắt, đang thúc giục, đang khống chế thân tâm. Vị ấy thấy biết rõ con đường đi vào nội tâm, thấy biết rõ những gì đang có mặt trong nội tâm, thấy biết rõ những phương pháp thích ứng thiết thực để nhiếp phục những cấu uế trong nội tâm. Vì vậy, khi người này thấy, nghe, đọc những lời khuyên, lời chỉ dạy, lời hướng dẫn cách thức đi vào nội tâm, cách thức nhiếp phục nội tâm từ những người khác, người này sẽ rõ biết “vị đó đã đi vào được nội tâm của mình nên những lời hướng dẫn của vị đó là chân chánh, đúng pháp” hay người này sẽ rõ biết “vị đó vẫn chưa đi vào được nội tâm của mình, và những lời hướng dẫn của vị này là chưa chân chánh, chưa đúng pháp”.

Đó là ý nghĩa mà Đức Phật đã nói trong bài kinh Cột Trụ (*Tương V, 644*): Người chưa thành tựu chánh kiến, tâm của vị ấy ví như bông gòn, gió thổi hướng nào thì bay theo

hướng ấy, nghe ai thuyết giảng gì cũng thấy hay, thấy hợp lý. Người thành tựu chánh kiến, tâm của vị ấy ví như một cây cột trụ to lớn được khéo chôn sâu dưới lòng đất một cách rất vững chắc, dù gió mạnh đến cỡ nào cũng không thể làm chao đảo, nghiêng ngã cây cột trụ này. Bậc có chánh kiến, thực thấy, thực biết về thân tâm và cuộc sống, vị này khi nghe người khác thuyết giảng, khi nghe những giáo lý, những chủ trương vầy khác, vị này không nói người này nói hay, người kia thuyết giỏi, vị này không có đưng đầu khen đó, không có nghe cái gì cũng khen hay. Vì có sao? Vì vị này thành tựu trí tuệ về thân tâm và cuộc sống nên khi nghe người kia nói, người kia thuyết giảng, vị này sẽ biết rõ người đó nói đúng pháp hay nói không đúng pháp, vị này sẽ biết rõ người nói đó đã thấy được thân tâm của mình hay vẫn chưa nhìn ra được thân tâm này, chỉ mơ hồ như người mù sờ voi rồi nói lại cho người khác nghe, hay người đó chỉ nói những lời nói sáo rỗng từ một nội tâm vô minh, thích nói, thích giảng, nói giảng để được danh, được lợi, nói giảng vì dục nói, vì bản ngã, nhưng thân tâm không được tu tập, không thành tựu chánh kiến.

Vị thành tựu chánh kiến không đưng đầu khen đó vì vị này đã khéo nhìn thấy rõ thân tâm, khéo nhìn thấy rõ cuộc sống. Vị thành tựu chánh kiến khéo biết rõ lời nói của người là đúng pháp hay không đúng pháp. Vì có sao? Vì pháp đã được vị này nhìn thấy, thấy biết, thân tâm đã được vị này

nhìn thấy, thấy biết, cuộc sống đã được vị này nhìn thấy, thấy biết. Vị này không còn có thể bị vô minh lừa gạt, không còn có thể bị những nội tâm còn trong vô minh lừa dối, vẽ vờ mộng lung, hứa hẹn mơ hồ, quanh co trong ngõ cụt, không có lối ra. Đó là điều không thể xảy ra đối với Bạc đã thành tựu Chánh kiến.

6.8 Bạc Hữu Học - Bạc Vô Học

6.8.1 Kinh Hữu Học (*Trường V, 28*)

Ở Sàvatthi. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- “Hữu học, hữu học”, bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là **Bạc hữu học**?

- Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ **Chánh kiến** của bậc hữu học, đầy đủ Chánh tư duy của bậc hữu học, đầy đủ Chánh ngữ của bậc hữu học, đầy đủ Chánh nghiệp của bậc hữu học, đầy đủ Chánh mạng của bậc hữu học, đầy đủ Chánh tinh tấn của bậc hữu học, đầy đủ Chánh niệm của bậc hữu học, đầy đủ Chánh định của bậc hữu học. Cho đến như vậy, Tỷ-kheo ấy được gọi là bậc hữu học.

6.8.2 Kinh Hữu Học 1 (Tăng I, 419)

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Hữu học, hữu học, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là hữu học?

*- **Học tập, nên được gọi là hữu học.** Và học tập cái gì? Học tập tăng thượng **Giới**, học tập tăng thượng **Tâm**, học tập tăng thượng **Tuệ**. Vị ấy, này Tỷ-kheo, do vậy được gọi là vị Hữu học.*

*Bậc hữu học, học tập,
Đi theo con đường thẳng,
Ở trong sự diệt tận,
Trí thứ nhất khởi lên.
Tiếp theo không gián đoạn,
Chánh trí mới sanh khởi.
Rồi chánh trí giải thoát,
Trí như vậy khởi lên.
Bất động ta giải thoát,
Hữu kiết sử đoạn tận.*

6.8.3 Kinh Hữu Học (*Twang V, 356*)

1) *Như vậy tôi nghe.*

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita.

2) *Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:*

- **Có pháp môn nào**, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo **hữu học** đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: “Tôi là bậc hữu học”, Tỷ-kheo **vô học** (asekha) đứng trên vô học địa có thể rõ biết: “Tôi là bậc vô học”?

- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

3) - **Có** pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: “Tôi là bậc hữu học, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa, có thể rõ biết: “Tôi là bậc vô học”.

4) *Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học trú trên hữu học địa rõ biết: “Tôi là bậc hữu học”?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học như thật rõ biết: “Đây là khổ”, như thật rõ biết: “Đây là khổ tập khởi”, như thật rõ biết: “Đây là khổ đoạn diệt”, như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ đoạn diệt”. Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: “Tôi là bậc hữu học”.

5) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học suy nghĩ như sau: “Ngoài Tăng chúng này, có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn hay không?”. Và vị ấy đã rõ biết như sau: “Ngoài Tăng chúng này, không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn”. Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: “Tôi là bậc hữu học”.

6) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học rõ biết năm căn: **tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn**. Nhưng về sanh thú, về tối thắng, về quả, về mục đích của chúng, vị ấy không có thể trú, tự thân thông đạt được, và không thể với trí tuệ, thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: “Tôi là bậc hữu học”.

7) Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa rõ biết: “Ta là bậc vô học”?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vô học rõ biết năm căn: **tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn** với sanh thú của chúng, với tối thắng của chúng, với quả của chúng, với mục đích của chúng. Và vị ấy trú, với tự thân thông đạt được, và với trí tuệ thông suốt chúng và thấy chúng rõ

ràng. Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa rõ biết: “Tôi là bậc vô học”.

8) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vô học rõ biết sáu căn: nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn. Vị ấy rõ biết: “Sáu căn này được đoạn diệt, không có dư tàn, toàn bộ và toàn diện. Và sẽ không có sáu căn khác khởi lên, tại một chỗ nào và như thế nào”. Vị ấy rõ biết như vậy. Đây là pháp môn, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa, rõ biết: “Tôi là bậc vô học”.

6.8.4 Kinh Một Phần (Tương V, 273)

1) Một thời Tôn giả Sàriputta, Tôn giả Mahà Moggalàna và Tôn giả Anuruddha trú ở Sàketa, tại rừng Kantakì.

2) Rồi Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Moggalàna, vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sàriputta thưa với Tôn giả Anuruddha:

-- “Hữu học, hữu học”, thưa Hiền giả Anuruddha, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là hữu học?

-- Do tu tập một phần Bốn Niệm Xứ, thưa Hiền giả, là bậc hữu học. Thế nào là bốn ?

Ở đây, thừa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú quán thọ trên các thọ... trú quán tâm trên tâm... trú quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do tu tập một phần Bốn Niệm Xứ này, thừa Hiền giả, là bậc hữu học.

6.8.5 Kinh Hoàn Toàn (Tương V, 274)

(Như kinh trên, số 1 và 2)...

-- “Vô học, vô học”, thừa Hiền giả Anuruddha, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thừa Hiền giả Anuruddha, là bậc vô học?

-- Do tu tập hoàn toàn Bốn Niệm Xứ, thừa Hiền giả, là bậc vô học.

Thế nào là bốn?

-- Do tu tập một cách hoàn toàn Bốn Niệm Xứ này, thừa Hiền giả, là bậc vô học. Thế nào là bốn?

Ở đây, thừa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú quán thọ trên các thọ... trú quán tâm trên tâm... trú quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do tu tập một cách hoàn toàn Bốn Niệm Xứ này, thừa Hiền giả, là bậc vô học.

6.8.6 Kinh Vô Học (Tăng IV, 537)

Bấy giờ có một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- “Vô học, vô học”, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là Bạc vô học?

Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu vô học Chánh tri kiến, thành tựu vô học Chánh tư duy, thành tựu vô học Chánh ngữ, thành tựu vô học Chánh nghiệp, thành tựu vô học Chánh mạng, thành tựu vô học Chánh tinh tấn, thành tựu vô học Chánh niệm, thành tựu vô học Chánh định, thành tựu vô học Chánh trí, thành tựu vô học Chánh giải thoát.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo vô học.

6.8.7 Kinh Moranivàpa (Tăng I, 535)

(Trích đoạn)

1. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha tại Moranivàpa. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

*- Đây đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đạt đến **tột cùng tối hảo**, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng*

Phạm hạnh, tốt cùng cứu cánh, tối thượng giữa chư Thiên và loài Người.

Thế nào là ba?

- Với vô học **Giới** uẩn,
- Với vô học **Định** uẩn,
- Với vô học **Tuệ** uẩn,

Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo là tốt cùng tối hảo, tốt cùng an ổn khỏi các khổ ách, tốt cùng Phạm hạnh, tốt cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư Thiên và loài Người...

6.8.8 Kinh Các Chi Phần (Tăng IV, 254)

(Trích đoạn)

- Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần, thành tựu năm chi phần được gọi trong Pháp và Luật này là **vi toàn hảo**, đã thành tựu viên mãn, là bậc tối thượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo **đoạn tận năm** chi phần?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

1. Đoạn tận dục tham.
2. Đoạn tận sân.

3. Đoạn tận hôn trầm thùy miên.

4. Đoạn tận trạo hối.

5. Đoạn tận nghi.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần.

- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo **thành tựu năm chi phần**?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

1. Thành tựu vô học giới uẩn.

2. Thành tựu vô học định uẩn.

3. Thành tựu vô học tuệ uẩn.

4. Thành tựu vô học giải thoát uẩn.

5. Thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu năm chi phần.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần, thành tựu năm chi phần, được gọi trong Pháp và Luật này, là vị toàn hảo, đã thành tựu viên mãn, là bậc tối thượng.

(Hết trích kinh)

6.8.9 Bậc Hữu Học

Các bài kinh trên đã làm sáng tỏ vấn đề về bậc hữu học và bậc vô học. Thông qua các bài kinh trên, chúng ta thấy vị thành tựu các pháp sau đây thì được gọi là Bậc hữu học:

- Vị này đầy đủ chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.
- Vị này đang tu học tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ.
- Vị này thành tựu Bốn Thánh Trí về Khô (đó cũng chính là Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn, hay Bốn Sự Thật về cuộc sống).
- Vị này rõ biết rằng: *“Ngoài Đức Phật và Thánh chúng đệ tử Phật (Bốn đôi tám chúng), không có một người nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy”*.
- Vị này rõ biết năm căn: tín, tấn, niệm, định, tuệ, nhưng về sanh thú, về tối thắng, về quả, về mục đích của chúng, vị ấy không có thể trú, tự thân thông đạt được, và không thể với trí tuệ, thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng.

Như vậy, bậc hữu học là bậc đầy đủ sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động

chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh. Vị ấy đang tu tập Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy. Vị ấy thành tựu trí tuệ thấy biết rõ Bốn Sự Thật về cuộc sống.

Bậc hữu học biết rõ: Ngoài Bốn đôi tám chúng, ngoài Thánh chúng đệ tử Phật thì không có một ai khác có thể thuyết pháp chân thật, chân chánh, đúng pháp trên cuộc đời này. Vì sao? Vì bậc hữu học là bậc đã thể nhập chánh kiến, bậc đã thành tựu chánh kiến, thành tựu sự thấy biết chân thật, thấy biết chân chánh về thân tâm và cuộc sống. Vị ấy biết rõ sự thật về thân tâm, biết rõ sự thật về cuộc sống, biết rõ con đường đưa đến sự nhiếp phục thân tâm, nhiếp phục những dục, ái, tham, sân, si đối với cuộc sống. Nhờ sự thấy biết rõ về thân tâm và cuộc sống như vậy, nên khinói vị ấy nói lời chân thật về cuộc sống, nói lời đúng pháp về cuộc sống, nói lời xác thực về cuộc sống, vị ấy không nói lời mơ hồ, mông lung, tưởng tượng, không xác thực, không thực tế. Và với trí tuệ như vậy, vị ấy biết rõ rằng ngoài những bậc thành tựu chánh kiến, ngoài những bậc đã thấy biết rõ Ngũ uẩn, thấy biết rõ thân tâm thì không một ai khác có thể thuyết giảng, giảng nói một cách chân thật, một cách đúng pháp về thân tâm, về Ngũ uẩn, về cuộc sống. Đó ý nghĩa câu nói của Đức Phật: *Vị ấy rõ biết như sau: “Ngoài Tăng chúng này, không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân*

như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn”. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: “Tôi là bậc hữu học”.

Tóm lại, bậc đã và đang tu tập sự nhiếp phục thân tâm, sự đào thải khỏi thân tâm những dục, ái, tham, sân, si, rác bần, lậu hoặc bằng Pháp Tám Chánh, bằng sự thực hành Giới hạnh, Thiền định và Trí tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy, đây gọi là *Bậc hữu học*.

6.8.10 Bậc Vô Học

Bậc vô học là bậc thành tựu sự nhiếp phục thân tâm, thành tựu sự thanh lọc thân tâm hết sạch những cấu uế lậu hoặc, thành tựu sự nhiếp phục tham, sân, si, bần ngã nhờ vào việc thực hành viên mãn Pháp Tám Chánh nói trên và sau đó đã đi đến sự thành tựu hai pháp chân chánh cuối cùng. Vị này không còn việc gì cần phải làm thêm, không còn điều gì cần phải tu học thêm, tâm đã hoàn toàn trong sạch, không dao động, giải thoát, vì vậy gọi là Bậc vô học.

Bậc vô học là bậc không còn phải tu học mười pháp, hay còn gọi là bậc đã thành tựu mười pháp vô học, đó là: Vô học chánh tri kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh tinh tấn, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh trí, vô học chánh giải thoát.

Bậc vô học rõ biết: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, đối với sáu căn này thì lòng dục, lòng ái, lòng tham sân si, vô minh, bản ngã trong vị này đã được đoạn diệt, đoạn tận toàn bộ và toàn diện, không có dư tàn, và sẽ không có sáu căn nào khác có thể khởi lên, tại một chỗ nào và như thế nào về sau. Vị ấy biết rõ: *Sanh đã tận, Phạm Hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, sau đời sống này sẽ không còn một lần sanh tử trong phiền não và nước mắt nào khác nữa*. Bậc vô học biết rõ, xác định rõ điều này trong tự thân.

Tóm lại, Bậc vô học là bậc không còn gì phải học hỏi thêm, không còn gì phải tu tập thêm, không còn gì phải làm thêm, vị này đã hoàn tất việc tu học đi đến sự chấm dứt sanh tử. Vị này đã chấm dứt sanh tử. Bậc vô học chính là bậc A-la-hán, bậc đã đạt được quả vị giải thoát tối thượng trong đạo Phật.

7 RỪNG CỘT PHẬT GIÁO TRONG NIKĀYA

7.1 Kinh Ngày Trai Giới (Tăng III, 565)

(Trích đoạn)

Này các Tỷ-kheo, trong biển lớn có **Tám pháp vi diệu** chưa từng có này mà do thấy vậy, thấy vậy, các Asurà (A-tu-la) thích thú biển lớn. Thế nào là tám?

1. Này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tư thuận xuôi, tuần tư thuận hướng, tuần tư sâu dân, không có thành lình như một vực thăm... Đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
2. Lại nữa, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ... Đây là vi diệu chưa từng có thứ hai, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
3. Lại nữa, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền... Đây là vi diệu chưa từng có thứ ba, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
4. Lại nữa, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông hằng, sông Yamunà, sông Aciravatì, sông Sarabhù, Sông Mahì, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn... Đây là vi diệu chưa từng có thứ tư, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

5. *Lại nữa, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có với có đây... Đây là vi diệu chưa từng có thứ năm, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.*
6. *Lại nữa, biển lớn chỉ có một vi là vi mẫn... Đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.*
7. *Lại nữa, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não... Đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.*
8. *Lại nữa, biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn, tại đây, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramینگalà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình với tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần... Đây là vi diệu chưa từng có thứ tám, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này có **Tám Pháp Vi Diệu** chưa từng có này mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú Pháp và Luật này. Thế nào là tám?

1. Ví như, biển lớn **tuần tư thuận xuôi**, tuần tư thuận hướng, tuần tư sâu dần, không có thành lình như một vực thẳm.
 - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tư, các quả dị thực là tuần tư, các con đường là tuần tư, không có sự thể nhập chánh trí thành lình... Đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
2. Ví như, biển lớn đứng một chỗ, **không có vượt qua bờ.**
 - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua... Đây là vi diệu chưa từng có thứ hai, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
3. Ví như, biển lớn **không có chấp chứa xác chết.** Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền.
 - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, người nào là ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn, nhưng tự nhận là Sa-môn, không phải sống Phạm hạnh nhưng tự nhận có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh. Chúng Tăng

không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi. Dầu cho người ấy có ngôi giữa chúng Tỷ-kheo Tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy... Đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

4. Ví như, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông hằng, sông Yamunà, sông Aciravatì, sông Sarabhù, Sông Mahì, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn.
 - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố, ho từ bỏ tên và họ của họ từ trước, và ho trở thành những Sa-môn Thích tử... Đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
5. Ví như, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có vơi có đầy.
 - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có nhiều Tỷ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vơi có đầy... Đây là

pháp vì điều chưa từng có thứ năm, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

6. Ví như, biển lớn chỉ có một vi mẫn.
 - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật cũng chỉ có một vi là **vi giải thoát**... Đây là pháp vì điều chưa từng có thứ sáu, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
7. Ví như, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như chân trâu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não.
 - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như Bốn Niêm Xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành... Đây là pháp vì điều chưa từng có thứ bảy, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
8. Ví như, biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn, tại đây, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramingalà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình do tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần.

- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này là trú xứ của các loài chúng sanh lớn. Ở đây có những chúng sanh này: bậc Dư lưu, bậc đã hướng đến chứng ngộ Dư lưu quả, bậc Nhất lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Nhất lai quả, bậc Bất lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Bất lai quả, bậc A-la-hán, bậc đã hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán... Đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, có “Tám vi diệu chưa từng có này mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo hoan hỷ trong Pháp và Luật này”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, trong bài kinh trên, Đức Phật đã nói rõ Tám điều vi diệu trong đạo Phật.

7.2 Tám Điều Vi Diệu Trong Đạo Phật

7.2.1 Điều thứ nhất: “Tu chứng có thứ tự”

“Sự tu chứng trong đạo Phật là có thứ tự, có trình tự, không có thành linh mà chứng quả”.

Điều này có nghĩa là: Trong đạo Phật, sự tu học để đi đến quả vị giải thoát, tất cả đều phải đi theo con đường của Văn Tư Tu về Bát Chánh Đạo và Giới Định Tuệ. Khi thành tựu

Văn Tư Tu về các pháp trên thì hành giả mới có thể thể nhập vào bốn cấp bậc giải thoát hay còn gọi là Bốn Thánh quả. Bốn Thánh quả là bốn kết quả, bốn mức độ thành tựu sự giải thoát khổ của một người tu.

Không thể có người thành tựu sự giải thoát, thành tựu A-la-hán quả mà chưa từng qua Văn Tư Tu về Bát Chánh Đạo và Giới Định Tuệ. Nhưng nếu Văn Tư Tu về Bát Chánh Đạo và Giới Định Tuệ một cách sơ sài, hời hợt, không chính xác theo lời Phật dạy thì cũng không thể đạt được kết quả chân chánh của một người tu, tức là vẫn không thể thể nhập vào trong hàng Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ tử Phật.

Như vậy, trong sự tu học để đi vào trong Thánh đạo và Thánh quả giải thoát, ai cũng như ai, cũng phải bắt đầu bằng sự tu tập chánh kiến, tu tập giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy, không có sự chứng Thánh quả một cách đột ngột, thành linh mà không từng học hiểu chân chánh về Bát Chánh Đạo và Giới Định Tuệ. Đó là ý nghĩa lời dạy trên của Đức Phật.

Tuy vậy, sau khi được nghe hiểu một cách chân chánh đúng pháp về các pháp trên, sự tu tập và thể nhập vào các Thánh quả là nhanh hay chậm, mau hay lâu là do căn cơ, do tập khí, do sức khỏe, do sự nhạy bén của tâm trí, do sự tinh tấn và do hàng tồn kho của mỗi người. Thời Đức Phật

còn tại thế, có những vị sau khi nghe pháp và thực hành pháp trong vòng một tháng thì chứng quả, có những vị lâu hơn một năm, ba năm, bảy năm... Nhưng cũng có những vị sau khi nghe pháp và thực hành pháp trong vòng một tuần, hoặc hai tuần là đã chứng quả Giải thoát, chứng quả A-la-hán như các Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp... Nhưng tóm lại, tất cả các vị Tôn giả ấy đều có trải qua sự Văn Tư Tu về Bát Chánh Đạo và Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy thì mới thành tựu đạo quả giải thoát.

Như vậy, giáo lý mà Đức Phật đã hướng dẫn cho đệ tử của Ngài là một đường lối tu ổn định, rõ ràng, rạch ròi, minh bạch và bình đẳng cho tất cả mọi người, không thiên lệch, không thiên vị cho bất cứ ai. Tất cả đều phải có sự Văn Tư Tu về Chánh pháp một cách chân chánh, chính xác và đúng pháp thì mới đạt được chánh quả giải thoát. Không có sự “tự nhiên chứng đạo, tự nhiên chứng quả” mà không có sự học hỏi và tu tập Giới Định Tuệ một cách nghiêm túc, chân chánh, đúng pháp với lời Phật dạy. Nhưng nếu học hiểu Giới Định Tuệ một cách sai lệch và thực hành Giới Định Tuệ không đúng với lời Phật dạy thì kết quả giải thoát vẫn không xảy ra.

Tóm lại, sự tu và chứng trong giáo pháp chân chánh của Đức Phật là có tuần tự, có trình tự, có các bước tu tập rõ ràng, không có tự nhiên mà chứng đạo. Đây là điều vi diệu

chưa từng có thứ nhất trong đạo Phật mà do thấy vậy, những bậc trí đến với giáo pháp này cảm thấy hoan hỷ, thích thú.

7.2.2 Điều thứ hai: “Không vượt qua lời Thầy”

“Đệ tử chân chánh của Đức Phật không bao giờ vượt qua những lời dạy chân chánh của Ngài”

Vì có sao? Vì các vị này đã chân chánh tìm hiểu căn trọng về Đức Phật. Sau khi đã căn trọng tìm hiểu Đức Phật, các vị này biết rõ rằng: Đức Phật, Ngài là bậc thầy của Trời và Người, Ngài là bậc có trí tuệ và đức hạnh hoàn hảo, Ngài là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc có trí tuệ viên mãn, có sự thấy biết đồng đều, thấy biết đầy đủ tất cả mọi góc độ, mọi khía cạnh của cuộc sống, của thân tâm con người.

Sau khi tìm hiểu căn trọng về Đức Phật, các vị này đã chân chánh xin trở thành đệ tử của Đức Phật. Và những vị đệ tử chân chánh của Đức Phật biết rõ rằng: Nếu không thực hành theo đúng lời dạy của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, nếu vượt qua lời dạy của bậc Minh Hạnh Túc, nếu đi lệch ra ngoài lời dạy của Bậc Thiên Nhân Sư, tức là tự thân đã trượt ra khỏi chánh đạo, trượt ra khỏi đạo lộ đưa đến sự chấm dứt khổ, chấm dứt sanh tử, phiền não và nước mắt. Vì có sao? Vì các vị này biết rõ rằng: Đức Phật là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, trí tuệ của Ngài là hoàn hảo, sự

thấy biết của Ngài là toàn diện, đường lối tu tập mà Ngài đã hướng dẫn là một lối tu thiện xảo, chu toàn, không có khiếm khuyết, không có chỗ sơ hở. Vì vậy, không có thể thêm bớt gì trong đạo lộ, trong giáo lý tu đạo hoàn hảo mà Đức Phật đã chỉ dạy.

Nếu ai đó tự ý thêm vào hay bớt ra lời dạy chân chánh của Đức Phật với trí tuệ phàm phu, trí tuệ vô minh của mình thì vị ấy đã đi lệch ra khỏi con đường đưa đến sự chấm dứt khổ đau. Và sự thêm bớt đó cũng là sự hoạt động của bản ngã, sự hoạt động của vô minh, vô trí của kẻ phàm phu trước trí tuệ vĩ đại của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác làm sao có thể nói dư hoặc nói thiếu điều gì để những người phàm phu có thể bớt đi hoặc thêm vào điều gì trong lời dạy của Ngài. Khi hiểu rõ Đức Phật như vậy, hiểu rõ Ngài là ai, Ngài đã chứng đạt được gì thì không một ai chân chánh trên thế gian này dám thêm bớt vào lời dạy chân chánh của Ngài, trừ những tâm vô minh sâu dầy, những bản ngã vô minh thác loạn, hay những sự cố tình muốn phá hoại đạo Phật mới dám thêm bớt vào trong lời dạy chân chánh của Đức Thế Tôn. Và sự thêm bớt này vô tình hoặc cố ý làm nhiều loạn Chánh pháp, nhiều loạn những lời dạy chân chánh của Đức Phật, tung hỏa mù cho người con Phật, dẫn người con Phật đi vào những con hẻm cụt, những cánh rừng rậm mông lung, những lối tu ngô cụt trong tà kiến, tà đạo, vô minh, vô trí của họ.

Vì hiểu biết rõ như vậy nên những người đệ tử chân chánh của Đức Phật không bao giờ dám tự ý lấy trí phàm phu, trí vô minh của tự thân đem so sánh với trí Chánh Đẳng Chánh Giác của Đức Phật. Các vị này không bao giờ dám nghĩ rằng mình có thể tự tìm một lối tu khác, một pháp tu khác ngoài lời dạy của Đức Phật. Vì có sao? Vì các vị này biết rõ mình là ai, Phật là ai. Các vị này không bị tâm ngã mạn, cống cao, “xem trời bằng vung”, vô minh, vô trí chi phối. Tất cả các vị này, tất cả những người con chân chánh của Đức Phật, dầu cho vì nhân sinh mạng của mình, cũng không bao giờ dám tự ý đặt điều, đặt chuyện về Đức Phật, không bao giờ dám tự ý thêm bớt trong lời dạy của Đức Phật, không bao giờ dám vượt qua lời dạy của Đức Phật. Những gì mà các vị này tu tập đều nằm trong giáo pháp chân chánh của Đức Phật.

Trong hàng Thánh chúng đệ tử của Đức Phật, không một ai dám chống đối lời dạy của Ngài, không một ai dám chỉ trích lời dạy của Ngài, không một ai dám khinh khi, phỉ báng, xuyên tạc những giáo pháp thật sự của Đức Phật, không một ai dám nói đường lối tu tập với Tám Sự Chân Chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy có những chỗ hờ, có những khiếm khuyết, có những sai sót vầy khác, không có khả năng đâm thủng vô minh, diệt tận khát ái, chấm dứt khổ, chấm dứt sanh tử. Không một ai dám nói như vậy về phương pháp tu tập với Tám Sự Chân Chánh mà Đức Phật

đã truyền trao. Vì có sao? Vì phương pháp Tám Sự Chân Chánh là một pháp tu chân chánh, hoàn hảo, thiện xảo, chu toàn và thần diệu, đưa đến sự diệt tận phiền não, chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ đau mà do chính Đức Phật, Bạc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác đã tu tập, đã thành tựu và đã chỉ dạy.

Trong hàng Thánh chúng, trong hàng Thánh tăng, Thánh cư sĩ, Thánh đệ tử của Đức Phật không một ai dám nói rằng: Pháp tu chân chánh, hoàn hảo và thiện xảo với Tám Sự Chân Chánh này là một pháp tu thấp kém, dành cho những nội tâm nhỏ nhen, hẹp hòi, ích kỷ, tư lợi. Không một ai dám nói như vậy. Vì có sao? Vì những nội tâm nhỏ nhen, hẹp hòi, ích kỷ, tư lợi sẽ không thể nào dung nạp được, tu tập được một pháp tu chân chánh cao thượng, cao đẹp và cao quý như vậy. Người tu tập được Thánh pháp với Tám Sự Chân Chánh này phải là những người có tâm trung trực, chánh trực, chân chánh, hiền thiện, rộng lượng, vị tha, biết sống cho người, biết sống vì người, biết hy sinh cho người. Người tu tập được trong Thánh pháp cao quý này phải là những người cao thượng, những người sống đẹp trong cuộc đời này. Người tu tập được trong Thánh pháp chân chánh này không thể nào là những hạng người nhỏ nhen, tiểu nhân, ích kỷ, tư lợi. Vì những tâm tiểu nhân, nhỏ nhen, ích kỷ, tư lợi sẽ không thể nào tiếp nhận được một Thánh pháp thâm sâu, cao thượng, thần diệu, chân chánh, vô

thượng và tối thượng ở trên đời. Không một ai trong hàng Thánh chúng đệ tử của Đức Phật dám xem thường Thánh pháp này, dám xem thường những người tu chân chánh trong Thánh pháp này.

Vì có sao? Vì chính các vị này, chính các vị Thánh tăng, Thánh cư sĩ, những bậc trong hàng Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ tử Phật là những vị đã thật sự nếm được hương vị của Pháp Bảo, hương vị của Chánh pháp với Tám Sự Chân Chánh. Các vị này đã thấy được tự thân, đã chân chánh an ổn và có chân đứng trong sự tu tập Giới hạnh, Thiền định và Trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Các vị này sống với một nội tâm đã được tu tập, tâm đã được cởi mở, tâm rộng lượng, bao dung, với từ tâm vô lượng được tu tập, bi tâm vô lượng được tu tập, hỷ tâm vô lượng được tu tập, xả tâm vô lượng được tu tập, chánh tri kiến được tu tập, Giới Định Tuệ được tu tập. Tâm lượng các Ngài rộng lớn bao la, yêu thương tất cả và chấp nhận tất cả, nhưng không dính mắc, không sân hận, không chấp trước đối với tất cả. Tâm của các Ngài là vô lượng, là không thể hạn lượng, là không dính mắc, là không chấp trước vào một người, vật gì ở trên đời. Pháp mà các Ngài đã được tu tập từ trong lời dạy chân chánh của Đức Thế Tôn, các Ngài đều muốn truyền trao lại tất cả, các Ngài không muốn nắm giữ một điều gì ở trên đời, các Ngài luôn mong muốn Chánh pháp được truyền trao, được lan tỏa rộng cho cuộc

đời này vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho đời, vì an lạc, vì hạnh phúc cho loài Trời và loài Người.

Vì nếm được hương vị thần diệu của Pháp Bảo, nếm được hương vị vi diệu của Giải thoát trong Pháp Bảo, xúc chạm được với trí tuệ mà bậc Chánh Đẳng Giác đã truyền trao, thấy biết rõ giá trị, lợi ích và tác dụng của Chánh pháp với Tám Sự Chân Chánh nên các bậc Thánh tăng, Thánh ni, Thánh cư sĩ trong hàng Thánh chúng đệ tử Phật dầu cho vì nhân sinh mạng của mình cũng không bao giờ dám vượt qua, dám thêm bớt, dám bịa đặt lời dạy của Đức Như Lai.

Lại nữa, các vị trong hàng Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ tử Phật là những vị nhờ tu tập theo pháp Tám Sự Chân Chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy, các vị này đã tìm được tự thân, tìm được chân đứng cho mình trong đạo lộ đưa đến bất tử, trong con thuyền Bát nhã đưa đến sự giải thoát sanh tử, giải thoát khổ đau. Vì vậy, các vị này dầu cho vì nhân sinh mạng của mình, dầu cho nhân mạng sống của mình, cũng không bao giờ vượt qua những lời dạy chân chánh, đúng pháp, những lời dạy thật sự của Đức Thế Tôn.

Lại nữa, bất cứ ai có tâm chân chánh, hiền thiện, đầy đủ đức hạnh, đầy đủ đạo đức chân chánh của một người tu, tâm không bị tà kiến, thành kiến, định kiến chi phối, tâm không bệnh hoạn, tâm không bị nghiệp chướng chi phối,

tâm không cố chấp bảo thủ những tri kiến vô minh của mình, tâm không cố chấp bảo thủ những tri kiến vô minh của người, tâm rộng mở, biết đón nhận những điều chân chánh đúng pháp thì tất cả những người như vậy đều có thể đến và tu tập trong Thánh pháp với Tám Sự Chân Chánh này.

Thánh pháp Tám Chánh này không kỳ thị sắc tộc, không kỳ thị màu da, không kỳ thị hình tướng. Thánh pháp Tám Chánh này luôn sẵn sàng đón nhận tất cả những người chân chánh, hiền thiện, có giới hạnh đến tu tập trong Thánh pháp. Nếu những người không chân chánh, không hiền thiện, không đức hạnh, tâm bị tà kiến, thành kiến chi phối, khi những vị này đến tu học trong Thánh pháp này thì chính những bất thiện pháp trong người này sẽ đẩy người này, sẽ hất người này rơi ra khỏi Thánh pháp cao quý hiền thiện này, rơi ra khỏi đạo lộ thần diệu đưa đến sự chấm dứt sanh tử.

Khả năng chuyên chở của Thánh pháp Tám Chánh là thù diệu, là vô lượng, vô biên. Dù cho trăm người, ngàn người, trăm ngàn người, triệu người, tỷ người chân chánh đến tu học trong Thánh pháp này thì Thánh pháp này cũng sẽ đón nhận tất cả, cũng sẽ chuyên chở tất cả đi đến bến bờ của sự bình yên, an lạc, giải thoát, bất tử. Thánh pháp Tám Chánh này là cỗ xe vô thượng, là cỗ xe tối thượng ở trên đời.

Thánh pháp Tám Chánh này chính là Vô Thượng Thừa, Tối Thượng Thừa trong đạo Phật.

Thánh pháp Tám Chánh được gọi là cỗ xe vô thượng, cỗ xe tối thượng ở trên đời vì ngoài Thánh pháp Tám Chánh thì không có cỗ xe nào, không có pháp tu nào khác có khả năng đâm thủng vô minh và diệt tận vô minh một cách toàn diện, hoàn hảo và triệt để như vậy. Ngoài Thánh pháp Tám Chánh này thì không có một pháp hành nào có khả năng đâm thủng tham sân si và diệt tận tham sân si một cách hoàn toàn. Ngoài Thánh pháp Tám Chánh này thì không có một đường lối tu nào có khả năng đâm thủng bản ngã và tiêu diệt bản ngã một cách toàn diện. Ngoài Thánh pháp Tám Chánh này thì không có một lối tu nào có khả năng phát giác phát hiện lậu hoặc và diệt tận lậu hoặc một cách triệt để như vậy. Ngoài Thánh pháp Tám Chánh này thì không có một phương cách nào có thể vạch mặt được lòng dục, lòng ái và diệt tận được lòng dục, lòng ái một cách hoàn toàn.

Vì vậy, Thánh pháp Tám Chánh được Đức Phật gọi là cỗ xe vô thượng, cỗ xe tối thượng trong trận chiến tiêu diệt vô minh, diệt tận lậu hoặc, diệt tận dục, ái, tham, sân, si, bản ngã.

Cỗ xe này có khả năng truy quét vô minh, triệt phá hang ổ của vô minh và khát ái một cách hoàn hảo và tuyệt vời. Cỗ

xe này có khả năng phá vỡ bức màn đêm đen tối dày đặc của si mê đang che phủ sự thật của cuộc sống, vén lên sự thật của cuộc đời, làm cho chúng sanh thức tỉnh trước sự thật của cuộc đời và sống không chìm đắm ở trong đời.

Cỗ xe này không những có thể chở được vô lượng vô số người, mà còn có khả năng mang lại vô lượng, vô số, vô biên sự an lạc cho các chúng sanh, đưa chúng sanh từ bến bờ của sanh tử, khổ đau và nước mắt, đi đến bến bờ của an lạc, bình yên, giải thoát, Niết-bàn.

Thánh pháp Tám Chánh thật sự là Pháp Bảo, thật sự là châu báu trong đạo Phật, là bảo vật vô giá của thế gian, là lối tu hoàn hảo ở trên đời, là cỗ xe vô thượng, cỗ xe tối thượng trên cuộc đời. Vì thấy biết rõ như vậy, nên những vị đệ tử chân chánh của Đức Phật, những bậc trong hàng Bốn đôi tám chúng, những bậc Thánh tăng, Thánh ni, Thánh cư sĩ, những bậc đã nếm được hương vị trí tuệ, hương vị giải thoát, sức mạnh đâm thủng vô minh của Pháp bảo Tám Chánh này, các vị này không bao giờ vượt qua lời dạy của Đức Phật, không bao giờ xem thường Thánh pháp Tám Chánh mà Đức Phật đã truyền trao, không bao giờ thêm bớt trong đạo lộ đưa đến sự thoát khổ mà bậc Chánh Đăng Chánh Giác đã chỉ dạy. Đó là lý do vì sao Đức Phật nói: *“Này các Tỷ-kheo, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua”*.

Thật là vi diệu, thật là tuyệt diệu là lời nói này của Đức Thế Tôn. Nhưng để hiểu được lời nói này của Ngài một cách chân chánh, đúng pháp thì đó phải là những bậc Thánh tăng, Thánh ni, Thánh cư sĩ, Thánh đệ tử của Đức Phật. Chỉ những bậc này, những vị đệ tử chân chánh của Đức Phật mới có thể thông hiểu một cách chân chánh lời nói này của Ngài. Nếu không phải là những vị học, hành và thành tựu trong Thánh pháp này thì khi nghe lời này của Đức Thế Tôn có thể sanh tâm bất thiện, hiểu lầm, nghi ngờ về bản ngã trong lời nói của Đức Thế Tôn.

Lời tuyên bố trên của Đức Thế Tôn là điều vi diệu chưa từng có thứ hai trong cuộc sống, chỉ có trong giáo pháp chân chánh của bậc Chánh Đẳng Giác. Do thấy được điều vi diệu này mà những người đến tu tập trong Thánh pháp này cảm thấy hoan hỷ, thích thú.

7.2.3 Điều thứ ba: “Không chung cùng kẻ xấu”

“Đệ tử chân chánh của Đức Phật không sống chung cùng với những kẻ phá giới, bất chánh, bất minh. Nếu phát hiện trong hội chúng có hạng người này, hội chúng sẽ yêu cầu người ấy ra khỏi hội chúng”.

Như vậy, khi trong hội chúng đệ tử chân chánh, thánh thiện của Đức Phật, có người bị phát hiện là bất tịnh, phá giới, bất chánh, bất minh thì hội chúng sẽ đưa người này ra ánh

sáng và yêu cầu người này rời khỏi hội chúng. Nếu người này không rời khỏi hội chúng thì dù người này đang ở trong đại chúng nhưng tâm của người này vẫn cách biệt rất xa với đại chúng. Vì có sao? Địa ngục khác biệt rất xa so với Thiên giới. Cũng vậy, tâm của người phá giới khác biệt rất xa với tâm của người giữ giới; tâm của người tà hạnh khác biệt rất xa với tâm của người chánh hạnh; tâm của người tà kiến khác biệt rất xa với tâm của người chánh kiến; tâm của người bất chánh khác biệt rất xa với tâm của người chân chánh. Vì vậy, khi một người tà hạnh, bất chánh, không chịu phát lộ sám hối trước đại chúng, không chân thật phát lộ sám hối trước đại chúng, không chấp nhận những xử lý tương xứng với những hành vi tà hạnh của mình, thì dù người ấy sống ẩn nấp trong đại chúng, sống che giấu đại chúng, dù người ấy trau chuốt hình tướng bên ngoài của một người tu, dù người ấy cẩn trọng che đậy sự nhớp nhúa của thân tâm thì tâm của người ấy vẫn khác biệt rất xa với đại chúng chân chánh, hiền thiện ấy. Và dù khi người ấy còn đang sống nhưng cánh cửa Đại địa ngục cũng đã mở ra để sẵn sàng đón nhận người ấy khi người ấy mạng chung.

Người bất chánh, bất thiện không thích hợp với hội chúng thanh tịnh, với hội chúng thánh thiện. Người phá giới, bất chánh, bất minh không thể chung sống trong một hội chúng với những con người chân chánh, giữ giới, hiền thiện. Và

người bất chánh, bất minh nếu không từ bỏ đời sống bất chánh, bất minh ấy thì sẽ bị đào thải ra khỏi hội chúng chân chánh hiền thiện, với những con người hiền thiện chân chánh đang tu tập Tám Điều Chân Chánh mà Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác đã truyền trao.

Đây là điều vi diệu chưa từng có trong cuộc sống này, chỉ có trong giáo pháp chân chánh của Đức Thế Tôn khi Ngài còn tại thế. Do thấy được điều này nên những người chân chánh đến tu học trong đạo Phật thời ấy cảm thấy hoan hỷ, thích thú.

Đó là chuyện thời Đức Phật còn tại thế, còn ngày nay, sau khi Đức Phật đã nhập diệt trên hai ngàn năm trăm năm, Phật giáo đã có nhiều thay đổi, nhiều biến đổi bởi thời gian, bởi tâm vô minh si ám của chúng sanh hay bởi tâm vô minh cố tình phá hoại Thánh pháp tối thượng mà Đức Phật đã truyền trao, vì vậy Phật giáo ngày nay thật là khó nói! Ngày nay, người bất thiện, người phá giới, người tà dâm, người bất bình thường, người sân si, người tu tướng, tu danh, tu lợi, tu sắc, tu tài, tu địa vị, tu chức quyền, tu tranh tài đoạt lợi, tu tranh chức đoạt quyền, tu tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát, ngày nay những người tu như vậy thật là nhiều. Vì vậy, điều vi diệu thứ ba trong đạo Phật ngày xưa thật là khó tìm thấy trong đạo Phật ngày nay.

7.2.4 Điều thứ tư: “Không giữ họ tên riêng”

“Đệ tử của Đức Phật từ bỏ tên họ, giai cấp, danh vọng ở đời, họ sống từ mãn, hòa đồng trong đại chúng với danh xưng là những Pháp danh”.

Pháp danh là “danh xưng trong Chánh pháp của những người tu học theo giáo pháp chân chánh của Đức Thế Tôn”. Mỗi pháp danh đều có ý nghĩa nhắc nhở tới Chánh pháp, nhắc nhở người con Phật ghi nhớ “mình bây giờ là ai, mình bây giờ đang tu tập gì trong Thánh pháp cao quý hiền thiện này”.

Mỗi pháp danh là một pháp lệnh nhắc nhở tâm vô minh, lậu hoặc này mau quay về trong Chánh pháp hiền thiện chân chánh mà mình đang tu tập. Mỗi pháp danh là một hồi Thánh chuông thức tỉnh tâm mê khi đang còn những việc cần phải làm mà mình vẫn chưa có làm xong. Mỗi pháp danh là một sự nhắc nhở một trong những đức hạnh mà người con Phật cần phải tu tập, cần phải thực hành và cần phải thành tựu.

Mỗi pháp danh là một lời cảnh tỉnh tâm mê rằng: *“Nay, mình đã là con của Phật rồi, mình đã là đệ tử của Phật rồi, mình phải tập sống chân chánh, sống đúng pháp, sống thiện lành ở trên đời để xứng đáng là một người con chân chánh của Đức Phật, một người đệ tử chân chánh của Đức Như Lai... Nay, mình đã là một người tu trong đạo Phật*

rồi, khi đã là người tu rồi, hãy sống sao cho thật đẹp, thật cao đẹp, thật thanh tịnh, thật trong sạch, thật đúng pháp để xứng đáng với danh từ “Người tu”.

Mỗi pháp danh là một pháp chân chánh, pháp cao đẹp, pháp hiền thiện, pháp thánh thiện ở trên đời. Mỗi pháp danh là một đức hạnh đẹp, một nét hạnh đẹp của người tu. Mỗi pháp danh là một lời hứa khả mình sẽ trở thành một con người trong sạch, thanh tịnh, cao thượng, cao đẹp trên cuộc đời này. Mỗi pháp danh là một ước nguyện, một niềm tin, một định hướng phấn đấu để thành tựu đức hạnh, thiền định và trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Ôi, những pháp danh khả ái, vi diệu, hiền thiện, tuyệt vời!

Và với những pháp danh này, những người chân chánh khi đến với đạo Phật đều trở thành những người con Phật, những người được sanh ra từ trong trí tuệ tối thượng hoàn hảo của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Họ chấp nhận giáo pháp chân chánh của Đức Thế Tôn. Họ chấp nhận những sự thật về cuộc sống mà Đức Thế Tôn đã chỉ dạy. Họ chấp nhận một đường lối tu chân chánh, hoàn hảo và thiện xảo với Tám Sự Chân Chân Chánh mà Đức Thế Tôn đã truyền trao. Họ chính thức trở thành những người con chân chánh của Đức Thế Tôn được sanh ra từ trong kim khâu của Ngài, từ trong giáo pháp của Ngài, từ trong trí tuệ của Ngài. Họ chính thức được gọi là Phật tử.

Phật tử là những người con chân chánh của Đức Phật, những người đệ tử chân chánh của Đức Thế Tôn, trong đó gồm cả tại gia và xuất gia. Thích tử là những người con chân chánh của dòng họ Thích Ca, danh từ này chỉ dùng cho hàng đệ tử xuất gia của Đức Phật. Như vậy, khi đến với đạo Phật, mọi người đều từ bỏ họ tên, giai cấp, địa vị ở đời, và nhận một danh xưng trong Chánh pháp của Đức Thế Tôn, họ cùng nhau tu học hòa đồng trong đại chúng. Đây là điều vi diệu chưa từng có trong đời, do thấy biết điều này, những người đến tu tập trong giáo pháp của Đức Phật cảm thấy hoan hỷ, thích thú.

7.2.5 Điều thứ năm: “Không vui đầy Tịnh giới”

“Nếu có nhiều vị thể nhập vào Niết-bàn giới thì Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vui, có đầy”.

Niết-bàn giới là cảnh giới tâm thanh tịnh hoàn toàn, tịch lặng hoàn toàn, không còn một chút bóng dáng nào của vô minh và lậu hoặc, không còn một chút nhỏ nhiệm nào của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã. Tâm đã hoàn toàn được thanh lọc sạch, hoàn toàn không còn dao động, không còn dính mắc chạy theo sáu trần, chạy theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Tâm đã hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, tịch lặng, yên lặng hoàn toàn.

Trong Thánh pháp này, dầu cho có nhiều vị tu tập thể nhập vào Niết-bàn giới, thể nhập vào cảnh giới tâm hoàn toàn không còn dao động, không còn chút động chuyển nào, hoàn toàn thanh tịnh, tịch lặng, giải thoát khỏi mọi phiền não trên đời thì Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vui, có đầy, có tăng, có giảm, có thêm, có bớt. Đây là điều vi diệu chưa từng có thứ năm ở trên đời, do thấy biết được điều vi diệu này mà những người đến tu học trong giáo pháp của Đức Phật cảm thấy hoan hỷ, thích thú.

7.2.6 Điều thứ sáu: “Chỉ có vị Giải Thoát”

“Giáo pháp chân chánh của Đức Phật chỉ có một hương vị duy nhất đó là hương vị của sự Giải thoát, không có mùi của sự bám víu, dính mắc, lệ thuộc, cầu xin, mê tín dị đoan, hứa hẹn mong lung, không thực tế, không minh bạch, kích động, tham ái, trói buộc”.

Người đến tu tập và thành tựu trong giáo pháp chân chánh của Đức Phật sẽ có một nội tâm thanh tịnh, độc lập, không nương tựa vào ai, không bám víu vào ai, không dính mắc với ai, không lệ thuộc vào ai, không chấp thủ, không ám ảnh, không trói buộc với bất cứ gì ở trên đời.

Tâm vị này được hoàn toàn giải thoát khỏi sự áp bức của dục, sự trói buộc của ái, sự lôi kéo của tham, sự bức xúc của sân, sự hôn mê nhầy nhụa của si, sự hoang tưởng của

bản ngã. Tâm vị này được hoàn toàn giải thoát khỏi những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã.

Tâm vị này được hoàn toàn giải thoát khỏi những dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát khỏi những cấu uế, rác bẩn, lậu hoặc uế nhiễm trong nội tâm.

Tâm vị này được giải thoát khỏi những sắc, tài, danh, lợi trên cuộc đời. Giải thoát khỏi những buồn vui, thương ghét, được mất, có không của cuộc sống. Giải thoát khỏi những sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của thế gian. Giải thoát khỏi những sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong nội tâm. Giải thoát khỏi khổ. Giải thoát khỏi sanh tử. Giải thoát khỏi những cảnh làm súc vật, súc sanh, làm ma, làm quỷ dữ, làm naga quỷ đói, làm những chúng sanh đau khổ trong địa ngục. Giải thoát khỏi những cảnh làm thân người với những đời sống sang hèn tạm bợ, mong manh, theo duyên nghiệp, dễ vỡ, dễ tan. Giải thoát khỏi cái thế giới của phiền não và nước mắt.

Giải thoát khỏi cái thế giới nhầy nhụa trong dục, nhờn nhờn trong dục, chìm đắm trong dục này. Giải thoát khỏi cái thế giới nhầy nhụa trong ái, vương vịu trong ái, trôi buộc trong ái này. Giải thoát khỏi cái thế giới nhầy nhụa trong vô minh, tăm tối trong vô minh, quờ quạng trong vô minh. Giải thoát khỏi cái thế giới nhầy nhụa trong khổ, chìm đắm trong khổ, không thoát khỏi khổ.

Giải thoát, giải thoát, giải thoát. Giải thoát khỏi tất cả. Giải thoát khỏi cái thế giới trầm luân trong phiền não, đau khổ và nước mắt này.

Đó là hương vị của giáo pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy, hương vị đó chính là hương vị của sự giải thoát. Và đó chính là hương vị duy nhất trong giáo pháp chân chánh do Đức Thế Tôn giảng dạy. Do thấy được hương vị giải thoát vi diệu chưa từng có này trên đời, chỉ có trong giáo lý chân chánh của Đức Như Lai nên những người đến tu học trong giáo pháp này cảm thấy hoan hỷ, thích thú trong Thánh pháp.

Nếu có một hương vị, mùi vị nào khác trong giáo pháp này thì đó không phải là giáo pháp chân chánh của Đức Phật mà đó là sự giả mạo, sự tạp nhiễm, sự đột nhập, sự trà trộn, sự pha chế của những tâm vô minh, những tập quán vô minh, những hiểu biết và những trí tuệ còn ở trong vô minh đưa vào trong giáo pháp chân chánh của Đức Như Lai.

Người con Phật ngày nay khi đến với đạo Phật cần phải tuyệt đối cẩn trọng tìm hiểu đạo Phật, vì đạo Phật ngày nay là một giáo lý đã bị pha tạp, thêm bớt, nhiễu loạn quá nhiều. Thật khó để tìm lại được một hương vị tuyệt vời nguyên chất của đạo Phật ngày xưa, của giáo pháp ngày xưa mà Đức Phật đã truyền trao. Người con Phật ngày nay cần luôn ghi nhớ rằng: Giáo pháp chân chánh mà Đức Phật đã chỉ

dạy chỉ có một hương vị thần diệu duy nhất, đó là hương vị của sự giải thoát, hương vị của sự thoát tục, hương vị của sự vượt thoát khỏi dục, ái, tham, sân, si, vô minh, bản ngã, lậu hoặc, hương vị của sự không nương tựa, không dính mắc, không chấp thủ, không mong cầu, không trói buộc, không ám ảnh đối với bất cứ gì ở trên đời. Đây là điều mà người tu ngày nay cần tuyệt đối nghiêm túc suy ngẫm.

7.2.7 Điều thứ bảy: “Ba Bảy Pháp Thần Diệu”

“Giáo pháp chân chánh của Đức Phật có Ba mươi bảy châu báu thần diệu, hay Ba mươi bảy pháp tu hoàn hảo và thiện xảo để phát giác phát hiện vô minh và diệt tận vô minh một cách hoàn toàn”.

Vô minh là trạng thái tâm vẫn đục, không trong sáng, không thanh khiết. Với trạng thái tâm vẫn đục, không thanh khiết nên tâm không thấy biết rõ những gì đang lên lút hoạt động, đang ngấm ngấm hoạt động trong nội tâm. Do không thấy biết rõ tự thân nên tâm sống trong hôn ám, si mê.

Dục khởi, tâm không thấy biết rõ về dục, không thấy biết rõ những trạng thái thô tế của dục, không thấy biết rõ những hình thức của dục, không thấy biết rõ những dấu hiệu của dục, không thấy rõ những hoạt động của dục,

không thấy biết rõ dục hoạt động như thế nào. Tâm không thấy biết rõ nhân duyên dục sanh khởi, không thấy biết rõ nhân duyên dục diệt tận, không thấy biết rõ phương pháp tu tập để nhiếp phục dục, để diệt tận dục. Do không thấy biết rõ về dục như vậy nên khi dục khởi, tâm xem dục là mình, tâm đồng hóa mình và dục. Do tâm xem dục là mình, do tâm đã đồng hóa mình và dục nên khi dục sanh khởi, tâm làm theo ý của dục, thuận theo ý dục, ngoan ngoãn làm theo ý dục một cách hoàn toàn. Dục buồn thì tâm buồn, dục vui thì tâm vui, dục muốn nói thì tâm nói, dục muốn nín thì tâm nín, dục muốn chơi thì thân chơi, dục muốn ăn thì thân ăn, dục muốn dâm dục thì thân dâm dục... Dục ham muốn tìm hiểu lãnh vực nào thì thân tâm sẽ lao vào tìm hiểu lãnh vực đó. Thân tâm luôn hoạt động dưới sự hướng dẫn dắt dắt của lòng dục mà không thấy biết rõ về dục, không thấy biết rõ những hành tướng của dục, đó gọi là vô minh.

Ái khởi, tâm không thấy biết rõ về ái, không thấy biết rõ những hình thức của ái, không thấy biết rõ những mức độ của ái, không thấy biết rõ những biểu lộ của ái, không thấy biết rõ những hoạt động của ái, không thấy biết rõ những thô tế của ái. Tâm không thấy biết rõ nguyên nhân ái sanh khởi, không thấy biết rõ nguyên nhân ái diệt tận, không thấy biết rõ vị ngọt của ái, không thấy biết rõ sự nguy hiểm của ái, không thấy biết rõ sự xuất ly khỏi ái, không thấy

biết rõ phương pháp tu tập để diệt tận ái, để xuất ly khỏi ái. Tâm không thấy biết rõ mọi hành tướng của ái. Tâm xem ái là mình. Tâm làm theo ý của ái. Tâm bị ái chi phối, không chế, áp bức, thống trị mà tâm không hay không biết. Sự không thấy biết rõ về ái như vậy, đó gọi là vô minh.

Sân khởi, tâm không thấy biết rõ sân. Tâm không thấy biết rõ cách thức sân hoạt động, không thấy biết rõ những hình thức của sân, không thấy biết những mức độ của sân, không thấy biết rõ những dấu hiệu của sân, không thấy biết rõ những thô tế của sân. Tâm không thấy biết rõ nhân duyên sân sanh khởi, không thấy biết rõ nhân duyên sân diệt tận, không thấy biết rõ phương pháp tu tập để diệt tận sân. Tâm không thấy biết rõ mọi hành tướng của sân. Tâm xem sân là mình. Tâm đồng hóa mình và sân. Tâm làm theo ý của sân. Sự không thấy biết rõ về sân như vậy, đó gọi là vô minh.

Bản ngã khởi, tâm không thấy biết rõ bản ngã, không thấy biết rõ những hình thức của bản ngã, không thấy biết rõ những thô tế của bản ngã, không thấy biết rõ những hoạt động của bản ngã. Tâm không thấy biết rõ nhân duyên bản ngã sanh khởi, không thấy biết rõ nguyên nhân bản ngã được diệt tận, không thấy biết rõ vị ngọt của bản ngã, không thấy biết rõ sự nguy hiểm của bản ngã, không thấy biết rõ sự thoát khỏi bản ngã, không thấy biết rõ đường lối tu tập để nhiếp phục bản ngã, diệt tận bản ngã, thoát khỏi

sự ám ảnh của bản ngã. Tâm không thấy biết rõ mọi hành tướng của bản ngã. Do không thấy biết rõ, không thấy biết đầy đủ, không thấy biết chân thực và trọn vẹn về bản ngã nên tâm cho bản ngã là mình. Tâm đồng hóa mình và bản ngã. Vì vậy, tâm làm theo ý của bản ngã, tâm phục vụ bản ngã, tâm bị bản ngã chi phối, khống chế, dẫn dắt mà tâm không hay, không biết. Sự không hay biết như vậy, đó gọi là vô minh.

Tâm tham danh khởi... Tâm tham lợi khởi... Tâm ganh tỵ khởi... Tâm tật đố khởi... Tâm hơn thua khởi... Tâm ích kỷ khởi... Tâm vô minh khởi... Tâm lậu hoặc khởi... Tâm không thấy biết rõ những pháp ác bất thiện này, không thấy biết rõ những hành tướng của chúng, tâm mê muội đối với chúng, tâm làm theo ý chúng muốn, tâm bị chúng chi phối, khống chế, áp bức, thống trị, dẫn dắt, lôi kéo mà tâm không hay, không biết. Sự không hay biết như vậy, đó gọi là vô minh.

Với trạng thái tâm vô minh sâu dày như vậy nhưng chúng sanh lại không thấy, không biết rõ, không biết trọn vẹn về vô minh nên chúng sanh sống trong vô minh, hành xử trong vô minh, tu tập trong vô minh. Chúng sanh thấy biết trong vô minh, suy nghĩ trong vô minh, nói lời trong vô minh, hành động trong vô minh, nuôi mạng sống trong vô minh, tinh tấn trong vô minh, quán niệm trong vô minh, định tâm trong vô minh. Do sống trong vô minh, tu tập trong vô

minh nên chúng sanh không thoát khỏi vô minh, không đào thải hết những rác bần, cấu uế trong nội tâm, không diệt tận được tham, sân, si, dục, ái, vô minh, lậu hoặc, bản ngã, không diệt tận được hết tất cả những pháp ác bất thiện trong nội tâm. Vì vậy, chúng sanh không thoát khỏi khổ, không thoát khỏi phiền não, không thoát khỏi sanh tử.

Với giáo pháp mà Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã truyền dạy, Ngài đã trao truyền lại cho chúng sanh ba mươi bảy pháp thần diệu để chúng sanh có thể phát hiện ra vô minh, vạch mặt vô minh, đâm thủng vô minh và diệt tận vô minh một cách hoàn toàn.

Để diệt tận sự thấy biết trong vô minh, suy nghĩ trong vô minh, nói lời trong vô minh, hành động trong vô minh, nuôi mạng sống trong vô minh, tinh tấn trong vô minh, quán niệm trong vô minh, định tâm trong vô minh. Để diệt tận tám sự vô minh này của chúng sanh, Đức Phật đã truyền trao Tám Thanh Thánh Kiếm thần diệu cho chúng sanh, đó chính là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Với Tám Thanh Thánh Kiếm thần diệu này chúng sanh hoàn toàn có thể truy sát và diệt tận tám sự vô minh trong nội tâm của mình.

Trong Thánh Chánh Niệm Kiếm, Đức Phật trang bị cho người tu Trí tuệ chân chánh hiểu biết rõ Bốn chỗ cần phải

chân chánh quán sát để có thể phát giác phát hiện, tấn công và diệt tận vô minh trong khía cạnh những chỗ cần phải quán niệm, quán xét và nhớ biết.

Trong Thánh Chánh Tinh Tấn Kiếm, Đức Phật trang bị cho người tu Trí tuệ chân chánh hiểu biết rõ Bốn việc chân chánh cần phải làm đối với một người tu. Để từ đó, người tu có thể tấn công vô minh trong khía cạnh tinh cần tinh tấn.

Trong Thánh Chánh Định Kiếm, Đức Phật trang bị cho người tu Trí tuệ chân chánh hiểu biết rõ Bốn Pháp đưa đến Tâm đạt định như ý mình muốn (Tứ Như Ý Túc). Với bốn pháp này, người tu có thể tiến hành tu tập Thánh Chánh Định mà Đức Phật đã chỉ dạy, diệt tận vô minh trong thiền định, trong cách định tâm.

Lại nữa, với Thánh Kiếm trí tuệ về Năm Căn là Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, Đức Phật đã trang bị cho người tu Trí tuệ chân chánh hiểu biết rõ về những Căn bản mà một người tu cần phải có để phá tan sự vô minh, vô trí, phá tan sự si ám, sự không hiểu biết của người tu trong vấn đề này.

Lại nữa, với Thánh Kiếm trí tuệ về Năm Lực là Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, Đức Phật đã trang bị cho người tu Trí tuệ chân chánh hiểu biết rõ về những sức mạnh của một người tu, những sức mạnh mà một người tu cần phải có để có thể tiến tu trong Thánh pháp này. Và với năm sức mạnh này,

người tu có thể tiến tu, tăng trưởng, phát triển và thành tựu viên mãn trong Thánh pháp này. Như vậy, với Thánh kiểm trí tuệ này, Đức Phật đã phá tan sự vô minh, vô trí của người tu trong vấn đề này.

Lại nữa, với Thánh Kiểm trí tuệ về Bảy Giác Chi, Đức Phật đã trang bị cho người tu Trí tuệ chân chánh rõ ràng về tiến trình tu tập của tự thân trong Thánh pháp này, phá tan sự vô minh si ám của người tu trong vấn đề này. Bảy Giác Chi là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh Tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh An giác chi, Định giác chi, Xả giác chi. Bảy Giác Chi này là tiến trình tu tập đi đến sự giác ngộ Minh và Giải thoát (đi đến sự trong sáng hoàn toàn của nội tâm và sự giải thoát hoàn toàn khỏi sanh tử). Như vậy, với Thánh kiểm trí tuệ này, Đức Phật đã phá tan sự vô minh vô trí của người tu trong vấn đề này.

Tóm lại:

Với Ba mươi bảy pháp thần diệu mà Đức Phật đã truyền trao, chúng sanh hoàn toàn có thể phá thủng màn vô minh che ám cuộc đời này, phá tan màn vô minh si ám trong nội tâm, làm cho minh, cho ánh sáng, cho trí tuệ chân chánh được sanh khởi, được phát triển và thành tựu một cách rực rỡ, rực sáng và tỏa sáng trên cuộc đời.

Với Ba mươi bảy pháp thần diệu mà Đức Phật đã truyền trao, chúng sanh đã được trang bị những Thánh kiểm tối

thượng trong tay. Với những Thánh kiếm thần diệu tối thượng thiện xảo này, chúng sanh hoàn toàn có thể tấn công, tiêu diệt và diệt tận hoàn toàn tất cả những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã và những hang ổ của chúng. Với những Thánh kiếm thần diệu này, chúng sanh hoàn toàn có thể triệt phá, triệt tiêu và diệt tận những tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định một cách hoàn toàn.

Với những Thánh kiếm thần diệu này, khi được khéo sử dụng, khéo áp dụng, khéo vận dụng thì những chúng sanh bị sanh sẽ được giải thoát khỏi sanh, chúng sanh bị già sẽ được giải thoát khỏi già, chúng sanh bị bệnh sẽ được giải thoát khỏi bệnh, chúng sanh bị chết sẽ được giải thoát khỏi chết, chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não, sẽ được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não, chúng sanh bị luân hồi sanh tử sẽ được giải thoát khỏi luân hồi sanh tử.

Như vậy, với giáo pháp có ba mươi bảy pháp vi diệu, thần diệu, được hướng dẫn bởi trí tuệ hoàn hảo và thiện xảo của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác thì không một góc độ, không một khía cạnh nào của vô minh mà không được Ngài không thấy, không biết. Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã thấy biết tất cả mọi góc độ, mọi khía cạnh, mọi hình thức hoạt động, mọi chỗ ẩn nấp của vô minh. Ngài đã trang bị, đã phòng hộ, đã chuẩn bị cho đệ tử của Ngài những bảo đao sắc bén, những Thánh kiếm trí tuệ thần diệu để đệ tử

của Ngài có thể phát hiện vô minh, triệt phá vô minh, truy sát vô minh và diệt tận vô minh một cách hoàn toàn, làm cho thân tâm trở nên trong sạch, thanh tịnh hoàn toàn, giải thoát khỏi tất cả những chi phối, áp bức, khống chế, thống trị của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc, rác bần trong nội tâm. Ngài đã giúp cho chúng sanh thực hiện một cuộc cách mạng vĩ đại, chưa từng có trong dòng trầm luân sanh tử của tự thân. Ngài đã giúp cho chúng sanh có thể cất lên những khúc ca khải hoàn, khúc ca chiến thắng vĩ đại nhất trên cuộc đời nhờ vào những Thánh kiếm thần diệu mà Ngài đã truyền trao.

Do vậy, Ba mươi bảy pháp thần diệu này được Đức Phật gọi là châu báu, là bảo vật trong cuộc đời. Với những châu báu này, những chúng sanh đang sống trong khổ, đang chìm đắm trong khổ, đang lặn hụp trong khổ sẽ không còn phải tiếp tục khổ đau. Với những châu báu này chúng sanh sẽ được thoát khỏi khổ, sẽ được an lạc, được an vui, được giải thoát, được tịch lặng bình an. Do thấy biết được trong giáo pháp mà Đức Phật chỉ dạy có những châu báu hy hữu, vi diệu, cao quý, thần diệu, tuyệt vời, chưa từng có này nên những người đến tu học Thánh pháp này cảm thấy hoan hỷ, thích thú khi được tu tập trong Thánh pháp.

7.2.8 Điều thứ tám: “Nhiều bậc chứng Thánh quả”

“Giáo pháp chân chánh của Đức Phật là trú xứ của những bậc đã và đang chứng đạt Bốn Thánh Quả, Bốn mức độ của sự giải thoát sanh tử”.

Với Ba mươi bảy pháp tu thân diệu, thiện xảo và hoàn hảo để diệt tận vô minh mà Đức Phật đã truyền trao, nên những người con chân chánh của Đức Phật, những bậc đầy đủ giới đức khi đến với giáo pháp này, họ nghiêm túc tu học trong giáo pháp và họ đã đâm thủng được vô minh, diệt tận vô minh, diệt tận khát ái, đạt được những quả vị giải thoát cao quý vì diệu trong Bốn Thánh Quả, thể nhập vào dòng Thánh giải thoát mà Đức Phật đã thể nhập. Họ đã và đang đi đến sự thành tựu sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt phiền não và chấm dứt khổ đau. Đây là điều hy hữu, vì diệu chưa từng có thứ tám, chỉ có trong giáo pháp chân chánh của Đức Thế Tôn, do thấy được điều hy hữu, vì diệu này, nên các vị đến tu tập trong Thánh pháp này cảm thấy hoan hỷ, thích thú khi được tu tập trong Thánh pháp.

7.3 Rường cột của đạo Phật

Như vậy, có Tám điều vi diệu chưa từng có trên đời, chỉ có trong đạo Phật, Tám điều đó như sau:

1. Sự tu chứng trong đạo Phật là có trình tự, có thứ tự, không có sự thành linh chứng quả mà không có Văn Tư Tu về Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy.
2. Dầu cho vì mạng sống của mình, các vị đệ tử chân chánh của Đức Phật không vượt qua lời dạy chân chánh của Ngài, không dám thêm bớt gì trong Thánh Giới, Thánh Định, Thánh Tuệ. Vì sao? Vì Giới Định Tuệ mà Đức Phật chỉ dạy là một đường lối tu tập hoàn hảo và thiện xảo nên không thể thêm bớt gì trong đó.
3. Đệ tử chân chánh của Đức Phật không sống chung cùng với những kẻ phá giới, bất chánh, bất minh. Nếu phát hiện trong hội chúng có hạng người này, hội chúng sẽ yêu cầu người ấy ra khỏi hội chúng.
4. Đệ tử của Đức Phật từ bỏ tên họ, giai cấp, danh vọng ở đời, họ sống từ mẫn, hòa đồng trong đại chúng với danh xưng là những pháp danh.
5. Nếu có nhiều vị thể nhập vào Niết-bàn Tịch Tĩnh giới, thì Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có voi, có đầy.
6. Giáo pháp chân chánh của Đức Phật chỉ có một hương vị duy nhất đó là hương vị của sự Giải thoát, không có mùi của sự bám víu, dính mắc, lệ thuộc, cầu xin, mê tín dị đoan, hứa hẹn mông lung, không

thực tế, không minh bạch, kích động, tham ái, trối buộc.

7. Giáo pháp chân chánh của Đức Phật có Ba mươi bảy châu báu, hay Ba mươi bảy pháp tu thần diệu, thiện xảo và hoàn hảo để phát giác phát hiện vô minh và diệt tận vô minh một cách hoàn toàn. Ba mươi bảy châu báu của đạo Phật, hay “Pháp bảo thật sự” mà Đức Phật đã để lại cho đời, đó chính là: Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần, Bốn Như Ý Túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác Chi, Thánh Pháp Tám Đúng.
8. Giáo pháp chân chánh của Đức Phật là trú xứ của những bậc đã và đang chứng đạt Bốn Thánh Quả, Bốn mức độ của sự giải thoát sanh tử.

Đó là Tám điều vi diệu chưa từng có trong đời, chỉ có trong đạo Phật trong thời Đức Phật còn tại thế, do thấy được Tám điều vi diệu này mà những người thời ấy khi đến tu học trong Thánh pháp này cảm thấy hoan hỷ, thích thú.

Ngày nay, khi Đức Phật đã nhập diệt, đạo Phật đã trải qua một thời gian lịch sử khá dài với những thăng trầm, những thêm bớt, những nguy tạo, giả mạo, những âm mưu phá hoại Phật giáo của ngoại đạo, làm lũng đoạn giáo lý chân chánh của Đức Phật, người con Phật ngày nay thật khó biết những thực hư trong giáo lý đạo Phật ngày nay.

Vì vậy, khi đến với đạo Phật, người học đạo ngày nay cần tuyệt đối cẩn trọng. Bài kinh trên là một Thánh chuông thức tỉnh người con Phật về “Pháp bảo”, về “giáo pháp châu báu”, hay “giáo pháp chân chánh” trong đạo Phật chính là gì. Bài kinh trên là một trong những bài kinh mà người học Phật cần nghiêm túc học hỏi cẩn trọng. Tám điều vi diệu trong đạo Phật được Đức Phật nói ở trên, chính là **“rường cột của Phật giáo”**, là rường cột của đạo Phật, là đặc điểm, đặc trưng, đặc tánh của Phật giáo thời Đức Phật còn tại thế. Chính với những đặc điểm này mà Phật giáo thời ấy vi diệu, hy hữu và chói sáng trong thế giới vô minh si ám này.

Nhưng đáng tiếc thay, Phật giáo ngày nay không còn đầy đủ những rường cột, những đặc điểm, đặc trưng, đặc tánh này. Có lẽ vì vậy mà ngày nay người đắm thung được vô minh, người diệt tận các lậu hoặc, người nhiếp phục được tham sân si, người thể nhập vào bất tử trong đạo Phật thật là hiếm hoi.

Khi nào đến với đạo Phật, người học Phật không còn tìm thấy trong đó một trình tự, một thứ tự tu học rõ ràng; Văn Tư Tu về Giới Định Tuệ và Bát Chánh Đạo không còn được giảng giải một cách sáng tỏ, đúng pháp và chính xác theo lời Phật dạy, khi đó, hành giả cần hiểu rằng: Rường cột về sự tuần tự tu chứng trong đạo Phật đã bị thời gian và sự vô minh của chúng sanh tiêu hủy. Khi mất đi rường

cột này, mất đi đặc tánh thứ nhất này thì đạo Phật không còn là đạo Phật vi diệu, hy hữu của ngày xưa, của thời Đức Phật còn tại thế. Và khi đường lối tu tập bị thiếu mất rường cột, thiếu mất đặc tánh này sẽ không còn vững chắc, không còn vi diệu như trước nữa.

Khi nào đến với đạo Phật, hành giả không còn thấy trong đó sự tôn kính đối với những lời dạy chân chánh của Đức Phật, giáo pháp chân chánh mà Đức Phật chỉ dạy không còn được tu tập, thực hành, giảng dạy một cách chân chánh, đúng pháp, chính xác với những lời dạy của Đức Phật, ai muốn thêm bớt gì thì thêm bớt, ai muốn tu gì thì tu, ai muốn nói gì thì nói, ai muốn vẽ vời gì thì cứ vẽ vời, ai muốn giảng sao thì cứ giảng miễn nghe êm tai là được, ai muốn tạo ra những đường lối tu mới thì cứ tạo... Khi ấy, hành giả cần hiểu rằng Phật giáo đã không còn như thời Đức Phật còn tại thế, rường cột thứ hai của Phật giáo đã bị thời gian và sự vô minh của chúng sanh phá gãy, phá sập. Những căn bản tu tập đi đến sự diệt tận tham sân si trong Phật giáo đã bị méo mó, bị lệch lạc, bị thay thế bởi những phương cách tu tập của những trí tuệ phàm phu, trí tuệ vô minh, trí tuệ nằm trong sanh tử của các chúng sanh. Và như vậy, đường lối tu tập sẽ đi vào trong ngõ cụt, đi vào trong bế tắc, đi vào trong mê lung, trong hứa hẹn xa vời, trong thần quyền, trong mê tín, trong viễn vông.

Khi nào trong tứ chúng có người không danh tiếng, hoặc có danh tiếng, không địa vị hoặc có địa vị nhưng phá giới, bất thiện, phô trương hình thức, trau chuốt bề ngoài, tạo hình tướng uy nghi bề ngoài nhưng hám danh, hám lợi, giả dối, trá hình đạo đức bên ngoài, bên trong tà dâm, bất chánh, bất minh, hành vi che đậy, sống không giới hạnh nhưng tự nhận có giới hạnh, lại còn đi giảng dạy giới hạnh cho người, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh... Khi nào những hạng người như vậy sống nhơn nhơn trong tứ chúng nhưng tứ chúng lại im lặng, che đậy, bênh vực, không dám tố cáo, không dám chỉ rõ ra, không lập tức hội họp lại, nêu rõ người ấy và đuổi người ấy ra, khi ấy, cần phải hiểu rằng yếu tố rường cột thứ ba của Phật giáo đã bị thời gian và tâm vô minh phá gãy, phá sập. Đặc điểm, đặc tính trong sạch, thanh tịnh, minh bạch trong tứ chúng đệ tử Phật đã không còn, chánh tà đã không còn được phân định rõ ràng, đúng sai đã không được rạch ròi, phân minh, tứ chúng đã không còn được thanh tịnh, trong sáng. Khi ấy, đặc điểm vi diệu thứ ba của Phật giáo đã bị đánh mất, rường cột thứ ba của Phật giáo đã bị sụp đổ, Phật giáo không còn vững chắc và an ổn như trước nữa.

Khi nào trong đạo Phật, người học đạo không còn tìm thấy trong đó hương vị của sự giải thoát, hương vị của sự không dính mắc, không chấp thủ, không trói buộc với bất cứ gì trên đời... không còn tìm thấy những người tu luôn quay

về nhiếp phục tự thân, giải thoát tự thân khỏi dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc, giải thoát tự thân khỏi sanh tử, giải thoát tự thân khỏi những người vật vô thường trên thế gian này... Khi nào người đến với đạo Phật không còn tìm thấy trong đạo Phật hương vị của sự thoát tục, hương vị của sự thoát khỏi những danh lợi trên cuộc đời, thoát khỏi những sắc, thanh, hương, vị, xúc trên đời, thoát khỏi những sắc, thọ, tưởng, hành, thức của thân tâm, thoát khỏi những dính mắc, trói buộc, tham ái, dục vọng đối với những thứ vô thường tạm bợ trên cuộc đời này, khi ấy, cần biết rằng, đặc điểm vi diệu thứ sáu của đạo Phật đã bị thời gian và sự vô minh của chúng sanh đánh mất, rường cột của Phật giáo đã bị sụp đổ, Phật giáo đã không còn vững chắc, an ổn và hoàn hảo như trước nữa.

Khi nào đến với đạo Phật, người học đạo không còn tìm thấy trong đó giáo pháp châu báu của đạo Phật được hướng dẫn, được trình bày, được tu tập một cách cẩn trọng, chân chánh, đúng pháp, khi ấy, cần hiểu rằng rường cột của Phật giáo đã không còn, giáo pháp chân chánh thần diệu của đạo Phật đã bị lũng đoạn, nhiễu loạn, giáo lý của đạo Phật không còn rường cột, không còn cột rễ vững chắc, đang chênh vênh, không có chân đứng trên con đường đi đến sự giải thoát khỏi khổ, giải thoát khỏi sanh tử.

Khi nào đến với đạo Phật, người học đạo không còn được nghe nhắc đến hàng Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ

tử Phật không còn được hiểu biết một cách chân chánh đúng pháp, trong đạo Phật không còn có những bậc đã và đang chân chánh hướng đến Bốn Thánh quả, Bốn Thánh quả không còn được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, xưng tán một cách chân chánh đúng pháp, Bốn Thánh quả đã bị thời gian và sự vô minh của chúng sanh xem thường, chê bai, phỉ báng, khi ấy, cần phải hiểu rằng sự hiểu biết chân chánh đúng pháp về đạo Phật, về Chánh pháp trong đạo Phật, về các bậc tu chứng trong đạo Phật, sự hiểu biết chân chánh về Tam bảo đã không còn, Tam bảo đã bị hiểu sai, hiểu lệch bởi sự vô tình của thời gian, sự vô tình của những người tu học trong đạo Phật nhưng bị vô minh và bản ngã chi phối, sự cố tình của những âm mưu thâm độc bên ngoài muốn hủy hoại Phật pháp, hủy hoại Tam bảo chân chánh của đạo Phật. Khi điều vi diệu thứ tám này không còn được tìm thấy trong đạo Phật, khi ấy, hành giả cần hiểu rằng, rường cột của Phật giáo đã không còn, Tam bảo chân chánh trong đạo Phật đã không còn, đạo Phật chỉ còn ngôn từ, chỉ còn hình thức, còn hình tướng, còn danh vọng, địa vị, chức quyền, bản ngã, vô minh, lậu hoặc, phá giới, tà dâm, hành vi che đậy, không phải là người tu nhưng tự nhận là người tu, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh, hung hăng, sân si, trơ tráo, hay tranh cãi, theo bè phái, thích xu

nịnh, tu danh, tu tướng, tu hình thức, tu địa vị, tu tiền bạc, tu vật chất, tu dâm dục, tu phá giới, tu bề ngoài.

Tóm lại, Tám Điều Vi Diệu trong đạo Phật được Đức Phật trình bày rõ ở trên, đó là Tám rường cột trong đạo Phật, Tám đặc tánh của đạo Phật, Tám pháp xác định độ chân chánh, độ hoàn hảo, độ vi diệu, thần diệu, vô thượng, tối thượng của đạo Phật trên cuộc đời. Khi đạo Phật không còn Tám rường cột, Tám đặc tánh này thì đạo Phật chỉ còn là ngôn ngữ, danh từ và không phải là đạo Phật chân chánh thời Đức Phật còn tại thế.

Một trong những điều cần được nghiêm túc ghi nhớ trong Tám rường cột của đạo Phật đó là: Châu báu trong đạo Phật hay Pháp bảo của đạo Phật chính là Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Ba mươi bảy pháp này là ba mươi bảy pháp tu thần diệu, hoàn hảo, thiện xảo, chưa từng có trên đời, nay với trí tuệ của Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác thì đường lối tu hoàn hảo, thần diệu này đã được thấy biết, được hiển lộ, được trình bày rõ ra. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài đã nhìn thấy rõ lối tu hoàn hảo và thiện xảo này và Ngài đã đạt được sự giải thoát khỏi sanh tử, giải thoát khỏi khổ nhờ vào sự tu tập thành tựu viên mãn các pháp này. Đây là điều mà người con Phật ngày nay cần ghi nhớ, ghi khắc trong lòng và không bao giờ cho phép mình được xem thường các pháp này. Nếu xem thường các pháp này thì hành giả

sẽ không thể nào có được cơ hội để thoát khỏi khổ, thoát khỏi vô minh, thoát khỏi biển trầm luân sanh tử.

Vì vậy, ngày nay người tìm đạo giải thoát cần tìm hiểu cẩn trọng và học hỏi cẩn trọng các pháp này. Bởi đây là con đường, đây là đạo lộ, đây là pháp tu, pháp hành để đạt được sự giải thoát khổ, sự chấm dứt khổ của tất cả các Đức Phật, các bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác từ quá khứ, cho đến hiện tại và vị lai.

7.4 Bài kệ “Tám Vi Diệu Đạo Phật”

Để giúp người con Phật dễ ghi nhớ Tám điều vi diệu trong đạo Phật, chúng tôi xin mạo muội chia sẻ bài kệ sau đây:

TÁM VI DIỆU ĐẠO PHẬT

Trong biển lớn bao la

Có Tám điều vi diệu:

- “*Biển lớn tuần tự sâu*
- *Không có vượt qua bờ*
- *Không có chứa xác chết*
- *Không có giữ tên riêng*
- *Không có vui hay đau*
- *Chỉ có một vị mặn*
- *Với nhiều loại châu báu*

- Và nhiều loài lớn trù”.

Đây Tám điều vi diệu

Trong biển lớn bao la.

Cũng vậy, trong Phật giáo

Có Tám Điều Vi Diệu:

- “Tu chứng có thứ tự

- Không vượt lời Đạo Sư

- Không chung cùng kẻ xấu

- Không giữ họ tên riêng

- Không vui đầy Tịnh giới

- Duy nhất Giải thoát vị

- Với Ba bảy châu báu

- Và những bậc chứng Thánh”.

Đây Tám điều vi diệu

Chưa từng có trong đời

Chỉ có trong đạo Phật

Do thấy Tám điều này

Các bậc trí yêu thích.

Nay con xin đánh lễ

Tám điều vi diệu này

Không có trong dân gian.

Nay con xin đánh lễ

Tám điều hy hữu này

Chỉ có trong đạo Phật.

Nay con xin đánh lễ

Tám điều thần diệu này

Tám rường cột Phật giáo.

(Dựa theo Kinh Ngày Trai Giới - Tăng III, 565)

8 CỐT TỦY KINH NIKĀYA

8.1 Đức Phật đã chứng ngộ và giảng nói điều gì?

Để nắm hiểu được cốt tủy của kinh Nikāya, người con Phật cần nghiêm túc cân trọng để tâm vào lời tuyên bố của Đức Phật trong ba bài kinh sau:

- Kinh Anurādhā (*Tương III*, 210), Đức Phật tuyên bố như sau: “*Trước kia và nay, này Anurādhā, Ta chỉ nói lên sự **Khổ** và **Đoạn diệt khổ***”.
- Kinh Ví Dụ Con Rắn (*Trung I*, bài 22), Đức Phật cũng đã khẳng định rõ trước Tăng chúng là: “*Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự **Khổ** và sự **Diệt khổ***”.
- Và trong Kinh Khổ (*Tương III*, 282), Đức Phật đã định nghĩa rõ về Khổ như sau: “***Sự chấp thủ đối với năm uẩn này là Khổ***”.

Như vậy, thông qua câu kinh thứ ba chúng ta thấy hai câu kinh trước có nghĩa là: *Trước kia và nay Đức Phật chỉ tuyên bố về Năm thủ uẩn và Con đường diệt tận Năm thủ uẩn*.

Lời tuyên bố của Đức Phật trong các bài kinh này là một sự thu tóm lại tất cả những gì mà Đức Phật đã nói, đã trình bày, đã chỉ dạy cho chúng sanh. Như vậy, tất cả những gì mà Đức Phật đã chỉ dẫn cho chúng sanh đó chính là “Sự

thấy biết về Khổ và Con đường diệt khổ”, đây cũng chính là “Sự thấy biết về Sanh tử Luân hồi và Con đường đưa đến sự chấm dứt sanh tử luân hồi”, hay cũng chính là “Sự thấy biết về Sự Chấp thủ Ngũ uẩn và Con đường đưa đến chấm dứt sự chấp thủ Ngũ uẩn”.

Lại nữa, trong Kinh Thủ Chuyển (*Tương III, 111*), Đức Phật đã khẳng định như sau: “*Này các Tỷ-kheo, khi nào Ta chưa như thật thắng tri Năm thủ uẩn này theo Bốn chuyển, thì cho đến khi ấy, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*

Nhưng này các Tỷ-kheo, khi nào Ta đã như thật thắng tri Năm thủ uẩn này theo Bốn chuyển, cho đến khi ấy, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”.

Như vậy, khi chưa thành tựu Bốn Trí về Năm thủ uẩn, chưa thấy biết rõ bốn khía cạnh của Năm thủ uẩn thì Đức Phật chưa tuyên bố Ngài đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi Ngài đã thành tựu bốn trí về Năm thủ uẩn, đã thấy biết rõ bốn khía cạnh của Ngũ uẩn thì khi ấy Ngài

mới tuyên bố Ngài đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tóm lại, sự chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác của Đức Phật chính là sự chứng ngộ, sự thành tựu Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn. Và sự thành tựu Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn của Đức Phật cũng chính là sự thành tựu trí tuệ về thế giới này, về cuộc sống này. Vì sao nói như vậy?

8.2 Trí về Ngũ uẩn và Trí về Thế giới là một hay là khác?

Thời gian đầu khi đến với Nikāya, chúng tôi không hiểu ý nghĩa thâm sâu và tuyệt đối quan trọng trong câu nói trên của Đức Phật, nhưng sau đó, trong quá trình tìm hiểu và tu tập theo Nikāya thì chúng tôi dần thấy rõ Ngũ uẩn, thấy rõ sự vận hành của Ngũ uẩn trong nội tâm mình, thấy rõ sự vận hành của Ngũ uẩn trong thế giới này, khi đó chúng tôi mới dần thấm thía ý nghĩa thâm sâu của điều này.

Khi đã nhìn thấy rõ Ngũ uẩn từ thô đến tế trong thân tâm này và trong cuộc sống thì hành giả sẽ thấy rằng: *Tất cả những gì đang vận hành, đang hoạt động, đang dẫn dắt cuộc sống này chính là Ngũ uẩn và tâm tham đắm chấp trước Ngũ uẩn. Những lời dạy của Đức Phật chính là những chỉ dẫn giúp chúng sanh thấy biết rõ những khía cạnh hoạt động của Ngũ uẩn, những hành tướng của Ngũ uẩn trong nội tâm và trong cuộc sống, giúp chúng*

sanh thành tựu Trí về Ngũ uẩn để từ đó chúng sanh có thể tẩy sạch vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn, thoát khỏi sự dính mắc trói buộc đối với Ngũ uẩn.

Tại sao lại nói như vậy? Khi quán sát kỹ thân tâm này và cuộc sống này, hành giả sẽ thấy rằng, cuộc sống bên ngoài mà chúng ta đang nhìn thấy tuy muôn hình vạn trạng nhưng tất cả cũng chỉ là Sắc Uẩn, từ thân người, cảnh vật, cho đến nhà cửa, đất đai, cho đến trái đất này, tất cả cũng chỉ là Sắc uẩn mà thôi. Phần còn lại, khi nhìn vào bên trong tâm này thì tất cả những cái hiện đang có mặt trong tâm này chỉ là những Cảm Thọ, những Tưởng, những Suy Nghĩ và những sự hay Biết. Như vậy, nếu khéo quán sát thân tâm này, thế giới này và cuộc sống này, chúng ta sẽ thấy rõ: *Tất cả những gì đang có mặt trong thân tâm, trong thế giới và trong cuộc sống này, tất cả chỉ xoay quanh Ngũ uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) và tâm chấp trước đối với Ngũ uẩn mà thôi.* Điều này đã thể hiện rõ trong các bài kinh sau:

- **Kinh Rohitassa 1 (Tăng I, 641)**

Thế Tôn nói với Thiên tử Rohitassa:

“*Này Hiền giả, trong cái thân dài độ mấy tấc này, với những tưởng, những tư duy của nó, Ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đến thế giới đoạn diệt*”.

- **Kinh Thế Giới Dục Công Đức (Tương IV, 164)**

(Trích đoạn)

“Tôn giả Ananda nói với các Tỷ-kheo như sau:

- Nay chư Hiền, do cái gì trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới, đây gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh.

Và nay chư Hiền, do cái gì trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới?

- Do con mắt, nay chư Hiền, trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới.*
- Do tai... Do mũi... Do lưỡi... Do thân...*
- Do ý, nay chư Hiền, trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới. Đây gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh.*

Nay chư Hiền... nếu muốn, chư Tôn giả hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích như thế nào, hãy như vậy thọ trì...

Các Tôn giả ấy vâng đáp Tôn giả Ananda, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

- Bạch Thế Tôn, với những lý do này, với những câu này, với những chữ này, ý nghĩa được Tôn giả Ananda giải thích cho chúng con...

- *Hiền trí, này các Tỷ-kheo, là Ananda. Đại tuệ, này các Tỷ-kheo, là Ananda! Này các Tỷ-kheo, nếu các Ông có hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như vậy, như Ananda đã trả lời. Đây là ý nghĩa của lời nói ấy. Hãy thọ trì như vậy”.*

• **Kinh Thế Giới (Tương II, 134)**

*“Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về **sự tập khởi** và **sự đoạn diệt của thế giới**. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.*

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới tập khởi?

- Do duyên con **mắt** và các **sắc**, nhãn **thức** khởi lên. Do ba cái tụ hợp, nên có **xúc**. Do duyên xúc nên có **thọ**. Do duyên thọ nên có **ái**. Do duyên ái nên có **thủ**. Do duyên thủ nên có **hữu**. Do duyên hữu nên có **sanh**. Do duyên sanh, nên có **già chết**, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Đây là thế giới tập khởi.
- Do duyên lỗ tai và các tiếng... Do duyên lỗ mũi và các hương... Do duyên lưỡi và các vị... Do duyên thân và các xúc...
- Do duyên ý với các pháp, ý thức khởi lên. Do ba cái tụ hợp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do duyên ái nên có thủ. Do duyên thủ nên có hữu. Do duyên hữu nên có sanh. Do duyên sanh nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não

sanh khởi. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự tập khởi của thế giới.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới đoạn diệt?

- *Do duyên con mắt và các sắc, nhãn thức khởi lên. Do ba cái tụ họp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên **thủ diệt**. Do thủ diệt nên **hữu** diệt. Do hữu diệt nên **sanh** diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Đây là sự đoạn diệt toàn bộ khổ uẩn này. Đây là thế giới đoạn diệt.*
- *Do duyên lỗ tai và các tiếng... Do duyên lỗ mũi và các hương... Do duyên lưỡi và các vị... Do duyên thân và các xúc...*
- *Do duyên ý và các pháp, ý thức sanh khởi. Do ba cái tụ họp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên **thủ diệt**. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Đây là sự đoạn diệt toàn bộ khổ uẩn này.*

Nay các Tỷ-kheo, đây là thế giới đoạn diệt”.

(Hết trích kinh)

Tóm lại, thông qua các bài kinh trên, Đức Phật gửi đến chúng ta một thông điệp rằng: Cái gọi là thế giới mà chúng ta đang sống đây chính là thế giới của Ngũ uẩn, Ngũ uẩn sanh khởi là thế giới sanh khởi, Ngũ uẩn đoạn diệt là thế giới đoạn diệt. Sự sanh khởi, sự tập khởi của căn, trần, thức, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chết sầu bi khổ ưu não. Đó là sự tập khởi của thế giới, sự sanh khởi của thế giới. Khi ly tham, đoạn diệt lòng tham ái đối với căn, trần, thức, xúc, thọ - tức là đoạn diệt lòng tham ái đối với Ngũ uẩn thì toàn bộ những nỗi đau khổ trên cuộc đời sẽ được chấm dứt, sẽ được đoạn diệt. Và khổ đoạn diệt tức là thế giới đoạn diệt.

Như vậy, các bài kinh trên đã làm sáng tỏ vấn đề: Thế giới này chính là thế giới của Ngũ uẩn, cuộc sống này chính là cuộc sống của Ngũ uẩn và tâm chấp thủ, chấp trước, dính mắc, bám víu, trói buộc với Ngũ uẩn. Khi thành tựu Trí về Ngũ uẩn cũng chính là thành tựu Trí về Thế giới.

Hành giả cũng có thể tìm hiểu thêm vấn đề trên trong các kinh như Kinh Thế Giới (*Tương IV*, 153), Kinh Biên Hoại (*Tương IV*, 95), Kinh Samiddhi 1 (*Tương IV*, 70), Kinh Thế Giới Dục Công Đức (*Tương IV*, 164), Kinh Các Bà-la-môn (*Tăng IV*, 182).

8.3 Trí về Ngũ uẩn liên hệ thế nào với toàn bộ tinh thần kinh Nikāya?

Trên mấy trăm chủ đề có trong công trình phân loại kinh Nikāya mà chúng tôi đã thực hiện đều có liên hệ đến Ngũ uẩn trong đó. Chúng tôi sẽ thử lấy vài chủ đề đầu trong vắn A trong phần phân loại Nikāya theo chủ đề để chúng ta thấy rõ điều được nêu ở trên.

Đầu **vắn A** có các chủ đề **Ác kiến, Ác ma, Ác pháp, Ác Tỷ-kheo, Ái, A-la-hán...** Vậy các chủ đề này có liên hệ thế nào với Trí về Ngũ uẩn?

- Vì tâm có vô minh, vô trí đối với Ngũ uẩn nên mới sanh ra ác kiến, ác ma, ác pháp, ác Tỷ-kheo, ái...
- Và vì tâm thành tựu trí về Ngũ uẩn, hết vô minh, hết vô trí đối với Ngũ uẩn nên có sự chứng ngộ A-la-hán quả. Đó là sự liên hệ giữa các chủ đề trên với Ngũ uẩn.

Tiếp nữa, chúng ta thử xem xét các chủ đề về **Nghiệp, phước, vô minh, năm cảnh giới** (địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, người và chư Thiên). Các chủ đề này liên hệ thế nào với Ngũ uẩn?

- Khi nói về Nghiệp và Phước: Do vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn nên đã làm những hành động thiện ác về thân, về lời, về ý, tạo ra nghiệp hoặc phước.
- Khi nói về Năm cảnh giới: gồm địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, người và chư Thiên thì năm cảnh giới này chính

là năm hình thức hiện hữu vậy khác của tâm chấp thủ đối với Ngũ uẩn mà thôi.

- *Khi nói về Vô minh*: Việc không thấy biết rõ về sự có mặt, sự vận hành và hoạt động của Ngũ uẩn trong nội tâm nên gọi là vô minh.

Như vậy, các vấn đề trên đều có liên hệ đến Ngũ uẩn. Chúng ta lại tiếp tục xem xét các chủ đề về ***thế giới, lậu hoặc, dục, ái, tham, sân, si, bản ngã***. Các chủ đề này liên hệ thế nào với Ngũ uẩn?

- *Khi nói về thế giới*: Trong một số bài kinh được nêu ở trên, Đức Phật đã nói rõ thế nào là thế giới, thế giới tập khởi, thế giới đoạn diệt, thế giới diệt đạo và đó cũng chính là Ngũ uẩn, Ngũ uẩn tập khởi, Ngũ uẩn đoạn diệt, Ngũ uẩn diệt đạo. Như vậy, khi nói về thế giới đó chính là nói về Ngũ uẩn.
- *Khi nói về lậu hoặc*: Do sự vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn mà các lậu hoặc sanh khởi.
- *Khi nói về dục*: Do sự vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn mà lòng dục đối với Ngũ uẩn sanh khởi.
- *Khi nói về ái*: Do sự vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn mà lòng ái đối với Ngũ uẩn sanh khởi.
- *Khi nói về tham, sân, si*: Do sự vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn mà lòng tham, lòng sân, lòng si đối với Ngũ uẩn sanh khởi.

- Khi nói về bản ngã: Do sự vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn mà bản ngã, cái tôi đối với Ngũ uẩn sanh khởi...

Tóm lại, trên mấy trăm chủ đề trong công trình phân loại kinh Nikāya mà chúng tôi đã phân loại được chính là những trí tuệ, những sự thật về Ngũ uẩn đã được Đức Phật thấy biết, được Đức Phật chứng ngộ, và Ngài đã trình bày, đã chỉ dẫn để cho chúng sanh cũng được thấy biết, được chứng ngộ các sự thật này. Như vậy, **toàn bộ tinh thần Nikāya chính là sự biểu lộ Trí về Ngũ uẩn mà Đức Phật đã thành tựu.**

8.4 Vì sao Tinh thần Nikāya chính là Trí về Ngũ uẩn?

Trong kinh Thủ Chuyển (*Tương III, 111*), Đức Phật đã tuyên bố như sau:

*“Này các Tỷ-kheo, **khi nào Ta chưa** như thật thắng tri Năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, thì cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*

*Nhưng này các Tỷ-kheo, **khi nào Ta đã** như thật thắng tri Năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài*

Người, Ta xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”.

Như vậy, sự chứng ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác của Đức Phật chính là sự chứng ngộ trọn vẹn Trí về Ngũ uẩn. Và Trí về Ngũ uẩn là Trí về thân tâm, Trí về cuộc sống. Chúng sanh do vô minh, vô trí đối với thân tâm này và cuộc sống này nên phải triền miên trong sanh tử, phiền não và khổ đau. Còn Đức Phật, Ngài nhờ thành tựu trí về thân tâm và cuộc sống này nên Ngài chấm dứt được những đau khổ vì thân, chấm dứt được những đau khổ vì cuộc sống. Sau khi được giải thoát khỏi xác thân đầy phiền não và cuộc sống đầy mệt mỏi này, Đức Phật đã chỉ dạy cho chúng sanh Trí về Ngũ uẩn để chúng sanh có thể vượt thoát khỏi những đau khổ, phiền não và mệt mỏi của cuộc sống. Như vậy, Trí về Ngũ uẩn là điều mà Đức Phật muốn trao truyền lại cho chúng sanh; Sự thật về Ngũ uẩn là điều mà Đức Phật muốn phơi bày cho thế giới, để cho chúng sanh trong thế giới này được thấy, được biết, được giác, được chứng những sự thật đang có mặt trong cuộc sống. Đó chính là lý do vì sao kinh Nikāya nhắc nhiều đến Ngũ uẩn, vì sao Trí về Ngũ uẩn là toàn bộ tinh thần kinh Nikāya, là toàn bộ những lời dạy, những lời thuyết giảng của Đức Phật.

Khi nào thành tựu Trí về Ngũ uẩn, hành giả có thể chiêm nghiệm vấn đề này, khi ấy hành giả có thể mở bất cứ bài kinh nào trong Nikāya để kiểm tra xem xét ý nghĩa. Hành

giả sẽ thấy rằng mỗi bài kinh trong Nikāya đều là trí tuệ thông suốt của Đức Phật về những góc độ, những khía cạnh nào đó của Ngũ uẩn, hoặc là sự thông suốt tất cả các khía cạnh, các góc độ về Ngũ uẩn.

Tóm lại, khi đã thấy biết rõ Ngũ uẩn trong nội tâm mình và khi đã thấy biết rõ Ngũ uẩn đang vận hành thế nào trong cuộc sống thì hành giả sẽ dễ dàng xuyên chuỗi lại ý nghĩa của tất cả những lời dạy của Đức Phật trong Đại Tạng Kinh Nikāya. Khi ấy, hành giả sẽ rõ biết rằng: ***Tinh thần chính của Nikāya chính là Trí về Ngũ uẩn, vì Trí về Ngũ uẩn là điều mà Đức Phật đã chứng ngộ và Ngài muốn truyền trao lại cho chúng sanh.*** Khi thấy biết rõ như vậy, trí tuệ của hành giả sẽ không bị tản mát, không bị phân tán, không bị lạc lối trong rừng kinh Nikāya.

8.5 Vì sao Đức Phật khai thị Trí về Ngũ uẩn cho chúng sanh?

Chúng sanh bị sanh tử luân hồi, bị phiền não khổ đau chính là do không thấy biết rõ về sắc, thọ, tưởng, hành, thức rồi tham ái, sân hận, trói buộc, dính mắc đối với chúng. Dòng luân hồi sanh tử triền miên này có mặt, những phiền não triền miên này có mặt, tham sân si và bản ngã này có mặt, chính là do tâm này bị vô minh, vô trí đối với Ngũ uẩn. Do tâm không thấy biết rõ về Ngũ uẩn nên tham muốn, thèm khát, sân hận, si mê, ngã mạn đối với Ngũ uẩn.

Vì muốn giúp cho chúng sanh thoát khỏi luân hồi sanh tử, vì muốn giúp cho chúng sanh xa lìa phiền não khổ đau, vì muốn giúp cho chúng sanh nhiếp phục được những thèm khát, sân hận và si mê đối với Ngũ uẩn nên Đức Phật đã giảng giải, trình bày, khai thị, khai mở Trí về Ngũ uẩn cho chúng sanh, khai mở con mắt tâm cho chúng sanh, giúp chúng sanh nhìn thấy rõ Ngũ uẩn, nhìn thấy rõ mọi hành tướng của Ngũ uẩn và nhìn thấy rõ bản chất của Ngũ uẩn.

Khi chúng sanh thấy biết rõ Ngũ uẩn, thấy biết rõ nhân duyên chúng sanh khởi, nhân duyên chúng hoại diệt và những phiền não mệt mỏi mà chúng tạo ra. Khi đó, tâm hôn mê này sanh khởi sự nhầm chán, sự chán ngán, sự ngaongán đối với Ngũ uẩn. Nhờ vậy, tâm hôn mê này sẽ dần nhả ra những tham ái, dính mắc, bám víu, trói buộc vào Ngũ uẩn.

Khi tâm nhả ra những tham ái bám víu vào Ngũ uẩn thì những tham muốn, thèm khát, sân hận và si mê đối với Ngũ uẩn sẽ được diệt tận.

Khi những tham muốn, sân hận và si mê đối với Ngũ uẩn được diệt trừ một cách hoàn toàn thì tâm được giải thoát hoàn toàn khỏi Ngũ uẩn.

Tâm được giải thoát hoàn toàn khỏi Ngũ uẩn, tức là tâm được giải thoát hoàn toàn khỏi mọi sự chi phối, áp bức, khống chế, quấy nhiễu của Ngũ uẩn, tâm được giải thoát

hoàn toàn khỏi dục, ái, tham, sân, si, ngã mạn đối với Ngũ uẩn.

Khi tham sân si đối với Ngũ uẩn được diệt tận, tâm sẽ không còn tạo ra, không còn tìm đến, không còn chui vào những Ngũ uẩn vô thường, vô ngã, vô tình, vô nghĩa, trống rỗng, trống không và đầy phiền não, mệt mỏi này.

Như vậy, vì thương chúng sanh, vì muốn giúp cho chúng sanh thoát khỏi phiền não trần lao, thoát khỏi trầm luân sanh tử mà Đức Phật đã khai thị, khai mở, truyền dạy Trí về Ngũ uẩn cho chúng sanh.

8.6 Cốt tủy của Nikāya

Như vậy, cốt tủy của Nikāya, hay tinh túy của Nikāya chính là “*Trí về Ngũ uẩn*”, và Trí về Ngũ uẩn chính là Trí về Cuộc sống, Trí về Thân tâm, Trí về Thế giới.

Làm sáng tỏ Bốn Sự Thật về thân tâm, hay giảng giải Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn, những vấn đề liên hệ đến Năm thủ uẩn và phương pháp tu tập để đi đến sự xả bỏ hoàn toàn mọi dính mắc, trói buộc, chấp thủ đối với năm uẩn - đó là nội dung chính của kinh Nikāya. Trí về Ngũ uẩn là điều mà Đức Phật muốn trao truyền lại, muốn chỉ dẫn lại cho chúng sanh. Không những nhiều bài kinh trong Nikāya nhắc đến Ngũ uẩn mà toàn bộ tinh thần của Nikāya cũng chính là Trí về Ngũ uẩn. Vì sao? Vì dù rằng về mặt ngôn ngữ thì một số bài kinh trong Nikāya không nhắc đến danh từ Ngũ uẩn,

nhưng nếu khéo nhìn thì chúng ta sẽ thấy rõ những vấn đề được nói đến trong những bài kinh đó có liên hệ với Ngũ uẩn, Ngũ uẩn ẩn hiện trong đó, Trí về Ngũ uẩn tỏa sáng trong đó.

Và còn vô số những điều về Ngũ uẩn mà Đức Phật đã thấy biết nhưng Ngài không nói ra cho chúng ta biết. Vì sao? Vì những sự thấy biết đó về Ngũ uẩn không mang lại lợi ích cho chúng sanh, không giúp chúng sanh giải quyết được những phiền não, mệt mỏi, trói buộc trong cuộc sống, không giúp chúng sanh tự nhìn thấy được những tham sân si bản ngã đang diễn ra trong thân tâm này và không giúp chúng sanh vượt thoát khỏi lưới của luân hồi sanh tử. Vì vậy, Đức Phật không nói ra tất cả những thấy biết của Ngài về thế giới Ngũ uẩn, Ngài không nói ra những điều không cần thiết phải biết về thế giới Ngũ uẩn. Ngài chỉ nói ra những thấy biết về Ngũ uẩn mà một người tu cần phải thấy biết để tiến hành tu tập thân tâm, nhiếp phục thân tâm, diệt tận tham sân si đối với Ngũ uẩn, đào thải những rác bần, thanh lọc những cấu uế trong tâm, thể nhập sự trong sạch, thanh tịnh, bình an, Niết-bàn, giải thoát.

8.6.1 Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn

Tóm lại, gần mười lăm năm tiếp xúc với Nikāya, làm công việc phân loại kinh Nikāya và tu tập theo những lời dạy Chính thống của Đức Phật trong kinh Nikāya, chúng tôi

phát giác, phát hiện ra: Điều mà Đức Phật muốn chỉ dạy chính là **Sự khai mở Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn cho chúng sanh.**

- Thánh Trí thứ nhất: *Sự chấp thủ Ngũ uẩn là phiền não và khổ đau.*
- Thánh Trí thứ hai: *Ngũ uẩn sanh khởi là do vô minh và khát ái.*
- Thánh Trí thứ ba: *Ngũ uẩn diệt tận là khi hết vô minh và hết khát ái.*
- Thánh Trí thứ tư: *Phương Pháp Tám Đúng là phương pháp chân chánh, là con đường chân chánh đưa đến diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.*

Đó là Bốn Thánh Trí, Bốn trí tuệ mà Đức Phật muốn khai thị, khai mở, giảng dạy, truyền trao cho cuộc đời này.

Bên cạnh nội dung chính yếu trên, trong kinh Nikāya còn có những bài kinh liên hệ đến đời sống của Đức Phật, quá trình tu tập và chứng đắc của Ngài, và những vấn đề về Ngũ uẩn mà Đức Phật thấy rằng khi Ngài nói ra thì nó sẽ mang đến lợi ích cho chúng sanh. Bên cạnh đó, còn có những bài kinh liên hệ đến những vị Thánh đệ tử tại gia và xuất gia của Đức Phật, và một số vấn đề liên hệ đến thế giới Ngũ uẩn rộng lớn này. Nhưng nhìn chung, tất cả những bài kinh này đều nhằm làm sáng tỏ Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn, nhằm khẳng định các giá trị thiết thực, các giá

trị chân thật của Bốn Sự Thật mà Đức Phật đã chứng đạt và đã đem trình bày cho chúng sanh, vì lợi ích cho chúng sanh, vì lòng từ mẫn đối với chúng sanh, vì lòng lân mẫn đối với đời.

8.6.2 Thánh Trí thứ nhất

Thánh trí thứ nhất: “Sự chấp thủ Ngũ uẩn là phiền não và khổ đau”. Điều này có nghĩa là những phiền não và đau khổ trên cuộc đời này chính là sự chấp thủ đối với Ngũ uẩn.

Trong kinh Nikāya, Đức Phật nói: “Năm thủ uẩn này là khổ”. Năm thủ uẩn là danh từ Hán Việt nên hơi khó hiểu, vì vậy để giúp cho người Việt chúng ta sáng tỏ câu kinh trên, chúng tôi xin mạo muội giải thích câu trên theo nghĩa thuần Việt như sau: *Tâm chấp trước đối với năm nhóm sắc, thọ, tưởng, hành, thức là phiền não và khổ đau*. Hay nói ngắn gọn thì đó chính là: Sự chấp thủ năm uẩn là phiền não và khổ đau. Đó là ý nghĩa câu kinh: “Năm thủ uẩn này là khổ”.

Như vậy, Trí tuệ thứ nhất mà Thánh nhân, hay Đức Phật muốn truyền trao cho cuộc đời này, muốn khai sáng cho cuộc đời này chính là: Tâm cố chấp, tâm bảo thủ, tâm muốn nắm giữ hay tâm chấp thủ những sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô thường này là phiền não và khổ đau.

8.6.2.1 Thế nào là “Sự chấp thủ Ngũ uẩn”?

Chấp thủ là sự cô chấp, bảo thủ hay sự chấp trước, sự nắm giữ điều gì đó, cái gì đó trong thân tâm và trong cuộc sống. Vậy thế nào là chấp thủ Ngũ uẩn?

Ghét nhau hay thương nhau trên cuộc đời này đó chính là Ngũ uẩn ghét Ngũ uẩn, hay Ngũ uẩn thương Ngũ uẩn, hay Ngũ uẩn dính mắc đối với Ngũ uẩn. Đó chính là chấp thủ Ngũ uẩn.

Tâm ganh tỵ, tật đố, ích kỷ, hẹp hòi với nhau, đó chính là Ngũ uẩn ganh tỵ với Ngũ uẩn, Ngũ uẩn tật đố, ích kỷ, hẹp hòi với Ngũ uẩn, hay Ngũ uẩn dính mắc đối với Ngũ uẩn. Đó chính là chấp thủ Ngũ uẩn.

Ngã mạn, kiêu mạn, ta đây, hơn thua, sân hận, thù hận nhau, đó chính là Ngũ uẩn bản ngã với Ngũ uẩn, Ngũ uẩn kiêu mạn, ta đây, hơn thua, sân hận, thù hận Ngũ uẩn, hay Ngũ uẩn dính mắc đối với Ngũ uẩn. Đó chính là chấp thủ Ngũ uẩn.

Thương thân này, muốn nắm giữ thân này, thương thân của người, muốn nắm giữ thân của người. Đó chính là chấp thủ Ngũ uẩn.

Yêu thích dâm dục đối với thân này, thèm khát thân này, khao khát thân này, thích đụng chạm, cọ quẹt, sờ mó, sờ nắm, xúc chạm đối với thân này, đối với người, cảnh, vật

xung quanh. Đó chính là sự chấp trước, chấp thủ đối với Ngũ uẩn.

Buồn, vui, thương, ghét, được, mất, có, không, nhục, vinh, phải, quấy đối với các Ngũ uẩn. Đó chính là chấp thủ Ngũ uẩn.

Tâm bị Ngũ uẩn ám ảnh, bị Ngũ uẩn trói buộc. Đó chính là chấp thủ Ngũ uẩn.

Tóm lại, tâm dính mắc, bám víu, trói buộc, muốn nắm giữ những sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong cuộc sống này đó gọi là chấp thủ Ngũ uẩn. Và tâm dính mắc, trói buộc, chấp trước Ngũ uẩn như vậy là phiền não và khổ đau.

8.6.2.2 Thế nào là “Phiền não và khổ đau”?

Tâm dính mắc, chấp trước trước những buồn vui, thương ghét, được mất, có không đối với các Ngũ uẩn trong cuộc đời, tâm như vậy là mệt mỏi, bất an, lo sợ, dao động, không định tĩnh. Tâm mệt mỏi, bất an như vậy được gọi là tâm bị phiền não, bị khổ. Tâm bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết trong các thân Ngũ uẩn vô thường, tạm bợ, mong manh này đó là bị phiền não, bị khổ.

Đó là ý nghĩa của câu: Sự chấp thủ Ngũ uẩn là phiền não và khổ đau. Đây cũng chính là sự thật của cuộc sống này. Đây chính là sự thật đang có mặt trong mỗi chúng sanh.

Chúng sanh đang chịu đựng những mệt mỏi, bất an, lo sợ, phiền não với một nội tâm dính mắc, bám víu, trói buộc vào Năm uẩn. Chúng sanh đang mệt mỏi với những sắc thân bị sanh, bị già, bị bệnh và bị chết này. Chúng sanh đang mệt mỏi với những cảm giác cảm thọ, những tưởng, những hành được sanh khởi từ trong sự dính mắc đối với những sắc, thanh, hương, vị, xúc bên ngoài và những pháp sanh diệt trong nội tâm. Chúng sanh đang mệt mỏi với những sự hay biết, rõ biết trong nội tâm, mở đường cho sự sanh khởi và thao túng thân tâm của những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã. Chúng sanh vì sự si mê, dính mắc, trói buộc đối với Ngũ uẩn nên phải chịu đựng những nỗi thống khổ về sanh già bệnh chết, chịu đựng sự áp bức, không chế của dục, ái, tham, sân, si.

Và dưới sự áp bức không chế của dục, ái, bản ngã, tham, sân, si... chúng sanh làm những hành nghiệp bất thiện, sát nhân, vô lương tâm, vô đạo đức, đưa đến khổ mình, khổ người, khổ ở hiện tại và khổ ở tương lai. Đây chính là sự thật của cuộc sống. Đây chính là gương mặt thật của cuộc sống. Đây cũng chính là những gì đang diễn ra trong cuộc sống. Khi hành giả thấy biết rõ sự thật này, tức là hành giả đã thành tựu trí tuệ thứ nhất về cuộc sống. Nhưng muốn thấy biết rõ sự thật này, hành giả cần phải thấy biết rõ Ngũ uẩn, phải thấy biết rõ thế nào là chấp thủ Ngũ uẩn và phải thấy biết rõ những phiền não và khổ do sự chấp thủ Ngũ

uẩn đem lại. Khi tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng ba vấn đề này thì đây gọi là đã thể nhập Thánh Trí thứ nhất về tự thân và cuộc sống. Tức là thể nhập trí tuệ thấy biết rõ: *Sự chấp thủ Ngũ uẩn là phiền não và khổ*.

8.6.3 Thánh Trí thứ hai

“*Ngũ uẩn sanh khởi là do vô minh và khát ái*”, đây là Thánh trí thứ hai, là trí tuệ thứ hai mà bậc Thánh là Đức Phật muốn khai sáng, khai thị.

Khi tu tập nhận diện Ngũ uẩn, hành giả sẽ đi đến sự thành tựu Trí về Ngũ uẩn. Khi sự thấy biết Ngũ uẩn được thiện xảo, hành giả sẽ đi đến sự phát giác, phát hiện ra vô minh, lậu hoặc trong tự thân. Trí về vô minh, lậu hoặc trong hành giả sẽ sanh khởi và đi đến thành tựu, hành giả sẽ thấy biết rõ Ngũ uẩn này sanh khởi là do tâm bị vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn, tâm bị khát ái đối với Ngũ uẩn. Hành giả sẽ tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng vấn đề thế nào là vô minh duyên hành, vô minh duyên lậu hoặc.

Khi tự thân thực thấy, thực biết như vậy, đây gọi là hành giả thành tựu Thánh trí thứ hai về tự thân và cuộc sống. Tức là hành giả thành tựu trí tuệ thấy biết rõ: *Ngũ uẩn này sanh khởi là do vô minh và khát ái*.

8.6.4 Thánh Trí thứ ba

Khi vô minh duyên hành được hành giả thực thấy, thực biết; khi vô minh duyên lậu hoặc được hành giả thực thấy, thực biết; khi hành tướng của khát ái được hành giả thực thấy, thực biết. Khi ấy, hành giả sẽ đi đến sự thấy biết rõ ràng khi hết vô minh, hết khát ái, khi vô minh và khát ái bị diệt tận, tâm không còn thèm khát, thèm muốn, khao khát, yêu thích, ám ảnh, dính mắc, trói buộc đối với các Ngũ uẩn thì sự sanh khởi ra những thân Ngũ uẩn vô thường, sanh diệt này sẽ được chấm dứt.

Khi tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng điều này, đây gọi là hành giả thành tựu Thánh Trí thứ ba về tự thân và cuộc sống. Tức là hành giả thành tựu trí tuệ thấy biết rõ: *Ngũ uẩn này đoạn diệt là khi hết vô minh và hết khát ái.*

8.6.5 Thánh Trí thứ tư

Khi thành tựu Trí về Ngũ uẩn, thấy biết rõ duyên sanh khởi và duyên diệt tận của Ngũ uẩn, hành giả sẽ đi đến sự thành tựu trí tuệ thấy biết rõ rằng: Phương pháp tu tập chân chánh để đi đến diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn đó chính là hành giả phải thấy biết đầy đủ, thấy biết chân thực, thấy biết đúng pháp, thấy biết tất cả mọi góc độ, mọi khía cạnh về Ngũ uẩn thì hành giả mới có thể đi đến sự thấy biết

rõ vô minh, lậu hoặc và khát ái nằm trong Ngũ uẩn. Từ đó, hành giả mới có thể đi đến sự nhiếp phục, sự diệt tận vô minh, lậu hoặc và khát ái đối với Ngũ uẩn. Tức là, từ sự thấy biết rõ vô minh, lậu hoặc, khát ái đối với Ngũ uẩn thì thân, khẩu, ý, cách nuôi mạng, cách tinh tấn, cách quán niệm, cách định tâm của hành giả sẽ hướng đến sự nhiếp phục và diệt tận vô minh, lậu hoặc, tham sân si đối với Ngũ uẩn. Hành giả thấy biết rõ phải có một sự thấy biết chân chánh như vậy về Ngũ uẩn và phải có một sự điều chỉnh thân tâm hướng vào một đời sống chân chánh như vậy để nhiếp phục và diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn thì vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn mới có thể bị diệt tận.

Hành giả thấy biết rõ: Nếu không có sự thấy biết đúng, không thấy biết đầy đủ, không thấy biết trọn vẹn tất cả mọi góc độ, mọi khía cạnh về Ngũ uẩn thì không thể đi đến sự thấy biết trọn vẹn về vô minh, lậu hoặc và khát ái đối với Ngũ uẩn. Khi không có sự thấy biết trọn vẹn về vô minh, lậu hoặc và khát ái đối với Ngũ uẩn thì không có thể đi đến sự nhiếp phục, sự diệt tận vô minh, lậu hoặc và khát ái đối với Ngũ uẩn. Tức là, từ sự không thấy biết rõ vô minh, lậu hoặc, khát ái đối với Ngũ uẩn thì thân, khẩu, ý, cách nuôi mạng, cách tinh tấn, cách quán niệm, cách định tâm của hành giả sẽ không hướng đến sự nhiếp phục và diệt tận vô minh, lậu hoặc, tham sân si đối với Ngũ uẩn.

Như vậy, hành giả tự xác quyết rõ với tự thân rằng: nếu không có sự thấy biết chân chánh, thấy biết đầy đủ về Ngũ uẩn thì không thể có sự thấy biết rõ vô minh và lậu hoặc. Nếu không có sự thấy biết rõ vô minh và lậu hoặc thì không thể có sự điều chỉnh thân tâm hướng vào một đời sống chân chánh đúng pháp để nhiếp phục và diệt tận vô minh, lậu hoặc và khát ái đối với Ngũ uẩn. Khi tự thân tự xác quyết rõ như vậy, khi tự thân thực thấy, thực biết, thực giác ngộ về phương pháp duy nhất, con đường độc nhất đưa đến sự diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn như vậy, đây gọi là hành giả thành tựu Thánh Trí thứ tư. Tức là thành tựu trí tuệ thấy biết rõ: Phương Pháp Tám Chánh hay Bát Chánh Đạo là phương pháp chân chánh, là đạo lộ chân chánh, là pháp hành chân chánh và cũng là pháp hành duy nhất, đạo lộ duy nhất đưa đến sự diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.

Trong Pháp Tám Chánh này thì Ba Mươi Bảy Bồ-đề phân là những pháp kết cấu chặt chẽ, phối hợp chặt chẽ trong Pháp Tám Chánh để bủa vây tham sân si, bủa vây vô minh, đắm thũng vô minh, diệt tận vô minh, diệt tận bản ngã, diệt tận lậu hoặc và khát ái đối với Ngũ uẩn.

8.7 Chiếc chìa khóa vàng

Tóm lại, Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn là nội dung chính yếu của bộ kinh, là cốt tủy của bộ kinh, là tinh hoa của bộ kinh.

Bốn Thánh Trí này là “*Chiếc chìa khóa vàng, chiếc chìa khóa vạn năng*” để mở tất cả những trí tuệ mà Đức Phật muốn chỉ dạy, muốn truyền trao cho người con Phật trong kinh tạng Nikāya. Nếu không nắm vững cốt tủy, tinh hoa này của Nikāya, không nắm vững chiếc chìa khóa vàng này mà bước vào Nikāya thì hành giả như bước vào rừng của kinh điển, không tìm được chân đứng cho mình, không thấy được đường ra, không đạt được lợi ích khi có duyên lành gặp được Thánh pháp, bản thân không thể nhập vào Thánh đạo, không thành tựu Thánh quả.

Với chiếc chìa khóa vàng, chìa khóa vạn năng này khi hành giả khéo vận dụng, khéo thể nhập, khéo thuần thục, hành giả sẽ có được bí kíp để mở tung, để phá vỡ, để lật tẩy tất cả các loại kinh điển thật giả có mặt trên cuộc đời này. Mọi giả tạo, giả mạo, ngụy tạo, dối trá, si mê của các loại kinh sách thiếu chân thật, thiếu trí tuệ, vô minh, si ám trên cuộc đời này sẽ bị hành giả thấy biết, vạch mặt, lật tẩy và phơi bày chúng ra trước ánh sáng, làm cho chúng lộ diện tánh ngụy tạo, tánh giả mạo, dối trá, lường gạt, si ám của chúng.

Với chiếc chìa khóa vàng, chìa khóa vạn năng này, khi hành giả khéo vận dụng, khéo thấy biết, khéo tu tập, khéo thực hành, hành giả sẽ có thể mở được tất cả mọi cánh cửa bí ẩn của cuộc đời, hành giả có thể phá tung mọi ngõ cụt, mọi lối bí, mọi chỗ tối tăm u ám của cuộc sống.

Với chiếc chìa khóa vàng này khi khéo vận dụng, khéo thấy biết, khéo tu tập, khéo thực hành, hành giả sẽ mở được tất cả những cánh cửa đã khép kín hằng vô lượng năm của tham dục, tham ái, sân hận, si mê. Hành giả sẽ phá tung tất cả những bản lề, ổ khóa của tham, sân, si, bản ngã; hành giả sẽ có cơ hội thoát ra khỏi tham sân si, vô minh và khát ái.

Với chiếc chìa khóa vàng này khi khéo vận dụng, khéo thấy biết, khéo tu tập, khéo thực hành, hành giả sẽ mở được những cánh cửa khóa chặt của địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, người, trời; hành giả sẽ có cơ hội được thoát ra khỏi những cảnh giới vô thường, tạm bợ, nhưng đầy phiền não và đau khổ này.

Với chiếc chìa khóa vàng này khi khéo vận dụng, khéo thấy biết, khéo tu tập, khéo thực hành, hành giả sẽ trở thành bậc anh hùng, bậc chiến thắng. Hành giả sẽ có thể chiến thắng tham sân si, chiến thắng bản ngã, chiến thắng dục vọng, chiến thắng vô minh, chiến thắng lậu hoặc và khát ái.

Với chiếc chìa khóa vàng này khi khéo vận dụng, khéo thấy biết, khéo tu tập, khéo thực hành, hành giả sẽ có thể vượt phàm chứng Thánh, từ bỏ địa vị của kẻ phàm phu, kẻ bị vô minh si ám trói buộc và bước lên địa vị của Thánh nhân, địa vị của chư vị Thánh đệ tử trong hàng “Bốn đôi tám chúng”, Thánh chúng đệ tử của Đức Phật.

Với chiếc chìa khóa vàng này khi khéo vận dụng, khéo thấy biết, khéo tu tập, khéo thực hành, hành giả sẽ có thể làm dừng lại những dòng nước mắt triền miên trong phiền não và khổ đau, trong oan nghiệt và cay đắng, hành giả sẽ có thể làm dừng lại và làm chấm dứt dòng trầm luân sanh tử.

Tóm lại, Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn là chiếc chìa khóa vàng, chìa khóa vạn năng để mở tất cả mọi cánh cửa của vô minh si ám trong cuộc đời này. Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn giúp hành giả giải mã cuộc sống, giải mã thân tâm, giải mã những chướng ngại trong cuộc sống, giải mã dòng trầm luân sanh tử, giải mã bản ngã, giải mã phiền não khổ đau, giải mã tham sân si, vô minh và lậu hoặc. Khi hành giả khéo vận dụng, khéo thấy biết, khéo tu tập, khéo thực hành Bốn Thánh Trí này hành giả sẽ có thể đâm thủng vô minh, diệt tận mọi nhiễm ô lậu hoặc trong nội tâm, làm dừng lại dòng chảy của trầm luân sanh tử, bước vào bất tử, bước vào sự thanh tịnh trong sạch của nội tâm, vượt thoát khỏi tất cả những phiền não, diệt trừ tất cả những khổ ưu, thành tựu trí tuệ chân chánh về tự thân, chứng ngộ sự tịch lặng Niết-bàn, giải thoát khỏi sanh tử.

Do vậy, người con Phật hay những người đến với đạo Phật, hay những người đang tìm kiếm cho mình sự thật của cuộc sống, sự bình yên trong cuộc sống, sự giải thoát khỏi những trần lao phiền não trong cuộc sống; những người đang tìm kiếm cho mình sự đạt được một nội tâm trong sạch, lắng

dịu, hết sạch tham sân si, dục vọng, bản ngã; những người đang tìm kiếm cho mình một trí tuệ, một đạo lộ đi đến chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ đau thì tất cả hãy tìm hiểu thật kỹ giá trị, tác dụng, lợi ích và công năng của chiếc chìa khóa vàng này. Các hành giả hãy khéo léo nắm thật chặt chiếc chìa khóa vạn năng để tự thân có thể mở được những cánh cửa tâm tối trong cuộc đời, bước ra với ánh sáng, bước ra với mặt trời, đạt được mục đích chân chánh cao đẹp mà các bậc trí, các bậc Thánh nhân đã đạt được, đã chứng đắc, đã thành tựu.

8.8 Chiếc bè qua sông

Trong bài kinh Ví Dụ Con Rắn (Trung I, bài 22), Đức Phật đã nói như sau: *“Ta giảng pháp ví như chiếc bè đưa người qua sông, pháp còn phải bỏ, hà huống là phi pháp”*. Câu nói này có nghĩa là những điều chân chánh mà Đức Phật đã giảng dạy ví như chiếc bè đưa người vượt qua dòng sông sanh tử. Người muốn vượt qua dòng sông sanh tử thì cần phải sử dụng chiếc bè này, tức là cần phải tu tập thành tựu những trí tuệ chân chánh và thực hành một đời sống với Tám sự chân chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy thì mới có thể vượt qua dòng sông vô minh, dòng sông sanh tử. Khi qua sông rồi thì những trí tuệ thấy biết tự thân đã chân chánh giải thoát, trí tuệ này cũng phải buông bỏ, hà huống chi là sự buông bỏ những tà kiến, tà đạo, tà nhân, tà pháp. Đây

gọi là *Giải Thoát Tri Kiến* trong Giới - Định - Tuệ - Giải Thoát và Giải Thoát Tri Kiến.

Người tu đạo cần nắm vững tiến trình đi đến *Giải Thoát Tri Kiến*, nắm vững thời điểm pháp còn phải buông bỏ để không buông bỏ pháp, không buông bỏ chiếc bè khi bản thân còn chưa vượt qua được dòng sông sanh tử.

Tóm lại, Pháp Tám Chánh hay Giới - Định - Tuệ chính là chiếc bè mà Đức Phật đã chỉ dạy để người thực hành đi đến sự vượt thoát sanh tử, chấm dứt khổ đau. Người tu đạo, người con Phật, hay những người đang tìm cầu sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt phiền não khổ đau, tất cả cần ôm chặt chiếc bè này, cần tìm được một chỗ vững chắc trên chiếc bè này khi đang còn trong biển sanh tử, khi tự thân chưa vượt thoát được biển sanh tử, chưa qua khỏi biển sanh tử.

8.9 Pháp còn phải bỏ, hà huống Phi pháp

8.9.1 Kinh Ví Dụ Con Rắn (Trung, bài 22)

(Trích đoạn)

... Tỷ-kheo tên Arittha, khởi lên ác tà kiến cho rằng: “Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chương ngại pháp, thật sự không có chương ngại gì”.

Thế Tôn cho gọi Tỷ-kheo Arittha đến và hỏi:

– *Này Arittha, có thật chẳng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau: “Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chương ngại pháp, thật sự không có chương ngại gì?”*

– *Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu, thật sự không có chương ngại gì.*

– *Này kẻ ngu si kia, sao Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy? Này kẻ ngu si kia, có phải chẳng, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp, và những ai thọ dụng chúng tự đủ bị chương ngại?*

Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, náo nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục được ví như khúc xương... ví như miếng thịt... ví như bó đuốc cỏ khô... ví như hố than hồng... ví như cơn mộng... ví như vật dụng cho mượn... ví như trái cây... ví như lò thịt... ví như gậy nhọn... Ta đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, náo nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

Và này kẻ ngu si kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ ngu si kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– *Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo Arittha này có thể khởi lên tia lửa sáng gì trong pháp luật này không?*

– *Bạch Thế Tôn, làm sao có thể được! Không thể được, bạch Thế Tôn.*

Được nói vậy, Tỷ-kheo Arittha im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng. Rồi Thế Tôn, sau khi biết được Tỷ-kheo Arittha đang im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng, bèn nói với Tỷ-kheo Arittha:

– *Này kẻ ngu si kia, người ta sẽ được biết Ông qua ác tà kiến của chính Ông. Ở đây, Ta sẽ hỏi các Tỷ-kheo.*

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– *Chư Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta thuyết giảng, giống như Tỷ-kheo Arittha này, không những đã xuyên tạc Ta vì đã tư chấp thủ sai lạc, mà còn tư phá hoại mình và gây nên nhiều tổn đức?*

– *Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết **chướng đạo pháp**, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chướng ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn, Thế Tôn đã thuyết các dục ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.*

– Lành thay, chư Tỷ-kheo! Lành thay, chư Tỷ-kheo! Các Ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy.

Chư Tỷ-kheo, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết **chương đạo pháp**, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chướng ngại. Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục ví như khúc xương... Ta đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Nhưng Tỷ-kheo Ariththa, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc mà còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu ngày cho kẻ ngu si ấy.

Thật sự, này các Tỷ-kheo, sự kiện này không xảy ra, người ta có thể thọ dụng các dục ngoài các dục, ngoài các dục tưởng, ngoài các dục tâm.

...Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn, và người đó bắt con rắn ấy ở lưng hay ở đuôi. Con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó nơi tay, nơi cánh tay hay ở một phần nào khác của cơ thể, và người đó có thể do nhân này mà bị chết hay bị đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì nắm bắt con rắn một cách sai lạc.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có một số người ngu si học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. Sau khi học các pháp này, họ không quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa không được trí tuệ quán sát, nên không trở thành rõ ràng. Họ học các pháp chỉ vì lợi ích muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích muốn khoái khẩu biện luận, và họ không đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy vì nắm giữ sai lạc nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nắm giữ sai lạc các pháp.

...Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn. Người đó có thể khéo đề con rắn nước với cây gậy có nặng. Sau khi khéo đề với cây gậy có nặng, người đó có thể khéo nắm giữ cổ rắn. Chư Tỷ-kheo, dầu cho con rắn nước ấy có thể cuốn thân nó xung quanh tay, hay cánh tay, hay một thân phần nào khác, người đó cũng không vì nhân duyên ấy đi đến chỗ chết hay đến sự đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ con rắn nước vậy.

Cũng vậy, ở đây, này các Tỷ-kheo, một số Thiện nam tử học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp,

Phương quảng. Sau khi học các pháp này, họ quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa được trí tuệ quán sát, nên trở thành rõ ràng. Họ học pháp không vì lợi ích muốn chỉ trích người khác, không vì lợi ích muốn khoái khẩu biện luận, và họ đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy, vì khéo nắm giữ, nên đưa họ đến hạnh phúc, an lạc lâu dài. Vì sao vậy? Đây các Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng và thọ trì như vậy. Nếu có ai không hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng thì ở nơi đây, các Ông hãy hỏi Ta hay hỏi những bậc Tỷ-kheo trí thức.

Chư Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng pháp cho các Ông, ví như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Đây các Tỷ-kheo, ví như có người đang đi trên con đường lớn dài, đến một vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Người đó tự suy nghĩ: “Đây là vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên

kia an ổn và không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Nay ta hãy thu góp cỏ, cây, nhánh, lá, cột lại thành chiếc bè, và dựa trên chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn”. Chư Tỷ-kheo, rồi người đó thu góp cỏ, cây, nhánh, lá cột lại thành chiếc bè, và nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Khi qua bờ bên kia rồi, Người đó suy nghĩ: “Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta, nhờ chiếc bè này, ta tinh tấn dùng tay chân để vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy đội chiếc bè này trên đầu hay vác nó trên vai, và đi đến chỗ nào ta muốn”. Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Chư Tỷ-kheo, nếu người đó làm như vậy, thì có làm đúng với sử dụng của chiếc bè chăng?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, người đó phải làm thế nào cho đúng sử dụng của chiếc bè?

Ở đây, chư Tỷ-kheo, người đó sau khi vượt qua bờ bên kia, có thể suy nghĩ: “Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta. Nhờ chiếc bè này, ta tinh tấn dùng tay chân **đã vượt qua** bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy kéo chiếc bè này lên trên bờ đất khô, hay nhận chìm xuống nước, và đi đến chỗ nào ta muốn”. Chư Tỷ-kheo, làm như vậy, người đó làm đúng sử dụng chiếc bè ấy. Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo,

Ta thuyết pháp như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy. Chư Tỷ-kheo, các Ông cần hiểu ví dụ cái bè... Chánh pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp”.

(Hết trích đoạn)

8.9.2 Có thể hưởng dụng mà không dính mắc không?

Tóm lại, trong bài kinh trên, Tỷ-kheo tên Arittha, vị này khởi lên ác tà kiến cho rằng: “*Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chương ngại pháp, thật sự không có chương ngại gì*”.

Khi nghe Tỷ-kheo này có ác tà kiến như vậy, Đức Phật đã quả trách Tỷ-kheo ấy:

“Này kẻ ngu si kia, sao Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy? Này kẻ ngu si kia, có phải chẳng, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp.

Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục được ví như khúc xương... ví như miếng thịt... ví như bó đuốc cỏ khô... ví như hồ than hừng... ví như cơn mộng... ví như vật dụng cho mượn... ví như trái cây... ví như lò thịt... ví như gậy nhọn... Ta đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

Và này kẻ ngu si kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ ngu si kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông”.

Như vậy, Tỷ-kheo này cho rằng việc thọ hưởng các dục là không có chương ngại cho người tu. Quan niệm như vậy vì vị này không biết rằng **“người ta không có thể thọ dụng các dục ngoài các dục, ngoài các dục tưởng, ngoài các dục tâm”**. Đó là điều Đức Phật đã tuyên bố trong Kinh VíDụ Con Rắn nói trên. Điều này có nghĩa là *“không có chuyện một người thọ hưởng các dục mà không có lòng dục trong tâm, không có dục tưởng, dục tâm trong tâm”*.

Khi một người thọ hưởng các dục nhưng lại nói là “tôi không có dính mắc trong đó, tôi không có dục trong đó”, nói như vậy là biện luận, xảo ngôn, dối trá, vô minh. Một người chỉ có thể thọ dụng các dục khi người ấy có sự muốn điều đó, có dục tưởng về điều đó, có tâm đi tìm kiếm (dục tâm) điều đó. Câu nói này của Đức Phật đã vạch trần tất cả những sự gian trá, dối trá trong những hình thức tu hành nhưng phá giới, không đức hạnh, sống hưởng các dục lạc, uống rượu, tà dâm nhưng lại bảo là làm như vậy để độ người này, độ người kia.

Câu nói này của Đức Phật trong Phật giáo ngày nay là rất quan trọng, giúp cho người con Phật sáng tỏ trước những

hình tướng tu hành nhưng bất chánh, phá giới, sống ẩn nấp trong đạo Phật, trá hình trong hình thức đệ tử Phật nhưng sống hưởng thụ dục lạc, không từ bỏ những hành động dâm dục hèn hạ bản thủ, như câu chuyện truyền thuyết bên Trung Hoa. Một thiền sư Trung Hoa muốn hành dâm với một cô Phật tử để cứu một vị sư huynh đệ, vị sư này nói rằng nằm mơ thấy ông sư huynh đệ vừa mạng chung sẽ sanh làm con heo nên bây giờ vị sư này phải hành dâm với cô Phật tử này để cho vị sư huynh đệ kia được sanh làm người nhờ vào bụng cô Phật tử này.

Những câu chuyện như vậy là xảo trá, lừa dối, nhằm che giấu hành vi dâm dục tội lỗi của vị dâm tăng và lừa gạt những người đến với đạo Phật nhưng không có chánh kiến. Vì sao nói như vậy? Vì trong thực tế người ta không thể hành dâm mà lòng không có dục bên trong, người ta không thể thọ hưởng các dục mà không có lòng dục trong tâm, không có dục tướng (sự tơ tưởng hưởng dục), không có dục tâm (sự hướng tìm các dục, hướng đến tìm cách thỏa mãn các dục). Đối với các bậc Thánh nhân, các bậc đã chứng quả Thánh, đã chứng A-la-hán quả thì việc hành dâm, dâm dục là điều không thể xảy ra. Vì sao? Vì lòng dục trong các Ngài đã hoàn toàn được đoạn diệt, dục lậu trong các Ngài đã hoàn toàn được diệt tận, vì vậy các Ngài hoàn toàn không thể có những hành động dâm dục. Điều

này đã được nói rõ trong các kinh như: Kinh Du Sĩ Sutavà (*Tăng IV*, 90), Kinh Thanh Tịnh (*Trường II*, bài 29).

Những câu chuyện như trên nhằm che đậy và dung túng những sự tu hành vô đạo đức, không đức hạnh, phá giới, đội lốt người tu. Những câu chuyện như trên là tung hỏa mù cho người con Phật, làm cho người Phật tử ngày nay không phân biệt được chánh tà, đen trắng, đúng sai, phạm thánh. Thấy sai nhưng không dám nói, không dám bình luận, không dám trình bày. Thấy phạm giới, thấy phá giới nhưng không dám nghĩ đó là phạm giới, phá giới, vì cho rằng: “Biết đâu, đó là Thánh tăng đang phương tiện để hành đạo cứu đời”.

Vì vậy, để các pháp trắng đen được rõ ràng, để trạch pháp trong vấn đề này, chúng ta sẽ cùng nghiền ngẫm các bài kinh sau:

- **Kinh Sàriputta** (*Tiểu III*, 444)

(Trích đoạn)

Một hôm, bậc Trưởng lão không chú tâm, để tâm ý rơi xuống. Một Sa-di nói: “Thưa Tôn giả, y cần phải đắp xung quanh thân mình”. Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm ý trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

Người không có uế nhiễm,

*Luôn tâm cầu thanh tịnh,
Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.*

(Hết trích đoạn)

• **Kinh Sen Hồng Hay Sen Trắng** (*Tương I, 449*)

1) Một thời, một Tỷ-kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

2) Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy ăn xong, trên con đường đi khát thực trở về, đi xuống hồ nước và ngửi bông sen hồng.

3) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tỷ-kheo, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác liền đi đến Tỷ-kheo.

4) Sau khi đến, vị Thiên ấy liền nói lên những bài kệ với Tỷ-kheo:

*Hoa này từ nước sanh,
Không cho, Ông ngửi trộm.
Như vậy một loại trộm,
Ta gọi “Ông trộm hương”,
Này thân hữu của ta.*

(Vị Tỷ-kheo):

*Không lấy đi, không bỏ,
Đứng xa, ta ngửi hoa,
Vây do hình tướng gì,*

Được gọi là “trộm hương”?

Ai đào rễ củ sen,

Ăn dùng các loại sen.

Do các hành động ấy,

Sao không gọi trộm hương?

(Vị Thiên):

Người ti tiện độc ác,

Như vãi nhóp vủ em,

Với hạng người như vậy,

Lời ta không liên hệ.

Nhưng chính thật cho Ông,

Chính lời ta tương ưng.

Với người không cấu uế,

Thường hướng cầu thanh tịnh.

Với kẻ ác nhìn thấy,

Nhỏ như đầu sợi lông,

Vị ấy xem thật lớn,

Như đầu mây trên trời.

(Vị Tỷ-kheo):

Thật sự này Dạ-xoa,

Ông biết ta, thương ta,

Hãy nói lại với ta,

Khi thấy ta như vậy.

(Vị Thiên):

Ta không tùy thuộc Ông,

*Ông cũng không làm bậy,
Này Tỷ-kheo nên biết,
Ông có thể sanh Thiên.*

9) *Vị Tỷ-kheo ấy được vị Thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.*

(Hết trích kinh)

Như vậy, trong bài kinh thứ nhất, câu chuyện của vị tướng quân Chánh pháp ngày xưa là Ngài Xá-Lợi-Phất rất đáng để cho chúng ta suy ngẫm kỹ. Khi tâm y của Ngài bị lệch một chút và được một vị Sa-di nhắc nhở, Ngài cảm ơn vị Sa-di, chấn chỉnh lại y áo, và nhìn nhận điều lỗi của mình, Ngài nói lên bài kệ với ý nghĩa rằng: “Người không có cấu uế, tâm luôn tìm cầu sự trong sạch, thanh tịnh, thì một lỗi lầm dù nhỏ và nhẹ như đầu sợi lông, vẫn nghiêm túc cẩn trọng nhìn nhận, xem xét, chứ không hời hợt, xem thường, bỏ qua”.

Điều đó cũng là điều mà Đức Phật vẫn thường nhắc nhở trong giới hạnh, giới đức của người tu rằng: “Thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt” hay “Thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt”. Một lỗi nhỏ cũng phải biết tầm quý, biết xấu hổ, biết mắc cỡ và khéo quán sát sự nguy hiểm của những lỗi nhỏ nhặt đó “vì đó có thể là một lậu hoặc đã qua mặt mình, một sai quấy đã qua mặt mình, như vậy có thể mình còn có nhiều sai sót khác mà mình không thấy không

biết”. Khi khéo quán như vậy, vị này sẽ cẩn trọng hơn trong thân khẩu ý của mình để phát hiện và từ bỏ những sai sót đó. Đó là tác dụng và lợi ích của việc “thấy sợ hãi, thấy nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt”. Người tìm cầu sự trong sạch, thanh tịnh của thân tâm thì một lỗi nhỏ cũng phải cẩn trọng xem xét nhìn nhận. Người con Phật cần cẩn trọng chiêm nghiệm bài học cao quý này từ Ngài Xá-Lợi-Phất.

Lại nữa, trong bài kinh Sen Hồng Hay Sen Trắng ở trên, vị Tỷ-kheo trên đường đi khát thực trở về, ghé một hồ nước để ngửi hương sen, một vị Thiên trú trong khu rừng nhắc nhở vị Tỷ-kheo đó là ngửi trộm hương. Vị Tỷ-kheo nói: “Ta không bẻ sen, chỉ đứng xa để ngửi thôi, sao gọi là trộm hương? Những người đào củ sen, bẻ sen thì sao không gọi là trộm hương?” Vị Thiên nói: “Những hạng người ti tiện, xấu xa, tầm thường, thấp kém thì ta không nói đến. Nhưng ông là người tìm cầu sự thanh tịnh, trong sạch thân tâm thì ta mới nhắc nhở. Người muốn tâm không cấu uế thì lỗi nhỏ như đầu sợi lông vẫn cẩn trọng xem xét, nhìn nhận, chỉnh sửa”. Vị Tỷ-kheo nghe vậy xúc động, biết vị Thiên nói nhắc nhở mình là vì tâm thương nên vị này nói: “Khi nào ông thấy ta sai điều gì thì xin ông hãy nói nhắc nhở giúp ta nha”.

Như vậy, đối với các bậc chân nhân, đối với các bậc Thánh tăng, dù trước một lỗi nhỏ như vậy mà các Ngài vẫn nghiêm túc nhận lỗi và chỉnh lỗi của mình, thì nói gì tới

những hành động dâm dục, phá giới, phóng dật, buông lung, ác khẩu, lăm mồm, dao động, hướng ngoại, trạo cử, sân si, bản ngã, phô trương, khoe khoang, chạy theo sắc tài, danh lợi, địa vị, vật chất của thế gian, trống rỗng nhưng dùng miệng lưỡi và dùng bề ngoài để che mắt người đời, lừa dối thiên hạ.

Câu kinh “*người ta không có thể thọ dụng các dục ngoài các dục, ngoài các dục tưởng, ngoài các dục tâm*” đã làm sáng tỏ những quan điểm sai lầm và vạch trần những câu chuyện truyền thuyết bịa đặt với những ý đồ đen tối, che giấu tội lỗi, lừa gạt quần chúng, dung túng việc phá giới, vô đạo đức, gieo rắc những sợ hãi, những suy nghĩ mơ hồ, mê lung, sai lầm, lệch lạc cho người con Phật ngày nay.

Tóm lại, với những bài kinh trên, chúng ta thấy rằng các bậc Thánh tăng thời Đức Phật trang nghiêm, thanh tịnh từ tâm cho đến thân, từ thân cho đến tâm, trong ngoài thanh tịnh như nhất, không thể có chuyện dâm dục, phá giới, bề ngoài thể hiện sự phóng dật, buông lung, không hộ trì các căn nhưng đó lại là Thánh tăng, đó là điều không thể xảy ra. Đây là bài học mà người con Phật ngày nay cần đặc biệt ghi nhớ. Nếu giữ quan điểm cho rằng “có thể có những hình thức bên ngoài xuề xòa, không nghiêm túc nhưng xét một số hành động khác thì đó lại là Thánh tăng”, nếu nghĩ như vậy thì hành giả hãy cẩn trọng cân nhắc, suy ngẫm kỹ những bài kinh trên và đừng quên lời dạy này của Đức

Phật: “Người có quan niệm như vậy sẽ không thể khởi lên tia lửa sáng gì trong Thánh pháp này”.

8.9.3 Khi nào “Pháp còn phải bỏ”

“*Ta giảng pháp ví như chiếc bè đưa người qua sông... Chánh pháp còn phải bỏ, hà huống là phi pháp*”. Đức Phật giảng dạy Phương Pháp Tám Chánh để giúp người vượt qua dòng sông trầm luân sanh tử. Khi qua sông rồi, thì trí tuệ biết rõ mình đã giải thoát cũng phải buông bỏ, hướng chi việc từ bỏ những sự thấy sai, nghĩ sai, nói sai, làm sai... từ bỏ những tà kiến, tà định. Như vậy, Chánh pháp khi tu tập thành tựu rồi thì còn phải buông bỏ, hướng chi là việc từ bỏ những quan niệm cho rằng: thọ dụng dục lạc của thế gian thì không có gì xấu xa, tội lỗi. Câu kinh trên cần được hiểu một cách rõ ràng, chính xác như vậy. Nếu không hiểu đúng về câu kinh trên thì thật là nguy hiểm, hết sức nguy hiểm cho người tu học.

Nếu đọc không trọn vẹn bài Kinh Ví Dụ Con Rắn mà chỉ nắm hiểu đoạn kinh trên thì sự tu học như vậy là bất cần, dễ bị lệch lạc, dễ đưa đến hiểu sai, diễn dịch sai ý nghĩa lời dạy của Đức Phật.

Khi không đọc kỹ, không tìm hiểu cẩn trọng về câu kinh trên người đọc còn có thể khởi lên hiểu biết sai lệch cho rằng: “*Pháp còn phải bỏ, hà huống là phi pháp*”, tức là

Đức Phật dạy không có cái gì là thật nên tất cả đều phải bỏ hết, không chánh không tà, không đúng không sai, không thương không ghét, không có không không...

Rồi với sự thấy, nghe, nghĩ sai lầm này, người này truyền qua người kia, tạo ra một *trường phái chấp không*. Cái gì cũng không, đúng sai cũng không, hưởng dục cũng không có tội lỗi gì, vì tất cả đều không thật, sanh tử cũng không có thật, đau khổ trong cuộc đời này cũng là không thật, không có Chánh pháp tà pháp gì ở đây, không tu, không chứng, không đắc. Cái gì cũng nói không thì đó là rơi vào quan điểm chấp không nhưng bản thân không thấy không biết rằng mình đang chấp không. Lại nữa, miệng thì nói không nhưng đựng chuyện thì tham sân si vẫn sanh khởi, dục và ái vẫn sanh khởi, bản ngã vẫn hiện diện, hôn trầm, vọng tưởng vẫn không dừng lặng, tâm vẫn dao động không ngừng... Ngoài thì nói những chân lý cao siêu, cái gì cũng không, nhưng trong thì dục, ái, tham, sân, si, bản ngã vẫn hiện diện. Đó là sự rơi vào trong trường phái chấp không, không đúng với trí tuệ của Đức Phật, không đúng với lời dạy của Đức Phật. Đức Phật không nói rằng: Tất cả đều là không thật. Vậy chính xác điều mà Đức Phật đã nói, đã tuyên bố về thế giới này là như thế nào?

8.9.4 Kinh Kaccàyanagotta (Tương II, 36)

Trú ở Sàvatthi (Xá-vệ)... Rồi Tôn giả Kaccàyanagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kaccàyanagotta bạch Thế Tôn:

- “Chánh kiến, chánh kiến”, bạch Thế Tôn được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là chánh kiến?

- Nay Kaccàyana, **thế giới này phần lớn y chỉ vào hai cực đoan này, Có và Không có.**

Ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thế giới tập khởi, vì ấy không chấp nhận thế giới là không có.

Ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thế giới đoạn diệt, vì ấy không chấp nhận thế giới là có.

Nay Kaccàyana, chấp thủ phương tiện và bị thiên kiến trói buộc, phần lớn thế giới này là vậy.

Và ai với tâm không trú trước, chấp thủ phương tiện ấy, không chấp thủ thiên chấp tùy miên ấy, không có chấp trước, không trú trước, vì ấy không có nghĩ: “Đây là tự ngã của tôi”. Khi khổ sanh thời xem là sanh, khi khổ diệt thời xem là diệt; vì ấy không có nghi ngờ, không có phân vân, không duyên vào ai khác, trí ở đây là của vị ấy. Cho đến như vậy, nay Kaccàyana, là chánh tri kiến.

“Tất cả là có”, là một cực đoan.

“Tất cả là không có” là cực đoan thứ hai.

Xa lìa hai cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo **Trung đạo**.

Vô minh duyên **hành**, hành duyên **thức**, thức duyên **danh sắc**, danh sắc duyên **sáu xứ**, sáu xứ duyên **xúc**, xúc duyên **thọ**, thọ duyên **ái**, ái duyên **thủ**, thủ duyên **hữu**, hữu duyên **sanh**, sanh duyên **già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não** được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Nhưng do sự ly tham, đoạn diệt **vô minh** một cách hoàn toàn, nên **hành** diệt. Do hành diệt nên **thức** diệt. Do thức diệt nên **danh sắc** diệt. Do danh sắc diệt nên **sáu xứ** diệt. Do sáu xứ diệt nên **xúc** diệt. Do xúc diệt nên **thọ** diệt. Do thọ diệt nên **ái** diệt. Do ái diệt nên **thủ** diệt. Do thủ diệt nên **hữu** diệt. Do hữu diệt nên **sanh** diệt. Do sanh diệt nên **già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não** đều diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

(Hết trích kinh)

8.9.5 Chấp không và Vô thường là khác nhau

Như vậy, qua bài kinh trên chúng ta thấy rõ Đức Phật đã tuyên bố rằng: Các pháp do duyên sanh, cũng do duyên mà diệt. Vì các pháp theo duyên mà sanh khởi, theo duyên mà

tập khởi nên không thể nói là không có. Vì các pháp theo duyên mà đoạn diệt, nên không thể nói là có. Không và có là hai cực đoạn của chúng sanh trong thế giới này. Với chánh trí tuệ, Đức Phật nhìn thấy rõ duyên sanh và duyên diệt của tất cả các pháp, Ngài không rơi vào hai cực đoạn của chúng sanh, Ngài tuyên bố tánh duyên sanh và duyên diệt của các pháp. Ngài không nói tất cả đều là không thật.

Sau khi thấy biết rõ tánh theo duyên mà sanh diệt của các pháp, Đức Phật đã tiếp tục phát hiện ra rằng: Vì các pháp do duyên sanh nên bản tánh của chúng là vô thường, khổ, vô ngã (không là mình, không là của mình). Khi nhìn thấy rõ như vậy, Đức Phật đã tuyên bố về thế giới này trong Kinh Ratthapala (*Trung II*, bài 82) như sau:

- Thế giới là vô thường, đi đến hoại diệt.
- Thế giới là vô hộ, vô chủ.
- Thế giới là vô sở hữu, ra đi cần phải bỏ lại tất cả.
- Thế giới là thiếu thốn, là khao khát, là nô lệ cho tham ái.

Lời tuyên bố trên của Đức Phật là hoàn toàn tương đồng với lời mà Đức Phật đã tuyên bố trong các Kinh Ví Dụ Con Rắn (*Trung*, bài 22), hay Kinh Anurādha (*Tương III*, 210) rằng: “*Trước kia và nay, Ta chỉ tuyên bố Khổ và đoạn diệt khổ*”. Trong sự tuyên bố về Khổ, Đức Phật đã nêu lên Bốn Sự Thật về Khổ đang có mặt trong cuộc sống. Và sự giảng

dạy của Đức Phật là nhằm chỉ dẫn cho chúng sanh con đường để thoát khổ.

Đức Phật đã giảng dạy: Khổ là một sự thật đang có mặt trong cuộc sống, và sanh tử chính là khổ, thương ghét chính là khổ... chứ Đức Phật không nói tất cả đều là không thật. Nhưng với quan niệm chấp không, với quan niệm tất cả đều không thật có thì khổ là không thật, sanh tử cũng là không thật, thương ghét cũng là không thật, tham sân si cũng là không thật, năm cõi sanh tử cũng là không thật, nhân quả cũng không thật, giết người, sát sanh, trộm cắp, tà dâm, dâm loạn, loạn luân, ngoại tình, sống không đức hạnh và sống vô đạo đức, phá giới... tất cả đều là không thật có.

Quan điểm “tất cả đều không thật có” và trí tuệ thấy biết “thế giới Ngũ uẩn này là vô thường” là khác nhau, nhưng hai vấn đề này rất dễ bị đánh đồng với nhau.

Quan điểm “tất cả đều là không thật có”, quan điểm này rơi vào trường phái chấp không. Còn trí tuệ thấy biết “thế giới Ngũ uẩn này là duyên sanh, bản chất vô thường, khổ, không phải là mình, không phải của mình” là một trí tuệ chân chánh tối thượng được Đức Phật chứng ngộ. Ngài thấy biết rõ sự thật của các pháp, Ngài thấy biết rõ sự hiện diện và sự hoạt động của các pháp, Ngài thấy biết rõ duyên chúng sanh khởi và duyên chúng hoại diệt.

Vì thấy biết rõ sự có mặt, sự sanh và sự diệt của các Pháp nên Ngài không nói tất cả các pháp đều là không thật vì chúng đang theo duyên mà có mặt trên cuộc đời này, nhưng chúng vô thường, tạm bợ, ngắn ngủi, mong manh, dễ thay đổi, dễ đổ vỡ, cuối cùng đi đến biến diệt, hoại diệt cùng với thời gian, chúng không có gì là mình, chúng cũng không là của ai, mà tất cả đều là do duyên sanh và cũng theo duyên mà diệt. Với bản tánh duyên sanh, tạm bợ, vô thường của các pháp, nếu chúng sanh tham ái, dính mắc, bám víu, trói buộc, muốn nắm giữ chúng thì chúng sanh sẽ phải chịu đựng sự buồn khổ, sự đau khổ, sự thống khổ khi chúng biến đổi và hoại diệt. Như vậy, đó là sự khác biệt giữa trường phái chấp không và trí tuệ thấy biết sự thật về các pháp của bậc Chánh Đẳng Giác.

8.9.6 Chưa qua sông, bỏ thuyền, giẫm chân tại chỗ

Lại nữa, khi hiểu khổ là không thật có, sanh tử cũng không thật có, tham sân si cũng không thật có, vọng tưởng cũng không thật, hôn trầm cũng không thật, phiền não cũng không thật... thì như vậy tu để làm gì, tu để làm chi, có khổ đâu mà tu, có sanh tử đâu mà tu, có phiền não đâu mà tu... Cuối cùng, không cần phải tu vì tất cả đều là không thật... Khi nhìn nhận vấn đề sai sự thật thì sự tu không thể đúng được, thế là sanh tử vẫn cứ sanh tử, tham sân si vẫn cứ tham sân si, ta đây vẫn cứ ta đây, vọng tưởng vẫn cứ

vọng tưởng, hôn trầm vẫn cứ hôn trầm, phiền não vẫn cứ phiền não, giết người vẫn cứ giết người, sát sanh vẫn cứ sát sanh, trộm cắp vẫn cứ trộm cắp, tà dâm vẫn cứ tà dâm, nói dối vẫn cứ nói dối...

Khi rơi vào quan điểm chấp không thì tâm thấy biết cái gì cũng cho là không, tâm ôm ấp *chữ không, tưởng không* trong nội tâm. Với một nội tâm đang tu *chữ không*, đang quán pháp *không*, đang chấp pháp *không*, nhưng lại bảo là không tu, không quán, không chấp gì hết, do đó, lời nói như vậy là không đúng pháp, không chân chánh, không chân thật nhưng bản thân lại không thấy không biết là mình đang nói lời không chân thật, không chân chánh, không đúng pháp.

Khi khẩu hành đã không được tâm thấy biết một cách chân chánh đúng pháp thì làm sao ý hành, thân hành có thể được tâm thấy biết một cách chân chánh đúng pháp. Do thân khẩu ý hành không được thấy biết một cách chân chánh đúng pháp thì làm sao có thể thấy biết một cách chân chánh đúng pháp về tham sân si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc trong tự thân. Do tham sân si trong tự thân không được thấy biết một cách đầy đủ, chân chánh, đúng pháp nên không thể đào thải sạch những rác bẩn, cấu uế, lậu hoặc này khỏi thân tâm, không thể đạt lậu tận.

Như vậy, miệng thì cái gì cũng nói không, “không tu, không chứng, không đắc, không người, không ta, không vui, không buồn, không được, không mất, không ghét, không thương”, nhưng rác bần trong nội tâm thì không hết sạch, lậu hoặc trong nội tâm không được diệt tận, cấu uế trong nội tâm vẫn còn, tham sân si vẫn còn, ngã mạn vẫn còn, vô minh vẫn còn, hôn trầm vẫn còn, vọng tưởng, phóng tâm vẫn còn, sanh tử luân hồi vẫn không dừng lại được và những giọt nước mắt khổ đau vẫn không ngừng rơi chảy. Lại nữa, vì *chấp không* và trú trong *tưởng không* lâu ngày, nên bị rơi vào thọ không khổ không lạc, tâm trợ trợ, cứng nhắc, không uyển chuyển, không nhu nhuyễn, không nhẹ nhàng, không dễ dạy, dễ bảo, muốn an trú vào trong một thiện pháp nào đó cũng rất khó khăn.

Do đó, nếu tu học không cẩn trọng, hiểu sai lầm lời dạy của Đức Phật trong câu nói “Pháp còn phải bỏ”, rồi cho cái gì cũng là không, rơi vào chấp không trong khi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu vẫn còn, không chịu tu tập Tám chánh để tẩy trừ những cấu uế trong tâm, thì cuối cùng, người thì đã qua bờ bên kia sông rồi, còn mình thì vẫn ở lại bờ bên này. Vì sao? Vì hành giả đã không chịu dùng thuyền Tám Chánh để vượt qua dòng sông oan nghiệt, hành giả đã hất bỏ phương tiện thiện xảo để vượt thoát dòng sông sanh tử nên cuối cùng hành giả vẫn ở trong vòng của trầm luân sanh tử, làm sao mà qua sông được.

Vì vậy, người học đạo cần lưu ý rằng: *“Nếu chưa thoát ra khỏi dòng sông sanh tử thì đừng bỏ chiếc thuyền Bát chánh. Tâm chưa hết hôn trầm, vọng tưởng, vô minh, lậu hoặc thì đừng vội nói cái gì cũng không. Chưa qua sông mà đã vội bỏ thuyền thì dòng sông sanh tử luân hồi phiền não này sẽ âm thầm cuốn bạn trôi đi mất”*. Xin hãy nhớ thật kỹ lời này.

8.10 Tiến trình sanh khởi Giới - Định - Tuệ - Giải Thoát - Giải Thoát Tri Kiến

Tiến trình sanh khởi và đi đến thành tựu Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát và Giải Thoát Tri Kiến là gì?

Vị hành giả có thân tâm chân chánh hiền thiện, sau khi nghe pháp chân chánh hiền thiện, vị này thực hành như lý tác ý để thể nhập ý nghĩa các pháp, để thành tựu trí tuệ chân chánh về các pháp, thành tựu chánh kiến, thành tựu Trí về Ngũ uẩn, thấy biết rõ vô minh, dục, ái, bản ngã, tham, sân, si đối với Ngũ uẩn.

Trong quá trình như lý tác ý, hành giả bắt đầu nhìn thấy được đôi phần những rác bần, cấu uế trong nội tâm. Khi nhìn thấy được đôi phần những cấu uế trong nội tâm, hành giả tiến hành tác ý để diệt trừ những cấu uế này với những sự sám hối phát lộ những cấu uế được nhìn thấy, những quyết tâm gìn giữ giới đức trong sạch của một người tu được phát nguyện, những tâm tà quý xấu hổ tội lỗi được

phát triển, hộ trì các căn dần được thực hiện, các tâm hiền thiện dần được tu tập thực hành như: tâm hiền, tâm từ bi hỷ xả, tâm rộng lượng, bao dung, tâm cúi đầu diệt ngã...

Như vậy, trong giai đoạn nghe pháp và như lý tác ý, hành giả bắt đầu tu tập giới đức, đức hạnh, nét hạnh của một người tu, tu tập tâm chân thật đối diện với tự thân, chân thành đối với vị hướng dẫn mình tu học, chân chánh trong đời sống thân khẩu ý của mình, đó là giới đức của hành giả đang bắt đầu được hình thành.

Trong sự tu học theo đạo lộ Tám Chánh này, nếu hành giả không có tâm chân thật, chân thành, không có đời sống thân khẩu ý chân chánh đúng pháp thì giới đức của hành giả không thành tựu.

Khi giới đức không thành tựu thì khó lòng đi đến đến sự thành tựu chánh kiến.

Khi giới đức không thành tựu thì dù hành giả là người khéo nắm hiểu nghĩa lý các pháp, khéo diễn dịch diễn giải nhưng cũng chỉ dừng trên ngôn ngữ chữ nghĩa và chỉ dừng lại trong một mức độ, một phạm vi nào đó mà thôi, chứ không thể đi sâu vào dòng Thánh pháp này, không thể thật sự thành tựu chánh kiến, không thể bước vào trong hàng “Bốn đôi tám chúng” Thánh chúng đệ tử Phật và như vậy không thể bước lên chiếc thuyền bát nhã Tám Chánh để vượt thoát khỏi biển sanh tử trầm luân này. Vì có sao? Vì đạo lộ Tám

Chánh, pháp hành Tám Chánh là một pháp tu với Tám Sự Chân Chánh thiện lành, đúng pháp nên những vị có tâm chân thật, chân thành, có đời sống chân chánh đúng pháp mới tương ưng với đạo lộ này, tương ưng với pháp hành này. Nếu tâm không chân thật, không chân thành, đời sống không chân chánh, không đúng pháp thì không thể tu được trong dòng pháp Tám Chánh, không thể nhập vào trong Thánh pháp Tám Chánh. Người không chân thật, không chân thành, sống bất chánh thì không thể tương ưng, không thể nhập Thánh pháp chân chánh này.

Vì vậy, khi người bất chánh, người không chân thật, không chân thành đến với dòng pháp này thì thời gian đầu thấy có vẻ như tu tập được, nhưng một thời gian sau vị này rời khỏi Thánh pháp, hoặc đi lệch khỏi Thánh pháp Tám Chánh, rơi vào tà kiến, tà đạo, vẽ vờ những cách thức tu học không đúng với pháp Tám Chánh, mượn pháp, mượn lời, mượn chữ trong pháp Tám Chánh nhưng thực tế pháp hành thì không chính xác, không theo đúng đạo lộ trong pháp Tám Chánh mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã tu tập, đã thực hành và đã truyền trao. Vì có sao? Vì tâm không chân chánh thì làm sao có thể tu học được pháp của bậc Chánh Giác, làm sao có thể tiếp nhận được trí tuệ của bậc Chánh Giác.

Do đó, nhìn bên ngoài thì thấy vị này rời khỏi Thánh pháp, từ bỏ Thánh đạo nhưng bên trong thật sự thì dòng pháp

Tám Chánh đã hắt vị có tâm tư bất chánh ra khỏi Thánh pháp này. Tâm không chân thật, tâm không chân thành, đời sống không chân chánh, bất chánh bất minh thì không thể tương ưng được với Thánh pháp, không thể hòa nhập vào Thánh pháp. Vì vậy, Pháp Tám Chánh đã hắt tung người bất chánh ra khỏi Thánh pháp, ra khỏi Thánh đạo, ra khỏi đạo lộ của những người chân thật, chân thành, chân chánh thiện lành, đúng pháp.

Vì vậy, người học đạo cần cẩn trọng xem xét lại giới đức của mình. Nếu thấy mình không có tâm chân thật, chân thành trong sự tu học, thân khẩu ý không chân chánh, đúng pháp thì hành giả cần phải nỗ lực tu tập từ bỏ tâm không chân thật, từ bỏ tâm không chân thành, từ bỏ đời sống thân khẩu ý bất chánh, để thành tựu các đức hạnh “*chân thật, chân thành, chân chánh*”, thành tựu diệu hạnh của một người con Phật, nếu như hành giả không muốn tiếp tục trầm luân trong biển sanh tử, phiền não, khổ và nước mắt.

Khi giới đức được thành tựu, như lý tác ý được phát triển hợp lý thì chánh tri kiến đi đến thành tựu. Vì có sao? Vì với vị có giới đức thiện lành, thanh cao thì nội tâm được định tĩnh, không có trạo hối, loạn động, không dao động, bất an, không hối hận, đau khổ, không xấu hổ, dối trá che giấu tội lỗi, không bị lỗi lầm chồng chất thêm lỗi lầm, không bị sai quấy lại làm thêm những việc sai quấy để che giấu tội lỗi đã làm. Với người có giới đức được trong sạch

như vậy và lại khéo nghe Thánh pháp, khéo như lý tác ý để thể nhập, để thành tựu trí tuệ về các pháp đã được nghe thì vị này chắc chắn sẽ đi đến sự thành tựu chánh kiến, thành tựu tri kiến chánh trực, thành tựu cái nhìn cái thấy biết chân chánh đối với các pháp.

Với người có giới đức, có chánh kiến thì tâm được định tĩnh đôi phần. Với tâm định tĩnh, tâm bình tĩnh, tâm không lỗi lầm, tâm không nguy biến che giấu tội lỗi, tâm trong sạch, thanh tịnh, chân thật, chân thành, chân chánh, đúng pháp. Với tâm như vậy, vị này có thể đối diện với nội tâm, nhìn sâu vào trong nội tâm và thấy rõ những cấu uế còn tiềm ẩn bên trong tâm rồi tiến hành đào thải chúng, thanh lọc tâm hết sạch những cấu uế.

Như vậy, khi giới đức được thành tựu, như lý tác ý được phát triển hợp lý thì chánh tri kiến đi đến thành tựu. Hành giả tiếp tục đi theo con đường Tám Chánh với sự phát khởi, phát triển và nở hoa của suy nghĩ chân chánh, lời nói chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh thì Giới Định Tuệ đi đến thành tựu. Khi Giới Định Tuệ được thành tựu thì dục, ái, tham, sân, si, vô minh, lậu hoặc được thấy biết rõ, được nhiếp phục và được diệt tận hoàn toàn.

Tóm lại, khi có giới đức trong sạch, thiện lành thì tâm được bình an, tâm được định tĩnh, tâm có đủ sự trong sáng, đủ độ trong sạch, đủ độ trong suốt để đối diện với tự thân, nhìn nhận tự thân, chân thật đối diện với những rác bần trong tự thân, khi ấy trí tuệ trong tự thân được trong sáng, không bị vô minh che lấp, có thể thấy biết rõ, có thể phát giác phát hiện những cấu uế lậu hoặc còn tồn đọng trong thân tâm và từ đó đi đến sự nhiếp phục cấu uế và diệt tận lậu hoặc. Đây gọi là tiến trình sanh khởi và thành tựu **Giới Định Tuệ**.

Sau khi diệt tận các cấu uế trong nội tâm, tâm không còn bất cứ một dao động nhỏ nhiệm nào, tâm không còn bất cứ một dục, ái, tham, sân, si, vô minh, lậu hoặc nào, tâm không còn bất cứ một hôn trầm, trạo cử, vọng tưởng nào. Khi ấy, hành giả khởi lên Trí biết rõ: *“Ta đã giải thoát. Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời sống này sẽ không còn một đời sống sanh tử đau khổ nào khác nữa”*. Trí khởi lên biết rõ như vậy được gọi là Trí biết rõ sự giải thoát trong mình, hay Trí biết rõ mình đã giải thoát. Đây gọi là **Giải Thoát**.

Như vậy, từ sự tu tập Giới-Định-Tuệ, giờ đây hành giả đã đạt được *Tâm giải thoát*. Với tâm giải thoát được thành tựu, hành giả khởi lên trí tuệ rõ biết là mình đã giải thoát, đây gọi là *Tuệ giải thoát* sanh khởi. Sau khi sanh khởi trí tuệ biết rõ tự thân đã giải thoát, hành giả hướng đến từ bỏ luôn tâm ý với trí tuệ rõ biết sự giải thoát trong mình, tâm thể

nhập vào sự tịch tịnh, vắng lặng hoàn toàn. Đây gọi là ***Giải Thoát Tri Kiến***.

8.11 Tâm Giải Thoát – Tuệ Giải Thoát

Tóm lại, từ một thân tâm chân chánh được nghe Thánh pháp và như lý tác ý đi đến thành tựu Chánh tri kiến. Với chánh kiến này Pháp Tám Chánh được tu tập. Pháp Tám Chánh được tu tập đưa đến Giới Định Tuệ được tu tập và đi đến thành tựu. Với Giới Định Tuệ được tu tập và đi đến thành tựu đưa đến sự thành tựu *Tâm Giải Thoát*.

Tâm Giải Thoát được thành tựu tức là lúc này tâm không còn dao động, không còn dính mắc, không còn chạy theo sáu trần; dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu trong nội tâm được diệt tận; tham sân si được diệt tận; vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn được diệt tận, tâm không còn dao động trước những sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Thọ tâm lắng dịu an tịnh không động chuyển, không thay đổi trước sau, không thay đổi trước những ngoại trần và nội trần, không thay đổi trước những được mất, khen chê, buồn vui, thương ghét của thế gian. Tưởng an tịnh lắng dịu, thuần nhất, nhất tưởng; những tưởng về dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trước các Ngũ uẩn không sanh khởi; những trạng thái vọng tưởng, phóng tâm được diệt tận, được chấm dứt một cách hoàn toàn. Hành an tịnh, vắng lặng, mọi suy nghĩ, lời nói âm thầm ngấm ngấm trong nội tâm được dứt sạch. Thức rõ biết

trong sáng, trong sạch, mở rộng. Sắc thân không còn dao động, trạo cử, thân hành an tịnh, lắng dịu, chánh niệm, tỉnh giác, cử chỉ không dư thừa. Khẩu hành thanh tịnh, lắng dịu, không nói lời dư thừa, không nói lời không đúng pháp, chỉ nói khi cần nói.

Khi sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong tự thân được an tịnh lắng dịu như vậy, tức là tâm đã được an tịnh lắng dịu, tâm không còn dao động, không còn dính mắc, không còn chạy theo sáu trần, không còn chạy theo Ngũ uẩn. Ngũ uẩn đã được tâm nhiếp phục, đã được tâm chế ngự, đã được tâm điều phục. Ngũ uẩn đã không còn lộng hành, không còn tác oai, tác quái trong tâm. Ngũ uẩn đã hoàn toàn thuần phục và lắng dịu trong tâm. Với một nội tâm đã nhiếp phục, đã điều phục, đã chế ngự được Ngũ uẩn, tâm như vậy không còn bị Ngũ uẩn khống chế, áp bức, dẫn dắt, chi phối, ám ảnh. Tâm như vậy là tâm giải thoát khỏi Ngũ uẩn, giải thoát khỏi mọi sự ràng buộc, dính mắc, trói buộc, chấp thủ đối với Ngũ uẩn. Tâm như vậy được gọi là *Tâm Giải Thoát*.

Khi tâm giải thoát được thành tựu, hành giả khởi lên Trí biết rõ: “Ta đã giải thoát. Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời sống này sẽ không còn một đời sống sanh tử phiền não khổ đau nào khác nữa”. Đây gọi là *Tuệ Giải Thoát* được thành tựu, tức là hành giả khởi lên trí tuệ biết rõ tự thân đã được giải thoát.

8.12 Vô Chấp Thủ Giải Thoát

Với *Tuệ giải thoát* được thành tựu, hành giả biết rõ tự thân đã được giải thoát. Sau khi biết rõ như vậy, hành giả buông bỏ cả trí tuệ thấy biết rõ mình đã giải thoát, tức là buông bỏ cả dòng tâm ý sanh khởi trong khi thấy biết rõ nội tâm đã hoàn toàn thanh tịnh vắng lặng với các cấu uế lậu hoặc đã được diệt tận. Sự từ bỏ này được gọi là *Giải Thoát Tri Kiến*. Với tri kiến về “tự thân đã giải thoát” được từ bỏ, tức là từ bỏ dòng tâm ý rằng mình đã giải thoát, khi đó tâm hoàn toàn thể nhập vào bất động, thể nhập vào bất tử, tâm không còn một chút dao động nào cả, ngay cả dòng tâm ý biết rõ mình đã giải thoát cũng đã được buông bỏ. Đây gọi là *Vô Chấp Thủ Giải Thoát*.

Vô Chấp Thủ Giải Thoát tức là tâm không chấp thủ, không chấp trước trước sự giải thoát mà tâm đã thành tựu, tâm đã đạt được. Đây mới thực sự là hoàn toàn giải thoát, hoàn toàn tịch tịnh, hoàn toàn Niết-bàn. Đây mới thực sự là sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt phiền não, chấm dứt khổ đau.

Đó là tiến trình sanh khởi và thành tựu của Giới - Định - Tuệ - Giải Thoát - Giải Thoát Tri Kiến.

Đó cũng là tiến trình đi đến sự chấm dứt luân hồi, sanh tử, phiền não và khổ đau.

Đó cũng là con đường đi đến Niết-bàn, đi đến sự tịch lặng, giải thoát.

Như vậy, sau khi nương vào Giới - Định - Tuệ, sau khi tu tập thành tựu Giới - Định - Tuệ, hành giả đạt được Tâm giải thoát. Khi Tâm giải thoát được thành tựu thì Tuệ giải thoát trong hành giả sẽ sanh khởi, tức là lúc này hành giả biết rõ tự thân đã vượt qua được dòng sông sanh tử. Sau khi Tuệ giải thoát sanh khởi, đây chính là lúc hành giả buông bỏ chiếc bè, giải thoát tâm khỏi tri kiến trí tuệ này, tức là Giải Thoát Tri Kiến (buông bỏ *Tuệ giải thoát*). Đây là thời điểm “Pháp còn phải buông bỏ”.

Tóm lại, thời điểm pháp còn phải buông bỏ chính là khi hành giả đã thành tựu A-la-hán quả, đã thành tựu được Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, đã diệt tận được tham sân si, vô minh, lậu hoặc. Đây là điểm quan trọng mà người con Phật cần phải nắm vững. Nếu không nắm vững chỗ này, cứ nghe người khác nói “pháp còn phải buông bỏ” rồi miệng thì cứ lặp lại câu nói đó, cái gì cũng bảo là không, nhưng nội tâm vẫn không hết sạch tham sân si, cấu uế, vô minh, lậu hoặc.

8.13 Qua sông rồi mới bỏ thuyền

Tóm lại, “*Khai mở Trí về Ngũ uẩn cho chúng sanh*” là giáo lý nòng cốt trong lời dạy của Đức Phật, là thông điệp mà

Đức Phật muốn nhắn gửi cho chúng sanh, là trí tuệ mà Đức Phật muốn khai thị, muốn truyền trao cho cuộc đời.

“Khai thị để thấy biết cái đang nắm giữ - Tu tập buông bỏ cái đang nắm giữ - Cuối cùng, buông cả trí tuệ thấy biết này để thể nhập vào bất động, thể nhập vào bất tử”.

Đó là thông điệp về tinh thần chung của kinh Nikāya, thông điệp về tinh thần chung của lời Phật dạy và đó cũng là thông điệp mà chúng tôi muốn trao gửi cho quý học giả, quý hành giả trong sự tu học theo Thánh pháp Nikāya cao quý, thần diệu này. Sự buông bỏ cả trí tuệ thấy biết này gọi là Giải thoát tri kiến. Sự thể nhập vào bất tử là thể nhập vào trạng thái tâm hoàn toàn không còn dao động, không mọi chấp thủ, không mọi thăm ý, hoàn toàn thanh tịnh, trong sạch, tịch tịnh hoàn toàn, chấm dứt luân hồi sanh tử, diệt tận phiền não khổ đau.

Như vậy, hành giả hãy thật cẩn trọng và hãy tuyệt đối lưu ý rằng: “Qua sông rồi mới bỏ thuyền. Khi đã thành tựu Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát rồi thì mới Giải Thoát Tri Kiến. Khi đã hết sạch tham, sân, si, bản ngã, lậu hoặc và vô minh rồi, thì mới bỏ thuyền”.

Nếu chưa hết sạch tham, sân, si, bản ngã, lậu hoặc mà “cái gì cũng nói không” thì đây cũng chỉ là lời nói trên chót lưỡi đầu môi, nói theo lời nói của người nhưng tự thân vẫn còn đầy vô minh và rác bẩn; bản ngã và tham sân si vẫn bốc

mùi trong suy nghĩ, lời nói, hành động. Và như vậy có nghĩa là “ hành giả sẽ không bao giờ hết sạch được tham sân si, vô minh, lậu hoặc”.

Vì sao? Vì chưa qua sông mà hành giả đã vội bỏ thuyền, chưa hết tham sân si mà đã vội bắt chước người hết tham sân si, cái gì cũng nói là không. Người hết tham sân si cái gì đối với họ cũng là không, là vì họ không còn tham, không còn sân, không còn si. Vì họ không còn tham sân sinên cái gì họ cũng không. Còn mình thì tham sân si còn nên cái gì mình cũng có: vô minh mình cũng có, lậu hoặc mình cũng có, hôn trầm mình cũng có, trạo cử mình cũng có, bản ngã mình cũng có... Cái gì mình cũng có, nhưng lại bảo là không vì bắt chước lời nói của bậc hết tham sân si, của bậc lậu tận. Lời nói như vậy là nói dối, nói láo, nói khoác: Tham sân si còn đầy ra đó mà lại nói là không, bảnngã còn trong thân khẩu ý hành mà cái gì cũng nói là không, hôn trầm vọng tưởng còn hoạt động mà lại nói là không. Nghe lời nói của người đã qua sông lại tưởng là mình đã qua sông. Nghe chim hót lại tưởng là mình hót.

8.14 Cần trọng trong thấy nghe

Tuy vậy, hãy cần trọng trong sự thấy nghe của mình, đôi khi điều mình được nghe, lời mình được nghe lại là *“lời của người chưa qua sông lại tưởng là mình đã qua sông, chưa giải thoát lại tưởng là mình đã giải thoát”*, và người

này lại tuyên bố với mọi người là mình đã qua sông, đã giải thoát.

Lại nữa, đôi khi lời mình được nghe lại là lời vô minh, cống cao, ngã mạn của những nội tâm tăng thượng mạn, đại ngã mạn, còn trong vô minh, rơi vào tà kiến. Những lời nói, lời giảng dạy, lời tuyên bố này “mới nghe thì thấy hay, mới nghe thì thấy có vẻ hợp lý, hợp tình, hợp nhãn, hợp nhĩ, hợp thọ tướng hành trong hành giả”, làm cho hành giả cảm thấy hoan hỷ, thích thú và tin theo. Nhưng, những lời nói đó có thể qua mặt được người vô minh, có thể làm sanh khởi được lòng tin ở những người chưa thành tựu chánh kiến còn đối với bậc đã thành tựu chánh kiến, đối với bậc trí nhân, thì khi thấy, khi nghe những lời nói, những lời tuyên bố từ một nội tâm còn vô minh, lậu hoặc thì vị này sẽ có thể nhận biết ngay nội tâm đó. Vị này sẽ biết rõ đó là những lời nói, lời giảng dạy, lời tuyên bố từ một nội tâm vô minh, ngã mạn, sáo rỗng, vô nghĩa, không có chân đứng, không có pháp hành, không có lối vào, không thiết thực với thực tế của cuộc sống, không xác thực với tình trạng thực tế đối với thân tâm của chúng sanh. Vì vậy, hãy cẩn trọng với những lời mình được nghe, hãy cẩn trọng với những điều mình đang thấy và hãy tìm hiểu kỹ những nguồn kinh sách mà mình đang học.

Đừng nghĩ rằng hễ ai tuyên bố là hết sanh tử thì đó là vị hết sanh tử, hễ ai nói người kia là bậc lậu tận thì đó là bậc

lậu tận. Vì có sao? Vì khi chưa thành tựu chánh kiến thì hành giả không đủ khả năng để kiểm tra, kiểm chứng, xác chứng, xác định điều đó.

Cho nên, khi nghe nói vị này là bậc A-la-hán, vị kia là bậc Thánh nhân, vị nọ tuyên bố là “việc đã làm xong”, khi nghe nói như vậy, khi nghe đồn như vậy, hành giả hãy khoan vội tin vào những lời được nghe, hãy khoan vội tin những điều được thấy đó. Hãy giữ sự khách quan và cẩn trọng. Hành giả cẩn trọng tìm hiểu thân khẩu ý hành của vị ấy, cẩn trọng tìm hiểu pháp hành của vị ấy, cẩn trọng tìm hiểu lời giảng dạy của vị ấy, cẩn trọng tìm hiểu Giới, Định, Tuệ mà vị ấy tu tập và giảng dạy có thực sự đúng và theo sát lời dạy của Đức Phật về Giới, Định, Tuệ hay không.

Điều quan trọng nhất là hành giả cần cẩn trọng tìm hiểu Phật pháp, cẩn trọng tìm hiểu lời dạy của người kia có đúng với lời dạy của Đức Phật Thích Ca hay không, hay chỉ na ná, tương tự, giống điểm một mà không giống điểm hai, không giống điểm ba; hay giống Giới nhưng không giống Định, không giống Tuệ trong lời Phật dạy trong kinh Học Giới (*Tăng I*, 426) hay vị này giải thích Giới, Định, Tuệ một cách tùy tiện theo tư kiến cá nhân. Hành giả cẩn trọng tìm hiểu cách giải thích và hướng dẫn tu tập Tứ Niệm Xứ của vị này có đúng theo lời Phật dạy trong kinh Niệm Xứ (*Trung I*, bài 10) hay không, hay giải thích Tứ Niệm Xứ một cách tùy tiện và hướng dẫn tu tập Tứ Niệm Xứ một

cách tùy tiện theo tư kiến cá nhân, không đi theo đúng với lời Phật dạy... Tất cả cần được hành giả cẩn trọng tìm hiểu, so sánh, kiểm tra.

Đừng vội đặt lòng tin vào bất cứ ai, đừng vội cho ai là minh sư của mình khi mình chỉ mới thấy, mới nghe người đó nói, hoặc chỉ mới nghe người khác nói về người đó, hoặc chỉ mới nghe người đó giảng dạy mà không nắm biết rõ cốt lõi của đạo Phật là gì, pháp hành chân chánh, pháp hành chánh thống trong đạo Phật là gì, trí tuệ tối thượng trong đạo Phật là gì, những bài kinh chính xác mà Đức Phật đã giảng dạy để hướng dẫn pháp hành là gì. Đừng vội đặt lòng tin trong sự thiếu hiểu biết như vậy.

Đừng nghĩ rằng hề quyển sách nào có chữ “Kinh” thì đó là của Phật dạy. Đừng nghĩ rằng hề quyển sách nào có câu : “Tôi nghe như vậy, một thuở nọ, Đức Phật ở tại Kỳ Viên Cấp Cô Độc...” là của Phật thuyết. Đừng nghĩ như vậy, vì ngày nay có rất nhiều quyển sách được người đời sau viết ra nhưng cũng tự xưng là kinh và cũng tự đưa những câu như vậy vào trong tập sách. Vì vậy, nếu thấy bất cứ quyển sách nào có chữ kinh mà đều cho đó là của Phật dạy thì hành giả sẽ rơi vào trong rừng kinh điển ngụy tạo, giả mạo lời Phật dạy trong đạo Phật ngày nay. Và như vậy, hành giả sẽ rơi vào trong những pháp tu hư vọng, mê lung, ngộ cut, bế tắc, tu trong hứa hẹn ở tương lai nhưng không thực chứng được ở hiện tại, không thấy biết rõ tham sân si,

dục, ái, bản ngã trong tự thân, không đối diện với tham sân si, dục, ái, bản ngã. Tu như vậy được gọi là tu trong vô minh, tu nhưng không có lối thoát khỏi trầm luân sanh tử, không tẩy sạch khỏi nội tâm những cấu uế, lậu hoặc, rác bần.

8.15 **Hãy dẫn thân và thực chứng**

Tóm lại, “*Tinh hoa của kinh Nikāya chính là Trí về Ngũ uẩn*”. Khi hành giả dẫn thân tu tập và thành tựu Trí về Ngũ uẩn thì hành giả sẽ tự mình giải mã vấn đề thâm sâu này.

Trong nhiều bài kinh Nikāya, trước khi bắt đầu thuyết pháp, Đức Phật thường hay nhắc nhở: “*Này các Tỷ-kheo, hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng...*”. Do đó, kính xin quý vị nào đã có duyên gặp được kinh Nikāya này mà còn cảm thấy khô khan, chưa sanh khởi được hỷ lạc, chưa hiểu ý nghĩa của lời kinh thì hãy học theo tinh thần “*hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ*” mà Đức Phật đã chỉ dạy. Xin hãy tinh cần, tinh tấn, kham nhẫn, nhẫn nại đọc đi đọc lại nhiều lần, thậm chí hàng chục lần và hơn thế nữa để có thể thẩm thấu được những ý nghĩa thâm sâu trong lời dạy của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Hãy để tâm chiêm nghiệm kỹ và dẫn thân thực hành những lời dạy của Ngài để tự thân thực chứng những gì đã được thấy, được nghe từ lời dạy của Đức Thế Tôn. Xin hãy nỗ lực tu tập Chánh tri kiến, tập nhận diện Ngũ uẩn và tập nhận diện những rác bần trong

nội tâm để thâm nhập cho được tinh thần cốt tủy trong kinh Nikāya, thâm nhập cho được trí tuệ mà Đức Phật muốn truyền trao, để không uổng kiếp người, không uổng đời tu, không uổng duyên lành được thấy, được nghe Thánh Kinh thần diệu, tối thượng, hoàn hảo và thiện xảo này.

Khi hành giả đi theo con đường này, nắm vững được những tinh hoa cốt tủy trong lời dạy của bậc Đạo Sư, tâm nhất hướng trong sự tu học, không lệch lạc, không dao động, tinh cần tinh tấn, tuân thủ và theo sát sự hướng dẫn của Đức Phật trong kinh Nikāya, thì chắc chắn hành giả sẽ đi đến sự thành tựu trí tuệ chân chánh của bậc Thánh nhân, bước vào hàng Thánh chúng đệ tử Phật, thấy biết rõ tự thân, thấy biết rõ tham, sân, si, dục, ái, bản ngã, thành tựu sự nhiếp phục và diệt tận chúng, vượt thoát lưới sanh tử, chấm dứt tất cả những phiền não và khổ đau. Đây là điều mà Đức Phật đã xác quyết trong các Kinh Dự Lưu (*Tương III*, 286) và Kinh Bạc A-la-hán (*Tương III*, 286).

Tóm lại, với lòng chân thành hướng về những người con chân chánh của Đức Phật, hướng về những bậc thiện tri thức đang ngày đêm tầm cầu một con đường chân chánh, một đạo lộ chân chánh, một pháp hành chân chánh để tu tập thân tâm, nhiếp phục thân tâm, chúng tôi đã cố gắng trình bày tinh thần cốt tủy trong kinh Nikāya một cách gần gũi, dễ hiểu, thiết thực hiện tại theo khả năng trí tuệ hữu học của chúng tôi.

Với sự trình bày này, mong rằng chúng tôi đã phần nào làm sáng tỏ vấn đề cốt tủy trong kinh Nikāya, giúp quý đạo hữu nắm vững những trí tuệ căn bản cần thiết trong việc tu học theo sự chỉ dạy của Đức Phật trong Nikāya, trao cho quý đạo hữu chiếc chìa khóa vàng, chiếc chìa khóa vạn năng để hành giả có thể mở tất cả những cánh cửa trong Nikāya, giải mã thế giới, giải mã cuộc đời, giải mã tham sân si, vô minh, lậu hoặc, giải mã các cội sanh tử, giải mã phiền não khổ đau, giải mã dòng trầm luân sanh tử trong oan nghiệt và cay đắng này.

Với những đóng góp này của chúng tôi, mong rằng quý hành giả sẽ tìm thấy cho mình những hành trang cần và đủ để có thể bước vào trong việc tìm hiểu pháp học và pháp hành trong lời Phật dạy trong kinh Nikāya. Kính mong những bậc thiện tri thức, những người con chân chánh của Đức Phật hãy tìm hiểu kỹ về Nikāya, hãy dần thân vào Nikāya và hãy thực chứng những điều mà Đức Phật đã nói trong Nikāya. Hãy tìm cho mình một chân đứng vững vàng trong giáo pháp tối thượng thanh tịnh, tối thượng thần diệu và tối thượng giải thoát của Đức Như Lai. Hãy chân chánh nỗ lực để bước vào hàng “*Bốn đôi, Tám chúng*”, bước vào hàng Thánh chúng đệ tử chân chánh của Đức Phật.

HỒI HƯỚNG

Với công đức mà chúng con có được trong khi thực hiện tập sách “Tinh Hoa Nikāya” và “Công Trình Phân Loại Kinh Nikāya”, chúng con xin chân thành cầu nguyện cho ngôi Tam Bảo được còn mãi trên đời để chúng sanh luôn có nơi nương tựa. Nguyện cầu chư tôn đức Tăng Ni cùng quý nam nữ Phật tử, tứ chúng đệ tử Phật ở khắp mọi nơi luôn sống theo Pháp, an trú trong Chánh pháp, thân tâm thường an lạc, Giới Hạnh, Thiền Định và Trí Tuệ được thành tựu viên mãn, mau chóng chứng đạt sự bình lặng nội tại, diệt tận tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc, đoạn tận sanh tử và chấm dứt khổ đau.

Phước báu của việc làm hiền thiện này, chúng con cũng xin hồi hướng chia sẻ đến cha mẹ hiện tiền của chúng con, những người thân hiện tại, người thân đã mất, người thân quá khứ, bạn bè thân hữu gần xa, những đạo hữu đã hỗ trợ chúng con trong việc in ấn pháp thí này, những chư vị nghe, đọc, hiểu việc làm này, cùng chư vị hữu tình trong cùng khắp trời đất rộng lớn vô biên này, mong tất cả đều được tâm hiền thương và sự hồi hướng chia sẻ phước báu này thấm nhuần mà được nhiều an lạc, nhiều an vui, tuệ khai mở, trí thành tựu, diệt vô minh, diệt tham ái, xả chấp thủ, sạch phiền não, tâm thanh tịnh, thật giải thoát.

NGUYỄN ĐEM CÔNG ĐỨC NÀY,
HƯỚNG VỀ KHẮP TẤT CẢ,
ĐỆ TỬ VÀ CHÚNG SANH,
ĐỀU TRỌN THÀNH PHẬT ĐẠO.

(HẾT TẬP 1)

THIỀN ĐƯỜNG NIKĀYA



TINH HOA NIKĀYA

Tập 2

**TỶ KHEO NI THÍCH NỮ TOÀN LIÊN
(PHƯỚC CHƠN TÍN TOÀN)**

DL: 2022 - PL: 2566



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
VÀI NHẬN XÉT VỀ TẬP SÁCH TINH HOA NIKĀYA	11
1 NIKĀYA CHINH PHỤC THẾ GIỚI	17
1.1 Nikāya truy sát Vô Minh như thế nào?.....	17
1.2 Nikāya triệt hạ Kiết Sử như thế nào?.....	24
1.2.1 Kiết sử là gì?.....	24
1.2.2 Vì sao thành tựu Chánh kiến, phá được ba hạ phần kiết sử?	26
1.2.3 Vì sao diệt được Năm hạ phần kiết sử, khi mạng chung không quay lại đời này?	28
1.3 Nikāya triệt phá Năm Thủ Uẩn như thế nào?..	32
1.4 Nikāya triệt tiêu Tham, Sân, Si, Bản ngã như thế nào?.....	34
1.5 Nikāya diệt tận Lậu Hoặc như thế nào?.....	37
1.6 Nikāya cắt đứt Luân hồi sanh tử như thế nào?	40

1.7	Pháp Tám Đúng trong Nikāya là vị cứu tinh của thế giới.....	43
1.8	Tối Thượng Thừa trong đạo Phật	45
1.8.1	Kinh Bà-la-môn (<i>Tương V</i> , 13).....	45
1.8.2	Tám Đúng - Cỗ xe vô thượng chinh phục thế giới	48
2	NIKĀYA TINH HOA PHẬT TRÍ.....	55
2.1	Pháp Tám Đúng và Bốn Thánh Quả.....	55
2.1.1	Vì sao vào cửa chánh kiến thì chứng Thánh quả thứ nhất?	55
2.1.2	Vì sao bậc Dự lưu chỉ sanh tử tối đa bảy lần, giữa chư Thiên và loài người, không sanh vào cảnh giới thấp?	57
2.2	Sự thâm sâu thần diệu của Pháp Tám Đúng ...	59
2.2.1	Thánh đạo	59
2.2.2	Thánh pháp	60
2.2.3	Thánh phát minh.....	63
2.2.4	Thánh châu báu	64
2.2.5	Thánh được.....	66

2.2.6	Thánh thanh lọc	71
2.2.7	Thánh bát nhã	72
2.2.8	Thánh hùng ca	76
2.2.9	Thánh trí tuệ	77
2.2.10	Thánh sự thật	77
2.2.11	Thánh chân lý	79
2.2.12	Thánh hiền pháp	80
2.3	Tinh Hoa Phật Trí.....	81
2.4	Phật đạo - Phật thừa - Tối thượng thừa.....	86
2.4.1	Kinh Thành Ấp (<i>Tương</i> II, 185).....	86
2.4.2	Điều mà Đức Phật đã giác ngộ.....	91
2.4.3	Đường lối tu của chư Phật ba đời.....	97
2.4.4	Thánh chuông đánh thức nhân gian	102
2.5	Kệ đánh lễ Phật đạo vô thượng.....	109
3	GIỚI ĐỊNH TUỆ TRONG NIKĀYA.....	117
3.1	Pháp Tám Đúng được Giới Định Tuệ thâm nhiếp	117
3.2	Thế nào là Giới Định Tuệ trong Đạo Phật?..	117

3.3	Năm nguy hiểm cho người phạm giới.....	119
3.4	Dòng chảy của Giới Định Tuệ.....	122
3.4.1	Kinh Sở Y (<i>Tăng IV</i> , 241).....	122
3.4.2	Kinh Có Lợi Ích Gì (<i>Tăng IV</i> , 645) .	124
3.5	Dòng chảy của Chánh niệm và Giới Định Tuệ	126
3.6	Giới Định Tuệ - Ba việc cần làm của người tu	128
3.7	Ta cũng là con bò - Kinh Sa-môn (<i>Tăng I</i> , 415)	131
3.8	Vị trí và tầm quan trọng của Giới Định Tuệ trong đạo Phật	132
3.9	Mục đích của Giới Định Tuệ.....	136
3.10	Tam Pháp Ấn trong đạo Phật.....	140
4	GIẢI THÍCH MỘT SỐ TỪ HÁN VIỆT.....	145
4.1	Dục thủ, Kiến thủ, Giới cấm thủ, Ngã luận thủ	145
4.2	Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu	146
4.3	Noãn sanh, Thai sanh, Thấp sanh, hóa sanh.	147

4.4	Lậu hoặc	148
4.5	Vô minh	149
4.6	Niết-bàn	153
4.6.1	Niết-bàn là gì?	153
4.6.2	Hữu dư y Niết-bàn	157
4.6.3	Vô dư y Niết-bàn	158
4.6.4	Kinh Không Có Dư Y (<i>Tăng IV, 103</i>)	159
4.6.5	Kinh Tissa (<i>Tăng III, 379</i>)	162
4.6.6	Kinh Sanh Thú Của Loài Người (<i>Tăng III, 371</i>)	169
5	MỤC ĐÍCH ĐẠO PHẬT TRONG NIKĀYA	177
5.1	Mục đích đạo Phật là gì?	177
5.1.1	Kinh Với Mục Đích Gì (<i>Tương V, 16</i>)	177
5.1.2	Kinh Ly Tham (<i>Tương V, 47</i>)	178
5.1.3	Kinh Kiết Sử (<i>Tương V, 48</i>) (<i>Samyojanam</i>)	180
5.1.4	Kinh Không Chấp Thủ (<i>Tương V, 49</i>)	

.....	181
5.1.5 Kinh Sa-Môn Hạnh 1 (<i>Tương V</i> , 45)	183
5.1.6 Kinh Sa-Môn Hạnh 2 (<i>Tương V</i> , 45)	183
5.1.7 Kinh Devadaha (<i>Tương III</i> , 16)	184
5.1.8 Kinh Phạm Hạnh (<i>Tăng I</i> , 597)	189
5.1.9 Kinh Tôn Giả Mahàkotthita (<i>Tăng IV</i> , 108).....	190
5.1.10 Kinh Trạm Xe (Rathavivutasutta) (<i>Trung I</i> , bài 24).....	195
5.1.11 Kinh Bất Tử (<i>Tương V</i> , 65).....	205
5.1.12 Kinh Các Vị A-La-Hán (<i>Tương III</i> , 155).....	207
5.1.13 Giải mã các mục đích trên.....	210
5.2 Truy tìm nguồn cội mục đích đạo Phật.....	214
5.2.1 Thái tử Tất-Đạt-Đa xuất gia vì mục đích gì?	214
5.2.2 Vì sao có sự trầm luân trong sanh tử?	215
5.2.3 Bốn sự thật về Sanh tử.....	220
5.2.4 Mục đích đạo Phật.....	225

6	CHÁNH PHÁP TRONG NIKĀYA	227
6.1	Chánh pháp là gì?	227
6.2	Định nghĩa Chánh pháp trong kinh Nikāya ..	233
6.3	Đức Phật đã trao truyền Chánh pháp gì?	241
6.3.1	Kinh Nghĩ Như Thế Nào (<i>Trung</i> III, bài 103).....	241
6.3.2	Kinh Làng Sāma (<i>Trung</i> III, bài 104)	243
6.3.3	Kinh Đại Bát Niết-Bàn (<i>Trường</i> I, bài 16).....	248
6.3.4	Kinh Anurādhā (<i>Trường</i> III, 210).....	250
6.3.5	Kinh Ví Dụ Con Rắn (<i>Trung</i> I, bài 22)	253
6.3.6	Kinh Thế Giới (<i>Tăng</i> I, 592)	257
6.3.7	Lời kết	259
6.4	Ngũ uẩn và Ba mươi bảy Bồ-đề phần.....	261
6.5	Sự phối hợp các pháp trong Ba mươi bảy Bồ-đề phần	263

6.6	Có thể thêm bớt gì trong Chánh pháp không?	269
6.6.1	Kinh Thanh Tịnh (<i>Trường</i> II, bài 29)	269
6.6.2	Thấy mà không thấy	273
6.6.3	Vì sao không thể thêm bớt giáo pháp của Đức Phật?.....	274
6.7	Trường hợp không thể thâm nhập Chánh pháp	284
6.7.1	Kinh Quyết Định Tánh Về Diệu Pháp 1 (<i>Tăng</i> II, 595)	284
6.7.2	Kinh Quyết Định Tánh Về Diệu Pháp 2 (<i>Tăng</i> II, 596)	285
6.7.3	Kinh Quyết Định Tánh Về Diệu Pháp 3 (<i>Tăng</i> II, 597)	286
6.7.4	Kinh Không Ưa Nghe (<i>Tăng</i> III, 252)	287
6.7.5	Kinh Chương Ngại (<i>Tăng</i> III, 250) ..	289
6.7.6	Kinh Nghiệp Chương (<i>Tăng</i> III, 251)	290

6.7.7	Kinh Không Có Cung Kính 1 (<i>Tăng II</i> , 325).....	291
6.7.8	Kinh Không Có Cung Kính 2 (<i>Tăng II</i> , 326).....	293
6.7.9	Kinh Vô Thường (<i>Tăng III</i> , 259).....	294
6.7.10	Kinh Khổ (<i>Tăng III</i> , 260)	295
6.7.11	Kinh Vô Ngã (<i>Tăng III</i> , 260).....	295
6.7.12	Kinh Niết-bàn (<i>Tăng III</i> , 260)	296
6.7.13	Tổng kết.....	297
6.8	Phân biệt Tà Pháp và Chánh pháp.....	299
6.8.1	Kinh Che Giấu (<i>Tăng I</i> , 516).....	299
6.8.2	Kinh Pháp Tóm Tắt (<i>Tăng III</i> , 660) .	300
6.8.3	Kinh Thông Điệp (<i>Tăng III</i> , 479).....	302
6.8.4	Kinh Bệnh (<i>Tương V</i> , 237).....	303
6.8.5	Lời kết	305
6.9	Pháp truyền thống của các Đức Phật là gì? ..	308
6.9.1	Kinh Đại Bát Niết-Bàn (<i>Trường I</i> , bài 16).....	308
6.9.2	Truyền thống tu tập của các bậc Chánh Đăng Giác.....	312

6.10 Hồi hướng.....317

VÀI NHẬN XÉT VỀ TẬP SÁCH TINH HOA NIKĀYA

Trước hết, tôi thành tâm cảm ơn sâu sắc đến đạo hữu Chơn Tín Toàn, tác giả tập sách này, đưa cho tôi đọc và nhận xét. Điều này đã cho tôi có một cái nhìn rõ nét về Tinh Hoa của Kinh tạng Nikāya.

Sau khi tốt nghiệp Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam Cơ Sở II, khóa I, tôi có duyên lành đi giảng dạy các trường Phật học. Những gì được học về Kinh tạng Nikaya do Hòa thượng - Giáo sư Thích Minh Châu trao truyền, tôi tiếp tục nghiên cứu và giảng dạy từ đó. Từ việc học lý cho đến thực nghiệm bản thân đã mang đến cho tôi niềm pháp lạc, niềm tin và hướng đi của mình. Tôi thấy rằng được sống với những đạo lý chân truyền của Đức Phật là điều hạnh phúc nhất trong cuộc đời tu hành.

Điều khó khăn để hiểu và hành trì là không nắm bắt được hệ thống tư tưởng của Phật qua Kinh Nikāya; khó khăn hơn nữa là sự phân loại cụ thể trong vô vàn những bài kinh trong năm bộ Nikāya. Qua nhiều năm giảng dạy nghiên cứu, tôi dần nhận ra những phần cốt lõi trong Kinh

Nikāya, mỗi lần hiểu ra một vấn đề, ngộ được thêm một nghĩa là một lần hạnh phúc tràn ngập trong tâm.

Khi đọc tập sách Tinh Hoa Nikāya của Chơn Tín Toàn, tôi cảm động vô cùng vì nhìn thấy quá trình tư duy, khao khát tìm kiếm chân lý của mình trong đó. Đặc biệt, những vấn đề tôi thấy chưa rõ thì tập sách này đã nói đến rất rõ, những điều mình chưa tập trung cao độ thì tập sách này cho mình một hướng nhìn tập trung hơn, nhờ đó, thấy biết được rõ hơn con đường Thánh đạo.

1. Vấn đề cốt tủy của Nikāya

Căn cứ vào lời Phật dạy, tác giả đã cho ta cái nhìn rộng và xác định mục tiêu xuyên suốt của Đức Phật: “Chư Tử-kheo, xưa cũng như nay ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ” và sự khổ ấy được tập chú vào cái căn bản nhất: “Sự chấp thủ đối với năm uẩn là khổ”. Điều đó, theo tác giả của tập sách, có nghĩa là “Trước kia và nay, Đức Phật chỉ tuyên bố về Năm thủ uẩn và con đường diệt tận Năm thủ uẩn”. Nhận định này cho ta thấy rõ nỗi khổ của cuộc đời chính là chấp thủ năm uẩn chứ không phải cuộc đời là khổ như mọi người thường nghĩ. Điều này rất quan trọng vì khi biết rõ cái khổ là gì, do cái gì tạo nên thì sự thực hành diệt khổ mới khả thi.

Ngoài ra, tác giả chỉ cho ta rằng, sự thấy biết, sự phân tích, tư duy về năm uẩn tuần tự từ thô đến tế, từ thân tâm cho đến thế giới - Đó là trí tuệ để diệt tận khổ đau, trí tuệ ấy được gọi là Trí về Ngũ uẩn. Nhờ vậy, hành giả không bị lạc vào định nghĩa về trí tuệ một cách chung chung. Tác giả kết luận rằng: “Tinh thần chính của Nikāya là Trí về Ngũ uẩn, và đó là Trí mà Đức Phật đã chứng ngộ và trao truyền cho chúng sanh. Khi biết rõ như vậy Trí tuệ của hành giả sẽ không bị tản mác, không bị phân tán, không bị lạc lối trong rừng Kinh Nikāya”. Quả thực là điều khám phá quý báu.

2. Vấn đề Chánh pháp

Chánh pháp là gì? Đây là một câu hỏi không dễ trả lời thỏa đáng cho mọi người. Nếu không xác định Chánh pháp là gì thì con đường tu hành sẽ có nhiều ngã ba đường và không thể đi đến mục đích. Tác giả dựa vào Kinh Nikāya để định nghĩa về Chánh pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian (có hiệu quả tức thời), đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu”. Tác giả đã phân tích rõ về định nghĩa Chánh pháp này và kết luận: “Pháp mà Đức Phật đã chứng ngộ, đã giảng dạy với thượng trí của Ngài đó chính là Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy bồ đề phần và Tám thánh đạo

phần”. “Ngay cả đến giây phút cuối cùng, trước khi nhập Niết-bàn, Đức Phật vẫn khẳng định lại rằng Ba mươi bảy bồ đề phần là những pháp mà Ngài đã chứng ngộ và giảng dạy lại cho đệ tử của Ngài. Ngài còn căn dặn đệ tử phải khéo học hỏi, khéo tu tập, khéo thực chứng và khéo truyền rộng Thánh pháp này để con đường chân chánh này được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng với đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người”.

Đó là Chánh pháp vì đây là con đường diệt khổ mà Đức Phật đã khẳng định: “Trước sau gì Ngài cũng chỉ giảng nói về Khổ và Con đường diệt khổ”. Con đường diệt khổ ở đây là Ba mươi bảy bồ đề phần, không có con đường nào khác. Tác giả cũng dựa vào tuyên bố trong Kinh tạng Nikāya để xác định thêm Chánh pháp là những gì Đức Phật đã chứng ngộ và đã giảng thuyết nên không thể tự tiện thêm bớt gì. Bất cứ một sự thêm bớt nào đều có thể làm loãng hoặc sai lệch Chánh pháp này, đó là lời cảnh giác cần thiết cho các hành giả thời đại.

3. Tiến trình thành tựu Thánh đạo

Vấn đề mà tôi tâm đắc ở đây là sự thực tập hành trì. Bậc Đạo Sư đã có, con đường đã được thiết lập, đệ tử tu hành cũng có nhưng sự thành tựu đạo quả thì kẻ có người không,

thậm chí không nhiều hơn có... Tại sao? Tại vì sự tu tập ấy không rõ ràng, không biết bắt đầu như thế nào hoặc ngay từ khi bắt đầu đã bị sai nên không có kết quả tốt đẹp.

Tác giả đã phân tích từng bước, có bốn bước được phân tích sâu để hành giả có thể thực tập, quán chiếu: Tu tập chánh kiến, Thể nhập chánh kiến, Như lý tác ý và Chánh tư duy, cuối cùng là các pháp còn lại trong Bát chánh đạo. Tác giả tập chú vào Chánh kiến và Chánh tư duy rất chi tiết và thuyết phục, rồi kết luận: “Phần trên là một số phương cách thiện xảo, khéo nhận diện, khéo như lý tác ý, khéo vận dụng Chánh tri kiến, Chánh tư duy để chế ngự, nhiếp phục và đào thải hoàn toàn khỏi nội tâm những cặn bã, những rác bẩn, những cấu uế. Khi đã bước vào được cánh cửa của Chánh tri kiến, thì cái nhìn, cái thấy của hànhgiả sẽ sâu sắc, thiện xảo, tinh tế, uyển chuyển trong sự vận dụng Chánh tư duy và vận dụng Như lý tác ý”. Tôi cho rằng điều này là đúng hướng như Đức Phật dạy trong Đại Kinh Bốn Mươi Pháp: “Chánh kiến đi hàng đầu trong mọi pháp môn”. Đồng thời lối tu này thể hiện sự thấy, sự biết rõ, khách quan và khoa học rất phù hợp cho lối tư duy hiện đại.

Bước thứ tư các pháp còn lại gồm Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Trên cơ sở thành tựu Chánh kiến và Chánh tư

duy, các pháp còn lại được soi chiếu giữa chánh tà, đúng sai, các mức độ sâu cạn từng bước thành tựu, kể cả con đường Chánh định, các trạng thái tâm chứng cũng mô tả rõ. Tôi cho rằng rất lợi ích và tạo nhiều cảm xúc tích cực cho những người yêu mến con đường Thánh đạo này.

Tóm lại, với vài nhận định như trên không thể nào đầy đủ được, nhưng với tấm lòng của người khao khát Chánh pháp, tôi rất tùy hỷ, đồng tình và tán dương việc làm đầy ý nghĩa của tác giả. Với tập sách này Tôi cho rằng đây chính là Tinh Hoa của Nikāya.

Kính mong tập sách này sẽ sớm là cẩm nang cho những người con Phật đang trên con đường tu tập hướng về đạt thành các Thánh quả.

Chùa Từ Tâm, Sài Gòn, mùa An cư

PL.2563 – DL.2019

Tỳ-kheo **Thích Viên Giác**

1 NIKĀYA CHINH PHỤC THẾ GIỚI

Để biết rõ Nikāya chinh phục thế giới như thế nào, sau đây chúng ta sẽ cùng khảo sát sự hoàn hảo, sự tinh tế, sự thần diệu của Pháp Tám Đúng trong Vô Thượng Pháp Luân trong Nikāya.

1.1 Nikāya truy sát Vô Minh như thế nào?

Vô minh là trạng thái tâm bị vẩn đục, tâm không trong sáng, không thấy biết rõ những gì đang vận hành, đang hoạt động trong nội tâm. Tâm không trong sáng, không thấy biết rõ những thọ, tưởng, hành, thức trong nội tâm; không thấy biết rõ những dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu; không thấy biết rõ những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trong tâm; không thấy biết rõ những cấu uế, rác bẩn trong tâm; không thấy biết rõ những pháp bất thiện đang khống chế tâm, đang áp bức tâm như thế nào. Tâm vẩn đục, tâm không trong sáng, không thấy biết rõ những gì đang có mặt, đang vận hành, đang dẫn dắt tâm, đang chi phối tâm, đó gọi là vô minh.

Chúng sanh với tâm bị vô minh che đậy, bị vô minh phong tỏa, không thấy biết rõ trạng thái nội tâm của mình, không thấy biết rõ những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc trong nội tâm nên chúng sanh nói trong vô minh,

làm trong vô minh, suy nghĩ trong vô minh. Chúng sanh sống trong vô minh, sống trong si ám mà không hay không biết. Chúng sanh cho mình tài giỏi, cho mình thông minh nhưng chúng sanh không biết rằng sự tài giỏi, sự thông minh của mình cũng chỉ nằm trong vô minh, trong lậu hoặc, trong dục, ái, tham, sân, si. Chúng sanh tài giỏi, thông minh, biết sự đời việc này việc kia nhưng không biết rõ nội tâm của mình, không biết rõ những gì đang vận hành đang hoạt động trong nội tâm, không biết rõ những gì đang khống chế tâm, đang dẫn dắt tâm, đang chi phối tâm.

Chúng sanh thông minh, tài giỏi có thể đọc chữ, đọc sách, đọc được nhiều thứ tiếng, đọc nhiều tài liệu khoa học, đọc ý nghĩa trong lời nói của những người xung quanh, đọc ý nghĩa trong những hình vẽ, trong những bộ phim, trong những tập sách... Chúng sanh thông minh, tài giỏi có thể đọc được nhiều thứ bên ngoài nội tâm nhưng lại không đọc được những thứ đang có bên trong nội tâm của mình. Chúng sanh không đọc được, không giải mã được lòng dục trong mình. Chúng sanh không đọc được, không giải mã được lòng ái trong mình. Chúng sanh không đọc được, không giải mã lòng sân hận, hờn giận, hơn thua, ích kỷ, hẹp hòi, bản ngã, độc ác, xảo trá, nguy hiểm, giả dối trong mình. Đó gọi là vô minh.

Tóm lại, vô minh là trạng thái tâm không trong sáng, không thấy biết rõ những gì đang có mặt trong nội tâm, không

thấy biết rõ những gì đang diễn ra trong tâm, không thành tựu trí tuệ về tự thân, không nhìn ra được những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trong tự thân, không chế ngự được, không nhiếp phục được những pháp ác bất thiện trong nội tâm, không thấy biết rõ cái gì đang dẫn mình đi trong luân hồi sanh tử.

Với một trạng thái tâm vô minh, vô trí sâu dày như vậy, nên chúng sanh không thoát khỏi sanh tử, không thoát khỏi phiền não, không thoát khỏi khổ đau.

Nhưng đối với bậc Thánh đệ tử, đối với vị đệ tử chân chánh của Đức Phật, sau khi được nghe những lời dạy chân chánh của Ngài về vô minh, về dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vị này khéo tiếp nhận lời dạy này, vị này thành tựu đức hạnh của một người tu. Với đức hạnh chân chánh của người tu, vị này khéo như lý tác ý, khéo tác động tâm ý của mình hướng đến thể nhập vào trí tuệ, thể nhập vào sự thực chứng, thực thấy biết các sự thật mà Đức Phật đã chỉ dạy. Cuối cùng, vị này với tự thân đã thực giác, thực chứng, thực thấy, thực biết những sự thật, những trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Vô minh được vị này thấy biết rõ, bản ngã được vị này thấy biết rõ, dục, ái, tham, sân, si được vị này thấy biết rõ. Vị này thấy biết rõ nội tâm cấu uế của mình. Vị này có thể đọc được, có thể giải mã được tất cả những gì đang có mặt, đang diễn ra trong nội tâm vô minh, lậu

hoặc của mình. Vị này được gọi là bậc đã thành tựu Chánh tri kiến.

Với bậc đã thành tựu chánh kiến thì chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định dần đi đến thành tựu. Tức là, với vị có sự thấy biết đúng, thấy biết chân chánh về tự thân và cuộc sống thì thân khẩu ý của vị này dần điều chỉnh theo sự suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ, định đúng cách. Những vô minh trong thân khẩu ý của vị này được nhìn thấy, và dần được nhiếp phục, dần được diệt tận dưới ánh sáng của chánh tri kiến, của sự thấy biết đúng.

Pháp hành Tám Đúng là một pháp hành thực tế, một đường lối tu thực tế rõ ràng, có kết quả thiết thực ngay trong đời sống hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Nhân và quả của pháp hành này là ngay trong lòng bàn tay, không có gì là hư vọng, hảo huyền, không rõ ràng, không minh bạch, không có thể xác chứng được ngay trong hiện tại. Kết quả tu tập trong pháp hành Tám Đúng là minh bạch, trong sáng, rạch ròi, được những người trí tu tập trong Thánh pháp này tự thân thấy biết rõ, không phải nương tựa vào người khác.

Phương Pháp Tám Đúng là một phương pháp tu thân diệu, thiện xảo và hoàn hảo trong việc đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh, diệt tận tham sân si, tẩy sạch hoàn toàn những rác bần trong nội tâm.

- Chánh Tri Kiến hay **Thấy Biết Đúng** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ cái nhìn, cái thấy sai về thân tâm, khai sáng Bốn sự thật về Ngũ uẩn trong thân tâm. Diệt tận vô minh trong khía cạnh cái nhìn, cái thấy của người tu về thân tâm và thế giới.
- Chánh Tư Duy hay **Suy Nghĩ Đúng** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ những tư duy, những suy nghĩ sai quấy có chất chứa tham sân si ra khỏi tâm. Diệt tận vô minh trong khía cạnh ý hành của người tu.
- Chánh Ngữ hay **Nói Lời Đúng** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ những thói quen nói trong vô minh si ám. Diệt tận vô minh trong khía cạnh khẩu hành của người tu.
- Chánh Nghiệp hay **Hành Động Đúng** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ những hành động sai quấy, bất thiện do vô minh si ám dắt dẫn. Diệt tận vô minh trong khía cạnh thân hành của người tu.
- Chánh Mạng hay **Nuôi Mạng Đúng** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ những cách kiếm sống sai quấy trong vô minh si ám. Diệt tận vô minh trong khía cạnh kiếm sống, nuôi mạng sống của người tu.

- Chánh Tinh Tấn hay ***Siêng Đúng Việc*** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ những siêng năng sai trong sự tu đạo. Diệt tận vô minh trong khía cạnh siêng năng, tinh tấn của người tu.
- Chánh Niệm hay ***Quán Đúng Chỗ*** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ sự quán sát sai chỗ, nhớ biết sai chỗ trong sự tu đạo. Diệt tận vô minh trong khía cạnh nhớ nghĩ, quán niệm, quán sát của người tu.
- Chánh Định hay ***Định Đúng Cách*** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ những cách định tâm sai của người tu. Diệt tận vô minh trong phương diện thiền định, phương diện định tâm.

Vô minh ẩn nấp trong mọi phương diện của đời sống. Vô minh ẩn nấp trong mọi phương diện của sự tu. Nếu tu mà không thấy biết rõ vô minh thì sẽ tu trong vô minh. Nếu tu trong vô minh thì sẽ không thể nào thoát ra khỏi vô minh, không thể nào thành tựu trí tuệ về tự thân, không thể nào diệt tận hoàn toàn tất cả những cấu uế lậu hoặc trong nội tâm. Và như vậy, nếu tu trong vô minh thì sẽ không thể nào và không bao giờ chấm dứt được khổ, không bao giờ chấm dứt được trầm luân sanh tử.

Vì vậy, cần phải biết rõ vô minh, cần phải biết rõ những chỗ ẩn nấp của vô minh, cần phải biết rõ những hình thức thô tế của vô minh, cần phải biết rõ những hoạt động của

vô minh, cần phải biết rõ những góc độ, những khía cạnh của vô minh, cần phải biết rõ nhân duyên vô minh sanh khởi, nhân duyên vô minh diệt tận, cần phải biết rõ đạo lộ tu tập, phương pháp tu tập để đi đến diệt tận vô minh một cách hoàn toàn.

Vô minh ẩn nấp trong sự thấy biết, vô minh ẩn nấp trong sự suy nghĩ, vô minh ẩn nấp trong lời nói, vô minh ẩn nấp trong hành động, vô minh ẩn nấp trong cách kiếm sống, vô minh ẩn nấp trong sự nhớ biết, quán niệm, vô minh ẩn nấp trong cách định tâm. Đây là tám chỗ trú ẩn của vô minh trong cuộc sống. Đây cũng là tám góc độ, tám khía cạnh, tám chỗ hoạt động của vô minh.

Với trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác thì tất cả những chỗ trú ẩn của vô minh đã bị phơi bày, bị vạch trần, bị chỉ rõ. Đức Phật đã phát giác, phát hiện tất cả những chỗ trú ẩn của vô minh, tất cả những khía cạnh của vô minh và Ngài đã dùng những pháp thích hợp và thiện xảo để triệt phá chúng. Những pháp thích hợp đó chính là Pháp Tám Đúng.

Với Pháp Tám Đúng thì vô minh đã bị thấy biết hoàn toàn và bị diệt tận một cách hoàn toàn. Không có một góc độ nào, một khía cạnh nào, một hình thức thô tế nào của Vô minh và Khát ái trong đời sống của người tu mà có thể thoát khỏi trí tuệ của Đức Phật. Với trí tuệ của bậc Chánh

Đẳng Chánh Giác thì vô minh đã bị thấy biết một cách hoàn toàn và bị diệt tận hoàn toàn bởi Phương Pháp Tám Đúng. Phương pháp Tám Đúng đã truy sát vô minh và diệt tận vô minh một cách hoàn toàn.

1.2 Nikāya triệt hạ Kiết Sử như thế nào?

1.2.1 Kiết sử là gì?

Kiết sử là sự trói buộc và sai sử. Có năm sự trói buộc tâm ở dạng thô và năm sự trói buộc tâm ở dạng vi tế. Năm sự trói buộc tâm dạng thô gọi là Năm hạ phần kiết sử. Năm sự trói buộc tâm dạng tế nhị, vi tế gọi là Năm thượng phần kiết sử. Vì tâm bị mười sự trói buộc này, bị mười kiết sử này mà tâm phải ở trong cái rọ của Ngũ uẩn; không thoát khỏi ba cõi là dục giới, sắc giới và vô sắc giới; không thoát khỏi cảnh sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, chìm nổi trong biển sanh tử trầm luân trong phiền não và khổ đau.

Năm hạ phần kiết sử là: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục tham và sân.

- **Thân kiến:** sự nhìn nhận sắc, thọ, tưởng, hành, thức này là mình, là của mình, là tự ngã của mình. Đây là sợi dây

vô minh đầu tiên trói buộc tâm lòng nhùng trong sanh tử.

- **Hoài nghi:** sự nghi ngờ, bất an, dao động, nghi ngờ Tam bảo, nghi ngờ không biết mình là ai, hay ai là mình trong những đời sống trước. Đây là sợi dây vô minh thứ hai trói buộc tâm chìm nổi trong sanh tử.
- **Giới cấm thủ:** sự tuân thủ, sự cố chấp, sự thực hành theo các giới cấm nhưng không biết rõ nhân quả của việc làm này. Đây là sợi dây vô minh thứ ba trói buộc tâm trầm luân trong sanh tử.
- **Dục tham:** lòng tham dục, tham muốn, thèm muốn, khao khát, khát ái, ái luyến, quyến luyến, thương yêu, thích muốn đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc của thế gian, của cõi dục giới này. Đây là sợi dây vô minh thứ tư trói buộc tâm trong trầm luân sanh tử.
- **Sân:** sự sân hận, bực bội, tức giận, thù hận, oán hận, ghim gút, dính mắc đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc của cõi dục giới này. Đây là sợi dây vô minh thứ năm trói buộc tâm trong các cõi dục giới và sắc giới.

Năm thượng phần kiết sử (năm sự trói buộc tâm dạng vi tế) gồm: Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh.

- **Sắc ái:** Yêu thích cảnh giới của chư Thiên có hình tướng như chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương, Tam Thập Tam Thiên, Dạ-ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Lạc

Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên... Đây là sự trói buộc tâm thứ nhất, dạng vi tế.

- **Vô sắc ái:** Yêu thích cảnh giới của chư Thiên không hình tướng như chư Thiên ở Không vô biên xứ Thiên, Thức vô biên xứ Thiên, Vô sở hữu xứ Thiên, Phi tướng phi phi tướng xứ Thiên. Đây là sự trói buộc tâm thứ hai, dạng vi tế.
- **Mạn:** Ngã mạn, bản ngã. Đây là sự trói buộc tâm thứ ba, dạng vi tế. Đối với bậc Bất lai thì chỉ còn chút tàn dư ngã mạn “Tôi là” (tôi kém, tôi bằng, tôi hơn).
- **Trạo cử:** Tâm dao động. Đây là sự trói buộc tâm thứ tư, dạng vi tế. Đối với bậc Bất lai thì tâm chỉ còn dao động chút ít.
- **Vô minh:** Tâm không trong sáng. Đây là sự trói buộc tâm thứ năm, dạng vi tế. Đối với bậc Bất lai thì tâm chỉ còn vài lúc không trong sáng hoàn toàn.

Như vậy, tổng cộng có mười kiết sử, mười sự trói buộc tâm dạng thô và dạng vi tế.

1.2.2 Vì sao thành tựu Chánh kiến, phá được ba hạ phần kiết sử?

Khi thành tựu chánh kiến, thành tựu sự thấy biết rõ sự vận hành của Ngũ uẩn trong tự thân, không còn lầm chấp cho rằng: sắc, thọ, tưởng, hành, thức này là mình, là của mình,

là tự ngã của mình, nên diệt được thân kiến, phá được thân kiến, phá được sợi dây vô minh đầu tiên trói buộc tâm trong cái rọ của Ngũ uẩn.

Khi Ngũ uẩn được nhìn thấy rõ, vị ấy không còn hoài nghi, không còn nghi ngờ về đời trước mình có mặt hay không. Vị này biết rõ rằng: những đời sống trước cũng chỉ là những hình thức vầy khác của Ngũ uẩn do tâm vô minh và tham ái đối với Ngũ uẩn tạo ra. Nhờ thấy biết rõ như vậy nên diệt được hoài nghi, phá được hoài nghi, phá bỏ sợi dây vô minh thứ hai trói buộc tâm trong cái rọ của Ngũ uẩn.

Khi Ngũ uẩn được nhìn thấy rõ trong tự thân, nên không còn si mê vô minh chấp thủ, tuân thủ theo các giới cấm, vị này tu tập theo con đường của Giới Định Tuệ, vị này gìn giữ những giới hạnh trong sạch, thanh cao với trí tuệ biết rõ nhân quả của việc giữ giới, biết rõ mục đích của việc giữ giới. Vị này giữ giới không phải vì sự ép uổng của ai hay vì sợ ai quở trách, trừng phạt, mà vị này giữ các giới hạnh cao đẹp, hiền thiện của một người tu chân chánh, tránh không để Ngũ uẩn làm những hành động sai quấy đưa đến nghiệp báo đau khổ cho mình ở hiện tại và tương lai. Nhờ thấy biết rõ nhân quả trong việc gìn giữ giới đức nên vị này diệt được giới cấm thủ, phá được giới cấm thủ, phá bỏ sợi dây vô minh thứ ba trói buộc tâm trong cái rọ của Ngũ uẩn.

Như vậy, vào được cánh cửa đầu tiên của Phương Pháp Tám Đúng, thành tựu sự Thấy biết đúng, thấy biết rõ Ngũ uẩn và những rác bần trong nội tâm, là đã phá bỏ được ba sợi dây vô minh đầu tiên trói buộc tâm trong trầm luân sanh tử - tức là đã phá được ba hạ phần kiết sử là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. Đây gọi là bậc Dự lưu.

Lại nữa, với chánh kiến dẫn dắt, vị này tiếp tục tu tập sáu pháp đúng còn lại và dần thành tựu sáu pháp đúng này là: Nghĩ đúng, nói đúng, làm đúng, sống đúng, siêng đúng, quán đúng. Với bảy pháp chân chánh này thì thân hành, khẩu hành, ý hành của vị này dần được điều chỉnh theo chiều hướng nhiếp phục dục tham và sân. Khi dục tham và sân đối với dục giới được giảm thiểu và nguôi lạnh thì vị này chỉ còn quay lại đời này một lần nữa rồi sẽ chấm dứt sanh tử, đây gọi là vị Nhất lai. Khi dục tham và sân đối với dục giới được diệt tận một cách hoàn toàn thì vị này không còn quay lại đời này nữa, đây gọi là vị Bất lai. Vị này sẽ hóa sanh tại Tịnh Cư Thiên, khi hết thọ mạng thì nhập Niết-bàn tại đây.

1.2.3 Vì sao diệt được Năm hạ phần kiết sử, khi mạng chung không quay lại đời này?

- Lòng tham dục, tham ái, tham muốn đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc ở cõi dục giới là sự dính mắc trói buộc

với dục giới, đó là nguyên nhân thứ nhất sanh lại trong dục giới.

- Lòng sân hận, bực bội, tức giận, hiềm hận, thù hận đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc ở cõi dục giới cũng là sự dính mắc trói buộc với dục giới, đó là nguyên nhân thứ hai sanh lại trong dục giới.

Khi Ngũ uẩn được nhìn thấy, thân kiến được trừ diệt, hành giả không còn cho sắc, thọ, tưởng, hành, thức là mình, hành giả tu tập quán từ bỏ đối với Ngũ uẩn, diệt được lòng dục, lòng tham và lòng sân hận đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc của trần gian, của cõi dục nên những nguyên nhân, những nhân duyên khiến sanh lại đời này, sanh lại dục giới không còn nữa. Vì vậy, sau khi thân hoại mạng chung, vị này chắc chắn không sanh lại đời này nữa. Đó là lý do vì sao Đức Phật tuyên bố vị diệt được năm hạ phần kiết sử, được gọi là vị Bất lai, khi thân hoại mạng chung, không quay lại đời này mà sẽ hóa sanh ở Tịnh Cư Thiên.

Tịnh Cư Thiên là nơi ở của những vị đã có tâm tuy chưa hoàn toàn lậu tận, nhưng đã thanh tịnh trong sự không còn dục tham và sân, thấy biết rõ Ngũ uẩn, chỉ còn lại chút tàn dư cuối cùng của năm thượng phần kiết sử. Vì đây là nơi ở của những vị thành tựu chánh kiến và tâm đã thanh tịnh trong sạch trong vấn đề diệt dục tham và sân, nên nơi này được gọi là Tịnh Cư Thiên.

Như vậy, với sự phối hợp của bảy pháp đúng đầu tiên trong Phương Pháp Tám Đúng thì năm hạ phần kiết sử, năm sự trói buộc tâm dạng thô được triệt phá một cách hoàn toàn.

Lại nữa, với bảy pháp đúng được thành tựu là: Thấy đúng, nghĩ đúng, nói đúng, làm đúng, sống đúng, siêng đúng, quán đúng, hành giả bước vào tu tập cái đúng thứ tám đó là định đúng cách. Hành giả khéo an trú trong cách định tâm chân chánh này. Với cách định tâm đúng này, hành giả khéo quán chiếu nhận diện Ngũ uẩn, nhận diện những tàn dư uế nhiễm còn sót lại trong nội tâm thông qua những hành tướng của Ngũ uẩn, nhận diện năm sự trói buộc tâm dạng vi tế còn sót lại thông qua những biểu hiện của Ngũ uẩn, hành giả quán diệt tận những trói buộc vi tế này, quán từ bỏ đối với Ngũ uẩn, tẩy sạch những tàn dư lậu hoặc trong tâm, thể nhập quả lậu tận, thể nhập A-la-hán quả.

Như vậy, với sự phối hợp hoàn hảo, thiện xảo của Phương Pháp Tám Đúng, với sự thực hành trọn vẹn và thành tựu trọn vẹn Phương Pháp Tám Đúng thì mười kiết sử, mười sự trói buộc tâm được tháo gỡ, được phá bỏ, được triệt phá, được diệt tận một cách hoàn toàn. Tâm được hoàn toàn giải thoát khỏi dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Tâm được hoàn toàn giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Tâm được hoàn toàn giải thoát khỏi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, người, chư Thiên, được giải thoát khỏi những đời sống lang thang rày đây mai đó ở các cõi, giải thoát khỏi

những cảnh sống vô thường, tạm bợ, mộng lung, bất an, đầy sợ hãi, đầy lo lắng, đầy phiền não và khổ đau. Tâm được giải thoát khỏi những cảnh cùi, hủi, ghẻ, lở, ung thư, ung nhọt, ăn xin, cô hồn, ngạ quỷ vất vớ vất vương... Như vậy, Phương Pháp Tám Đúng đã đưa đến sự diệt tận hoàn toàn mười kết sử, tháo gỡ hoàn toàn mười sợi dây ác nghiệp của vô minh đã trói buộc tâm phải trầm luân trong vô lượng lần sanh tử và phiền não vừa qua.

- Chúng con vô lượng cung kính tri ân Phương Pháp Tám Đúng.
- Chúng con vô lượng cung kính tri ân con đường Bát Chánh Đạo.
- Chúng con vô lượng cung kính tri ân Đức Thế Tôn, Bạc A-la-hán Chánh Đăng Chánh Giác, Ngài đã kéo chúng con ra khỏi vực thẳm của vô minh, Ngài đã đưa chúng con đến với ánh sáng của trí tuệ chánh giác mà Ngài đã giác ngộ, Ngài đã tặng cho chúng con một **chiếc thuyền Bát nhã tối thượng thần diệu** để vượt thoát khỏi biển trầm luân trong sanh tử và phiền não này. Chúng con vô lượng thành kính cung kính cúi đầu cảm tạ Ngài. Chúng con vô lượng thành kính cung kính cúi đầu tri ân Ngài. Chúng con vô lượng thành kính cung kính cúi đầu đánh lễ Ngài, đánh lễ Đức Thế Tôn, Bạc A-la-hán Chánh Đăng Chánh Giác.

1.3 Nikāya triệt phá Năm Thủ Uẩn như thế nào?

Ngũ uẩn là cái mà tâm này đang mê mãi đeo bám, đang mê mãi chạy theo, đang mê mãi nắm giữ. Chính vì tâm hôn mê, dính mắc, chấp thủ, ám ảnh, trói buộc đối với Ngũ uẩn mà tâm này đã phải bị chết chìm trong dòng sanh tử phiền não và khổ đau này. Phương Pháp Tám Đúng là con đường chân chánh, là phương pháp chân chánh để diệt tận những hôn mê, tham đắm, chấp thủ, dính mắc, trói buộc đối với Ngũ uẩn. Phương Pháp Tám Đúng đã giúp tâm mê lần lượt phá tan những hôn mê, chấp thủ đối với Ngũ uẩn.

Tiến trình Pháp Tám Đúng triệt phá Năm thủ uẩn như sau:

- Thông qua Văn Tư Tu Trí về Ngũ uẩn, hành giả thành tựu chánh tri kiến, thành tựu sự thấy biết đúng về Ngũ uẩn trong tự thân, hành giả thấy biết rõ Ngũ uẩn nhưng chưa thoát khỏi sự khống chế, sự chi phối của Ngũ uẩn, chưa kiểm soát hết Ngũ uẩn. Đây gọi là hành giả đã thể nhập được Thánh trí tuệ, hành giả là bậc Dự lưu. Với trí tuệ này, trong bảy lần sanh tử tối đa, hành giả sẽ đi đến sự diệt trừ hoàn toàn tất cả những cấu uế, uế nhiễm, dính mắc đối với Ngũ uẩn.
- Sau đó, khi đã thành tựu sự thấy biết đúng và thấy biết đầy đủ về Ngũ uẩn, về tự thân, hành giả điều chỉnh thân khẩu ý theo suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ,

định đúng cách. Với đời sống chân chánh này, hành giả tiếp tục làm giảm thiểu dục tham và sân đối với Ngũ uẩn. Cho đến khi hành giả đã chế ngự và nhiếp phục được khá nhiều dục tham và sân, làm cho dục tham và sân dù chưa hết hẳn nhưng đã nguội lạnh hoàn toàn. Với dục tham và sân đã hoàn toàn nguội lạnh như vậy, khi thân hoại mạng chung, hành giả chỉ quay lại đời này một lần nữa rồi hoàn toàn chấm dứt sanh tử. Đây gọi là hành giả đã thể nhập vào Nhất lai quả.

- Tiếp tục an trú thân tâm trong sự tu tập Pháp Tám Đúng, hành giả tiếp tục diệt tận những dục tham và sân cuối cùng đối với Ngũ uẩn. Với một trạng thái thân tâm hết sạch dục tham và sân đối với sắc thân này và đối với dục giới, sau khi thân hoại mạng chung, hành giả không quay lại cõi đời này nữa. Vì dục tham và sân hận là hai nguyên nhân đưa hành giả quay lại đời này, nhưng hành giả đã diệt tận hai nguyên nhân này nên hành giả không còn phải bị quay lại cõi đời phạm tục đầy tham dục và sân hận này. Đây gọi là hành giả thể nhập được Bất lai quả, nhưng còn lại chút lậu hoặc tàn dư là Năm thượng phần kiết sử.
- Và khi hành giả thành tựu trọn vẹn đời sống Tám Đúng, thân khẩu ý thuần an trú trong Tám Đúng, diệt tận dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, diệt tận hoàn toàn Năm thượng phần kiết sử còn sót lại trong tâm, diệt tận tất cả

những tàn dư lậu hoặc cuối cùng trong Ngũ uẩn, là bậc A-la-hán, hành giả được tâm hoàn toàn trong sạch thanh tịnh và không còn chút hoạt động ngoài luồng tàn dư nào của Ngũ uẩn. Tâm không còn một lầm chấp nào về Ngũ uẩn, Ngũ uẩn hoàn toàn không còn một hoạt động bộc phát nào nữa, Ngũ uẩn hoàn toàn được chế ngự, được nhiếp phục và được làm cho thanh tịnh. Sau khi thân hoại mạng chung, tâm đạt tịch tịnh Niết-bàn, không còn bị trói buộc vào một Ngũ uẩn nào khác nữa.

Như vậy, khi Pháp Tám Đúng được tu tập một cách đúng pháp sẽ đưa đến thành tựu sự chế ngự, sự nhiếp phục Ngũ uẩn một cách hoàn toàn, diệt tận hoàn toàn những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã đối với Ngũ uẩn, tâm được hoàn toàn giải thoát khỏi mọi hình thức chấp thủ, dính mắc, trói buộc đối với Ngũ uẩn. Pháp Tám Đúng đã triệt phá Năm Thủ Uẩn một cách hoàn toàn. Đó là sự thần diệu của Pháp Tám Đúng trong Nikāya.

1.4 Nikāya triệt tiêu Tham, Sân, Si, Bản ngã như thế nào?

Tham, sân, si, bản ngã là những rác bần, những cấu uế trong nội tâm. Vì tham, vì sân, vì si, vì bản ngã mà chúng sanh làm các ác nghiệp về thân, về lời, về ý rồi sau đó phải gánh chịu những nhân quả, những hậu quả, những nghiệp chướng đầy đau khổ, đầy cay nghiệt, đầy nước mắt.

Tham, sân, si, bản ngã là rắn độc, là sâu bọ, là yêu tinh quỷ quyết trong nội tâm. Chúng sanh đã bị những con rắn độc này sát hại, tàn hại, giết hại không biết bao nhiêu lần trong dòng sanh tử trầm luân này. Pháp Tám Đúng đã giúp chúng sanh nhìn thấy rõ chân tướng của tham, sân, si, bản ngã. Pháp Tám Đúng đã vạch mặt, vạch trần bản chất thâm độc, tàn hại của những con rắn độc này.

Tiến trình Pháp Tám Đúng triệt tiêu Tham, sân, si, bản ngã như sau:

- Thông qua Văn Tư Tu Trí về Ngũ uẩn, hành giả thành tựu chánh tri kiến, thành tựu sự thấy biết đúng về Ngũ uẩn trong tự thân, hành giả thấy biết rõ tham, sân, si, bản ngã và những rác bần, những pháp ác bất thiện đang trà trộn, lẫn trốn trong Ngũ uẩn. Đây là giai đoạn hành giả chỉ mới vừa nhìn thấy những pháp bất thiện, những cấu uế trong nội tâm nhưng vẫn chưa thoát khỏi sự khống chế của chúng, chưa thoát khỏi sự chi phối của Ngũ uẩn, của tham, sân, si, bản ngã, chưa nhiếp phục được những pháp ác bất thiện trong tự thân. Ở giai đoạn này, hành giả được gọi là bậc Dự lưu, chỉ sanh tử tối đa bảy lần. Trong bảy lần này, hành giả sẽ đào thải sạch khỏi nội tâm những tham, sân, si, bản ngã còn tàn dư trong nội tâm.

- Sau khi thành tựu sự thấy biết đúng, thấy biết rõ về tự thân và những tham, sân, si, bản ngã trong tự thân, hành giả điều chỉnh thân khẩu ý theo suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ, định đúng cách. Với đời sống chân chánh này, hành giả làm giảm thiểu dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, giảm thiểu tham, sân, si, bản ngã, giảm thiểu những pháp ác bất thiện trong tự thân, hành giả là bậc Nhất lai, đã chế ngự và nhiếp phục được tham, sân, si, bản ngã khá nhiều.
- Tiếp tục an trú thân tâm trong sự tu tập Pháp Tám Đúng, hành giả diệt tận dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, là bậc Bất lai, chế ngự và nhiếp phục hoàn toàn dục tham và sân, nhưng còn lại chút lậu hoặc tàn dư là Năm thượng phần kiết sử.
- Và khi hành giả thành tựu trọn vẹn đời sống Tám Đúng, thân khẩu ý thuần an trú trong Tám Đúng, diệt tận dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, diệt tận những tàn dư lậu hoặc cuối cùng trong Ngũ uẩn, là bậc A-la-hán, hành giả được tâm hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh và không còn chút tàn dư nào của tham, sân, si, bản ngã.

Như vậy, Pháp Tám Đúng khi được tu tập một cách đúng pháp sẽ đưa đến thành tựu sự chế ngự, nhiếp phục và diệt tận hoàn toàn những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã đối với Ngũ uẩn, tâm được hoàn toàn giải thoát khỏi tất cả những

pháp bất thiện này. Pháp Tám Đúng đã triệt tiêu tham, sân, si, bản ngã một cách hoàn toàn. Đó là sự vi diệu của Pháp Tám Đúng trong Nikāya.

1.5 Nikāya diệt tận Lậu Hoặc như thế nào?

Lậu hoặc là những rò rỉ, những rỉ chảy, những hoạt động lén lút qua mặt trong nội tâm. Có ba lậu hoặc: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

- Dục lén lút hoạt động trong nội tâm, âm thầm hoạt động trong nội tâm, ngấm ngầm hoạt động trong nội tâm nhưng tâm không thấy, không biết, đó gọi là dục lậu.
- Sắc, thọ, tưởng, hành, thức lén lút sanh diệt, hiện hữu liên tục trong nội tâm; lén lút đưa vào trong tâm những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã; rồi lại lén lút tuồn ra ngoài những cấu uế này nhưng tâm không thấy, không biết, đó gọi là hữu lậu.
- Vô minh âm thầm hoạt động trong nội tâm, trạng thái si ám ngấm ngầm hoạt động trong nội tâm nhưng tâm không thấy, không biết, đó gọi là vô minh lậu.

Ba lậu hoặc này, ba sự lén lút hoạt động này trong tâm làm cho tâm bị hôn trầm, vọng tưởng, phóng dật, buông lung, mê mờ, làm cho tâm bị đau khổ, bị chìm nổi triền miên trong sanh tử, làm cho tâm không dừng lại được những đời sống vô thường, tạm bợ, mong manh, bất an, sợ hãi. Pháp

Tám Đúng đã giúp tâm nhìn thấy rõ những lậu hoặc trong nội tâm, và giúp tâm đi đến sự diệt tận, sự tiêu diệt, sự đào thải hết tất cả những lậu hoặc, những cấu uế này khỏi nội tâm. Pháp Tám Đúng đã thanh lọc tâm hết sạch những cấu uế, lậu hoặc, làm cho tâm trong sạch, thanh tịnh, vượt khỏi sâu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn.

Tiến trình Pháp Tám Đúng diệt tận các Lậu hoặc như sau:

- Thông qua Văn Tư Tu Trí về Ngũ uẩn, hành giả thành tựu chánh trí kiến, thành tựu sự thấy biết đúng về Ngũ uẩn trong tự thân, thành tựu bốn trí về những cấu uế lậu hoặc trong nội tâm, nhưng chỉ mới thấy biết thôi chứ chưa đào thải những lậu hoặc này khỏi nội tâm. Ở giai đoạn này, hành giả được gọi là bậc Dự lưu, chỉ sanh tử tối đa bảy lần. Trong bảy lần này, hành giả sẽ đào thải sạch khỏi nội tâm những lậu hoặc còn tàn dư trong nội tâm.
- Sau khi thành tựu sự thấy biết đúng về tự thân, hành giả điều chỉnh thân khẩu ý theo suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ, định đúng cách, làm giảm thiểu dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, làm giảm thiểu các lậu hoặc, hành giả là bậc Nhất lai. Hành giả đã đào thải khá nhiều những lậu hoặc trong nội tâm.

- Tiếp tục an trú thân tâm trong sự tu tập Tám cái đúng, diệt tận dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, hành giả là bậc Bất lai. Hành giả đã đào thải thêm một số lậu hoặc thô còn lại trong nội tâm, chỉ còn lại các lậu hoặc vi tế.
- Và khi hành giả thành tựu trọn vẹn đời sống Tám đúng, thân khẩu ý an trú thuần trong Tám đúng, diệt tận dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, diệt tận những tàn dư lậu hoặc cuối cùng về Ngũ uẩn, hành giả là bậc A-la-hán. Hành giả được tâm hoàn toàn trong sạch thanh tịnh và không còn chút lậu hoặc nhiễm ô nào trong tâm. Sau khi thân hoại mạng chung, tâm đạt tịch tịnh Niết-bàn, không còn tàn dư lậu hoặc nào đưa đến sự sanh tử tiếp theo trong tương lai.

Như vậy, Pháp Tám Đúng khi được tu tập một cách đúng pháp sẽ đưa đến thành tựu trí về lậu hoặc, thành tựu sự chế ngự, nhiếp phục và diệt tận hoàn toàn tất cả những lậu hoặc, những cấu uế trong nội tâm, tâm được hoàn toàn giải thoát khỏi dục lậu, giải thoát khỏi hữu lậu, giải thoát khỏi vô minh lậu. Tâm được trong sạch, thanh tịnh, không lậu hoặc, không uế nhiễm. Tóm lại, Pháp Tám Đúng là một pháp tu chân chánh, thần diệu, thiết thực ở hiện tại, không cần có thời gian, có hiệu quả tức thời, có khả năng diệt tận tất cả các lậu hoặc, các uế nhiễm trong tâm một cách hoàn toàn.

1.6 Nikāya cắt đứt Luân hồi sanh tử như thế nào?

Luân hồi sanh tử mang lại đau khổ triền miên cho các chúng sanh. Chúng sanh đã trải qua không biết bao nhiêu là những thân phận súc vật, súc sanh, ngựa quý, địa ngục... Chúng sanh đã trải qua không biết bao nhiêu cảnh sanh ly tử biệt. Nước mắt của chúng sanh trong dòng luân hồi sanh tử này là nhiều hơn nước ở bốn biển.

Vì chán ngán trước cảnh sanh, già, bệnh, chết của chúng sanh, vì buồn chán trước cảnh sẽ phải bị già, bị bệnh, bị chết của tự thân nên Thái tử Tất Đạt Đa đã từ bỏ ngai vàng, địa vị, lòng dục, lòng ái đối với người thân để đi tìm sự thật về sanh tử và phương pháp thoát khỏi sanh tử. Và Pháp Tám Đúng là con đường tu tập, là phương pháp tu tập, là cách thức tu tập để thoát ra khỏi biển trầm luân sanh tử mà Thái tử Tất Đạt Đa đã tìm ra được, đã phát giác phát hiện ra được. Ngài đã giác ngộ ra Phương Pháp Tám Đúng là con đường đưa đến sự chấm dứt luân hồi sanh tử, chấm dứt sự bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết. Ngài đã cắt được sợi dây sanh tử, Ngài đã thoát khỏi sanh tử, thoát khỏi mọi phiền não, khổ đau do sanh tử đem lại. Và Ngài đã truyền trao lại cho cuộc sống này, cho thế giới này Phương Pháp Tám Đúng, một pháp tu hoàn hảo và thiện xảo để đi đến sự chấm dứt luân hồi sanh tử, phiền não và khổ đau.

Tiến trình chấm dứt luân hồi sanh tử như sau:

- Thông qua Văn Tư Tu Trí về Ngũ uẩn, hành giả thành tựu chánh tri kiến, thành tựu sự thấy biết chân chánh về Ngũ uẩn trong tự thân, hành giả thấy biết rõ tâm chấp thủ Ngũ uẩn và những dục ái đối với Ngũ uẩn đưa đến luân hồi, sanh tử, phiền não, khổ đau. Sự thấy biết này giúp hành giả phá tan những hôn mê, si ám về luân hồi sanh tử, hành giả giải mã được vấn đề sanh tử. Vấn đề sanh tử không còn là một màn đêm đen tối trước đôi mắt trí tuệ của hành giả. Hành giả biết rõ cái gì là sanh tử, cái gì đang sanh tử, vì sao sanh tử có mặt, khi nào sanh tử chấm dứt, pháp tu đưa đến chấm dứt sanh tử. Hành giả biết rõ chân tướng của sanh tử, bản chất của sanh tử, cách thức hoạt động của sanh tử. Đây gọi là hành giả thành tựu trí tuệ về sanh tử. Khi đó hành giả được gọi là vị Dự lưu, vị đã tham dự vào dòng trí tuệ đưa đến chấm dứt sanh tử, và hành giả chỉ còn sanh tử tối đa bảy lần giữa chư Thiên và loài người.
- Sau khi thành tựu trí tuệ về sanh tử, hành giả điều chỉnh thân khẩu ý theo đạo lộ Tám sự chân Chánh để nhiếp phục dục, ái, tham, sân, si đối với sanh tử, làm giảm thiểu dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, hành giả là bậc Nhất lai, chỉ quay lại đời này một lần nữa rồi chấm dứt luân hồi sanh tử.
- Tiếp tục an trú thân tâm trong đạo lộ Tám đúng, hành giả đi đến sự diệt tận dục tham và sân đối với Ngũ uẩn,

hành giả là bậc Bất lai, được vãng sanh ở đời này, chấm dứt sanh ở cõi dục giới, không quay lại dục giới nữa, hóa sanh tại Tịnh Cư Thiên, sau khi hết thọ mạng ở đó thì nhập Niết-bàn.

- Khi hành giả thành tựu trọn vẹn đời sống Tám đúng, thân khẩu ý thuần an trú trong Tám đúng, diệt tận dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, diệt tận năm sự trói buộc tâm cuối cùng, những tàn dư của các lậu hoặc được dứt sạch, hành giả là bậc A-la-hán. Hành giả được tâm hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, không còn một lầm chấp nào về Ngũ uẩn, bản ngã đối với Ngũ uẩn được hoàn toàn diệt tận, tâm hoàn toàn lắng dịu không chạy theo Ngũ uẩn. Khi thân hoại mạng chung, tâm đạt tịch tịnh lặng yên, không còn bị trói buộc vào một Ngũ uẩn nào nữa, không chạy theo một Ngũ uẩn nào nữa, luân hồi sanh tử được chấm dứt hoàn toàn.

Như vậy, Pháp Tám Đúng khi được tu tập một cách chân chánh, đúng pháp sẽ đưa đến thành tựu Trí về luân hồi sanh tử. Với trí tuệ này, hành giả biết rõ luân hồi sanh tử là gì, biết rõ nguyên nhân đưa đến luân hồi sanh tử sanh khởi và diệt tận, biết rõ phương pháp tu tập chân chánh đưa đến chấm dứt luân hồi sanh tử. Khi luân hồi sanh tử được thấy biết trọn vẹn và hành giả lại khéo an trú trong đạo lộ Tám Chánh để tiêu diệt những mầm mống đưa đến luân hồi sanh tử thì chắc chắn luân hồi sanh tử sẽ bị cắt đứt, bị chấm dứt

một cách hoàn toàn. Đó là sự vi diệu, sự thần diệu của Pháp Tám Đúng. Pháp Tám Đúng đã chinh phục sanh tử, đã làm cho sanh tử được dừng lại, đã chặn đứng dòng sanh tử, đã cắt đứt dòng sanh tử.

Nếu không có Pháp tu Tám Đúng thì luân hồi sanh tử sẽ không bao giờ được dừng lại, không bao giờ được chấm dứt, chúng sanh sẽ mãi trầm luân trong sanh tử, mãi triền miên trong biển khổ mà không có ngày cùng, không có lối thoát.

1.7 Pháp Tám Đúng trong Nikāya là vị cứu tinh của thế giới

Tóm lại, Pháp tu Tám Đúng đã cứu thế giới này thoát khỏi màn đêm đen tối của vô minh, thoát khỏi màn đêm đen tối của khổ, phiền não và nước mắt.

Pháp tu Tám Đúng đã cứu chúng sanh ra khỏi biển sanh tử, đã làm cho những dòng nước mắt của chúng sanh được dừng lại, những nỗi thống khổ trong phiền não và nước mắt của chúng sanh được chấm dứt.

Pháp Tám Đúng là chiếc thuyền Bát nhã cứu cuộc đời này, cứu thế giới này thoát khỏi những trận cuồng phong của lòng dục, những trận cuồng phong của lòng ái, những trận cuồng phong của lòng sân, những trận cuồng phong của buồn, vui, thương, ghét, được, mất, hơn, thua.

Pháp Tám Đúng là cứu tinh của thế giới, cứu tinh của loài người, cứu tinh của những ai đang mong cầu, đang ngóng trông một đạo lộ tu tập chân chánh, một pháp tu chân chánh, một pháp hành chân chánh đưa đến sự chấm dứt tất cả những phiền phức, rắc rối, rối ren của cuộc đời, chấm dứt tất cả những đời sống trong mệt mỏi, bất an, vô thường, tạm bợ, trống không, vô nghĩa.

Tóm lại, Pháp Tám Đúng trong Nikāya đã chinh phục thế giới của vô minh; chinh phục thế giới của các kiết sử; chinh phục thế giới của năm thủ uẩn; chinh phục thế giới của tham, sân, si, bản ngã; chinh phục thế giới của các lậu hoặc; chinh phục thế giới của luân hồi sanh tử; chinh phục thế giới của phiền não, khổ đau và nước mắt.

Pháp Tám Đúng đã chinh phục thế giới, đã chiến thắng thế giới, đã thoát khỏi sự phong tỏa, sự kìm kẹp, sự khống chế, sự áp bức của thế giới vô minh, thế giới tham dục, thế giới tham ái, thế giới tham sân si, bản ngã và lậu hoặc.

Pháp Tám Đúng chính là tinh hoa của ánh sáng trí tuệ, tinh hoa của Nikāya, tinh hoa của những lời dạy chân chánh của Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác. Và khi nói Pháp Tám Đúng đã thật sự chinh phục thế giới, tức là **“Nikāya chinh phục thế giới”**.

1.8 Tội Thượng Thừa trong đạo Phật

1.8.1 Kinh Bà-la-môn (*Tương V, 13*)

1) Nhân duyên ở Sāvattthī.

2) Tôn giả Ānanda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvattthī để khát thực.

3) Rồi Tôn giả Ānanda thấy Bà-la-môn Jānusiṇi đi xe ra khỏi Sāvattthī, cỗ xe toàn ngựa trắng kéo. Trắng là những con ngựa kéo xe. Trắng là những đồ trang sức. Trắng là cỗ xe. Trắng là những bộ phận tùy thuộc (*parivāro*). Trắng là những sợi dây cương. Trắng là cây gậy thúc ngựa. Trắng là cái lông. Trắng là cái khăn đội. Trắng là những quần áo. Trắng là giày mang. Và được quạt với cái quạt trắng. Quần chúng thấy vậy, liền nói: “Thật là cỗ xe thù thắng. Thật là cỗ xe thù thắng về dung sắc!”

4) Rồi Tôn giả Ānanda đi khát thực ở Sāvattthī xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát và đi vào Sāvattthī để khát thực. Bạch Thế Tôn, con thấy Bà-la-môn Jānusiṇi đi xe ra khỏi Sāvattthī, cỗ xe toàn ngựa trắng kéo. Trắng là những con ngựa kéo xe. Trắng là những đồ trang sức. Trắng là cỗ xe. Trắng là những bộ

*phận tùy thuộc (parivāro). Trắng là những sợi dây cương. Trắng là cây gậy thúc ngựa. Trắng là cái lọng. Trắng là cái khăn đội. Trắng là những quần áo. Trắng là giày mang. Và được quạt với cái quạt trắng. Quần chúng thấy vậy, liền nói: “Thật là cỗ xe thù thắng. Thật là cỗ xe thù thắng về dung sắc!” Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể nói lên **cỗ xe thù thắng trong Pháp và Luật này**?”*

Thế Tôn nói:

*-- Có thể được, này Ānanda. **Thánh đạo Tám ngành** này, này Ānanda, là đồng nghĩa với cỗ xe thù thắng, cỗ xe pháp này. **Vô thượng là sự chinh phục trong chiến trận.***

*5) **Chánh tri kiến**, này Ānanda, được tu tập, được làm cho viên mãn, cuối cùng đưa đến nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si. Chánh tư duy, này Ānanda, cuối cùng đưa đến nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si. Chánh ngữ... Chánh nghiệp... Chánh mạng... Chánh tinh tấn... Chánh niệm... Chánh định, này Ānanda, được tu tập, được làm cho viên mãn, cuối cùng đưa đến nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si.*

*Này Ānanda, chính với pháp môn này, các Ông cần phải hiểu như thế này: “**Cỗ xe thù thắng, cỗ xe pháp, vô thượng là sự chinh phục trong chiến trận, là đồng nghĩa với Thánh đạo Tám ngành này**”.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Ai được **tín**, trí **tuệ**,
 Thường xuyên liên kết lại,
 Lấy **hổ thẹn** làm cán,
 Lấy **ý** làm ách xe.
Niệm là người đánh xe,
 Biết **hộ trì**, phòng hộ,
 Cỗ xe lấy **giới luật**
 Làm vật dụng cho xe.
Thiền là trục bánh xe,
Tinh tấn là bánh xe,
Xả là định thường hằng,
Vô dục là nệm xe.
Vô sân và **vô hại**,
Viễn ly là binh khí,
Nhẫn nhục là áo giáp,
 An ổn khỏi khổ ách,
 Làm mục đích đạt đến,
 Cỗ xe được chuyển vận.*

*Pháp này tự ngã làm,
 Trở thành thuộc tự ngã.
Là cỗ xe thù thắng,
Vô thượng, không sánh bằng.*

*Ngồi trên cỗ xe ấy,
Bậc Trí thoát ly đời,
Chắc chắn, không sai chạy,
Họ đạt được chiến thắng.*

1.8.2 Tám Đúng - Cỗ xe vô thượng chinh phục thế giới

Thông qua lời kinh trên, chúng ta thấy rằng Đức Phật đã xác định rõ với Ngài Ānanda: Đường lối tu hành với *Tám sự chân Chánh* mà Đức Phật, các bậc Thánh, các bậc Chánh Đẳng Giác đã phát giác phát hiện ra, đó là cỗ xe thù thắng, cỗ xe tối thượng trong sự chinh phục ma quân, nhiếp phục tham sân si, chinh phục thế giới.

Như vậy, Pháp Tám Đúng là tối thượng thừa, là cỗ xe tối thượng, là cỗ xe vô thượng đưa các bậc Trí thoát ly đời này, thoát khỏi những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, thoát khỏi những cấu uế, những nhiễm ô, những rác bẩn, sâu bọ trong nội tâm. Đó là điều chắc chắn, là điều không sai chạy đối với những bậc trí đi vào con đường này, ngồi trên cỗ xe này. Họ chắc chắn sẽ chiến thắng thân chết; chiến thắng vô minh; chiến thắng dục, ái, tham, sân, si, bản ngã; chiến thắng phiền não, khổ đau; chiến thắng sanh, già, bệnh, chết. Họ chắc chắn sẽ đạt được những cuộc chiến thắng vĩ đại nhất trong thế giới này. Đó là ý nghĩa của câu kệ: “Ngồi

trên cỗ xe ấy; Bạc Trí thoát đời này; Chắc chắn, không sai chạy; Họ đạt được chiến thắng”.

Như vậy, ngày nay, người con Phật chân chánh khi tu tập, khi thực hành theo Pháp Tám Đúng thì có thể hoàn toàn vững tin, hoàn toàn tự tin và hoàn toàn an tâm rằng, mình đang đi theo, đang bước vào con đường chân chánh, đúng pháp của người tu, mình đang bước lên và đang ngồi trên một cỗ xe tối thượng hiện đại, có đầy đủ những phương tiện tối tân, thần diệu, thiện xảo để phá trừ hết tất cả những sự thấy biết sai lầm, suy nghĩ sai lầm, lời nói sai lầm, hành động sai lầm, siêng năng sai việc, quán niệm sai chỗ và định tâm sai cách.

Theo danh từ Hán Việt thì *cỗ xe* có nghĩa là *thừa*. Vì vậy, danh từ *cỗ xe tối thượng* nếu hiểu theo Hán Việt thì có nghĩa là *tối thượng thừa*. Với cỗ xe tối thượng này, với pháp tu thần diệu thiện xảo này, bậc trí chắc chắn sẽ đạt được cứu cánh tối thượng của sự tu hành, sẽ đạt tới đích đến của sự tu, sẽ đạt được sự thoát ly sanh tử, sự hoàn toàn thoát khỏi phiền não và khổ đau. Tám Chánh thật sự là Cỗ xe Vô thượng trong việc chinh phục thế giới tham sân si, chinh phục thế giới vô minh, thế giới lậu hoặc, dục, ái, bản ngã. Người thừa tự cỗ xe Tám Chánh tối thượng này được gọi là *bậc tối thượng thừa*, bậc thừa tự pháp tối thượng mà Đức Phật đã tu tập, đã chỉ dạy, đã truyền trao.

*Tám Chánh cỗ xe thần diệu nhất,
Trăm lần ra trận thắng cả trăm
Phá tan Tám chỗ Vô minh trú
Phá tan Tám Tà của thế gian.*

*Tám Chánh cỗ xe thù thắng nhất,
Trăm lần ra trận thắng cả trăm
Dục, ái, tham, sân và bản ngã
Tám Chánh phá tan hang ổ này.*

*Tám Chánh - nơi mờ chôn bản ngã
Tám Chánh - nơi triệt phá vô minh
Tám Chánh - nơi diệt trừ dục, ái
Tám Chánh - nơi diệt tận tham sân.*

*Tám Chánh - chỗ vượt phàm chứng Thánh
Tám Chánh - chỗ vượt thoát khổ đau
Tám Chánh - chỗ thể nhập Niết-bàn
Tám Chánh - chỗ xa lìa phiền não.*

*Tám Chánh - một lối tu hoàn hảo
Tám Chánh - một lối tu vẹn toàn
Tám Chánh - một lối tu thần diệu
Tám Chánh - một lối tu an toàn.*

Tám Chánh - Đạo lộ bậc Chánh Giác

Tám Chánh - Đạo lộ của Thánh nhân

Tám Chánh - Đạo lộ chân, thiện, mỹ

Tám Chánh - Đạo lộ bậc trí nhân.

Tám Chánh - Pháp tu tối thiện hảo

Tám Chánh - Thánh pháp chuyển tâm người

Tám Chánh - Phát minh thần diệu nhất

Tám Chánh - Châu báu của cuộc đời.

Tám Chánh - Thần dược cho bất tử

Tám Chánh - Phương pháp thanh lọc tâm

Tám Chánh - Thuyền bát-nhã tối thượng

Tám Chánh - Đường thoát khỏi trầm luân.

Tám Chánh - Tinh hoa trí tuệ Phật

Tám Chánh - Thiện xảo trí Thánh nhân

Tám Chánh - Tinh anh sự giác ngộ

Tám Chánh - Tinh túy của Chánh pháp.

Tám Chánh - Dấu chân các Đức Phật

Tám Chánh - Dấu vết Đức Như Lai

Tám Chánh - Gia tài Phật để lại

Tám Chánh - Trí tuệ Phật truyền trao.

Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật đạo
Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật thừa
Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật quả
Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật trí.

Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng thừa
Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng nhân
Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng đạo
Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng quả.

Kế thừa Tám Chánh - Đạt Niết-bàn.
Kế thừa Tám Chánh - Phiền não tan
Kế thừa Tám Chánh - Sanh tử dứt
Kế thừa Tám Chánh - Hết khổ đau.

Kế thừa Tám Chánh là Trí tuệ
Kế thừa Tám Chánh là Khôn ngoan
Kế thừa Tám Chánh là Thiện xảo
Kế thừa Tám Chánh là Tình anh.

Tám Chánh - Tối thượng Khải hoàn ca
Tám Chánh - Tối thượng Tiến quân ca
Tám Chánh - Tối thượng Giải thoát trí
Tám Chánh - Tối thượng Thanh tịnh tâm.

Tám Chánh - Vô thượng Chánh Đẳng Giác

Tám Chánh - Trí giác ngộ tối cao.

Tám Chánh là Vô thượng Phật đạo

Tám Chánh là Tối thượng Phật thừa.

Tóm lại, khi chưa bước lên cỗ xe tối thượng này hành giả còn có thể nghi ngờ về sức mạnh, khả năng, tốc lực, phương tiện, trang thiết bị trên cỗ xe. Hành giả còn nghi ngờ về độ lớn, độ rộng, độ mạnh, độ vững, độ yên, độ chống dằn, chống sóc, chống va chạm, khả năng vượt chướng ngại trên đường đi, khả năng đi trong đêm, khả năng đi trên đất, khả năng đi trên nước của cỗ xe tối thượng thừa. Nhưng một khi hành giả đã bước lên được cỗ xe tối thượng này thì tất cả những nghi ngờ, những lo ngại, những bất an của hành giả trước khi bước lên cỗ xe tối thượng này sẽ hoàn toàn tan biến. Vì sao? Vì khi bước lên cỗ xe này, khi ngồi trên cỗ xe này, hành giả sẽ thấy bàng hoàng sửng sốt trước sự tuyệt vời, sự kỳ diệu, sự thiện xảo, sự tinh vi, tinh anh, tinh tế của từng vật dụng, từng phương tiện, từng thiết bị trong cỗ xe. Hành giả sẽ thấy choáng và đầy thích thú trước những sắp xếp, sắp đặt khéo léo, thông minh, tài tình, chu đáo, hoàn hảo trong cỗ xe. Cỗ xe này không lệ thuộc thời gian, không lệ thuộc không gian, không giới hạn lượng người. Bất kỳ ở đâu, bất kỳ lúc nào, bất kỳ với những ai có tâm chân chánh, thiện lành hoan hỷ bước lên cỗ xe

này, thì dù là trăm người, ngàn người, trăm ngàn người, vô lượng người, thì cỗ xe này vẫn có thể chở được tất cả.

Khi đã thực sự bước lên cỗ xe này thì hành giả sẽ thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng rằng: Cỗ xe này thật sự là một cỗ xe tối thượng thân diệu, tối thượng vi diệu, tối thượng thiện xảo, tối thượng tinh anh và tối thượng chất lượng, cỗ xe này hoàn toàn có khả năng đưa hành giả và vô lượng những bậc trí, những bậc thiện tri thức đi đến bến bờ của an lạc, bình an, và giải thoát sanh tử. Khi đó, hành giả sẽ tự mình thấy biết rằng: Cỗ xe Tám pháp chân chánh này thật sự là *tối thượng thừa* đưa đến tối thượng chiến thắng. Và cỗ xe này hoàn toàn xứng đáng khi được Đức Phật, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác tuyên bố đó là *cỗ xe tối thượng*, là *tối thượng thừa*.

2 NIKĀYA TINH HOA PHẬT TRÍ

2.1 Pháp Tám Đúng và Bốn Thánh Quả

2.1.1 Vì sao vào cửa chánh kiến thì chứng Thánh quả thứ nhất?

Khi hành giả thực hành theo Phương Pháp Tám Đúng, bước qua được cánh cửa đầu tiên của chánh tri kiến, thấy biết đúng về thân tâm này là hành giả đã bước vào Thánh quả Dự lưu, là bậc Dự lưu, chỉ còn sanh tử tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người rồi chấm dứt sanh tử. Vì sao vào cửa chánh kiến thì chứng Thánh quả thứ nhất?

Vị thành tựu chánh kiến, thấy biết rõ được Ngũ uẩn đang vận hành thế nào trong thân tâm này và thấy biết rõ những rác bần đang có mặt trong thân tâm, nên diệt được ba sự trói buộc tâm ở hạng thô là chấp Ngũ uẩn này là mình, hoài nghi mình là ai ở đời trước và vô trí trong các giới cấm. Đây gọi là diệt được ba hạ phần kiết sử là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. Vị diệt được ba hạ phần kiết sử được gọi là bậc Dự lưu, không còn bị thoái đoạ, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

Bậc Dự lưu là bậc đã tham dự vào dòng Thánh trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao, vị đã nhìn thấy rõ được thân tâm Ngũ uẩn này, không còn lầm chấp Ngũ uẩn là mình **nhưng** chưa nhiếp phục được dục, ái, tham, sân, si đối với Ngũ

uẩn. Nhưng vì đã nhìn thấy rõ Ngũ uẩn và những pháp ác bất thiện tiềm ẩn trong Ngũ uẩn nên vị này quyết chắc sẽ đi đến sự tu tập diệt tận mọi chấp thủ đối với Ngũ uẩn và diệt tận những rác bần còn tồn đọng, còn tiềm ẩn trong Ngũ uẩn, tâm sẽ đi đến sự thanh lọc sạch khỏi tất cả những cấu nhiễm trong nội tâm. Ví như một người mù đã được chữa sáng mắt, đã nhìn thấy được những rác bần đang có trong căn nhà của mình, nhưng chỉ mới vừa nhìn thấy thôi chứ chưa dọn dẹp sạch hết tất cả những rác bần này, nhưng vì mắt đã được chữa lành sáng tỏ và đã nhìn thấy rõ những rác bần trong nhà nên vị này quyết chắc sẽ đi đến dọn dẹp sạch những rác bần này. Đó là ý nghĩa của câu kinh mà Đức Phật đã nói về bậc Dự lưu là vị không còn bị thối đọa và quyết chắc chứng quả giác ngộ.

Như vậy, vào được cánh cửa của chánh tri kiến là hành giả đã thể nhập được Dự lưu Thánh quả. Vị thành tựu Dự lưu Thánh quả là vị đã tham dự, đã dự phần, đã thể nhập vào dòng trí tuệ mà bậc Thánh đã thấy biết và đã hướng dẫn. Vì đã nhìn thấy rác trong nội tâm, đã nhìn thấy được sanh tử và nguyên nhân của sanh tử nên vị này không còn phải triển miên trong sanh tử mà vị này chỉ còn sanh tử tối đa là bảy lần, qua lại giữa chư Thiên và loài người, không sanh tử vào các cảnh giới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Với tối đa bảy lần sanh tử này, vị này sẽ tẩy sạch những rác bần, những uế nhiễm về dục, ái, tham, sân, si, bần ngã, vô minh

trong nội tâm. Sau khi tẩy sạch những cấu uế về dục nhiễm, hữu nhiễm, vô minh nhiễm trong tâm, tâm vị này được hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, thuần tịnh, không còn mọi chấp thủ vô minh đối với Ngũ uẩn. Sau khi thân hoại mạng chung, vị này thể nhập vào tâm tịch tịnh, Niết-bàn, giải thoát hoàn toàn khỏi dòng sanh tử triền miên trong phiền não, mệt mỏi và đầy dẫy bất an.

2.1.2 Vì sao bậc Dự lưu chỉ sanh tử tối đa bảy lần, giữa chư Thiên và loài người, không sanh vào cảnh giới thấp?

Vị Dự lưu là vị đã thành tựu chánh kiến, đã thấy biết rõ Ngũ uẩn trong tự thân và chưa dọn dẹp sạch những rác bẩn còn tiềm ẩn trong Ngũ uẩn. Vì rác vẫn còn trong tâm, tham sân si vẫn còn hoạt động trong tâm nên vị này có thể vẫn còn những sai quấy, **nhưng** vì đã nhìn thấy rõ Ngũ uẩn trong tự thân **nên** vị này dù có thể có những sai lầm nhỏ nhặt về thân khẩu ý, nhưng chắc chắn vị thành tựu chánh kiến không thể làm những hành động sai quấy trầm trọng mà có thể đưa vị này đi đến tái sanh ở những cõi thấp là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đó là lý do vì sao Đức Phật nói vị Dự lưu chỉ sanh tử qua lại giữa chư Thiên và loài người, không sanh vào những cảnh giới thấp là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Đây là thành quả thứ nhất của người thực hành Phương Pháp Tám Đúng.

Sau đó, với sự dẫn dắt của chánh tri kiến, hành giả sẽ dần thành tựu sáu Chánh pháp còn lại trong Bát Chánh Đạo là chánh tư duy (suy nghĩ đúng), chánh ngữ (nói lời đúng), chánh nghiệp (hành động đúng), chánh mạng (nuôi mạng đúng), chánh tinh tấn (siêng đúng việc), chánh niệm (quán đúng chỗ). Đi đôi với sự thành tựu các pháp chánh này là sự nhiếp phục, sự chế ngự, sự làm giảm thiểu dục tham và sân trong nội tâm hành giả. Tùy theo mức độ giảm thiểu dục tham và sân sau khi thành tựu chánh kiến, hành giả sẽ thể nhập các Thánh quả giữa Dự lưu và Nhất lai, đó là *Gia Gia*, *Nhất Chung*, *Nhất lai*.

Gia Gia là vị chỉ còn sanh tử hai, ba lần trong các gia đình. Nhất Chung là vị chỉ sanh lại làm người một lần nữa. Nhất lai là vị đã làm nguội lạnh dục tham và sân, nên vị này chỉ quay lại đời này một lần nữa (hoặc chư Thiên hoặc loài người), rồi chấm dứt trầm luân sanh tử. Đây là thành quả thứ hai của người thực hành Phương Pháp Tám Đúng.

Sau khi thành tựu chánh kiến và thành tựu sáu Chánh pháp tiếp theo trong Bát Chánh Đạo, hành giả thành tựu được chánh niệm, an trú tâm trên Tứ Niệm Xứ, liên tục quán sát thân, thọ, tâm, pháp, thấy biết rõ dục tham và sân, diệt tận được dục tham và sân, diệt tận được hai kiết sử còn lại trong năm hạ phần kiết sử, thể nhập vào Bất lai quả. Vị thành tựu quả Bất lai không quay trở lại đời này, mà hóa sanh tại cõi Tịnh Cư Thiên. Tại đây, vị ấy tiếp tục tu tập

tẩy sạch năm thượng phần kiết sử còn lại, sau khi hưởng hết thọ mạng ở đây, vị ấy nhập Niết-bàn. Đây là thành quả thứ ba của người thực hành Phương Pháp Tám Đúng.

Lại nữa, sau khi thành tựu chánh kiến, thành tựu sáu Chánh pháp tiếp theo, hành giả thể nhập Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên. Nếu ở các tầng thiên này hành giả khéo nhận diện Ngũ uẩn, tẩy sạch những lậu hoặc còn tàn dư còn tiềm ẩn trong Ngũ uẩn, diệt tận năm thượng phần kiết sử là sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh, hành giả thể nhập quả lậu tận, là bậc A-la-hán, ngay trong hiện tại tâm được hoàn toàn trong sạch, hoàn toàn thanh tịnh, không còn chút tàn dư kiết sử nào, khi thân hoại mạng chung thì thể nhập vào tịch tịnh giải thoát, không còn phải tiếp tục chìm nổi trong biển sanh tử đầy bất an và phiền não này. Bậc A-la-hán hay còn gọi là bậc lậu tận, vị này được Đức Phật nói là vị tối thượng, là bậc tối thượng ở trên đời. Đây là thành quả thứ tư của người thực hành Phương Pháp Tám Đúng.

2.2 Sự thâm sâu thần diệu của Pháp Tám Đúng

2.2.1 Thánh đạo

Phương pháp Tám đúng là **Thánh đạo**, là Phật đạo, là đạo lộ tu hành, là đường lối tu hành, là cách thức tu hành của Đức Phật, của bậc Thánh, của bậc vĩ nhân, của bậc Chánh

Đẳng Chánh Giác. Nhờ sự phát giác phát hiện đường lối tu tập này và thực hành theo đường lối này mà các Ngài đã viên mãn được, thành công được, thành tựu được sự hoàn toàn diệt tận hết tất cả những rác bần, những lậu hoặc, những cấu uế trong nội tâm, làm cho thân tâm được thanh tịnh, được thanh cao, được thánh thiện, được thuần thiện, được trong lành một cách hoàn toàn. Vì vậy, phương pháp Tám đúng được gọi là Thánh đạo, là Phật đạo, là Chánh Đẳng Chánh Giác đạo, là thanh cao đạo, là thánh thiện đạo, là hiền thiện đạo, là tối thượng đạo, là vĩ nhân đạo. Đó là đường lối tu hành của các bậc vĩ nhân, các bậc Thánh nhân và các Đức Như Lai.

2.2.2 Thánh pháp

Phương pháp Tám đúng là **Thánh pháp**, là Chánh pháp, là những pháp chân chánh, những điều chân chánh, chân thật, cao thượng, tốt đẹp, thiện lành, thánh thiện mà Đức Phật, bậc Thánh nhân, bậc vĩ nhân đã tìm ra. Đó là một đường lối tu chân chánh mà một người tu chân chánh cần phải tu tập, cần phải thực hành trong đời sống tu đạo của mình. Người tu nào cũng cần phải có sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh. Và Tám sự chân chánh này là phải chân chánh như thế nào thì đó là điều mà

Đức Phật đã nói trong các kinh như Kinh Phân Tích (*Trung V*, 19), Kinh Phân Biệt Về Sự Thật (*Trung III*, bài 141), Kinh Như Lai Thuyết (*Trung V*, 610). Người con Phật cần phải tìm hiểu kỹ Tám sự chân chánh này và lấy đó làm kim chỉ nam cho sự tu học của mình.

Khi người tu học không có Tám sự chân chánh này thì hành giả đã rơi vào trong sự tu học sai lầm, sự tu học không chân chánh, sự tu học không đúng những pháp cần phải tu học. Sự tu học như vậy đưa đến uổng công vô ích, tiền mất tật mang, mang vào cho mình những tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát. Sự tu học sai lầm này không mang đến lợi ích cho mình, không đưa đến lợi ích cho người, không có khả năng tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

Vì vậy, người con Phật cần phải lấy Tám sự chân chánh mà Đức Phật đã tu tập, đã thành tựu và đã chỉ dạy lại để làm kim chỉ nam cho mình, làm định hướng cho mình trong sự tu tập thân tâm, tu tập trí tuệ, tu tập sự nhiếp phục thân tâm.

Khi nhìn khi thấy về thân tâm này và cuộc sống này, người tu cần thấy biết rõ thân tâm này và cuộc sống này là Ngũ uẩn, là thân tâm Ngũ uẩn, là cuộc sống Ngũ uẩn và ẩn tàng trong đó là một tâm hôn mê, tâm vô minh, tâm tham đắm chấp trước Ngũ uẩn. Khi người tu có cái nhìn như vậy về

thân tâm và cuộc sống thì đây gọi là hành giả có một sự thấy biết đúng, thấy biết chân thật, thấy biết chính xác, rõ ràng về thân tâm và cuộc sống. Như vậy, khi nhìn, khi thấy biết về thân tâm này và cuộc sống này thì hành giả cần phải lấy sự thấy biết đúng trong Pháp Tám Đúng làm định hướng cho cái nhìn, cái thấy của mình.

Khi suy nghĩ thì hành giả cần phải lấy sự suy nghĩ đúng trong Pháp Tám Đúng làm định hướng cho mình trong sự suy nghĩ. Khi nói thì hành giả cần phải định hướng lời nói của mình theo chánh ngữ trong Pháp Tám Đúng. Khi hành động thì hành giả cần phải lấy sự hành động đúng trong Pháp Tám Đúng làm định hướng cho mình trong sự hành động. Trong việc nuôi mạng sống, hành giả cần tìm hiểu kỹ cách nuôi mạng đúng trong Pháp Tám Đúng để làm định hướng trong việc nuôi thân mạng này. Khi siêng năng thì hành giả cần phải lấy sự siêng năng đúng trong Pháp Tám Đúng làm định hướng cho mình trong sự siêng năng. Khi quán niệm thì hành giả cần phải lấy sự quán niệm đúng trong Pháp Tám Đúng làm định hướng cho mình trong sự quán niệm. Khi định tâm thì hành giả cần phải lấy sự định tâm đúng trong Pháp Tám Đúng làm định hướng cho mình trong sự định tâm. Khi đã định hướng rõ đường lối tu của mình là đi theo Thánh pháp của các Đức Phật, đi theo đường lối tu của bậc Chánh Đăng Giác thì hành giả đã có

sự an toàn trên con đường đi đến sự vượt thoát lưới sanh tử.

2.2.3 Thánh phát minh

Phương pháp Tám đúng là **Thánh phát minh**, là phát minh vĩ đại của các bậc Thánh, của các Đức Phật. Đó là sự khám phá tốt lành nhất, sự phát giác phát hiện vĩ đại nhất của bậc Chánh Đẳng Giác trên con đường tự mình đi tìm kiếm một đạo lộ chân chánh đưa đến sự giải mã vấn đề sanh, già, bệnh, chết cho các chúng sanh. Phát minh này không mang lại những vật chất tầm thường, thấp kém, vô thường, tạm bợ cho thế gian. Phát minh này mang lại an lạc thật sự, bình an thật sự, hạnh phúc thật sự cho chúng sanh. Phát minh này mang lại trí tuệ cho chúng sanh. Phát minh này mang lại giải thoát, mang lại bất tử cho chúng sanh.

Với phát minh này các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị bệnh được giải thoát khỏi bệnh; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị dục, ái, tham, sân, si, bản ngã hành hạ, được giải thoát khỏi dục, ái, tham, sân, si, bản ngã; các chúng sanh bị trầm luân trong sanh tử được giải thoát khỏi trầm luân sanh tử. Phương pháp Tám đúng là phát minh tối thượng tuyệt vời, đưa đến lợi ích tối cao, lợi ích tối thượng và vô

lượng thiện lành, vô lượng an lạc, vô lượng bình an cho các chúng sanh, cho chư Thiên và loài người.

2.2.4 Thánh châu báu

Phương pháp Tám đúng là **Thánh châu báu**, là châu báu quý hiếm nhất mà bậc Thánh đã phát giác phát hiện ra. Đó là châu báu quý hiếm nhất của chúng sanh, là bảo vật quý hiếm nhất của nhân loại. Nhân loại cần thấy biết rõ giá trị vi diệu tối thượng của bảo vật này và cần hết lòng gìn giữ bảo vật này, hết lòng cung kính, cung thỉnh, cung nghinh, cung đón, bảo hộ, bảo vệ, trân quý, duy trì, truyền thừa và truyền trao bảo vật này. Vì sao?

Vì khi bảo vật này còn thì thế giới còn được sống trong sự chân chánh, thế giới còn có sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh. Khi bảo vật này bị lãng quên, bị thất truyền, bị biến mất thì thế giới sẽ rơi vào trong sự thấy biết không chân chánh, suy nghĩ không chân chánh, lời nói không chân chánh, hành động không chân chánh, nuôi mạng không chân chánh, siêng năng không chân chánh, quán niệm không chân chánh và định tâm không chân chánh. Thế giới sẽ rơi vào trong vô minh, trong si ám, trong quờ quạng. Thấy biết trong quờ quạng, tu tập trong quờ quạng, định tâm trong quờ quạng. Quờ quạng

trong đường hầm tăm tối của vô minh, quờ quạng trong những ngã rẽ không có lối thoát khỏi vô minh, quờ quạng trong biển trầm luân sanh tử, phiền não và khổ đau.

Vì vậy, khi phương pháp Tám đúng còn thì chúng sanh còn được sống trong bình minh, còn được sống trong sự tỏa sáng trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, còn có con đường sáng tươi, sáng tỏ, minh bạch để vượt thoát lưới sanh tử. Khi phương pháp Tám đúng biến mất khỏi cuộc sống này thì chúng sanh sẽ chìm sâu trong bóng tối của vô minh, sẽ chìm sâu trong biển sanh tử và sẽ không còn có một con đường tươi sáng, minh bạch, chân chánh, đúng đắn để vượt thoát lưới sanh tử.

Do đó, thế giới này, nhân loại này cần hiểu biết rõ giá trị, lợi ích, vị trí và tầm quan trọng của phương pháp Tám đúng trong cuộc sống sanh tử trầm luân này để từ đó mới có một cái nhìn đúng đắn, một sự đánh giá đúng đắn về *giá trị tuyệt đối tối thượng quan trọng* của phương pháp Tám đúng. Khi đã có sự thấy biết và sự đánh giá đúng về giá trị và tầm quan trọng của phương pháp Tám đúng thì nhân loại này, thế giới này bừng sáng ra rằng: Phương pháp Tám đúng thật sự là trí tuệ tuyệt đối quan trọng của nhân loại, là châu báu quý hiếm nhất của chúng sanh, là tài sản vô thượng, vô giá nhất của thế giới. Đó là trí tuệ, là châu báu mà nhân loại cần phải cung kính, đánh lễ, cần phải bảo vệ, cần phải trao truyền, cần phải làm cho nó tỏa sáng, rực sáng

và chói sáng trên bầu trời này, trên thế giới này, vì lợi ích và hạnh phúc cho loài người và loài Trời.

2.2.5 Thánh dược

Phương pháp Tám đúng là **Thánh dược**, là thần dược của bậc Thánh, là Phật dược của Đức Phật trao tặng cho chúng sanh. Đó là loại thuốc kỳ diệu nhất, vi diệu nhất để trị những căn bệnh thuộc về thấy biết sai lầm, suy nghĩ sai lầm, nói lời sai lầm, hành động sai lầm, nuôi mạng sai lầm, siêng năng sai việc, quán niệm sai chỗ và định tâm sai cách.

Phương pháp Tám đúng cũng là loại thuốc bổ thần diệu cho những chúng sanh bị ốm yếu về trí tuệ, bị suy dinh dưỡng về trí tuệ, bị si ám về trí tuệ, bị lệch lạc, xiêu vẹo, méo mó về trí tuệ. Những chúng sanh bị suy kém, lệch lạc về trí tuệ, khi uống loại Phật dược này thì trí tuệ sẽ phát triển mạnh mẽ, trí tuệ sẽ trở nên trong sáng, vững vàng, mạnh mẽ, sâu sắc. Vị này sẽ phá tan màn vô minh tăm tối trong nội tâm và phá tan màn vô minh tăm tối trong cuộc đời. Trí tuệ của vị này sẽ trở nên rực sáng, tỏa sáng và chói sáng, phá tan những nơi đen tối âm u trong tự thân và trong cuộc sống.

Phương pháp Tám đúng cũng là Bất tử dược. Đó là loại thuốc có một không hai trên cuộc đời này chuyên trị về bệnh sanh tử của chúng sanh mà Đức Phật, bậc A-la-hán

Chánh Đẳng Giác đã trao tặng cho cuộc đời này. Uống loại thuốc này vào thì những chúng sanh bị sanh, bị già nua, bị bệnh tật, bị chết chóc sẽ được thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Những chúng sanh này sẽ đi đến bất tử, sẽ thể nhập vào bất tử.

Phương pháp Tám đúng cũng là loại thuốc xỏ tuyệt diệu nhất trên cuộc đời này. Khi uống loại thuốc xỏ này vào thì những tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định được xỏ ra, được đào thải ra khỏi thân tâm này một cách hoàn toàn. Với loại thuốc xỏ thần diệu này thì không một tà pháp nào còn có thể tiếp tục lưu trú và lộng hành trong nội tâm. Tất cả những tà pháp, tà kiến, tà đạo được xỏ ra, được hoàn toàn đào thải ra khỏi nội tâm.

Phương pháp Tám đúng cũng là loại thuốc kháng sinh hy hữu nhất, kỳ diệu nhất, tác dụng tốt nhất trong cuộc đời này. Khi uống loại thuốc này vào thì không một tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định nào có thể xâm nhập vào thân tâm này. Với loại thuốc kháng sinh thần diệu này thì không một tà pháp nào có thể thâm nhập vào nội tâm. Tất cả những loại tà kiến, tà pháp, tà nhân, tà đạo đều không thể đến gần thân tâm này và không thể xâm nhập được vào thân tâm này.

Phương pháp Tám đúng là loại thuốc tiêu hóa hay nhất trên thế giới này. Đây là loại thuốc dùng để điều trị các căn bệnh thuộc về khó tiêu, ợ hơi, ứ hơi, trào ngược, đầy bụng, táo bón. Ví như bệnh khó tiêu vì chướng bụng, bệnh ợ hơi vì tham dục, bệnh ứ hơi vì tham ái, bệnh trào ngược vì cứng đầu, bệnh đầy bụng vì sân si, bệnh táo bón vì cố chấp... Tất cả những căn bệnh về tiêu hóa này được dứt sạch khi dùng thuốc Tám đúng. Với thần dược Tám đúng thì tiêu hóa sẽ được điều hòa, táo bón sẽ được dứt sạch, sẽ không còn bị khó tiêu, ợ hơi, trào ngược bao tử, táo bón. Với thần dược Tám đúng thì tất cả những dục, ái, tham, sân, si, bảnnghĩa sẽ được tiêu hóa, được nghiền nát và được đào thải khỏi thân tâm này một cách hoàn toàn.

Phương pháp Tám đúng cũng là một loại thuốc trị ung thư hay nhất trên thế giới này. Đây là loại thuốc chuyên trị, đặc trị về tất cả những loại bệnh ung thư, ung hạch, dịch hạch, ung bướu trên cuộc đời này. Những loại ung thư, ung bướu như tham dục, tham ái, tham danh, tham lợi, tham sắc, tham tài, tham ăn, tham ngủ, tham chơi, buồng lung, phóng dật, si mê, mê muội, cố chấp, ganh tỵ, ích kỷ, hẹp hòi, hơn thua, tranh giành, hiềm hận, sân hận... Tất cả những loại ung thư, ung bướu, hạch nhọt trên thế gian này đưa đến sanh già bệnh chết trong hiện tại và trong tương lai được thần dược Tám đúng trị dứt sạch. Thần dược Tám đúng sẽ làm cho những loại ung thư, ung nhọt này hoàn toàn không

thể sanh khởi, không thể phát triển trong hiện tại và cũng không thể sanh khởi, không thể phát triển trong tương lai. Những căn bệnh ung thư ung nhọt đưa đến sanh già bệnh chết này sẽ được chữa trị, được điều trị đến dứt sạch một cách hoàn toàn.

Ví như Hoa Đà được người đời gọi là thần y vì ông là thầy thuốc giỏi chuyên chữa bệnh cho thân hôi thối vô thường này. Nhưng việc chữa trị của ông chỉ giúp cho thân hôi thối trì hoãn thời gian thối rửa của nó, trì hoãn cái già, cái bệnh, cái chết của nó, nhưng rồi cuối cùng thân hôi thối này cũng phải bị già, cũng phải bị bệnh, cũng phải bị chết, cũng phải bị thối rửa. Như vậy, việc chữa bệnh cứu khổ của thần y Hoa Đà chỉ là tạm bợ, ngắn ngủi, không giúp chúng sanh dứt sạch hoàn toàn những đau khổ, những khốn khổ về già, bệnh, chết trong hiện tại và trong tương lai.

Nhưng Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, Ngài là Thánh y, chuyên chữa trị bệnh cho tâm hôi thối, cấu uế, lậu hoặc này. Ngài đã phát giác phát hiện ra thần dược Tám đúng. Đây là loại thuốc đặc trị về tâm, đặc biệt và độc đáo nhất, thần diệu nhất trên thế gian này. Thần dược Tám đúng này chuyên chữa trị tâm hôi thối, tâm lậu hoặc, tâm rác bần, tâm cấu uế, tâm đầy dục, ái, tham, sân, si, tâm đầy ganh ty, ích kỷ, hẹp hòi, tâm đầy bản ngã, đầy gian xảo, dối trá, lật lọng, phản trắc, phản bội, trá trở của các chúng sanh. Với Thánh dược này, Đức Phật đã giúp cho chúng

sanh trị dứt sạch những hôi thối, thối rửa trong nội tâm. Và một khi tâm hôi thối này đã được chữa trị bằng thân được Tám đúng thì những hôi thối, thối rửa trong tâm sẽ không bao giờ còn có thể sanh khởi lại trong tương lai. Đó là điều kỳ diệu thứ nhất trong Thánh đạo này.

Lại nữa, khi tâm được chữa trị hết sạch những hôi thối trong tâm thì đồng thời những thân hôi thối phải bị sanh già bệnh chết này sẽ không bao giờ còn có thể làm đau khổ, làm phiền nhiễu, làm phiền não các chúng sanh. Chúng sanh không còn phải bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết cùng với những xác thân hôi thối này. Đó là điều vi diệu, điều kỳ diệu, điều thần diệu thứ hai trong việc dùng thân được Tám đúng.

Như vậy, Đức Phật, Ngài đã tìm ra được nguyên nhân làm ra thân bị hôi thối, bị sanh, già, bệnh, chết này chính là tâm hôi thối. Ngài đã tìm ra gốc gác, cội nguồn, cội rễ của căn bệnh khó chữa trị, khó điều trị nhất trên cuộc đời này, căn bệnh sanh, già, bệnh, chết, hoại diệt, thối rửa của các chúng sanh, và Ngài đã giúp chúng sanh chữa trị, điều trị, trị dứt tận gốc rễ căn bệnh này. Và khi tâm bất tịnh này được chữa trị dứt sạch thì chúng sanh không còn phải chịu cảnh khổ sở, cảnh phiền não, cảnh nhứt nhối vì thân bị bất tịnh, bị sanh, già, bệnh, chết này quấy nhiễu nữa.

Tóm lại, căn bệnh tâm hôi thối và thân hôi thối của chúng sanh là căn bệnh mà hàng ngàn thế kỷ, hàng vô lượng thế kỷ đã làm đau đầu, làm nhức nhối tâm can không biết bao nhiêu những y sĩ, bác sĩ, thần y trên thế gian này, nay đã được Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chữa trị dứt sạch. Vì vậy, Đức Phật được gọi là bậc Vô thượng Y Vương, là vị vua tối thượng của các thầy thuốc. Những ai với tâm chân chánh, hiền thiện, biết trân trọng, biết cung kính đón nhận và hoan hỷ uống loại Thánh dược, Phật dược mà Đức Phật chỉ bày thì tất cả những căn bệnh thuộc về sanh, già, bệnh, chết, dục, ái, tham, sân, si, bần ngã, vô minh, lậu hoặc, rác bần, sâu bọ, rắn rết trong nội tâm sẽ được trừ diệt, sẽ được dứt sạch, sẽ được đoạn tận một cách hoàn toàn.

2.2.6 Thánh thanh lọc

Phương pháp Tám đúng là **Thánh thanh lọc**, là tối thượng thanh lọc, là phương pháp thanh lọc thân tâm tuyệt vời nhất, tuyệt diệu nhất, kỳ diệu nhất và thần diệu nhất trên cuộc đời này. Đó là phương pháp thanh lọc thân tâm của các bậc Thánh, của các Đức Phật, của các bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Nhờ tự mình thấy biết phương pháp thanh lọc này và nhờ tự mình thực hành Thánh thanh lọc này mà các Ngài đã thanh lọc sạch khỏi tâm mình những dục nhiễm, hữu nhiễm và vô minh nhiễm, trở thành bậc Chánh Đẳng

Giác, bậc Thánh nhân, bậc có tâm hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, hết sạch các lậu hoặc, hết sạch các cấu uế. Và các Ngài đã trao truyền lại cho thế gian phương pháp thanh lọc thanh cao, thần diệu này.

Với phương pháp thanh lọc tuyệt vời này, những tâm tư cấu bần, xấu xa, độc ác, gian xảo, xảo quyệt, quỷ quyệt, giả dối, tham danh, tham lợi, tham sắc, tham tài, tham chức, tham quyền, tham địa vị, tham hơn thua, tham nói, tham chơi, tham dục, tham ái, sân hận, tức giận, hiềm hận... Tất cả những cấu uế, những vi trùng, những siêu vi này trong nội tâm sẽ được thanh lọc, được đào thải hoàn toàn khỏi nội tâm, trả lại cho nội tâm một sự trong sạch, thanh tịnh, bình yên, giải thoát.

2.2.7 Thánh bát nhã

Phương pháp Tám đúng là **Thánh bát nhã**, là chiếc thuyền Bát nhã thần diệu mà các bậc Thánh, các Đức Phật, các bậc Chánh Đẳng Giác đã sử dụng để vượt thoát lưới sanh tử. Các Ngài đã vượt thoát khỏi dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu và vô minh bộc lưu bằng chiếc thuyền Bát nhã thần diệu này.

“Bộc lưu” có nghĩa là thác nước, dòng thác nước. Chúng sanh bị bốn dòng thác lũ, bốn dòng thác nước cuốn trôi. Chúng sanh bị dòng thác lũ về dục, dòng thác lũ về sự hiện

hữu, dòng thác lũ về tri kiến phàm tục, dòng thác lũ về vô minh cuốn trôi, làm cho sanh tử liên tục, làm cho phiền não và khổ đau liên tục, không dừng nghỉ.

- Chúng sanh bị dục lôi cuốn, bị dục cuốn hút, bị dục xô đi, đẩy đi. Chúng sanh bị nhấn chìm trong dục. Chúng sanh bị chết chìm trong các dục về sắc, tài, danh, lợi, thực, thù; dục về sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, dục về xác thịt, dục về bản ngã, dục về hơn thua... Chúng sanh bị dòng thác lũ về dục cuốn trôi. Chúng sanh bị nhấn chìm trong những cảm giác, cảm xúc của dục. Đây gọi là chúng sanh bị chìm trong dục bộc lưu.
- Chúng sanh bị trôi buộc trong những hình thức hiện hữu. Do duyên vô minh, do duyên nghiệp, do duyên nhân quả, chúng sanh sanh hữu, hiện hữu liên tục trong hết hình thức này rồi đến hình thức khác. Khi hiện hữu trong bất kỳ hình thức nào như người nam, người nữ, chư Thiên, ngạ quỷ... chúng sanh cho những hiện hữu này là mình, là của mình, là cái ta của mình rồi bám víu, dính mắc, tham ái, trôi buộc, ám ảnh đối với chúng. Chúng sanh bị trôi chặt trong những hình thức hiện hữu này. Chúng sanh bị chết chìm, bị nhấn chìm, bị cuốn trôi trong những thân tướng vô thường, tạm bợ, duyên sanh này. Đây gọi là chúng sanh bị nhấn chìm trong hữu bộc lưu.

- Chúng sanh được sanh trong thế giới phàm tục, được học hỏi, được hiểu biết những tri kiến, những trí tuệ phàm tục của thế giới vô minh, si ám, không có lối thoát. Chúng sanh chấp trước vào trong những tri kiến trong vô minh này, cho đó là mình, là kiến thức của mình, là trí tuệ của mình. Chúng sanh chấp thủ, bám víu, dính mắc, trói buộc, ám ảnh đối trước những trí tuệ, những hiểu biết này. Chúng sanh chìm lún, chìm đắm, bị cuốn trôi đi trong những tri kiến, trí tuệ trong vô minh này. Đây gọi là chúng sanh bị nhấn chìm trong kiến bộc lưu.
- Chúng sanh tâm bị si ám, bị vẩn đục, không trong sáng, không có trí tuệ của bậc Thánh, không nhìn thấy rõ tự thân, không nhìn thấy rõ bản chất của các sắc pháp, không thấy rõ hành tướng của những cảm thọ, những tưởng, những suy nghĩ, những sự rõ biết đang vận hành, đang hoạt động, đang sanh diệt trong thân tâm. Chúng sanh rơi vào trong sự tham đắm, dính mắc, trói buộc trước những sắc, thọ, tưởng, hành, thức vì sự vô minh, vô trí trong nội tâm. Thế giới bị nhấn chìm trong dòng thác vô minh. Chúng sanh bị chết chìm trong dòng thác vô minh. Đây gọi là chúng sanh bị nhấn chìm trong vô minh bộc lưu.

Trong một thế giới bị nhấn chìm trong dòng thác chảy của dục, của hiện hữu, của tri kiến, của vô minh thì pháp Tám

Đúng là một chiếc thuyền Bát nhã thân diệu nhất giúp chúng sanh vượt thoát khỏi dòng thác lũ tuyệt đối khó vượt khỏi này.

Đó là ý nghĩa chữ bực lưu theo danh từ Hán Việt, tức là dòng thác nước.

Nếu hiểu “bực lưu là vùng nước đọng, đầm nước lớn” theo trong kinh Rắn Độc (*Tương IV*, 283) thì bốn bực lưu có thể được hiểu như sau:

Ví như nước ở ao tù, nước ở đầm lầy không có lối thông ra sông, không có đường thông ra biển. “Bực lưu” có thể được hiểu là vùng đầm lầy không có lối thoát, vùng nước đọng không có lối thoát, dòng luân quần không có lối thoát.

Nếu hiểu bực lưu là đầm lầy không có lối thoát, thì bốn bực lưu có thể được hiểu là bốn đầm lầy: đầm lầy về dục, đầm lầy về hiện hữu, đầm lầy về tri kiến, đầm lầy về vô minh. Chúng sanh bị mắc kẹt, bị nhấn chìm, bị chết chìm trong bốn đầm lầy này.

Nếu hiểu bực lưu là đầm nước lớn không có lối thoát, là dòng chảy luân quần không có lối thoát, thì: Dục bực lưu là dòng luân quần của ái dục, hay tâm loanh quanh trong dục. Hữu bực lưu là dòng luân quần của những hiện hữu lúc này lúc khác của Ngũ uẩn, hay tâm luân quần trong những hiện hữu vô thường. Kiến bực lưu là dòng luân quần của những kiến thức, tri kiến trong vô minh, si ám, hay tâm

luân quần trong những kiến thức của phàm phu, của vô minh. Vô minh bọc lưu dòng luân quần của vô minh si ám, tâm luân quần trong vô minh, si ám.

Trong một thế giới bị cuốn trôi, bị nhấn chìm, bị luân quần trong dục, hữu, kiến, vô minh, thì Pháp Tám Đúng là chiếc thuyền Bát nhã hoàn hảo nhất, vi diệu nhất, kỳ diệu nhất, thiện xảo nhất, thần diệu nhất, vĩ đại nhất, đầy đủ phương tiện nhất, trang thiết bị hiện đại nhất, vững chắc nhất, an toàn nhất và bảo đảm nhất trong việc đưa người vượt thác nước, vượt thoát đầm lầy, vượt thoát biển sanh tử trùng dương mù mịt trong tăm tối hôn mê đi đến bến bờ của an lạc, bình an, trí tuệ và giải thoát.

2.2.8 Thánh hùng ca

Phương pháp Tám đúng là **Thánh hùng ca**, Thánh khai hoàn ca, là khúc hùng ca tuyệt vời nhất, khúc chiến thắng ca vĩ đại nhất, khúc giải phóng ca hào hùng nhất của các bậc Chánh Đẳng Giác trong việc tự mình giải phóng tâm khỏi màn đêm của vô minh, tự mình phát giác phát hiện một đường lối tu tập hoàn hảo và thiện xảo trong việc chấm dứt những nỗi khổ vì sanh, già, bệnh, chết với những thân Ngũ uẩn vô thường, tạm bợ, rỗng không và vô nghĩa này. Phương pháp Tám đúng là biểu lộ một trí tuệ đã chiến thắng được vô minh, đã đâm thủng được vô minh, đã diệt tận được vô minh, đã vén lui màn vô minh che đời, đã đem

đèn sáng trí tuệ vào trong một nội tâm bị tăm tối, bị si ám, bị bóng tối vô minh che phủ. Phương pháp Tám đúng đã đưa đến sự giải phóng tâm một cách hoàn toàn, giải thoát tâm, giải phá tâm khỏi màn đêm âm u, mịt mờ, đen tối của vô minh.

2.2.9 Thánh trí tuệ

Phương pháp Tám đúng là **Thánh trí tuệ**, là Phật trí, là tinh hoa tối thượng của trí tuệ, là tinh anh tối thượng của trí tuệ, là tinh túy tối thượng của trí tuệ, là một trí tuệ được bùng nổ, được khai mở một cách viên mãn, hoàn mãn, hoàn chỉnh, hoàn mỹ và hoàn hảo của các bậc vĩ nhân, của các bậc Thánh nhân. Người tự mình phát giác, phát hiện, phát minh ra, khám phá ra một đường lối tu tập hoàn hảo và thiện xảo như vậy được gọi là bậc có trí tuệ hoàn hảo, có sự thấy biết hoàn hảo, đó là ý nghĩa của danh từ Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Thái tử Tất Đạt Đa là vị đã thành tựu trí tuệ chân chánh hoàn hảo và thiện xảo này. Vì vậy, Ngài được gọi là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

2.2.10 Thánh sự thật

Phương pháp Tám đúng là **Thánh sự thật**, là sự thật tuyệt vời về một đường lối tu tập chân chánh, hoàn hảo và thiện xảo đưa đến sự vượt thoát lưới sanh tử mà Đức Phật và các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã nhìn thấy, đã tìm ra, đã

khám phá ra. Thánh sự thật này đã đem lại cho chúng sanh một sự thấy biết chân thật, thấy biết rõ ràng, một cái nhìn rõ ràng, rạch ròi, trong sáng, minh bạch, chính xác về đường hướng tu hành trong việc đi đến sự khám phá tự thân, nhiếp phục tự thân, đào thải thân tâm khỏi những rác bần, cấu uế, lậu hoặc, làm cho thân tâm được trong sạch, thanh tịnh, thuần thiện và giải thoát. Với sự thật về đường lối tu tập chân chánh này thì tất cả những hình thức tu tập trong vô minh, tu tập trong si ám hôn mê, tu tập trong tà kiến, tu tập trong mê tín, tu tập trong cuồng tín, tu tập trong chấp trước, tu tập theo phong trào, tu tập theo những gì đang được phổ biến, đang được nổi tiếng trong hiện tại nhưng chỉ có hư danh, không đưa đến trí tuệ thật sự về tự thân và không thật sự đưa đến sự hết sạch, sự đào thải sạch những dục, ái, bản ngã, tham, sân, si trong thân tâm... Tất cả những hình thức, những đạo lộ, những phương cách tu tập, những đường lối tu tập sai lầm này đều bị lật tẩy, bị đào thải, bị đưa ra ánh sáng trước một nội tâm có sự tu tập theo sự thấy biết đúng, suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ và định đúng cách. Với đường lối Tu hành theo Tám cái đúng, bậc Chánh Đăng Chánh Giác đã phá tan những vô minh, đã giải tỏa những hôn mê của chúng sanh trong việc tu đạo, học đạo, hành đạo, đưa chúng sanh đến với một đạo lộ an toàn, một đường lối tu hành an toàn, chân

chánh, đúng pháp trên con đường tìm kiếm một pháp tu, một cách tu, một đường lối tu hành đi đến sự thanh tịnh thân tâm, giải phóng tâm khỏi những rác bần cấu uế. Khi sự thật về đường lối tu hành chân chánh được Đức Phật, bậc Chánh Đẳng Giác khám phá và khai sáng cho thế gian này thì những đường lối tu hành sai lầm, sai quấy, tà mị, hư ảo, không chân thật, không chân chánh sẽ bị phát hiện, bị lật tẩy, bị tẩy chay bởi những bậc có trí tuệ, những bậc có tâm chân chánh trên cuộc đời này.

2.2.11 Thánh chân lý

Phương pháp Tám đúng là **Thánh chân lý**, là chân lý, là sự thật đưa đến sự chấm dứt sanh tử cho các chúng sanh mà Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã tìm ra, đã phát giác phát hiện ra. Chân lý đưa đến tâm thanh tịnh giải thoát này không là sở hữu của một ai, không là tài sản của một ai, không là của riêng của một ai, mà đó là nguyên tắc, là công thức, là định lý, là chân lý, là sự thật đưa đến sự chấm dứt khổ đau trên cuộc đời này. Đó là định lý nhân quả của sự chấm dứt khổ đau trong cuộc sống. Đó là chân lý của trời đất, chân lý của vũ trụ, chân lý của nhân sinh trong việc diệt tận vô minh và diệt tận khát ái đối với Ngũ uẩn. Đó là một công thức vi diệu và hoàn hảo đưa đến một nội tâm thanh tịnh, trong sạch, không còn mọi tham ái, không còn mọi chấp thủ. Người tự mình phát giác phát hiện

ra định lý này, chân lý này, công thức này, đó là bậc vĩ nhân. Người đó được gọi là bậc Thánh nhân, là Đức Phật, là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Người nghe theo lời chỉ dẫn của bậc Thánh này để tu tập, để thực hành và thành tựu phương pháp này, vị này được gọi là Phật tử, là Thánh đệ tử, là đệ tử của bậc Thánh, đệ tử của Đức Phật, đệ tử của Thánh nhân.

2.2.12 Thánh hiền pháp

Phương pháp Tám đúng là Thánh hiền pháp, là pháp tu, là đường lối tu được những bậc hiền nhân, hiền lành, chân thành, chân thật, những bậc có tâm và trí tuệ trong sáng, ngay thẳng tự mình giác hiểu. Đó là đường lối tu tập của các bậc trí, của những vị có tâm chánh trực, trung thực, trong sáng, chịu nhìn thẳng vào vấn đề, thấy sai biết sửa sai, thấy sai muốn sửa sai, có đời sống chân chánh, có tâm nhu nhuyến, nhẹ nhàng, dễ bảo, biết kham nhẫn, tâm không cố chấp, không méo mó, xiêu vẹo, lệch lạc, si ám, mê muội. Đó là ý nghĩa của câu kinh “Pháp là thiết thực hiện tại... được người trí tự mình giác hiểu”. Bất cứ ai có tâm chân chánh như vậy khi được thấy và được nghe phương pháp Tám đúng này từ Đức Phật hay từ những vị Thánh đệ tử chân chánh của Đức Phật, và những vị này hoan hỷ thọ nhận, hoan hỷ tiếp nhận và tu tập theo, thực hành theo phương pháp Tám đúng thì tất cả những vị này đều có thể

đi đến sự diệt tận phiền não, chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ đau. Phương pháp Tám đúng không phân biệt màu da, sắc tộc, tuổi tác, giàu nghèo, phương pháp Tám đúng không phân biệt nam nữ, thời gian, không gian và thế giới. Nhưng phương pháp Tám đúng chỉ có thể được thấy, được biết, được giác, được chứng, được sáng tỏ từ một nội tâm chân chánh, hiền thiện được duyên lành thấy nghe Thánh pháp vi diệu và thần diệu của Đức Như Lai.

2.3 Tinh Hoa Phật Trí

Vô minh, khát ái, tham sân si và bản ngã trú ngụ trong sự thấy biết, sự suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự siêng năng, sự quán sát và sự định tâm của chúng sanh. Đây là tám mặt, tám góc độ, tám khía cạnh trong đời sống của con người. Tám khía cạnh này cũng là tám chỗ, tám nơi, tám góc độ, tám phương diện hoạt động của vô minh. Vô minh ẩn trong tám phương diện của cuộc sống và vô minh chi phối tám phương diện này của cuộc sống. Sự nhìn thấy được Tám phương diện của cuộc sống hay tám phương diện hoạt động của vô minh, sự nhìn thấy này của bậc Chánh Đẳng Giác là một sự giác ngộ tuyệt diệu, sự phát giác vi diệu, trí tuệ tuyệt diệu phi thường, vượt phàm chứng Thánh. Đây thật là một trí tuệ hoàn hảo tuyệt đối, trí tuệ tối thượng tuyệt đối - trí tuệ thấy biết rõ tất cả các góc độ các khía cạnh của vô minh, không một góc độ, không

một khía cạnh nào của vô minh mà không được Ngài không thấy biết, đó gọi là trí tuệ Chánh Đẳng Chánh Giác.

Chánh là chân chánh. Đẳng là đồng đều. Giác là sự giác ngộ, sự phát giác, phát hiện, sự thấy biết điều chưa từng thấy biết, hoặc sự phát giác điều chưa từng ai trong hiện tại phát giác. Chánh Đẳng Chánh Giác có nghĩa là *“Trí tuệ thấy biết đồng đều đầy đủ tất cả các khía cạnh của các vấn đề trong cuộc sống và trong thân tâm”*. Tám khía cạnh hoạt động của vô minh và khát ái đã bị lật tẩy, bị phơi bày bởi trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Giác. Tám hình thức hoạt động của tham sân si và bản ngã đã bị phát giác, bị phát hiện, bị chế ngự, bị nhiếp phục bởi Bát Chánh Đạo hay Phương Pháp Tám Đúng.

- Phương Pháp Tám đúng là một sự dàn trận hoàn hảo để lật tẩy và đánh bật gốc mọi góc độ, mọi khía cạnh, mọi gương mặt của vô minh. Bất cứ sự ẩn nấp nào của vô minh trong cuộc sống, bất cứ hình thức nào của vô minh trong đời sống của người tu đều bị trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Giác phát hiện, lật tẩy và diệt tận. Vô minh ẩn nấp trong sự thấy biết, vô minh ẩn nấp trong sự suy tư, vô minh ẩn nấp trong lời nói, vô minh ẩn nấp trong hành vi hành động, vô minh ẩn nấp trong sự kiếm sống, vô minh ẩn nấp trong sự siêng năng, vô minh ẩn nấp trong sự nhớ biết quán sát quán niệm, vô minh ẩn nấp trong sự định tâm. Đây là những chỗ ẩn nấp của vô minh. Vì

không nhìn thấy rõ vô minh ẩn nấp trong tám chỗ này nên những người tu, người muốn thanh lọc sạch những rác bần trong nội tâm, người muốn tìm sự giải thoát sanh tử, những vị này đã bị vô minh đánh lén, đánh úp và đánh chết tại tám chỗ này. Như Lai - bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã phát giác phát hiện ra tám chỗ ẩn trú này của vô minh và Ngài đã khéo léo dàn trận bát chánh để lật tẩy, đánh úp lại và triệt phá toàn bộ mọi ngõ ngách, mọi hang ổ, mọi góc độ, mọi phương diện của vô minh. Vì vậy, khi thực hành “**trận đồ bát chánh**” này thì vô minh hoàn toàn bị thấy biết, bị đâm thủng, bị nhiếp phục và bị diệt tận một cách hoàn toàn.

- Phương Pháp Tám Đúng đã đánh thẳng, đánh ngay, đánh trực chỉ vào tám mặt, tám phương diện, tám chỗ trú ngụ của vô minh, khát ái, bần ngã, tham, sân, si thì làm sao chúng còn có thể nhúc nhích, cựa quậy và đào thoát.
- Phương pháp Tám đúng đã đem đến cho chúng sanh một cuộc chiến thắng rực rỡ, vĩ đại, toàn diện, toàn vẹn trong việc đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh và diệt tận khát ái. Với cuộc chiến thắng này, tâm được giải thoát hoàn toàn khỏi mọi sự áp bức khổng chế của những cảm giác tham dục, những cảm giác sân hận, những cảm giác tham ái, tâm được thoát khỏi hoàn toàn mọi sự bức xúc, bức bách, hành hạ, áp đảo của những

cảm xúc lo sợ, bất an, ghen tuông, ganh tỵ, tật đố... Tâm được giải thoát hoàn toàn khỏi cái rọ của Ngũ uẩn, được giải thoát hoàn toàn khỏi sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, được giải thoát hoàn toàn khỏi biển trầm luân trong sanh tử, phiền não và khổ đau.

Tốt lành thay là Phương pháp Tám đúng này.

Hy hữu thay là Phương pháp Tám đúng này.

Vĩ đại thay là Phương pháp Tám đúng này.

Tối thượng chiến thắng thay là Phương pháp Tám Đúng này.

Như vậy, Phương pháp Tám Đúng được gọi là Phương pháp Tối thượng Thần diệu, tối thượng thiện xảo và tối thượng hoàn hảo để đánh bại vô minh, đánh gục vô minh, đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh và diệt tận khát ái đối với Ngũ uẩn. Và chỉ có những bậc Chánh Đẳng Chánh Giác mới có thể lật tẩy được tất cả các gương mặt của vô minh, mới có thể phát giác, phát hiện ra một phương pháp tu tập thần diệu, một đạo lộ tu tập tối thượng hoàn hảo, hoàn chỉnh, thiện xảo và tuyệt diệu như vậy.

Sự phát giác phát hiện ra những chỗ trú ẩn của vô minh trong cuộc sống, đây gọi là sự phát giác phát hiện tối thượng, sự giác ngộ tối thượng trong cuộc sống. Người phát giác phát hiện ra vô minh và những chỗ trú ẩn của vô

minh, được gọi là bậc Vô Thượng Sư, được gọi là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, được gọi là Đức Thế Tôn hay Đức Phật. Trí tuệ khám phá ra phương pháp tối thượng thần diệu thiện xảo Tám Đúng để triệt phá vô minh ở mọi góc độ, đây là trí tuệ tinh vi nhất, tuyệt vời nhất trong cuộc sống này.

Tóm lại, Phương pháp Tám Đúng là trí tuệ tối thượng về phương pháp vượt thoát lưới sanh tử mà các bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã giác ngộ, đã phát giác, phát hiện ra. Bậc Chánh Đẳng Giác là bậc đã tự mình mài mòn, tự mình lần tìm con đường đưa đến sự chấm dứt sanh tử và rồi, từ trong bóng đêm của vô minh các Ngài đã bước ra khỏi vô minh và đến được với ánh sáng của trí tuệ, ánh sáng của sự giải thoát. Các Ngài đã tự mình phát giác phát hiện ra Ngũ uẩn, tự mình phát giác phát hiện ra vô minh lậu hoặc, tự mình phát giác phát hiện ra Phương pháp Tám Đúng và tu tập thành tựu trọn vẹn phương pháp Tám Đúng. Các Ngài đã tự mình đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh và diệt tận khát ái đối với Ngũ uẩn bằng Phương pháp Thần Diệu Tám Sự Chân Chánh này. Vì vậy, Phương pháp Tám Đúng hay Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn chính là **“tinh hoa Phật trí”**, là tinh hoa Chánh Đẳng Chánh Giác trí. Đó là tinh hoa trí tuệ của các Đức Phật, tinh hoa trí tuệ của các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Người con Phật ngày nay cần phải thông suốt, cần phải thấu rõ, cần phải thông hiểu rõ vấn đề tối thượng quan trọng này để từ đó có cái nhìn, cái thấy, cái hiểu chân chánh về Chánh pháp, về Thánh đạo và có một thái độ cung kính chân chánh, đúng pháp đối với Phương Pháp Tám Đúng.

2.4 Phật đạo - Phật thừa - Tối thượng thừa

2.4.1 Kinh Thành Ấp (*Tương II, 185*)

1)...*Tại Sāvattthī.*

2) *Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: “Thật sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết xuất ly khỏi già và chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến xuất ly khỏi già và chết”.*

3) *Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu? Do cái gì, già chết sanh khởi?”*

4) *Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh **minh kiến** như sau: “Do sanh có mặt nên già chết hiện hữu. Do duyên sanh, nên già chết sanh khởi”.*

5) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì có mặt, hữu hiện hữu? Thủ hiện hữu? Ái hiện hữu? Thọ hiện hữu? Xúc hiện hữu? Sáu xứ hiện hữu? Danh sắc hiện hữu? Do duyên cái gì, danh sắc sanh khởi?”

6) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do thức có mặt nên danh sắc hiện hữu. Do duyên thức nên danh sắc sanh khởi”.

7) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì có mặt, thức hiện hữu. Do duyên cái gì, thức sanh khởi?”

8) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do danh sắc có mặt nên thức hiện hữu. Do duyên danh sắc nên thức sanh khởi”.

9) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: “Thức này trở lui, không đi xa hơn danh sắc. Xa đến như vậy, chúng ta bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, bị tái sanh, nghĩa là do duyên danh sắc, thức sanh khởi. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi. Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi...”. **Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.**

10) “Tập khởi, tập khởi”. Này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

11) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì không có mặt già chết không hiện hữu? Do cái gì diệt, già chết diệt?”

12) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do sanh không có mặt, nên già chết không hiện hữu. Do sanh diệt, nên già chết diệt”.

13) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì không có mặt, sanh không hiện hữu? Hữu không hiện hữu? Thủ không hiện hữu? Ái không hiện hữu? Thọ không hiện hữu? Xúc không hiện hữu? Sáu xức không hiện hữu? Danh sắc không hiện hữu? Do cái gì diệt, danh sắc diệt?”

14) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do **thức** không có mặt, **danh sắc** không hiện hữu. Do thức diệt nên danh sắc diệt”.

15) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì không có mặt, thức không hiện hữu? Do cái gì diệt, nên thức diệt?”

16) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do **danh sắc** không có mặt, **thức** không hiện hữu. Do danh sắc diệt nên thức diệt”.

17) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Ta đã **chứng đắc** con đường này đưa đến giác ngộ, tức là do

danh sắc diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. ..(như trên)...Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt”.

18) “Đoạn diệt, đoạn diệt”. Đây các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

19) Ví như, này các Tỷ-kheo, **một người khi đi qua một khu rừng, một chặng núi, thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua.** Người ấy đi theo con đường ấy, trong khi đi theo con đường ấy, người ấy thấy được một cổ thành, một cố đô do người xưa ở, với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao với thành lũy đẹp đẽ.

20) Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy báo cáo với vua hay vị đại thần: “Chư tôn hãy biết, trong khi đi ngang một khu rừng, một chặng núi, tôi thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua. Tôi đã đi theo con đường ấy và thấy được một cổ thành, một cố đô do người xưa ở, với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao, với thành lũy đẹp đẽ. Thưa các Tôn giả, hãy xây dựng lại ngôi thành ấy”.

21) Rồi này các Tỷ-kheo, vị vua hay vị đại thần cho xây dựng lại ngôi thành ấy. Và ngôi thành ấy, sau một thời gian

lớn lên và trở thành một thành phố phồn vinh, thịnh vượng, đông đúc, tràn đầy người ở.

*Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **Ta đã thấy một con đường cũ, một đạo lộ cũ do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua.***

22) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường cũ, đạo lộ cũ ấy do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua?

*Đây chính là con đường **Thánh đạo tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Con đường ấy, này các Tỷ-kheo, là con đường cũ, đạo lộ cũ do các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua. **Ta đã đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ** già chết; Ta thấy rõ già chết tập khởi; Ta thấy rõ già chết đoạn diệt; Ta thấy rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt.*

*23-31) **Ta đã đi theo con đường ấy.** Đi theo con đường ấy; **Ta thấy rõ** sanh... Ta thấy rõ hữu... Ta thấy rõ thủ... Ta thấy rõ ái... Ta thấy rõ thọ... Ta thấy rõ xúc... Ta thấy rõ sáu xứ... Ta thấy rõ danh sắc... Ta thấy rõ thức...*

*32) **Ta đi theo con đường ấy.** Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ các hành; Ta thấy rõ các hành tập khởi; Ta thấy rõ các hành đoạn diệt; Ta thấy rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt.*

33) *Cái được Ta biết rõ, Ta đã tuyên bố cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ được biết. Nay các Tỷ-kheo, tức là Phạm hạnh này, phồn vinh, thịnh vượng, quảng đại, chúng đa, người nhiều và được chư Thiên, loài người khéo léo trình bày.*

2.4.2 Điều mà Đức Phật đã giác ngộ

Tóm lược bài kinh: Sau khi thấy biết rõ tình trạng thật sự của thế giới, đó là thế giới đang bị giam hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh. Bồ-tát Tất-Đạt-Đa đã truy xét những nhân duyên, những nguyên nhân đưa đến sanh, già, bệnh, chết cho chúng sanh và Ngài đã phát giác phát hiện ra một chuỗi những nhân duyên đưa đến sanh, già, bệnh, chết, tái sanh cho các chúng sanh. Tiếp đến, Ngài lại phát giác phát hiện ra con đường tu tập, phương pháp tu tập chân chánh đưa đến sự chấm dứt sanh tử mà các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã từngtu tập chính là phương pháp Tám Đúng, tức là Thấy biết đúng, Suy nghĩ đúng, Nói lời đúng, Hành động đúng, Nuôi mạng đúng, Siêng đúng việc, Quán đúng chỗ và Định đúng cách.

Các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa nhờ tu tập Phương Pháp Tám Đúng này đã đi đến sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ đau. Sau khi phát giác phát hiện ra như vậy, Bồ-tát Tất-Đạt-Đa đã tu tập theo phương pháp này và Ngài đã

diệt tận được tất cả những nguyên nhân đưa đến sanh tử khổ đau. Ngài trở thành bậc Chánh Đẳng Giác trong thời hiện tại, Ngài được gọi là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc đã tự mình giác ngộ ra được Bốn sự thật về Sanh Tử và đã hoàn toàn giải thoát khỏi sanh tử. Sau đó, Ngài đã tuyên bố con đường này, phương pháp tu tập chân chánh này lại cho chúng sanh, để chúng sanh được lợi ích tối thượng, được thoát khỏi biển sanh tử và để phương pháp tu hành chân chánh này được phồn vinh, thịnh vượng, quảng đại, chúng đa, người nhiều, và được chư Thiên và loài người khéo léo trình bày.

“Đây là khổ, khổ là đây!”

*Như Lai - **Ngài đã ngộ ra** điều này,*

Và Ngài thoát khỏi tái sanh,

Như người thoát nạn, như tù thoát thân,

Thoát ra rồi chỉ mọi người

Con đường thoát tử mà Ngài đã đi.

Bốn Thánh Trí - Bốn Thánh Chuông

Bốn Điều Vi Diệu - Bốn Viên Thuốc Thân,

Bốn sự thật về nhân gian,

Bốn Cẩm Nang để phá tan mê lầm,

Trống Bát Tử vẫn ngân vang,

Bốn Thánh Trí vẫn còn đang hiện tiền

Hãy dừng vọng niệm, lặng yên

Lắng tâm nghe trí Thánh hiền nói lên...

- Trí thứ nhất, Ngài phơi bày:
Cái thân năm uẩn này là khổ đau!
 Sanh, già, bệnh, chết nối nhau
 Làm cho đau khổ không bao giờ dừng.

- Trí thứ hai, chỉ rõ ra:
 Bởi **tâm chẳng tỏ tường năm uẩn này,**
Nên tham ái đã sanh sôi,
 Nhận chìm vào cảnh nổi trôi luân hồi,
 Chính tham ái với vô minh,
 Làm thân năm uẩn sản sinh không ngừng,
 Có sanh nên có khổ đau,
 Khổ đau, sanh tử nối nhau liên hồi.

- Trí thứ ba, đã sáng soi:
Khi nào năm uẩn được soi sáng rồi,
Thì tham ái sẽ tiêu vong,
 Luân hồi chấm dứt, khổ đau không còn.

- Trí thứ tư, đã mở toang:
 Cửa vào bất tử, đường vào vô sanh,
Chính Con đường Thánh Tám ngành,
 Gọi là Chánh đạo, con đường thoát sanh.
BÁT CHÁNH ĐẠO - Con đường thoát tử

*Phương pháp này dẫn nhập Vô sanh,
Thánh nhân chỉ dẫn rành rành,
Hành theo Tám Đúng thì sanh tử dừng.*

- *Thấy biết đúng về thân năm uẩn (Chánh tri kiến)*
- *Khéo suy tư từ bỏ tham sân (Chánh tư duy)*
- *Nói lời chẳng phạm lỗi lầm (Chánh ngữ)*
- *Thân hành trong sạch, chẳng làm hại ai (Chánh nghiệp)*
- *Nuôi thân mạng bằng điều chân chánh (Chánh mạng)*
- *Sống siêng năng trong hộ trì căn (Chánh tinh tấn)*
- *Thực hành chánh niệm thân tâm (Chánh niệm)*

Dùng Kinh Niệm Xứ làm kim chỉ đường.

Tâm tỉnh giác dần dà sanh khởi,

Màn vô minh dần tháo gỡ ra.

Hành theo Tứ Niệm Xứ Kinh,

Trí về năm uẩn phát sinh từ từ.

– *Nương hơi thở, thực hành tỉnh giác,*

Năm ám si thanh lọc khỏi tâm (5 triền cái)

Bốn Thiền tuần tự thực hành (Chánh định)

Thân tâm ổn định dần theo Bốn Thiền.

– *Thiền thứ nhất*, *hướng tâm rõ biết:*

Hiện tại thân tâm chẳng dục tham,

Bình yên, an tịnh trong người

Không như lúc bị dục tham làm phiền,
 Thân bức xúc không yên ổn được,
 Đứng, đi, ngồi, nằm rất bất an
 Giờ đây xả dục, ly tham
 Nên thân tâm được bình an, yên lành.
 Quán hạnh phúc khi mình ly dục
 Quán bình an lúc chẳng tham sân
 Hân hoan sanh khởi trong lòng
 Tâm vui, thân lạc vì rời dục tham
 Cho lạc hỷ này lan tỏa khắp
 Toàn thân này lạc hỷ thấm nhuần
 Như xà bông rửa chén dơ
 Hỷ lạc này rửa dục nhơ trong lòng.
 – Thiền thứ hai, dừng tâm quán xét,
 Tâm lặng yên, định tĩnh nhất tâm,
 Quán nhìn tâm tĩnh lặng này,
 Khởi sanh hỷ lạc tràn đầy thân tâm.
 Đây là hỷ lạc vì tâm định
 Hỷ lạc vì nội tĩnh nhất tâm
 Chúng sanh thích nghĩ lăng xăng
 Thiền này tẩy sạch tánh năng nghĩ này.
 – Thiền thứ ba, hỷ là, tâm xả
 Nhưng lạc còn cảm thọ trong thân,
 Thân thì an lạc nhẹ nhàng,
 Tâm thì an tịnh, xa lìa hỷ vui,

Thân an lạc, tâm lặng yên
 Như người giảm bệnh, thuốc liền giảm theo
 – Thiền thứ tư, xả luôn lạc thọ
 Chỉ còn thân an tịnh hiển bày
 Thân tâm thuần tịnh sáng trong,
 Thân tâm tĩnh lặng, nhất như trong ngoài.

Rồi với **Tuệ** từ tâm an tịnh,
 Xoay lại nhìn lậu hoặc trong tâm,
 Nhận ra các nhiễm ô ngầm,
 Vẫn còn nhẹ nhẹ âm thầm trong tâm,
 Tiếp tục quán sát năm thủ uẩn,
 Quán với tâm chẳng ái, chẳng tham,
 Độ ô nhiễm sẽ giảm dần,
 Đến khi hết nhiễm, tâm thành sạch trong.
 Dục nhiễm, hữu nhiễm, vô minh nhiễm,
 Tâm tẩy trừ ba sự nhiễm này,
 Khi ô nhiễm đã tẩy xong,
 Thì tâm trong sạch như dòng nước trong.
 Tẩy dục, hữu, vô minh hết sạch,
 Tâm không tham chấp bất cứ gì,
 Khởi lên Trí biết rõ ràng:
“Tâm này trong sạch chẳng còn nhiễm ô”.
 Tâm chẳng động trong khi nói nín,
 Tâm chẳng lay trong lúc đứng đi,

*Tâm không động nhiễm đêm ngày,
Nay là đời cuối, không còn tái sanh.*

*Đây được gọi là đường Bát Chánh,
Đưa người hành thoát khỏi tử sanh,
Những ai chân chánh thực hành,
Phần quà dành sẵn chính là **Vô sanh**.*

(Trích “Giải Thoát Trí”, sách “CỬA VÀO BÁT TỬ”)

2.4.3 Đường lối tu của chư Phật ba đời

Như vậy, thông qua bài kinh Thành Ấp, chúng ta vô cùng bất ngờ, vô cùng chấn động, vô cùng kinh ngạc khi phát giác phát hiện ra rằng:

- Phương pháp Tám đúng là đường lối tu mà tất cả các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã tu tập, đã thực hành để đi đến sự thành tựu trí tuệ về sanh tử và giải thoát khỏi sanh tử.
- Phương pháp Tám đúng là đường lối tu mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc Chánh Đẳng Giác đã tu tập, đã thực hành để đi đến sự thành tựu trí tuệ về sanh tử và giải thoát khỏi sanh tử.
- Và điều này có nghĩa là: Phương pháp Tám đúng cũng chính là đường lối tu mà tất cả các Đức Phật, các bậc Chánh Đẳng Giác sau này sẽ tu tập, sẽ thực hành để đi

đến sự thành tựu trí tuệ về sanh tử và giải thoát khỏi sanh tử.

Tóm lại, nhờ tự mình phát giác phát hiện rồi tu tập, thực hành theo phương pháp Tám sự chân Chánh mà các Đức Phật, các bậc Chánh Đăng Chánh Giác quá khứ hiện tại và vị lai đã thành tựu trí tuệ trọn vẹn về sanh tử. Các Ngài đã phát hiện tất cả những đối tượng có mặt trong chuỗi cấu kết tạo ra sanh tử. Các Ngài đã vạch mặt, đã điểm mặt tất cả những thành viên trong băng nhóm tạo ra sanh tử. Các Ngài đã khám phá trọn vẹn hang ổ của sanh tử. Các Ngài đã chặn đứng tất cả những móc nối, hợp tác, liên kết của các thành phần đưa đến sanh tử. Các Ngài đã khoanh vùng, đã cách ly và tiến hành tiêu diệt từng đối tượng, từng thành viên trong đường dây sanh tử. Các Ngài đã phá tung tất cả những mắc xích đưa đến sanh tử và các Ngài đã cắt đứt được hoàn toàn dòng sanh tử triền miên trong phiền não và đau khổ này.

Như vậy, các bậc Chánh Đăng Giác đã tự mình tìm ra được đường lối tu tập chân chánh thân diệu với Tám Sự Chân Chánh này và các Ngài truyền trao lại đường lối tu hành chân chánh này cho chúng sanh. Nhưng rồi, với thời gian, những chúng sanh đến sau trong Thánh pháp này đã buông lung, phóng dật, nhẹ dạ, cả tin, trà trộn, pha tạp, ngụy tạo, không cung kính, không tôn trọng Thánh pháp này, không tu tập và không trao truyền Thánh pháp này. Vì vậy, Thánh

pháp này, Phật đạo này đã bị mai một dần, bị thất truyền, rồi biến mất.

“Hỡi chúng sanh, tỉnh ra nhanh!

Con đường thoát khổ, đây nè, tỉnh nhanh!

Tỉnh nhanh kéo trễ bây giờ,

Con đường bất tử sắp mờ nhạt đi...

Bởi vì tâm địa si mê,

Mà ngày càng ít kẻ về nẻo chơn.

Bởi vì chẳng kính Thánh nhân,

Lấp dần Thánh đạo, đào đường khổ đau.

Chẳng trao truyền, chẳng thực hành,

Con đường Thánh đạo sẽ thành khói sương,

Giờ đây Thánh đạo mờ dần,

Sau này chẳng kẻ dự phần Vô Sanh”.

(Trích “Giải Thoát Trí”, sách “CỬA VÀO BẤT TỬ”)

Khi đường lối tu hành chân chánh bị thất truyền, bị biến mất khỏi thế giới này thì thế giới không có một đường lối tu hành chân chánh đưa đến sự vượt thoát lưới sanh tử. Thế giới rơi vào trong màn đêm của vô minh trong một thời gian thật lâu, thật dài. Và rồi một thời gian dài vô lượng năm sau, lại xuất hiện một con người chân thành, hiền thiện đi tìm sự thật về sanh tử và rồi vị này lại phát hiện ra

phương pháp Tám sự chân chánh. Vị này tu tập theo phương pháp chân chánh này và thành tựu trí tuệ về sanh tử. Và vị này lại khai sáng lại, khai mở lại con đường tu hành chân chánh đưa đến sự chấm dứt sanh tử cho chúng sanh. Vị này lại được gọi là bậc Chánh Đăng Giác.

Tóm lại, khi một bậc tự mình phát giác phát hiện ra đường lối tu với Tám sự chân Chánh thì vị đó được gọi là bậc Chánh Đăng Giác. Và thời gian xuất hiện một bậc Chánh Đăng Giác là vô lượng năm, vô lượng thời gian. Vì vậy, sự xuất hiện bậc Chánh Đăng Chánh Giác là một sự hy hữu, sự vô cùng hiếm có, vô cùng quý báu trên cuộc đời này. Khi một bậc Chánh Đăng Giác xuất hiện và đưa dòng pháp Tám sự chân Chánh vào cuộc sống, làm cho dòng Thánh pháp này vận hành trong nhân gian, đó gọi là Chuyển Pháp Luân. Khi đó mười ngàn thế giới rung động mạnh, chấn động mạnh và một hào quang vô lượng, quảng đại phát chiếu ra ở đời, uy lực của hào quang này vượt xa hào quang của các chư Thiên (Kinh Như Lai Thuyết - *Tương V*, 610).

Và khi một bậc Chánh Đăng Giác xuất hiện trên thế gian này thì trong khi danh hiệu, danh xưng của bậc Chánh Đăng Giác này còn được biết đến trong cuộc sống này thì không thể xuất hiện thêm một bậc Chánh Đăng Giác nào khác nữa. Không thể trong cùng một lúc, trong cùng một thời điểm, trong cùng một giai đoạn thời gian lại có hai bậc Chánh Đăng Giác xuất hiện. Đây là sự kiện không thể có

được, không thể xảy ra. Điều này đã được Đức Phật tuyên bố trong kinh Đa Giới (*Trung*, bài 115), người có chánh kiến cần chân chánh xác định rõ điều này để không lầm lạc trên con đường tu học theo Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong hiện tại.

Khi bậc Chánh Đẳng Giác xuất hiện thì phương pháp tu Tám sự chân Chánh lại rực sáng, chói sáng, và tỏa sáng trên cuộc đời này, bóng tối vô minh bị tan biến. Thế giới có những chúng sanh được tu tập theo một đường lối chân chánh và có những chúng sanh đi đến được sự giải thoát hoàn toàn khỏi sanh tử, phiền não và khổ đau. Khi bậc Chánh Đẳng Giác này nhập diệt, cỗ xe tối thượng thừa này còn được lăn bánh thêm một thời gian nữa. Rồi sau đó, với thời gian, với sự rời xa vòng tay của bậc Chánh Đẳng Giác, chúng sanh hời hợt, buông lung, phóng dật, nhẹ dạ, cả tin, trà trộn, pha tạp, ngụy tạo, bất cần, không cung kính, không tôn trọng Thánh pháp này, không tu tập và không trao truyền Thánh pháp này, vì vậy, Thánh pháp này, Phật đạo này lại bị mai một dần, bị thất truyền, rồi biến mất. Khi phương pháp tu hành chân chánh với Tám sự chân Chánh này bị thất truyền, bị biến mất, thế giới không còn ánh sáng của trí tuệ mà bậc Chánh Đẳng Giác đã truyền trao, thế giới rơi vào trong màn đêm của vô minh, khi ấy, không có những chúng sanh được tu tập tu hành theo một đường lối chân chánh và không có những chúng sanh đi đến được sự

giải thoát hoàn toàn khỏi sanh tử, phiền não và khổ đau. Khi ấy, thật đau khổ thay cho các chúng sanh, thật tăm tối thay cho các chúng sanh, thật trầm luân thay cho các chúng sanh!

Như vậy, thời gian xuất hiện một bậc Chánh Đẳng Giác là vô lượng năm, vô lượng thời gian, nhưng thời gian duy trì dòng pháp mà bậc Chánh Đẳng Giác truyền trao thì lại ít ỏi, ngắn ngủi, có giới hạn. Vì vậy, ngày nay, sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nhập diệt trên hai ngàn năm trăm năm, nhưng chúng ta còn được gặp, còn được thấy, còn được nghe dòng pháp Tám sự chân Chánh mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã truyền trao thì người con Phật cần nhận thức rõ, cần ý thức rõ rằng: **Đây là đại nhân duyên**, đại phước báu, đại thiện lành cho chúng ta. Chúng ta cần phải hết sức hết lòng hoan hỷ, hân hoan đón nhận và cẩn trọng tu học, cẩn trọng truyền trao cho hậu thế sau này. **“Chớ làm người tối hậu** sau Đức Phật Thích Ca”. Đây là tâm nguyện, là lời nhắn nhủ, là sự truyền trao, truyền thừa của Đức Thích Ca Mâu Ni của chúng ta. Người con Phật cần phải cẩn trọng “ghi tâm khắc cốt” điều này.

2.4.4 Thánh chuông đánh thức nhân gian

Tóm lại, bài kinh Thành Ấp là một hồi Thánh chuông làm chấn động đất trời, làm rung chuyển thế giới, làm sụp đổ bức màn vô minh tăm tối bao phủ thế giới, bao phủ tâm trí

của chúng sanh. Đó là một hồi chuông, một hồi trống mà các Đức Phật, các bậc Thánh nhân, các bậc vĩ nhân đã đánh lên để phá sập, phá vỡ, đánh sập mọi vô minh, mọi nghi ngờ, mọi ngờ nghệch, mọi hiểu biết sai lầm, mọi nhận thức sai lầm, mọi thấy nghe sai lầm về Bát Chánh Đạo, về Phương Pháp tu tập theo Tám sự chân Chánh. Bài kinh trên đã thông báo, cảnh báo, tuyên cáo, tuyên bố với thế giới, với chư Thiên và loài người rằng: Bát Chánh Đạo hay Phương Pháp Tám Đúng là Phật đạo, là Chánh Đẳng Chánh Giác đạo, là giải thoát đạo, là Niết-bàn đạo, là đạo lộ chân chánh, là đường lối tu hành chân chánh mà các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã tự mình phát giác phát hiện ra, và sau đó nhờ tu tập theo con đường này mà các Ngài đã thành tựu trọn vẹn sự đoạn diệt sanh tử, sự chấm dứt khổ đau.

Bài kinh trên đã làm sáng tỏ giá trị tối thượng và vị trí tối thượng quan trọng của Phương pháp Tám Đúng, hay Bát Chánh Đạo trong sự tu hành đi đến sự chấm dứt luân hồi sanh tử, phiền não và khổ đau. Vì vậy, người con Phật ngày nay chớ có xem thường Bát Chánh Đạo, chớ có xem thường Pháp Tám Đúng, chớ có xem thường sự tu tập Tám sự chân Chánh này.

- Nếu không có một phương pháp chân chánh, đúng đắn, chính xác và tinh vi về mọi mặt để diệt trừ vô minh thì vô minh sẽ không bao giờ được trừ diệt.

- Nếu không có một phương pháp thiện xảo, thần diệu, vi diệu về mọi mặt để lật tẩy vô minh thì vô minh sẽ không bao giờ bị lật tẩy.
- Nếu không có một phương pháp hoàn hảo, diệu dụng, bao vây, tấn công, triệt phá vô minh một cách triệt để thì vô minh sẽ không bao giờ bị triệt phá, luân hồi sanh tử sẽ không bao giờ được chấm dứt, khát ái đối với Ngũ uẩn sẽ không bao giờ được diệt tận và những tham, sân, si, bản ngã không thể được thấy biết trọn vẹn và không thể được tẩy sạch hoàn toàn.

Vô minh, tham sân si, bản ngã, là những thứ đã tồn đọng lâu ngày trong tâm ta. Độ sâu, độ dày, độ đặc, độ bản, độ nhiễm, độ hoạt động, hình thức hoạt động, phạm vi hoạt động, góc độ hoạt động của những pháp này là đa diện, đa dạng, dày đặc và khủng khiếp trong tâm ta. Vì không nhìn thấy được tất cả những góc độ, những khía cạnh, những nơi ẩn nấp của vô minh, tham sân si và bản ngã trong tâm này nên chúng sanh đã phải chìm nổi trong biển trầm luân sanh tử này từ vô lượng kiếp cho đến ngày nay, những giọt nước mắt đau khổ của những trò sanh ly tử biệt và những phiền não trong dòng luân hồi này là vô lượng nước mắt, chúng nhiều cho đến nỗi Đức Phật nói rằng: *Nước mắt của các ông đã khóc trong dòng sanh tử luân hồi này là nhiều hơn nước ở biển lớn.* Và ngày giờ này, những giọt nước mắt này có dừng lại đâu, chúng vẫn đang chảy xuống và sẽ

tiếp tục chảy xuống cho những sanh ly tử biệt, cho những mệt mỏi, đau khổ, phiền não, bất an đang xảy ra, sắp xảy ra, sẽ xảy ra đối với bản thân ta và những người xung quanh ta. Khổ, phiền não, mệt mỏi, bất an, lo sợ, dối trá, ganh tỵ, ích kỷ, tham ái, tham dục, sân hận, si mê, ngã mạn là những gì đang có mặt trong cuộc sống này. Tất cả những thứ này đang có mặt trong cuộc sống của chúng ta ở quá khứ, hiện tại và tương lai. Tất cả những thứ này là những sản phẩm của tâm vô minh, sản phẩm của tâm vô trí, sản phẩm của tâm hôn mê, mờ mịt, si ám đối với Ngũ uẩn. **Vô minh - sự không thấy biết rõ về Ngũ uẩn** là đầu mối sản sinh ra những sản phẩm có tên là khổ, phiền não, mệt mỏi, giả dối, tham đắm, sân hận, si mê, bản ngã. Để chấm dứt những sản phẩm vô ý nghĩa này thì Vô minh cần phải được thấy biết và cần phải được diệt tận, trí về Ngũ uẩn cần phải được thành tựu, con đường hay pháp hành đưa đến sự diệt tận vô minh và thành tựu trí về Ngũ uẩn cần phải được thực hành.

Phương pháp Tám đúng hay Thánh đạo Tám ngành hay Bát Chánh Đạo là con đường mà các bậc Thánh nhân, các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã tìm thấy, đã phát giác phát hiện và đã tu tập thành tựu con đường này. Các Ngài đã diệt tận được hoàn toàn tất cả những cấu uế, những nhiễm ô trong nội tâm. Nhờ phát giác, phát hiện, chứng ngộ và thành tựu trọn vẹn pháp hành Tám Đúng mà các Ngài mới tuyên bố mình là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Do đó,

chúng ta, những người con Phật ngày nay: “**Chớ có xem thường** Bát Chánh Đạo, chớ có xem thường Phương Pháp Tám Đúng, vì đây là con đường, là đạo lộ tu hành, là phương pháp tu hành, là đường lối tu hành của tất cả các bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác từ quá khứ, cho đến hiện tại và vị lai. Đây chính là Tinh hoa Phật trí. Đây chính là Tinh hoa Chánh đẳng Chánh Giác Trí”. Vì vậy, Bát Chánh Đạo hay Phương Pháp Tám Đúng còn được gọi là **Thánh Đạo**, là **Phật Đạo**, là **Chánh Đẳng Chánh Giác Đạo**, là **Giác Ngộ Đạo**, là **Giải thoát Đạo**, là **Niết-bàn Đạo**, là **Tối Thượng Đạo**, là **Tối Thượng Thừa**, là **Phật Thừa**.

- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Thánh đạo**, vì đây là đạo lộ tu tập của tất cả các bậc Thánh nhân.
- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Phật đạo**, vì đây là con đường tu tập của tất cả các Đức Phật.
- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Chánh Đẳng Chánh Giác đạo**, vì đây là đường lối tu tập của tất cả các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.
- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Giác Ngộ đạo**, vì đây là con đường tu tập đi đến sự giác ngộ hoàn toàn về thân tâm này và thế giới này.
- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Giải thoát Đạo**, vì đây là con đường tu tập đưa đến sự giải thoát hoàn toàn khỏi tham sân si, giải thoát hoàn toàn khỏi sanh tử, phiền não và khổ đau.

- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Niết-Bàn đạo**, vì đây là con đường tu tập đưa đến Niết-bàn, đưa đến thể nhập vào Niết-bàn.
- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Tối thượng Đạo**, vì đây là đạo lộ tối thượng, là phương pháp tu tập tối thượng, là trận đồ tác chiến tối thượng đưa người thực hành đi đến sự diệt tận phiền não, phá sạch vô minh và chấm dứt sanh tử.
- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Tối thượng thừa**, vì đây là sự kế thừa một pháp hành tối thượng hoàn hảo, là sự thừa tự một đường lối tu tối thượng thiện xảo, là sự thừa tự cỗ xe tối thượng thần diệu của các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, đưa người thực hành đi đến sự tận diệt sanh tử và khổ đau.
- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Phật thừa**, vì đây là sự kế thừa phương pháp tu tập, sự thừa tự pháp hành, sự thừa tự đạo lộ đưa đến giải thoát sanh tử mà các Đức Phật đã thực hành, đã thành tựu và đã truyền trao lại cho đời sau.

Tóm lại, Tinh hoa Phật trí hay Chánh pháp truyền thống, pháp hành truyền thống trong Nikāya chính là Phương Pháp Thần Diệu Tám Đúng, đó là: Thấy biết đúng, Suy nghĩ đúng, Nói lời đúng, Hành động đúng, Nuôi mạng đúng, Siêng đúng việc, Quán đúng chỗ và Định đúng cách. Đây là pháp hành truyền thống của đạo Phật, là pháp hành

truyền thông của các bậc Chánh Đăng Giác, là đạo lộ tối thượng trong việc nhiếp phục vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn, là con đường tối thượng hoàn hảo, tối thượng thiện xảo, tối thượng thần diệu đưa đến sự chấm dứt luân hồi, sanh tử, phiền não, nước mắt và khổ đau.

Là những người con chân chánh của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, là những bậc thiện tri thức ở trên đời, xin tất cả hãy để lòng lắng lại, hãy để tâm lắng xuống để có thể nghe được, hiểu được, thẩm thấu được, thâm nhập được pháp nghĩa thần diệu hy hữu, tối thượng hy hữu và chiến thắng hy hữu của phương pháp thần diệu Tám sự chân Chánh này. Đừng bao giờ cho phép mình được quên lời nhắn nhủ cuối cùng của Đức Như Lai trước khi Ngài nhập diệt: *“Này các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ cho các Ngươi. Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát.*

*Ta đã già, dư mạng chẳng còn bao
Từ biệt các Ngươi, Ta đi một mình
Tự mình làm sở y cho chính mình
Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ giới luật
Nhiếp thúc ý chí, bảo hộ tự tâm
Ai tinh tấn trong pháp và luật này
Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ đau.”*

2.5 Kệ đảnh lễ Phật đạo vô thượng

1.

Bậc Vô Thượng Sĩ đã ra đời
Phơi bày sự thật của trần gian
Vô thượng Phật đạo được khai mở
Vô thượng Pháp Luân được vận hành.

2.

Bốn Thánh trí được Ngài khai thị
Bốn sự thật được Ngài phơi bày
Dòng sanh tử được Ngài nêu rõ
Cửa bất tử được Ngài mở ra.

3.

Năm thủ uẩn được Ngài chỉ rõ
Vô minh, dục, ái được trình bày
Để diệt tận dục, ái, vô minh
Pháp Tám Chánh được Ngài khai thị.

4.

Ngài đã mở con đường Tám Chánh,
Mở con đường thoát khỏi trầm luân,
Thoát cảnh giới trời, người tạm bợ
Thoát địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

5.

Ngài đã mở con đường Tám Chánh,
Mở con đường thoát khỏi khổ đau,
Mở con đường ra khỏi luân hồi,

Làm dừng lại những dòng nước mắt.

6.

Làm dừng cảnh oan gia, trái chủ

Làm dừng bao cay nghiệt, hận thù

Làm chấm dứt sanh ly tử biệt

Làm diệt tận phiền não, khổ đau.

7.

Làm dừng sự triền miên mệt mỏi

Trong luân hồi chìm nổi, mộng lung

Trong bất an, lo sợ, hãi hùng

Trong mù mịt, cô đơn, cay đắng.

8.

Ngài đã mở con đường Tám Chánh,

Mở con đường thoát khỏi khổ đau,

Nay chúng con theo dấu chân Ngài,

Nguyện tu tập con đường Tám Chánh.

9.

“Thấy biết chân chánh về Ngũ uẩn

Suy tư chân chánh bỏ tham, sân

Nói lời chân chánh không tạo nghiệp

Thân hành không tạo khổ mình, người

Nuôi mạng chân chánh theo Thánh giới,

Siêng năng chân chánh Bốn việc cần

Quán niệm chân chánh về Bốn chỗ

Định tâm chân chánh theo Bốn thiền”.

10.

“Thấy biết “Bốn Trí về Ngũ uẩn”
 NGHĨ cách từ bỏ “Dục, hại, sân”
 NÓI lời không “Dối, đâm, độc, nhảm”
 LÀM việc lành, không “Sát, trộm, dâm”
 SỐNG nuôi mạng “Năm nghề nên tránh”
 SIÊNG hành trì “Chế, đoạn, tu, trì”
 QUÁN sát nhìn “Thân, thọ, tâm, pháp”
 ĐỊNH tâm tuấn tự theo Bốn thiền”.

11.

Tám pháp này gọi là Tám Chánh
 Bỏ-tát tu theo Tám Chánh này
 Ngài thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết
 Thoát luân hồi, phiền não, khổ đau.

12.

Tám Chánh mở đường cho Chánh Trí
 Chánh Giải thoát theo đó khỏi sanh,
 Hành giả bước lên Thuyền Bát Nhã,
 Nhẹ nhàng ra khỏi biển trầm luân.

13.

Trầm luân sanh tử, thế đủ rồi!
 Lên Thuyền Tám Chánh thoát khổ trôi!
 Các Đức Như Lai và Thánh chúng,
 Đều nhờ Tám Chánh thoát khổ đau.

14.

Tám Chánh cỗ xe thần diệu nhất
 Trăm lần ra trận thắng cả trăm
 Phá tan Tám chỗ Vô minh trú
 Phá tan Tám Tà của thế gian.

15.

Tám Chánh cỗ xe thù thắng nhất,
 Trăm lần ra trận thắng cả trăm
 Dục, ái, tham, sân và bản ngã
 Tám Chánh phá tan hang ổ này.

16.

Tám Chánh - nơi mờ chôn bản ngã
 Tám Chánh - nơi triệt phá vô minh
 Tám Chánh - nơi diệt trừ dục, ái
 Tám Chánh - nơi diệt tận tham sân.

17.

Tám Chánh - chỗ vượt phàm chứng Thánh
 Tám Chánh - chỗ vượt thoát khổ đau
 Tám Chánh - chỗ thể nhập Niết-bàn
 Tám Chánh - chỗ xa lìa phiền não.

18.

Tám Chánh - một lối tu hoàn hảo
 Tám Chánh - một lối tu vẹn toàn
 Tám Chánh - một lối tu thần diệu
 Tám Chánh - một lối tu an toàn.

19.

Tám Chánh - một pháp hành chân chánh

Tám Chánh - một pháp hành tinh anh

Tám Chánh - một pháp hành thực tế

Tám Chánh - một pháp hành rõ ràng.

20.

Tám Chánh - Đạo lộ bậc Chánh Giác

Tám Chánh - Đạo lộ của Thánh nhân

Tám Chánh - Đạo lộ chân, thiện, mỹ

Tám Chánh - Đạo lộ bậc trí nhân.

21.

Tám Chánh - Pháp tu tối thiện xảo

Tám Chánh - Thánh pháp chuyển tâm người

Tám Chánh - Phát minh thần diệu nhất

Tám Chánh - Châu báu của cuộc đời.

22.

Tám Chánh - Thần dược cho bất tử

Tám Chánh - Phương pháp thanh lọc tâm

Tám Chánh - Thuyền bát-nhã tối thượng

Tám Chánh - Đường thoát khỏi trầm luân.

23.

Tám Chánh - Tinh hoa trí tuệ Phật

Tám Chánh - Thiện xảo trí Thánh nhân

Tám Chánh - Tinh anh sự giác ngộ

Tám Chánh - Tinh túy của Chánh pháp.

24.

Tám Chánh - Dấu chân các Đức Phật

Tám Chánh - Dấu vết Đức Như Lai

Tám Chánh - Gia tài Phật để lại

Tám Chánh - Trí tuệ Phật truyền trao.

25.

Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật đạo

Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật thừa

Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật quả

Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật trí.

26.

Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng thừa

Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng nhân

Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng đạo

Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng quả.

27.

Kế thừa Tám Chánh - Đạt Niết-bàn.

Kế thừa Tám Chánh - Phiền não tan

Kế thừa Tám Chánh - Sanh tử dứt

Kế thừa Tám Chánh - Hết khổ đau.

28.

Kế thừa Tám Chánh là Trí tuệ

Kế thừa Tám Chánh là Khôn ngoan

Kế thừa Tám Chánh là Thiện xảo

Kế thừa Tám Chánh là Tinh anh.

29.

Tám Chánh - Tối thượng Khái hoàn ca
 Tám Chánh - Tối thượng Tiên quân ca
 Tám Chánh - Tối thượng Giải thoát trí
 Tám Chánh - Tối thượng Thanh tịnh tâm.
 30.

Tám Chánh - Vô thượng Chánh Đẳng Giác
 Tám Chánh - Trí giác ngộ tối cao.
 Tám Chánh là Vô thượng Phật đạo
 Tám Chánh là Tối thượng Phật thừa.
 31.

Vô thượng Phật Đạo đã khai mở
 Vô thượng Pháp Luân đã vận hành
 Thánh trí Vô thượng đã tỏa sáng
 Bạc Vô Thượng Sĩ đã ra đời.
 32.

Ngài đã mở con đường Tám Chánh,
 Mở con đường đưa đến bình an
 Mở con đường ra khỏi luân hồi,
 Mở cánh cửa bước vào Bất tử.
 33.

Ngài đi trước trên đường Tám Chánh
 Theo dấu chân các Đức Như Lai.
 Con bước sau, theo dấu chân Ngài,
 Lòng hoan hỷ, trào dâng hạnh phúc.
 34.

Ngài đi trước trên đường Tám Chánh
Theo dấu chân các Đức Như Lai.
Nay chúng con theo dấu chân Ngài
Nguyện tu tập con đường Tám Chánh.

3 GIỚI ĐỊNH TUỆ TRONG NIKĀYA

3.1 Pháp Tám Đúng được Giới Định Tuệ thâm nhiếp

Trong Tiểu Kinh Phương Quảng (bài 44, *Trung I*) đã nêu rõ: Pháp Tám Đúng hay Bát Chánh Đạo được thâm nhiếp trong Giới Định Tuệ.

- Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng (hay Nói lời đúng, Hành động đúng, Nuôi mạng đúng) là những pháp nằm trong Thánh giới uẩn.
- Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định (hay Siêng đúng việc, Quán đúng chỗ, Định đúng cách) là những pháp nằm trong Thánh định uẩn.
- Chánh tri kiến, Chánh tư duy (hay Thấy biết đúng, Suy nghĩ đúng) là những pháp nằm trong Thánh tuệ uẩn.

3.2 Thế nào là Giới Định Tuệ trong Đạo Phật?

Trong một số bài kinh như các Kinh Học Giới (*Tăng I*, 426), Kinh Không Thể Rơi Xuống (*Tăng I*, 63), Kinh Samôn Quả (*Trường I*, bài 2) Đức Phật đã nói về Giới Định Tuệ như sau:

(Trích đoạn)

“Này các Tỷ-kheo, có ba học giới này. Thế nào là ba?

- *Tăng thượng **giới** học,*

- Tăng thượng **tâm** học,
- Tăng thượng **tuệ** học.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tăng thượng **giới** học?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống hộ trì với sự hộ trì của giới bốn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập các học giới, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng **giới** học.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tăng thượng **tâm** học?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ.
- Diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.
- Ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.
- Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng **tâm** học.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tăng thượng **tuệ** học?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như thật rõ biết: **“Đây là Khổ”**, như thật rõ biết: **“Đây là Khổ tập”**, như thật rõ biết: **“Đây là Khổ diệt”**, như thật rõ biết: **“Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt”**. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng **tuệ** học. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba học giới”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, thông qua bài kinh trên, chúng ta thấy rằng Đức Phật đã xác định rõ thế nào là giới hạnh, thiền định và trí tuệ trong đạo Phật. Thiền định trong đạo Phật chính là Tứ thiền, Trí tuệ trong đạo Phật chính là Bốn Thánh Trí về Khổ. Người con Phật cần nắm vững vấn đề này để tu tập cho đúng với Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn để tự thân không lệch khỏi đạo lộ an toàn đưa đến bến bờ giải thoát.

3.3 Năm nguy hiểm cho người phạm giới

Kinh Đại Bát Niết-Bàn (Trường I, bài 16)

(Trích đoạn)

23. Thế Tôn nói với các cư sĩ ở Pataligama:

- Này các Gia chủ, có năm sự nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ bị tiêu hao tiền của rất nhiều vì sống phóng dật. Đó là điều nguy hiểm thứ nhất cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật bị tiếng dữ đồn xa. Đó là điều nguy hiểm thứ hai cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật khi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần sợ hãi, bối rối. Đó là điều nguy hiểm thứ ba cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ chết với tâm hồn rối loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị sanh vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Này các gia chủ, đó là năm điều nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

24. Này các Gia chủ, có năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào rất nhiều vì sống không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhất cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật được tiếng tốt đồn xa. Đó là sự lợi ích thứ hai cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thân không sợ hãi, không bối rối. Đó là sự lợi ích thứ ba cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm hồn không rối loạn. Đó là sự lợi ích thứ tư cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được

sanh vào thiên thú, thiên giới. Đó là sự lợi ích thứ năm cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

25. Thế Tôn giảng pháp cho những cư sĩ ở Pàṭaligāma cho đến khuya, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

3.4 Dòng chảy của Giới Định Tuệ

3.4.1 Kinh Sở Y (Tăng IV, 241)

“Này các Tỷ-kheo,

1. Với ác giới, với phá giới, không hối tiếc sở y bị diệt. (không có cơ sở để sanh khởi sự không hối tiếc, không có chỗ nương tựa để sanh khởi sự không hối tiếc)
2. Với không có không hối tiếc, với không hối tiếc không đầy đủ, hân hoan sở y bị diệt.
3. Với hân hoan không có, với hân hoan không đầy đủ, hỷ sở y bị diệt.
4. Với hỷ không có, với hỷ không đầy đủ, khinh an sở y bị diệt.
5. Với khinh an không có, với khinh an không đầy đủ, an lạc sở y bị diệt.
6. Với an lạc không có, với an lạc không đầy đủ, chánh định sở y bị diệt.

7. Với chánh định không có, với chánh định không đầy đủ, như thật tri kiến sở y bị diệt.
8. Với như thật tri kiến không có, với như thật tri kiến không đầy đủ, nhàm chán, ly tham sở y bị diệt.
9. Với nhàm chán, ly tham không có, với nhàm chán, ly tham không đầy đủ, giải thoát tri kiến sở y bị diệt.

Này các Tỷ- kheo:

1. Với giới có mặt, với giới có đầy đủ, không hối tiếc có sở y. (có cơ sở để sanh khởi sự không hối tiếc, có chỗ nương tựa để sanh khởi sự không hối tiếc)
2. Với không hối tiếc có mặt, với không hối tiếc có đầy đủ, hân hoan có sở y.
3. Với hân hoan có mặt, với hân hoan có đầy đủ, hoan hỷ có sở y.
4. Với hoan hỷ có mặt, với hoan hỷ có đầy đủ, khinh an có sở y.
5. Với khinh an có mặt, với khinh an có đầy đủ, an lạc có sở y.
6. Với an lạc có mặt, với an lạc có đầy đủ, chánh định có sở y.
7. Với chánh định có mặt, với chánh định có đầy đủ, như thật tri kiến có sở y.

8. *Với như thật tri kiến có mặt, với như thật tri kiến có đầy đủ, nhàm chán, ly tham có sở y.*
9. *Với nhàm chán, ly tham có mặt, với nhàm chán, ly tham có đầy đủ, giải thoát tri kiến có sở y”.*

3.4.2 Kinh Có Lợi Ích Gì (Tăng IV, 645)

“Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

*Bạch Thế Tôn, các **thiện giới** có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?*

*--Có ý nghĩa **không hối tiếc**, có lợi ích không hối tiếc.*

Nhưng bạch Thế Tôn, không hối tiếc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

*--Không hối tiếc có ý nghĩa **hân hoan**, có lợi ích hân hoan.*

Bạch Thế Tôn, nhưng hân hoan có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

*--Hân hoan có ý nghĩa **hoan hỷ**, có lợi ích hoan hỷ.*

Nhưng bạch Thế Tôn, hoan hỷ có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

*--Hoan hỷ có ý nghĩa **khinh an**, có lợi ích khinh an.*

Nhưng bạch Thế Tôn, khinh an có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

*--Khinh an có ý nghĩa **an lạc**, có lợi ích an lạc.*

Nhưng bạch Thế Tôn, an lạc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

*--An lạc có ý nghĩa **định**, có lợi ích định.*

Nhưng bạch Thế Tôn, định có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

*--Định có ý nghĩa **như thật tri kiến**, có lợi ích như thật tri kiến.*

Nhưng bạch Thế Tôn, như thật tri kiến có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

*--Như thật tri kiến có ý nghĩa **nhàm chán**, có lợi ích nhàm chán.*

Nhưng bạch Thế Tôn, nhàm chán có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

*--Nhàm chán có ý nghĩa **ly tham**, có lợi ích ly tham.*

Nhưng bạch Thế Tôn, ly tham có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

*--Ly tham có ý nghĩa **giải thoát tri kiến**, có lợi ích giải thoát tri kiến.*

Như vậy, này Ānanda,

1. Các thiên giới có ý nghĩa không hối tiếc, có lợi ích không hối tiếc.
2. Không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan.

3. *Hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ.*
4. *Hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an.*
5. *Khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc.*
6. *An lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định.*
7. *Định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến.*
8. *Như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, có lợi ích nhàm chán.*
9. *Nhàm chán có ý nghĩa ly tham, có lợi ích ly tham.*
10. *Ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến.*

*Như vậy, này Ānanda, các thiện giới thứ lớp **dẫn đến tối thượng**”.*

3.5 Dòng chảy của Chánh niệm và Giới Định Tuệ

Kinh Niệm (Tăng IV, 44)

“Này các Tỷ-kheo:

- *Khi chánh niệm, tỉnh giác **không** có, với người không có chánh niệm, tỉnh giác, thì tà tâm quý đi đến hủy diệt.*
- *Khi tà tâm quý không có, với người thiếu tà tâm quý, thì chế ngự các căn đi đến hủy diệt.*

- Khi ché ngự các căn không có, với người thiếu ché ngự các căn, thì giới đi đến hủy diệt.
- Khi giới không có, với người thiếu giới, thì chánh định đi đến hủy diệt.
- Khi chánh định không có, với người không có chánh định, thì tri kiến như thật đi đến hủy diệt.
- Khi tri kiến như thật không có, với người thiếu tri kiến như thật, thì nhàm chán, ly tham đi đến hủy diệt.
- Khi nhàm chán, ly tham không có, với người thiếu nhàm chán, ly tham, thì giải thoát tri kiến đi đến hủy diệt.

Này các Tỷ-kheo:

- Khi chánh niệm, tỉnh giác có mặt, với người có chánh niệm, tỉnh giác, thì tám quý đi đến đầy đủ.
- Khi tám quý có mặt, với người đầy đủ tám quý, thì ché ngự các căn, đi đến đầy đủ.
- Khi ché ngự các căn có mặt, với người đầy đủ ché ngự các căn, thì giới đi đến đầy đủ.
- Khi giới có mặt, với người đầy đủ giới, thì chánh định đi đến đầy đủ.
- Khi chánh định có mặt, với người đầy đủ chánh định, thì tri kiến như thật đi đến đầy đủ.
- Khi tri kiến như thật có mặt, với người đầy đủ tri kiến như thật, thì nhàm chán, ly tham đi đến đầy đủ.

- *Khi nhàm chán, ly tham có mặt, với người đầy đủ nhàm chán, ly tham, giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ”.*

Thông qua các bài kinh trên, chúng ta thấy rõ dòng chảy tuần tự từ giới hạnh, đưa đến thiền định, đưa đến trí tuệ và đưa đến giải thoát. Đó là định lý đưa đến sự giải thoát sanh tử mà Đức Phật đã phát giác phát hiện ra, hành giả cần nắm vững định lý này để xác định đường hướng tu tập cho tự thân. Ngày nay, khi một người muốn đi đến sự chấm dứt khổ, chấm dứt phiền não, chấm dứt sanh tử thì đây là đạo lộ, đây là lộ trình mà một hành giả cần phải tu tập để đi đến thành tựu ước muốn chân chánh của mình.

3.6 Giới Định Tuệ - Ba việc cần làm của người tu

Trong bài Kinh Cấp Thiết (*Tăng I, 435*), Đức Phật đã nói như sau:

“Này các Tỷ-kheo, có ba công việc cấp thiết này Tỷ-kheo cần phải làm. Thế nào là ba?

- *Chấp hành tăng thượng giới học,*
- *Chấp hành tăng thượng tâm học,*
- *Chấp hành tăng thượng tuệ học.*

Ba công việc cấp thiết này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): “Hôm nay, tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ, ngày mai cũng vậy, ngày kế tiếp cũng vậy”.

Nhưng này các Tỷ-kheo, chính do thời gian Tỷ-kheo ấy sử dụng để học tập tăng thượng giới, để học tập tăng thượng tâm, để học tập tăng thượng tuệ, mà tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau:

- “Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng giới học.
- Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tâm học.
- Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học”.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập”.

Như vậy, thông qua bài kinh trên, chúng ta thấy rằng, Đức Phật đã chỉ dạy rõ: Việc cần làm của một người tu chính là cần phải tu tập và thành tựu giới hạnh, thiền định và trí tuệ. Không có thần lực hay uy lực nào có thể ra lệnh rằng: Ngay hôm nay ta phải được hoàn toàn trong sạch, hoàn toàn thanh tịnh và giải thoát khỏi sanh tử. Không có một thần lực hay uy lực nào có thể làm được công việc này. Nhưng

chính trong khi đang tu tập Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn thì những lậu hoặc, những nhiễm ô, những rác bần và những cấu uế trong nội tâm được tẩy trừ từ từ, được đào thải dần dần khỏi nội tâm.

Bài kinh này chính là những hồi chuông sấm sét mà Đức Phật đã đánh lên để thức tỉnh những tâm thức mê muội, những tâm thức còn chìm đắm trong vô minh, hôn ám, không chịu tu tập soi rọi thân tâm, không chịu quán sát sự thật về thân tâm, không chịu dẫn thân vào đời sống tu hành chân chánh với Giới Định Tuệ, nhưng lại muốn đạt được sự an lạc thật sự, sự giải thoát thật sự khỏi sanh tử, phiền não và khổ đau - Sự kiện như vậy không xảy ra. Giới Định Tuệ là một đường lối tu tập chân chánh, là một pháp hành chân chánh đưa đến sự diệt tận tham sân si, diệt tận những cấu uế lậu hoặc trong tâm. Giới Định Tuệ là một phương pháp tu tập đúng để giải thoát tâm khỏi những khổ đau do sanh tử mang lại. Nếu hành giả muốn thoát khỏi sanh tử, muốn chấm dứt khổ đau nhưng thực hành không đúng cách, không đúng phương pháp đưa đến sự chấm dứt sanh tử và khổ đau thì sanh tử và khổ đau sẽ không thể nào chấm dứt được. Đó là điều mà Đức Phật đã nói trong các kinh: Kinh Cán Búa (*Trung* III, 272), Kinh Phù-di (*Trung* III, bài 126), Kinh Sự Tu Tập (*Tăng* III, 454).

3.7 Ta cũng là con bò - Kinh Sa-môn (Tăng I, 415)

“Này các Tỷ-kheo, có ba hạnh Sa-môn cần phải làm này của Sa-môn. Thế nào là ba?

- Thọ trì tăng thượng giới học,*
- Thọ trì tăng thượng tâm học,*
- Thọ trì tăng thượng tuệ học.*

Đây là ba hạnh Sa-môn cần phải làm của Sa-môn. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau:

- “Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học.*
- Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng định học.*
- Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng tuệ học”.*

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một con lừa đi theo sau lưng đàn bò nghĩ rằng: “**Ta cũng là con bò, ta cũng là con bò**”, nhưng nó không có màu sắc giống như con bò. Nó không có tiếng giống như con bò. Nó không có chân giống như con bò. Tuy vậy, nó vẫn đi theo đàn bò, nghĩ rằng: “**Ta cũng là con bò, ta cũng là con bò**”.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo đi theo sau lưng chúng Tỷ-kheo, nghĩ rằng: “Ta cũng là Tỷ-kheo, ta cũng là Tỷ-kheo”. Nhưng vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng giới học như các Tỷ-kheo khác. Vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng tâm học như các Tỷ-kheo khác. Vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng tuệ học như các Tỷ-kheo khác. Tuy vậy, vị ấy vẫn đi theo sau lưng chúng Tỷ-kheo, nghĩ rằng: “Ta cũng là Tỷ-kheo, ta cũng là Tỷ-kheo”.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: “Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng tâm học. Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng tuệ học”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

(Hết trích kinh)

Bài kinh này thật đáng để cho người học Phật ngày nay suy ngẫm.

3.8 Vị trí và tầm quan trọng của Giới Định Tuệ trong đạo Phật

Giới Định Tuệ là ba pháp song hành, ba sự tu tập song hành trong đời sống của một người tu. Người có tu tập, có thực hành ba pháp này Đức Phật mới gọi người đó là đệ tử của Ngài. Người không tu tập, không thực hành ba pháp này,

người đó Đức Phật nói là người đã ra ngoài dòng pháp này, đã ở ngoài đạo Phật. Trong Kinh Rời Khỏi (*Tăng I*, 551), Đức Phật đã tuyên bố điều đó như sau: *“Người không thành tựu Thánh giới, Thánh thiên định, Thánh trí tuệ và Thánh giải thoát đó là người đã rời khỏi đạo Phật”*.

Lại nữa, trong nhiều bài kinh, như Kinh Đại Bát Niết-bàn (Bài 16, *Trường II*), Kinh Giác Ngộ (*Tăng I*, 549), Kinh Mặt Trời (*Tăng III*, 418), Đức Phật đã tuyên bố như sau: *“Này các Tỷ-kheo, do không giác ngộ, không thể nhập bốn pháp, như vậy phải chạy dài, phải luân chuyển trong một thời gian dài, đối với Ta và đối với các Thầy! Này các Tỷ-kheo, do không giác ngộ, không thể nhập Thánh giới, Thánh định, Thánh tuệ, Thánh giải thoát, như vậy phải chạy dài, phải luân chuyển trong một thời gian dài, đối với Ta và đối với các Thầy”*. Như vậy, câu kinh này có nghĩa là: Luân hồi sanh tử sẽ triền miên nếu không thấy biết, không tu tập và không thành tựu Thánh giới, Thánh định, Thánh tuệ và Thánh giải thoát. Câu kinh này là tiếng rống của ngưu vương, là tiếng rống con sư tử, là hồi Thánh chuông mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã đánh lên để thức tỉnh chúng sanh trước **vị trí tối thượng** và **lợi ích tối thượng** của Giới Định Tuệ trong sự tu tập đi đến sự giải thoát sanh tử. Câu kinh này đã làm sáng tỏ và xác định rõ tầm quan trọng tuyệt đối của Giới Định Tuệ trong đạo Phật.

Lại nữa, trong kinh Sa-Môn (Tăng I, 415), Đức Phật đã thốt lên những lời sấm sét như sau:

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một con **lừa** đi theo sau lưng đàn **bò** nghĩ rằng: “Ta cũng là con bò, ta cũng là con bò”, nhưng nó không có màu sắc giống như con bò. Nó không có tiếng giống như con bò. Nó không có chân giống như con bò. Tuy vậy, nó vẫn đi theo đàn bò, nghĩ rằng: “Ta cũng là con bò, ta cũng là con bò”.*

*Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo đi theo sau lưng chúng Tỷ-kheo, nghĩ rằng: “Ta cũng là Tỷ-kheo, ta cũng là Tỷ-kheo”. Nhưng vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng **giới** học như các Tỷ-kheo khác. Vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng **tâm** học như các Tỷ-kheo khác. Vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng **tuệ** học như các Tỷ-kheo khác. Tuy vậy, vị ấy vẫn đi theo sau lưng chúng Tỷ-kheo, nghĩ rằng: “Ta cũng là Tỷ-kheo, ta cũng là Tỷ-kheo”.*

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: “Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng tâm học. Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng tuệ học”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

Như vậy, thông qua các bài kinh trên chúng ta thấy rõ vị trí và tầm quan trọng tuyệt đối của Giới Định Tuệ trong đạo Phật. Ngay chính với Đức Phật, Ngài đã tuyên bố: Do Ngài không giác ngộ, không phát giác phát hiện ra Thánh giới, Thánh định, Thánh tuệ, Thánh giải thoát mà Ngài đã phải chịu sự trầm luân sanh tử trong một thời gian dài vừa qua. Và khi Ngài đã phát giác phát hiện bốn Thánh pháp cao thượng vì diệu này và Ngài đã tu tập thành tựu các Thánh pháp này thì Ngài đã được hoàn toàn giải thoát khỏi sanh tử. Sau đó, Ngài đã trao truyền lại, chỉ dẫn lại cho chúng sanh, những ai đi theo tu học trong giáo pháp của Ngài nhưng không tu tập và thực hành Giới, Định, Tuệ mà Ngài đã hướng dẫn thì Ngài nói đó là người đã rời khỏi giáo pháp của Ngài. Đó là người đã không đi vào con đường của trí tuệ, giác ngộ và giải thoát. Ví như một con lừa đi theo sau lưng một đàn bò, dù nó tự nhận nó là con bò, nhưng trên thực tế thì nó vẫn chỉ là con lừa mà thôi. Đây là ví dụ cay đắng mà Đức Phật đã dùng để nói về những người đi theo giáo pháp của Ngài nhưng không tu tập, không thực hành theo đúng với giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà Ngài đã hướng dẫn.

Tóm lại, giới hạnh chân chánh, thiền định chân chánh và trí tuệ chân chánh như trên là con đường đưa đến chánh giác, là đạo lộ đưa đến chánh giác. Giới Định Tuệ là pháp có vai trò và vị trí tối thượng trong đạo lộ đưa đến sự chấm

dứt sanh tử. Giới Định Tuệ là pháp có tầm quan trọng tối thượng trong sự giải thoát khỏi phiền não và khổ đau của Đức Phật và của các chúng sanh. Giới Định Tuệ là những pháp hành chân chánh mà Đức Phật đã truyền đạt lại, đã chỉ dạy lại cho chúng sanh, để chúng sanh có thể nương tựa theo đây mà tu tập và đi đến sự chấm dứt sanh tử. Người con Phật ngày nay cần đặc biệt suy ngẫm về vấn đề trên để xác định cho mình một đường lối tu tập chân chánh, không bị tiền mất tật mang, đã tròng xe cát.

3.9 Mục đích của Giới Định Tuệ

Trong Phẩm Thứ Mười Bảy (*Tăng I*, 177), kinh Giới (*Trung V*, 268), kinh Pàtimokkha (*Trung V*, 291), kinh Tuyết Sơn (*Trung V*, 99), Đức Phật đã nêu rõ mục đích và lợi ích của các học giới, các giới hạnh, đức hạnh mà Ngài đã thiết lập cho Tăng chúng là như sau:

- Cực thiện cho Tăng chúng và an lạc cho Tăng chúng.
- Chế ngự các người ác và lạc thú cho thuần tịnh Tỷ-Kheo.
- Sự phòng hộ các lậu hoặc, các oán thù, các tội phạm, các sợ hãi, các pháp bất thiện ngay trong hiện tại và sự ngăn chặn các lậu hoặc, các oán thù, các tội phạm, các sợ hãi, các pháp bất thiện trong tương lai.

- Lòng từ mẫn đối với các gia chủ và đoạn tuyệt các thành phần ác dục.
- Đem lại tín tâm cho kẻ bất tín và làm tăng trưởng những kẻ có tín tâm.
- Cho điều pháp được an trú và để hộ trì giới luật.
- Lấy giới làm nền tảng, an trú trên giới để tu tập Bốn Niệm Xứ.
- Lấy giới làm nền tảng, an trú trên giới để tu tập Bảy Giác Chi.

Lại nữa, trong kinh Trạp Xe (*Trung I*, bài 24), Tôn giả Punna Mantaniputta và Tôn giả Sāriputta đã giải thích sáng tỏ mục đích của Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn:

- **Giới** thanh tịnh có mục đích **tâm** thanh tịnh. Tức là, khi một người có giới hạnh trong sạch thì tâm sẽ được bình yên, an ổn, không lo sợ, không hối hận, không dao động, không bất an, tâm được an tịnh, tâm được định tĩnh, đó là ý nghĩa câu: Giới thanh tịnh có mục đích làm cho tâm thanh tịnh.
- Tâm thanh tịnh có mục đích **kiến** thanh tịnh. Tức là, khi tâm được thanh tịnh, tâm được bình yên, định tĩnh thì cái nhìn, cái thấy về tự thân và xung quanh được trong sáng, rõ ràng, đó là ý nghĩa của câu: Tâm thanh tịnh có mục đích kiến thanh tịnh.

- Kiến thanh tịnh có mục đích **đoạn nghi** thanh tịnh. Tức là, khi cái nhìn cái thấy về tự thân và xung quanh được trong sáng rõ ràng thì nghi ngờ, nghi hoặc được đoạn trừ, tâm không còn nghi ngờ, nghi hoặc. Đó là ý nghĩa của câu: Kiến thanh tịnh có mục đích đoạn nghi thanh tịnh.
- Đoạn nghi thanh tịnh chỉ có mục đích **đạo phi đạo** tri kiến thanh tịnh. Nghĩa là, khi tâm không còn nghi ngờ, nghi hoặc về những gì đang diễn ra trong tự thân và thế giới thì cái nhìn cái thấy về đúng sai, cái nhìn cái thấy về chánh đạo, tà đạo được trong sáng, rõ ràng, minh bạch, không còn mập mờ giữa đen và trắng, không còn mập mờ giữa đạo và phi đạo, chánh đạo và tà đạo. Đó là ý nghĩa của câu: Đoạn nghi thanh tịnh chỉ có mục đích đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh.
- Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh có mục đích **đạo tri kiến** thanh tịnh. Tức là khi cái nhìn, cái thấy về chánh đạo, tà đạo hay đạo phi đạo đã được rõ ràng, trong sạch, phân minh thì sự thấy biết về đường lối tu tập chân chánh mà mình cần tu tập được xác định rõ ràng. Đó là ý nghĩa câu: Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh có mục đích đạo tri kiến thanh tịnh.
- Đạo tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích **tri kiến** thanh tịnh. Tức là, khi đường lối tu tập chân chánh

đã được thấy biết rõ ràng, phân minh thì cái nhìn cái thấy sẽ đi đến trong sạch, thanh tịnh, chân thật, đúng pháp. Đó là ý nghĩa của câu: Đạo tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích tri kiến thanh tịnh

- Tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích **vô thủ** trước Bát-niết-bàn. Tức là, khi cái nhìn cái thấy được trong sạch, thanh tịnh, chân thật, đúng sự thật về thân tâm Ngũ uẩn do duyên sanh, vô thường, khổ, vô ngã này thì tâm sẽ đi đến sự buông bỏ Ngũ uẩn một cách hoàn toàn, tâm không còn bất cứ mọi hình thức chấp thủ, dính mắc vi tế nào trước trạng thái tịch tịnh, vắng lặng, không dao động của nội tâm. Đó là ý nghĩa của câu: Tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích vô thủ trước Bát-niết-bàn.

Trên đây là đường đi, là đạo lộ, là hành trình đi đến Niết-bàn, hành trình đi đến giải thoát sanh tử của giới hạnh, thiền định, và trí tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn. Đường lối tu tập, đạo lộ tu tập đưa đến giải thoát sanh tử đã được Đức Phật chỉ dẫn, trình bày, phân minh, hiển thị, hiển lộ, khai thị, khai minh, thuyết giảng một cách rất trong sáng, rất chân chánh, rất rõ ràng, không một chút nào mờ ám, tà vạy, không rõ ràng, không trong sáng trong đạo lộ này. Còn gì nữa mà hành giả chưa chịu bắt tay vào tu tập và thực hành ngay một đạo lộ tu học chân chánh như thế này? Còn gì nữa mà hành giả lại phân vân, chần chờ, do dự và tiếp

tục lang thang trong những ngã rẽ tăm tối của vô minh, hôn mê và si ám? Còn gì nữa mà không chịu dần thân trước một đường lối tu rõ ràng, phân minh, trong sáng, rực sáng và chói sáng, đầy ánh nắng mặt trời mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã khai mở và mời gọi bạn hãy dần thân, hãy thực hành và hãy thực chứng? Còn gì nữa, còn chờ đợi gì nữa, còn chần chờ gì nữa, còn mong mỏi gì nữa hỡi những hành giả, hỡi những người con chân chánh của Đức Phật?

3.10 Tam Pháp Ấn trong đạo Phật

Trong Kinh Con Ngựa Thuần Thục (*Tăng I*, 443), Đức Phật đã ví dụ “Giới hạnh ví như là Sắc đẹp của một người tu”. Khi người tu khoác lên mình chiếc áo của giới đức; trang sức, trang điểm cho mình những vật liệu bằng giới hạnh; lấy sự thành tựu đức hạnh, viên mãn trong đức hạnh làm sắc đẹp cho mình thì đó gọi là một người tu đẹp, hay một người tu có sắc đẹp.

- **Giới hạnh** là nét đẹp bên ngoài, là sắc đẹp bên ngoài của người tu.
- **Thiền định** là nét đẹp bên trong của người tu. Khi người tu với một nội tâm có thiền định, có sự định tĩnh, có sự bình tĩnh, có sự thanh tịnh, lắng dịu, dễ chịu, ngọt ngào và sâu lắng trong nội tâm thì đó gọi là một người tu có nét đẹp ở bên trong.

- Nhưng nét đẹp tỏa sáng cả trong lẫn ngoài của người tu chính là một **trí tuệ** bừng sáng, rực sáng và chói sáng khắp thân tâm và cuộc sống này. Trí về tự thân, trí về cuộc sống hay Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn được tỏa sáng, chói sáng và rực sáng trong tâm của người tu. Đó gọi là người tu có vẻ đẹp tỏa sáng cả trong lẫn ngoài.

Nếu chỉ có giới hạnh nhưng không có thiền định, không thành tựu Thánh trí tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy thì sự tu hành này không viên mãn, không đẹp hoàn hảo, không đẹp trọn vẹn. Trong kinh Người Có Lòng Tin (*Tăng IV, 246*), Đức Phật đã nói như sau: *“Vị Tỷ-kheo có giới, có lòng tin, nhưng không có nghe nhiều (vẫn không đầy đủ, tuệ không thành tựu), không có tu tập Bốn thiền, không diệt tận các lậu hoặc rác bẩn trong nội tâm thì vị ấy không được viên mãn về các chi phần này”*.

Người tu là người đang làm đẹp thân tâm của mình, đang làm cho thân tâm mình đẹp từ trong ra ngoài, đẹp từ ngoài vào trong, đẹp trong từng oai nghi, đẹp trong từng cử chỉ, đẹp trong cái nhìn, cái thấy, cái suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự siêng năng, sự quán niệm và sự định tâm. Một người tu đẹp hoàn hảo là một người thành tựu viên mãn tám cái đẹp này trong đời sống của mình.

Tóm lại:

- Giới hạnh, thiền định và trí tuệ là ba nét đẹp mỹ diệu, vi diệu, thù diệu và tuyệt diệu của một người tu.
- Giới hạnh, thiền định và trí tuệ là ba nét đẹp thanh tao, thanh cao, thanh thoát và cao quý của một người tu.
- Giới hạnh, thiền định và trí tuệ là pháp để phân biệt kẻ phàm phu và Thánh đệ tử của Đức Như Lai.
- Giới hạnh, thiền định và trí tuệ chính là Tam pháp ấn, chính là dấu ấn mà Đức Phật đã để lại cho đời để đời xác định tánh thật hư trong những gì đang được gọi là Phật pháp, là Chánh pháp trong đạo Phật ngày nay.

Do đó, người con Phật chân chánh cần phải tìm hiểu một cách nghiêm túc, thận trọng, cẩn trọng nắm biết rõ thế nào là giới hạnh, thế nào là thiền định, thế nào là trí tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy để tự thân không bị lầm đường, lạc lối trong một đạo Phật phát triển tràn lan như ngày nay. Dù một pháp hành nào, một giáo pháp nào tự xưng là pháp hành, là giáo pháp của Đức Phật, nhưng lại không trình bày, không thuyết giảng, không khai thị, không hướng dẫn một đạo lộ tu tập theo Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dẫn thì đó không phải là giáo pháp thật sự của Đức Phật, đó không phải là pháp hành mà Đức Phật đã thật sự hướng dẫn. Dù một hành giả nào đi vào trong giáo pháp của Đức Phật, tự nhận mình là con của Đức Phật, tự nhận mình đang tu tập

theo đạo Phật, nhưng lại không thực hành Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy thì Đức Phật vẫn không công nhận đó là đệ tử của Ngài. Đó là điều mà Đức Phật đã nói trong các kinh như: Kinh Sa-môn (*Tăng I*, 415), Kinh Sona (*Tương III*, 97), Kinh Sa-môn Bà-la-môn (*Tương V*, 322), Kinh Sa-môn Bà-la-môn (*Tương II*, 33), Kinh Sa-môn Bà-la-môn (*Tương V*, 326), Kinh Đại Bát Niết-bàn (*Trường I*, bài 16)...

Những bài kinh này và còn nhiều bài kinh nữa trong bộ Nikāya đã nêu rõ những ý nghĩa trên. Và tất cả những bài kinh này chính là những dấu ấn mà Đức Phật đã để lại cho chúng sanh, để những ai muốn đi vào trong đạo Phật, muốn tìm hiểu và tu tập theo giáo pháp của Đức Phật, những vị ấy có thể nương theo những dấu ấn này để tìm ra được manh mối giáo pháp của Đức Phật. Khi nương theo ba pháp ấn này, sau khi Đức Phật nhập diệt, người học đạo sẽ có thể xác định, nhận định, kiểm định đâu thật sự là giáo pháp của Đức Phật, đâu thật sự là lời dạy của Đức Phật, đâu thật sự là đường lối tu tập, là đạo lộ tu tập, là pháp hành cần tu tập mà Đức Phật đã hướng dẫn cho các vị Thánh đệ tử chân chánh của Ngài. Tóm lại, Thánh giới, Thánh định và Thánh trí tuệ chính là dấu ấn mà Đức Phật đã để lại để xác chứng đó là pháp hành, là đạo lộ tu hành, là đường lối tu hành mà Đức Phật đã trao truyền lại cho cuộc đời này.

Vì vậy, Thánh Giới, Thánh Định, Thánh Trí Tuệ chính là Tam Pháp Ấn trong đạo Phật.

4 GIẢI THÍCH MỘT SỐ TỪ HÁN VIỆT

4.1 Dục thủ, Kiến thủ, Giới cấm thủ, Ngã luận thủ

- **Dục thủ** là sự chấp trước, sự dính mắc, sự muốn nắm giữ những dục lạc, muốn nắm giữ những cảm giác khoan khoái thích thú ham muốn đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đó gọi là dục thủ.
- **Kiến thủ** là sự chấp trước, sự dính mắc, sự nắm giữ những hiểu biết, những kiến thức, những tri kiến vầy khác trong vô minh và tham ái. Đó gọi là kiến thủ.
- **Giới cấm thủ** là sự chấp trước, sự dính mắc, sự nắm giữ, sự tuân thủ những giới luật vầy khác nhưng trong vô minh và chấp thủ. Giữ giới vì sợ hãi, vì sợ bị ai trừng phạt. Giữ giới trong mê tín, tà tín, dị đoan, ai bảo sao làm vậy, vô trí trong việc làm của mình, không biết rõ nhân quả trong giới luật mà mình đang gìn giữ, thực hành theo lòng tin, không có chánh kiến, không có trí tuệ, mù mờ trong việc giữ giới của mình. Sự giữ giới như vậy được gọi là giới cấm thủ.
- **Ngã luận thủ** là sự bảo thủ, sự cố chấp, sự nắm giữ những quan niệm mình là vậy, là khác trong quá khứ, hiện tại và vị lai, không thấy biết rõ những quan niệm về cái ta, cái tôi chỉ là những hình thức, những chấp trước về sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà thôi. Do ái đối với Ngũ uẩn sanh khởi nên bốn sự chấp thủ này sanh

khởi. Khi ái đối với Ngũ uẩn được đoạn diệt thì bốn sự chấp thủ, bốn sự nắm giữ đối với Ngũ uẩn được đoạn diệt, tức là dục thủ, kiến thủ, giới cầm thủ, ngã luận thủ được đoạn diệt.

4.2 Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu

- **Dục hữu** là sự có mặt, sự hiện hữu của Dục giới. Dục giới là cảnh giới, là thể giới của những Ngũ uẩn với sự có mặt, sự hiện hữu trong cùng một hình thức với thân do dục tạo, như loài người, loài súc vật, một số loài chư Thiên.
- **Sắc hữu** là sự có mặt, sự hiện hữu của Sắc giới. Ví như khi nằm mơ, hành giả thấy mình đi đây, đi đó, gặp người này, người khác. Trong giấc mơ đó hành giả thấy mình và người khác cũng có thân, có tướng, có hình, nhưng thân tướng này không phải là thân tướng xác thịt, mà là thân tướng với sắc tướng, sắc hình. Cũng vậy, Sắc giới là cảnh giới, là thể giới của những Ngũ uẩn với sự có mặt, với sự hiện hữu trong cùng một hình thức với thân có sắc tướng có sắc hình, nhưng không phải là những thân do dục tạo. Đó là đời sống của các Ngũ uẩn trong các cõi ma giới, ngạ quỷ giới, địa ngục giới và một số chư Thiên sắc giới như chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương, Tam Thập Tam Thiên, Dạ-ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha hóa Tự Tại Thiên... Sự hiện

hữu của các Ngũ uẩn trong cùng một hình thức sắc thân như vậy gọi là sắc hữu hay sắc giới.

- **Vô sắc hữu** là sự có mặt, sự hiện hữu của Vô sắc giới. Vô sắc giới là cảnh giới, là cõi giới, là thể giới của những Ngũ uẩn với sự có mặt, với sự hiện hữu trong cùng một hình thức là không có thân do dục tạo, không có thân bằng hình sắc, và những Ngũ uẩn này hiện hữu trong hình thức thọ tướng hành thức vô biên, hoặc thọ tướng hành thức rộng lớn như hư không, hoặc thọ tướng hành thức với những chiều hướng trống không, rỗng không, như chư Thiên Không vô biên xứ Thiên, Thức vô biên xứ Thiên, Vô sở hữu xứ Thiên, Phi tướng phi phi tướng xứ Thiên. Sự hiện hữu của các Ngũ uẩn trong cùng một hình thức vô biên, rộng lớn, trống không như vậy được gọi là Vô sắc hữu, hay Vô sắc giới.

4.3 Noãn sanh, Thai sanh, Thấp sanh, hóa sanh

- **Noãn sanh:** là những Ngũ uẩn được sanh ra trong những vỏ trứng, như các loài gà, vịt, chim, một số loài bò sát...
- **Thai sanh:** là những Ngũ uẩn được sanh ra từ những bào thai như loài người và một số loài vật như trâu, bò, heo, chó...
- **Thấp sanh:** là những Ngũ uẩn được sanh ra từ trong sự ẩm thấp, đen tối, hôi thối như những loài sanh từ thối

thối, cá thối, xác chết thối, phân thối như con dòi, loài bọ ăn phân...

- **Hóa sanh:** là những Ngũ uẩn được sanh ra với thân do duyên phước hoặc nghiệp lực thúc đẩy hóa hiện đến nơi tương ứng với những hành nghiệp đã tạo, như một số chúng sanh trong địa ngục, ma giới, thiên giới...

4.4 Lậu hoặc

Lậu hoặc: Lậu là rò rỉ, rỉ chảy, rỉ ra, âm thầm ngấm vào, âm thầm tiết ra. Hoặc là mê hoặc, mê mờ, mê muội. Lậu hoặc là những sự âm thầm rò rỉ, âm thầm ngấm vào và âm thầm rỉ ra trong tâm mà tâm không thấy không biết, tâm hôn mê, mê mờ, bị mê hoặc trong những hoạt động này. Ví như dục, ái, tham, sân, si đối với Ngũ uẩn đã âm thầm ngấm vào trong nội tâm mà tâm không thấy không biết, rồi những cấu uế này lại âm thầm biểu lộ ra ngoài mà tâm vẫn không thấy không biết. Sự lén lút, ngấm ngầm ăn sâu vào trong nội tâm và rò rỉ tươm ra bên ngoài như vậy gọi là lậu hoặc. Sự không nhìn thấy những hoạt động này đang diễn ra trong thân tâm, đây gọi là vô minh. Có ba lậu hoặc, hay có ba sự rò rỉ, ba sự âm thầm ngấm vào và âm thầm rỉ ra, tươm rỉ ra đang hoạt động vào ra trong thân tâm này, đó là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

- Dục lậu: sự rò rỉ, sự ngấm ngầm hoạt động của các cảm giác thúc giục, đòi hỏi, thèm muốn trong nội tâm.

- Hữu lậu: sự rò rỉ, sự ngấm ngấm hoạt động sanh diệt liên tục, hiện hữu liên tục của những sắc, thọ, tưởng, hành, thức.
- Vô minh lậu: sự rò rỉ, sự ngấm ngấm hoạt động của những trạng thái si ám, không trong sáng, không sáng tỏ trong nội tâm.

Vì đây là ba sự rò rỉ trong tâm, ba sự ngấm ngấm hoạt động trong nội tâm và tâm không thấy biết rõ về chúng. Chúng hoạt động lén lút trong tâm, chúng qua mặt tâm, chúng âm thầm dẫn tâm đi vào trong các bào thai, làm cho tâm phải chịu cảnh triền miên trong khổ, triền miên trong trầm luân sanh tử.

Chỉ đến khi nào tâm nhìn thấy rõ được ba lậu hoặc này và tu tập sự đào thải, sự diệt tận ba lậu hoặc này khỏi nội tâm thì khi đó tâm không còn phải đi vào trong các bào thai, không phải tiếp tục chịu đựng những nỗi khổ triền miên trong trầm luân sanh tử và trong nước mắt. Và con đường tu tập, đạo lộ tu tập để nhìn thấy rõ ba lậu hoặc và diệt tận được ba lậu hoặc này chính là phương pháp Tám đúng, tức là thấy đúng, nghĩ đúng, nói đúng, làm đúng, sống đúng, siêng đúng, quán đúng và định đúng.

4.5 Vô minh

Vô là không, minh là trong sáng, sáng suốt. Vô minh là sự không trong sáng, không sáng tỏ. Tâm bị vô minh che đậy

tức là tâm bị vẩn đục, tâm không nhìn rõ những lậu hoặc, cấu uế trong nội tâm, tâm không nhìn thấy rõ đục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

Trong Nikaya, định nghĩa về vô minh đã được Đức Phật nói như sau:

Kinh Vô Minh (Tương III, 289)

“Ngồi xuống một bên, Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- “Vô minh, vô minh”, bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Cho đến như thế nào, một người là vô minh?

*-- Ở đây, này Tỳ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không biết rõ sắc, không biết rõ sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt, không biết rõ **thọ**... không biết rõ **tưởng**... không biết rõ các **hành**... không biết rõ **thức**, không biết rõ thức tập khởi, không biết rõ thức đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.*

Này Tỳ-kheo, đây gọi là vô minh. Và cho đến như vậy, một người là vô minh”.

Kinh Vô Minh (Tương V, 622)

“Ngồi một bên, Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- “*Vô minh, vô minh*”, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Và cho đến như thế nào là đi đến vô minh (*avijjagato*)?

- Nay Tỷ-kheo, chính là không rõ biết Khổ, không rõ biết **Khổ tập**, không rõ biết **Khổ diệt**, không rõ biết **Con Đường đưa đến Khổ diệt**. Nay Tỷ-kheo, đây gọi là vô minh. Cho đến như vậy là đi đến vô minh.

Do vậy, nay Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “*Đây là Khổ*”, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “*Đây là Khổ tập*”, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “*Đây là Khổ diệt*”, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “*Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt*”.

Như vậy, sự không thấy biết đầy đủ về Ngũ uẩn, hay sự không thấy biết rõ Bốn sự thật về khổ, đó gọi là vô minh. Nhưng không phải sau khi đọc hai bài kinh này, hoặc sau khi nghe giảng về hai bài kinh này thì hành giả đã hết vô minh. Vì rằng hành giả chỉ mới nghe kinh nói, sách nói, người giảng nói chứ hành giả vẫn chưa nhìn ra được sự vận hành, sự hoạt động, sự thúc giục, chi phối, ám ảnh, khống chế của Ngũ uẩn trong đời sống hàng ngày của mình. Hành giả vẫn chưa nhìn ra được trạng thái vô minh vẫn đục trong nội tâm, chưa nhìn ra được một cách liên tục và trọn vẹn tất cả những hành tướng của Ngũ uẩn trong tự thân, chưa tìm được mối dây liên kết trong hai bài kinh trên, tự thân

chưa nhìn ra được manh mối của sanh tử và con đường đưa đến sự thoát ly sanh tử, chưa thấy được hành tướng của tham, sân, si, dục, ái, bản ngã đang thể nào trong Ngũ uẩn, chưa thấy được Bốn sự thật về khổ nằm trong Ngũ uẩn.

Tóm lại, hai bài kinh trên đã định nghĩa về vô minh nhưng đây là lý thuyết trong kinh sách, trong lời Phật dạy. Bôn phận của hành giả là phải thực chứng lý thuyết này, phải nương theo lý thuyết này để thực thấy, thực biết, thực giác những sự thật đã được nói đến trong lý thuyết, trong kinh sách Phật dạy. Vì vậy, đừng làm tướng sự hiểu biết trên lý thuyết, trên sách vở là hành giả đã hết vô minh. Cho đến khi nào hành giả tự thân mình nhìn ra được Ngũ uẩn trong tự thân, nhìn ra Bốn sự thật về khổ trong tự thân, nhìn ra trạng thái vô minh và khát ái trong tự thân, nhìn ra pháp Tám chánh trong tự thân, khi ấy hành giả phá được lớp màn thứ nhất của vô minh, đó là lớp màn che mờ Ngũ uẩn. Nhưng đó chỉ mới là phá được lớp màn đầu tiên của vô minh, đã nhìn thấy Ngũ uẩn và lậu hoặc, nhưng sự vẫn đục trong nội tâm vẫn còn đó.

- Trạng thái tâm không nhìn thấy rõ Ngũ uẩn, không nhìn thấy rõ bản chất của Ngũ uẩn, không nhìn thấy rõ những hành tướng của Ngũ uẩn, đó gọi là vô minh.
- Sự rò rỉ, sự ngấm ngấm hoạt động của những trạng thái si ám, không trong sáng, không sáng tỏ trong nội tâm, đó gọi là vô minh lậu.

Khi tu tập chánh kiến, nhìn thấy rõ được Ngũ uẩn đó là hành giả đã phá được vô minh, phá được lớp màn đầu tiên của vô minh. Nhưng vô minh lậu vẫn còn, do đó mà bậc Bất lai vẫn còn vô minh (trong năm thượng phần kiết sử). Vì vậy, đừng lầm tưởng là nhìn thấy rõ mọi hành tướng của Ngũ uẩn là đã hết vô minh, hành giả cần tiếp tục tu tập để đào thải lậu hoặc trong nội tâm, thanh lọc sạch trạng thái vẫn đục trong nội tâm, làm cho tâm được trong sạch thanh tịnh hoàn toàn, thành tựu A-la-hán quả, khi ấy hành giả thật sự hết sạch vô minh.

4.6 Niết-bàn

4.6.1 Niết-bàn là gì?

Mục đích của đạo Phật là thể nhập vào Niết-bàn, là chứng đạt Niết-bàn. Chứng đạt Niết-bàn tức là chứng đạt trạng thái tâm thanh tịnh, tịch lặng. Niết-bàn có nghĩa là tịch lặng. Ví dụ, khi một người tu trong đạo Phật mạng chung thì người ta nói: “Vị ấy đã viên tịch rồi”, tức là vị này đã mất rồi. Cũng vậy, tâm thanh tịnh, tịch lặng là tâm đã tịch, đã mất khả năng sanh khởi những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc và đã được sự lặng yên, thanh tịnh một cách hoàn toàn. Mọi khả năng đưa đến sự dao động trong tâm, làm mất thanh tịnh trong tâm đã bị diệt mất, bị

cắt đứt tận gốc rễ, và không thể sanh khởi trở lại trong tương lai.

Tịch lặng ở đây có nghĩa là tất cả những pháp ác bất thiện, những pháp dẫn dắt tâm đi trong sanh tử khổ đau đã bị tịch, đã bị diệt tận, bị diệt mất, chúng không còn có thể sanh khởi trở lại trong tương lai.

- Những trạng thái tham muốn, thúc giục, đòi hỏi trong tâm đã được tịch lặng, được tan biến mất, tức là dục lậu đã bị diệt tận, bị đoạn tận một cách hoàn toàn.
- Những trạng thái Ngũ uẩn dao động sanh diệt liên tục trong tâm đã được tịch lặng, được chấm dứt hoàn toàn, tức là hữu lậu đã bị diệt tận, bị đoạn tận một cách hoàn toàn.
- Những trạng thái si ám, vẩn đục, không trong sáng, không sáng tỏ trong nội tâm được tịch lặng, được phá sạch, được tẩy sạch, được diệt tận hoàn toàn, tức là vô minh lậu đã bị diệt tận, bị đoạn tận hoàn toàn khỏi nội tâm.

Tâm được thanh lọc sạch, được đào thải sạch, được diệt tận hết tất cả những dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, tâm như vậy được gọi là tâm không còn bị sự khống chế, chi phối, dẫn dắt của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã. Tâm như vậy được gọi là tâm không còn dục, không còn dao động, không còn bị vẩn đục. Tâm như vậy là tâm không còn phải

chịu sự chìm nổi trong biển sanh tử, không còn phải chịu những nổi thống khổ trong phiền não và nước mắt. Tâm như vậy được gọi là tâm thanh tịnh, tâm giải thoát, tâm Niết-bàn.

Kinh Nibbàna (Tương IV, 403)

(Trích đoạn)

“Ngồi một bên, du sĩ Jambukhàdaka nói với Tôn giả Sàriputta:

*- “**Niết-bàn, Niết-bàn**”, này Hiền giả Sàriputta, như vậy được nói đến. Này Hiền giả, thế nào là Niết-bàn?*

*- Này Hiền giả, đoạn tận **tham**, đoạn tận **sân**, đoạn tận **si**, đây gọi là Niết-bàn.*

Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến chứng đắc Niết-bàn?

- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến chứng đắc Niết-bàn ấy.

Này Hiền giả, con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì đưa đến chứng đắc Niết-bàn ?

*- Này Hiền giả, đây là con đường **Thánh đạo Tám ngành** đưa đến chứng đắc Niết-bàn ấy, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này Hiền giả, đây*

là con đường, đây là đao lộ đưa đến chứng đắc Niết-bàn ấy.

- *Này Hiền giả, hiền thiện là con đường, hiền thiện là đao lộ đưa đến chứng đắc Niết-bàn. Thật là vừa đủ, này Hiền giả, để **không phóng dật**”.*

(Hết trích kinh)

Kinh Một Tỷ-kheo Khác 2 (Tương V, 18)

Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- “*Nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si*”, bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Đồng nghĩa với gì là **nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si**?

- *Đồng nghĩa với Niết-bàn giới là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si, cũng được gọi là Đoan tâm các lậu hoặc.*

Khi được nói vậy, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- “*Bất tử, bất tử*”, được gọi là như vậy. Thế nào là bất tử, bạch Thế Tôn? Thế nào là con đường đưa đến bất tử?

- Đoan tâm tham, đoan tâm sân, đoan tâm si, này Tỷ-kheo, được gọi là **Bất tử**. Con đường Thánh đạo Tám ngành này là **Con đường đưa đến bất tử**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Tóm lại, Tâm Niết-bàn là tâm đã tịch lặng tham sân si, đã đoạn tận tham sân si. Tâm đã đoạn tận tham sân si tức là tâm đã diệt tận dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Tâm đã diệt tận các lậu hoặc là tâm đã tịch khả năng sanh tử, đã chấm dứt khả năng sanh tử trở lại trong tương lai, đã chấm dứt sự chui vào trong những thân xác Ngũ uẩn duyên sanh, vô thường, tạm bợ, dễ vỡ, dễ tan hoại, nhiều khổ, nhiều bất an, rất mong manh và đầy sợ hãi. Tâm Niết-bàn là tâm đã tịch lặng, đã thanh tịnh, tâm đã được giải thoát hoàn toàn khỏi sanh tử, giải thoát hoàn toàn khỏi phiền não, khổ đau và nước mắt. Đó là ý nghĩa của danh từ Niết-bàn.

Có hai loại Niết-bàn, Hữu Dư Y Niết-bàn và Vô Dư Y Niết-bàn.

4.6.2 Hữu dư y Niết-bàn

Hữu dư y Niết-bàn là trạng thái tâm chắc chắn sẽ đạt đến sự tịch lặng Niết-bàn, nhưng vì còn chút lậu hoặc tàn dư trong nội tâm nên tâm này sẽ còn sanh tử thêm vài lần nữa rồi mới đi đến sự tịch lặng, sự chấm dứt sanh tử một cách hoàn toàn.

Các vị đạt Hữu dư y Niết-bàn, đó là các vị còn có dư tàn một vài sanh y, còn có sự sanh khởi ra một vài thân cuối cùng rồi mới đi đến sự chấm dứt sanh thân, chấm dứt sanh tử. Và đó là các vị trong hàng bốn đôi tám chúng, từ Dự lưu đến Bất lai. Tùy theo sự tàn dư của các kiết sử và lậu

hoặc trong nội tâm mà các vị này sẽ có những sanh y tàn dư sanh y (sanh ra thân) ở đời sau, tương ứng với sự tàn dư của các kiết sử, lậu hoặc trong các vị.

Ví dụ như: Với vị Dự lưu thì tàn dư sanh y của vị này, đó chính là vị này còn phải sanh tử qua lại giữa chư Thiên và loài người bảy lần nữa (tối đa) rồi mới đạt sự chấm dứt sanh tử. Với bậc Nhất lai thì tàn dư sanh y của vị này là còn phải quay lại đời này một lần nữa rồi mới chấm dứt sanh tử. Với bậc Bất lai thì tàn dư sanh y của vị này là còn phải sanh ở Tịnh Cư Thiên rồi mới chấm dứt sanh tử, mới thể nhập trạng thái tịch lặng, Niết-bàn.

Đó gọi là hữu dư y Niết-bàn, tức là còn có một vài tàn dư về sanh y rồi mới thể nhập trạng thái tâm thanh tịnh, tịch lặng, Niết-bàn, chấm dứt sanh tử.

4.6.3 Vô dư y Niết-bàn

Đó là các bậc đã chứng quả A-la-hán. Các vị này khi thân hoại mạng chung thì sanh tử được dừng lại, được chấm dứt một cách hoàn toàn. Các Ngài không còn sanh y, không còn tàn dư sanh y nào nữa cả, không còn phải tiếp tục một đời sống vô thường và đau khổ nào khác nữa, không còn phải chịu đựng một lần sanh tử nào khác nữa.

Trong kinh Nikaya, vấn đề hữu dư y Niết-bàn và vô dư y Niết-bàn đã được Đức Phật giảng dạy rất rõ ràng. Hành giả có thể tìm hiểu trong các kinh sau: Kinh Sanh Thú Của

Loài người (Tăng III, 371), Kinh Tissa (Tăng III, 379),
Kinh Không Có Dư Y (Tăng IV, 103)

4.6.4 Kinh Không Có Dư Y (Tăng IV, 103)

(Trích đoạn)

“- Nay Sàriputta, có chín hạng người này, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sinh, được giải thoát khỏi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Thế nào là chín?

1. Ở đây, nay Sàriputta, có hạng người viên mãn trong các Giới, viên mãn trong Định, nhưng không viên mãn trong Tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, là vị **Trung gian Bát-niết-bàn**. Nay Sàriputta, đây là hạng người thứ nhất, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... cõi dữ, ác thú, đọa xứ.
2. Lại nữa, nay Sàriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, viên mãn trong định, nhưng không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, là vị **Tổn hại Bát-niết-bàn**...
3. ... là vị **Vô hành Bát-niết-bàn**...
4. ... là vị **Hữu hành Bát-niết-bàn**...

5. ... là vị *Thượng lưu*, đi đến **Sắc Cứu Cánh Thiên**, này Sàriputta, đây là hạng người thứ năm, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... cõi dữ, ác thú, đọa xứ.
6. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, không viên mãn trong định, không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, làm nhẹ bớt tham, sân, si, là vị **Nhất lai**, còn đến thế giới này một lần nữa, rồi đoạn tận khổ đau. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ sáu, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... cõi dữ, ác thú, đọa xứ.
7. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, không viên mãn trong định, không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là vị **Nhất chủng**, còn sanh hiện hữu làm người một lần nữa rồi đoạn tận khổ đau. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ bảy, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... cõi dữ, ác thú, đọa xứ.
8. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, thành tựu vừa phải trong định, thành tựu vừa phải trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là vị **Gia Gia**, sau khi dong ruỗi, sau khi luân chuyển hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ tám, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

9. *Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, thành tựu vừa phải trong định, thành tựu vừa phải trong tuệ. Vị ấy, sau khi **diệt tận ba kiết sử**, là vị trở lui tối đa là bảy lần, sau khi dong ruổi, sau khi luân chuyển, tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, rồi đoạn tận khổ đau. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ chín, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi bàng sanh, được giải thoát khỏi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.*

Này Sàriputta, một số người du sĩ ngoại đạo là ngu si, không thông minh, một số người sẽ biết: “Có dư y là có dư y” hay một số người sẽ biết: “không có dư y là không dư y”.

Này Sàriputta, chín hạng người này, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Nhưng này Sàriputta, cho đến nay, pháp môn này chưa được nói cho các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ. Vì có sao? Mong rằng khi nghe pháp môn này, họ không đem lai phóng dật. Lại nữa, này Sàriputta, pháp môn này được Ta nói đến vì Ta được hỏi đến.

(Hết trích kinh)

Thông qua bài kinh này, Đức Phật đã nói rõ cho chúng ta biết rằng có chín hạng người khi chết có dư y nhưng được giải thoát khỏi địa ngục, súc sanh, ngã quỷ, côi dữ, ác thú, đọa xứ. Và chín hạng người đó chính là:

- Bạc Trung gian Bát-niết-bàn
- Bạc Tổn hại Bát-niết-bàn
- Bạc Vô hành Bát-niết-bàn
- Bạc Hữu hành Bát-niết-bàn
- Bạc Thượng lưu Sắc Cứu Cánh Thiên
- Bạc Nhất lai
- Bạc Nhất chủng
- Bạc Gia Gia
- Bạc Dự lưu

Như vậy, chín hạng người này được gọi là các bậc đã chứng nhập hữu dư y Niết-bàn, sự sanh tử còn lại của các vị là rất ít, tùy theo mức độ tàn dư kiết sử, tàn dư lậu hoặc của các vị. Và chắc chắn tất cả các vị này đều sẽ đi đến sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt tất cả những phiền não, đau khổ, lo sợ, bất an trong cuộc sống và thể nhập vào sự thanh tịnh, tịch lặng, bình yên, Niết-bàn.

4.6.5 Kinh Tissa (Tăng III, 379)

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại núi Gijjhakuta (Linh Thứu). Bấy giờ có

hai Thiên nhân sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Gijjhakuta, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, một Thiên nhân, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này được giải thoát.

Thiên nhân khác bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này khéo giải thoát, không có dư y.

Các Thiên nhân ấy nói như vậy, Bạc Đạo Sư chấp nhận. Rồi các Thiên nhân ấy, sau khi được biết: “Bạc Đạo Sư đã chấp nhận”, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, bảo các Tỷ-kheo:

- Đêm này, này các Tỷ-kheo, có hai Thiên nhân... đi đến Ta... Sau khi nói như vậy, các Thiên nhân ấy đánh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ.

2. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahāmoggallāna ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna suy nghĩ như sau: “Những Thiên nhân nào có trí như sau: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y””.

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo tên là Tissa mang chung không bao lâu và được sanh lên một Phạm thiên giới. Tại đấy, họ

được biết vị ấy là Phạm thiên Tissa, có đại thần lực, có đại uy lực.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna, như người lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, biến mất ở Gijjhakuta và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Phạm thiên Tissa thấy Tôn giả Mahāmoggallāna từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Mahāmoggallāna:

- Hiền giả Moggallāna, hãy đến đây! Thiện lai Hiền giả Moggallāna! Đã lâu, Hiền giả Moggallāna mới tạo cơ hội này, tức là đến đây. Hãy ngồi, Hiền giả Moggallāna, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn!

Tôn giả Mahāmoggallāna ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, Phạm thiên Tissa đánh lễ Tôn giả Mahāmoggallāna rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Phạm thiên Tissa đang ngồi xuống một bên:

- Những Thiên nhân nào có trí như sau: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y”?

- Thưa Hiền giả Moggallāna, Phạm chúng thiên có trí như sau: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y”.

- Nay Tissa, có phải tất cả chư Thiên ở Phạm chúng thiên đều có trí như vậy: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y”?

3. - Thừa Hiền giả, không phải tất cả chư Thiên ở Phạm chúng thiên đều có trí như vậy: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y”.

Thừa Hiền giả Moggallāna, những Thiên nhân nào ở Phạm chúng thiên bằng lòng với tuổi thọ Phạm thiên, bằng lòng với dung sắc Phạm thiên, với an lạc Phạm thiên, với danh tiếng Phạm thiên, với uy quyền Phạm thiên, không như thật rõ biết sự xuất ly cao hơn trạng thái ấy. Những vị ấy không có trí như sau: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y”.

Và thừa Hiền giả Moggallāna, những Thiên nhân nào ở Phạm chúng thiên, không bằng lòng với tuổi thọ Phạm thiên, không bằng lòng với dung sắc Phạm thiên, với an lạc Phạm thiên, với danh tiếng Phạm thiên, với uy quyền Phạm thiên, như thật rõ biết sự xuất ly cao hơn trạng thái ấy; những vị ấy có trí như sau: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y”.

4. Ở đây, thừa Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo được **giải thoát cả hai phần**. Chư Thiên ấy biết về vị ấy như sau: “Tôn giả này được giải thoát cả hai phần”. Khi thân còn tồn tại, các Thiên nhân và loài người không thấy được vị ấy. Như vậy, thừa Hiền giả Moggallāna, các Thiên nhân ấy, có trí như sau: “không có dư y là không có dư y”.

5. Nhưng ở đây, thưa Hiền giả Moggallàna, Tỷ-kheo được **tuệ giải thoát**, chư Thiên ấy biết về vị ấy như sau: “Tôn giả này được tuệ giải thoát”. Khi thân còn tồn tại, các Thiên nhân và loài người thấy được vị ấy. Khi thân hoại, các Thiên nhân và loài người không thấy được vị ấy. Như vậy, thưa Hiền giả Moggallàna, các Thiên nhân ấy có trí như sau: “không có dur y là không có dur y”.

6. Nhưng ở đây, thưa Hiền giả Moggallàna, Tỷ-kheo **thân chứng**, chư Thiên ấy biết về vị ấy như sau: Tôn giả này là vị thân chứng. Rất có thể Tôn giả này, do sử dụng các sàng tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chon chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Như vậy, thưa Hiền giả Moggallàna, các Thiên nhân ấy có trí như sau: “Có dur y là có dur y”.

7. Nhưng ở đây, thưa Hiền giả Moggallàna, Tỷ-kheo **kiến chí... tín giải thoát... tùy pháp hành**. Chư Thiên ấy biết về vị ấy như sau: “Tôn giả này là vị tùy pháp hành. Rất có thể Tôn giả này, do sử dụng các sàng tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chon chánh xuất gia, từ bỏ gia đình,

sống không gia đình”. Như vậy, thưa Hiền giả Moggallàna, các Thiên nhân ấy có trí như sau: “Hay trong các vị có dư y, vị ấy là vị có dư y”.

8. Rồi Tôn giả Moggallàna hoan hỷ tín thọ lời nói của Phạm thiên Tissa. Như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Tôn giả biến mất ở Phạm thiên giới, hiện ra ở núi Gijjhakūṭa. Rồi Tôn giả, Mahāmoggallàna đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahāmoggallàna, đem câu chuyện nói với Phạm thiên Tissa như thế nào, tường thuật hết tất cả cho Thế Tôn nghe.

- Nhưng này Moggallàna, Phạm thiên Tissa không nói cho Thầy về hạng người vô tướng trú thứ bảy.

- Bạch Thế Tôn, nay là thời, bạch Thiện Thệ, nay là thời để Thế Tôn nói về người trú vô tướng trú thứ bảy. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Này Moggallàna, hãy lắng nghe.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Mahāmoggallàna vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

9. - Ở đây, này Moggallàna, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng đạt vô tướng tâm định và an trú. Các Thiên

nhân ấy biết về vị ấy như sau: “Tôn giả này, do không tác ý tất cả tướng, chứng đạt và an trú vô tướng tâm định. Rất có thể Tôn giả này do sử dụng các sàng tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình”. Như vậy, này Moggallāna, các Thiên nhân ấy có trí ấy như sau: “Có dur là có dư y”.

(Hết trích kinh)

Thông qua bài kinh này, chúng ta được biết rằng: Chư Thiên ở Phạm chúng thiên có trí tuệ biết được vị nào là có dư y, hay không dư y. Nhưng không phải tất cả chư Thiên ở Phạm chúng thiên đều biết được như vậy. Những chư Thiên ở Phạm chúng thiên bằng lòng với tuổi thọ, dung sắc, an lạc, danh tiếng, uy quyền của Phạm thiên, không như thật biết rõ sự xuất ly cao thượng hơn trạng thái ấy, những vị ấy không có trí tuệ biết được vị nào có dư y và vị nào không có dư y. Những chư Thiên ở Phạm chúng thiên không bằng lòng với tuổi thọ, dung sắc, an lạc, danh tiếng, uy quyền của Phạm thiên, những vị ấy có trí tuệ biết được vị nào có dư y và vị nào không có dư y.

- Không có dư y là các bậc: Bậc Giải thoát cả hai phần và bậc Tuệ giải thoát.
- Có dư y là các bậc: Thân chứng, kiến chí, tín giải thoát, tùy pháp hành, vô tướng tâm định. Nhưng để xác định mức độ dư y của các vị này thì các vị phải tự xét mười kiết sử còn tàn dư như thế nào trong các vị, tức là xét khía cạnh thể nhập Dự lưu quả, Nhất lai quả, hay Bất lai quả của các vị.

4.6.6 Kinh Sanh Thú Của Loài Người (Tăng III, 371)

- *Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về Bảy sanh thú của loài người và Không chấp thủ Niết-bàn. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói:*

- *Thưa vâng, bạch Thế Tôn.*

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- *Này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy sanh thú của loài người ?*

1). Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ”. Vị ấy có được xả.

- Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.
- Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn man tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể “văng ra và trở thành nguôi lạnh”.

2). Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta...” ... Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên và có thể trở thành nguôi lạnh”.

3). Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta...” ... Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể “văng ra, có thể bay lên, sau khi chạm vào đất, có thể trở thành nguôi lạnh”.

4). Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta...” ... Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Tổn hại Bát-niết-bàn**.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể “văng ra, có thể bay lên, sau khi chạm vào đất, có thể trở thành nguôi lạnh”.

5). Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta...” ... Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Vô hành Niết-bàn**.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể “văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ nhỏ, hay trên một đồng củi **nhỏ**. Miếng vụn ấy ở đấy

sanh ra ngon lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngon lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ nhỏ ấy, hay đồng củi nhỏ ấy, rồi trở thành nguôi lạnh vì không có nhiên liệu”.

6). Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta...” ... Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Hữu hành Bát-niết-bàn**.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể “văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ, hay trên một đồng củi rộng lớn. Miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngon lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngon lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ hay đồng củi rộng lớn ấy, rồi trở thành nguôi lạnh vì không có nhiên liệu”.

7). Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ”. Vị ấy có được xả.

- Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.

- Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Thượng lưu, đi đến Sắc cứu cánh.**

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể “văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ, hay trên một đồng củi to lớn. Miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ, hay đồng củi to lớn ấy, thiêu cháy lùm cây, thiêu cháy rừng rậm. Sau khi thiêu cháy thảo nguyên, sau khi thiêu cháy rừng rậm, nó cháy lan đến đám ruộng xanh hay đến đám đất cao, hay đến hòn đá, hay đến dòng nước, hay đến đám đất khả ái, hay đến một phần đất nào rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu”.

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy sanh thú của loài người.

- *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Không chấp thủ Bát-Niết-bàn ?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ”. Vị ấy có được xả.

- *Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.*
- *Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vị ấy chứng đắc trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.*
- *Vị ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn man tùy miên.*
- *Vị ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.*
- *Vị ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.*
- *Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy tự mình với thắng trí, ngay trong hiện tại, chứng nhập, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là **Không chấp thủ Bát-niết-bàn**.*

*Và này các Tỷ-kheo, đây là **Bảy sanh thú của loài người và Không chấp thủ Bát-niết-bàn**.*

(Hết trích kinh)

Thông qua bài kinh này chúng ta lại được học hiểu thêm rằng: Trong Bát lai quả, Tùy theo mức độ tàn dư nhiều ít của năm thượng phần kiết sử (sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh) mà hình thành bảy mức độ Bát lai.

- Trung gian Bát-niết-bàn bậc một
- Trung gian Bát-niết-bàn bậc hai
- Trung gian Bát-niết-bàn bậc ba
- Tồn hại Bát-niết-bàn
- Vô hành Bát-niết-bàn
- Hữu hành Bát-niết-bàn
- Thượng lưu Sắc cứu cánh Thiên.

Tóm lại, trong Bát lai quả có bảy mức độ Bát lai, hay bảy mức độ tàn dư của năm thượng phần kiết sử, do đó, có bảy hạng Bát lai, hay bảy bậc Bát lai, hay bảy mức độ chứng Bát lai quả. Và các vị chứng Bát lai này, sau khi thân hoại mạng chung tại đời này sẽ hóa sanh tại Cõi trời Thanh tịnh (hay còn gọi là Tịnh Cư Thiên).

Có năm cõi trời Thanh tịnh: Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Hiện Thiên, Thiện Kiến Thiên, Thượng lưu Sắc Cứu Cánh Thiên.

Tại các Cõi trời Thanh tịnh này, tất cả các vị được hóa sanh tại đây đều là những vị hết sạch tham dục và sân hận, diệt được ba sự trói buộc tâm dạng thấp đó là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, vì vậy, cõi trời này được gọi là Cõi trời

Thanh tịnh, hay cõi trời của những vị đã trong sạch thân tâm, không còn dục sân tàn dư trong nội tâm. Các vị ở đây có *thân giống nhau, tướng giống nhau*, thân của các vị đều không có khởi dục và khởi sân, tâm của các vị đều không có tư tưởng về dục và sân. Tất cả các vị đều hướng đến sự diệt tận những lậu hoặc tàn dư cuối cùng trong tâm. Nơi đây thật sự là một cảnh giới tối thượng, vi diệu, hiền thiện của chúng sanh với toàn những bậc hiền thiện, thanh tịnh, thanh lương. Nơi đây là cảnh giới tối cao của sanh tử và cũng là cảnh giới cuối cùng của sanh tử. Tất cả các vị sanh tại đây, sau khi hết thọ mạng ở cõi thanh tịnh này, tâm thể nhập vào sự hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, tịch lặng, Niết-bàn.

5 MỤC ĐÍCH ĐẠO PHẬT TRONG NIKĀYA

5.1 Mục đích đạo Phật là gì?

5.1.1 Kinh Với Mục Đích Gì (*Tương V, 16*)

1) *Nhân duyên ở Sàvatthi.*

2) *Rồi rất nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.*

3) *Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:*

-- *Ở đây, bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo đến hỏi chúng con: “Này chư Hiền, vì **mục đích gì**, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?” Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, chúng con trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Này chư Hiền, với mục đích **liễu tri đau khổ**, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama”. Được hỏi như vậy và trả lời như vậy, bạch Thế Tôn, có phải chúng con trả lời đúng với lời nói Thế Tôn, chúng con không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, chúng con trả lời đúng pháp và thuận pháp, và những ai là vị đồng pháp, nói lời đúng pháp và thuận pháp, không có cơ hội để chỉ trích?*

4) -- *Này các Tỷ-kheo, các Ông được hỏi như vậy và trả lời như vậy là các Ông trả lời đúng với lời của Ta, các Ông không xuyên tạc Ta với điều không thật, các Ông trả lời đúng pháp và thuận pháp, và những ai là vị đồng pháp, nói*

lời đúng pháp và thuận pháp, không có cơ hội để chỉ trích. Đây các Tỷ-kheo, do mục đích **liễu tri đau khổ** mà Phạm hạnh được sống dưới Ta.

Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông: “Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến liễu tri đau khổ này?”

Được hỏi vậy, thời các Ông hãy trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Này chư Hiền, có con đường, có đạo lộ đưa đến liễu tri đau khổ này”.

5) Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến liễu tri đau khổ?

Đây là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến liễu tri *sư* đau khổ này.

6) Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy.

5.1.2 Kinh Ly Tham (Tương V, 47)

1-2) Nhân duyên ở Sāvattthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: “*Vì mục đích gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?*”

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “*Do mục đích đoạn tận tham, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama*”.

4) Nay các Tỷ-kheo, nhưng nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: “*Có con đường nào, có đạo lộ nào, này chư Hiền, đưa đến đoạn tận tham?*”

Được hỏi như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “*Có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận tham*”.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham?

Chính là **Thánh đạo Tám ngành** này, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham. Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời như vậy cho các du sĩ ngoại đạo ấy.

5.1.3 Kinh Kiết Sử (Tương V, 48) (Samyojanam)

1) ...

2)-- Nay các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: “Vì mục đích gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?”

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Vì mục đích đoạn tận các kiết sử, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama...”.

3) Nay các Tỷ-kheo, nhưng nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: “Có con đường nào, có đạo lộ nào, này chư Hiền, đưa đến đoạn tận các kiết sử?”

Được hỏi như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận các kiết sử”.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến đoạn tận các kiết sử?

Chính là **Thánh đạo Tám ngành** này, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận các kiết sử. Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời như vậy cho các du sĩ ngoại đạo ấy.

Kinh Đoạn Tận Các Lậu Hoặc (Tương V, 48)

1) ...

2) “... Vì mục đích đoạn tận các lậu hoặc, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn...

... Chính là Thánh đạo Tám ngành này, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận các lậu hoặc...”

Kinh Được Giải Thoát Nhờ Minh (Tương V, 49)

1) ...

2) “... Vì mục đích chứng ngộ được quả giải thoát nhờ minh (Vijjāvimutti), này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn...

... Chính là Thánh đạo Tám ngành này, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến chứng ngộ quả giải thoát nhờ minh...”

5.1.4 Kinh Không Chấp Thủ (Tương V, 49)

1) ...

2) Nay các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: “Vì mục đích gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?”

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại ấy như sau: “Vì mục đích hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn”.

3) Nhưng nay các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: “Có con đường nào, này chư Hiền, có đạo lộ nào đưa đến hoàn toàn tịch tịnh không có chấp thủ?”

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Có con đường, này chư Hiền, có đạo lộ đưa đến hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ”.

4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến tịch tịnh hoàn toàn không có chấp thủ? Chính **Thánh đạo Tám ngành** này, tức là chánh tri kiến... chánh định.

Nay các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ. Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy.

5.1.5 Kinh Sa-Môn Hạnh 1 (Tương V, 45)

1-2) Tại Sāvattthi...

3) Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về Sa-môn hạnh và quả Sa-môn hạnh. Hãy lắng nghe.

4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là **Sa-môn hạnh**? Chính là Thánh đạo Tám ngành này, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Sa-môn hạnh.

5) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là **quả Sa-môn hạnh**? Dư lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả, A-la-hán quả. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là quả Sa-môn hạnh.

5.1.6 Kinh Sa-Môn Hạnh 2 (Tương V, 45)

1-2) Ở Sāvattthi...

3) Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về Sa-môn hạnh và mục đích Sa-môn hạnh. Hãy lắng nghe.

4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là **Sa-môn hạnh**? Chính là Thánh đạo Tám ngành này, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Sa-môn hạnh.

5) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là **mục đích Sa-môn hạnh**?
Này các Tỷ-kheo, đoan tâm tham, đoan tâm sân, đoan tâm si. Đây gọi là mục đích Sa-môn hạnh (sàmannattho).*

5.1.7 Kinh Devadaha (Tương III, 16)

(Trích đoạn)

1) *Như vậy tôi nghe.*

Một thời Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại một thị trấn của dân chúng Sakka tên là Devadaha.

2) *Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo du hành ở phía Tây, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.*

3) *Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:*

- *Chúng con muốn xin Thế Tôn cho phép chúng con đi đến quốc độ phương Tây. Chúng con muốn trú ở quốc độ phương Tây.*

- *Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo đã xin phép Sàriputta chưa?*

- *Bạch Thế Tôn, chúng con chưa xin phép Tôn giả Sàriputta.*

- Nay các Tỷ-kheo, vậy hãy xin phép Sàriputta. Sàriputta, này các Tỷ-kheo, là bậc Hiền trí, là người đỡ đầu các vị Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

4) Lúc bấy giờ, Tôn giả Sàriputta đang ngồi dưới cây ba đậu (*elagala: cassia*), không xa Thế Tôn bao nhiêu.

5) Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, các vị ấy nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

6) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Sàriputta:

- Chúng tôi muốn, thưa Hiền giả Sàriputta, đi đến quốc độ phương Tây. Chúng tôi muốn trú ở quốc độ phương Tây. Bậc Đạo Sư đã cho phép chúng tôi.

7) - Nay các Hiền giả, có những người đặt câu hỏi với vị Tỷ-kheo thường đi các quốc độ khác nhau: Các Sát-đế-ly hiền trí, các Bà-la-môn hiền trí, các Gia chủ hiền trí, các Sa-môn hiền trí. Nay chư Hiền giả, các bậc hiền trí với óc ưa quán sát (sẽ hỏi): “Bậc Đạo Sư của Tôn giả nói gì,

tuyên bố gì? Pháp có được chư Tôn giả khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thâm nhập với trí tuệ không?” Để khi trả lời, các Tôn giả có thể lặp lại các ý kiến của Thế Tôn, không có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, có thể trả lời tùy pháp, đúng với Chánh pháp, và không để một vị đồng pháp nào, nói lời đúng pháp, có thể có lý do để quở trách.

8) - Chúng tôi có thể đi đến thật xa, thưa Tôn giả, để nghe tận mặt Tôn giả Sàriputta nói về ý nghĩa của lời nói này! Lành thay, nếu được Tôn giả Sàriputta giải thích ý nghĩa của lời nói này!

9) - Vậy này các Hiền giả, hãy lắng nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

- Thưa vâng, Tôn giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sàriputta. Tôn giả Sàriputta nói như sau:

10) Này các Hiền giả, có những người đặt câu hỏi với vị Tỷ-kheo thường đi các quốc độ khác nhau: Các Sát-đế-ly hiền trí... các Sa-môn hiền trí. Này các Hiền giả, các bậc hiền trí với óc ưa quán sát (có thể hỏi): “Bậc **Đạo Sư của Tôn giả nói gì, tuyên bố gì?**”. Được hỏi vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời: “Này các Hiền giả, bậc Đạo Sư của chúng tôi nói đến **sự điều phục dục và tham**”.

11) Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm câu hỏi như sau: Có những vị Sát-đế-ly hiền trí... có những Sa-môn hiền trí. Này chư Hiền giả, các bậc hiền trí với óc quán sát (có thể hỏi): **“Đối với cái gì, bậc Đạo Sư của các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham?”**.

Được hỏi như vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời như sau: “Đối với **sắc**, này các Hiền giả, bậc Đạo Sư chúng tôi nói về sự điều phục dục và tham... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**... đối với **thức**, bậc Đạo Sư chúng tôi nói về sự điều phục dục và tham”.

12) Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm như sau: Các Sát-đế-ly hiền trí... các Sa-môn hiền trí. Các vị hiền trí có óc quán sát, này các Hiền giả, (có thể hỏi): **“Nhưng thấy sự nguy hiểm gì, bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành, bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức?”**.

Được hỏi như vậy, này các Hiền giả, các Ông cần phải trả lời như sau: “Này các Hiền giả, đối với **sắc**, ai chưa viễn ly tham, chưa viễn ly dục, chưa viễn ly ái, chưa viễn ly khát, chưa viễn ly nhiệt tình, chưa viễn ly khát ái, khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sẽ khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não. Đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức, ai

chưa viển ly tham, chưa viển ly dục, chưa viển ly ái, chưa viển ly khát, chưa viển ly nhiệt tình, chưa viển ly khát ái, khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sẽ khởi lên sâu, bi, khổ, ưu, não. Nay chư Hiền giả, do thấy sự nguy hiểm này đối với sắc mà bậc Đạo Sư của chúng tôi nói lên sự điều phục dục và tham”.

13) Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm như sau: Các Sát-đế-ly hiền trí... các Sa-môn hiền trí. Các vị hiền trí có óc quán sát, này các Hiền giả, (có thể hỏi): “**Nhưng thấy sự lợi ích gì**, bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành; bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức?”.

Được hỏi vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời như sau: “Đối với sắc, này các Hiền giả, ai đã viển ly tham, đã viển ly dục, đã viển ly ái, đã viển ly khát, đã viển ly nhiệt tình, đã viển ly khát ái, khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sẽ không khởi lên sâu, bi, khổ, ưu, não. Đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức, này các Hiền giả, ai đã viển ly tham, đã viển ly dục, đã viển ly ái, đã viển ly khát, đã viển ly nhiệt tình, đã viển ly khát ái, khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sẽ không khởi lên sâu, bi, khổ, ưu, não. Do thấy sự lợi ích này, này các Hiền giả, bậc Đạo Sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành; bậc Đạo Sư

của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức” ...

(Hết trích kinh)

5.1.8 Kinh Phạm Hạnh (Tăng I, 597)

1. Phạm hạnh được sống, này các Tỷ-kheo, không vì mục đích lừa dối quần chúng, không vì mục đích mơ trốn quần chúng, không vì mục đích được lợi ích về lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, không vì mục đích được lợi ích thoát khỏi lời phê bình bàn tán, không với ý nghĩ: “Mong quần chúng biết ta như vậy”.

Và này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh này được sống với mục đích được chế ngự, với mục đích đoạn tận, với mục đích ly tham, với mục đích đoạn diệt.

*2. Với mục đích **chế ngự**,*

*Với mục đích **đoạn tận**,*

Là đời sống Phạm hạnh,

Tránh xa lời nói suông,

Thế Tôn đã tuyên bố,

Đi đến nhập Niết-bàn,

Con đường này được đi,

Bởi đại nhân, đại sĩ,

*Ai dẫn bước thực hành,
Đúng như lời Phật dạy,
Sẽ chấm dứt khổ đau,
Làm theo Đạo Sư dạy.*

5.1.9 Kinh Tôn Giả Mahàkotthita (Tăng IV, 108)

1. Rồi Tôn giả Mahàkotthita đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, chào đón hỏi thăm Tôn giả Sàriputta, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahàkotthita nói với Tôn giả Sàriputta:

- Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ hiện tại, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ trong tương lai”?

- Không phải vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ tương lai, mong rằng nghiệp ấy, ta được cảm thọ trong hiện tại”?

- Không phải vậy, thưa Hiền giả.

- *Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm giác là lạc thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là khổ thọ”?*

- *Không phải vậy, thưa Hiền giả. Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm giác là khổ thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là lạc thọ”?*

- *Không phải vậy, thưa Hiền giả. Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là thuần thực, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là không thuần thực”?*

- *Không phải vậy, thưa Hiền giả.*

- *Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là không thuần thực, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là thuần thực”?*

- *Không phải vậy, thưa Hiền giả.*

- *Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là nhiều, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là ít”?*

- *Không phải vậy, thưa Hiền giả.*

- Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là ít, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là nhiều”?

- Không phải vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì không được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ”?

- Không phải vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta không được cảm thọ”?

- Không phải vậy, thưa Hiền giả.

2. Thưa Hiền giả Sàriputta, vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ hiện tại, mong rằng nghiệp ấy, ta được cảm thọ trong tương lai?” Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ tương lai, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ hiện tại?” Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm giác là lạc

thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là khổ thọ?”
 Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm giác là khổ thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là lạc thọ?”
 Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ thuần phục, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ là không thuần phục?” Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả.

Vì sao được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ không thuần phục, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ là thuần phục?”
 Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là nhiều, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là ít?” Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là ít, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là nhiều?” Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta không được cảm thọ?” Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì không được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ?” Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”. Vì mục đích gì sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn?

3. - Thưa Hiền giả, với những gì không biết, không thấy, không đạt, không chứng ngộ, không hiện quán, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

- Nhưng thưa Hiền giả, do không biết gì, không thấy gì, không đạt gì, không chứng ngộ gì, không hiện quán gì, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn?

- “**Đây là Khổ**”, này Hiền giả, là điều không được biết, không được thấy, không đạt, không chứng ngộ, không hiện quán, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

“Đây là Khổ tập”...

“Đây là Khổ diệt”...

“Đây là con Đường đưa đến khổ diệt”, này Hiền giả, là điều không được biết, không được thấy, không được đạt, không được chứng ngộ, không được hiện quán, với mục đích được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

Thưa Hiền giả, đây là điều không được biết, không được thấy, không đạt, không được chứng ngộ, không được hiện quán, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

5.1.10 Kinh Trại Xe (Rathavivutasutta) (Trung I, bài 24)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá) tại Veluvana (Trúc Lâm), Kalandakanivapa. Lúc ấy một số đông Tỷ-kheo người địa phương, sau khi an cư mùa mưa tại địa phương xong, liền đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên:

– Này các Tỷ-kheo, ai ở tại địa phương được các Tỷ-kheo đồng phạm hạnh cùng một địa phương tán thán như sau: “Tự mình thiếu dục và giảng về thiếu dục cho các Tỷ-

kheo; tự mình tri túc và giảng về tri túc cho các Tỷ-kheo; tự mình độc cư và giảng về độc cư cho các Tỷ-kheo; tự mình không ô nhiễm và giảng về không ô nhiễm cho các Tỷ-kheo; tự mình tinh cần, tinh tấn và giảng về tinh cần, tinh tấn cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu giới hạnh và giảng về thành tựu giới hạnh cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu Thiền định và giảng về thành tựu Thiền định cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu trí tuệ và nói về thành tựu trí tuệ cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu giải thoát và nói về thành tựu giải thoát cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và nói về thành tựu giải thoát tri kiến cho các Tỷ-kheo; vị giáo giới, vị khai thị, vị trình bày, vị khích lệ, vị làm cho phấn khởi, vị làm cho các vị đồng phạm hạnh hoan hỷ”.

– *Bạch Thế Tôn, Tôn giả Punna Mantaniputta là Tỷ-kheo địa phương được các Tỷ-kheo đồng phạm hạnh cùng một địa phương tán thán như sau: “Tự mình thiếu dục và nói về thiếu dục cho các Tỷ-kheo... (như trên)... vị làm cho các vị đồng phạm hạnh hoan hỷ”.*

Lúc bấy giờ, Tôn giả Sariputta ngồi cách Thế Tôn không xa. Tôn giả Sariputta suy nghĩ như sau: “Hạnh phúc thay Tôn giả Punna Mantaniputta! Chon hạnh phúc thay Tôn giả Punna Mantaniputta! Tôn giả đã được các vị đồng phạm hạnh có trí tán thán từng điểm một trước mặt bậc Đạo Sư, và được bậc Đạo Sư chấp nhận; có thể chúng ta

sẽ gặp Tôn giả Punna Mantaniputta, tại một chỗ nào, trong một thời gian nào, có thể sẽ có một cuộc đàm luận với Tôn giả.

Thế Tôn trú tại Rajagaha (Vương Xá) lâu cho đến khi vừa ý, rồi khởi hành đi Savatthi; Ngài tuần tự đi và đến Savatthi. Ở đây, Thế Tôn trú ở Savatthi, tại Jetavana, vườn ông Anathapindika. Tôn giả Punna Mantaniputta được nghe: “Thế Tôn đã đến Savatthi, trú ở Savatthi, tại Jetavana, vườn ông Anathapindika”. Rồi Tôn giả Punna Mantaniputta thu dọn lại sàng tọa, cầm y bát, khởi hành đi Savatthi. Tôn giả tuần tự đi đến Savatthi, Jetavana, vườn ông Anathapindika, đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho Tôn giả Punna Mantaniputta đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Tôn giả Punna Mantaniputta, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, từ tạ đi Andhavana để nghỉ trưa.

Rồi một Tỷ-kheo khác đến chỗ Tôn giả Sariputta ở, sau khi đến, thưa với Tôn giả Sariputta: “Hiền giả Sariputta, Hiền giả luôn luôn tán dương Tỷ-kheo Punna Mantaniputta; vị này được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân

bên hữu hướng về Ngài, từ tạ đi đến Andhavana để nghỉ trưa”. Rồi Tôn giả Sariputta vội vã đem theo tọa cụ, đi theo sau lưng Tôn giả Punna Mantaniputta, đầu hướng về trước mặt (để theo dõi). Rồi Tôn giả Punna Mantaniputta đi sâu vào rừng Andhavana, và ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây. Tôn giả Sariputta, sau khi đi sâu vào rừng Andhavana, ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây. Rồi vào buổi chiều, Tôn giả Sariputta từ Thiền định độc cư đứng dậy, đến tại chỗ Tôn giả Punna Mantaniputta, sau khi đến nói lên với Tôn giả Punna Mantaniputta những lời chào đón, hỏi thăm, xã giao rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sariputta thưa với Tôn giả Punna Mantaniputta:

– Hiền giả, có phải chúng ta sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn?

– Thật như vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích giới thanh tịnh?

- Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích tâm thanh tịnh?

- Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy

của Thế Tôn là mục đích kiến thanh tịnh?

- Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích đoạn nghi thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích đạo tri kiến thanh tịnh?

- Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích tri kiến thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả...

– Hiền giả, vậy với mục đích gì, sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn?

*– Hiền giả, với mục đích **Vô thủ trước Bát-niết-bàn**, nên sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn.*

– Hiền giả, có phải giới thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Hiền giả, không phải vậy.

– *Hiền giả, có phải tâm thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn?*

– *Hiền giả, không phải vậy.*

– *Hiền giả, có phải kiến thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn?*

– *Hiền giả, không phải vậy.*

– *Hiền giả, có phải đoạn nghi thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn?*

– *Hiền giả, không phải vậy.*

– *Hiền giả, có phải đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn?*

– *Hiền giả, không phải vậy.*

– *Hiền giả, có phải đạo tri kiến thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn?*

– *Hiền giả, không phải vậy.*

– *Hiền giả, có phải tri kiến thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn?*

– *Hiền giả, không phải vậy.*

– *Hiền giả, có phải cái gì ngoài các pháp này là vô thủ trước Bát-niết-bàn?*

– *Hiền giả, không phải vậy...*

– *Hiền giả, vậy ý nghĩa lời nói này cần phải được hiểu như thế nào?*

– *Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố giới thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn thì Ngài cũng tuyên bố vô thủ trước Bát-niết-bàn là đồng đẳng với hữu thủ trước Bát-niết-bàn. Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố tâm thanh tịnh... nếu Thế Tôn tuyên bố kiến thanh tịnh... nếu Thế Tôn tuyên bố đoạn nghi thanh tịnh... nếu Thế Tôn tuyên bố đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh... nếu Thế Tôn tuyên bố đạo tri kiến thanh tịnh... Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố tri kiến thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn thì Ngài cũng tuyên bố vô thủ trước Bát-niết-bàn là đồng đẳng với hữu thủ trước Bát-niết-bàn.*

Hiền giả, và nếu Thế Tôn tuyên bố cái gì ngoài các pháp ấy là vô thủ trước Bát-niết-bàn, thì kẻ phạm phu có thể Bát-niết-bàn, vì này Hiền giả, phạm phu là ngoài các pháp ấy. Hiền giả, tôi sẽ cho Hiền giả một ví dụ, ở đây, một số kẻ có trí, nhờ ví dụ để hiểu ý nghĩa của lời nói.

*Hiền giả, như vua Pasenadi xứ Kosala trong khi ở tại Savatthi, có công việc khẩn cấp khởi lên ở Saketa, và **bảy trạm xe** được sắp đặt cho vua giữa Savatthi và Saketa.*

Hiền giả, rồi vua Pasenadi xứ Kosala, từ cửa nội thành ra khỏi Savatthi, leo lên trạm xe thứ nhất, và nhờ trạm thứ nhất đến được trạm xe thứ hai.

Từ bỏ trạm xe thứ nhất, leo lên trạm xe thứ hai, nhờ trạm xe thứ hai đến được trạm xe thứ ba.

Từ bỏ trạm xe thứ hai, leo lên trạm xe thứ ba, nhờ trạm xe thứ ba đến được trạm xe thứ tư.

Từ bỏ trạm xe thứ ba leo lên trạm xe thứ tư, nhờ trạm xe thứ tư, đến được trạm xe thứ năm.

Từ bỏ trạm xe thứ tư, leo lên trạm xe thứ năm, nhờ trạm xe thứ năm đến được trạm xe thứ sáu.

Từ bỏ trạm xe thứ năm, leo lên trạm xe thứ sáu, nhờ trạm xe thứ sáu đến được trạm xe thứ bảy.

Từ bỏ trạm xe thứ sáu, leo lên trạm xe thứ bảy, nhờ trạm xe thứ bảy đến được Saketa, tại cửa nội thành.

Khi vua đến tại cửa nội thành, các bộ trưởng cận thân, các thân thích cùng huyết thống hỏi như sau:

“– Tâu Đại vương có phải với trạm xe này, Bệ hạ đi từ Savatthi đến Saketa tại cửa nội thành?”

Hiền giả, vua Pasenadi nước Kosala phải trả lời như thế nào mới gọi là trả lời đúng đắn?

Hiền giả, vua Pasenadi nước Kosala phải trả lời như thế này mới trả lời đúng đắn:

“– Ở đây, trong khi ta ở Savatthi, có công việc khẩn cấp khởi lên ở Saketa, và bảy trạm xe được sắp đặt cho ta,

giữa Savatthi và Saketa. Ta từ cửa nội thành ra khỏi Savatthi, leo lên trạm xe thứ nhất, và nhờ trạm xe thứ nhất... trạm xe thứ hai... trạm xe thứ ba... trạm xe thứ tư... trạm xe thứ năm... trạm xe thứ sáu... trạm xe thứ bảy... Ta đến được Saketa, tại cửa nội thành”.

Hiền giả, vua Pasenadi nước Kosala trả lời như vậy mới trả lời một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này Hiền giả:

- Giới thanh tịnh chỉ có mục đích (đạt cho được) tâm thanh tịnh;
- Tâm thanh tịnh chỉ có mục đích (đạt cho được) kiến thanh tịnh;
- Kiến thanh tịnh chỉ có mục đích (đạt cho được) đoạn nghi thanh tịnh;
- Đoạn nghi thanh tịnh chỉ có mục đích (đạt cho được) đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh;
- Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích (đạt cho được) đạo tri kiến thanh tịnh;
- Đạo tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích (đạt cho được) tri kiến thanh tịnh;
- Tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích (đạt cho được) vô thủ trước Bát-niết-bàn. Này Hiền giả, sống phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn là với mục đích vô thủ trước Bát-niết-bàn.

Khi được nói vậy, Tôn giả Sariputta nói với Tôn giả Punna Mantaniputta:

– Tôn giả tên là gì? Và các vị đồng phạm hạnh biết Tôn giả như thế nào?

– Hiền giả, tên tôi là Punna và các vị đồng phạm hạnh biết tôi là Mantaniputta.

– Thật hy hữu thay, Hiền giả! Thật kỳ diệu thay, Hiền giả! Những câu hỏi sâu kín đã được trả lời từng điểm một bởi một đệ tử nghe nhiều, đã biết rõ giáo lý của bậc Đạo Sư, và vị đệ tử ấy là Tôn giả Punna Mantaniputta. Thật hạnh phúc thay cho các vị đồng phạm hạnh! Thật chon hạnh phúc thay cho các vị đồng phạm hạnh được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Punna Mantaniputta! Nếu các vị đồng phạm hạnh đội Tôn giả Punna Mantaniputta trên đầu với một cuộn vải làm khăn để được thăm viếng, để được thân cận, thì thật là hạnh phúc cho các vị ấy, thật là chon hạnh phúc cho các vị ấy! Thật hạnh phúc cho chúng tôi, thật chon hạnh phúc cho chúng tôi được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Punna Mantaniputta!

Khi được nói vậy, Tôn giả Punna Mantaniputta nói với Tôn giả Sariputta:

– Tôn giả tên là gì, và các vị đồng phạm hạnh biết Tôn giả như thế nào?

– Hiền giả, tôi tên là Upatissa, và các vị đồng phạm hạnh biết tôi là Sariputta.

– Tôi đang luận bàn với bậc đệ tử được xem là ngang hàng với bậc Đạo Sư mà không được biết là Tôn giả Sariputta. Nếu chúng tôi được biết là Tôn giả Sariputta, thì chúng tôi đã không nói nhiều như vậy. Thật hy hữu thay, Hiền giả! Thật kỳ diệu thay, Hiền giả! Những câu hỏi sâu kín đã được trả lời từng điểm một, bởi một đệ tử nghe nhiều, đã biết rõ giáo lý của bậc Đạo Sư. Và vị đệ tử ấy là Tôn giả Sariputta. Thật hạnh phúc thay cho các vị đồng phạm hạnh! Thật chon hạnh phúc thay cho các vị đồng phạm hạnh... được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Sariputta! Nếu các vị đồng phạm hạnh đội Tôn giả Sariputta trên đầu với một cuộn vải làm khăn để được thăm viếng, được thân cận, thì thật hạnh phúc cho các vị ấy, thật chon hạnh phúc cho các vị ấy! Thật hạnh phúc cho chúng tôi, thật chon hạnh phúc cho chúng tôi được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Sariputta!

Như vậy, hai bậc cao đức ấy cùng nhau thiện thuyết, cùng nhau tùy hỷ.

5.1.11 Kinh Bất Tử (Tương V, 65)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) Cũng như, này các Tỷ-kheo, đối với tất cả loại hữu tình không chân, hai chân, bốn chân, hay nhiều chân, có sắc hay không sắc, có tướng hay không tướng, hay không có tướng và không không có tướng; Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có thiên pháp gì, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, đều lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ. Không phóng dật được gọi là tối thượng đối với tất cả pháp ấy.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, chờ đợi rằng **Thánh đạo Tám ngành** được tu tập, Thánh đạo tám ngành được làm cho sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, lấy **bát tử** làm chỗ hội nhập, lấy bát tử làm mục đích, lấy **bát tử** làm cứu cánh. Tỷ-kheo tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định, lấy bát tử làm chỗ hội nhập, lấy bát tử làm mục đích, lấy bát tử làm cứu cánh.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

5.1.12 Kinh Các Vị A-La-Hán (Tương III, 155)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi”.

4-6)... thọ... tưởng... các hành là vô thường...

7) Này các Tỷ-kheo, thức là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi”.

8) Này các Tỷ-kheo, do thấy vậy, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành. .. đối với thức.

9) Do nhàm chán nên ly tham. Do ly tham, nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: “Ta đã được giải thoát”. Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành,

những việc gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”.

10) *Này các Tỷ-kheo, cho đến hữu tình cư (Sattavasa), cho đến tốt đánh của hữu (Bhavaggam), những bậc ấy là tối thượng, những bậc ấy là tối thắng ở trong đời, tức là các bậc A-la-hán.*

11) *Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:*

1) *An lạc, bậc La-hán,
Họ không có khát ái,
Ngã mạn khéo chặt đứt,
Lưới si bị phá rách.*

2) *Họ đạt được **Bất động**,
Tâm viên ly ô trược,
Không nhiễm trước thế gian,
Bậc Phạm thiên vô lậu.*

3) *Họ biến tri **Năm uẩn**.
Do hành **Bảy Chánh pháp**.
Bậc Chân nhân tán thán,
Con đích tôn chư Phật.*

4) Đầy đủ **Bảy món báu**,
Ba học đều thành tựu,
 Bạc đại hùng du hành,
 Đoạn tận mọi sợ hãi.

5) Đầy đủ **Mười uy lực**,
 Bạc Long tượng Thiền định.
 Họ tối thắng ở đời,
Khát ái được đoạn tận.

6) Thành tựu **Vô học trí**,
 Thân này thân tối hậu,
 Cứu cánh của Phạm hạnh,
 Đạt được không nhờ ai.

7) Đối các tướng, không động,
 Giải thoát khỏi tái sanh,
 Đạt được điều phục địa,
 Họ chiến thắng ở đời.

8) Thượng, hạ cùng tả, hữu.

Họ không có hỷ lạc,

Họ rống sư tử rống,

Phật vô thượng ở đời!

5.1.13 Giải mã các mục đích trên

Trên đây, chúng tôi đã trích dẫn một số bài kinh nói về mục đích của sự tu học dưới sự chỉ dạy của Đức Phật. Còn một số bài kinh khác nữa liên hệ đến vấn đề này, nhưng nhìn chung thì ý nghĩa của những bài kinh đó không ra ngoài ý nghĩa các bài kinh trên. Vì vậy, chúng tôi không trích dẫn thêm.

Như vậy, thông qua các bài kinh trên, chúng ta thấy rằng mục đích của đạo Phật, mục đích của sự tu học dưới sự chỉ dẫn của Đức Phật chính là:

- Liễn tri đau khổ (thấy biết tường tận về đau khổ),
- Đoạn tận tham sân si,
- Đoạn tận các kiết sử,
- Đoạn tận các lậu hoặc,
- Được giải thoát nhờ mình,
- Hoàn toàn tịch tịnh không có chấp thủ,
- Điều phục dục và tham,
- Chứng ngộ Bốn sự thật về Khổ

- Vô thủ trước Bát-niết-bàn (hoàn toàn tịch tịnh không có chấp thủ, hay không chấp thủ trước sự tịch lặng hoàn toàn).
- Hội nhập vào bất tử.

Tóm lại, với các bài kinh trên chúng ta thấy rằng mục đích của đạo Phật được nói đến với nhiều góc độ, nhiều khía cạnh, nhiều danh từ khác nhau. Vậy làm sao chúng ta có thể tìm được điểm chung, điểm kết nối giữa các vấn đề này?

Để có thể đưa những vấn đề trên về chung một mối cho người tu đạo để nắm bắt, dễ tu học, chúng ta cần rõ biết như sau:

- Vì năm thủ uẩn này là khổ nên liễu tri đau khổ tức là liễu tri năm thủ uẩn.
- Đoạn tận tham sân si, chính là đoạn tận tham sân si đối với Ngũ uẩn.
- Đoạn tận các kiết sử, chính là đoạn tận những trói buộc đối với Ngũ uẩn.
- Đoạn tận các lậu hoặc, chính là đoạn tận lòng dục đối với Ngũ uẩn (đoạn tận dục lậu), đoạn tận sự sanh sản của Ngũ uẩn (đoạn tận hữu lậu), đoạn tận trạng thái tâm vô minh, vô trí không thấy biết rõ Ngũ uẩn (đoạn tận vô minh lậu)

- Được giải thoát nhờ minh, tức là tâm được giải thoát khỏi mọi chấp thủ đối với Ngũ uẩn nhờ trí tuệ trong sáng thấy biết rõ Ngũ uẩn.
- Hoàn toàn tịch tịnh không có chấp thủ, tức là tâm hoàn toàn không còn một chút dao động, không còn một chút dính mắc nào đối với Ngũ uẩn và tâm cũng không thậm có một chút tư ý chấp trước nào trước trạng thái không động chuyển này trong tâm.
- Điều phục dục và tham, tức là tâm đã điều phục được lòng dục và lòng tham đối trước Ngũ uẩn.
- Chứng ngộ Bốn sự thật về Khổ, tức là liễu tri đau khổ. Và liễu tri đau khổ chính là liễu tri về năm thủ uẩn, là thành tựu Bốn Thánh trí về năm thủ uẩn.
- Vô thủ trước Bát-niết-bàn (không chấp thủ trước sự tịch lặng hoàn toàn). Bát-niết-bàn có nghĩa là hoàn toàn tịch tịnh. Vô thủ trước Bát-niết-bàn có nghĩa là tâm hoàn toàn tịch tịnh và không chấp thủ trước trạng thái hoàn toàn tịch tịnh này. Câu này đã được giải thích ở trên.
- Hội nhập vào bất tử, vấn đề này cần hiểu rằng: Ngũ uẩn là pháp sanh tử, do đó, nếu còn tham sân si đối với Ngũ uẩn thì sẽ chìm nổi trong sanh tử. Nhưng nếu đoạn tận được tham sân si đối với Ngũ uẩn thì khi đó tâm không còn bị chìm nổi khổ đau trong sanh tử, tâm chấm dứt được sanh tử, tâm thể nhập

vào bất tử. Như vậy, để có thể hội nhập vào bất tử, chấm dứt sanh tử thì tâm phải đoạn tận được những tham ái, dính mắc, trói buộc đối với những pháp sanh tử, tức là tâm phải đoạn tận được tham sân si, lậu hoặc, vô minh đối với Ngũ uẩn.

Như vậy, tuy với nhiều cách nói khác nhau nhưng nếu với trí tuệ thông suốt chúng ta sẽ nhìn ra được chân tướng của tất cả những vấn đề trên và đưa chúng về một mối: Đức Phật nói về mục đích của đạo Phật, mục đích của đời sống tu hành trong sạch thanh tịnh dưới sự chỉ dạy của Ngài. Khi đó, hành giả nắm bắt một cách rõ ràng, chính xác rằng mục đích tu học dưới sự chỉ dạy của Đức Phật chính là để khai mở trí về Ngũ uẩn trong tự thân và đi đến sự đoạn tận những dục, ái, tham, sân, si, lậu hoặc, vô minh đối với Ngũ uẩn, chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ đau.

Khi đã xác định rõ mục đích của đạo Phật một cách chân chánh đúng pháp như vậy, khi không còn mập mờ về mục đích của đạo Phật thì hành giả mới có thể chân chánh bắt tay đi vào sự tu học theo sự chỉ dạy của Đức Phật, trí tuệ của hành giả sẽ không bị tản mát, phân tán, nghi ngờ (nghi ngờ sao bài kinh này nói mục đích của đạo Phật là vậy, còn bài kinh kia lại nói mục đích của đạo Phật là khác). Khi khéo nắm bắt được cốt tủy của Nikaya, cốt tủy trong lời Phật dạy, và khéo liên hệ các vấn đề lại với nhau, hành giả sẽ giải phá được nghi ngờ trong sự tu học theo lời Phật dạy

trong Nikaya và sẽ không sợ bị rơi vào trong những đường lối tu học ngô cụt, lệch lạc mà sau này trà trộn đưa thêm vào trong đạo Phật.

Như vậy, mục đích của đạo Phật và mục đích xuất gia khi xưa của thái tử Tất Đạt Đa có gì khác nhau hay không?

5.2 Truy tìm nguồn cội mục đích đạo Phật

5.2.1 Thái tử Tất-Đạt-Đa xuất gia vì mục đích gì?

Thái tử Tất Đạt Đa từ bỏ phụ thân, từ bỏ ngai vàng, vợ đẹp, con thơ để ra đi tìm câu trả lời cho vấn đề *“Sử nhục thay cho cuộc sống này, vì sao sanh ra lại phải bị bệnh, bị già, bị chết? Có phương pháp nào, có đạo lộ nào để thoát khỏi nạn sanh, già, bệnh, chết này không?”*. Trăn trở này cũng chính là mục đích xuất gia của Thái tử. Và sau khi xuất gia, sau khi đã tìm được câu trả lời cho vấn nạn vì sao có sanh, già, bệnh, chết và một pháp tu đưa đến thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Thái tử Tất Đạt Đa khi ấy được gọi là *“Bậc đã giác ngộ, bậc đã phát giác phát hiện sự thật về sanh, già, bệnh, chết và Ngài đã tu tập thành tựu sự chấm dứt hoàn toàn, sự giải thoát hoàn toàn khỏi sanh, già, bệnh, chết”*. - Danh từ Phật hay Đức Phật là có ý nghĩa như vậy.

Khi thái tử Tất Đạt Đa thành tựu trí tuệ thấy được ***Bốn sự thật về sanh, già, bệnh, chết*** và thành tựu sự tu tập đưa đến chấm dứt sanh, già, bệnh, chết; Ngài đã thuyết giảng,

trình bày, khai thị, phân minh, hiển lộ Bốn sự thật về sanh, già, bệnh, chết cho chúng sanh để những ai chán ngán sanh tử, chán ngán những trò vô thường, mây khói của sanh tử có thể nương theo sự chỉ dẫn của Ngài, quán sát và thành tựu trí tuệ về Bốn sự thật này và tu tập đi đến sự chấm dứt những mệt mỏi, phiền não do sanh tử mang lại. Đó là lý do trong nhiều bài kinh Đức Phật đã nói: Xưa kia và nay, hay *Trước kia và nay, Ta chỉ tuyên giảng về Khổ và Con đường diệt khổ*. Và Sanh, già, bệnh, chết chính là Khổ và Con đường diệt khổ chính là Con đường đưa đến chấm dứt sanh, già, bệnh, chết.

5.2.2 Vì sao có sự trầm luân trong sanh tử?

- **Kinh Đại Bát Niết-Bàn (Trường I, bài 16) (Phần II)**
(Trích đoạn)

1. Rồi Thế Tôn gọi tôn giả Ānanda: “Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Kotigàma”.

- “Xin vâng, bạch Thế Tôn”. Tôn giả Ānanda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Kotigàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Kotigàma.

2. Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, **chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi. Bốn Thánh đế ấy là gì?**

- *Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.*
- *Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Tập Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.*
- *Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.*
- *Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.*

*Này các Tỷ-kheo, **khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu,** khi Khổ Tập Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Diệt Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Diệt Đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, **thời hữu ái được diệt trừ, sự dắt dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.***

3. Thế Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

- Chính vì không thấy như thật Bốn Thánh đế nên có sự luân chuyển lâu ngày trong nhiều đời. Khi những sự thực này được nhận thức, nguyên nhân của một đời sống

khác được trừ diệt, khi khổ căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.

(Hết trích kinh)

• **Kinh Đại Bát Niết-Bàn (Trường I, bài 16) (Phần IV)**

(Trích đoạn)

1. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesālī để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesālī, ăn xong và trên đường khát thực trở về, Thế Tôn nhìn Vesālī với cái nhìn của con voi chúa rồi nói với tôn giả Ānanda:

- Nay Ānanda, lần này là lần cuối cùng, Như Lai nhìn Vesālī. Nay Ānanda, chúng ta hãy đi đến làng Bhandagāma.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhandagāma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Bhandagāma.

2. Rồi Thế Tôn nói với Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, **chính vì không giác ngộ, không chứng đạt bốn Pháp mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Thế nào là bốn?**

- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Giới** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi

lăn trong biển sanh tử.

- *Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Định** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.*
- *Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Tuệ** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.*
- *Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Giải thoát** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.*

Này các Tỷ-kheo, khi Thánh Giới được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Định được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Tuệ được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Giải thoát được giác ngộ, được chứng đạt, thời tham ái một đời sống tương lai được trừ diệt, những gì đưa đến một đời sống mới được dứt sạch nay không còn một đời sống nào nữa.

3. Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

Giới, Định, Tuệ và Giải thoát vô thượng

Gotama danh xưng đã chứng ngộ.

Đấng Giác Ngộ giảng pháp chúng Tỷ-kheo.

Đạo Sư diệt khổ, pháp nhãn, tịnh lạc.

(Hết trích kinh)

Trong phần kinh đầu, Đức Phật đã nói rõ: Chính vì Ngài không giác ngộ, không thông hiểu Bốn sự thật về cuộc đời này mà Ngài và chúng ta đã phải lưu chuyển luân hồi lâu năm như thế này. Và khi Bốn sự thật về cuộc đời đã được giác ngộ, đã được thông hiểu thì lòng tham ái đối với sự hiện hữu của những Ngũ uẩn vô thường này được trừ diệt, sự dẫn dắt đến những đời sống mới đầy khổ và phiền não được đoạn tuyệt, từ nay không phải luân hồi sanh tử nữa.

Đoạn kinh này đã làm sáng tỏ vấn đề về nguyên nhân của luân hồi sanh tử đó là: Luân hồi sanh tử có mặt do không nhìn thấy rõ Bốn sự thật về sanh tử hay Bốn sự thật về cuộc đời. Nhưng khi Bốn sự thật về cuộc đời được nhìn thấy thì lòng tham ái đối với sanh tử, tham ái đối với những đời sống vô thường, tạm bợ, mong lung, bất an, đầy phiền não này sẽ được chấm dứt. Khi ái đối với sanh tử được chấm dứt thì sanh tử sẽ chấm dứt.

Như vậy, đoạn kinh này đã nêu rõ tầm quan trọng của trí tuệ thấy biết rõ Bốn sự thật về cuộc sống, hay Bốn sự thật về Sanh tử, hay Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn. Nếu Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn không được thấy biết, không được thành tựu, không được chứng đắc thì sanh tử không thể dừng lại, khổ đau không thể chấm dứt. Nếu Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn được thấy biết, được thành tựu, được chứng

đắc thì sanh tử sẽ dừng lại, đau khổ sẽ chấm dứt. Thế nên, sự tu học Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn là tuyệt đối quan trọng đối với những ai muốn cầu tìm sự giải thoát sanh tử.

Trong phần kinh thứ hai, Đức Phật cũng đã tuyên bố: Chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Thánh giới, Thánh định, Thánh tuệ và Thánh giải thoát mà Ngài đã phải lâu đời trôi lăn trong biển sanh tử. Và khi bốn Thánh pháp này được chứng ngộ, được chứng đạt thì sự tham ái một đời sống đầy phiền não trong tương lai được trừ diệt, những nguyên nhân đưa đến một đời sống mới trong khổ đau được dứt sạch, nay không còn phải luân hồi sanh tử nữa.

Đoạn kinh này đã nêu bật được tầm quan trọng của Giới, Định, Tuệ trong đạo Phật. Người muốn vượt thoát lưới sanh tử nhưng không hiểu biết và không tu tập các pháp này thì không thể vượt thoát được lưới sanh tử. Đây là điều mà những người muốn chấm dứt sanh tử cần chiêm nghiệm sâu sắc.

5.2.3 Bốn sự thật về Sanh tử

Thế nào là Bốn sự thật về sanh, già, bệnh, chết?

- Sự thật thứ nhất

Tâm cố chấp, bám víu, dính mắc, trói buộc với Ngũ uẩn phải chịu đựng những phiền não, khổ đau về sanh, già, bệnh, chết. Sanh, già, bệnh, chết, phiền não, khổ đau chính

là những hành tướng, những hoạt động, những kết quả, những thành quả có được của tâm chấp thủ đối với Ngũ uẩn. Sanh là Ngũ uẩn sanh, tâm chấp thủ Ngũ uẩn chịu sự sanh. Già là Ngũ uẩn già, tâm chấp thủ Ngũ uẩn chịu sự già. Bệnh là Ngũ uẩn bệnh, tâm chấp thủ Ngũ uẩn chịu sự bệnh. Chết là Ngũ uẩn chết, tâm chấp thủ Ngũ uẩn chịu sự chết.

Tóm lại, sự thật thứ nhất về sanh, già, bệnh, chết đó là: Sự sanh, sự già, sự bệnh, sự chết chính là Ngũ uẩn sanh, Ngũ uẩn già, Ngũ uẩn bệnh, Ngũ uẩn chết. Hay nói đúng hơn là: *Sanh, già, bệnh, chết, phiền não và khổ đau chính là Tâm có chấp, bám víu, dính mắc, chấp thủ đối với Ngũ uẩn.*

▪ Sự thật thứ hai

Vô minh hay sự không thấy biết rõ “*bản chất của sanh, già, bệnh, chết chính là Ngũ uẩn và tâm chấp thủ đối với Ngũ uẩn*” nên tham ái, dính mắc, khao khát, thèm muốn đối với sự sanh. Do có sanh nên có già yếu, bệnh tật, chết chóc, khổ đau. Như vậy, sự thật thứ hai về sanh, già, bệnh, chết đó là: *Sanh, già, bệnh, chết có mặt là do tâm bị vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.*

▪ Sự thật thứ ba

Khi hết vô minh, khi thấy biết rõ “*bản chất của sanh, già, bệnh, chết chính là Ngũ uẩn và tâm chấp thủ đối với Ngũ uẩn*” thì những tham ái, dính mắc, khao khát, thèm muốn

đối với Ngũ uẩn được đoạn diệt. Tức là sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái đối với Ngũ uẩn được đoạn diệt.

Do ái đối với Ngũ uẩn được đoạn diệt nên những chấp thủ, nắm giữ, dính mắc đối với Ngũ uẩn được đoạn diệt. Tức là dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ được đoạn diệt.

Do bốn sự cố chấp, chấp thủ đối với Ngũ uẩn được đoạn diệt nên những hình thức hiện hữu của Ngũ uẩn được đoạn diệt. Tức là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu được đoạn diệt.

Do dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu (ba hình thức hiện hữu của Ngũ uẩn do tâm vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn tạo ra) được đoạn diệt, tâm không còn chút ám ảnh nào về Ngũ uẩn nên những hình thức sanh khởi của Ngũ uẩn được đoạn diệt. Tức là noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, bốn hình thức Ngũ uẩn sanh khởi được đoạn diệt.

Do noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh (bốn hình thức sanh khởi ra Ngũ uẩn) được đoạn diệt, tức là do sự sanh được đoạn diệt nên không có sự bị già nua, bị bệnh tật, bị chết chóc của Ngũ uẩn. Do không có sự già, bệnh, chết của Ngũ uẩn nên không có sầu, bi, khổ, ưu, não, nước mắt và khổ đau. Như vậy là sự chấm dứt hoàn toàn dòng chảy, dòng lưu chuyển của phiền não và khổ đau.

Tóm lại, sự thật thứ ba về sanh, già, bệnh, chết đó là: *Sanh, già, bệnh, chết chấm dứt là khi tâm hết vô minh và hết khát ái đối với Ngũ uẩn.*

▪ Sự thật thứ tư

Phương pháp Tám đúng là phương pháp chân chánh, đúng dẫn đưa đến tâm thung vô minh, diệt tận vô minh, diệt tận khát ái đối với Ngũ uẩn, chấm dứt sanh, già, bệnh, chết, chấm dứt trò sanh diệt, mây khói, tạm bợ, vô thường, mong lung, bất an, đầy phiền não và khổ đau của tâm hôn mê tham đắm Ngũ uẩn. Phương pháp Tám đúng là: Thấy đúng, nghĩ đúng, nói đúng, làm đúng, sống đúng, siêng đúng, quán đúng và định đúng.

- *Thấy đúng*: Thấy biết đúng Bốn sự thật về sanh, già, bệnh, chết để triệt phá sự vô minh vô trí trong cái nhìn, cái thấy về sanh, già, bệnh, chết.
- *Nghĩ đúng*: Suy nghĩ đúng theo chánh tư duy để triệt phá vô minh và khát ái đối với sanh, già, bệnh, chết trong ý hành.
- *Nói đúng*: Nói lời đúng theo chánh ngữ để triệt phá vô minh và khát ái đối với sanh, già, bệnh, chết trong khẩu hành.
- *Làm đúng*: Hành động đúng theo chánh nghiệp để triệt phá vô minh và khát ái đối với sanh, già, bệnh, chết trong thân hành.

- *Sống đúng*: Nuôi mạng đúng theo chánh mạng để triệt phá vô minh và khát ái đối với sanh, già, bệnh, chết trong cách nuôi mạng.
- *Siêng đúng*: Siêng năng đúng việc theo chánh tinh tấn để triệt phá vô minh và khát ái đối với sanh, già, bệnh, chết trong cách siêng năng.
- *Quán đúng*: Quán sát đúng chỗ theo chánh niệm để triệt phá vô minh và khát ái đối với sanh, già, bệnh, chết trong cách quán sát.
- *Định đúng*: Định tâm đúng cách theo chánh định để triệt phá vô minh và khát ái đối với sanh, già, bệnh, chết trong cách định tâm.

Như vậy, phương pháp Tám đúng đã triệt phá tất cả những phương diện, những nơi ẩn trú của vô minh và khát ái đối với vấn đề sanh tử. Phương pháp Tám đúng giúp hành giả đi đến sự thấy biết trọn vẹn vấn đề sanh tử của tự thân, giúp hành giả ngăn chặn và đào thải hết tất cả những vô minh, vô trí và tham ái đối với sanh tử.

Tóm lại, sự thật thứ tư về sanh, già, bệnh, chết đó là: *Phương pháp Tám đúng là một phương pháp chân chánh đưa đến diệt tận Vô minh và Khát ái đối với Ngũ uẩn, giải thoát tâm khỏi sanh, già, bệnh, chết.*

5.2.4 Mục đích đạo Phật

Tóm lại, Bốn sự thật về sanh, già, bệnh, chết mà Thái tử Tất Đạt Đa đã phát giác, phát hiện, giác ngộ như sau:

1. Sanh, già, bệnh, chết, phiền não và khổ đau chính là cái Tâm cố chấp, bám víu, dính mắc, chấp thủ đối với Ngũ uẩn.
2. Sanh, già, bệnh, chết có mặt là do tâm vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn.
3. Sanh, già, bệnh, chết chấm dứt là khi tâm hết vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn.
4. Phương pháp Tám Đúng là phương pháp chân chánh đưa đến diệt tận vô minh, diệt tận khát ái đối với Ngũ uẩn, đưa đến thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết.

Đó là Bốn sự thật về sanh, già, bệnh, chết mà thái tử Tất Đạt Đa đã phát giác phát hiện, giác ngộ và Ngài đã tu tập thành tựu Phương pháp Tám Đúng, Ngài đã đạt được sự chấm dứt sanh, già, bệnh, chết. Sau đó, Ngài đã giảng dạy, trao truyền Bốn trí tuệ, Bốn sự thật này lại cho chúng sanh để những ai có duyên, có tâm mong muốn thoát khỏi biển trầm luân sanh tử này thì có thể nương theo trí tuệ về Bốn sự thật này mà tu tập và có thể vượt thoát biển sanh tử.

Như vậy, Thái tử Tất Đạt Đa đã xuất gia để đi tìm sự thật về sanh, già, bệnh, chết và tìm phương pháp để thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Cuối cùng, Ngài đã thành tựu được

mục đích xuất gia của Ngài và Thái tử Tất Đạt Đa được gọi là Phật.

- Phật có nghĩa là bậc đã tự mình phát giác phát hiện sự thật về cuộc sống, sự thật về thân tâm, sự thật về sanh, già, bệnh, chết và Ngài đã vượt thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết.
- Mục đích của đạo Phật cũng chính là mục đích xuất gia của Thái tử Tất Đạt Đa thuở xưa, người con Phật cần biết rõ và cần nắm vững vấn đề này. Và mục đích của đạo Phật chính là: ***Phơi bày sự thật về sanh tử và Khai thị phương pháp Tám Đứng đưa đến sự vượt thoát lưới sanh tử.***

Đó là ý nghĩa chân chánh và đúng pháp về mục đích của đạo Phật. Khi người con Phật nắm vững được mục đích của đạo Phật thì người con Phật sẽ có sự thấy biết chân chánh về đạo Phật, đạt được lợi ích tối thượng khi đến với đạo Phật, không bị rơi vào tà kiến, tà đạo, tà tín đối với đạo Phật và không bị tiền mất, tật mang, uổng công, vô ích.

6 CHÁNH PHÁP TRONG NIKĀYA

6.1 Chánh pháp là gì?

Chánh pháp có nghĩa là những điều chân chánh, những điều đang thực có, đang thực diễn ra trong cuộc sống này, những sự thật đang có mặt trong thân tâm này và trong thế giới này.

Đức Phật là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác là bậc đã giác ngộ tất cả những sự thật về cuộc sống. Ngài là bậc đã có sự thấy biết trọn vẹn, sự phát giác phát hiện tất cả những vấn đề đang có mặt từ trong bản chất sự sống của chúng sanh, cho đến nguyên nhân đưa đến sự sống và sự chết của chúng sanh, con đường chấm dứt sự sanh tử của chúng sanh và phương pháp chân chánh đưa đến sự chấm dứt những cuộc sanh tử triền miên trong phiền não và đau khổ này.

Vì Đức Phật là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác nên những lời nói, những tuyên bố của Đức Phật là những điều chân chánh, những sự thật chân chánh về thân tâm này và cuộc sống này. Vì vậy, lời nói của Đức Phật và sự giảng dạy của Ngài được gọi là Chánh pháp.

Ví dụ, Đức Phật nói: *“Tham sân si là ba căn bản bất thiện. Ai với lòng tham, lòng sân, lòng si có làm về thân, về lời, về ý, cái ấy là bất thiện”* - Kinh Các Căn Bản Bất Thiện

(*Tăng I*, 363). Như vậy, tham sân si được Đức Phật chỉ rõ đó là ba căn bản của bất thiện. Nhưng trên thực tế của cuộc sống thì tham sân si có thực sự là ba căn bản của bất thiện hay không? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta phải đưa tâm vào vấn đề này và quán sát vấn đề này dựa trên thực tế của bản thân và thực tế của cuộc sống.

Chúng ta lưu ý rằng, Đức Phật là bậc đã thấy biết rõ những cấu uế, những rác bần tham sân si trong tự thân mình và Ngài đã tẩy sạch thân tâm khỏi những cấu uế rác bần đó. Vì vậy, lời Ngài nói ra không phải là nói để vui đùa, không phải để khoe khoang, không phải để phô trương kiến thức, không phải để phỉnh phờ lừa gạt, lừa dối, dẫn dụ, dụ dỗ quần chúng nghe theo mình, đi theo mình, phụng sự, hầu hạ, cúng dường cho mình. Lời nói của Ngài không nhằm mục đích tự lợi cá nhân. Lời nói của Ngài không phải do vô minh và si ám dẫn dắt. Mỗi lời nói của Ngài là lời tuyên bố một sự thật nào đó đang có mặt trong cuộc sống này. Mỗi lời nói của Ngài là lòng từ mẫn của Ngài đối với cuộc sống này. Vì vậy, người con Phật cần phải hết sức thận trọng đón nhận và quán sát sự thật trong những lời nói, những sự tuyên bố của Đức Phật về cuộc sống này. Trong khi quán sát, trong khi xem xét, trong khi suy tư, trong khi tác ý về những lời mà Đức Phật đã chỉ dạy, người con Phật cần bám sát lời nói của Đức Phật để xem xét vấn đề. Đừng hời hợt rời xa lời dạy của Đức Phật mà xem xét vấn đề.

Nếu chúng ta rời xa lời dạy, lời chỉ dẫn của Đức Phật mà xem xét vấn đề thì chúng ta dễ rơi vào những tư kiến, những kinh nghiệm cá nhân, những cảm giác và tư tưởng bị vô minh dẫn dắt. Vì sao phải bám sát lời dạy của Đức Phật mà xem xét vấn đề? Vì chúng ta còn vô minh, còn tham sân si, còn bản ngã, còn lậu hoặc thì những suy nghĩ của chúng ta chắc chắn sẽ bị những uế nhiễm, những rác bẩn này chi phối nên chúng ta khó tránh khỏi những vô minh, si ám, bản ngã, chấp thủ trong suy nghĩ, tư duy, cảm giác, cảm xúc của mình. Đức Phật là bậc đã phá sạch vô minh, đã diệt tận tham sân si, diệt tận ngã mạn, diệt tận các lậu hoặc cấu uế trong nội tâm nên những thấy biết của Đức Phật không bị những uế nhiễm, những rác bẩn này chi phối. Thế nên, những tuyên bố, những lời nói của Ngài là chân chánh, là đúng sự thật về những gì đang có mặt trong cuộc sống này. Do đó, người con Phật cần phải theo sát lời dạy của Đức Phật mà tư sát, quán sát, xem xét thực tế của những điều được thấy, được nghe từ lời dạy của Ngài.

Vì vậy, người học Phật cần phải thận trọng khi tìm hiểu nguồn gốc của những quyền kinh sách mà mình đang tu tập theo. Nếu người tu đạo đặt lòng tin chân thành vào những quyền kinh sách không phải do Phật thuyết thì lòng tin này gặp nguy hiểm và còn bị “tiền mất tật mang”. Do đó, người tu học trong đạo Phật ngày nay cần phải cẩn trọng trong sự tu học của mình, cần tìm hiểu kỹ đạo Phật,

tìm hiểu kỹ nguồn gốc ra đời, thời điểm ra đời của các loại kinh sách, cần tìm hiểu kỹ những kinh sách này có mặt trong các cuộc kết tập kinh điển Phật giáo trước đây hay không. Đó là những điều mà người tu học trong đạo Phật ngày nay cần thận trọng, nghiêm túc, cân nhắc, xem xét và tìm hiểu cho cẩn trọng.

Trở lại với ví dụ Đức Phật nói: *“Tham sân si là ba căn bản bất thiện. Ai với lòng tham, lòng sân, lòng si có làm về thân, về lời, về ý, cái ấy là bất thiện”*. Như vậy, tham sân si được Đức Phật trình bày rõ đó là ba căn bản của bất thiện. Người tu học chân chánh cần đưa tâm mình vào vấn đề này và quán sát vấn đề này dựa trên thực tế của bản thân và thực tế của cuộc sống. Khi quán sát thực tế của bản thân và thực tế của cuộc sống thì hành giả sẽ thấy rõ rằng: Trong cuộc sống, tham sân si thật sự là những căn bản của bất thiện, là đầu mối của những pháp ác bất thiện. Vì tham dục mà có những câu chuyện hãm hiếp đau lòng trong cuộc sống; vì tham cờ bạc, rượu chè, ma túy, danh lợi, chức quyền mà chúng sanh đã sát hại lẫn nhau; vì sân hận, vì tức giận, vì hiềm hận mà có những hành động hãm hại, giết hại nhau trong cuộc sống; vì si mê, ngu si, mê muội mà chúng sanh đã làm hại mình, hại người và làm hại lẫn nhau. Như vậy, lời tuyên bố trên của Đức Phật là lời chân chánh, là lời tuyên bố đúng với sự thật về tham sân si. Vì vậy, lời tuyên bố này, lời nói này của Đức Phật được gọi là Chánh pháp.

Lại nữa, ví dụ như khi nói về khổ, Đức Phật đã nói như sau: *“Thế nào là khổ? Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn này là khổ”*. Như vậy, khổ được Đức Phật nói đó chính là sanh, già, bệnh, chết, và tóm lại, tất cả những khổ đau trên cuộc đời này chính là sự chấp trước, chấp thủ, bám víu vào năm uẩn. Đó là lời tuyên bố của Đức Phật về khổ. Khi nghe lời tuyên bố trên của Đức Phật, hành giả tiến hành quán sát thực tế cuộc sống và thực tế thân tâm. Khi quán xét thực tế cuộc sống, quán sát sự thật và bản chất của cái được gọi là sanh, già, bệnh, chết trong cuộc sống này thì chúng ta thấy rõ tánh khổ của những vấn đề này hiển lộ một cách rõ ràng, thực tại và sống động trong cuộc sống. Khổ vì sanh, khổ vì già, khổ vì bệnh, khổ vì chết là những nỗi khổ mà chúng sanh hay tâm chấp thủ, chấp trước Ngũ uẩn này đang phải chịu đựng trong cuộc sống này. Nỗi khổ vì sanh, già, bệnh, chết, hay nỗi khổ vì sự dính mắc chấp trước vào Ngũ uẩn là một sự thật đang có mặt, đang hiện hữu và đang sống động trong cuộc sống này.

Khi nhìn vào cuộc sống, chúng ta thấy rằng: Thật sự chúng sanh đang phải khổ sở vì sự sanh ra trong cuộc đời này, chúng sanh đang phải cực khổ với việc kiếm miếng ăn, với việc tranh đấu, tranh giành trước những danh lợi, sắc tài, quyền lực, vật chất, tình cảm, tình dục, tình ái trong cuộc sống; chúng sanh đang phải nhưc nhối, bức xúc, khốn đốn,

khổ sở với những bệnh tật trong thân thể này; chúng sanh đang phải khổ cực với tám thân dễ tàn tạ, héo mòn, đầy mệt mỏi, nặng nề và đầy khó khăn trong đi đứng ngủ nghỉ này; chúng sanh đang phải đau khổ, thống khổ khốc liệt khi phải chịu đựng sự sanh ly tử biệt của bản thân và sanh ly tử biệt của những người thân xung quanh mình. Tóm lại, chúng sanh đang oằn oại, khổ sở, mệt mỏi, khốn đốn, hoạn nạn trong cuộc sống này. Những khổ sở này của chúng sanh chính là sự đeo bám, dính mắc, trói buộc, chấp thủ, chấp trước đối với những sắc thân này; đối với những cảm giác cảm xúc cảm thọ đầy dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trong xác thân này; đối với những suy nghĩ, tưởng tượng vẽ vời mơ ước, mơ mộng, thúc giục, đòi hỏi về những thứ vô thường, tạm bợ trong cuộc sống này; đối với những sự biết, sự hay biết, sự rõ biết trước những sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trong cuộc sống.

Như vậy, lời nói của Đức Phật, lời tuyên bố của Đức Phật về “Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn này là khổ” là một sự thật sống động đang có mặt trong cuộc sống này. Vì vậy, lời nói này, lời tuyên bố này của Đức Phật được gọi là Chánh pháp.

Như vậy, khi quán sát thực tế của cuộc sống với những điều Đức Phật đã nói thì chúng ta thấy rõ rằng: Những lời nói, những sự tuyên bố, chỉ dạy của Đức Phật về cuộc sống này đó là sự thật, là những gì đang xảy ra, đang có mặt

trong cuộc sống. Do đó, lời nói của Đức Phật là lời chân chánh, những điều mà Đức Phật đã nói là những điều chân chánh, những sự tuyên bố của Đức Phật là những tuyên bố chân chánh. Do vậy, lời nói của Đức Phật được gọi là Chánh pháp. Chánh pháp có nghĩa là những lời nói chân chánh, những điều chân chánh, những sự thật chân chánh đang có mặt trong cuộc sống này và đã được một bậc có trí tuệ chân chánh tuyên bố sau khi Ngài đã thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng về chúng.

6.2 Định nghĩa Chánh pháp trong kinh Nikāya

Trong kinh Nikāya, Chánh pháp được nói như sau: ***“Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian (có hiệu quả tức thời), đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu”***.

Câu kinh trên có thể hiểu như sau: Những điều chân chánh đã được Thế Tôn khéo léo trình bày, những điều này là thiết thực ở hiện tại, có thể thấy biết ngay trong hiện tại, không cần có thời gian. Hành giả đến với những điều chân chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy để thấy biết rõ những sự thật đang có mặt trong cuộc sống, sự thấy biết này có khả năng hướng thượng, tiến lên một đời sống cao đẹp, và sự thấy biết này được người trí tự mình giác hiểu. Đó là cách hiểu ngắn gọn về câu kinh trên. Nhưng nếu phân tích sâu vào từng câu, thì đoạn kinh trên có thể hiểu như sau:

Câu nói “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại”, với câu nói này trong Nikāya, chúng ta cần hiểu rằng: Pháp - Những lời dạy chân chánh, hay những điều chân chánh, những sự thật chân chánh về thân tâm và về cuộc sống đã được Đức Phật khéo léo thuyết giảng, trình bày, khai minh, hiển thị, khai thị. Đó là những điều thiết thực ở ngay trong hiện tại, những điều đang thực có ngay trong hiện tại, những sự thật đang có mặt ngay trong hiện tại nên chúng ta có thể khảo sát và thực thấy, thực biết về chúng một cách thực tế, rõ ràng, chân thật ngay trong hiện tại. Đây là ý nghĩa của câu nói *“Pháp là thiết thực hiện tại”*.

Câu nói *“không có thời gian”* hay *“Có hiệu quả tức thời”*, câu nói này có nghĩa là những điều, những sự thật, những sự việc mà Đức Phật đã nói, đã tuyên bố, đã trình bày là những điều mà chúng ta có thể thấy biết rõ ngay trong hiện tại, chúng ta có thể kiểm nghiệm, kiểm tra, kiểm định, kiểm chứng, xác chứng ngay trong thực tại của cuộc sống, không cần phải có thời gian, không đợi phải có thời gian, không cần phải chờ đến ngày mai, tuần sau, tháng tới, hoặc khi chết rồi mới thấy, mới biết sự thật về những vấn đề này mà bất cứ lúc nào đưa mắt nhìn sâu vào cuộc sống này thì cũng có thể thấy biết rõ những sự thật này. Khi tham sân si sanh khởi, hành giả trực tiếp quán tham sân si và nhiếp phục chúng theo lời Phật dạy thì hành giả sẽ thấy rõ hiệu quả của việc làm này, chứ không cần phải có thời gian. Đó là ý

nghĩa của câu nói “*Có hiệu quả tức thời*”. “*Không có thời gian*”, tức là không cần phải có thời gian rồi mới thấy, mới biết những gì mà Đức Phật đã nói. Những điều mà Ngài đã nói, chúng ta có thể thấy biết chúng bất cứ lúc nào nếu ta chịu để tâm quan sát, xem xét những vấn đề đó trong cuộc sống này. Đó là ý nghĩa của câu nói “*không có thời gian*”.

Câu nói “*Đến để mà thấy*”, nghĩa là đến với Bạc đã khai mở trí tuệ để thấy biết những điều, những sự việc, những sự thật mà mình chưa khai mở, chưa thấy biết, chứ không phải chỉ tin một cách mù quáng, hoặc chỉ có lòng tin mà không kiểm chứng, không thể thực chứng, không thể thực thấy những điều mình đang tin theo. “*Đến để mà thấy*”, có nghĩa là đến với Đức Phật, nghe những điều mà Đức Phật đã nói rồi chúng ta đem những điều đã được nghe này quán sát vào thân tâm này và quán sát cuộc sống này để chúng ta thực thấy, thực chứng những điều mà Ngài đã nói. Đạo Phật là đạo của giác ngộ. Đạo Phật là đạo của trí tuệ. Đạo Phật là đạo của sự thật, là nơi phơi bày những sự thật, những thực tế đang có mặt trong cuộc sống này. Vì vậy, “*Đến để mà thấy*” có nghĩa là đến với đạo Phật, đến với những lời dạy của Đức Phật để chiêm nghiệm, thực nghiệm, thực thấy, thực biết, thực chứng những điều mà Đức Phật đã giác chứng, đã thấy biết và đã tuyên bố lại cho chúng ta, chứ không phải đến để tin suông, tin trong mê mờ, tin một cách mông lung, tin trong vô minh, tin mà chẳng thấy biết

rõ, chẳng thực chứng được những điều mà mình đang đặt lòng tin vào trong đó. “*Đến để mà thấy*” còn có nghĩa là đến với lời chỉ dạy của bậc Chánh Giác thì cần phải vận dụng, phải ứng dụng, phải áp dụng những gì đã thấy nghe trong lời dạy của Ngài để thực chứng, thực thấy những điều Ngài đã nói. Đây là ý nghĩa của câu nói “*Đến để mà thấy*”.

Câu nói “*Có khả năng hướng thượng*”, nghĩa là những sự thật về thân tâm và cuộc sống, sự thật về những rác bần lậu hoặc đang có mặt trong thân tâm mà ta được thấy biết qua sự chỉ dẫn của bậc Chánh Giác, những sự thấy biết chân thật chân chánh này có khả năng dẫn dắt tâm và trí tuệ này đi đến sự thăng hoa, sự hướng thượng, sự tiến lên một đời sống trong sạch, lành mạnh, làm chủ thân tâm, hướng thân tâm đi đến sự thanh lọc sạch, sự đào thải sạch khỏi nội tâm những rác bần cấu uế đang có mặt trong thân tâm, đưa thân tâm đi đến sự thanh tịnh, cao thượng, hiền thiện, trọn lành. Đây là ý nghĩa của câu nói “*Có khả năng hướng thượng*”.

Câu nói “*Được người trí tự mình giác hiểu*”, nghĩa là, những điều chân chánh, những sự thật chân chánh trong cuộc sống đã được bậc Chánh Giác khai thị, tuyên bố, trình bày, những sự thật này chỉ có thể được thấy biết bởi những người có trí tuệ, những bậc có đời sống chân chánh, hiền thiện, trong sạch; có tâm đoan chánh, chánh trực, trang nghiêm, tế nhị; có tầm quý, biết xấu hổ, biết sợ sai, biết sửa sai, biết tránh xa những thân hành, khẩu hành, ý hành làm

hại mình, hại người, hại cả hai; những bậc có tâm rộng mở, có tâm không bị trói buộc trong những tà kiến, tà đạo, tà pháp, tà nhân... Chỉ những bậc như vậy, những bậc với tâm có trí tuệ, với tâm thông thả, chân chánh, cởi mở mới có thể giác hiểu được những sự thật, những điều mà bậc Chánh Đẳng Giác đã chỉ dạy. Một người trí như vậy, khi gặp được dòng pháp chân chánh này, khi nghe được những điều chân chánh, những sự thật chân chánh mà Đức Phật đã trình bày, đã chỉ dạy thì những vị này có thể đi sâu vào dòng pháp này, và sẽ có thể tự mình giác hiểu những sự thật mà bậc Chánh Giác đã trình bày, đã khai mở.

Những ai có tâm không chân chánh, có đời sống không chân chánh, có tâm méo mó, tà vạy, bản ngã cao, thấy sai không biết sửa sai, không xấu hổ, không biết sợ và không biết ngại khi thấy mình sai lầm, sai lệch, sai quấy, trí tuệ xiêu vẹo, nói gà hiểu vịt, méo mó, lệch lạc, không cẩn trọng trong tu học, hời hợt trong pháp tu, không tìm hiểu kỹ pháp tu, tâm không cởi mở, không rộng mở quán sát mà còn cố chấp, ôm ấp tư kiến, ôm ấp quan điểm của người hoặc ôm ấp quan điểm cá nhân, ôm ấp kinh nghiệm cá nhân, ôm ấp sân hận, hiềm hận, không biết lắng nghe, nghe với tâm cố chấp, nghe với tâm chống đối, đối với những tâm niệm như vậy thì thật khó thâm nhập, khó đi sâu vào dòng pháp này, khó tìm về được nguồn cội những lời dạy nguyên chất của Đức Phật, khó tìm thấy được cốt tủy trong lời dạy của Đức

Phật, khó thấy biết rõ những sự thật mà bậc Chánh Giác đã thấy biết và đã khai mở, đã truyền trao lại cho thế gian. Vì pháp chân chánh dành cho người chân chánh. Người chân chánh có thể tiếp cận được, thông hiểu được, tu tập được và thực chứng được pháp chân chánh. Đó là ý nghĩa của câu nói *“Được người trí tự mình giác hiểu”*.

Ví như, Đức Phật đã nói sự thật về khổ trên cuộc đời này là như sau: *“Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn này là khổ”*. Như vậy, câu nói này cần được hiểu như thế nào để thích hợp với câu *“Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu”*?

- Khi khảo sát thực tế của cuộc sống, chúng ta thấy rõ: Sự sanh ra, sự già nua, sự bệnh tật, và sự chết chóc là những nỗi khổ đang thực có, đang thực diễn ra trong cuộc sống này. Và khi khảo sát kỹ cuộc sống này, chúng ta sẽ thấy rõ rằng: tâm chấp thủ, tâm bám víu, tâm trói buộc, tâm dính mắc vào sắc thân này (**Sắc**); vào những cảm giác cảm thọ trong thân tâm (**Thọ**); vào những hình bóng, tưởng tượng, tưởng nhớ trong nội tâm (**Tưởng**); vào những suy nghĩ, tư duy, lời nói âm thầm trong nội tâm (**Hành**); vào những sự hay biết, rõ biết trong ngoài thân tâm này (**Thức**); tâm chấp thủ, bám víu, trói buộc vào năm uẩn này phải chịu những nỗi mệt mỏi, phiền

não, khổ sở, khôn khổ về sanh hữu, sanh tồn, sanh nhai; khổ về bị già nua; khổ về bị bệnh tật; khổ về bị chết chóc. Những nỗi khổ này là những sự thật đang có mặt ngay trong cuộc sống này, ngay trong hiện tại này, đó là ý nghĩa tương ứng với câu nói: *“Pháp là thiết thực hiện tại”*.

- Vì sự thật về khổ này là cái đang hiện có trong cuộc sống này, không cần phải có thời gian rồi mới có thể thấy biết rõ sự thật này, chỉ cần nhìn thẳng nhìn sâu vào cuộc sống này thì sẽ thấy biết rõ sự thật này, đó là ý nghĩa tương ứng với câu nói: *“Không có thời gian”*.
- Khổ là điều đang có mặt trong cuộc sống này; sanh, già, bệnh, chết là sự thật đang có mặt trong cuộc sống này; tâm cố chấp, bảo thủ, muôn năm giữ sắc, thọ, tưởng, hành, thức đang phải chịu những nỗi phiền phức khổ đau trong cuộc sống này, đó là điều đang có mặt trong cuộc sống này. Đến với sự thật về khổ mà Đức Phật đã tuyên bố để tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng sự thật về khổ này. Đó là ý nghĩa tương ứng với câu nói: *“Đến để mà thấy”*.
- Vì sự thấy biết rõ những sự thật về khổ đối với thân tâm và cuộc sống sẽ có thể đưa tâm này đi đến sự tẩy sạch, sự đào thải sạch khỏi thân tâm tất cả tham ái, tham dục đối với thứ tạo ra phiền não và khổ đau cho tự thân. Trí tuệ thấy biết rõ về khổ sẽ cho tâm sức mạnh, cho tâm

động lực mạnh để đi đến sự trừ diệt, sự diệt tận tất cả những rác bần, những cấu uế, dính mắc, trói buộc trong tâm, đưa thân tâm đi đến sự trong sạch, thanh tịnh, hiền thiện, cao thượng. Đó là ý nghĩa tương ứng với câu nói “*Có khả năng hướng thượng*” trong Thánh trí về Khô.

- Sự thấy biết những sự thật về khô và khả năng hướng thượng của sự thấy biết này được những người có trí tuệ, những bậc hiền trí, những bậc có thân tâm chân chánh, trong sạch, thiện lành tự mình giác hiểu. Đó là ý nghĩa tương ứng với câu nói “*Được người trí tự mình giác hiểu*” trong Thánh trí về Khô.

Như vậy, ý nghĩa, giá trị, tác dụng, lợi ích trong những lời nói, những lời tuyên bố, tuyên thuyết, trình bày, chỉ dạy của Đức Phật là “*Thiết thực ở hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu*”. Những lời nói, những sự tuyên bố, những điều, những sự vật, những vấn đề được nói, được trình bày đầy đủ những yếu tố: chân thật, đúng sự thật của vấn đề, thiết thực ở hiện tại, đang hiện có ngay trong hiện tại, có thể kiểm chứng và thực chứng ngay trong hiện tại, không cần phải có thời gian, đến để mà thấy, không phải đến thì phải tin, không yêu cầu, không đòi hỏi một lòng tin mù quáng, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Những lời nói, những lời tuyên bố, những

điều, những sự vật, những vấn đề được nói, được trình bày đầy đủ những yếu tố như trên được gọi là những điều chân chánh, những lời nói chân chánh, những sự thật chân chánh. Đây là ý nghĩa của danh từ Chánh pháp. Và lời nói của Đức Phật, lời tuyên bố của Đức Phật, những điều mà Đức Phật nói đến, đề cập đến đó là những điều có đầy đủ các yếu tố trên nên những gì Đức Phật đã tuyên bố, đã trình bày được gọi là “Chánh pháp”.

6.3 Đức Phật đã trao truyền Chánh pháp gì?

6.3.1 Kinh Nghi Như Thế Nào (*Trung III*, bài 103)

(Trích đoạn)

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Kusinārā, tại khu rừng Baliharāṇa. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: “Này các Tỷ-kheo”, – “Thưa vâng, bạch Thế Tôn”. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các Ông nghĩ như thế nào? Có phải vì nhân y áo, Sa-môn Gotama thuyết pháp? Hay có phải vì nhân đồ ăn khát thực, Sa-môn Gotama thuyết pháp? Hay có phải vì nhân sàng toa, Sa-môn Gotama thuyết pháp? Hay có phải vì nhân thành bại, Sa-môn Gotama thuyết pháp?

– Thưa không phải vậy, bạch Thế Tôn! Chúng con không nghĩ rằng: “Vì nhân y áo, Sa-môn Gotama thuyết pháp...”.

– Và như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các Ông không nghĩ như sau: “Vì nhân y áo, Sa-môn Gotama thuyết pháp...”. Vậy này các Tỷ-kheo, đối với ta, các Ông nghĩ như thế nào?”

– Như thế này, bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, chúng con nghĩ như sau: **“Vời từ tâm, vì lợi tha và do lòng từ Thế Tôn thuyết pháp”**.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các Ông nghĩ như sau: “Vời từ tâm, vì lợi tha và do lòng từ Thế Tôn thuyết pháp”. Do vậy, này các Tỷ-kheo, **những pháp Ta giảng cho các Ông với thượng trí, như là Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần, Bốn Như Ý Túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề Phần, Thánh Đạo Tám Ngành**. Ở đây, các ông phải học tập tất cả, trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn với nhau.

(Hết trích kinh)

Như vậy, bài kinh này đã làm sáng tỏ mục đích thuyết pháp, mục đích giảng dạy của Đức Phật. Ngài thuyết pháp cho chúng sanh không phải vì y áo, sàng tọa, ăn uống, danh lợi, mà Ngài thuyết pháp, giảng dạy cho chúng sanh vì từ tâm, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho người mà Ngài thuyết pháp. Và những pháp, những điều tốt đẹp mà Ngài đã thuyết giảng, trình bày, khai minh, hiển thị, hiển lộ, khai thị cho cuộc đời này với trí tuệ tối thượng mà Ngài đã chứng ngộ

được, đó chính là Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Và Ngài còn căn dặn tất cả đệ tử của Ngài phải học tập tất cả những pháp này trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn nhau. Người con Phật ngày nay cần ghi nhớ kỹ, cần suy tư kỹ về lời dạy này, lời tuyên bố, tuyên ngôn này của Đức Phật, lấy đó làm chỗ tu học cho mình và không nên tranh cãi, không nên cãi lộn với nhau.

6.3.2 Kinh Làng Sāma (Trung III, bài 104)

(Trích đoạn) (*Sāmagāma sutta*)

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở giữa các vị Sakka (Thích Ca), tại Sāmagāma (Xá-di thôn). Lúc bấy giờ, Nigantha Nātaputta vừa mới tạ thế ở Pava. Sau khi vị này tạ thế, các vị Nigantha chia ra làm hai phái, chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau và sống tàn hại nhau với bình khí miệng lưỡi. “Ông không biết pháp luật này, ta biết pháp luật này. Sao Ông có thể biết pháp luật này? Ông theo tà hạnh, ta theo chánh hạnh. Lời nói ta tương ưng, lời nói Ông không tương ưng. Điều đáng nói trước Ông nói sau; điều đáng nói sau, Ông nói trước. Điều Ông quan niệm, trình bày đã bị đảo lộn. Quan điểm của Ông đã bị thách đổ. Ông đã bị đánh bại. Hãy đi giải tỏa quan điểm của Ông. Hãy tự thoát khỏi bế tắc nếu Ông có thể làm

được!” Hình như các đệ tử của Nigantha Nātaputta muốn tàn hại lẫn nhau. Chính các đệ tử cư sĩ mặc đồ trắng của Nigantha Nātaputta cũng chán ngấy, cơ hiềm, và phản đối các Nigantha, vì pháp luật của họ đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

Rồi sa di Cunda, sau khi an cư mùa mưa ở Pava, đến thăm Tôn giả Ānanda ở Sāmagāma, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ānanda và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Sa di Cunda bạch Tôn giả Ānanda:

– Bạch Tôn giả, Nigantha Nataputtta đã từ trần ở Pava. Sau khi vị này tạ thế, các Nigantha chia ra làm hai phái... pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với Sa di Cunda:

– Nay Hiền giả Cunda, đây vấn đề đáng đưa ra để yết kiến Thế Tôn. Nay Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi yết kiến Thế Tôn; sau khi đến, chúng ta hãy trình bày vấn đề này để Thế Tôn biết.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Sa di Cunda vâng lời Tôn giả Ānanda. Rồi Tôn giả Ānanda cùng với Sa di Cunda đi đến yết kiến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống

một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– *Bạch Thế Tôn, Sa di Cunda có nói: “Nigaṇṭha Nātaputta đã từ trần ở Pava. Sau khi vị này từ trần, các vị Nigaṇṭha chia ra làm hai phái... pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ”. Bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: “Sau khi Thế Tôn nhập diệt, chớ để cho tranh luận khởi lên giữa Tăng chúng. Tranh luận ấy đưa đến sự bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài người”.*

– *Này Ānanda, Ông nghĩ thế nào? Những pháp Ta dạy cho các Ông với thượng trí, như **Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ-đề phần, Thánh đạo tám ngành**. Ông có thấy chăng, này Ānanda, có hai Tỷ-kheo đối với những pháp này tuyên bố sai khác nhau?*

– *Bạch Thế Tôn, những pháp Thế Tôn dạy cho con với thượng trí, như Bốn niệm xứ... (như trên)... Thánh đạo tám ngành, con không thấy cho đến hai Tỷ-kheo đối với những pháp này tuyên bố sai khác nhau. Bạch Thế Tôn, và những người nào sống y cứ sùng kính Thế Tôn, những người ấy sau khi Thế Tôn nhập diệt, có thể khởi lên những tranh luận giữa tăng chúng, hoặc về Tăng thượng hoạt mạng, hoặc về Tăng thượng (Patimokkha-Giới bốn). Tranh luận ấy đem đến bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, bất an,*

đau khổ cho loài Trời, loài người.

– Là nhỏ nhất này Ānanda, là sự tranh luận ấy, tức là (tranh luận) về Tăng thượng hoạt mạng hay Tăng thượng giới bốn. Nay Ānanda, sự tranh luận khởi lên giữa Tăng chúng về Con đường (magga) hay về Đường hướng tu hành (patipada), sự tranh luận ấy mới đưa đến bất an cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài người.

(Hết trích kinh)

Giáo phái của Ni-kiền-tử bị chia rẽ sau khi vị này qua đời. Sa-di Cunda thấy vậy lo sợ và nói cho Tôn Giả Ānanda nghe. Tôn giả Ānanda đã cùng với Sa-di Cunda đi gặp Đức Phật và trình báo về vấn đề này. Và một lần nữa, Đức Phật đã khẳng định những pháp mà Ngài đã chứng ngộ và đã giảng dạy với trí tuệ tối thượng đó là Ba mươi Bảy Bồ-đề phần. Và khi Đức Phật còn tại thế thì trong tăng đoàn không có ai tranh cãi, tranh luận nhau về vấn đề này. Sau đó, Đức Phật đã khẳng định rằng: “*Nhỏ nhất là sự tranh luận về giới luật hay ngã mạn. Nhưng khi trong Tăng chúng khởi lên sự tranh luận về đường lối, tranh luận về đường hướng tu hành, sự tranh luận ấy mới đưa đến bất an cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời và loài người*”. Vì sao?

Vì khi trong Tăng chúng khởi lên sự tranh cãi về đường lối

tu tập thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ (tứ chúng) phải biết làm sao đây? Nghe lời thầy mình, chống đối thầy kia, hay ngược lại? Tứ chúng khởi lên nghi ngờ, bất an, dao động, thiên vị, cố chấp. Rồi tứ chúng tranh luận nhau, cãi vã nhau, hiềm khích nhau, đổ kỵ nhau, nghi ngờ nhau, chống đối nhau, chống phá nhau với binh khí miệng lưỡi, khẩu chiến, tạo ra hiềm hận, hiềm khích, sân hận, chia rẽ, lỗi lầm với thân ác nghiệp, khẩu ác nghiệp, ý ác nghiệp. Với các ác nghiệp đã làm, đã tạo này, tứ chúng phải nhận lãnh những nghiệp quả khổ đau, cay đắng cho chính mình. Những cánh cửa của địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ lại được mở rộng ra. Đó là lý do mà Đức Phật đã nói: *“Nhỏ nhất là sự tranh luận về giới luật hay ngã mạn. Nhưng khi trong Tăng chúng khởi lên sự tranh luận về đường lối tu hành, tranh luận về đường hướng tu hành, sự tranh luận ấy mới đưa đến bất an cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời và loài người”*.

(Hết trích kinh)

Ôi, thật là bất hạnh, thật là cay đắng cho tứ chúng đệ tử Phật khi Thánh pháp bị phàm pháp lén lút chen vào. Khi Chánh pháp bị tà pháp len lỏi chui vào, trà trộn vào trong Phật pháp, tạo ra những mâu thuẫn chia rẽ trong tứ chúng; tạo ra những mâu thuẫn chia rẽ trong đường lối tu hành của tứ chúng; tạo ra sự miệt thị, khinh khi đối với Thánh pháp; tạo ra sự hoang mang, nghi ngờ, nghi kỵ đối với Chánh

pháp; tạo ra sự phân tán, sự hủy diệt, sự diệt vong hoàn toàn giáo pháp chân chánh mà bậc Chánh Đẳng Giác đã truyền trao. Đây thật sự là điều đưa đến bất an cho đa số, thất lợi cho đa số, đau khổ cho loài Trời và loài người. Loài người và loài Trời không biết phải nghe theo ai, tu tập theo ai, ai mới là người đi đúng con đường, thực hành đúng đạo lộ, đúng pháp hành mà Đức Phật, bậc Chánh Đẳng Giác đã truyền trao. Loài người, loài Trời rơi vào trong nghi kỵ, hoang mang, bất an và lo lắng. Lời tuyên bố này của Đức Phật cũng chính là nỗi niềm đau đớn, nhức nhối cho người con Phật ngày nay khi mà Đức Phật đã nhập diệt trên hai ngàn năm trăm năm.

6.3.3 Kinh Đại Bát Niết-Bàn (*Trường I, bài 16*)

(Trích đoạn)

49. Rồi Thế Tôn cùng tôn giả Ānanda đi đến giảng đường Kūṭagāra vườn Đại Lâm, khi đi đến, Thế Tôn nói với tôn giả Ānanda:

- Nay Ānanda, hãy đi mời tất cả Tỷ-kheo sống ở gần Vesālī tụ họp tại giảng đường này.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, đi mời tất cả vị Tỷ-kheo sống ở gần Vesālī tụ họp tại giảng đường, rồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một

bên, tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tụ họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.

50. Thế Tôn liền đi đến giảng đường và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay những pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy cho các Ngươi, các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài người.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để cho phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài người?

*Chính là **Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần, Bốn Thần Túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh Đạo Phần**. Nay các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy, mà các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc*

cho loài Trời và loài người.

51. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- **Này các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ các Ngươi. Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát, không lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.**

Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

*Ta đã già, dư mạng chẳng còn bao,
Từ biệt các Ngươi, Ta đi một mình.
Tự mình làm sở y cho chính mình,
Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ giới luật,
Nhiếp thúc ý chí, bảo hộ tự tâm.
Ai tinh tấn trong pháp và luật này
Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ đau.*

6.3.4 Kinh Anurādhā (Tương III, 210)

(Trích đoạn)

15) Ông nghĩ thế nào, này Anurādhā, sắc là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: “Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi?”

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: “Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi?”

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

16-17) - Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: “Ta đã được giải thoát”. Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”.

18) - Ông nghĩ thế nào, này Anurādhā, Ông có quán: “Sắc là Như Lai không?”

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

Ông nghĩ thế nào, này Anurādhā, Ông có quán: “Thọ... tướng... các hành... thức là Như Lai không?”

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

19) Ông nghĩ thế nào, này Anurādhā, Ông có quán: “Như Lai ở trong sắc không?”

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: “Như Lai ở ngoài sắc không?”

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: “Như lai ở trong thọ... ở ngoài thọ... ở trong tướng... ở ngoài tướng... ở trong các hành... ở ngoài các hành... ở trong thức không?”

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: “Như Lai ở ngoài thức không?”

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông nghĩ thế nào, này Anurādhā, Ông có quán: “Sắc, thọ, tướng, hành, thức là Như Lai không?”

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

20) - Ông nghĩ thế nào, này Anurādhā, Ông có quán: “Cái phi sắc, phi thọ, phi tướng, phi hành, phi thức là Như Lai không?”

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

21) Và ở đây, này Anurādhā, **ngay trong hiện tại không** tìm được một Như Lai thường còn, thường trú, **thời có hợp**

lý chẳng khi Ông trả lời: “Này chư Hiền, vị Như Lai nào là bậc Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được quả Tối thắng, bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau: “Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết ?”

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

22) -Lành thay, lành thay, này Anurādhā. **Trước kia và nay, này Anurādhā, Ta chỉ tuyên bố Khổ và Đoạn diệt khổ.**

(Hết trích kinh)

6.3.5 Kinh Ví Dụ Con Rắn (Trung I, bài 22)

(Trích đoạn)

“Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự Khổ và sự Diệt khổ.

Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây những người khác nheo mắt, phi báng, làm cho Như Lai tức giận, thì này các Tỷ-kheo, ở đây, Như Lai không có sân hận, không có bất mãn, tâm không phẫn nộ.

Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây, những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai không có hoan hỷ, sung sướng, Tâm không

thích thú.

Chư Tỷ-kheo, nếu những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai suy nghĩ: “Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ: ở đây là trách nhiệm Ta phải làm”.

- *Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho các Ông tức giận, ở đây các Ông chớ có sân hận, bất mãn, **tâm chớ khởi phần nộ**.*
- *Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông chớ có hoan hỷ, sung sướng, **tâm chớ sanh thích thú**.*
- *Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông hãy suy nghĩ: “Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ, đây là những trách nhiệm ta phải làm”.*

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

- *Chư Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ*

bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

- *Chư Tỷ-kheo, thọ không phải của các Ông, hãy từ bỏ thọ. Các Ông từ bỏ thọ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.*
- *Chư Tỷ-kheo, tướng không phải của các Ông, hãy từ bỏ tướng. Các Ông từ bỏ tướng sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.*
- *Chư Tỷ-kheo, các hành không phải của các Ông, hãy từ bỏ các hành. Các Ông từ bỏ các hành sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.*
- *Chư Tỷ-kheo, thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.*

Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Trong rừng Jetavana này, nếu có người thâu lượm cỏ, cây, nhánh, lá rồi đốt hay làm với chúng tùy theo ý muốn. Các Ông có nghĩ chăng? Người ấy thâu lượm chúng ta, đốt chúng ta hay làm với chúng ta tùy theo ý muốn?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì nó không phải tự ngã hay không phải sở thuộc của ngã.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ sẽ đưa lại

hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, và cái gì không phải của các Ông? Chư Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, thọ... tưởng... hành... thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vấp quẩn cũ. Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vấp quẩn cũ, nên:

- *Những vị Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, lý tưởng đã thành đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được giải thoát nhờ chánh trí, **vòng luân chuyển (sanh tử) của những vị này không thể chỉ bày.***
- *Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, thì những vị này thành các vị hóa sanh, nhập diệt tại đây, không còn phải trở lui vào đời này nữa.*
- *Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho muội lược tham sân si, thì tất cả những vị ấy thành bậc Nhất lai, chỉ đến đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.*

- Tỷ-kheo nào đoạn trừ ba kiết sử, thì tất cả những vị ấy trở thành bậc Dự lưu, không còn bị đọa lạc ác thú, quyết định hướng đến chánh giác.
- Tỷ-kheo nào là những vị tùy pháp hành, tùy tín hành, thì tất cả những vị này sẽ hướng về chánh giác.
- Những vị nào chỉ đủ lòng tin nơi Ta, chỉ đủ lòng thương mến đối với Ta, thì tất cả những vị ấy được hướng về chư Thiên.”

(Hết trích kinh)

6.3.6 Kinh Thế Giới (Tăng I, 592)

(Trích kinh)

“Này các Tỷ-kheo,

- Thế giới được Như Lai Chánh Đẳng Giác, Như Lai không hệ lụy đối với đời.
- Thế giới tập khởi được Như Lai Chánh Đẳng Giác. Thế giới tập khởi được Như Lai đoạn tận.
- Thế giới đoạn diệt được Như Lai Chánh Đẳng Giác. Thế giới đoạn diệt được Như Lai giác ngộ.
- Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai Chánh Đẳng Giác. Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai tu tập

Này các Tỷ-kheo,

- Cái gì trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài người, được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai Chánh Đẳng Giác. Do vậy, được gọi là Như Lai.
- Từ đêm Như Lai được Chánh Đẳng Giác, đến đêm Như Lai nhập Niết-bàn, trong thời gian ấy, điều gì Như Lai nói, nói lên, tuyên bố, tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy, được gọi là Như Lai.
- Như Lai nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy. Vì rằng nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy, nên được gọi là Như Lai.
- Trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài người, Như Lai là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến đại tự tại, do vậy được gọi là Như Lai”.

(Hết trích kinh)

6.3.7 Lời kết

Như vậy, thông qua các bài kinh trên, chúng ta thấy rõ: Pháp mà Đức Phật đã chứng ngộ, đã giảng dạy với thượng trí của Ngài đó chính là: Bốn Chỗ Cần Quán Sát của người tu (Bốn Niệm Xứ), Bốn Việc Chân Chánh mà người tu cần phải thực hiện (Bốn Chánh Cần), Bốn Pháp Đưa đến Tâm Định Như Ý Muốn (Bốn Như Ý Túc), Năm Pháp Căn Bản người tu cần có (Năm Căn), Năm Pháp Tạo Sức Mạnh cho người tu (Năm Lực), Bảy Pháp Đưa Đến Sự Giác Ngộ Minh và Giải thoát (Bảy Giác Chi), Phương Pháp Tám Sự Chân Chánh (Bát Chánh Đạo). Đó là những pháp mà Đức Phật đã giảng dạy với thượng trí của Ngài khi Ngài còn tại thế.

Ngay cả đến giây phút cuối cùng, trước khi nhập Niết-bàn, Đức Phật cũng đã khẳng định lại cho chúng ta rằng Ba mươi bảy Bồ-đề phần là những pháp mà Ngài đã chứng ngộ và giảng dạy lại cho đệ tử của Ngài. Ngài còn căn dặn đệ tử của Ngài phải khéo học hỏi, khéo tu tập, khéo thực chứng và khéo truyền rộng Thánh pháp này để con đường chân chánh này, giáo pháp tu tập chân chánh này được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng với đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài người.

Trong kinh Anurādha và kinh Ví Dụ Con Rắn, Đức Phật cũng đã khẳng định “trước sau gì Ngài cũng chỉ giảng nói về Khổ và Con đường Diệt khổ”. Và Con đường Diệt khổ chính là Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Vì sao Đức Phật lại tuyên bố như vậy? Vì cuộc đời của Đức Phật, sự xuất gia của Đức Phật là để đi tìm sự thật về sanh, già, bệnh, chết và tìm phương cách để thoát khỏi vắn nạn này. Và rồi Đức Phật, Ngài đã tìm ra được sự thật về sanh tử và tìm ra được phương pháp để thoát khỏi sanh tử, thoát khỏi phiền não và khổ đau do sanh tử mang lại. Vì vậy, khi chuyển pháp luân, Đức Phật đã tuyên bố, đã truyền trao lại cho chúng sanh trí tuệ về sự thật của sanh tử, sự thật của khổ đau trong đời sống của chúng sanh. Trong hai bài kinh trên Đức Phật đã xác chứng rằng trước sau gì Ngài cũng chỉ giảng nói về Khổ và Con đường Diệt khổ - Con đường chấm dứt sanh tử cho chúng sanh. Chúng sanh đang chìm đắm trong những nỗi khổ vì sanh, khổ vì già, khổ vì bệnh, khổ vì chết, chúng sanh đang chìm đắm trong những nỗi khổ vì tham sân si, khổ vì bản ngã, khổ vì nghiệp lực, khổ vì vô minh, khổ vì tham dục, khổ vì tham ái, khổ vì thù hận, khổ vì giận hờn, khổ vì ích kỷ, ganh ty, tật đố, hơn thua, khổ vì sắc, tài, danh lợi, thực, thù. Chúng sanh đang lặn hụp trong biển khổ, đang chết chìm trong biển khổ, trí tuệ của Đức Phật là chiếc thuyền Bát nhã đưa chúng sanh thoát ra khỏi biển

khổ trầm luân này. Và trí tuệ đó chính là trí về Khổ và trí về Con đường thoát khổ.

Đó là những điều mà Đức Phật đã giảng dạy, đã tuyên bố. Đó cũng chính là điều mà cuộc sống này cần được biết đến, thế giới này cần được biết đến, các chúng sanh cần được biết đến. Đó cũng chính là Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao. Và điều gì mà Đức Phật đã tuyên bố, đã chỉ dạy từ đêm Ngài chứng Chánh Đẳng Giác đến đêm Ngài nhập Niết-bàn, tất cả đều là như vậy, không có sai khác đi được. Đây là điều tuyệt đối quan trọng mà người con Phật cần ghi khắc trong tâm để xác định chánh tà, đúng sai đang trà trộn trong giáo pháp của Đức Phật trong khi giáo pháp này được truyền thừa trên hai ngàn năm trăm năm.

Người con Phật cần ghi nhớ những bài kinh này để tự xác định cho mình Chánh pháp mà Đức Phật đã giảng dạy là gì và khéo chọn cho mình con đường tu tập theo Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao. Người con Phật chân chánh khéo tu tập, khéo thực chứng và khéo truyền rộng đường lối tu chân chánh này, trước vì lợi ích cho tự thân, sau vì lợi ích cho chúng sanh và vì lòng thương tưởng với đời.

6.4 Ngũ uẩn và Ba mươi bảy Bồ-đề phần

Ba mươi bảy Bồ-đề phần gồm có: Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần, Bốn Như Ý Túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác Chi, Bát Chánh Đạo.

Ba mươi bảy Bồ-đề phân liên hệ thế nào với Ngũ uẩn?

- Bốn Niệm Xứ là Bốn chỗ cần quán sát để thấy biết rõ về Ngũ uẩn.
- Bốn Chánh Cần là Bốn việc chánh cần làm để tẩy sạch vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Bốn Như Ý Túc là Bốn pháp để định tâm như ý muốn.
- Năm Căn là Năm nền tảng tu tập để tẩy sạch vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Năm Lực là Năm sức mạnh của người tu để tu tập diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Thất Giác Chi là Bảy pháp đến giác ngộ, đưa đến thấy biết tất cả những hoạt động của Ngũ uẩn trong nội tâm, diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Bát Chánh Đạo là Phương pháp tu Tám Đúng đưa đến diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn. Phương pháp Tám Đúng là: *Thấy đúng, Nghĩ đúng, Nói đúng, Làm đúng, Sống đúng, Siêng đúng, Quán đúng, Định đúng* (Chánh Tri Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định). Chánh tri kiến hay thấy biết chân chánh, thấy biết đúng. Thấy biết chân chánh là Thấy biết rõ Bốn sự thật về Khổ, hay Bốn sự thật về Ngũ uẩn mà Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã giác

ngộ và khai thị cho chúng ta, tức là thấy biết rõ về Tứ Thánh Đế. **Tứ Thánh Đế** là Bốn sự thật về Khổ, hay Bốn sự thật về Ngũ uẩn, hay Bốn sự thật về Cuộc đời. Đó cũng chính là Bốn Thánh trí về Khổ, hay Bốn Thánh trí về Ngũ uẩn, hay Bốn Thánh trí về Thân tâm này và cuộc sống này. Thánh trí thứ tư trong Bốn Thánh trí đó chính là Trí về Phương Pháp Tám Đúng. Phương Pháp Tám Đúng chuyển vận trạng thái tâm từ vô minh trở thành trí tuệ, từ sự không thấy biết Ngũ uẩn, không thấy biết rõ thân tâm đến chỗ thấy biết rõ Ngũ uẩn, thấy biết rõ thân tâm, diệt tận vô minh, diệt tận tham ái đối với thân Ngũ uẩn vô thường, tạm bợ, duyên sanh này.

6.5 Sự phối hợp các pháp trong Ba mươi bảy Bồ-đề phần

Khảo sát sự phối hợp Ba mươi bảy Bồ-đề phần trong Bát Chánh Đạo:

- Tứ niệm xứ là chánh niệm trong Bát Chánh Đạo.
- Tứ chánh cần là chánh tinh tấn trong Bát Chánh Đạo.
- Tứ như ý túc là những phần cần có trong khi tu tập chánh định trong Bát Chánh Đạo.
- Năm căn thì Tín căn và Tuệ căn là pháp được thành tựu trong chánh tri kiến trong Bát Chánh Đạo. Còn tấn căn, niệm căn, định căn chính là chánh niệm, chánh tinh tấn và chánh định.

- Năm lực là năm sức mạnh của người tu được sanh khởi từ năm căn.
- Bảy Giác Chi là bảy pháp được sanh khởi từ sự tu tập chánh niệm trong Bát Chánh Đạo.

Khảo sát sự phối hợp Ba mươi bảy Bồ-đề phần trong Tứ Niệm Xứ:

- Tứ Niệm Xứ là pháp chánh thứ bảy trong Bát Chánh Đạo, nghĩa là hay nói cách khác Tứ niệm xứ là chánh niệm trong Bát Chánh Đạo. Trước khi bước vào chánh niệm thì cần thành tựu chánh tri kiến trong Bát Chánh Đạo.
- Lại nữa, ở năm phần niệm pháp trong Tứ niệm xứ có phần quán niệm Tứ Thánh Đế. Trong quán Tứ Thánh Đế có Bát Chánh Đạo. Trong Bát Chánh Đạo có đầy đủ Ba mươi bảy Bồ-đề phần như đã phân tích ở trên.

Khảo sát sự phối hợp Ba mươi bảy Bồ-đề phần trong Tứ Chánh Cần:

- Tứ Chánh Cần là pháp chánh thứ sáu trong Bát Chánh Đạo, hay Tứ chánh cần là chánh tinh tấn trong Bát Chánh Đạo. Trước khi bước vào chánh tinh tấn thì phải thành tựu chánh tri kiến trong Bát Chánh Đạo.

- Lại nữa, trong tinh cần tu tập thì đó chính là tu tập Bảy Giác Chi. Bảy Giác Chi bắt đầu tu tập bằng Niệm giác chi. Tu tập Niệm giác chi là tu tập Tứ Niệm Xứ. Tứ Niệm Xứ và Ba mươi bảy Bồ-đề phần đã được phân tích ở trên.

Khảo sát sự phối hợp Ba mươi bảy Bồ-đề phần trong Năm Căn:

- Tín căn và Tuệ căn là pháp được thành tựu trong chánh tri kiến trong Bát Chánh Đạo.
- Tấn căn là Bốn Chánh Cần.
- Niệm căn là Bốn Niệm Xứ
- Định căn là Tứ Thiền.

Khảo sát sự phối hợp Ba mươi bảy Bồ-đề phần trong Năm Lực:

- Phân tích giống như Năm Căn.

Khảo sát sự phối hợp Ba mươi bảy Bồ-đề phần trong Bảy Giác Chi:

- Bảy Giác Chi bắt đầu tu tập bằng Niệm giác chi.
- Tu tập Niệm giác chi là tu tập Tứ Niệm Xứ. Tứ Niệm Xứ và Ba mươi bảy Bồ-đề phần đã được phân tích ở trên.

Như vậy, Ba mươi bảy Bồ-đề phần là những pháp phối hợp chặt chẽ trong Bát Chánh Đạo. Sự tu tập đầy đủ về Bát

Chánh Đạo chính là sự tu tập đầy đủ về Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Ba mươi bảy Bồ-đề phần có mặt đầy đủ trong Bát Chánh Đạo. Khi đi sâu vào chánh tri kiến, thành tựu trí tuệ về tự thân, khi ấy hành giả mới có thể thấu hiểu Ba mươi bảy Bồ-đề phần có mặt thế nào trong sự tu tập này.

Nếu không phải là hành giả mà chỉ là học giả, nếu chỉ học mà không hành, nếu chỉ đọc mà không tu tập, nếu chỉ biết mà không thực hành, không dần thân sâu vào con đường này, thì sẽ không thông hiểu được điều này và chỉ có thể giải thích các pháp này trên ngôn ngữ chữ nghĩa, hoặc đôi khi hiểu sai lệch đi các pháp. Nếu là một hành giả nhưng không đi theo con đường của Bát Chánh Đạo, không vào được cánh cửa của chánh kiến thì cũng không sao thông hiểu, thông giải được một cách chân thật, trọn vẹn, đầy đủ về các pháp này, và cũng không thể thực chứng, thực thấy, thực biết trọn vẹn các pháp. Khi ấy, sự tu, sự hành, sự giác, sự chứng và sự giảng dạy sẽ đi theo kinh nghiệm tu hành cá nhân của bản thân, không đi theo đạo lộ, pháp hành và trí tuệ của bậc Chánh đẳng Chánh giác.

Ba mươi bảy Bồ-đề phần là những pháp được phối hợp, được liên kết với nhau một cách chặt chẽ trong Bát Chánh Đạo hay trong Phương pháp Tám Đúng. Không thể nói rằng “tôi thích hợp tu theo Tứ Niệm Xứ, không hợp với Tứ Chánh Cần nên tôi chỉ cần tu theo Tứ Niệm Xứ là được”. Nếu cho rằng Ba mươi bảy Bồ-đề phần là ba mươi bảy

pháp đề cho hành giả tùy nghi chọn lựa pháp môn thích hợp cho mình, nếu hiểu như vậy, thì đó là chưa thể nhập vào chánh kiến, chưa thành tựu trí về Ngũ uẩn, chưa thành tựu trí về Tứ Thánh Đế, chưa thực hành thâm sâu trong giáo pháp này, chưa tìm được chân đứng trong giáo pháp của Đức Phật, chưa có một trí tuệ thông suốt thấy biết rõ sự liên kết của tất cả các pháp trong Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Vì sao nói như vậy?

Khi hành giả đi sâu vào sự tu tập thực hành theo Tứ Niệm Xứ, khi ấy hành giả sẽ thấy biết rõ rằng: Để thực hành trọn vẹn Tứ Niệm Xứ thì hành giả cần phải thực hành trọn vẹn các pháp còn lại trong Ba mươi bảy Bồ-đề phần là Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác Chi, Bát Chánh Đạo.

Cũng vậy, khi thể nhập vào trí tuệ và pháp hành trong Tứ Chánh Cần, hành giả sẽ thấy biết rõ rằng: Để thực hành trọn vẹn Tứ Chánh Cần thì hành giả cần phải thực hành trọn vẹn các pháp còn lại trong Ba mươi bảy Bồ-đề phần.

Cũng vậy, đối với Tứ Như Ý Túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác Chi và Bát Chánh Đạo, để thực hành trọn vẹn các pháp này thì hành giả cần phải thành tựu trí tuệ đầy đủ về Ba mươi bảy Bồ-đề phần và thực hành đầy đủ các pháp này.

Hành giả có thể nói rằng: “tôi đang trú tâm trên Bốn Niệm Xứ”, hay “tôi đang tinh cần tu tập Bốn Chánh Cần”, hay “tôi đang tu tập Bát Chánh Đạo”... Nhưng để có thể tu tập một cách chân chánh và đầy đủ các pháp này thì hành giả cần phải thành tựu được Chánh tri kiến. Và khi đã thành tựu Chánh tri kiến thì hành giả sẽ rõ biết tất cả những pháp có mặt trong Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần là gì và khi đó hành giả mới có thể thật sự thực hành đúng, thực hành chân chánh Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần, Bát Chánh Đạo.

Tóm lại, thông qua các bài kinh trên (còn nhiều bài kinh nữa trong Nikāya, nhưng chúng tôi xin chỉ trích dẫn một số bài kinh), chúng ta thấy Đức Phật đã khẳng định rõ Chánh pháp mà Đức Phật đã giảng dạy, đã hướng dẫn với thượng trí mà Ngài đã chứng ngộ được đó chính là Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Và Ba mươi bảy Bồ-đề phần chính là Ba mươi bảy pháp được phối hợp chặt chẽ với nhau trong phương pháp Tám đúng để bao vây vô minh, đâm thủng vô minh, diệt tận Vô minh, diệt tận Khát ái đối với Ngũ uẩn, giúp chúng sanh thoát khỏi cảnh sanh tử triền miên trong một mối, phiền não và khổ đau.

6.6 Có thể thêm bớt gì trong Chánh pháp không?

6.6.1 Kinh Thanh Tịnh (Trường II, bài 29)

(Trích đoạn)

14. *Này Cunda, nay Ta hiện tại là bậc Đạo sư xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, và pháp được khéo tuyên bố, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, được vị Chánh Đẳng Giác trình bày, và các vị đệ tử của Ta tinh thông diệu pháp, và Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tổ lộ với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho loài người. Này Cunda, nay Ta là vị Đạo sư Trưởng lão, có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành.*

15. *Này Cunda, nay Ta có những vị Thượng tọa Tỷ-kheo đệ tử sáng suốt, tự biết điều phục, vô úy, đa văn, đã đạt đến sự an ổn, có thể thuyết diệu pháp, đối với giáo lý ngoại đạo được khởi lên, có thể khéo nhiếp phục với giáo pháp của mình, có thể thuyết diệu pháp bất khả tư nghi. Này Cunda, Ta lại có những Trung lap Tỷ-kheo sáng suốt. Này Cunda, nay Ta có những vị Hạ lap Tỷ-kheo đệ tử. Này Cunda, nay Ta có những vị Trưởng lão Tỷ-kheo ni đệ tử. Này Cunda, nay Ta có những vị Trung lap Tỷ-kheo ni đệ tử. Này Cunda, nay Ta có những vị Hạ lap Tỷ-kheo ni đệ tử. Này Cunda,*

nay Ta có những vị Nam cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nam cư sĩ, là những vị tại gia mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nữ cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nữ cư sĩ là những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc...

Này Cunda, nay Phạm hạnh của Ta được thành công, hưng thịnh, phát triển, và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa mọi người.

16. Nay Cunda, đối với tất cả những vị đạo sĩ nay xuất hiện ở đời; nay Cunda, Ta không thấy một vị đạo sư nào khác có thể bằng Ta về phương diện lợi dưỡng và danh xưng tối thượng.

Này Cunda, đối với tất cả các đoàn thể, các hội chúng nay xuất hiện ở đời; nay Cunda, Ta không thấy một đoàn thể nào khác có thể bằng đoàn thể Tỷ-kheo về phương diện lợi dưỡng và danh xưng tối thượng.

Nếu có ai, khi tả một Phạm hạnh, thành tựu hết thấy tướng, không thiếu sót, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, vị ấy nếu tuyên bố đúng đắn sẽ tuyên bố như sau: “Thành tựu hết thấy tướng... Phạm hạnh được khéo tuyên bố”.

Này Cunda, Uddaka con của Ràma thường nói: “Thấy mà

không thấy”. Thấy cái gì mà không thấy? Với một con dao sắc bén, chỉ thấy lưỡi dao không thấy khía cạnh sắc bén của dao. Nay Cunda, đây là nghĩa của câu: “Thấy mà không thấy”. Nay Cunda, ở đây Uddaka con của Ràma đề cập đến một vật dễ tiện, hạ liệt, thuộc về phàm phu, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích, nói về con dao.

Nay Cunda, nếu nói đúng đắn câu **“Thấy mà không thấy”**, thời phải nói như sau: “Thấy mà không thấy”. Vị ấy thấy cái gì mà không thấy?

- **Một Phạm hạnh, thành tựu hết thấy tướng, đầy đủ hết thấy tướng, không thiếu sót, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, được khéo trình bày. Chính vị ấy thấy Phạm hạnh này.**
- Nếu vị ấy trừ bớt một phương diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vì ấy sẽ không thấy gì.
- Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vì ấy sẽ không thấy gì.
- Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy được viên mãn hơn, vì ấy sẽ không thấy gì.

Như vậy gọi là “Thấy mà không thấy”.

Nay Cunda, nếu có ai khi tả một Phạm hạnh thành tựu hết

thầy tướng... Phạm hạnh được khéo tuyên bố, vị ấy sẽ tuyên bố đúng đắn như sau: ***“Phạm hạnh này thành tựu hết thầy tướng, cụ túc hết thầy tướng, không thiếu thốn, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, được khéo trình bày”***.

17. Do vậy, này Cunda, **những pháp do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các Ngươi, tất cả các Ngươi hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi lộn nhau, nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài người.**

Này Cunda, **thế nào là những pháp do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các Ngươi, tất cả các Ngươi hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi lộn nhau, nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau, để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài người?**

Những pháp ấy là **Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần, Bốn Như Ý Túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác Chi, Tám Thánh Đạo**. Này Cunda, những pháp ấy do Ta tự chứng

tri và tuyên bố cho các Người, tất cả các Người hãy hội hợp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi lộn nhau, nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau, để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc của muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài người.

6.6.2 Thấy mà không thấy

Trong đoạn kinh trên, Đức Phật đã xác nhận: Ngài là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, các pháp đã được Ngài khéo tuyên bố, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn đưa đến an tịnh; đệ tử tại gia và xuất gia của Ngài đều tinh thông Chánh pháp; Ngài đã hướng dẫn hoàn toàn viên mãn đời sống tu hành trong sạch thanh tịnh (Phạm hạnh); các thứ bậc tu học được tỏ lộ rõ ràng, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho loài người. Với một đường lối tu hành hoàn hảo, viên mãn như vậy, thành tựu hết thấy tướng, đầy đủ hết thấy tướng, không thiếu sót, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, được khéo trình bày bởi bậc Chánh Đẳng Giác, nhưng ai nghĩ rằng có thể thêm bớt vào trong đường lối tu hành hoàn hảo này, đó gọi là “thấy mà không thấy”.

“Thấy mà không thấy” có nghĩa là cho rằng mình thấy, mình biết, mình nắm, mình hiểu những lời dạy của Đức Phật, nhưng thật ra vị ấy không thấy, không biết, không nắm, không hiểu giáo pháp của Đức Phật. Vì sao? Vì rằng giáo pháp mà bậc Chánh Đẳng Giác đã chỉ dẫn là một đường lối tu tập hoàn hảo, thiện xảo, không thể thêm hay bớt trong đó, nếu nghĩ rằng có thể thêm hay bớt gì trong Chánh pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy thì đó là “thấy mà không thấy”.

Trong phần sau, Đức Phật còn khẳng định rõ: Những pháp do Ngài tự chứng tri và tuyên bố cho đệ tử của Ngài đó chính là Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Người con Phật hãy hội họp lại và cùng nhau tu học các pháp này, chớ có cải lộn với nhau để cho Chánh pháp này được tồn tại lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời.

6.6.3 Vì sao không thể thêm bớt giáo pháp của Đức Phật?

Như vậy, không thể thêm bớt trong một giáo pháp hoàn hảo, một đường lối tu hành hoàn hảo mà Đức Phật, bậc Chánh Đẳng Giác đã truyền trao. Và giáo pháp hoàn hảo, đường lối tu hành hoàn hảo đó chính là Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Vì sao Ba mươi bảy pháp đưa đến thoát tử trên

được gọi là giáo pháp hoàn hảo, đường lối tu hoàn hảo để tu đạo thoát ly sanh tử mà Đức Phật đã truyền trao?

Nếu nói về quán niệm thì niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp là bốn chỗ quán niệm chân chánh mà một người tu chân chánh cần phải quán niệm. Người tu nào cũng cần phải an trú tâm trên thân, thọ, tâm, pháp.

- Thân đang như thế nào hành giả luôn cần phải nhớ biết và cần phải quán sát tất cả các góc độ, các khía cạnh, các sự thật về thân để thành tựu trí tuệ về thân.
- Thọ, những cảm giác trong thân tâm đang như thế nào, hành giả cần phải nhớ biết và cần phải quán sát thật cẩn trọng để thành tựu trí tuệ về thọ.
- Tâm, những hành tướng của tâm, hiện trạng thực tại của tâm đang như thế nào, hành giả cần phải nhớ biết, cần phải quán sát đầy đủ để thành tựu trí tuệ về tâm.
- Pháp, những gì đang hiện có trong thân tâm, những si ám đang che mờ thân tâm, hay những trí tuệ cần được khai mở trong thân tâm, hành giả cần phải nhớ biết, cần phải quan sát thận trọng để thành tựu trí tuệ về các pháp đang có trong tự thân.

Như vậy, xét về mặt sự quán niệm, sự nhớ biết thì thân, thọ, tâm, pháp là bốn chỗ chân chánh mà hành giả cần phải nhớ

biết, cần phải quán sát để thành tựu trí tuệ trọn vẹn về thân tâm này.

Ngoài bốn điều này thì không còn một chỗ nào khác, không còn một vấn đề nào khác cần phải thấy biết thêm, vì vậy, không thể thêm một pháp nào vào trong Bốn niệm xứ. Nếu nghĩ rằng bốn chỗ quán niệm này là còn thiếu trong sự quán niệm và cần phải thêm gì vào đó, thì đó là điều không thể có. Vì ngoài bốn lĩnh vực cần quán niệm này thì không còn có một lĩnh vực nào khác cần phải quán niệm, quán sát. Nếu có một lĩnh vực nào khác cần phải quán niệm, quán sát thêm thì bậc Chánh Đẳng Giác đã nhìn thấy rồi và đã thêm vào rồi. Vì vậy, bốn lĩnh vực quán niệm này là sự chánh niệm hoàn hảo, không thể thêm vào gì trong đó. Nếu nghĩ, có thể thêm gì vào thì đó gọi là “thấy mà không thấy”.

Trong bốn lĩnh vực cần quán niệm này thì không thể bớt ra một lĩnh vực quán niệm nào. Nếu hành giả bớt ra phần niệm thân thì sẽ không thể nhìn thấy rõ về thân. Khi hành giả không nhìn thấy rõ về thân thì sẽ không thể liễu tri tường tận về thân, không thể thành tựu trí tuệ đầy đủ về thân. Khi hành giả không thành tựu trí tuệ về thân tức không thể thấy rõ sự thật về thân. Khi hành giả không thấy rõ sự thật về thân thì khó lòng nhàm chán, ly tham đối với thân; khi không nhàm chán, ly tham đối với thân thì không đi đến sự giải thoát khỏi những thân xác tứ đại, duyên sanh, vô thường, tạm bợ này. Vì vậy, nếu muốn giải thoát khỏi

những thân xác vô thường này thì không thể bớt ra phần niệm thân trong bốn lĩnh vực quán niệm này.

Về phần niệm thọ, nếu bớt ra phần niệm thọ, tức là không quán sát, không nhớ biết, không xem xét các cảm thọ trong thân tâm. Khi hành giả không quán sát các cảm thọ trong thân tâm thì sẽ không thấy biết rõ về các cảm thọ, không thấy biết rõ những cảm giác cảm xúc đang có mặt, vận hành trong thân tâm. Khi hành giả không thấy biết rõ những cảm giác cảm xúc đang vận hành trong thân tâm thì sẽ không phát giác phát hiện ra những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, ganh tỵ, ích kỷ, hơn thua, tật đố, xảo trá, giả dối, dối trá, lậu hoặc, rác bần đang có mặt trong thân tâm. Khi hành giả không thấy biết rõ những lậu hoặc rác bần trong thân tâm thì không thể diệt tận hoàn toàn, không thể đào thải hoàn toàn những lậu hoặc rác bần khỏi nội tâm. Khi hành giả không tẩy sạch, không đào thải sạch những lậu hoặc rác bần khỏi nội tâm thì không thể đạt được sự hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, bất động, giải thoát. Khi tâm không hoàn toàn trong sạch, bất động (không động chuyển) thì sanh tử sẽ tiếp tục, mục đích của đời tu không đạt được, phiền não khổ đau sẽ tiếp diễn. Như vậy, nếu hành giả muốn thấy biết rõ những rác bần trong nội tâm, thì không thể bỏ phần quán niệm cảm thọ.

Về phần niệm tâm, nếu bớt ra phần niệm tâm, tức là không quán sát, không nhớ biết, không xem xét những tình trạng,

hiện trạng thực tế của tâm. Khi hành giả không quán sát hiện trạng, hành tướng của tâm trong những giây phút hiện tại sẽ không thấy biết rõ về tình trạng hiện tại của tâm, không thấy biết rõ hành tướng chung của thọ, tưởng, hành, thức, không nhìn ra được tướng chung, tướng tổng quát của tâm ở hiện tại. Khi hành giả không thấy rõ hành tướng chung của tâm ở thực tại thì khó lòng đối diện, khó lòng nhiếp phục những tình trạng tâm có tham, sân, si, tán loạn, nhỏ hẹp, giới hạn, không định, không giải thoát. Vì vậy, để thấy biết rõ thực trạng của tâm thì không thể bỏ qua phần niệm tâm trong Bốn Niệm Xứ.

Về phần niệm pháp, nếu bớt ra phần niệm pháp, tức là không quán sát, không nhớ biết, không xem xét những thứ đang sanh khởi và che mờ tâm trí, không quán sát thực trạng về Ngũ uẩn trong thân tâm, không quán sát việc sáu căn đang tiếp xúc với sáu trần, không quán sát bảy pháp có khả năng đưa đến giác ngộ giải thoát khỏi thân Ngũ uẩn, không quán sát Bốn sự thật về khổ hay không quán Bốn sự thật về Ngũ uẩn đang có mặt trong thân tâm. Khi hành giả không quán sát, không nhớ biết, không xem xét kỹ những pháp này trong thân tâm thì tâm sẽ không thấy biết rõ những pháp này. Khi tâm không thấy biết rõ những pháp này thì tâm không thể đi đến thành tựu trí tuệ về những pháp này. Khi tâm không thành tựu trí tuệ về những pháp này thì tâm không thể đi đến thành tựu sự nhiếp phục

những pháp bất thiện trong thân tâm và không thể đi đến thành tựu những thiện pháp cần phải thành tựu trong thân tâm. Khi hành giả không thành tựu sự đào thải sạch những bất thiện pháp khỏi thân tâm và không thành tựu các thiện pháp trong thân tâm thì thân tâm khó lòng đi đến sự thanh tịnh hoàn toàn, trong sạch hoàn toàn và giải thoát hoàn toàn khỏi những căn bã, những cấu uế, những rác bần lậu hoặc khỏi nội tâm.

Nếu không tu tập, không quán sát những pháp đang có mặt trong tự thân, đó là hành giả đã có một lỗ hổng lớn trong pháp hành, trong đường lối tu của mình. Hành giả sẽ khó lòng đi đến sự thấy biết tường tận về các pháp cần phải được thấy biết, khó lòng diệt tận những pháp cần phải được diệt tận hay khó lòng thành tựu những pháp cần phải được thành tựu trong sự tu tập nhiếp phục thân tâm. Vì vậy, trong sự tu tập thân tâm, không thể bỏ qua, không thể bỏ bớt đi phần niệm pháp trong Bốn Niệm Xứ.

Như vậy, thân, thọ, tâm, pháp là bốn chỗ cần được nhớ biết, quán sát để thành tựu trí tuệ về tự thân, để nhiếp phục những dục, ái, tham, sân, si trong tự thân và để thành tựu những thiện pháp đưa đến sự thoát ly sanh tử. Vì vậy, hành giả không thể bỏ bớt, bỏ qua, bỏ sót một lĩnh vực quán niệm nào trong Bốn Niệm Xứ.

Nếu ai nghĩ rằng có thể thêm bớt một điểm nào trong Bốn Niệm Xứ thì đó chính là lỗ hổng, chỗ sơ hở trong sự tu tập.

Và như vậy, những dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu sẽ tiếp tục rò rỉ, tiếp tục rỉ chảy và tiếp tục lén lút dẫn dắt tâm đi trong các nẻo trầm luân của luân hồi sanh tử. Và ai nghĩ rằng có thể thêm bớt một điểm nào trong Bốn Niệm Xứ thì đó gọi là “Thấy mà không thấy”. Và như vậy, luân hồi, sanh tử, phiền não, khổ đau sẽ tiếp tục triển miên đối với tâm thức ấy. Với những ai chân chánh, nghiêm túc, cẩn trọng thực hành Bốn Niệm Xứ, không thêm vào hoặc bỏ bớt bất cứ phần nào trong Bốn Niệm Xứ thì chắc chắn những vị ấy sẽ đi đến thành tựu trí tuệ chân chánh mà bậc Chánh Đẳng Giác đã truyền trao. Đó là lý do trong nhiều bài kinh, như kinh Đại Bát Niết-bàn, kinh Bệnh, Đức Phật đã tuyên bố rằng: ***“Những ai, hiện nay hoặc sau khi Ta nhập diệt, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp Bốn Niệm Xứ làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp Bốn Niệm Xứ làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác, những vị ấy là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi”***.

Như vậy, người tha thiết học hỏi Bốn Niệm Xứ, tha thiết tu tập Bốn Niệm Xứ, dùng Bốn Niệm Xứ làm ngọn đèn, làm Chánh pháp, làm chỗ mình nương tựa đó là vị tối thượng trong hàng đệ tử của Đức Như Lai. Đây là chỗ người con Phật cần đặc biệt lưu tâm.

Tu tập Bốn Niệm Xứ, tu tập quán sát thân, thọ, tâm, pháp là sự tu tập chánh niệm hoàn hảo nhất, viên mãn nhất, đầy đủ nhất, tốt đẹp nhất. Khi niệm được an trú trong sự quán sát đầy đủ và trọn vẹn về thân thọ tâm pháp thì đó là sự chánh niệm, sự quán niệm, sự nhớ biết, sự quan sát trọn vẹn về thân tâm này. Không một chỗ nào trên thân tâm mà không được nhớ biết, không được quan sát, không được thấy biết, không được kiểm soát. Vì vậy, đây là sự chánh niệm hoàn hảo, viên mãn và trọn vẹn.

Và trước một sự chánh niệm hoàn hảo thì không thể thêm vào hoặc bớt ra bất cứ một phương diện quán niệm nào trong đó, tức là không thể thêm vào hoặc bớt ra bất cứ một phương diện nào trong Bốn Niệm Xứ. Nếu hành giả thật sự thấy pháp, ngộ pháp, chứng pháp thì sẽ nhìn thấy rõ giá trị của từng pháp trong Bốn Niệm Xứ. Và khi đã thấy rõ tác dụng, giá trị, lợi ích và ý nghĩa của từng pháp trong Bốn Niệm Xứ thì sẽ không dám và không thể thêm bớt gì vào trong Bốn Niệm Xứ. Không những thế, vị ấy còn tuân thủ nghiêm ngặt và hành trì nghiêm túc từng pháp hành trong Bốn Niệm Xứ, vị ấy không dám làm lệch lạc, không dám làm xiêu vẹo bất cứ pháp hành nào trong Bốn Niệm Xứ. Vì có sao? Vì khi một vị thật sự thấy pháp, thật sự thành tựu chánh kiến về tự thân, khi ấy, vị ấy sẽ sáng tỏ về mục đích, giá trị, tầm quan trọng, tánh thực tế trong sự quán sát Bốn Niệm Xứ nơi tự thân. Vị ấy sẽ biết rõ Bốn Niệm Xứ là tinh

hoa trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Bốn Niệm Xứ là ánh hào quang thần diệu của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Bốn Niệm Xứ là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, giúp chúng sanh vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. (Kinh Niệm Xứ, Trung bộ, bài 10).

Và một khi đã sáng tỏ, đã thông hiểu được mục đích và tầm quan trọng của Bốn Niệm Xứ thì không một tâm tư nào dám thêm bớt một pháp hành nào, một phần nào trong con đường độc nhất này. Khi trí tuệ đã khai mở, trí tuệ đã trong sáng, hành giả sẽ thực thấy, thực biết rằng Bốn Niệm Xứ là Chánh pháp, là ngọn đèn, là pháp mà Đức Phật đã giảng dạy với thượng trí, với Chánh Đẳng Chánh Giác trí. Vì vậy, pháp hành này, con đường này là hoàn hảo, hoàn thiện, hoàn mỹ. Pháp hành là kiệt tác của trí tuệ bậc Chánh Giác, không có gì cần phải chỉnh sửa lại, không có gì cần phải thêm vào hay bớt ra. Vì vậy, người con Phật cần phải nghiêm túc nghiên cứu, học hỏi và đào sâu vào pháp hành này. Đừng để cho phàm phu trí, vô minh trí, ngã mạn trí, chấp thủ trí, cục bộ trí chen vào rồi thêm bớt, rồi chỉnh sửa vào trong lời dạy, trong pháp hành mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác Trí đã chỉ dạy, đã truyền trao.

Tóm lại, sự gom thâu của ba mươi bảy pháp với Bốn chỗ cần quán niệm, Bốn việc chân chánh cần làm, Bốn pháp để tâm định như ý muốn, Năm căn bản cần có của người tu,

Năm sức mạnh của người tu, Bảy pháp đưa đến Giác ngộ và Tám pháp chân chánh mà Đức Phật, bậc Thánh nhân đã tu tập là một trận đồ hoàn hảo để vây bủa vô minh, đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh và diệt tận khát ái đối với Ngũ uẩn, diệt tận tất cả các lậu hoặc rác bẩn trong nội tâm, đưa thân tâm thể nhập sự trong sạch, thanh tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Vì vậy, không thể thêm vào hoặc bớt ra một góc cạnh nào trong các pháp này, không thể thêm hoặc bớt một chút gì trong Chánh pháp hoàn hảo mà Đức Phật đã truyền trao. Sự thêm vào hay bớt ra một phần quán niệm nào trong Bốn Niệm Xứ thì đó gọi là “Thấy mà không thấy”. Tự cho mình là thấy, biết, hiểu, ngộ Chánh pháp nhưng thật ra lại chẳng thấy biết gì cả.

- “Nếu vị ấy trừ bớt một phương diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy gì.”
- Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy gì.
- Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy được viên mãn hơn, vị ấy sẽ không thấy gì”. Như vậy gọi là “Thấy mà không thấy”.

6.7 Trường hợp không thể thâm nhập Chánh pháp

6.7.1 Kinh Quyết Định Tánh Về Diệu Pháp 1 (*Tăng II, 595*)

1. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là năm?

- *Khinh lời thuyết giảng,*
- *Khinh người thuyết giảng,*
- *Khinh tự mình,*
- *Nghe pháp với tâm tán loạn,*
- *Không nhất tâm và không như lý tác ý.*

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

2. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là năm?

- *Không khinh lời thuyết giảng,*
- *Không khinh người thuyết giảng,*

- Không khinh tự mình,
- Nghe pháp với tâm không tán loạn,
- Nhất tâm và như lý tác ý.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

6.7.2 Kinh Quyết Định Tánh Về Diệu Pháp 2 (Tăng II, 596)

1. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là năm?

- Khinh lời thuyết giảng,
- Khinh người thuyết giảng,
- Khinh tự mình,
- Ác tuệ, đần độn, tâm điếc,
- Không tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

2. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là năm?

- Không khinh lời thuyết giảng,
- Không khinh người thuyết giảng,
- Không khinh tự mình,
- Có trí tuệ, không đần độn, không câm điếc,
- Tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

6.7.3 Kinh Quyết Định Tánh Về Diệu Pháp 3 (Tăng II, 597)

1. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là năm?

- Nghe pháp với tâm chê bai, với tâm bị chê bai ám ảnh;
- Nghe pháp với tâm cật nạn, tìm tòi khuyết điểm;
- Trong khi pháp giảng, tâm bị choáng váng, bị chai sạn;
- Ác tuệ, đần độn, câm điếc,
- Không tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

2. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là năm?

- Nghe pháp với tâm không chê bai, không bị chê bai ám ảnh;
- Nghe pháp với tâm không cật nạn, không tìm tòi khuyết điểm;
- Trong khi pháp giảng, tâm không bị choáng váng, không bị chai sạn;
- Có trí tuệ, không đần độn, không cảm điếc,
- Tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

6.7.4 Kinh Không Ưa Nghe (Tăng III, 252)

1. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, dầu được nghe diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiên pháp. Thế nào là sáu?

- Khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, không ưa nghe,
- Không có lóng tai,
- Không có an trú tâm liễu giải,
- Nắm giữ điều không lợi ích,
- Bỏ qua điều lợi ích,
- Không thành tựu tùy thuận nhãn nhục.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, dầu cho có nghe diệu pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

2. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, nếu được nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu?

- Khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, có ưa nghe,
- Có lóng tai,
- Có an trú tâm liễu giải,
- Nắm giữ điều lợi ích,
- Bỏ qua điều không lợi ích,
- **Thành tựu tùy thuận nhãn nhục.**

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu được nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

6.7.5 Kinh Chương Ngại (Tăng III, 250)

1. - *Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, dầu có nghe diệu pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu?*

- *Thành tựu **ngiệp chương**,*
- *Thành tựu **phiền não chương**,*
- *Thành tựu **dị thực chương**,*
- *Không có lòng tin,*
- *Không có ước muốn,*
- *Ác tuệ.*

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, dầu có nghe pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

2. *Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, nếu có nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.*

Thế nào là sáu?

- *Không thành tựu **ngiệp chương**,*
- *Không thành tựu **phiền não chương**,*

- Không thành tựu dị thực chương,
- Có lòng tin,
- Có ước muốn,
- Và có trí tuệ.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu có nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

6.7.6 Kinh Nghiệp Chương (Tăng III, 251)

1. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, dầu có nghe diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là sáu?

- Đoạn mạng sống của mẹ;
- Đoạn mạng sống của cha;
- Đoạn mạng sống của A-la-hán;
- Với ác tâm làm Như Lai chảy máu;
- Phá hòa hợp Tăng;
- Ác tuệ, si mê, căm ngọng.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, dầu cho có nghe diệu pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

2. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, được nghe điều pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là sáu?

- Không đoạn mạng sống của mẹ;
- Không đoạn mạng sống của cha;
- Không đoạn mạng sống của A-la-hán;
- Không với ác tâm làm Như Lai chảy máu;
- Không phá hòa hợp Tăng;
- Có trí tuệ, không si mê, câm ngọng.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu được nghe điều pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

6.7.7 Kinh Không Có Cung Kính 1 (Tăng II, 325)

1. “Này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không cung kính, không thân trong, không sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn hữu học pháp, sự kiện này không xảy ra.

- Không làm cho viên mãn hữu học pháp, vì ấy sẽ làm cho viên mãn các giới luật, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn các giới luật, vì ấy sẽ làm cho viên mãn chánh tri kiến, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn chánh tri kiến, vì ấy sẽ làm cho viên mãn chánh định, sự kiện này không xảy ra.

2. Nay các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo có cung kính có thận trọng, sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, **sự kiện này CÓ xảy ra.**
- Sau khi làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vì ấy sẽ làm cho viên mãn hữu học pháp, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn hữu học pháp, vì ấy sẽ làm cho viên mãn các giới luật, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn các giới luật, vì ấy sẽ làm cho viên mãn chánh tri kiến, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn chánh tri kiến, vì ấy sẽ làm cho viên mãn chánh định, sự kiện này có xảy ra”.

6.7.8 Kinh Không Có Cung Kính 2 (Tăng II, 326)

1. “Này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo, không cung kính, không thận trọng, không sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, sẽ làm viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm viên mãn hữu học pháp, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn giới uẩn, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn giới uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn định uẩn, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn định uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn tuệ uẩn, sự kiện này không xảy ra.

2. Này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo có cung kính, có thận trọng, sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, vị ấy sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn hữu học pháp, sự kiện này có xảy ra.

- Sau khi làm cho viên mãn hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn giới uẩn, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn giới uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn định uẩn, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn định uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn tuệ uẩn, sự kiện này có xảy ra”.

6.7.9 Kinh Vô Thường (Tăng III, 259)

1. “Thật vậy, này các Tỷ-kheo,

- Vị Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là thường còn, sẽ thành tựu được **nhẫn nhục** tùy thuận, sự kiện này không xảy ra.
- Không thành tựu nhẫn nhục tùy thuận, sẽ nhập vào **chánh tánh quyết định**, sự kiện này không thể xảy ra.
- Không nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, hay quả Nhất lai, hay quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này không xảy ra.

2. Thật vậy, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là vô thường, sẽ thành tựu được **nhẫn nhục** tùy thuận, sự kiện này có xảy ra.
- Thành tựu nhẫn nhục tùy thuận, sẽ nhập vào chánh tánh quyết định, sự kiện này có xảy ra.

- *Nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này có xảy ra.”*

6.7.10 Kinh Khổ (Tăng III, 260)

1. “Thật vậy, này các Tỷ-kheo,

- *Vị Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là lạc, sẽ thành tựu được **nhẫn nhục** tùy thuận, sự kiện này không xảy ra.*
- *Không thành tựu nhẫn nhục tùy thuận, sẽ nhập vào **chánh tánh quyết định**, sự kiện này không thể xảy ra.*
- *Không nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, hay quả Nhất lai, hay quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này không xảy ra.*

2. Thật vậy, này các Tỷ-kheo,

- *Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là khổ, sẽ thành tựu được **nhẫn nhục** tùy thuận, sự kiện này có xảy ra.*
- *Thành tựu nhẫn nhục tùy thuận, sẽ nhập vào chánh tánh quyết định, sự kiện này có xảy ra.*
- *Nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này có xảy ra”.*

6.7.11 Kinh Vô Ngã (Tăng III, 260)

1. “Thật vậy, này các Tỷ-kheo,

- Vị Tỷ-kheo nào thấy bất cứ **hành** nào là ngã, sẽ thành tựu được **nhân nhục** tùy thuận, sự kiện này không xảy ra.
- Không thành tựu **nhân nhục** tùy thuận, sẽ nhập vào **chánh tánh quyết định**, sự kiện này không thể xảy ra.
- Không nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, hay quả Nhất lai, hay quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này không xảy ra.

2. Thật vậy, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là vô ngã, sẽ thành tựu được **nhân nhục** tùy thuận, sự kiện này có xảy ra.
- Thành tựu **nhân nhục** tùy thuận, sẽ nhập vào chánh tánh quyết định, sự kiện này có xảy ra.
- Nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này có xảy ra.”

6.7.12 Kinh Niết-bàn (Tăng III, 260)

“- Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy Niết-bàn là khổ, sẽ thành tựu được **nhân nhục** tùy thuận, sự kiện này không xảy ra...” (như kinh trên với những thay đổi cần thiết.)

6.7.13 Tổng kết

Tóm lại, người thành tựu các pháp sau đây thì dù gặp được Đức Phật, gặp được Chánh pháp, được nghe giảng đúng Chánh pháp, nhưng vẫn không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp, tức là không thể bước vào Dự lưu quả, không thể chứng quả Nhập lưu, còn nói gì đến các Thánh quả cao hơn.

1. *Khinh lời thuyết giảng*
2. *Khinh người thuyết giảng*
3. *Khinh tự mình*
4. *Nghe pháp với tâm chê bai, với tâm bị chê bai ám ảnh*
5. *Nghe pháp với tâm cật nạn, tìm tòi khuyết điểm*
6. *Nghe pháp với tâm tán loạn*
7. *Trong khi pháp được giảng, tâm bị choáng váng, bị chai sạn*
8. *Khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, không ưa nghe*
9. *Không có lóng tai*
10. *Không có an trú tâm liễu giải*
11. *Nắm giữ điều không lợi ích*
12. *Bỏ qua điều lợi ích*

13. Không thành tựu tùy thuận nhãn nhục
14. Không nhất tâm và không như lý tác ý
15. Không tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết
16. Không có lòng tin
17. Không có ước muốn
18. Thành tựu nghiệp chướng
19. Thành tựu phiền não chướng
20. Thành tựu dị thực chướng
21. Đoạn mạng sống của mẹ
22. Đoạn mạng sống của cha
23. Đoạn mạng sống của vị A-la-hán
24. Với ác tâm làm Như Lai chảy máu
25. Phá hòa hợp Tăng
26. Ác tuệ
27. Đản độn
28. Cầm điếc
29. Không cung kính, không thận trọng, không sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh
30. Suy nghĩ cho rằng một sắc, thọ, tưởng, hành, thức nào đó là thường còn

31. Suy nghĩ cho rằng một sắc, thọ, tưởng, hành, thức nào đó là lạc

32. Suy nghĩ cho rằng một sắc, thọ, tưởng, hành, thức nào đó là ngã (là mình, là của mình)

33. Suy nghĩ cho rằng Niết-bàn là khổ.

Trên đây là ba mươi ba pháp làm cho người nghe pháp không thể tiếp nhận được pháp, không thể đi sâu vào Thánh pháp thanh cao, thánh thiện mà Đức Phật đã truyền trao. Hành giả cần xem lại tự thân mình có hơi hướng một trong những pháp này hay không, nếu có, hành giả cần được phát lộ sám hối với vị có giới đức thành tựu chánh kiến, sau đó phát tâm dũng mãnh để nhiếp phục những bất thiện pháp này, phải làm như vậy thì hành giả mới có thể bước vào trong Thánh pháp này, thể nhập vào các Thánh quả, vượt thoát biển sanh tử khổ đau.

6.8 Phân biệt Tà Pháp và Chánh pháp

6.8.1 Kinh Che Giấu (Tăng I, 516)

1. Nay các Tỷ-kheo, có ba pháp này được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Thế nào là ba?

- Sở hành của nữ nhân, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.

- *Chú thuật của Bà-la-môn, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.*
- *Tà kiến, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.*

Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.

2. Này các Tỷ-kheo, ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.

- *Vành tròn của mặt trăng, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*
- *Vành tròn của mặt trời, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*
- *Pháp luật được Thế Tôn tuyên thuyết, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*

Ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.

6.8.2 Kinh Pháp Tóm Tắt (Tăng III, 660)

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesālī, tại Mahāvana, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahāpajāpatī Gotamī đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

- Nay Gotamī, những pháp nào bà biết:
 - “Những pháp này đưa đến tham dục, không phải ly tham.
 - Đưa đến hệ phược, không đưa đến ly hệ phược.
 - Đưa đến tích tập, không đưa đến không tích tập.
 - Đưa đến dục lớn, không đưa đến ít dục.
 - Đưa đến không biết đủ, không đưa đến biết đủ.
 - Đưa đến tu hòi, không đưa đến nhàn tịnh.
 - Đưa đến biếng nhác, không đưa đến tinh tấn.
 - Đưa đến khó nuôi dưỡng, không đưa đến dễ nuôi dưỡng”.

Này Gotamī, **hãy thọ trì nhất hướng rằng**: “Đó là không phải Pháp, đó là không phải Luật, đó là không phải lời dạy của bậc Đạo Sư”.

- Và nay Gotamī, những pháp nào bà biết:
 - “Những pháp đưa đến ly tham, không đưa đến tham dục.
 - Đưa đến ly hệ phược, không đưa đến hệ phược.
 - Đưa đến không tích tập, không đưa đến tích tập.

- Đưa đến ít dục, không đưa đến dục lớn.
- Đưa đến biết đủ, không đưa đến không biết đủ.
- Đưa đến nhàn tịnh, không đưa đến tụ hội.
- Đưa đến tinh tấn, không đưa đến biếng nhác.
- Đưa đến dễ nuôi dưỡng, không đưa đến khó nuôi dưỡng”.

Này Gotamī, **hãy thọ trì nhất hướng rằng**: “Đó là phải Pháp, đó là phải Luật, đó là lời dạy của bậc Đạo Sư”.

6.8.3 Kinh Thông Điệp (Tăng III, 479)

Rồi Tôn giả Upāli đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôngiã Upāli bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con một cách vắn tắt, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

- Này Upāli, những pháp nào Thầy biết: “Những pháp này không đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn”, thời này Upāli, Thầy cần phải nhất hướng thọ trì là: “Đây không phải Pháp, đây không phải Luật, đây không phải lời dạy Thế Tôn”.

Và này Upāli, những pháp nào Thầy biết: “Những pháp này đưa đến nhất hướng, nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn”, thời này Upāli, Thầy cần phải nhất hướng thọ trì là: “Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy Thế Tôn”.

6.8.4 Kinh Bệnh (Tương V, 237)

(Trích đoạn)

6) Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, con thấy Thế Tôn kham nhẫn! Bạch Thế Tôn, con thấy Thế Tôn chịu đựng! Bạch Thế Tôn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt con mờ mịt không thấy rõ phương hướng. Pháp không được tỏ rõ cho con vì Thế Tôn bị bệnh. Nhưng bạch Thế Tôn, con được chút an ủi rằng Thế Tôn sẽ không diệt độ, nếu Ngài không có lời di giáo lại cho chúng Tỷ-kheo.

7) -- Này Ānanda, chúng Tỷ-kheo còn mong mọi gì nữa ở nơi Ta. Này Ānanda, Ta giảng pháp không có phân biệt trong ngoài. Vì, này Ānanda, **đối với các pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo Sư còn nắm tay**. Này Ānanda, những ai nghĩ rằng Ta sẽ là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo, hay: Chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta, thời này

*Ānanda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo. Nay Ānanda, Như Lai không có nghĩ rằng: “Ta sẽ là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo”, hay “Chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta”, thời này Ānanda, làm sao Như Lai lại có **lời di giáo** cho chúng Tỷ-kheo?*

8) Nay Ānanda, Ta nay đã già, bậc trưởng thượng, bậc trưởng lão, đã đạt đến đoạn cuối của đời, đã đến tám mươi tuổi. Nay Ānanda, như cỗ xe đã già mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chằng chịt. Cũng vậy, thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ dây thừng chằng chịt.

*9) Nay Ānanda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chứng và an trú **vô tướng tâm định**, chính khi ấy, thân Như Lai được thoải mái.*

*Vậy này Ānanda, **hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác.***

Và này Ānanda, thế nào là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn

đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?

10) *Này Ānanda, ở đây, Tỷ-kheo trú, quán **Thân** trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; quán **Thọ** trên các thọ... quán **Tâm** trên tâm... quán **Pháp** trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.*

Này Ānanda, như vậy là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa cho chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác.

11) *Này Ānanda, những ai hiện nay hoặc sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một gì khác; những vị ấy, này Ānanda, là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.*

(Hết trích kinh)

6.8.5 Lời kết

“Chánh pháp là những điều chân chánh, thiết thực ở hiện tại, không có thời gian, có hiệu quả tức thời, đến để mà

thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu”. Đó là đặc tánh, đặc điểm, đặc trưng của Chánh pháp, là đặc trưng lời nói của Đức Phật, là đặc trưng của những điều mà Đức Phật đã chỉ dạy.

Như vậy, *“Tà pháp là những điều không chân chánh, không thiết thực ở hiện tại, không thực tế, không rõ ràng, không sáng tỏ, che giấu, giấu giếm, bí mật, không minh bạch; kết quả hứa hẹn mơ hồ mông lung; đến thì phải tin, không được đòi hỏi phải thấy biết rồi mới tin; không có khả năng hướng thượng, không có khả năng đưa đến sự thấy biết rõ những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trong tự thân, không có khả năng đưa đến sự diệt tận những cấu uế rác bần trong tự thân; được những trí tuệ kém cỏi, những trí tuệ vụng về, những trí tuệ nhẹ dạ cả tin, nghe theo, tin theo, hoan hỷ theo*”. Đó là đặc tánh, đặc điểm, đặc trưng, là biểu trưng, biểu lộ, biểu hiện của những tà pháp, tà thuyết, tà đạo, của những lời nói, những điều được nói ra không phải từ bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lời của Đức Phật có tinh thần trạch pháp, rạch ròi, phân minh, hiển lộ rõ ràng, thiết thực ở hiện tại, không mơ hồ, mông lung, không giấu giếm, không che đậy, không bí mật, không nửa kín nửa hở, không hứa hẹn mơ hồ, không bắt phải tin theo một cách mê muội, mê mờ mà không hiểu biết, không thấy biết rõ những điều mà mình đang đặt lòng tin. Người trí không dễ tin vào những điều hão huyền thiếu

thực tế, không thiết thực ở hiện tại. Trước lời nói của Đức Phật, người trí dùng tâm ngay thẳng, chân thật, chân chánh quán sát lời nói đó với thực tế của thân tâm, thực tế của cuộc sống, quán sát để thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng những điều đã được thấy, được nghe từ Bạc Chánh Giác.

Những bài kinh trên đã làm sáng tỏ tinh thần chân chánh, minh bạch, không mơ hồ, không mờ lung trong lời nói của Đức Phật, chỉ dẫn rõ cách phân định chánh tà trong đạo Phật ngày nay, chỉ dẫn rõ cách phân định lời dạy nào là lời nói của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác và đâu là sự ngụy tạo, giả mạo lời nói của Bạc Chánh Giác.

Sự an trú tâm trong việc quán sát thân, quán sát thọ, quán sát tâm và quán sát pháp nơi tự thân là điều mà một người tu chân chánh cần tu tập, cần thực hành để thành tựu trí tuệ về tự thân, thành tựu trí tuệ về các cảm thọ đang có mặt trong thân tâm, thành tựu trí tuệ thấy biết rõ những trạng thái dao động biến đổi trong tâm và thành tựu trí tuệ về các pháp thiện và bất thiện đang có mặt trong thân tâm. Sự an trú tâm hướng nội như vậy chính là sự tu tập chân chánh của một người chân chánh tu đạo, tu tâm. Vì vậy, sự an trú này, sự quán sát này, sự hướng nội như vậy được gọi là Chánh pháp, là những điều chân chánh, thiết thực hiện tại, không cần có thời gian, có hiệu quả tức thời, đến để mà

thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Như vậy, Chánh pháp hay điều chân chánh cần làm của người tu chính là hướng tâm quay vào nhìn lại tự thân, nhìn lại thân tâm theo sự chỉ dẫn của bậc Chánh Đẳng Giác để phát hiện những dục, ái, bản ngã, tham, sân, si trong tự thân và đào thải hết tất cả những cấu uế lậu hoặc này khỏi nội tâm. Đó chính là Chánh pháp, là điều chân chánh phải làm, phải tu tập của một người tu chân chánh. Đây cũng chính là ý nghĩa trong lời nói cuối đời của Đức Phật: *“Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp Bốn Niệm Xứ làm ngọn đèn. Dùng Chánh pháp Bốn Niệm Xứ làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một gì khác”*.

Người con Phật ngày nay cần nắm biết rõ những thông điệp này để làm kim chỉ nam cho mình trong việc tìm kiếm, tìm hiểu, tìm đến một đạo Phật đã trải qua một quá trình truyền thừa dài với nhiều thêm bớt sau hai ngàn năm trăm năm.

6.9 Pháp truyền thống của các Đức Phật là gì?

6.9.1 Kinh Đại Bát Niết-Bàn (Trường I, bài 16)

(Trích đoạn)

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nālandā.

Tại đây, Thế Tôn ở Pāvārikambavana (Ba-ba-lợi Âm-bà-lâm).

16. Tôn giả Sāriputta (Xá Lợi Phất) đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác.

- Nay Sāriputta, lời nói của Ngươi thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Ngươi thật đã rống tiếng rống con sư tử: “Con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác”.

Nay Sāriputta, có phải Ngươi đã biết tất cả những Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, Ngươi đã biết tâm những Vị này nói với tâm của Ngươi: “Những Thế Tôn này ở quá khứ có giới đức như vậy, có thiện định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy?”

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Sāriputta, có phải Ngươi đã biết tất cả những Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở tương lai, Ngươi đã biết

tâm những vị này với tâm của Ngươi: “Những Thế Tôn này ở tương lai có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy?”

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Sāriputta, có phải Ngươi biết Ta là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở hiện tại, Ngươi đã biết tâm Ta với tâm của Ngươi. “Thế Tôn có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy?”

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Sāriputta, như vậy Ngươi không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. Như vậy, này Sāriputta, vì sao Ngươi lại thốt ra những lời đại ngôn, lời nói gan dạ, rống lên tiếng rống con sư tử: “Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác”?

*17. Bạch Thế Tôn, con không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. **Nhưng con biết truyền thống về Chánh pháp.***

Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì tại Biên cảnh,

thành này có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đây có một người gác cửa thông minh, biệt tài và nhiều kinh nghiệm, không cho vào các người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt. Người này trong khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy có thể không thấy các chỗ nối hay khe hở của tường, cho đến chỗ một con mèo có thể lọt ra được, nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn vào hay ra thành trì này tất cả đều đi vào hay đi ra bởi cửa này. Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về Chánh pháp.

- Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, tất cả vị Thế Tôn này đã **diệt trừ Năm Triền Cái**, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào **Bốn Niệm Xứ**, đã chân chánh tu tập **Bảy Giác Chi**, đã chứng được **Vô thượng Chánh Đẳng Giác**.
- Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong tương lai, tất cả Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền Cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm Xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác Chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiện tại đã diệt trừ Năm

Triền Cái, những nhiệm tâm khiến cho trí tuệ yết ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm Xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác Chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.

(Hết trích kinh)

6.9.2 Truyền thống tu tập của các bậc Chánh Đẳng Giác

Như vậy, truyền thống tu tập của các Đức Phật chính là: Sau khi các Ngài diệt trừ Năm Triền Cái, thì các Ngài đã an trú tâm trong Bốn Niệm Xứ để chân chánh tu tập Bảy Giác Chi. Đây là đạo lộ tu hành, là đường lối tu hành, là truyền thống Chánh pháp, truyền thống tu tập của các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đường lối tu tập của các bậc Chánh Đẳng Giác là giống nhau, nhưng đó không phải là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, không phải là một sự vô tình hay cố tình, không phải là tâm truyền tâm mà các Ngài đã truyền trao lại cho nhau. Đường lối tu hành này chính là logic của sự tự tu tập, là nguyên tắc chung của sự tự tu tập để đưa đến trí tuệ và giải thoát, đi đến Minh và Giải thoát.

Tất cả các bậc Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, khi còn trong sự mảy mò tìm kiếm sự thật về sanh tử, các Ngài sẽ không thể sanh khởi được trí tuệ chân chánh nào cho đến khi các Ngài đã thanh lọc sạch khỏi thân tâm này những

thứ làm si ám nội tâm, làm yếu ớt trí tuệ, được gọi là Năm Triền Cái, tức là tham dục, sân hận, hôn trầm thụy miên, dao động hối tiếc (trạo hối), hoài nghi. Năm thứ này là những thứ làm si ám nội tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

Cho đến khi các bậc tự tu thanh lọc tâm hết sạch những si ám này và an trú tâm hướng nội, nhìn vào tự thân, quán sát thân thọ tâm pháp trong tự thân, tu tập bảy pháp đưa đến giác ngộ thì khi ấy các Ngài mới đi đến sự thành tựu trí tuệ Minh và Giải thoát. Giải thoát khỏi sanh tử, giải thoát tâm khỏi các cấu uế lậu hoặc.

Các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, các Ngài không hện mà gặp, không hện mà lại giống nhau trong đường lối tu hành, trong phương cách tu hành. Vì sao? Bởi vì đường lối tu hành này, phương pháp tu hành này, cách thức tu hành này là logic tu tập, là nguyên tắc tu tập của bất kỳ ai trong sự tự tu tập để đi đến sự khai mở trí tuệ, chấm dứt sanh tử. Các bậc Chánh Đẳng Giác, trước đó đã dấn thân trong nhiều pháp hành nhưng không sanh khởi được trí tuệ, không thấy biết rõ về sanh tử, cuối cùng, các Ngài đã từ bỏ hết tất cả những pháp hành đó rồi tự mình diệt trừ Năm Triền Cái, quán sát thân tâm, nhân duyên hội tụ đủ, các Ngài đã đi vào đúng đạo lộ đưa đến trí tuệ, đưa đến sự thoát tử.

Người tự mình mày mò tìm kiếm sự thật về sanh tử, tìm kiếm con đường đưa đến thoát tử, và rồi, cuối cùng đã tìm ra được con đường này và tu tập thành tựu con đường này. Đây gọi là bậc “Tự mình tu tập thành tựu trí tuệ về tự thân và thành tựu sự chấm dứt sanh tử”, đây là ý nghĩa của danh từ A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Người nghe thấy con đường này từ Bậc Chánh Giác và tu tập theo con đường này thì được gọi là đệ tử của bậc Chánh Giác.

Như vậy, truyền thống về Chánh pháp, hay truyền thống tu hành, hay nguyên tắc tu hành, hay phương cách tu hành của các bậc Chánh Đẳng Giác từ quá khứ, cho đến hiện tại và tương lai chính là sự thanh lọc tâm hết sạch Năm Triền Cái - Tức là các Ngài bắt đầu tu tập bằng sự ly dục, ly tham, ly những ác bất thiện pháp; rồi an trú tâm trong tự thân, quán sát thân thọ tâm pháp trong tự thân và tu tập Bảy Giác Chi, tu tập bảy pháp đưa đến giác ngộ, và cuối cùng, các Ngài đã thành tựu được chánh trí, thành tựu Minh và Giải thoát.

Đó là đường lối tu tập, là truyền thống tu tập của các bậc Chánh Đẳng Giác, các bậc tự tu, tự chứng đắc. Khi các Ngài chứng đắc thì trí tuệ của các Ngài đã viên thành, từ đó, các Ngài hướng dẫn cho chúng sanh đường lối tu tập chân chánh, rõ ràng, thiết thực, cụ thể mà không phải mày mò tìm kiếm như các Ngài trước đó. Đường lối chân chánh mà các Ngài truyền dạy lại cho đời chính là thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh,

quán niệm chân chánh, định tâm chân chánh, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Như vậy, đệ tử của các bậc Chánh Đăng Giác sẽ bắt đầu tu tập bằng trí tuệ, bằng chánh tri kiến, bằng sự thấy biết đúng về thân tâm thông qua sự chỉ dạy của Bậc Chánh Giác truyền trao, rồi sau đó dần thành tựu suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ và định đúng cách rồi mới diệt trừ Năm Triền Cái, tu tập bốn thiền, diệt tận các lậu hoặc còn tàn dư trong nội tâm, thành tựu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, đệ tử của bậc Chánh Giác bắt đầu tu tập bằng chánh tri kiến, rồi đi đến diệt tận Năm Triền Cái chứ không phải bắt đầu tu tập bằng sự diệt trừ Năm Triền Cái, ly dục, ly tham như các bậc Chánh Giác. Người con Phật cần tuyệt đối thông tỏ vấn đề này để nắm rõ mình cần phải bắt đầu tu tập từ đâu.

Tóm lại, thông qua bài kinh này, thông qua truyền thống tu hành của các Đức Như Lai, chúng ta thấy rõ tầm quan trọng của Bốn Niệm Xứ, Bảy Giác Chi, Bát Chánh Đạo. Đây chính là pháp hành, là đạo lộ tu hành, là truyền thống tu hành của các Đức Như Lai, của các bậc Chánh Đăng Chánh Giác. Vì vậy, sự tu tập theo các pháp này, sự kế thừa các pháp này được gọi là Phật thừa, là Như Lai thừa, là Chánh Đăng Chánh Giác thừa, tức là sự thừa tự đường lối tu hành, thừa tự phương pháp tu hành của các Đức Phật, của các

Đức Như Lai, của các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Sự thừa tự này được gọi là tối thượng thừa, là sự thừa tự một pháp hành tối thượng, một đường lối tu tập tối thượng. Người con Phật cần tác ý điều này để cho tâm sanh khởi sự hoan hỷ, sự hân hoan khi tu tập theo đạo lộ này, theo Thánh pháp tối thượng vi diệu và đại trí tuệ này.

6.10 Hồi hướng

Với công đức mà chúng con có được trong khi thực hiện tập sách “Tinh Hoa Nikāya” và “Công Trình Phân Loại Kinh Nikāya”, chúng con xin chân thành cầu nguyện cho ngôi Tam Bảo được còn mãi trên đời để chúng sanh luôn có nơi nương tựa. Nguyện cầu Chư tôn đức Tăng Ni cùng quý nam nữ Phật tử, tứ chúng đệ tử Phật ở khắp mọi nơi luôn sống theo Pháp, an trú trong Chánh pháp, thân tâm thường an lạc, Giới Hạnh, Thiền Định và Trí Tuệ được thành tựu viên mãn, mau chóng chứng đạt sự bình lặng nội tại, diệt tận tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc, đoạn tận sanh tử và chấm dứt khổ đau.

Phước báu của việc làm hiền thiện này, chúng con cũng xin hồi hướng chia sẻ đến cha mẹ hiện tiền của chúng con, những người thân hiện tại, người thân đã mất, người thân quá khứ, bạn bè thân hữu gần xa, những đạo hữu đã hoan hỷ hỗ trợ chúng con trong việc in ấn pháp thí này, những chư vị nghe, đọc, hiểu việc làm này, cùng chư vị hữu tình trong cùng khắp trời đất rộng lớn vô biên này. Chúng con mong tất cả đều được tâm hiền thương và sự hồi hướng chia sẻ phước báu này thấm nhuần mà được nhiều an lạc, an vui, tuệ khai mở, trí thành tựu, diệt vô minh, tiêu tham ái, xả chấp thủ, sạch phiền não, tâm thanh tịnh, thật giải thoát.

NGUYỄN ĐEM CÔNG ĐỨC NÀY,
HƯỚNG VỀ KHẮP TẤT CẢ,
ĐỆ TỬ VÀ CHÚNG SANH,
ĐỀU TRỌN THÀNH PHẬT ĐẠO.

HẾT TẬP 2

THIÊN ĐƯỜNG NIKĀYA



TINH HOA NIKĀYA

Tập 3

**TỶ KHEO NI THÍCH NỮ TOÀN LIÊN
(PHƯỚC CHƠN TÍN TOÀN)**

DL: 2022 - PL: 2566



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
VÀI NHẬN XÉT VỀ TẬP SÁCH TINH HOA NIKĀYA	10
1 LỘ TRÌNH TU TẬP TRONG NIKĀYA	16
1.1 Truy tìm đường lối tu tập hợp lý (logic).....	16
1.2 Trình tự tu tập theo Văn Tư Tu	17
1.3 Tiến trình thành tựu Pháp Tám Đúng.....	26
1.3.1 Bước 1: Tu tập Chánh Tri Kiến	26
1.3.2 Bước 2: Thở nhập Chánh Tri Kiến.....	28
1.3.3 Bước 3: Như lý tác ý và Chánh Tư Duy	30
1.3.4 Bước 4: Các pháp còn lại tiếp tục thành tựu. 31	
1.4 Ví dụ cách xử lý khi Sân sanh khởi.....	32
1.4.1 Nhận diện sân	32
1.4.2 Phát hiện các thâm ý, tìm nguyên nhân sân ..	33
1.4.3 Như lý tác ý giải tỏa các thâm ý, giải tán các cảm giác	34
1.4.4 Pháp “Bỏ mặc”	35
1.4.5 Pháp “Lấy độc trị độc”	36

1.4.6	Pháp “Diệt sân từ xa”.....	40
1.4.7	Khởi Tâm Từ	43
1.4.8	Đại lộ rộng lớn	45
1.4.9	Kết luận.....	46
1.5	Lộ trình tu tập	47
1.5.1	Kinh Gaṇaka Moggallāna (<i>Trung</i> III, bài 107)	47
1.5.2	Giữ gìn giới hạnh, oai nghi, biết sợ trong các lỗi nhỏ nhặt	57
1.5.3	Hộ trì các căn	58
1.5.4	Tiết độ trong ăn uống.....	59
1.5.5	Chú tâm cảnh giác	59
1.5.6	Chánh niệm tỉnh giác	61
1.5.7	Thành tựu Bảy Diệu Pháp.....	62
1.5.8	Kinh Đại Kinh Xóm Ngựa (<i>Trung</i> I, bài 39)	63
1.5.9	Kết luận.....	65
1.6	Khéo biết mình, biết pháp	70
1.7	Cách định tâm đúng trong đạo Phật	73
1.7.1	Có phải cứ vào tu là ngồi thiền cho định tâm liền?.....	73
1.7.2	Vì sao cần tu tập hỷ lạc do ly dục sanh trong Sơ thiền?	74

1.7.3	Tâm tứ là gì?	76
1.7.4	Tác dụng của Tứ thiền	77
1.8	Thiền sắc giới và Thiền vô sắc giới.....	81
1.8.1	Nghi ngờ về Thiền Vô Sắc Giới	81
1.8.2	Kinh CHÍN THỨ ĐỆ DIỆT (<i>Tăng IV</i> , 152).	82
1.8.3	Kinh THỨ ĐỆ TRÚ 2 (<i>Tăng IV</i> , 155)	83
1.8.4	Kinh HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 1 (<i>Tăng II</i> , 54).....	87
1.8.5	Kinh KHÔNG VÔ BIÊN XỨ (<i>Tăng I</i> , 484).	90
1.8.6	Kinh HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 2 (<i>Tăng II</i> , 57).....	93
1.8.7	Kinh THIỀN (<i>Tăng IV</i> , 173).....	94
1.8.8	Sơ thiền quán Ngũ uẩn chứng Bất lai, Lưu tận	99
1.8.9	Sự khác biệt trong nhân quả thiền định giữa Thánh đệ tử và người phàm phu	101
1.8.10	Đức Phật không vay mượn trí tuệ thế gian.	105
1.9	Tu đúng cách mới có kết quả.....	109
1.9.1	Kinh Cán Búa (<i>Tương III</i> , 272)	109
1.9.2	Lời cảnh báo của bậc Chánh Giác	113
2	NGUYÊN NHÂN NIKĀYA BỊ THẤT TRUYỀN	116

2.1	Chánh Pháp tồn tại bao nhiêu năm?	116
2.1.1	Kinh Tượng Pháp (<i>Tương</i> II, 384).....	116
	Diệu pháp có nghĩa là Chánh Pháp chân thật vì diệu mà Đức Phật đã truyền trao.	117
2.1.2	Kinh Mahāpajāpatī Gotamī (<i>Tăng</i> III, 649)	120
2.2	Kinh Nikāya và sự trường tồn của Chánh Pháp .	130
2.3	Nguyên nhân Mạt pháp	132
2.3.1	Kinh Tượng Pháp (<i>Tương</i> II, 384).....	132
2.3.2	Kinh Luật Của Bạc Thiện Thệ (<i>Tăng</i> II, 94)	133
2.3.3	Kinh Diệu Pháp Hỗn Loạn 1 (<i>Tăng</i> II, 598)	135
2.3.4	Kinh Diệu Pháp Hỗn Loạn 2 (<i>Tăng</i> II, 599)	135
2.3.5	Kinh Đất (<i>Tăng</i> I, 118)	136
2.3.6	Kinh Các Sức Mạnh (<i>Tăng</i> I, 102)	137
2.3.7	Kinh Phi Pháp (<i>Tăng</i> I, 39).....	138
2.3.8	Kinh Phi Pháp (<i>Tăng</i> I, 41).....	139
2.3.9	Kinh Vô Phạm (<i>Tăng</i> I, 43).....	140
2.3.10	Kinh Bà-la-môn (<i>Tương</i> V, 272)	141
2.3.11	Kinh Trú (<i>Tương</i> V, 269)	142
2.3.12	Kinh Sợ Hải Trong Tương Lai 3 (<i>Tăng</i> II, 479)	143

2.3.13	Kinh Sợ Hãi Trong Tương Lai 4 (<i>Tăng</i> II, 484)	147
2.3.14	Kinh Cỏ Rơm (<i>Tương</i> II, 467).....	150
2.3.15	Kinh Vị Trưởng Lão (<i>Tăng</i> II, 493).....	150
2.4	Tóm lược những nguyên nhân mật pháp	153
3	LÀM SAO CHÁNH PHÁP HƯNG THỊNH?	160
3.1	Tìm hiểu kỹ Phật pháp.....	160
3.1.1	Xác định rõ Chánh pháp và Tượng pháp	160
3.1.2	Xác định rõ Pháp và Luật trong đạo Phật ...	161
3.1.3	Xác định rõ điều Đức Phật nói và không nói	163
3.2	Tôn kính Tam Bảo.....	164
3.2.1	Tôn kính Phật.....	164
3.2.2	Tôn kính Pháp.....	165
3.2.3	Tôn kính Tăng.....	166
3.2.3.1	Bảy trường hợp Đức Phật không nhận là đệ tử	167
3.2.3.1.1	Người cứng đầu, nói nhiều, hoang dâm, gian dối	167
3.2.3.1.2	Người không thành tựu Trí về Ngũ uẩn	168
3.2.3.1.3	Người không thành tựu Trí về Sáu căn.....	170

3.2.3.1.4	Người không thành tựu Trí về Mười Hai Duyên	173
3.2.3.1.5	Người không thành tựu Trí về Cảm Thọ	175
3.2.3.1.6	Người không thành tựu Trí về Lợi danh.....	178
3.2.3.1.7	Người không thành tựu Trí về Bốn đại.....	181
3.2.3.2	Kết luận.....	184
3.2.4	Tôn kính các học pháp	185
3.2.5	Tôn kính thiền định.....	186
3.3	Không phóng dật	187
3.3.1	Không tham ngủ	187
3.3.2	Không dính mắc ruộng vườn	188
3.3.3	Không quá thân mật.....	189
3.3.4	Không phóng dật.....	191
3.3.5	Tri túc.....	194
3.4	Tu tập “Hạnh nhu hòa”.....	196
3.4.1	Tùy thuận pháp tiếp đón	196
3.4.2	Cung kính nhau, lắng nghe nhau	197
3.4.3	Tâm tánh nhu hòa, dễ nói	199
3.4.4	Không gây chia rẽ	203
3.5	Tu tập “Hạnh cẩn trọng”.....	210
3.5.1	Cẩn trọng nghe pháp	210

3.5.2	Cẩn trọng học thuộc lòng các pháp.....	211
3.5.3	Cẩn trọng thọ trì ý nghĩa các pháp	211
3.5.4	Cẩn trọng quan sát ý nghĩa các pháp	212
3.5.5	Cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp	213
3.5.6	Cẩn trọng nắm vững Ngữ - Nghĩa của kinh	214
3.5.7	Cẩn trọng khi nói kinh, dịch kinh, thuyết pháp	215
3.6	Tu tập “Hạnh tinh cần đúng pháp”	216
3.6.1	Tinh cần tinh tấn	216
3.6.2	Tu tập Bốn niệm xứ	232
3.6.3	Trau dồi Giới Định Tuệ	237
3.7	Tự giác trước, giác tha sau	242
3.7.1	Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ mới thọ đại giới cho người	242
3.7.2	Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ mới làm y chỉ sư cho người	243
3.7.3	Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ mới đi thuyết pháp.....	245
3.7.4	Người đứng đầu phải có chánh kiến	247
3.8	Thực hành “Hạnh giác tha”	252
3.8.1	Thuyết pháp rộng rãi cho tứ chúng	252
3.8.2	Đọc tụng pháp một cách rộng rãi.....	252

3.8.3	Tạo thuận duyên cho vị thuyết pháp.....	253
3.9	Kết luận	255
4	SƠ LƯỢC LỊCH SỬ KẾT TẬP KINH ĐIỂN.....	259
4.1	Các kỳ kết tập kinh điển Phật Giáo	259
4.2	Sau khi Đức Phật nhập diệt	262
4.2.1	Kinh Gopaka Moggallāna (<i>Trung III</i> , bài 108)	262
4.2.2	Kinh Mahāpajāpatī Gotamī (<i>Tăng III</i> , 649)	281
5	GIỚI THIỆU CÔNG TRÌNH PHÂN LOẠI NIKĀYA .	293
5.1	Duyên lành đời trước	293
5.2	Động cơ thực hiện công trình phân loại Kinh Nikāya	296
5.3	Những khó khăn trong quá trình phân loại Năm bộ Nikāya	298
5.4	Những phát hiện trong quá trình phân loại Nikāya .	302
5.5	Ngũ uẩn Trí và Ba mươi bảy Bồ-đề Phần	308
5.6	Các hình thức phân loại trong công trình này	311
5.6.1	Phần 1 – Nikāya theo Chủ Đề.....	312
5.6.2	Phần 2 – Nikāya theo Tìm Kiếm Khác	316
5.6.3	Phần 3 – Nikāya theo Tên Kinh.....	317

5.6.4	Phần 4 – Phân loại Kinh Tiểu Bộ Tập 1 và Tập 3	318
5.6.5	Phần 5 – Bốn Bộ Nikāya bằng PDF	319
5.7	Đặc điểm văn phong trong Kinh Nikāya bản dịch tiếng Việt	320
5.7.1	Đơn giản, ngắn gọn, súc tích	320
5.7.2	Tính lặp lại của văn nói và tính nguyên bản	321
5.7.3	Văn phong gần gũi với người Việt	322
5.7.4	Thuật ngữ Hán Việt trong bản dịch	322
5.7.5	Một vài ý kiến khác	323
5.7.6	Lời khuyên dành cho học giả, hành giả	325
5.8	Lời kết	329
5.9	Lời tri ân	330
5.10	Hồi hướng	333

VÀI NHẬN XÉT VỀ TẬP SÁCH TINH HOA NIKĀYA

Trước hết, tôi thành tâm cảm ơn sâu sắc đến đạo hữu Chơn Tín Toàn, tác giả của tập sách, đưa cho tôi đọc và nhận xét. Điều này đã cho tôi có một cái nhìn rõ nét về Tinh Hoa của Kinh tạng Nikāya.

Sau khi tốt nghiệp Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam Cơ Sở II, khóa I, tôi có duyên lành đi giảng dạy ở các Trường Phật học. Những gì được học về Kinh tạng Nikāya do Hòa thượng - Giáo sư Thích Minh Châu trao truyền, tôi tiếp tục nghiên cứu và giảng dạy từ đó. Từ việc học giáo lý cho đến thực nghiệm bản thân đã mang đến cho tôi niềm pháp lạc, niềm tin và hướng đi của mình. Tôi thấy rằng được sống với những đạo lý chân truyền của Đức Phật là điều hạnh phúc nhất trong cuộc đời tu hành.

Điều khó khăn để hiểu và hành trì là không nắm bắt được hệ thống tư tưởng của Phật qua Kinh Nikāya, khó khăn hơn nữa là sự phân loại cụ thể trong vô vàn những bài kinh trong năm bộ Nikāya. Qua nhiều năm giảng dạy nghiên cứu, tôi dần nhận ra những phần cốt lõi trong Kinh

Nikāya, mỗi lần hiểu ra một vấn đề, ngộ thêm được một nghĩa là một lần hạnh phúc tràn ngập trong tâm.

Khi đọc tập sách Tinh Hoa Nikāya của Chơn Tín Toàn, tôi cảm động vô cùng vì nhìn thấy quá trình tư duy, khao khát tìm kiếm chân lý của mình trong đó. Đặc biệt, những vấn đề tôi thấy chưa rõ thì tập sách này đã nói đến rất rõ, những điều mình chưa tập trung cao độ thì tập sách này cho mình một hướng nhìn tập trung hơn, nhờ đó, thấy biết được rõ hơn con đường Thánh đạo.

1. Vấn đề cốt tủy của Nikāya

Căn cứ vào lời Phật dạy, tác giả đã cho ta cái nhìn rộng và xác định mục tiêu xuyên suốt của Đức Phật: “Chư Tử-kheo, xưa cũng như nay ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ” và sự khổ ấy được tập chú vào cái căn bản nhất: “Sự chấp thủ đối với năm uẩn là khổ”. Điều đó, theo tác giả của tập sách, có nghĩa là “Trước kia và nay, Đức Phật chỉ tuyên bố về Năm thủ uẩn và con đường diệt tận năm thủ uẩn”. Nhận định này cho ta thấy rõ nỗi khổ của cuộc đời chính là chấp thủ năm uẩn chứ không phải cuộc đời là khổ như mọi người thường nghĩ. Điều này rất quan trọng vì khi biết rõ cái khổ là gì, do cái gì tạo nên thì sự thực hành diệt khổ mới khả thi.

Ngoài ra, tác giả chỉ cho ta rằng sự thấy biết, sự phân tích, tư duy về năm uẩn tuần tự từ thô đến tế, từ thân tâm cho đến thế giới - Đó là trí tuệ để diệt tận khổ đau, trí tuệ ấy được gọi là Trí về Ngũ uẩn. Nhờ vậy, hành giả không bị lạc vào định nghĩa về trí tuệ một cách chung chung. Tác giả kết luận rằng: “Tinh thần chính của Nikāya là Trí về Ngũ uẩn, và đó là Trí mà Đức Phật đã chứng ngộ và trao truyền cho chúng sanh. Khi biết rõ như vậy Trí tuệ của hành giả sẽ không bị tản mác, không bị phân tán, không bị lạc lối trong rừng Kinh Nikāya”. Quả thực là điều khám phá quý báu.

2. Vấn đề Chánh pháp

Chánh pháp là gì? Đây là một câu hỏi không dễ trả lời thỏa đáng cho mọi người. Nếu không xác định Chánh pháp là gì thì con đường tu hành sẽ có nhiều ngã ba đường và không thể đi đến mục đích. Tác giả dựa vào Kinh Nikāya để định nghĩa về Chánh pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian (có hiệu quả tức thời), đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu”. Tác giả đã phân tích rõ về định nghĩa Chánh pháp này và kết luận: “Pháp mà Đức Phật đã chứng ngộ, đã giảng dạy với thượng trí của Ngài đó chính là Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy bồ đề phần và Tám Thánh đạo

phần”. “Ngay cả đến giây phút cuối cùng, trước khi nhập Niết-bàn, Đức Phật vẫn khẳng định lại rằng Ba mươi bảy bồ đề phần là những pháp mà Ngài đã chứng ngộ và giảng dạy lại cho đệ tử của Ngài. Ngài còn căn dặn đệ tử phải khéo học hỏi, khéo tu tập, khéo thực chứng và khéo truyền rộng Thánh pháp này để con đường chân chánh này được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng với đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người”.

Đó là Chánh pháp vì đây là con đường diệt khổ mà Đức Phật đã khẳng định: “Trước sau gì Ngài cũng chỉ giảng nói về Khổ và Con đường diệt khổ”. Con đường diệt khổ ở đây là Ba mươi bảy bồ đề phần, không có con đường nào khác. Tác giả cũng dựa vào tuyên bố trong Kinh Nikāya để xác định thêm Chánh pháp là những gì Đức Phật đã chứng ngộ và đã giảng thuyết nên không thể tự tiện thêm bớt gì. Bất cứ một sự thêm bớt nào đều có thể làm loãng hoặc sai lệch chánh pháp này, đó là lời cảnh giác cần thiết cho các hành giả thời đại.

3. Tiến trình thành tựu Thánh đạo

Vấn đề mà tôi tâm đắc ở đây là sự thực hành trì, Bậc Đạo Sư đã có, con đường đã được thiết lập, đệ tử tu hành cũng có nhưng sự thành tựu đạo quả thì kẻ có người không,

thậm chí không nhiều hơn có... Tại sao? Bởi vì sự tu tập ấy không rõ ràng, không biết bắt đầu như thế nào hoặc ngay từ khi bắt đầu đã bị sai nên không có kết quả tốt đẹp.

Tác giả đã từng bước phân tích, có bốn bước được phân tích sâu để hành giả có thể thực tập, quán chiếu: Tu tập chánh kiến, Thể nhập chánh kiến, Như lý tác ý và Chánh tư duy, cuối cùng là các pháp còn lại trong Bát Chánh Đạo. Tác giả tập chú vào Chánh kiến và Chánh tư duy rất chi tiết và thuyết phục, rồi kết luận: “Phần trên là một số phương cách thiện xảo, khéo nhận diện, khéo như lý tác ý, khéo vận dụng Chánh tri kiến, Chánh tư duy để chế ngự, nhiếp phục và đào thải hoàn toàn khỏi nội tâm những cặn bã, những rác bẩn, những cấu uế. Khi đã bước vào được cánh cửa của Chánh tri kiến, thì cái nhìn, cái thấy của hànhgiả sẽ sâu sắc, thiện xảo, tinh tế, uyển chuyển trong sự vận dụng Chánh tư duy và vận dụng Như lý tác ý”. Tôi cho rằng điều này là đúng hướng như Đức Phật dạy trong Đại Kinh Bốn Mươi Pháp: “Chánh kiến đi hàng đầu trong mọi pháp môn”. Đồng thời lối tu này thể hiện sự thấy, sự biết rõ, khách quan và khoa học rất phù hợp cho lối tư duy hiện đại.

Bước thứ tư các pháp còn lại gồm Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Trên cơ sở thành tựu Chánh kiến và Chánh tư

duy, các pháp còn lại được soi chiếu giữa chánh tà, đúng sai, các mức độ sâu cạn từng bước thành tựu, kể cả con đường Chánh định, các trạng thái tâm chứng cũng mô tả rõ. Tôi cho rằng rất lợi ích và tạo nhiều cảm xúc tích cực cho những người yêu mến con đường Thánh đạo này.

Tóm lại, với một vài nhận định như trên không thể nào đầy đủ được, nhưng với tấm lòng của người khao khát Chánh pháp, tôi rất tùy hỷ, đồng tình và tán dương việc làm đầy ý nghĩa của tác giả, với tập sách này Tôi cho rằng đây chính là Tinh Hoa của Nikāya.

Kính mong tập sách này sẽ sớm là cẩm nang cho những người con Phật đang trên con đường tu tập hướng về đạt thành các Thánh quả.

Chùa Từ Tâm, Sài Gòn, mùa An cư

PL.2563 – DL.2019

Tỳ-kheo **Thích Viên Giác**

1 LỘ TRÌNH TU TẬP TRONG NIKĀYA

1.1 Truy tìm đường lối tu tập hợp lý (logic)

Sanh tử luân hồi có mặt là do tâm bị nhiễm dục, nhiễm sanh hữu và nhiễm sự vẫn dục vô minh trong nội tâm. Sanh tử được chấm dứt là do tâm được giải thoát khỏi dục nhiễm, hữu nhiễm và vô minh nhiễm. Trạng thái tâm bị nhiễm dục (dục lậu), nhiễm sự sanh sản hiện hữu liên tục (hữu lậu), nhiễm sự vẫn dục không trong sáng (vô minh lậu), do tâm bị ba sự uế nhiễm này nên tâm phải chịu sự sanh tử liên tục, phải trầm luân trong sanh tử, phải chịu đựng những thống khổ do sanh tử mang lại. Nếu ai muốn chấm dứt những thống khổ do sanh tử mang lại thì phải đào thải ba uế nhiễm này khỏi nội tâm. Đó là logic là nguyên lý đưa đến sự chấm dứt sanh tử. Người tu đạo cần hiểu biết rõ điều này để định hướng cho mình một trí tuệ chân chánh và một đường lối tu đúng đắn, thích hợp trong việc đào thải những uế nhiễm trong nội tâm, đưa đến chấm dứt sanh tử.

Truy tìm đường lối tu đúng đắn thích hợp trong việc đào thải những cấu uế trong nội tâm:

- Muốn đào thải các cấu uế trong tâm thì cần phải nhìn thấy những cấu uế trong nội tâm.
- Muốn nhìn thấy những cấu uế trong nội tâm thì phải nhìn thấy rõ Ngũ uẩn vì những cấu uế này nằm trà trộn trong Ngũ uẩn.

- Muốn nhìn thấy rõ Ngũ uẩn thì phải nương theo lời chỉ dẫn về Ngũ uẩn của Đức Phật để nhận diện Ngũ uẩn trong tự thân.

Như vậy, đường lối tu đúng đắn để đào thải những rác bần, cấu uế trong tự thân đó là:

- Cần học thuộc lòng những bài kinh định nghĩa về Ngũ uẩn mà Đức Phật đã chỉ dạy và nghe thêm bài giảng của những bậc thông tỏ trí về Ngũ uẩn, đây gọi là **Văn**.
- Sau đó, đưa những điều đã được học, đã được nghe vào quán sát nhận diện Ngũ uẩn trong tự thân, áp dụng như lý tác ý để nhận diện Ngũ uẩn và nhận diện những rác bần, cấu uế nằm trong Ngũ uẩn, đây gọi là **Tư**.
- Sau khi nhìn thấy rõ sự lộng hành của Ngũ uẩn và nhìn thấy rõ những cấu uế, rác bần nằm trong Ngũ uẩn thì hành giả tiếp tục Như lý tác ý “thực hành một đời sống với Tám cái đúng”, tức là đưa thân tâm vào trong sự tu tập giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn để đào thải những cấu uế rác bần này khỏi nội tâm, đây gọi là **Tu**.

1.2 Trình tự tu tập theo Văn Tư Tu

Như vậy, Văn Tư Tu là trình tự tu tập hợp lý, logic đi đến sự tẩy sạch những rác bần, những cấu uế trong nội tâm.

Văn và Tư là hai pháp đưa đến thành tựu chánh tri kiến, thành tựu sự thấy biết đúng về tự thân. Trong Kinh Hy Vọng (Tăng I, 160), Đức Phật đã nói: *“Có hai duyên làm chánh kiến sanh khởi. Đó là, Nghe tiếng của người khác và Như lý tác ý”*. Nghe tiếng của người khác là Văn và Như lý tác ý là Tư.

Khi nghe pháp, nghe giảng, chỉ dẫn từ bậc có chánh kiến hoặc từ những kinh sách chân chánh; kết hợp với sự tư sát, quán sát những điều đã được học, được nghe vào trong cuộc sống; phát giác phát hiện những điều đã được học, được nghe đúng với sự thật của những gì đang diễn ra trong cuộc sống. Đó gọi là Nghe tiếng của người khác và Như lý tác ý. Hai pháp này phối hợp với nhau đưa đến sự thành tựu Chánh tri kiến, thành tựu cái nhìn, cái thấy chân thật về tự thân và cuộc sống, thành tựu sự thấy biết đúng về tự thân và cuộc sống, đây gọi là Như thật tuệ tri.

Như thật tuệ tri có nghĩa là đúng với sự thật về tự thân và cuộc sống, đúng với sự thật về các pháp mà thấy, mà biết. Như vậy, như thật tuệ tri có nghĩa là trí tuệ thấy biết các pháp đúng như sự thật về các pháp. Người có cái nhìn, cái thấy, cái biết về các pháp đúng như sự thật của các pháp thì đó gọi là bậc có chánh kiến. Như vậy, khi Văn và Tư một cách chân chánh, đúng pháp thì chánh kiến đi đến thành tựu, vào được cánh cửa đầu tiên của phương pháp Tám đúng.

Lưu ý, bên cạnh đó, Đức Phật cũng đã nói: “*Có hai duyên làm tà kiến sanh khởi. Đó là, Nghe tiếng của người khác và Phi như lý tác ý*”. Như vậy, khi nghe pháp, nghe giảng, nghe chỉ dẫn từ người có tà kiến hoặc từ những nguồn kinh sách không chân chánh kết hợp với những tư tưởng, suy nghĩ, cảm xúc lệch lạc, vô minh của tự thân, hai pháp này phối hợp với nhau đưa đến sự thấy biết sai lầm về cuộc sống, thấy biết sai lầm về những gì đang diễn ra trong cuộc sống, đó gọi là tà kiến. Đó là hai duyên đưa đến sanh khởi tà kiến. Với người có tà kiến, có cái nhìn, cái thấy sai lệch về sự thật của các pháp, sai lệch về sự thật của tự thân, sai lệch về sự thật của cuộc sống thì cánh cửa đưa đến sự thoát khổ bị khép lại. Vị ấy sẽ phải luân quần triền miên trong dòng trầm luân của sanh tử. Đây là điều chua xót, là nỗi đắng cay trong sự tu học của tự thân khi gặp phải duyên *Nghe tiếng của người khác* từ một người có tà kiến, có sự hiểu biết sai lầm và từ những nguồn kinh sách không chân chánh, không phải từ bậc Chánh Đẳng Chánh Giác thuyết giảng.

Như vậy, trình tự tu tập theo Văn Tư Tu như sau:

1. Văn:

- Văn là nghe. Hành giả nghe kỹ những lời dạy nguyên chất của Đức Phật, tìm hiểu kỹ Kinh Nikāya, xác định nguồn gốc Kinh Nikāya, nắm vững cốt tủy trong Kinh Nikāya, nắm vững pháp hành truyền

thống nguyên chất trong Nikāya; xác định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn và Phương Pháp Tám Đúng trong đạo lộ tu tập đưa đến sự giải thoát khỏi sanh tử, giải thoát khỏi phiền não và khổ đau.

- Học thuộc lòng những bài kinh định nghĩa về Ngũ uẩn đã được Đức Phật chỉ dạy trong Nikāya như: Kinh Đáng Được Ăn, Kinh Thủ Chuyển, Kinh Bảy Xứ, Kinh Trăng Rằm, Kinh Niệm Xứ.
- Nghe bài giảng của các bậc thiện tri thức, những bậc thành tựu chánh kiến, giảng giải pháp theo sát định nghĩa về Ngũ uẩn trong kinh Nikāya, theo sát lời dạy nguyên chất của Đức Phật.

2. Tư:

- Tư là tư sát, là như lý tư duy, như lý tác ý. Hành giả đưa những điều đã được học, được nghe vào việc tư sát thân tâm, quán sát nhận diện Ngũ uẩn trong tự thân, tư sát sự vận hành của Ngũ uẩn trong cuộc sống, như lý tác ý về Ngũ uẩn theo đúng như lời dạy, lời chỉ dẫn của Đức Phật.
- Khéo tư sát, khéo quán sát, khéo nhìn sâu vào Ngũ uẩn, khéo như lý tác ý để phát giác phát hiện những thọ tướng hành tinh vi, phát hiện những rác bần, những cấu uế lậu hoặc, những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã nằm trà trộn trong Ngũ uẩn.

- Khéo tư sát, khéo quán sát để tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn, Bốn Sự Thật về Lưu hoặc.

3. Tu:

- Tu là tu tập, là thực tập, là tập những giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà hành giả đã được nghe, đã được học từ lời dạy của Đức Phật.

Khi nói về Tu trong Văn Tư Tu thì hành giả cần nhớ hai từ Tu tập và Tu hành. Lời này có nghĩa là: Tu là phải tập, Tu là phải hành. Người tu là người phải thực tập, thực hành một đời sống trọn lành với Tám sự chân chánh mà Đức Phật đã hướng dẫn. Tức là phải thực tập, thực hành sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh. Tám sự chân chánh này là Tám pháp mà một người tu chân chánh cần phải thực hành trong đời sống của mình để điều chỉnh thân khẩu ý của mình đi vào một đời sống chân chánh, đúng pháp, có khả năng đưa đến đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh, diệt tận khát ái, diệt tận tham sân si, bần ngã và diệt tận những rác bẩn, những pháp ác bất thiện thô tế trong nội tâm. Tám pháp chân chánh này được thu nhiếp trong Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy trong Kinh Nikāya. Do đó, sau khi Văn và Tư như trên thì trong phần Tu, hành giả cần tu tập, thực tập, thực hành Tám pháp

chân chánh, đưa thân tâm vào trong Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn.

Như vậy, có ba sự tu tập mà một người tu chân chánh cần phải thực tập, thực hành, đó là tu tập giới hạnh, tu tập thiền định và tu tập trí tuệ.

- Trong phần tu tập Giới hạnh, hành giả tu tập, thực tập những giới hạnh, đức hạnh hiền thiện của một người tu. Hành giả *giữ giới, sống hộ trì với sự hộ trì của giới bốn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập các học giới, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc*. Bên cạnh những đức hạnh hiền thiện căn bản này, hành giả còn phải khéo tu tập những đức hạnh vi diệu, thanh cao, thánh thiện của một người con Phật chân chánh như: Hạnh hiền của Thánh nhân, hạnh bao dung rộng lượng; hạnh tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả; hạnh tâm như đất, nước, gió, lửa; hạnh diệt dục, hạnh diệt ngã, hạnh diệt ái, hạnh diệt sân; hạnh tầm quý, hạnh tha thiết, khao khát và không biết đủ trong các thiện pháp... Đó là những đức hạnh vi diệu, cao thượng, thánh thiện mà một người tu chân chánh cần phải tu tập, cần phải thực hành.

- Trong phần tu tập Thiền định, hành giả cần tu tập an tịnh thân tâm theo mười sáu hơi thở. Trong khi an trú tâm trong mười sáu hơi thở, hành giả tẩy sạch thân tâm khỏi năm triền cái, rồi từ đó hành giả đi vào sự tu tập Tứ thiền. Đường hướng tu tập thiền định như vậy là chân chánh, là đúng pháp, đúng với lời dạy của Đức Phật, đúng với cách thức tu tập sự định tâm của các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.
- Trong phần tu tập Trí tuệ, hành giả tu tập Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn, hành giả làm cho bốn trí tuệ này được thành tựu viên mãn trong hành giả. Bất cứ một sự vận hành, hoạt động, sanh khởi nào của sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều không lọt khỏi đôi mắt trí tuệ của hành giả. Thân tâm của hành giả được đưa vào trong đời sống với Tám sự chân chánh. Trong đời sống chân chánh này, hành giả tiếp tục tu tập sự quán sát Ngũ uẩn, nhận diện Ngũ uẩn, truy sát những căn bã, rác bần nằm trong Ngũ uẩn, diệt tận hết tất cả những căn bã, rác bần, cấu uế này khỏi nội tâm.

Sự tu tập giới hạnh, thiền định và trí tuệ như trên là ba sự tu tập chân chánh mà một người con Phật chân chánh cần phải thực tập, cần phải có trong đời sống tu hành của mình.

Về phần giới hạnh, chúng tôi sẽ trình bày ở phần sau với những nét cơ bản cần tu tập về giới hạnh mà Đức Phật đã

nói trong Kinh Nikāya. Còn phần thiền định và trí tuệ thì chúng tôi đã trình bày trong tập sách này nên ở đây xin không giải thích thêm.

Như vậy, Văn Tư Tu là trình tự tu tập, là đạo lộ tu tập, là đường lối tu tập trên con đường đi đến sự diệt tận tham sân si, diệt tận những cấu uế trong nội tâm, tẩy sạch thân tâm, đưa thân tâm đi đến sự trong sạch, thanh tịnh, giải thoát khỏi sanh tử, giải thoát khỏi phiền não và khổ trong sanh tử.

Tóm lại, đường lối tu đúng đắn để đào thải những rác bẩn, cấu uế trong nội tâm đó là con đường của Văn Tư Tu. Và phải Văn Tư Tu như trên thì mới có thể đi đến lậu tận, đi đến sự đào thải những cấu uế lậu hoặc khỏi nội tâm, đạt đến sự chấm dứt sanh tử. Người con Phật cần xác định rõ đường lối Văn Tư Tu này để không lầm đường lạc lối khi nghe thấy nhiều sự hướng dẫn tu học trong đạo Phật ngày nay.

Vì vậy, để tránh cho người con Phật những lầm lạc đáng tiếc trong một đạo Phật phát triển tràn lan như ngày nay, khi đến với đạo Phật, người con Phật cần nắm vững, cần biết rõ và cần xác định rõ những điều sau:

- Mục đích của đạo Phật là đi đến sự chấm dứt sanh tử.

- Mục đích của đạo Phật là diệt tận dục, ái, bản ngã, tham, sân, si.
- Mục đích của đạo Phật là giải thoát tâm khỏi các cấu uế lậu hoặc.
- Mục đích của đạo Phật là giải thoát tâm khỏi tất cả những phiền não và khổ đau.
- Mục đích của đạo Phật là thanh lọc sạch một nội tâm cấu bẩn.
- Con đường đưa đến đạt được mục đích này chính là **“Văn Tư Tu một đời sống với Tám Cái Đúng”**, tức là phải thấy biết đúng, suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ và định đúng cách.
- Tổng quan của đạo lộ tu tập đưa đến giải thoát chính là **Giới Hạnh**, Thiền **Định** và Trí **Tuệ**. Người không thấy, không biết, không tu tập, không thành tựu Thánh giới, Thánh định, Thánh trí tuệ và Thánh giải thoát mà Đức Phật đã hướng dẫn thì khó lòng mà mơ tưởng đến một ngày chấm dứt được luân hồi sanh tử, phiền não và khổ đau.

Đó là những điều mà người con Phật chân chánh cần ghi khắc trong tâm, cần ghi nhớ trong lòng. Người con Phật cần xác định rõ “mục đích của đạo Phật và đường lối tu tập trong đạo Phật” để có một định hướng rõ ràng cho mình

khi quyết định đi theo con đường của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

1.3 Tiến trình thành tựu Pháp Tám Đúng

1.3.1 Bước 1: Tu tập Chánh Tri Kiến

Theo bài kinh trên thì hai duyên để Chánh kiến sanh khởi hay hai pháp cần phải tu tập, thực hành để sanh khởi chánh kiến, đó chính là: “Nghe người khác nói và Như lý tác ý”.

Trong phần “Nghe người khác nói” tức là: Nghe lời Đức Phật chỉ dạy trong kinh, nghe những bài giảng chân chánh, đúng pháp từ những người con chân chánh của Đức Phật, những bậc thiện tri thức, những vị đã thành tựu Chánh tri kiến, thành tựu sự thấy biết chân chánh về tự thân. Đó là duyên thứ nhất để sanh khởi Chánh kiến.

“Như lý tác ý” tức là tác động tâm ý tư duy, quán sát thân tâm, quán sát cuộc sống theo đúng như chân lý, theo đúng như sự thật về thân tâm, về cuộc sống mà mình đã được nghe trong lời giảng dạy của Đức Phật và của các bậc thiện tri thức.

- Nghe tiếng của người khác, đây gọi là Văn.
- Như lý tác ý, đây gọi là Tư.

Trong phần Văn hay trong phần “Nghe tiếng của người khác” hành giả cần phải nghe nhiều bài kinh nguyên chất

của Đức Phật nói về Chánh kiến, về đạo lộ tu hành và hành giả cũng cần phải nghe nhiều bài giảng của những bậc thiện tri thức đã thành tựu Chánh kiến. Sau khi nghe kỹ, nghe tới nghe lui nhiều lần, hành giả cần nắm giữ những điều đã được nghe, ghi nhớ những điều đã được nghe, tích tập những điều đã được nghe. Đối với các pháp hiền thiện chân chánh từ đầu cho đến cuối, có nghĩa, có văn, hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, đối với các pháp như vậy hành giả được nghe nhiều, được thọ trì, đã được ghi nhớ nhờ đọc tụng, chuyên ý quán sát, khéo thể nhập nhờ sự thấy biết chân chánh.

Trong phần Văn, hành giả cần nhớ rằng: Thái tử Tất Đạt Đa xuất gia là vì mục đích muốn thoát khỏi sanh tử. Do đó, khi Ngài thành đạo và đạo Phật được hình thành thì mục đích của đạo Phật cũng chính là đạt được sự chấm dứt sanh tử. Vì vậy, khi đến với đạo Phật, hành giả cần nắm biết rõ mục đích của đạo Phật, cần tìm hiểu kỹ về sanh tử, thế nào là sanh tử, cái gì là sanh tử, cái gì đang phải chịu sự sanh tử, duyên tập khởi của sanh tử, duyên đoạn diệt của sanh tử và phương pháp tu tập chân chánh đưa đến chấm dứt sanh tử. Trong phần Văn, hành giả cần nắm hiểu rõ những vấn đề này, hành giả cần tìm được mối liên hệ giữa luân hồi sanh tử với phiền não khổ đau, với Năm thủ uẩn và với Bốn Sự Thật về Khổ. Khi nào tất cả mọi vấn đề trên đã được hành giả hoàn toàn sáng tỏ, hành giả không còn nghi

ngờ gì, không còn thắc mắc gì trong các vấn đề này. Khi ấy, hành giả thành tựu phần Văn trong Văn Tư Tu, hành giả có thể bắt tay vào việc Như lý tác ý để nhận diện Ngũ uẩn.

Trong phần Tư hay trong phần “Như lý tác ý”, hành giả cần đưa những điều đã được nghe, đã được học trong kinh sách, trong lời giảng dạy của bậc thiện tri thức vào quán sát thân tâm để tìm hiểu sự thật về những điều đã được nghe trong thực tế của thân tâm, thực tế của cuộc sống. Hành giả đem những điều đã được nghe từ bậc Chánh Đẳng Giác để đối chiếu với thân tâm, đối chiếu với cuộc sống để tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng những sự thật này. Đó gọi là như lý tác ý.

Ví dụ, trong Kinh Đáng Được Ăn, Đức Phật đã định nghĩa về thức: *“Rõ biết nên gọi là thức”*. Sau khi được đọc, được nghe như vậy, hành giả áp dụng nhận diện sáu thức trong thực tế thân tâm hay thực tế cuộc sống. Đó gọi là Như lý tác ý. Với sự thực hành như vậy, hành giả đang hướng đến Chánh tri kiến, đang tu tập Chánh tri kiến.

1.3.2 Bước 2: Thể nhập Chánh Tri Kiến

Trong giai đoạn tu tập để thể nhập Chánh kiến về tự thân, sự Như lý tác ý của hành giả chính là sự tác ý tập nhận diện Ngũ uẩn thường xuyên trong ngày, tác ý nhận diện Ngũ

uẩn lúc bình thường, nhận diện Ngũ uẩn lúc dục khởi, nhận diện Ngũ uẩn lúc ái khởi, nhận diện Ngũ uẩn lúc sân khởi, nhận diện Ngũ uẩn lúc si khởi, nhận diện Ngũ uẩn lúc thiên bị vọng tưởng, lúc thiên bị hôn trầm, lúc thiên được an tịnh, tỉnh giác, nhận diện Ngũ uẩn lúc bản ngã khởi, nhận diện Ngũ uẩn khi ăn, khi nói, khi vui chơi, khi đi, đứng, nằm, ngồi, thức, im lặng... Đây là giai đoạn nhận diện Ngũ uẩn để thấy biết rõ tự thân, để thành tựu Chánh kiến về tự thân.

Khi hành giả thuần thục trong sự nhận diện Ngũ uẩn, tức đã thấy biết duyên sanh và duyên diệt của chúng, đã thấy biết rõ phương pháp tu tập chân chánh để chế ngự, nhiếp phục lòng dục, lòng ái, lòng tham sân si đối với Ngũ uẩn. Trí về Ngũ uẩn nơi hành giả tỏa sáng thường trực, mọi hoạt động, mọi sự sanh khởi của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã nằm trong Ngũ uẩn đều được hành giả thấy biết, phát hiện, nhận diện, gọi tên chính xác rõ ràng, không một hoạt động nào của Ngũ uẩn có thể qua mặt được hành giả. Khi ấy, hành giả đã thành tựu phần Tư trong Văn Tư Tu, Chánh tri kiến trong hành giả được thành tựu viên mãn, hành giả được gọi là bậc đã thể nhập Chánh kiến, đã thể nhập Dục lưu Thánh quả, đã bước vào dòng Thánh, đã đứng vững vào cửa bất tử.

1.3.3 Bước 3: Như lý tác ý và Chánh Tư Duy

Khi tham, sân, si, dục, ái, bản ngã sanh khởi, hành giả tác ý nhận diện Ngũ uẩn và tác ý nhìn sâu vào trong Ngũ uẩn để phát giác, phát hiện ra hành tướng của những rác bần này trong nội tâm rồi tiếp tục Như lý tác ý để diệt tận những cấu uế này khỏi nội tâm.

Như vậy, như lý tác ý được thực hiện như sau:

- Như lý tác ý định nghĩa Ngũ uẩn từ lời Phật dạy để nhận diện Ngũ uẩn trong tự thân, nhận diện những cấu uế đang có mặt trong thân tâm, để thành tựu trí tuệ về tự thân, thành tựu Chánh tri kiến.
- Như lý tác ý để đào thải tham, sân, si, dục, ái, bản ngã, đào thải những rác bần, những cấu uế còn tồn đọng trong nội tâm, làm sanh khởi, phát triển và thành tựu Chánh tư duy. Tức là, sau khi Chánh tri kiến được thành tựu thì những tư duy về ly dục, tư duy về ly sân, tư duy về bất hại sẽ dần được sanh khởi, phát triển và thành tựu viên mãn. Sự thành tựu về Chánh tư duy cũng là sự thành tựu về Như lý tác ý.

1.3.4 Bước 4: Các pháp còn lại tiếp tục thành tựu

Khi Chánh tri kiến về tự thân được thành tựu thì Chánh tư duy cũng bắt đầu được sanh khởi, được phát triển và rồi đi đến sự thành tựu viên mãn.

Khi Chánh tư duy được sanh khởi, được phát triển và được thành tựu, tâm hành giả hướng nội, luôn quán sát thọ, tưởng, hành trong nội tâm, khi đối duyên xúc cảnh, hành giả bắt đầu có sự kiểm soát chặt chẽ lời nói của mình. Khi thấy mình có những lời nói bất thiện do vô minh, do tập khí, do thói quen, hành giả quyết tâm từ bỏ những lời nói bất thiện, không đúng pháp của một người tu chân chánh. Hành giả dần tu tập sự từ bỏ nói dối, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ lời nói độc ác, từ bỏ lời nói nhảm nhí, nói thêu dệt, nói phù phiếm. Những lời nói không chân chánh trong vô minh, trong tập khí, trong thói quen của hành giả dần được từ bỏ, hành giả dần đi đến thành tựu sự hiền thiện, sự chân chánh, sự đúng pháp trong lời nói, trong khẩu hành. Như vậy, hành giả dần đi đến thành tựu Chánh ngữ.

Tóm lại, khi trí tuệ về tự thân đã được khai mở, đã được thông tỏ, đã được sáng tỏ hoàn toàn; khi sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong hành giả đã được thấy biết trọn vẹn thì suy nghĩ, lời nói, hành động, sự kiếm sống nuôi mạng, sự siêng năng chân chánh, sự quán niệm chân chánh và sự

định tâm chân chánh. Tất cả những thiện pháp này sẽ dần được thành tựu trong hành giả.

Khi trí tuệ về tự thân được sáng tỏ, khi Chánh kiến về tự thân được thành tựu thì ánh sáng trí tuệ này, Chánh kiến này sẽ chiếu soi và dẫn đường cho tất cả mọi hoạt động, mọi sự tu tập về thân khẩu ý của hành giả. Trong phạm vi của phần này, chúng tôi xin chỉ giới thiệu tóm lược về hành trình đi đến sự thành tựu Pháp Tám Đúng như trên.

1.4 Ví dụ cách xử lý khi Sân sanh khởi

Ví dụ, khi hành giả phát hiện nội tâm có cảm giác khó chịu, bực bội, tức giận, sân giận khởi lên, hành giả thực hành như sau:

1.4.1 Nhận diện sân

Hành giả nhìn thẳng vào trong cảm giác đó, nhận diện cảm giác sân đang xuất hiện chỗ nào trên thân, độ lớn nhỏ của cảm giác sân, độ mạnh yếu của cảm giác sân. Thọ tâm có sáp nhập với thọ thân hay không, nếu có thì độ sáp nhập nhiều hay ít? Đi cùng trong cảm thọ sân này là tưởng sân và hành sân đang có mặt, và chúng đang vận hành thế nào; thức lúc này là như thế nào; sắc thân lúc này có thay đổi sắc diện hay không; gương mặt đang thế nào, ánh mắt đang thế nào, các cơ trên mặt đang thế nào, tay chân đang thế

nào... Hành giả tập nhận diện tất cả các hành tướng của sắc, thọ, tưởng, hành, thức khi sinh xuất hiện, khi sinh khởi. Hành giả cần nhận diện cảm giác dục trong khi sinh, xem kỹ cảm giác này có thúc giục, có xúi giục, có bức ép mình phải nói vậy, làm vậy để trả đũa, trả lời, phản đối, phản ứng với điều được thấy, được nghe, được cảm giác, được hay biết vừa rồi hay không...

Nếu tướng sinh và hành sinh lộ diện một cách thô thiển thì hành giả dễ dàng nhìn ra. Trường hợp nếu tướng sinh và hành sinh là vi tế, ngầm ngầm, mập mờ, khó thấy thì thật khó để hành giả có thể nhìn ra. Khi ấy, hành giả tập nhìn sâu vào trong cảm giác sinh, lắng tâm để lắng nghe, để đọc được những thâm ý, những bóng dáng mập mờ trong cảm thọ sinh.

1.4.2 Phát hiện các thâm ý, tìm nguyên nhân sinh

Khi lắng tâm để đọc hiểu được những thâm ý vi tế ngầm ngầm trong cảm thọ sinh. Khi ấy, hành giả sẽ phát hiện ra trong cảm thọ sinh vi tế này là những thâm ý chống đối, bất mãn, không hài lòng vì bị trái ý nghịch lòng, vì người liếc mình, vì người bất kính với mình, vì người vậy khác với mình, vì mình có thành kiến, định kiến với người, vì bản ngã bị đụng chạm, vì không hài lòng với điều này việc kia... Đó là những thâm ý nằm trong cảm giác sinh và đó cũng là những nguyên nhân làm cho sinh khởi. Hành

giả tập lắng nghe, tập đọc hiểu những thâm ý ngấm ngấm vì tế này.

1.4.3 Như lý tác ý giải tỏa các thâm ý, giải tán các cảm giác

Sau khi nhận diện những nguyên nhân sân sanh khởi, hành giả Như lý tác ý để diệt các nguyên nhân sân, phá trừ những thâm ý chấp trước, dính mắc, trói buộc. Như lý tác ý là cách để phá trừ những Tà tư duy và tu tập Chánh tư duy.

Ví như, khi biết sân sanh khởi là do mình không hài lòng về lời nói của người, hành giả cần Như lý tác ý như sau: *“À, sân này sanh khởi là do mình bực về lời nói của người. Nhưng bực như vậy để làm gì, có được gì đâu, chỉ làm cho tâm sân trong mình tăng trưởng thêm mà thôi! Thật không xứng với Thánh hạnh mà mình đang tu tập... Sao mình lại muốn người nói theo ý mình, làm theo ý mình được... Mình là ai mà lại đòi hỏi người khác theo ý mình... Mình chẳng là ai cả trong cuộc đời này... Mình chỉ là khối hôn mê, vô minh và mây khói... Mình chỉ là sự vô thường, tạm bợ và mong manh... Thôi, hãy tan biến đi cảm giác sân này... Thôi, hãy thành mây thành khói đi cảm giác sân này... Hãy thành hư không đi, hãy tan vào hư không đi, cảm giác sân này...”*

Như vậy, cách Như lý tác ý trên có ý nghĩa như sau: Trước hết, hành giả dùng trí tuệ để giải phá những thâm ý chấp trước trong nội tâm. Sau đó, tác ý hướng những thâm ý, những nguyên nhân sân, những cảm thọ sân đưa chúng đi đến sự giải tỏa, giải tán, tan biến thành mây khói, tan biến vào hư không, không để chúng tiếp tục tồn đọng, tồn ứ trong thân tâm.

Đó gọi là Như lý tác ý để diệt sân. Như vậy, tùy theo những thâm ý nằm trong cảm giác sân hay những nguyên nhân sân sanh khởi mà hành giả khéo vận dụng trí tuệ, khéo tác ý để dập tắt những thâm ý này, rồi sau đó hành giả tiếp tục tác ý để phá tan khối cảm giác sân đang tồn ứ trong thân tâm.

1.4.4 Pháp “Bỏ mặc”

Nếu sau khi đã khéo Như lý tác ý diệt tận thâm ý sân, rồi đến tác ý để phá tan khối cảm thọ, dù đã khéo tác ý để phá cảm thọ nhưng khối cảm thọ khó chịu trong thân vẫn không tan hết được vì tập khí sân, sự tích tụ sân, hàng tồn kho của sân trong hành giả vẫn còn nhiều, còn nặng nề, còn sâu sắc quá. Khi ấy, hành giả tiếp tục Như lý tác ý như sau: *“Này cảm thọ sân, ngươi vẫn còn chưa tan ư, vậy ngươi hãy ở đó đi, ta đi làm công việc của ta”*.

Khi tác ý như vậy, hành giả biết rõ cảm giác sân là vô thường, nó sanh rồi sẽ diệt và một khi tâm này đã không tiếp tay cùng nó, không hòa đồng hòa nhập trong nó. Nó sẽ không có chân đứng trong tâm, và như vậy, nó lại càng mau chóng tan biến hơn. Hành giả biết cảm thọ này là vô thường, biết cảm thọ này là tiêu vong, biết cảm thọ này là hoại diệt. Hành giả tác ý để nó ở đó, rời bỏ nó và đi ngồi thiền hoặc làm những công việc mình nghĩ là hợp thời. Một lúc sau, nó sẽ tan biến hoàn toàn. Bài học này sẽ cho hành giả biết rằng, cảm thọ sân trong hành giả vẫn còn nhiều lắm, hàng tồn kho về sân trong hành giả vẫn còn nhiều, nhưng sự khéo thấy biết, khéo tác ý và khéo tu tập trong hành giả như vậy cũng đã là tạm ổn rồi.

1.4.5 Pháp “Lấy độc trị độc”

Lại nữa, khi cảm thọ sân sanh khởi, hành giả tác ý tìm nguyên nhân sự sân này. Sau khi tìm ra được nguyên nhân, hành giả tác ý cho sanh khởi sự không đồng ý với sự sân này, không hài lòng với sự sân này: “*Này thọ sân, này tâm sân, này sự bức bối, người đã sân si bức bối tức giận như vậy bao nhiêu lâu rồi, bao nhiêu đời rồi, bao nhiêu kiếp rồi?... Sân si như vậy chưa đủ sao?... Đau khổ như vậy chưa đủ sao?... Sanh trong địa ngục như vậy chưa đủ sao?... Bây giờ người còn tiếp tục sân si, còn định đưa ta vào địa ngục nữa sao, còn định tiếp tục làm khổ ta nữa*

sao?... Thôi đủ rồi này tâm sân... Thôi đủ rồi này thọ sân... Thôi đủ rồi này sự bực bội, người đừng làm khổ ta nữa... Người đừng giết hại ta nữa... Người đừng đưa ta vào địa ngục nữa... Ta sợ người rồi... Người hãy tan biến đi... Người hãy thành mây, thành khói, thành hư không đi... Người hãy diệt tận hoàn toàn đi... ”.

Sự tác ý như vậy chính là pháp thứ năm trong đoạn tầm pháp môn mà Đức Phật đã giảng dạy trong bài Kinh An Trú Tàm (Trung I, bài 20): “*Ví như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu hay nắm lấy vai, có thể chế ngự, nhiếp phục, và đánh bại. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi tác ý hành tướng các tầm và sự an trú các tầm ấy, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. Nhờ nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ trừ diệt chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh”.*

Pháp hành này cũng gọi là “lấy độc trị độc, lấy sân trị sân”. Ví như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu hay nắm lấy vai, có thể chế ngự, nhiếp phục và đánh bại, hành

giả cho mình khởi lên sự tức giận đối với lòng sân, hành giả dùng tâm nắm lấy thọ sân này quất vào nó những nhát roi thật mạnh, không cho phép nó được tiếp tục sân với người, cảnh, vật bên ngoài; vạch trần sự nguy hiểm, sự tai hại của nó và tác ý giải tỏa nó hoàn toàn, biến nó thành hư không, không cho nó tiếp tục sanh khởi trong tương lai.

Như vậy, hành giả cho mình tức giận với lòng sân, chứ quyết không để tâm này đi sân hận với sáu trần bên ngoài, quyết không để tâm này đi tàn phá người xung quanh và quyết không để tâm này đưa mình vào địa ngục. Đây gọi là *“lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm”*, hành giả dùng tâm với tuệ lực hùng hậu, mạnh mẽ để chế ngự, nhiếp phục và đánh bại những thọ, tưởng, hành sân hận trong tâm.

Điều đặc biệt trong pháp hành này là tuy hành giả cho mình khởi lên sự tức giận với lòng sân nhưng tâm hành giả không tăng trưởng sự sân hận. Không những vậy, hành giả còn có một hỷ lạc nhẹ nhàng thâm sâu bên trong do trí tuệ đã nhiếp phục được lòng sân trong mình, hành giả không còn cho phép mình sân hận, bực bội với người, cảnh, vật bên ngoài mà hành giả chuyên chú trong việc nhiếp phục lòng sân bên trong mình, không cho phép lòng sân được tồn tại, được tiếp tục sân hận với bất cứ điều gì trên đời. Tiếp tục như vậy, hành giả sẽ thấy lòng sân trong mình

giảm thiểu và đi đến diệt tận. Pháp hành này là hành giả đã khéo vận dụng chánh tinh tấn, chánh tư duy, chánh tri kiến để nhiếp phục tâm sân.

Đây gọi là hành giả đã có sự tinh tấn siêng năng, chứ không phải tinh tấn hạ liệt. Hành giả đã có sự nhiệt tình, có sự xấu hổ, không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, không cho đi đến hiện hữu những tâm tư hướng đến dục, ái, tham, sân, si. Đúng với lời dạy của Đức Phật trong Kinh Hành (Tăng I, 572)

“Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đang đi, khi đang đứng, khi đang ngồi hay khi đang nằm thức, khởi lên dục tâm, hay sân tâm, hay hại tâm mà nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không có đi đến không hiện hữu, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi, đứng, ngồi, nằm có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tình, không có xấu hổ, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đang đi, khi đang đứng, khi đang ngồi, hay khi đang nằm thức, khởi lên dục tâm, hay sân tâm, hay hại tâm mà nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi, đứng, ngồi, nằm có sở hành

như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tình, có xấu hổ, liên tục thường hằng, tinh cần tinh tấn siêng năng.

*- Nếu khi đi khi đứng
 Khi ngồi hay khi nằm
 Khởi lên các ác tâm
 Liên hệ đến gia đình
 Thực hành theo ác đạo
 Mờ ám bởi si mê
 Vị Tỷ-kheo như vậy
 Không chứng Vô thượng giác.
 - Ai khi đi khi đứng
 Khi ngồi hay khi nằm
 ĐIỀU PHỤC ĐƯỢC TÂM TU
 Ưa thích tâm chỉ tịnh
 Vị Tỷ-kheo như vậy
 Chứng được Vô thượng giác”.*

1.4.6 Pháp “Diệt sân từ xa”

Lại nữa, hành giả có thể tác ý diệt sân từ xa, tức là khi sân chưa sanh khởi, hành giả tập tác ý ghê sợ lòng sân, ghê sợ tâm sân, ghê sợ cảm giác sân. Hành giả tác ý rằng tâm sân đưa mình đi vào địa ngục, đưa mình đi vào súc sanh, ngạ quỷ, cõi khổ, cảnh người xấu xí, khổ đau, hành giả không

muốn mình tiếp tục bị sân dẫn đi trong cõi khổ, hành giả muốn từ bỏ sân, muốn nhiếp phục sân, muốn chấm dứt sân.

Khi sân chưa sanh khởi, hành giả tác ý nhớ về những lần sân đã xảy ra với mình, nó đã làm cho mình khổ như thế nào, lời nói và hành vi không kiềm chế như thế nào, tạo thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp như thế nào, xấu hổ và nhục nhã như thế nào... Hành giả tập cho mình run sợ trước sự sân, run sợ trước thọ sân, run sợ trước tâm sân này, hành giả không còn muốn sân tiếp tục sanh khởi và lộng hành trong mình nữa. Hành giả tập run sợ một cách thật sự, run sợ một cách chân thật, chân thành trước những cảm giác sân hận, hờn giận, bức bối, tức tối, khó chịu, hiềm hận, thù hận, oán thù. Hành giả có thể thâm độc, thâm nhắc nhờ mình, thâm cảnh báo mình hãy lánh xa sự sân hận, thù hận, tức giận trong tâm như sau:

QUÁN DIỆT SÂN

Ta sợ người quá, thọ sân
 Người độc ác nhất trên đời
 Người đưa ta vào địa ngục
 Người đưa ta vào khổ đau.

Người độc ác quá, thọ sân
 Người tàn sát cuộc đời này
 Đời này bị người thống trị

Đời này thống khổ vì nguoi.

Ta lạy nguoi đó, thọ sân
Nguoi đừng sanh nữa trên đời
Hãy tan biến dùm đi nhé
Biến tan khỏi thân tâm ta.

Ta lạy nguoi, tham sân si
Kẻ thiêu đốt cuộc đời này
Hãy dừng bàn tay độc ác
Hãy tan biến khỏi đời ta.

Ta lạy nguoi, tham sân si
Đề ta yên ổn đi nào
Không tham sân gì nữa cả
Ngọt ngào, lắng dịu, bình yên.

Bình yên, lắng dịu, ngọt ngào
Thọ này ngọt dịu làm sao
Không sân, thật là dễ chịu
Không tham, tâm thật dịu êm.

Đây là bài dùng để Như lý tác ý diệt trừ những cảm thọ, cảm giác sân hận, tức giận trong lòng, làm chuyển hóa những cảm giác này, hướng cảm giác sân đi đến sự tan biến

và làm cho tâm sanh khởi những cảm giác ngọt ngào, lắng dịu, an lạc, bình an. Hành giả có thể học thuộc bài này để quán diệt lòng sân ngay cả khi chúng chưa sanh khởi. Nếu thấy bài dài thì hành giả cố gắng học thuộc ba đoạn sau:

“Ta sợ người quá, thọ sân
 Người độc ác nhất trên đời
 Người đưa ta vào địa ngục
 Người đưa ta vào khổ đau.

Ta lạy người đó, thọ sân
 Người đừng sanh nữa trên đời
 Hãy tan biến dùm đi nhé
 Biến tan khỏi thân tâm ta.

Ta lạy người, tham sân si
 Để ta yên ổn đi nào
 Không tham sân gì nữa cả
 Ngọt ngào, lắng dịu, bình yên.”

1.4.7 Khởi Tâm Từ

Lại nữa, nếu sau khi đã khéo Như lý tác ý diệt tham ý sân, phá cảm giác sân, thọ sân trong tâm đã tan biến, nhưng thọ sân trong thân vẫn còn ức, vẫn còn nặng trong thân, khí sân nơi thân vẫn còn, nhưng tâm đã hoàn toàn không còn thọ

sân. Khi đó, hoặc hành giả tác ý bỏ mặc cảm thọ khó chịu còn tồn đọng trong thân như đã nói ở trên, hoặc hành giả “tiếp tục Như lý tác ý” cho sanh khởi từ tâm. Hành giả tác ý tâm từ với tự thân, làm khởi lên tình thương với chính mình.

Hành giả thấy thương mình trong sự tác ý như sau: *“Đã vô lượng kiếp rồi mình đã bị những cảm giác sân này sanh khởi, khống chế, hành hạ, điều khiển, ức chế, áp bức, thống trị mình, khống chế mình, đàn áp mình, mình không có được tự do, mình không có được sự bình yên vì những cảm giác sân này... Đôi khi có những chuyện mình không muốn sân nhưng mà thọ vẫn cứ sân, rồi xúi giục mình làm những điều đưa đến đau khổ cho mình, đau khổ cho người, rồi chịu những nhân quả, nghiệp báo khổ đau... Thương thay cho mình trong dòng sanh tử luân hồi trăm luân này... Thương thay cho mình trong những cảm giác sân hận, hờn giận, tức giận, hơn thua, bản ngã, ích kỷ, ta đây này... Thương thay cho cái thế giới hôn mê, si ám, đầy dẫy tham, đầy dẫy sân, đầy dẫy si này... Thương thay cho những cuộc đời chìm đắm trong vô minh, trong phiền não và trong khổ đau...”*

Cần lưu ý, tác ý tâm từ chỉ có thể thực hiện được sau khi đã giải phá được thọ sân trong tâm và bây giờ chỉ còn lại thọ khó chịu trong thân, tâm đã hết sân. Sự khéo tác ý ở đây chính là sau khi đã khởi tâm từ thương xót chính mình,

hành giả tiếp tục tác ý mở rộng tình thương, mở rộng từ tâm ra với cuộc đời này, với thế giới này, làm cho cảm thọ từ mẫn rộng mở và lan tỏa cùng khắp thế giới, cùng khắp các chúng sanh. Khi ấy, cảm thọ từ mẫn này sẽ thay thế, sẽ chiếm chỗ hoàn toàn, sẽ đẩy lui hoàn toàn, sẽ diệt tận hoàn toàn cảm thọ sân còn tồn đọng trong thân khi nãy. Mỗi khi thọ sân sanh khởi, hành giả tác ý và diệt tận thọ sân như vậy, không hòa nhập trong thọ sân, không tiếp tay cho thọ sân, thiện xảo đào thải thọ sân như vậy thì dần dần lòng sân trong hành giả đi đến giảm thiểu và đi đến diệt tận hoàn toàn.

Đây gọi là sự khéo tu tập, khéo Như lý tác ý, khéo vận hành Chánh tri kiến, Chánh tư duy và Chánh tinh tấn.

1.4.8 Đại lộ rộng lớn

Trên đây là một số những phương cách thiện xảo, khéo nhận diện, khéo như lý tác ý, khéo vận dụng Chánh tri kiến, Chánh tư duy để chế ngự, nhiếp phục và đào thải hoàn toàn khỏi nội tâm những căn bã, những rác bẩn, những cấu uế.

Khi hành giả đã bước vào được cánh cửa của Chánh tri kiến thì cái nhìn, cái thấy và trí tuệ của hành giả sẽ sâu sắc, tinh tế, uyển chuyển trong sự vận dụng Chánh tư duy và Như lý tác ý. Khả năng vận dụng, phát triển, khai mở Như lý tác ý trong ly dục tư duy, ly sân tư duy và bất hại tư duy

của hành giả trở nên thiện xảo và có thể đạt được mức tối cao, mức tận cùng trong Như lý tác ý. Khi ấy, hành giả sẽ thấy rằng con đường Tám đúng, pháp hành Tám đúng, đạo lộ Tám đúng là một Đại lộ rộng lớn, một đường lối tu tập có khả năng làm cho trí tuệ của hành giả có thể bùng nổ và khai mở đến tột cùng trong sự tu tập thân tâm, nhiếp phục thân tâm và nhiếp phục những rác bẩn, cấu uế trong thân tâm.

1.4.9 Kết luận

Tóm lại, khi những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã sanh khởi hành giả khéo nhận diện Ngũ uẩn, khéo nhận diện tướng trạng của những rác bẩn trong nội tâm, thiện xảo Như lý tác ý trong nhiều phương diện, thiện xảo chế ngự, nhiếp phục, từ bỏ chúng, đào thải chúng khỏi thân tâm. Tinh cần như vậy, hành giả sẽ dần đào thải khỏi thân tâm những rác bẩn, những lậu hoặc, cấu uế.

Sự khéo Như lý tác ý như trên cũng là sự nở hoa của Chánh tư duy sau khi Chánh tri kiến được khai mở, được thành tựu. Khi Chánh tri kiến được thành tựu thì những dòng suy nghĩ, suy tư chân chánh trong hành giả sẽ dần xuất hiện, tức là Chánh tư duy dần xuất hiện. Vì sao?

Khi những dục, ái, tham, sân trong tâm không được tâm thấy biết trọn vẹn thì tâm không hướng đến sự từ bỏ, đào

thải chúng. Nhưng khi những dục, ái, tham, sân trong tâm được tâm thấy biết rõ ràng thì tâm sẽ tầm quý, sẽ xấu hổ, tủi nhục, nhàm chán, ghê sợ chúng, tâm không còn muốn tiếp tục nuôi dưỡng, tích trữ những rác bẩn, những cấu uế này. Những dòng tư duy, suy nghĩ, tác ý hướng về sự ghê sợ dục, ghê sợ sân, ghê sợ si. Đây gọi là những suy nghĩ chân chánh, Thánh thiện bắt đầu sanh khởi, và những dòng suy nghĩ này sẽ đẩy lùi những suy nghĩ suy tư hướng về dục, hướng về sân, hướng về ngu si. Tức là khi Chánh tri kiến được thành tựu thì Chánh tư duy sẽ sanh khởi và sẽ thay thế chỗ của Tà tư duy, sẽ đào thải Tà tư duy hoàn toàn khỏi nội tâm.

1.5 Lộ trình tu tập

1.5.1 Kinh Gaṇaka Moggallāna (Trung III, bài 107)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatthī, Pubbārāma (Đông Viên), nơi lâu đài của Migāramātu (Lộc Mẫu Giảng đường). Rồi Bà-la-môn Gaṇaka Moggallāna đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Gaṇaka Moggallāna bạch Thế Tôn:

Ví như, thưa Tôn giả Gotama, tại lâu đài Migāramātu này,

có thể thấy được một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là những tầng cấp của luân thường cuối cùng.

Thưa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị Bà-la-môn này, được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là sự học hỏi (các tập Veda).

Thưa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị bắn cung này, được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là nghệ thuật bắn cung.

Cũng vậy, Thưa Tôn giả Gotama, đối với chúng con là những người toán số, sống nhờ nghề toán số, cũng được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là toán số. Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng khi có được người đệ tử, trước hết chúng con bắt người ấy đếm như sau: “Một, một lần, hai, hai lần, ba, ba lần, bốn, bốn lần, năm, năm lần, sáu, sáu lần, bảy, bảy lần, tám, tám lần, chín, chín lần, mười, mười lần”. Và thưa Tôn giả Gotama, chúng con bắt đếm tới một trăm.

- Có thể trình bày chẳng, thưa Tôn giả Gotama, trong pháp và luật này, cũng có một tuần tự học tập, một tuần tự công trình, một tuần tự đạo lộ như vậy?

- Có thể trình bày, này Bà-la-môn, trong pháp và luật này, có một tuần tự học tập, có một tuần tự công trình, có một tuần tự đạo lộ.

Ví như, này Bà-la-môn, một người huấn luyện ngựa thiện xảo, sau khi được một con ngựa hiền thiện, trước tiên luyện tập cho nó quen mang dây cương, rồi tập luyện cho nó quen các hạnh khác.

*Cũng vậy, này Bà-la-môn, Như Lai khi được một người đáng được điều phục, trước tiên huấn luyện người ấy như sau: “Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy giữ giới hạnh**, hãy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ trì và học tập các học giới”.*

*Này Bà-la-môn, khi vị Tỷ-kheo giữ giới hạnh, chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ trì và học tập các học giới, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: “Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy hộ trì các căn**, khi mắt thấy sắc chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các pháp ác bất thiện khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý*

căn”.

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo hộ trì các căn rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: “Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy tiết độ trong ăn uống**, chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: “Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn”.

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: “Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy chú tâm canh giác!** Ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh đầu, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp”.

Này Bà-la-môn, sau khi vị Tỷ-kheo chú tâm tỉnh giác, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm nữa như sau: “Hãy đến Tỷ-

kheo, **hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác**, khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thọ dụng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt, đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác”.

Này Bà-la-môn, sau khi chánh niệm tỉnh giác rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: “Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy lựa một chỗ thanh vắng**, tịch tịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đóng Romero”. Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng, tịch tịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đóng Romero. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt:

- Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái.
- Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.
- Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.
- Từ bỏ trạo cử hối tiếc, vị ấy sống không trạo cử, nội

tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hồi tiếc.

- *Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với các thiện pháp.*

Sau khi **đoạn trừ năm triền cái** ấy, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm trí tuệ yếu ớt:

- *Vị ấy ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ.*
- *Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.*
- *Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.*
- *Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.*

❖ *Này Bà-la-môn, đối với những Tỷ-kheo nào là **bậc hữu học**, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu sự vô thượng an tịnh các triền ách, đó là sự giảng dạy của Ta như vậy đối với những vị ấy.*

❖ *Còn đối với những vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã*

làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát, những pháp ấy đưa đến sự hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Gaṇaka Moggallāna bạch Thế Tôn:

*– Các đệ tử của Sa-môn Gotama, khi được Sa-môn Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, **có phải tất cả đều chứng được cứu cánh đích Niết-bàn hay chỉ có một số chứng được?***

– Nay Bà-la-môn, một số đệ tử của Ta, khi được khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được.

– Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đưa đến Niết-bàn, trong khi có mặt Tôn giả Gotama là bậc chỉ đường, tuy vậy các đệ tử Tôn giả Gotama, được Tôn giả Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được?

– Nay Bà-la-môn, ở đây Ta sẽ hỏi Ông: Nếu Ông kham nhẫn, hãy trả lời cho Ta. Nay Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ông có giỏi về con đường đi đến Rājagaha (Vương Xá)?

– Thưa Tôn giả, con có giỏi về con đường đi đến Rājagaha.

– Nay Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có một người, muốn đi đến Rājagaha, người này đến Ông và nói như sau: “Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rājagaha. Hãy chỉ cho tôi con đường đi đến Rājagaha”. Ông nói với người ấy như sau: “Được, này Bạn, đây là con đường đưa đến Rājagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng có tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy Rājagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những hồ ao mỹ diệu”. Dầu cho người ấy được khuyến giáo như vậy, được giảng dạy như vậy, nhưng lại lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây.

Rồi một người thứ hai đến, muốn đi đến Rājagaha. Người này đến Ông và hỏi như sau: “Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rājagaha, mong Tôn giả chỉ con đường ấy cho tôi”. Rồi Ông nói với người ấy như sau: “Được, này Bạn, đây là đường đi đến Rājagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời

gian, *Bạn sẽ thấy Rājagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những ao hồ mỹ diệu*”. Người ấy được Ông khuyến giáo như vậy, giảng như vậy, đi đến Rājagaha một cách an toàn.

– *Này Bà-la-môn, do nhân gì, do duyên gì, trong khi có mặt Rājagaha, trong khi có mặt con đường đưa đến Rājagaha, trong khi có mặt Ông là người chỉ đường, dầu cho Ông có khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một người lầy con đường sai lạc, đi về hướng Tây, còn một người có thể đi đến Rājagaha một cách an toàn?*

– *Thưa Tôn giả Gotama, ở đây, con làm gì được? Con chỉ là người chỉ đường, thưa Tôn giả Gotama.*

– *Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là Bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn, **Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường.***

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Gaṇaka Moggallāna bạch Thế Tôn:

– *Thưa Tôn giả Gotama, đối với những người không phải vì lòng tin, chỉ vì sinh kế, xuất gia từ bỏ gia đình, sống*

không gia đình, những người xảo trá, lường gạt, hư nguy, mất thăng bằng, cao mạn, dao động, nói phô tạp nhạp, không hộ trì các căn, ăn uống không tiết độ, không chú tâm cảnh giác, thờ ơ với Sa-môn hạnh, không tôn kính học tập, sống quá đầy đủ, uể oải, đi đầu trong thói thất, từ bỏ gánh nặng viễn ly, biếng nhác, tinh cần thấp kém, thất niệm, không tỉnh giác, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, tâm ngong; Tôn giả Gotama không thể sống với những người như vậy.

Còn những Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không xảo trá, không lường gạt, không hư nguy, không mất thăng bằng, không cao mạn, không dao động, không nói phô tạp nhạp, hộ trì các căn, ăn uống có tiết độ, chú tâm tỉnh giác, không thờ ơ với Sa-môn hạnh, tôn kính học tập, sống không quá đầy đủ, không uể oải, từ bỏ thói thất, đi đầu trong viễn ly, tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, an trú, tỉnh giác, định tĩnh, nhất tâm, có trí tuệ, không tâm ngong; Tôn giả Gotama sống (hòa hợp) với những vị ấy.

*Ví như Tôn giả Gotama, trong các loại căn hương, hắc chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại lõi cây hương, xích chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại hoa hương, vũ quý hương (jasmine) được gọi là tối thượng. Cũng vậy là **lời khuyên giáo của Tôn giả Gotama được xem là cao nhất trong những lời***

khuyến giáo hiện nay.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh Pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(Hết trích kinh)

1.5.2 Giữ gìn giới hạnh, oai nghi, biết sợ trong các lỗi nhỏ nhất

❖ Kinh Không Thê Rơi Xuống (Tăng I, 623)

“Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể bị thối đạo, vị ấy gần Niết-bàn. Thế nào là bốn?”

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- *Đầy đủ giới,*
- *Hộ trì các căn,*
- *Biết tiết độ trong ăn uống,*
- *Chú tâm cảnh giác.*

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ giới?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo giữ giới”.

1.5.3 Hộ trì các căn

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các pháp ác bất thiện khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo hộ trì các căn”.

1.5.4 Tiết độ trong ăn uống

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như lý giác sát thọ dụng các món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được an trú và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: “Nhu vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống”.

1.5.5 Chú tâm cảnh giác

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các triền cái; ban đêm trong canh đầu, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi triền cái; ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh

hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi triền cái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác”.

Kinh Hành (Tăng I, 572)

“Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đang đi, khi đang đứng, khi đang ngồi, khi đang nằm thức, khởi lên dục tâm, hay sân tâm, hay hai tâm mà nếu Tỷ-kheo chấp nhân, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không có đi đến, không hiện hữu; này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tình, không có xấu hổ, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đang đi, khi đang đứng, khi đang ngồi, khi đang nằm thức, khởi lên dục tâm, hay sân tâm, hay hai tâm mà nếu Tỷ-kheo không chấp nhân, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu; này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tình, có xấu hổ, liên tục thường hằng tinh cần, tinh tấn siêng năng”.

Kinh CHẾ NGỰ (Tăng I, 574)

“Nếu Tỷ-kheo trong khi đi, trong khi đứng, trong khi ngồi, trong khi nằm thức, tham, sân, si được từ bỏ, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi được từ bỏ, tinh cần, tinh tấn, không có thụ động, niệm được an trú không có thất niệm, thân được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh

nhất tâm. Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi đi, trong khi đứng, trong khi ngồi, trong khi nằm thức, có sở hành như vậy; vị ấy được gọi là người có nhiệt tâm, có xấu hổ, liên tục thường hằng tinh cần, tinh tấn siêng năng”.

1.5.6 Chánh niệm tỉnh giác

KINH TẬT BỆNH (Tương IV, 340)

“Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Sống quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm.

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nhém đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, im lặng đều tỉnh giác. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tỉnh giác”.

KINH TÔN GIẢ NANDA (Tăng III, 510)

“Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo rõ biết khi các thọ khởi lên, rõ biết khi các thọ an trú, rõ biết khi các thọ chấm dứt, rõ biết khi các tướng khởi lên, rõ biết khi các tướng an trú,

rõ biết khi các tướng chấm dứt; rõ biết khi các tâm khởi lên, rõ biết khi các tâm an trú, rõ biết khi các tâm chấm dứt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tỉnh giác”.

1.5.7 Thành tựu Bảy Diệu Pháp

KINH HỮU HỌC (Trung II, bài 53)

1. “Ở đây, này Mahanama, vị Thánh đệ tử có lòng tin, có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.
2. Vị này có lòng tàm, tự xấu hổ vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự xấu hổ vì thành tựu ác, bất thiện pháp.
3. Vị này có lòng quý, tự sợ hãi vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự sợ hãi vì thành tựu ác, bất thiện pháp.
4. Vị này là vị đa văn, nhớ nghĩ những điều đã nghe, tích tụ những điều đã nghe. Những pháp nào, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, nói lên phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì, đọc tụng bằng lời, được ý suy tư, được chánh kiến thể nhập.

5. Vị ấy sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp.
6. Vị ấy có niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, nhớ lại, nhớ lại nhiều lần những gì đã làm từ lâu, đã nói từ lâu.
7. Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.

Này Mahanama, như vậy vị Thánh đệ tử thành tựu Bảy diệu pháp”.

1.5.8 Kinh Đại Kinh Xóm Ngựa (Trung I, bài 39)

“Sa-môn! Sa-môn! Này các Tỷ-kheo, dân chúng biết các Ông là vậy. Và nếu các Ông được hỏi: “Các Ông là ai?” Các Ông phải tự nhận: “Chúng tôi là Sa-môn”.

Này các Tỷ-kheo, các Ông đã được danh xưng như vậy, đã tự nhận là như vậy, thì này, các Tỷ-kheo, các Ông phải tự tu tập như sau: “Chúng ta sẽ tho trì và thực hành những pháp tác thành Sa-môn, những pháp tác thành Bà-la-môn. Như vậy, danh xưng này của chúng ta mới chân chánh và sự tư nhân này của chúng ta mới như thật. Và những đồ cúng dường mà chúng ta thọ hưởng như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh mới có được kết quả

lớn, lợi ích lớn cho chúng ta. Và chúng ta xuất gia không thành vô dụng, có kết quả, có thành tích”.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp tác thành Sa-môn và các pháp tác thành Bà-la-môn?

- *“Chúng ta sẽ thành tựu tâm quý” như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông phải tu tập. Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể khởi lên ý kiến: “Chúng ta đã thành tựu tâm quý đến mức độ này, như vậy là vừa đủ; đến mức độ này, như vậy đã làm xong. Chúng ta đã đạt được mục đích Sa-môn hạnh. Chúng ta không có gì phải làm hơn nữa”. Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, **Ta khuyến cáo các Ông**. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố cho các Ông: Khi các Ông hướng đến mục đích Sa-môn hạnh, **chớ có từ bỏ mục đích này, khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa**.*

Này các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa?

- *“Thân hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì thân hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”.*
- *“Khẩu hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta*

không vì khẩu hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”.

- *“Ý hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cõi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì ý hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”.*
- *“Sanh mạng chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cõi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì sanh mạng thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”.*

1.5.9 Kết luận

Tóm lại, trong phần tu tập giới hạnh, hành giả cần tìm hiểu cẩn trọng phần giới hạnh trong Kinh Sa-môn Quả (*Trường I, bài 2*). Trong sự tu tập giới hạnh, hành giả cần biết rằng, giới hạnh của một người tu không phải chỉ đơn giản là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không dùng chất kích thích... Những giới hạnh này là những giới hạnh căn bản và bước đầu trong sự tu tập giới hạnh. Nhưng khi đã đi sâu vào sự tu tập tâm, hành giả sẽ có những đức hạnh cao thượng hơn cần được tu tập như tâm hiền từ, tâm từ bi hỷ xả, tâm kham nhẫn, tâm tha thứ bao dung... Càng đi sâu vào trong sự tu tập tâm, hành giả huấn luyện tâm, nhiếp phục những pháp ác bất thiện trong nội tâm thì càng có nhiều những đức hạnh, nét hạnh, hiền thiện cao quý, cao đẹp mà một người tu chân chánh cần

phải tu tập. Trong giới hạn bài viết này, chúng tôi chỉ xin giới thiệu đôi nét chủ đạo trong sự tu tập của một hành giả.

- Đưa thân, khẩu, ý vào đời sống giới hạnh, Thánh hạnh, đức hạnh cao quý mà Đức Phật đã chỉ dạy.
- Hộ trì các căn.
- Tiết độ trong ăn uống.
- Chú tâm cảnh giác.
- Chánh niệm tỉnh giác.
- Tri túc, biết đủ.
- Dễ nói, dễ chấp nhận các lời giáo giới.
- Tu tập tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả.
- Tu tập tâm như đất, nước, gió, lửa, rộng lượng, bao dung, an tịnh, rộng lớn.
- Tu tập thân tâm như miếng giẻ rách, người bần cùng hạ liệt.
- Tu tập thân hiền từ, lời nói hiền từ, ý nghĩ hiền từ.
- San sẻ tứ vật dụng có được với các vị đồng phạm hạnh có giới đức.
- Tu tập “Tín, tầm, quý, văn, tấn, niệm, tuệ”.
- Tu tập “Giới, định, tuệ”.

Trên đây là một số pháp căn bản mà một người tu cần phải thực hành để nhiếp phục những thân hành, khẩu hành, ý hành loạn động thô tế trong thân tâm. Trong Kinh Vị Sát Đế Ly (*Tăng* III, 138), Đức Phật đã nói: “Giới hạnh là điểm

tự của người tu”. Câu kinh này có nghĩa là: Người không có giới hạnh sẽ không thể tu tập thành tựu những thiện pháp cao thượng, tốt đẹp, trí tuệ. Người có giới hạnh, thành tựu giới hạnh, viên mãn trong giới hạnh thì vị này có cơ sở để tu tập và thành tựu những thiện pháp cao thượng và trí tuệ. Trong Kinh Khả Lạc (*Tăng IV*, 418), Đức Phật đã nói: “Thức ăn cho giới hạnh, thức ăn cho đức hạnh chính là thân hữu với thiện, bạn bè với thiện”. Đây là điều mà người con Phật cần lưu ý: Muốn tu tập giới hạnh, giới đức trọn lành thì nên thân cận, nên gần gũi với bạn hiền, bạn lành, bạn có đạo đức, bạn có đức hạnh, có thiền định và có trí tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn, đã truyền trao.

Trong Kinh Sāriputta (*Trung V*, 12), Đức Phật đã nói như sau:

“Toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình này. Nay Sāriputta, với Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình, được chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành sẽ được tu tập, sẽ được làm cho viên mãn”.

Và nay Sāriputta, thế nào là Tỷ-kheo **thiện bạn hữu**, thiện bạn đồng, thiện thân tình, tu tập và làm cho viên mãn Thánh đạo Tám ngành?

Ở đây, nay Sāriputta, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt,

hướng đến từ bỏ. Tỷ-kheo tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này Sāriputta, là Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

“Do Ta lấy thiện làm bạn hữu, này Sāriputta, nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Chính với pháp môn này, này Sāriputta, các Ông cần phải hiểu thế nào toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình”.

Như vậy, khi làm bạn với một vị có sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh thì hành giả sẽ có cơ hội được tiếp cận, được thân cận, được làm bạn với Tám sự chân chánh, được tu tập một đời sống với tám sự chân chánh như trên, trong Kinh Nikāya gọi đó là Thánh đạo tám ngành. Và một khi, hành giả lấy Tám sự chân chánh, hay phương pháp Tám đúng làm người bạn thân của

mình trong đời sống tu hành, lấy Tám đúng làm kim chỉ nam cho mình trong thân hành, khẩu hành, ý hành thì hành giả sẽ có cơ hội được giải thoát khỏi sanh tử, giải thoát khỏi khổ đau và phiền não do sanh tử mang lại.

Tóm lại, những người con chân chánh của Đức Phật đừng lãng quên mục đích tu đạo của mình; đừng lãng quên sự vô thường và rỗng không của cuộc sống; đừng lãng quên nghiệp và nhân quả chẳng bao giờ tha thứ cho ta; đừng lãng xãng chạy theo những hoạt động của thế tục; đừng thỏa mãn với những vật chất có được từ hình tướng tu hành mang lại; đừng chìm đắm trong lợi dưỡng, cung kính của thế gian; đừng thỏa mãn với đời sống giới hạnh, giới đức mà mình thành tựu; đừng thỏa mãn với những trạng thái an tịnh, trong sáng, lắng dịu tạm thời của thân tâm. Hành giả hãy luôn bám chặt vào Văn Tư Tu, tuân thủ theo Giới Định Tuệ, đưa thân tâm mình vào trong một đời sống trọn lành và cao đẹp với Tám Cái Đúng, tức là, tu tập sự thấy biết đúng, suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ và định đúng cách. Đó là phương pháp tu hành, là đạo lộ tu hành, là đường lối tu hành của tất cả các Đức Phật từ quá khứ cho đến hiện tại và vị lai. Đây là điều mà người con Phật chân chánh không bao giờ cho phép mình được xao lãng, được lãng quên.

1.6 Khéo biết mình, biết pháp

Trong giai đoạn tu tập chánh tri kiến, hành giả cần lưu ý rằng đây là lúc đang tu tập chánh tri kiến, đang hướng đến chánh tri kiến chứ chưa phải là đã thể nhập chánh tri kiến. Có hai pháp cần thực hành trong sự tu tập chánh kiến. Nếu hành giả không nghiêm túc, cẩn trọng tu tập hai pháp này thì sẽ không thể nào đi đến sự thể nhập vào chánh kiến, thành tựu chánh kiến. Vì vậy, hành giả đừng xem thường, đừng hời hợt, đừng qua loa với hai pháp này. Nếu Văn (nghe tiếng người khác) không đầy đủ, không chính xác thì Tư (như lý tác ý) sẽ không thể thực hành một cách tốt đẹp, chính xác và như vậy sẽ không thể thành tựu Tư, không thể thành tựu như lý tác ý. Khi Tư không thành tựu thì sẽ không thể thành tựu trí tuệ về tự thân, không thể thành tựu chánh kiến, không thể tiến hành sự tu tập nhiếp phục thân, đào thải dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, lậu hoặc khỏi nội tâm.

Nhưng nếu hành giả chỉ dừng lại ở phần Văn, đứng luôn trong phần nghe pháp, nghe giảng, đọc kinh, học kinh mà không thực hành tư sát các pháp; không đưa các pháp đã được nghe vào trong thực tế thân tâm để nhận diện các pháp, nhận diện thân tâm; không thực tập như lý tác ý để thực thấy, thực biết rõ các pháp. Thế nên, hành giả không

thể nào đi đến sự thành tựu trí tuệ, thành tựu chánh kiến, thành tựu sự thấy biết rõ về tự thân.

Mỗi hành giả cần phải xác định rõ mình đang ở giai đoạn nào của sự tu tập và cần làm cho thành tựu, làm cho viên mãn, làm vững chắc mỗi bước đi, mỗi giai đoạn tu tập của mình. Hành giả không ở hoài trong một giai đoạn, nhưng cũng không lướt qua các giai đoạn. Hành giả không đứng hoài tại một bước chân nhưng cũng không bước đi quá mau với những bước chân xiêu vẹo, khập khểnh, yếu ớt, nghiêng ngã, dễ hụt chân vấp ngã. Mỗi bước chân của hành giả phải vững vàng, phải rõ ràng, phải mạnh mẽ. Bước chân này vững rồi thì mới bước lên bước tiếp theo. Cũng vậy, phần Văn phải vững chắc mới bắt tay vào phần Tư. Văn không vững, xiêu vẹo, lệch lạc thì Tư không thể thực hiện được hoặc Tư sẽ bị méo mó, lệch lạc, hời hợt, cạn cợt, qua loa, tự thân vẽ bày thêm hoặc tự thân sẽ cắt xén vầy khác, rồi lập thành tri kiến của tự thân, tri kiến trong vô minh, si ám không đưa đến sự thấy biết trọn vẹn, chân chánh về tự thân; không đưa đến sự thấy biết rõ những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, lậu hoặc trong tự thân. Trí tuệ đó sẽ dẫn vào kiến thủ, đi vào ngõ cụt, đi vào rừng rậm, không có lối thoát. Một khi Tư đã méo mó, lệch lạc, xiêu vẹo thì Tu không thể thành lập, thiết lập, phát triển và thành tựu viên mãn.

Nếu hành giả chỉ thích nghe pháp, không thực hành quán sát ý nghĩa các pháp trong tự thân, không khéo kết hợp việc nghe và việc tư sát, như lý tác ý nhận diện các pháp trong tự thân thì phần Tư sẽ không thể thành tựu. Khi Tư không thành tựu thì hành giả không thể tiến hành việc Tu tập, nhiếp phục thân tâm, thay đổi, chỉnh sửa và đào thải khỏi thân tâm những tập khí, tánh tình bất thiện trong thân tâm.

Tóm lại, hành giả cần phải biết mình, biết pháp. Hành giả cần phải biết mình đang ở giai đoạn nào của sự tu và cần phải biết pháp nào mình cần hành trì, cần tu tập trong giai đoạn đó. Và hành giả cần phải tiến hành tu tập thành tựu, tu tập viên mãn pháp đó. Hành giả phải cẩn trọng trong từng giai đoạn của sự tu, trong từng pháp mà mình đang tu. Học cái gì thì vững cái đó. Tập cái gì thì phải thành tựu cái đó. Đang ở giai đoạn nào thì biết rõ mình đang ở giai đoạn đó. Tu tập cho thật tốt, thật hoàn hảo từng giai đoạn. Sau đó, hành giả mạnh mẽ bước lên những bước tiếp theo. Đó gọi là hành giả đã khéo biết mình, biết pháp.

1.7 Cách định tâm đúng trong đạo Phật

1.7.1 Có phải cứ vào tu là ngồi thiền cho định tâm liền?

Trong phương pháp Tám đúng, khi Đức Phật hướng dẫn chánh định, cách thiền định chân chánh hay cách định đúng (Định đúng cách) trong sự tu tập tâm đó chính là Tứ thiền.

Tứ thiền là một sự tu tập tâm, huấn luyện tâm đi từ thô đến tế. Hành giả không phải cứ bước vô tu là ngồi thiền, không phải cứ nhào vô ngồi thiền là bắt tâm vắng lặng, buông hết mọi vọng niệm, chỉ giữ một sự biết và cũng không cần biết rõ những gì đang diễn ra trong thân tâm mình. Lối thiền theo Thánh chánh định của các Đức Phật và các bậc Chánh Đăng Giác giảng dạy là pháp thiền định phải được dẫn đầu với chánh kiến, phải được sửa soạn bởi bảy pháp chân chánh là Thấy đúng, Nghĩ đúng, Nói đúng, Làm đúng, Sống đúng, Siêng đúng, Quán đúng và tẩy sạch Năm triền cái rồi mới đi vào bốn tầng thiền định. Bốn tầng thiền trong chánh định là bốn cung bậc định tâm đi từ thô đến tế. Sơ thiền là hành giả định tâm, an trú tâm trong trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh. Trạng thái định tâm này còn rất thô vì còn có tầm, có tứ. Tầm, tứ trong Sơ thiền là hành giả hướng tâm về quan sát thực tại an lạc, thoải mái của thân tâm (Ngũ uẩn) khi không bị năm triền cái chi phối. Khi quán sát thấy sự an lạc này, hành giả khéo tác ý làm cho sanh khởi lên

cảm giác hỷ lạc trong thân tâm, làm cho hỷ lạc này được lan tỏa, được thấm nhuần toàn khắp thân tâm, hành giả an trú một cách viên mãn và sung mãn trong trạng thái hỷ lạc này. Trạng thái thiền định này còn rất thô, vì định này còn có tầm, có tứ, có sự tác ý về ly dục. Nhưng, vì sao hành giả cần phải tu tập trạng thái thiền hỷ lạc do ly dục sanh này? Vì sao hành giả cần phải làm sung mãn trạng thái thiền này? Vì sao các bậc Chánh Đẳng Giác hướng dẫn trạng thái thiền này?

1.7.2 Vì sao cần tu tập hỷ lạc do ly dục sanh trong Sơ thiền?

Tác dụng của hỷ lạc do ly dục sanh trong trạng thái Sơ thiền là dùng để tẩy sạch những tàn dư của dục lậu còn tiềm ẩn trong thân tâm, tẩy sạch những cảm giác bức xúc, thúc giục còn tiềm ẩn của dục lậu. Ví như một người khi được ăn một chiếc bánh ngon đất tiền thì không còn thèm chiếc bánh dở rẻ tiền, khi được ở trong một ngôi biệt thự to lớn sang trọng thì không còn ham muốn căn nhà lá cũ kỹ rách nát.

Cũng vậy, **dục lạc** là những cảm giác khoái lạc khi được thỏa mãn những tham muốn, đòi hỏi đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc. Khi không có sắc, thanh, hương, vị, xúc để phục vụ, để đáp ứng cho lòng dục thì cảm giác khoái lạc này không sanh khởi. Vì vậy, dục lạc là những cảm giác

khoái lạc bị nô lệ, bị lệ thuộc vào sắc, thanh, hương, vị, xúc. Chẳng những bị lệ thuộc vào sắc, thanh, hương, vị, xúc mà những cảm giác khoan khoái dục lạc này rất ngắn ngủi, rất tạm bợ, có bản chất là vô thường và tan biến.

Ly dục lạc là những cảm giác an lạc hoan hỷ khi hành giả khéo quán sát thấy thân tâm mình đã xả ly được lòng tham dục và các pháp ác bất thiện trong năm triền cái hay những cảm giác an lạc hoan hỷ khi hành giả khéo quán sát thấy nội tâm bên trong là định tĩnh và nhất tâm. Ly dục lạc là những cảm giác hỷ lạc, vui mừng khi thấy mình không bị tham dục và các pháp bất thiện chi phối. Những cảm giác ly dục lạc này sanh khởi do sự khéo tu tập, khéo tác ý chân chánh theo lời dạy của bậc Chánh Đẳng Giác. Ly dục lạc là những cảm giác hoan hỷ, hỷ lạc không lệ thuộc, không nô lệ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc bên ngoài. Chẳng những không lệ thuộc vào bên ngoài mà ly dục lạc có thể sanh khởi bất cứ khi nào hành giả muốn và sẽ duy trì lâu mau tùy theo ý muốn của hành giả. Khi hành giả thường thức được cảm giác khoan khoái, hỷ lạc, dễ chịu của trạng thái thân tâm không bị dục, không bị các pháp bất thiện chi phối. Hành giả thường thức trọn vẹn sự khoan khoái an lạc của cảm giác ly dục lạc này. Hành giả nhớ lại những cảm giác dục lạc thấp kém trước kia và thấy rõ những cảm giác khoan khoái trong dục lạc là những cảm giác bị nô lệ, bị lệ thuộc, bị trói buộc vào sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nếu

không có xúc chạm với sắc, thanh, hương, vị, xúc thì những cảm giác dục lạc này không có mặt. Hành giả thấy rõ những cảm giác dục lạc này là những cảm giác bị nô lệ, bị trói buộc, bị lệ thuộc vào ngoại trần, bản chất của nó là vô thường, tạm bợ, mong manh, dễ tan vỡ, dễ tan biến. Nhìn thấy rõ sự thật về các dục lạc nên hành giả không còn thèm muốn đối với dục lạc. Nhờ sự biết thưởng thức sâu sắc những cảm giác ly dục lạc nên hành giả tẩy sạch được những dục lạc và dục lậu còn tàn dư, còn tiềm ẩn sâu trong nội tâm và hoàn toàn không còn muốn quay trở lại đối với những dục lạc nô lệ, thấp kém.

1.7.3 Tầm tứ là gì?

Tầm là tầm cầu, tìm kiếm, chiều hướng tâm hướng đến, tìm kiếm đến một điều gì đó.

Tứ là tư sát, là xem xét, là quán sát một vấn đề nào đó. **Tầm tứ** là tâm hướng đến một điều gì đó và tư sát điều đó, quán sát điều đó.

Tầm tứ trong sơ thiền là hành giả hướng tâm tác ý đến sự nguy hại, sự vô thường tạm bợ, vay mượn, nô lệ, bị trói buộc vào ngoại trần của các cảm giác dục lạc và hướng tâm tác ý đến sự bình yên, an ổn, dễ chịu của thân tâm khi không bị các cảm giác thèm khát ngoại trần chi phối, không bị các pháp ác bất thiện khống chế. Sự hướng tâm tác ý đến

bản chất của dục lạc, sự nguy hại của dục, của các pháp bất thiện và hướng tâm tác ý đến bản chất của ly dục lạc và sự bình an của ly dục lạc, đó gọi là tầm. Tầm này gọi là ly dục tầm, ly sân tầm, bất hại tầm. Sau khi hướng tâm tác ý ghê sợ đối với dục lạc, ghê sợ đối với Năm triền cái và tác ý sự an lạc dễ chịu của thân tâm trong ly dục lạc, hành giả an trú thân tâm trong sự an lạc dễ chịu của ly dục lạc, đây gọi là Tứ. Sự hướng tâm tác ý như vậy và an trú tâm như vậy, đó gọi là tầm và tứ trong Sơ thiền (thiền thứ nhất).

1.7.4 Tác dụng của Tứ thiền

▪ Tác dụng của Sơ thiền

Như vậy, ly dục lạc là những cảm giác hoan hỷ, an lạc, lành mạnh, thanh cao, cao quý, cao thượng. Khi cảm xúc được thưởng thức, được những cảm giác khoan khoái, thoải mái, hỷ lạc, thanh cao của trạng thái thân tâm an ổn bình yên, hành giả thấy không còn thèm khát những cảm giác dục lạc nô lệ, ngăn ngại, thấp kém. Đó là lý do vì sao Đức Phật hướng dẫn tu tập hỷ lạc do ly dục sanh trong Sơ thiền.

Ví như một người dùng xà bông để rửa một cái chén dính đầy dầu bẩn nhớp nhúa. Cũng vậy, hành giả dùng sự thể nhập sung mãn trạng thái khoan khoái, dễ chịu, hỷ lạc của ly dục để tẩy rửa tâm hết sạch những tàn dư yêu thích dục lạc của thế gian. Nếu chưa thưởng thức những cảm giác an

lạc của ly dục lạc thì những cảm giác của dục lạc có thể sanh khởi lại, quấy rối tâm và làm phiền tâm. Đó là tác dụng của Sơ thiền.

▪ Tác dụng của Nhị thiền

Sau khi an trú sung mãn trong trạng thái Sơ thiền, tẩy sạch được dục tham và các pháp ác bất thiện nhờ hỷ lạc của Sơ thiền, hành giả tiến lên bước nữa là tiến đến thưởng thức trạng thái của hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tức là hành giả làm cho an tịnh, làm cho dừng lại trạng thái tâm *hướng đến an trú (tâm tứ)* trong sự tác ý về trạng thái hỷ lạc do thân tâm được ly dục, hành giả cho dừng lại tầm tứ này, rồi tiến đến thưởng thức sự dễ chịu, hoan hỷ, an lạc của thân tâm khi nội tâm không bị tán loạn, tâm hướng nội, nội tâm định tĩnh bên trong, đây gọi là hỷ lạc do định sanh. Trong trạng thái Nhị thiền này, thọ hỷ trong tâm và thọ lạc trong thân là song hành và an trú. Hành giả cho khởi lên cảm giác thân an lạc dễ chịu và cảm giác tâm hoan hỷ vui nhẹ đối với trạng thái an tịnh, lặng yên trong tâm. Sau khi thọ lạc và thọ hỷ sanh khởi, hành giả tiếp tục an trú và thưởng thức cảm giác hỷ lạc này khi tâm trong trạng thái yên lặng, nội tĩnh nhất tâm. Tác dụng hỷ lạc do định sanh trong trạng thái nhị thiền này giúp tâm tẩy sạch thói quen thích suy nghĩ, thích nghĩ ngợi lan man lung tung trong tâm. Đó là tác dụng của Nhị thiền.

▪ Tác dụng của Tam thiền

Sau khi an trú sung mãn trong trạng thái Nhị thiền, sau khi thường thức sự dễ chịu an lạc của thân tâm khi nội tâm tĩnh lặng, hành giả tiến lên bước nữa là làm cho dừng lại, làm cho tịnh chỉ lại cảm giác vui nhẹ trong tâm, tức là làm dừng lại hỷ thọ, cho chấm dứt hỷ thọ, chỉ còn lưu lại cảm giác dễ chịu của thân và an trú vững chắc trong trạng thái thân tâm này, đây gọi là thiền thứ ba. Tác dụng của thiền thứ ba là làm giảm dần tình trạng dao động trong tâm, xả bớt trạng thái tâm hỷ vui, chỉ lưu giữ lại trạng thái dễ chịu trong thân, đây gọi là “Xả niệm lạc trú”. Đó là tác dụng của Tam thiền.

▪ Tác dụng của Tứ thiền

Sau khi an trú sung mãn trong trạng thái của định Tam thiền, hành giả tiến thêm bước nữa là làm cho dừng lại luôn, làm cho tịnh chỉ luôn cảm giác dễ chịu trong thân. Thân và tâm bây giờ thuần nhất trong sự thanh tịnh, lặng yên hoàn toàn. Hành giả an trú vững chãi, sâu sắc trong trạng thái thân tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy. Đây gọi là an trú trong Thiền thứ tư. Tác dụng của thiền này là hướng hành giả thể nhập vào trạng thái thân tâm hoàn toàn thanh tịnh, hoàn toàn vắng lặng. Với trạng thái hoàn toàn thanh tịnh vắng lặng như vậy của thân tâm, hành giả sẽ dễ thấy biết rõ những lậu

hoặc, những uế nhiễm còn tàn dư trong thân tâm và sẽ mau chóng tẩy sạch những tàn dư cấu uế này trong tâm. Đó là tác dụng của Thiền thứ tư.

Với sự an trú tuần tự trong bốn thiền như trên, nếu hành giả tác ý nhận diện Ngũ uẩn trong các trạng thái thiền này và khéo quán từ bỏ Ngũ uẩn, từ bỏ những kiết sử còn tồn đọng trong nội tâm thì ngay hiện tại hành giả có thể đắc quả lậu tận. Hay nếu chỉ diệt tận được năm hạ phần kiết sử, còn tồn đọng năm thượng phần kiết sử thì hành giả chứng quả Bất lai.

Như vậy, Tứ thiền hay Chánh định trong Bát Chánh Đạo là một phương pháp định tâm thiện xảo, giúp tâm định dần từ thô đến tế, không bắt buộc tâm phải dừng lại tất cả các hoạt động một cách đột ngột trong khi tâm còn đầy dẫy tham sân si và các pháp ác bất thiện. Phương pháp thiền định này không tạo áp lực cho tâm khi ngồi thiền mà lại còn dẫn dắt tâm nhẹ nhàng đi vào thiền định sau khi thanh lọc tâm khỏi các pháp ác bất thiện. Phương pháp định tâm này là một phương pháp thiện xảo, vi diệu, tạo cảm hứng cho tâm, tạo sáng khoái cho tâm, tạo sự nhẹ nhàng an lạc cho tâm trong khi đi vào thiền định. Phương pháp thiền định này là kinh nghiệm xương máu của Bồ-tát Tất Đạt Đa sau nhiều năm tu khổ hạnh vẫn không tìm được ánh sáng của trí tuệ giác ngộ giải thoát. Ngài đã từ bỏ khổ hạnh, và sau đó, Ngài đã tự mình phát giác phát hiện phương pháp

thiền định tuân tự vi diệu thiện xảo này. Phương pháp thiền định này là Tinh Hoa trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác trong việc tu thiền định.

Đọc đến đây, hành giả có thể cảm thấy hân hoan và muốn bắt tay ngay vào việc tu tập Tứ thiền. Nhưng xin quý vị hãy lưu ý: Bốn tầng thiền định này được tu tập sau khi hành giả bước vào được cánh cửa của Chánh tri kiến, tức thấy biết rõ sự vận hành của Ngũ uẩn trong nội tâm và thấy biết rõ những rác bần trong tâm, thành tựu bảy Chánh Pháp đầu tiên trong Bát Chánh Đạo, tẩy sạch được hoàn toàn năm triền cái là dục tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, hoài nghi. Vì vậy, hành giả có thể khởi tâm hoan hỷ với pháp hành Thánh chánh định này nhưng kết quả thật sự của thiền định này chỉ có thể có khi hành giả đi đúng tuân tự con đường của Bát Chánh Đạo.

1.8 Thiền sắc giới và Thiền vô sắc giới

1.8.1 Nghi ngờ về Thiền Vô Sắc Giới

Có ý kiến cho rằng, “khi còn là Bồ-tát, Thái tử Tất Đạt Đa đã từng học thiền Vô sở hữu xứ với ngài Alara Kalama và thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ với ngài Uddaka Ramaputta nhưng Bồ-tát thấy hai thiền này không đưa đến trí tuệ về sanh tử, vì vậy Bồ-tát Tất Đạt Đa đã bỏ đi. Nhưng trong Nikaya lại thấy sau này Đức Phật có dạy các thiền

này nên những ý kiến sau này cho rằng bốn thiền vô sắc được chỉ dạy trong Nikaya là do người đời sau thêm vào trong Nikaya chứ không phải thiền của Đức Phật dạy”.

Những ý kiến này mới nghe có vẻ hợp lý. Nhưng khi hành giả đi sâu vào trong Nikaya, thực sự thực hành nghiêm túc con đường của Bát Chánh Đạo, thể nhập vào chánh tri kiến, thể nhập vào trong Thánh trí về Ngũ uẩn và để cho Thánh trí này thể nhập vào các tầng thiền sắc giới và vô sắc giới thì khi ấy hành giả sẽ hiểu được sự khác nhau giữa Thánh đệ tử và người phàm phu trong việc tu tập thiền vô sắc giới là như thế nào. Và vì sao sau khi thành đạo Đức Phật vẫn dạy các tầng thiền vô sắc giới cho các Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên và các vị Thánh đệ tử khác? Để sáng tỏ trong vấn đề này, chúng ta hãy cùng nhau cẩn trọng tìm hiểu các bài kinh sau đây:

1.8.2 Kinh CHÍN THỨ ĐỆ DIỆT (Tăng IV, 152)

- *Này các Tỷ-kheo, có chín thứ đệ diệt. Thế nào là chín?*

1. *Thành tựu sơ Thiền thì các **dục tưởng** bị đoạn diệt.*
2. *Thành tựu đệ nhị Thiền thì các **tâm tứ** bị đoạn diệt.*
3. *Thành tựu đệ tam Thiền thì **hỷ** bị đoạn diệt.*
4. *Thành tựu đệ tứ Thiền thì **hơi thở vào, hơi thở ra** bị đoạn diệt.*

5. Thành tựu Không vô biên xứ thì **sắc tướng** bị đoạn diệt.
6. Thành tựu Thức vô biên xứ thì **Không vô biên xứ tướng** bị đoạn diệt.
7. Thành tựu Vô sở hữu xứ thì **Thức vô biên xứ** bị đoạn diệt.
8. Thành tựu Phi tướng phi phi tướng xứ thì **Vô sở hữu xứ** bị đoạn diệt.
9. Thành tựu Diệt thọ tướng định thì **các tướng và các cảm thọ** bị đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, đây là chín thứ đệ diệt.

(Hết trích kinh)

Như vậy, bài kinh đã làm sáng tỏ mục đích tu tập tứ thiền và các thiền vô sắc. Và mục đích tu tập chín thiền này là để đoạn diệt dục tướng, tầm tứ, hỷ, lạc, sắc tướng, các tướng và các thọ.

1.8.3 Kinh THỨ ĐỆ TRÚ 2 (Tăng IV, 155)

(Trích đoạn)

- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về chín Thiền chứng thứ đệ trú này. Hãy lắng nghe...

Này các Tỷ-kheo, thế nào là chín thứ đệ trú Thiền chứng?

1). ...Chỗ nào các **dục** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo ly các dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và an trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh với tâm, với tứ. Tại đây, các dục được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt các dục, sống an trú.

Này các Tỷ-kheo, chắc chắn người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói “Lành thay”. Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói “Lành thay” sẽ đánh lễ, chấp tay và hầu hạ.

2). Chỗ nào các **tâm và tứ** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tại đây, các tâm và tứ được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt tâm và tứ, sống an trú”.

Này các Tỷ-kheo, chắc chắn người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói “Lành thay” ... sẽ đánh lễ, chấp tay và hầu hạ.

3). Chỗ nào **hỷ** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú **Thiền thứ ba**. Tại đây, hỷ được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt hỷ, sống an trú...

4). Chỗ nào **xả lạc** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tại đây, xả lạc được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt xả lạc, sống an trú...

5). Chỗ nào **sắc tướng** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo vượt qua sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tướng, không tác ý các sai biệt tướng, biết rằng: “Hư không là vô biên”, chứng đạt và an trú **“Không vô biên xứ”**. Ở đây, các sắc tướng được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt các sắc tướng, sống an trú.

Này các Tỷ-kheo, chắc chắn người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói “Lành thay”. Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói “Lành thay” sẽ đánh lễ, chấp tay và hầu hạ.

6). Chỗ nào **Không vô biên xứ tướng** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo vượt qua Không vô biên xứ tướng một cách hoàn toàn, biết rằng: “Thức là vô biên”, chứng và trú **“Thức vô biên xứ”**. Tại đây, Không vô biên xứ tướng được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt Không vô biên xứ tướng, sống an trú...

7). Chỗ nào **Thức vô biên xứ tướng** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ tướng một cách hoàn toàn, biết rằng: “Không có vật gì”, chứng và trú **“Vô sở**

hữu xứ”. Tại đây, Thức vô biên xứ tướng được đoạn diệt. Các vị ấy, sau khi đoạn diệt Thức vô biên xứ tướng, sống an trú...

8). Chỗ nào **Vô sở hữu xứ tướng** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo vượt Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú **“Phi tướng phi phi tướng xứ”**. Tại đây, Vô sở hữu xứ tướng được đoạn diệt. Các vị ấy, sau khi đoạn diệt Vô sở hữu xứ tướng, sống an trú...

Này các Tỷ-kheo, chắc chắn người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ... đánh lễ, chấp tay và hầu hạ.

9). Chỗ nào **Phi tướng phi phi tướng xứ tướng** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo vượt Phi tướng phi phi tướng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú **“Diệt thọ tướng định”**. Tại đây, Phi tướng phi phi tướng xứ tướng được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt Phi tướng phi phi tướng xứ tướng, sống an trú.

Này các Tỷ-kheo, chắc chắn người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói “Lành thay”. Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói “Lành thay” sẽ đánh lễ, chấp tay và hầu hạ.

Này các Tỷ-kheo, đây chính là thứ đệ trú Thiên chứng.

(Hết trích kinh)

Bài kinh lại một lần nữa xác định rõ cho chúng ta mục đích của chín thiền là để triệt hạ dần, triệt tiêu dần những dục, ái đối với Ngũ uẩn, những dính mắc, chấp thủ, trói buộc đối với Ngũ uẩn từ thô đến tế.

1.8.4 Kinh HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 1 (Tăng II, 54)

1. Có **bốn hạng người** này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ.

- Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy, ái luyến Thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phân lớn với Thiền ấy, không có thoái đạo; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở Phạm chúng thiên. **Một kiếp**, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở **Phạm chúng Thiên**.
- Tại đấy, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến nga quỳ.
- Còn đệ tử Như Lai, tại đấy, sau khi an trú cho đến hết trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là

sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

- *Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy... khi thân hoại mạng chung, được sanh công trú với chư Thiên ở cõi Quang âm Thiên. Hai kiếp này, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở **Quang Âm Thiên**.*
- *Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy... đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý.*
- *Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Đây là sự đặc thù... tức là vấn đề sanh thú.*

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba**.

- *Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy... khi thân hoại mạng chung, được sanh công trú với chư Thiên ở Biến*

tinh Thiên. **Bốn** kiếp, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở **Biển tịnh Thiên**.

- Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy... đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý.
- Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết tron ven tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiên hữu ấy. Đây là sự đặc thù... tức là vấn đề sanh thú.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

- Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy, ái luyến Thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phân lón với Thiền ấy, không có thoái đạo; khi thân hoại mạng chung, được sanh công trú với chư Thiên ở Quảng quả Thiên. **Năm** kiếp, là tuổi thọ vô lượng các chư Thiên ở **Quảng quả Thiên**.
- Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống tron ven tuổi thọ của chư Thiên, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý.
- Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết tron ven tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiên hữu ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là

sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

1.8.5 Kinh KHÔNG VÔ BIÊN XỨ (Tăng I, 484)

Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

1). Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người hoàn toàn vượt qua sắc tướng, chấm dứt đối ngại tướng, không tác ý các tướng sai biệt, xem “hư không là vô biên”, đạt đến và an trú Không vô biên xứ. Vị ấy thường thức cảnh giới ấy, hy cầu cảnh giới ấy, thỏa mãn với cảnh giới ấy, an trú trong cảnh giới ấy, tín giải cảnh giới ấy, an trú nhiều trong cảnh giới ấy, không có từ bỏ cảnh giới ấy, đến khi mạng chung, được sanh cộng trú với **chư Thiên đã đạt Không vô biên xứ.**

- *Này các Tỷ-kheo, thọ mạng của chư Thiên đã đạt đến Không vô biên xứ là **hai mươi ngàn kiếp.***
- *Kẻ phàm phu, sau khi trú ở đây cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, kẻ ấy đi vào địa ngục, đi vào loại bàng sanh, đi vào cõi nga quý.*

- Nhưng đệ tử của Thế Tôn, sau khi trú ở đấy cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, cuối cùng nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Đây là sự đặc thù, đây là sự tăng thượng, đây là sự sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe nhiều và kẻ vô văn phàm phu về vấn đề sanh thú và tái sanh.
- 2). Lại nữa, ở đây có người vượt qua Không vô biên xứ, xem “thức là vô biên”, đạt đến an trú Thức vô biên xứ. Vị ấy thưởng thức cảnh giới ấy, hy cầu cảnh giới ấy, thỏa mãn với cảnh giới ấy, an trú trong cảnh giới ấy, tín giải cảnh giới ấy, an trú nhiều trong cảnh giới ấy, không có từ bỏ cảnh giới ấy, đến khi mạng chung, được sanh cộng trú với **chư Thiên đã đạt đến Thức vô biên xứ**.
- Nay các Tỷ-kheo, thọ mạng của chư Thiên đã đạt đến Thức vô biên xứ là **bốn mươi ngàn kiếp**.
 - Kẻ phàm phu, sau khi trú ở đấy cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, kẻ ấy đi vào địa ngục, đi vào loại bàng sanh, đi vào cõi ngạ quỷ.
 - Nhưng đệ tử của Thế Tôn, sau khi trú ở đấy cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, cuối cùng nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Đây là sự đặc thù... về vấn đề sanh thú và tái sanh.

3). Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có người vượt qua Thức vô biên xứ, xem “không có gì cả”, đạt đến an trú Vô sở hữu xứ. Vị ấy thưởng thức cảnh giới ấy, hy cầu cảnh giới ấy, thỏa mãn với cảnh giới ấy, an trú trong cảnh giới ấy, tín giải cảnh giới ấy, an trú nhiều trong cảnh giới ấy, không có từ bỏ cảnh giới ấy, đến khi mạng chung, được sanh cộng trú **với chư Thiên đã đạt Vô sở hữu xứ.**

- Này các Tỷ-kheo, thọ mạng của chư Thiên đã đạt đến Vô sở hữu xứ là **sáu mươi ngàn kiếp.**
- Kẻ phàm phu, sau khi trú ở đây cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, kẻ ấy đi vào địa ngục, đi vào loại bàng sanh, đi vào cõi ngạ quỷ.
- Nhưng đệ tử của Thế Tôn, sau khi trú ở đây cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, cuối cùng nhập Niết-bàn trong hiên hữu ấy. Đây là sự đặc thù, đây là sự tăng thượng, đây là sự sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe nhiều và kẻ vô văn phàm phu về vấn đề sanh thú và tái sanh.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

1.8.6 Kinh HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 2 (Tăng II, 57)

1. - Có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ly dục, ly ác pháp, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất**. Ở đây, về các pháp thuộc sắc, thuộc thọ, thuộc tưởng, thuộc hành, thuộc thức, vì ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã. Vì ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiền**. Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, không có chung cùng các hàng phàm phu.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tâm và tứ... **Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư** và an trú. Vì ấy, ở đây về các pháp thuộc sắc, thuộc thọ, thuộc tưởng, thuộc hành, thuộc thức, vì ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã. Vì ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiền**. Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, không có chung cùng các hàng phàm phu.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

(Hết trích kinh)

1.8.7 Kinh THIỀN (Tăng IV, 173)

(Trích đoạn)

1. - Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng:

- “Y chỉ nơi **Sơ Thiền**, các lậu hoặc được diệt tận”.
- “Y chỉ vào **Thiền thứ hai**, các lậu hoặc được diệt tận”.
- “Y chỉ vào **Thiền thứ ba**, các lậu hoặc được diệt tận”.
- “Y chỉ vào **Thiền thứ tư**, các lậu hoặc được diệt tận”.
- “Y chỉ vào **Không vô biên xứ...**”.
- “Y chỉ vào **Thức vô biên xứ...**”.
- “Y chỉ vào **Vô sở hữu xứ...**”.
- “Y chỉ vào **Phi tướng phi phi tướng xứ**, các lậu hoặc được đoạn tận”.

2. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: “Y chỉ vào **Sơ Thiền**, các lậu hoặc được đoạn tận”, như vậy được nói đến. Do duyên gì, được nói đến như vậy?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, **chứng và trú Sơ Thiền**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

- Vị ấy, ở đây đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về **thọ**, thuộc về **tưởng**, thuộc về **hành**, thuộc về **thức**, các pháp ấy, vị ấy **tùy quán** là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.
- Vị ấy **tránh né tâm** mình khỏi những pháp ấy.
- Sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến **giới bất tử**: “Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt Niết-bàn”. Vị ấy trú ở đây đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.
- Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị **hóa sanh**, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Ví như người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung, **tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ** hay trên đồng đất sét, rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn...

Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào Sơ Thiên, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

3. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng y chỉ **Thiền thứ hai...** y chỉ **Thiền thứ ba...** y chỉ **Thiền thứ tư**, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận lạc, đoạn tận khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú **Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh.
- Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy **tùy quán** là vô thường, là khổ, là bệnh, là diệt tận, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.
- Vị ấy **tránh né** tâm mình khỏi những pháp ấy.
- Sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy **hướng dẫn đến giới bất tử**: “Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tắt cả hành, sự từ bỏ tắt cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt Niết-bàn”. Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.
- Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị

hóa sanh, tại đây chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

*Ví như người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung **tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ** hay trên đồng đất sét, rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn...*

Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào Thiền thứ hai... y chỉ Thiền thứ ba... y chỉ Thiền thứ tư, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

*4. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: “Y chỉ vào **Không vô biên xứ Thiền**, các lậu hoặc được đoạn tận, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?”*

- *Ở đây, này các Tỷ-kheo, vượt khỏi các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đến tưởng sai biệt, biết rằng: “Hư không là vô biên”, chứng đạt và an trú Không vô biên xứ.*
- *Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy **tùy quán** là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên... do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đây chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.*

Này các Tỷ-kheo, ta nói rằng: “Y chỉ vào Không vô biên xứ, các lậu hoặc được đoạn tận”, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

5. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: “Y chỉ vào **Thức vô biên xứ**... y chỉ vào **Vô sở hữu xứ**... các lậu hoặc được đoạn diệt”, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt qua **Thức vô biên xứ** một cách hoàn toàn, biết rằng: “Không có vật gì”, chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ.
- Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy **tùy quán** là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.
- Vị ấy **tránh né** tâm mình khỏi những pháp ấy.
- Sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy **hướng dẫn đến giới bất tử**: “Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tắt cả hành, sự từ bỏ tắt cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt Niết-bàn”. Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

- Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đây chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: “Y chỉ vào Vô sở hữu xứ, các lậu hoặc được đoạn diệt”, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến.

Như vậy, xa cho đến các tướng Thiền chứng, cho đến như vậy, cần phải lấy **Trí** để thể nhập.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các xứ này, như **Phi tướng phi phi tướng** Thiền chứng và **Diệt thọ tướng** là những xứ, các Tỷ-kheo Thiền quán, khéo léo chứng nhập, khéo léo khởi xuất Thiền chứng. Ta nói rằng: “Sau khi chứng nhập và khởi xuất, các xứ ấy cần phải được chơn chánh làm cho **biết rõ**”.

1.8.8 Sơ thiền quán Ngũ uẩn chứng Bất lai, Lậu tận

Tóm lại, các bài kinh trên đã làm cho chúng ta sáng tỏ mục đích việc tu tập các tầng thiền là để đoạn diệt dục tướng, tầm tứ, hỷ, lạc, sắc tướng, tưởng và các cảm thọ. Đó cũng là lý do vì sao Đức Phật lại giảng dạy các tầng thiền này cho đệ tử của Ngài.

Trong bài kinh Hạng Người Sai Khác 1 (Tăng II, 54) và kinh Không Vô Biên Xứ (Tăng I, 484), Đức Phật đã truyền

trao cho chúng ta một thông điệp quan trọng rằng: Trong tứ thiền và trong thiền vô sắc, nếu không tu tập Chánh tri kiến, không thành tựu trí về Ngũ uẩn, không nhận diện được Ngũ uẩn nhưng lại bắt tay vào tu tập các thiền thì đó cũng vẫn được gọi là kẻ phạm phu, người ngoại đạo. Dù là vị này tu tập thành tựu các thiền, nhưng sau khi hưởng hết phước ở các cõi trời tương ứng với các thiền này thì cũng vẫn bị đọa trở lại trong luân hồi sanh tử.

Lại nữa, trong kinh Thiền (*Tăng IV*, 173) và kinh Hạng Người Sai Khác 2 (*Tăng II*, 57), Đức Phật cũng đã trao gửi cho chúng ta thêm một thông điệp quan trọng rằng: Không nhất thiết phải tu tập đầy đủ các tầng thiền thì mới đạt được lậu tận, chỉ cần đi theo con đường của Bát Chánh Đạo, khi vào tới Sơ thiền, khéo tu tập trong Sơ thiền, khéo nhận diện Ngũ uẩn và quán từ bỏ Ngũ uẩn trong Sơ thiền thì cũng có thể chứng được Lậu tận hoặc Bất lai, đây là điều chúng ta cần đặc biệt lưu ý.

Như vậy, không nhất thiết là hành giả phải tu tập đầy đủ các thiền, nhưng cũng đừng vì vậy mà chủ quan dừng lại ở Sơ thiền, bỏ qua sự học hiểu và tu tập các thiền còn lại. Vì sao? Vị thành tựu chánh kiến cần biết rõ tất cả các mặt hàng còn tồn kho, còn tồn đọng trong mình để khi thành tựu chánh niệm, tẩy sạch Năm triền cái và đi vào chánh định thì khéo tu tập trong chánh định, khéo vận dụng các thiền, khéo tu tập các thiền để diệt tận những hàng tồn kho

cuối cùng còn tồn đọng trong mình. Vì vậy, hành giả đừng quá lo ngại trước các tầng thiền nhưng cũng đừng chủ quan trong sự tu tập các thiền.

Thông điệp cuối cùng trong các bài kinh trên, đó là Đức Phật đã cho chúng ta biết rõ sự khác biệt giữa Thánh đệ tử và người không thành tựu chánh kiến (người phàm phu) trong việc tu tập các tầng thiền sắc giới và vô sắc giới. Vì sao có sự khác biệt trong quả của thiền định giữa Thánh đệ tử và người phàm phu?

1.8.9 Sự khác biệt trong nhân quả thiền định giữa Thánh đệ tử và người phàm phu

Người phàm phu là người không có nghe pháp của Đức Phật, không có nghe những lời giảng dạy chân chánh của Đức Phật, không thành tựu chánh kiến, không thành tựu sự thấy biết chân chánh về Ngũ uẩn, về tự thân. Người như vậy được gọi là phàm phu - người còn ở trong vô minh, si ám.

Bậc Thánh đệ tử tức là đệ tử của Đức Phật. Đức Phật được gọi là bậc Thánh (Kinh Thế Giới - *Twong V*, 633) nên đệ tử của Đức Phật được gọi là Thánh đệ tử. Thánh đệ tử hay đệ tử của Đức Phật đó là những vị có nghe pháp của Đức Phật, có nghe những lời giảng dạy chân chánh của Đức Phật, có tu tập và thành tựu chánh kiến, thành tựu sự thấy

biết chân chánh về Ngũ uẩn, về tự thân thông qua sự thực hành theo chánh kiến mà Đức Phật đã chỉ dạy.

Nhiều bài kinh trong Nikaya đã trình bày rõ: Đức Phật không công nhận những vị không thành tựu chánh kiến, không thành tựu trí về Ngũ uẩn là đệ tử của Ngài và Đức Phật cũng đã tuyên bố những vị như vậy ngay trong hiện tại không thể chứng đắc được mục đích của sự tu hành. Đức Phật công nhận những vị có những đức hạnh vi diệu hiền thiện, có trung trực hạnh, có chân chánh hạnh, có thực hành theo đúng Thánh pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy, đó là đệ tử của Ngài. Và Ngài đã khẳng định đệ tử chân chánh của Ngài chính là các vị trong hàng bốn đôi tám chúng trong Tứ Thánh quả, các vị này được gọi là Thánh đệ tử. Đó là ý nghĩa của Thánh đệ tử và kẻ vô văn phàm phu được nói đến trong các kinh. *Như vậy, vì sao có sự khác biệt giữa Thánh đệ tử và người phàm phu trong việc tu tập thiền sắc giới và thiền vô sắc giới?*

Người phàm phu, người không thành tựu chánh kiến có thể tu tập thiền sắc giới (tứ thiền) và thiền vô sắc giới, vị này có thể an trú trong các tầng thiền này. Nhưng vì vị này không đi vào các thiền này bằng Chánh tri kiến, bằng Bát Chánh Đạo nên khi thể nhập vào các tầng thiền này, vị này không thật sự rõ biết hành tướng của Ngũ uẩn trong trạng thái thiền này. Ngũ uẩn hoạt động như thế nào để tạo thành các tầng thiền này thì vị này không rõ biết. Sự trú và sự

xuất khỏi các tầng thiền là sự thay đổi của Ngũ uẩn như thế nào, vị này không hoàn toàn rõ biết. Vị này không biết rõ mục đích của tứ thiền và các thiền vô sắc nên khi thành tựu các thiền này, thành tựu sự thể nhập trong các thiền này, vị này không quán chiếu xả ly tham ái đối với thiền này, không quán chiếu từ bỏ Ngũ uẩn trong các thiền này, không diệt tận các lậu hoặc còn tàn dư trong nội tâm. Như vậy, sự an trú trong các thiền này của người phàm phu vẫn là sự an trú trong vô minh, vô trí đối với Ngũ uẩn.

Vì vậy, người không thành tựu chánh kiến hay người phàm phu sau khi tu tập tứ thiền và các thiền vô sắc, thuần thực trong các thiền này, khi thân hoại mạng chung, vị này sanh vào cõi chư thiên tương ứng với các trạng thái của tứ thiền và thiền vô sắc. Nhưng sau khi hưởng hết thọ mạng ở các cõi này, vị này sẽ rơi lại vào trong địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, loài người tùy theo các tàn dư nghiệp của mình. Vì sao? Vì lậu hoặc đã không được nhìn thấy và không được diệt tận một cách hoàn toàn nên các lậu hoặc tàn dư tiếp tục rò rỉ và đẩy tâm thức này đi tiếp trong sanh tử mà tâm thức này không hề hay biết. Và thế là luân hồi sanh tử lại tiếp tục triền miên.

Đối với vị Thánh đệ tử của Đức Phật, sau khi đã tu tập thành tựu Chánh tri kiến theo lời Phật dạy, vị này thực hành con đường Bát Chánh Đạo và cuối cùng đi đến sự tu tập, thực tập tứ thiền và các tầng thiền vô sắc giới. Vị này rõ

biết mục đích của tứ thiền là dẫn dắt tâm đi dần vào trạng thái định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, nhu nhuyễn, dễ sử dụng và mục đích của các thiền vô sắc là để giải phá hoàn toàn các sắc tướng về tự thân và cuộc sống. Vị này rõ biết hành tướng của Ngũ uẩn trong các thiền này. Vị này thực hành các thiền này với mục đích làm thanh tịnh thân tâm, giải phá các sắc tướng, các bóng dáng về tự thân, giải phá những mầm mống vi tế còn dính mắc với Ngũ uẩn trong sắc tướng. Cuối cùng, vị này quán chiếu hành tướng của Ngũ uẩn trong các thiền để phát hiện những lậu hoặc uế nhiễm còn tàn dư trong nội tâm. Vị này diệt tận lậu hoặc, diệt tận tham ái, chấp thủ còn tàn dư đối với Ngũ uẩn. Như vậy, vị Thánh đệ tử thực hành các thiền này với Thánh trí tuệ, với tâm không tham đắm, không chấp thủ, không trói buộc trong các thiền. Vị ấy biết rõ mục đích của các thiền cuối cùng là để đi đến sự nhiếp phục tham, sân, si, vô minh, lậu hoặc trong nội tâm, vị ấy hướng đến sự chứng đạt mục đích này.

Vì vậy, các vị đệ tử chân chánh của Đức Phật sau khi đã thành tựu Chánh tri kiến, tu tập Bát Chánh Đạo, đi vào thực hành tu tập thiền sắc giới và thiền vô sắc giới, các vị an trú và thể nhập viên mãn trong các tầng thiền này. Khi thân hoại mạng chung, các vị sanh vào cõi chư thiên tương ứng các trạng thái thiền, nhưng sau khi hưởng hết thọ mạng ở các cõi này, các vị sẽ nhập Niết-bàn, không còn trở lui,

không còn rơi rớt lại trong các cảnh giới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, loài người. Vì sao? Vì các lậu hoặc, các mầm mống đưa đến sự rò rỉ trong sanh tử về sau đã được các Ngài thấy biết và diệt tận, chúng không còn sanh khởi trở lại trong tương lai, chúng không còn một chút nào để có thể lén lút dẫn các Ngài tiếp tục đi trong sanh tử. Và như vậy, sự trầm luân trong sanh tử của các vị đã được chấm dứt tại đây.

Đó là lý do vì sao có sự khác nhau giữa Thánh đệ tử và người phạm phu trong sự tu tập tứ thiền (thiền sắc giới) và thiền vô sắc giới.

1.8.10 Đức Phật không vay mượn trí tuệ thế gian

Tóm lại, Bồ-tát Tất Đạt Đa khi đi tìm đạo đã được hai vị thầy ngoại đạo dạy thiền Vô sở hữu xứ và Phi tướng phi phi tướng xứ nhưng vì các vị không thành tựu trí tuệ về Ngũ uẩn nên không nhìn rõ sanh tử và nguyên nhân của sanh tử. Do đó, các vị thầy đã không giúp Ngài thông giải được vấn đề sanh tử. Vì vậy, dù tu tập đạt được tâm thanh tịnh trong các thiền này nhưng khi buông các thiền này ra thì Ngài vẫn không giải tỏa được những thắc mắc về sanh tử và không giải quyết được vấn đề sanh tử của tự thân, do đó, Ngài không tôn trọng các thiền này, Ngài bỏ đi.

Sau khi bỏ đi, Ngài đã tự thân tu tập và thành tựu Chánh Đẳng Giác. Với trí tuệ Chánh Đẳng Giác của Ngài, Ngài biết rõ lợi ích và mục đích của các thiền này một cách rõ ràng chứ không mù mờ như khi còn tu học với hai vị thầy ngoại đạo. Vì vậy, sau này Ngài đã hướng dẫn cho đệ tử sự tu tập tuần tự rõ ràng đi từ Chánh tri kiến đi đến Chánh định, đến các tầng thiền sắc giới và vô sắc giới. Ngài đã thiện xảo hướng dẫn các Thánh đệ tử tu tập thiền vô sắc giới để phá dần các sắc tướng và đi đến phá tan luôn các vô sắc tướng. Ngài hướng dẫn cách an trú trong các tầng thiền và cách quán Ngũ uẩn trong các tầng thiền để thể nhập Bất lai quả và Lưu tận. Ngài đã sắp đặt, đã hướng dẫn, đã trình bày một đạo lộ tuần tự để phá trừ dần tất cả mọi dính mắc, chấp thủ, trói buộc từ thô đến tế về sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong nội tâm, đi đến lưu tận giải thoát. Như vậy, với trí tuệ Chánh đẳng giác, Đức Phật đã không câu nệ trong việc sử dụng hai thiền giống với hai thầy ngoại đạo đã hướng dẫn cho Ngài trước đó.

Nhìn lại nhân duyên, đúng là ban đầu Bồ-tát biết đến hai thiền này qua hai thầy ngoại đạo nhưng không phải vì vậy mà sau đó Đức Phật đã đem hai thiền này vào giảng dạy về sau, không phải như vậy. Vấn đề ở đây chính là: *Sau khi thành tựu Chánh Đẳng Chánh Giác, với trí tuệ Chánh đẳng giác của Ngài, với trí tuệ Túc mạng minh, Thiên nhãn minh và Lưu tận minh của Ngài, Ngài thấy biết tất cả những gì*

đang vận hành, đang hoạt động trong cuộc sống và Ngài thấy biết tất cả các loại thiên đang có mặt trong cuộc sống.

Sau khi thấy biết tất cả mọi góc độ, mọi khía cạnh về thiên, mọi hình thức tu tập thiên, Ngài đã phát hiện ra một đạo lộ tu tập tuần tự trong thiên định để hướng dẫn tâm đến sự an tịnh và diệt tận mọi uế nhiễm trong nội tâm, chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ trong sanh tử. Trong đạo lộ đó có Bát Chánh Đạo, Giới Định Tuệ và các tầng thiên vô sắc giới.

Vậy nên, hành giả đừng nghĩ rằng hai thiên này là do Đức Phật học của ngoại đạo, và cũng đừng nghĩ rằng nghiệp là một lý thuyết mà Đức Phật đã lấy từ Bà-la-môn giáo để đưa vào hướng dẫn và giảng dạy cho đệ tử. Đừng nghĩ như vậy, nghĩ như vậy là một suy nghĩ sai lầm và xuyên tạc Đức Phật.

Bởi vì trí tuệ của Đức Phật bao trùm cuộc sống này. Trí tuệ của Ngài bao phủ thế giới này. Tất cả những gì đang có mặt, đang vận hành trong cuộc sống này đều được Ngài thấy biết rõ: *“Thế giới được Như Lai thấy biết trọn vẹn; Thế giới sanh khởi được Như Lai thấy biết trọn vẹn; Thế giới đoạn diệt được Như Lai thấy biết trọn vẹn; Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai thấy biết trọn vẹn. Cái gì trong toàn thế giới này được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tâm cầu, được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai thấy biết trọn vẹn. Do vậy, được gọi là Như Lai. Trong toàn thế giới này, Như Lai*

là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại, do vậy được gọi là Như Lai” (Kinh Thế Giới - Tăng I, 592).

Như vậy, Đức Phật đã thành tựu trí tuệ viên mãn và hoàn hảo về cuộc sống này. Sự thấy biết của Ngài không bị sút mẻ, không bị khiếm khuyết trong mọi khía cạnh, trong mọi vấn đề trong cuộc sống. Vì vậy, vấn đề về thiền hay vấn đề về nghiệp mà Ngài đã chỉ dẫn, đã trình bày là những vấn đề mà trí tuệ của Ngài thấy biết một cách chân chánh, hoàn hảo, viên mãn, trọn vẹn, không cần phải nghe ai nói hay nghe ai chỉ dẫn. Bởi những lời chỉ dẫn của thế gian, của người phạm phu, của ngoại đạo thì luôn bị khiếm khuyết, sút mẻ, không trọn vẹn, không viên mãn, không hoàn hảo như trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Phật không vay mượn trí tuệ vô minh của người thế gian vì trí tuệ của Ngài đã là toàn tri, toàn kiến, đại tự tại.

Với trí tuệ thấy biết trọn vẹn về cuộc sống, cái gì thiện thì Đức Phật nói là thiện, cái gì bất thiện thì Đức Phật nói là bất thiện. Sự thật về phương pháp tu tập chân chánh và Sự thật về phương pháp tu tập không chân chánh đưa đến sự chấm dứt sanh tử là như thế nào, tất cả được Đức Phật trình bày một cách chân thật, đúng với các sự thật của các vấn đề này. Đức Phật không dựng đứng vấn đề. Đức Phật không đặt thêm đặt bớt vấn đề. Đức Phật không tưởng tượng ra vấn đề. Đức Phật không nói một vấn đề từ sự vay

mượn trí tuệ của người khác. Đức Phật thấy biết rõ những trí tuệ hạn chế của chúng sanh, thấy biết rõ những pháp tu hạn chế của con người, những pháp tu trong vô minh, trong ngũ cút của con người. Ngài không vay mượn sự thấy biết của những người phạm phu. Ngài không vay mượn trí tuệ của những nội tâm còn ở trong vô minh. Trí tuệ của Ngài là vô thượng, là tối thượng. Trí tuệ của Ngài là bao trùm cuộc sống này, bao phủ thế giới này.

Thế nên, người con Phật cần nắm hiểu rõ điều này để không có những ý nghĩ sai lầm về Đức Phật và đạo Phật, không tạo điều vô phước cho bản thân.

1.9 Tu đúng cách mới có kết quả

1.9.1 Kinh Cán Búa (*Tương III, 272*)

Trong bài kinh Cán Búa (*Tương III, 272*), Đức Phật đã tuyên bố như sau:

“Do biết, do thấy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố sự đoạn tận các lậu hoặc, không phải do không biết, do không thấy. Do biết cái gì, thấy cái gì, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận?

- Đây là **sắc**, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt.
- Đây là **thọ**, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt.

- Đây là **tưởng**, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng đoạn diệt.
- Đây là **các hành**, đây là các hành tập khởi, đây là các hành đoạn diệt.
- Đây là **thức**, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt.

Do **biết** như vậy, do **thấy** như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách. Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: “Mong rằng những con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn”. Tuy vậy, các con gà con ấy không có thể, với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà ấy không được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy có khởi lên ý muốn: “Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ”. Tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu

hoặc, không có chấp thủ. Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì?

- Không có tu tập Bốn niệm xứ.
- Không có tu tập Bốn Chánh Căn.
- Không có tu tập Bốn Như Ý Túc.
- Không có tu tập Năm Căn.
- Không có tu tập Năm Lực.
- Không có tu tập Bảy Giác Chi.
- Không có tu tập Thánh Đạo Tám Ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai **trứng gà**. Các trứng ấy được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn. Đầu cho con gà mái ấy không khởi lên ước muốn: “Mong rằng các con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn”. Tuy vậy, các con gà con ấy có thể với chân, móng và đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy không khởi lên ước muốn: “Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ”. Tuy vậy, tâm của vị ấy vẫn được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì?

- Có tu tập Bốn niệm xứ.
- Có tu tập Bốn Chánh Cần.
- Có tu tập Bốn Như Ý Túc.
- Có tu tập Năm Căn.
- Có tu tập Năm Lực.
- Có tu tập Bảy Giác Chi.
- Có tu tập con đường Thánh Đạo Tám Ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một **người thợ đá** hay đệ tử người thợ đá, khi nhìn vào cán búa thấy dấu các ngón tay và dấu các ngón tay cái. Vị ấy không có thể biết được như sau: “Hôm nay, từng ấy cán búa của ta bị hao mòn; hôm nay từng ấy, các ngày khác từng ấy”. Nhưng vị ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.

19) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vì Tỷ-kheo chí tâm trong sự tu tập không có biết như sau: “Hôm nay, từng ấy lậu hoặc của ta được hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày

khác từng ấy”. Nhưng vì ấy biết được (các lậu hoặc) được hao mòn trên sự hao mòn (các lậu hoặc).

Ví như, này các Tỷ-kheo, một **chiếc thuyền** đi biển có đầy đủ cột buồm và dây buồm, bị mắc cạn sáu tháng do thiếu nước trong mùa khô; các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng, rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mưa, chúng trở thành yếu và hư nát.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chỉ tâm trong sự tu tập, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và hư nát”.

(Hết trích kinh)

1.9.2 Lời cảnh báo của bậc Chánh Giác

Như vậy, thông qua bài kinh trên và các Kinh Phù-di (Trung III, bài 126), Kinh Sự Tu Tập (Tăng III, 454). Đức Phật đã tuyên bố rõ rằng: “Tu đúng cách thì mới có kết quả hết sạch những lậu hoặc rác bần trong nội tâm. Tu không đúng cách thì sẽ không thể diệt tận những lậu hoặc, những tham sân si trong nội tâm”.

Như vậy, điều thứ nhất người con Phật cần biết rõ là:

- **Mục đích** của đạo Phật là đi đến sự thanh lọc sạch, tẩy trừ sạch những lậu hoặc nhiễm ô trong nội tâm. Khi tâm hết sạch những rác bần, những lậu hoặc, những tham sân si, dục, ái, bản ngã và chấp thủ đối

với Ngũ uẩn thì đó là giải thoát, đó là Niết-bàn, đó là sự chấm dứt luân hồi, sanh tử, phiền não và khổ đau.

- **Điểm đến** của đạo Phật là một nội tâm trong sạch, thanh tịnh, hết sạch những rác bần nhiễm ô trong nội tâm, hết sạch tham sân si.
- **Cứu cánh** của đạo Phật là giải thoát sanh tử, là Niết-bàn, là sự chấm dứt khổ.

Do đó, điều thứ hai mà người con Phật cần thông suốt, đó là:

- Muốn thành tựu mục đích của đạo Phật thì phải có một phương pháp đúng để thực hiện mục đích này.
- Muốn đạt tới điểm đến của đạo Phật thì phải biết rõ điểm khởi hành và lộ trình đi tới điểm đến.
- Muốn đi đến cứu cánh của đạo Phật thì đường lối tu phải logic, hợp lý, chân chánh và đúng pháp.
- Dù có ước nguyện, cầu nguyện, cầu xin tha thiết như thế nào đi chăng nữa, nhưng nếu tu không đúng cách, tu không đúng pháp, tu không đúng lộ trình đưa đến sự chấm dứt sanh tử thì sanh tử sẽ không bao giờ được chấm dứt. Đó là điều chắc chắn sẽ xảy ra. Đó là tánh hợp lý, tánh logic, tánh nhân quả trong cuộc sống này.

Vì vậy, trong sự tu học này, không phải tu cái mình thích là được, không phải lựa cái dễ mà tu là được, không phải lựa cái khó mà tu là được, không phải thích ai rồi tu theo người đó là được, không phải ai nói cái gì hợp nhĩ rồi tu theo đó mà tu là được, không phải cái nhiều người đang tu theo rồi mình thấy vậy mà tu theo là được,... Điều quan trọng nhất trong sự tu học để có kết quả đưa đến sự thoát ly sanh tử đó chính là: Tu đúng cách, tu đúng pháp, pháp hành đúng cần phải tu đó chính là Ba mươi bảy pháp trong Phương pháp Tám đúng.

Đó là ý nghĩa, là thông điệp mà Đức Phật muốn nhắn gửi cho chúng sanh trong bài kinh này. Đó cũng là lời tuyên bố, là lời cảnh báo, là hồi Thánh chuông mà Đức Phật, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã đánh lên để thức tỉnh thế gian hôn mê này trên con đường tìm kiếm đạo lộ đưa đến sự thoát khỏi sanh tử.

2 NGUYÊN NHÂN NIKĀYA BỊ THẤT TRUYỀN

2.1 Chánh Pháp tồn tại bao nhiêu năm?

2.1.1 Kinh Tượng Pháp (*Tương II*, 384)

Tôn giả Mahākassapa (Đại Ca Diếp) bạch Đức Phật:

- “*Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?*

- Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong thời diệu pháp biến mất, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí.

- Này Kassapa, diệu pháp không biến mất cho đến khi nào tương pháp không hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào tương pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.

Ví như, này Kassapa, vàng (thật) không biến mất khi nào vàng giả chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào vàng giả hiện ra ở đời, thời vàng (thật) biến mất. Ở đây, **khi nào người ngu có mặt trong Tăng đoàn, chính họ làm cho Chánh Pháp biến mất.**

- Này Kassapa, có năm pháp đưa đến Chánh Pháp bị nhiễu loạn và biến mất. Thế nào là năm?

Ở đây, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

- *Sống không cung kính, không tùy thuận theo Đức Phật*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận Chánh Pháp*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận Tăng đoàn*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận học giới*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận đối với Thiên định”.*

(Hết trích kinh)

Tóm lại, ý nghĩa của bài kinh này như sau:

Diệu pháp có nghĩa là Chánh Pháp chân thật vì diệu mà Đức Phật đã truyền trao.

- “Vàng thật” là ví với Chánh Pháp. Chánh pháp là những điều chân chánh về thân tâm, về cuộc sống đã được Đức Phật giác ngộ, nhìn thấy rõ và tuyên bố, tuyên thuyết, khai thị, khai minh, hiển lộ, trình bày, chỉ dẫn cho chúng sanh. Vàng thật là tượng trưng cho Chánh pháp. Và vàng thật cũng chính là tượng trưng cho “Kinh thật”, tượng trưng cho những lời dạy chân thật, nguyên chất của Đức Phật, những lời dạy thật sự là của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.
- “Vàng giả” là ví với Tượng pháp. Tượng pháp nghĩa là tương tự như Chánh pháp nhưng nó không phải là Chánh pháp. Mới nhìn, mới nghe thì thấy nó giống

Chánh pháp, thấy nó giống với lời Phật dạy và lầm tưởng nó là Chánh pháp, nhưng khi đi sâu vào trong đó thì thấy nó không phải là Chánh pháp, nó không thiết thực ở hiện tại, nó bị giới hạn trong hiểu biết cục bộ, phạm phu, không thể kiểm chứng ở thực tại, không có khả năng hướng thượng, không đưa con người đi đến sự nhiếp phục và diệt tận những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, cấu uế trong tự thân. Vàng giả là tượng trưng cho Kinh giả, tượng trưng cho những quyển kinh sách giả mạo lời Phật dạy, giả mạo của Phật thuyết, giả mạo nói là Phật thuyết. Như vậy, vàng giả chính là những “kinh sách ngụy tạo, kinh sách giả mạo” lời dạy của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

- “Khi nào người ngu có mặt trong Tăng đoàn, chính họ làm cho Chánh pháp biến mất”, tức là khi nào trong hàng tứ chúng đệ tử của Đức Phật có những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ không học hiểu đúng Chánh pháp của Phật dạy, không thành tựu Chánh tri kiến, thành tựu tà tri kiến, thành tựu sự hiểu biết sai lầm lệch lạc về thân tâm và cuộc sống, rồi truyền bá sự hiểu biết, sự thực hành sai lầm cho người khác. Khi những người như vậy xuất hiện trong Tăng chúng, chính họ làm cho Chánh pháp thần diệu của Đức Phật bị biến mất.

Như vậy, Chánh pháp này biến mất khi kinh giả xuất hiện, kinh ngụy tạo xuất hiện, và trong hàng tứ chúng đệ tử Phật

có những người ngu si, không hiểu biết, ngã mạn cao, chấp trước tri kiến của tự thân, trí tuệ không tới nơi tới chốn, truyền bá trí tuệ sai lệch và sự tu tập lệch lạc, truyền bá kinh nghiệm tu tập trong vô minh của tự thân. Đó là những nguyên nhân đưa đến sự biến mất của Chánh pháp.

Câu kinh “*khi nào người ngu có mặt trong Tăng đoàn, chính họ làm cho Chánh pháp biến mất*”, câu kinh này cũng có thể hiểu rằng khi nào trong tứ chúng có những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ có địa vị, có chức vụ, có danh vọng cao, nhưng các vị này tuy ở trong hình thức tứ chúng đệ tử Phật lại ôm ấp tư tưởng của ngoại đạo, ôm ấp những tà kiến lệch lạc, ôm ấp những tri kiến của cá nhân, tri kiến của phàm phu, tâm tư chống đối, chống phá Tam Bảo, muốn làm lũng đoạn Phật giáo, muốn phá hoại Phật giáo, muốn hủy diệt Phật giáo. Khi những hạng người như vậy xuất hiện trong tứ chúng, họ xuyên tạc những điều Đức Phật đã chỉ dạy, phỉ báng những lời dạy nguyên chất của Đức Phật, họ làm cho quần chúng hiểu sai lời Đức Phật, làm cho quần chúng đi xa khỏi lời Phật dạy, làm cho quần chúng xa rời Chánh pháp và làm cho Chánh pháp bị biến mất.

Đây là những điều mà người con Phật ngày nay cần suy gẫm, ngẫm nghĩ sâu sắc, sâu xa để không bị “tiền mất, tật mang”, ôm vào trong tâm những tri kiến lệch lạc, những tà kiến sai lầm, si mê trong tà đạo không lối thoát, rong ruổi

trong trầm luân sanh tử, tự xa lìa chánh kiến, chánh đạo, xa lìa con đường đưa đến chấm dứt phiền não, khổ đau, xalià cánh cửa bước vào bất tử.

2.1.2 Kinh Mahāpajāpatī Gotamī (Tăng III, 649)

1. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Rồi Mahāpajāpatī Gotamī đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Gotamī, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

2. Lần thứ hai...

3. Lần thứ ba, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Gotamī, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Rồi Mahāpajāpatī Gotamī biết được: “Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng”, liền khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

4. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Kapilavatthu cho đến khi vừa ý, rồi ra đi đến Vesālī, tiếp tục bộ hành rồi đến Vesālī.

Ở đấy, Thế Tôn ở Vesālī, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahāpajāpatī Gotamī, với tóc cao sạch, đắp áo cà-sa, cùng với nhiều nữ nhân Sàkya ra đi đến Vesālī, tiếp tục bộ hành và đến Vesālī, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn.

Rồi Mahāpajāpatī Gotamī, với chân bị sưng, tay chân lấm bụi khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than, đứng ngoài cửa chính. Tôn giả Ānanda thấy Mahāpajāpatī Gotamī với chân bị sưng, tay chân lấm bụi khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than, đứng ngoài cửa chính, thấy vậy liền nói với Mahāpajāpatī Gotamī:

- Thưa Gotamī, vì sao lại đứng ở cửa với chân bị sưng, tay chân lấm bụi khổ đau, sâu mụn, nước mắt đầy mặt, khóc than như vậy?

- Thưa Tôn giả Ānanda, vì rằng Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết.

- Vậy thưa Gotamī, hãy đứng chờ ở đây, chờ cho đến khi tôi xin phép Thế Tôn để nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

5. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có Mahāpajāpatī Gotamī với chân bị sưng, tay chân lấm bụi khổ đau, sâu mụn, nước mắt đầy mặt, khóc than đứng ở ngoài cửa nói rằng: “Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng”. Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Ānanda, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Lần thứ hai... Lần thứ ba, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Ānanda, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

6. Rồi Tôn giả suy nghĩ như sau: “Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Vậy ta hãy dùng phương pháp khác để xin Thế Tôn cho phép nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình”.

Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, không biết nữ nhân sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả không?

- Này Ānanda, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả.

- Bạch Thế Tôn, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả. Lại nữa, bạch Thế Tôn, Mahāpajāpatī đã giúp đỡ Thế Tôn rất nhiều trong vai người dì, người vú, người kế mẫu, khi mẹ của Thế Tôn mệnh chung, lại cho Thế Tôn bú sữa. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

7. - Nay Ānanda, nếu Mahāpajāpatī Gotamī chấp nhận **Tám Kính Pháp**, thời Gotamī có thể được thọ cụ túc giới:

1. Dầu cho thọ đại giới một trăm năm, một Tỷ-kheo ni đối với một Tỷ-kheo mới thọ đại giới trong một ngày cũng phải đánh lễ, đứng dậy, chấp tay, xử sự đúng pháp. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.
2. Tỷ-kheo ni không có thể an cư mùa mưa tại chỗ không có Tỷ-kheo. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.
3. Nửa tháng một lần, Tỷ-kheo-ni cần phải thỉnh chúng Tỷ-kheo hỏi ngày trai giới và đến để thuyết giới.

Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.

4. Sau khi an cư mùa mưa xong, Tỷ-kheo-ni cần phải làm lễ Tư tứ trước hai Tăng chúng về ba vấn đề được thấy, được nghe và nghĩ. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.
5. Tỷ-kheo-ni phạm trọng tội phải hành pháp pakkhamànattam (man-na-đoa) cho đến nửa tháng. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.
6. Sau khi học tập sáu pháp trong hai năm, phải đến xin thọ cụ túc giới trước hai Tăng chúng. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.
7. Không vì duyên cớ gì, một Tỷ-kheo-ni có thể mắng nhiếc, chỉ trích một Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.
8. Này Ānanda, bắt đầu từ hôm nay, có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo về Tỷ-kheo-ni, không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo-ni về các Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh

lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.

Này Ānanda, nếu Mahāpajāpatī Gotamī chấp nhận tám kính pháp này, thời cho phép Mahāpajāpatī Gotamī được thọ cụ túc giới.

8. Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi học từ Thế Tôn tám trọng pháp này, rồi đi đến Mahāpajāpatī Gotamī, sau khi đến, nói với Mahāpajāpatī Gotamī:

- Nếu Mahāpajāpatī Gotamī chấp nhận tám kính pháp này, thời Gotamī sẽ được thọ cụ túc giới: “Dầu cho thọ đại giới một trăm năm, một Tỷ-kheo-ni... không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo-ni về các Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua”. Nếu Gotamī chấp nhận tám trọng pháp này, thời Gotamī sẽ được thọ cụ túc giới.

- Thừa Tôn giả Ānanda, ví như một người đàn bà hay một người đàn ông, còn đang tuổi trẻ, tánh ưa trang sức, sau khi gội đầu xong, sau khi được một vòng hoa sen xanh hay một vòng vũ quý hoa, hay một vòng thiên tư hoa (hay cụ thắng hoa) dùng hai tay cầm lấy vòng hoa ấy và đặt lên đỉnh đầu. Cũng vậy, thưa Tôn giả, tôi xin chấp nhận tám kính pháp này, cho đến trọn đời không có vượt qua.

9. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi đến, đánh lễ

Thế Tôn rời ngôi xuống một bên. Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Mahāpajāpatī Gotamī đã chấp nhận tám kính pháp này, cho đến trọn đời không có vượt qua.

- Nay Ānanda, nếu nữ nhân không được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, thời này Ānanda, Phạm hạnh được an trú lâu dài và diệu pháp được tồn tại đến một ngàn năm.

Vì rằng, nay Ānanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nay này Ānanda, Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài, thời này Ānanda, diệu pháp được tồn tại năm trăm năm.

Ví như, nay Ānanda, những gia đình có nhiều phụ nữ, ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm cắp nào hại. Cũng vậy, nay Ānanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nên Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài.

Ví như, nay Ānanda, khi nào một chứng bệnh được tên là “trắng như xương” rơi vào một ruộng lúa đã chín, thời ruộng lúa ấy không có an trú lâu dài. Cũng vậy, nay Ānanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không có an trú lâu dài.

Ví như, này Ānanda, khi nào một chứng bệnh được tên là “đỏ sét” rơi vào một ruộng mía đã chín, thời ruộng mía ấy không có an trú lâu dài. Cũng vậy, này Ānanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không được an trú lâu dài.

*Ví như, này Ānanda, **một người vì nghĩ đến tương lai, xây dựng bờ đê cho một hồ nước lớn để nước không thể chảy qua.** Cũng vậy, này Ānanda, vì nghĩ đến tương lai, Ta mới ban hành tám kính pháp này, cho các Tỷ-kheo-ni cho đến trọn đời không vượt qua.*

(Hết trích kinh)

Như vậy, thông qua bài kinh trên, Đức Phật đã tuyên bố: Diệu pháp này hay Chánh Pháp này tồn tại năm trăm năm. Như vậy, năm trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt, sự kiện gì đã xảy ra trong Phật giáo, làm băng hoại Chánh Pháp, làm diệt vong Chánh Pháp? Người con Phật ngày nay cần tìm hiểu kỹ những sự kiện đã diễn ra trong đạo Phật sau khi Đức Phật nhập diệt năm trăm năm để tự mình thấy biết vấn đề này và để tự thân không bị lầm lạc rơi vào những tà thuyết, tà đạo trà trộn vào trong đạo Phật.

Tại sao nếu nữ nhân không xuất gia trong Tăng đoàn thì Chánh Pháp tồn tại một ngàn năm, còn khi cho nữ nhân xuất gia trong Tăng đoàn thì Chánh Pháp chỉ tồn tại có năm

trăm năm?

Đức Phật đã dùng ví dụ: “*Ví như, này Ānanda, những gia đình có nhiều phụ nữ, ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm cắp nào hại*”. Vì sao một gia đình có nhiều phụ nữ, ít đàn ông thì đạo tặc, trộm cắp dễ xâm nhập, dễ nào hại? Vì phần nhiều phụ nữ là yếu đuối, nhẹ dạ, cả tin nên dễ bị lừa, dễ bị phỉnh dụ, dễ bị dẫn dắt, vì thế mà kẻ gian dễ trà trộn, dễ xâm nhập vào trong gia đình ấy để gây nhiễu hại, gây thiệt hại trong gia đình. Cũng vậy, khi trong Tăng chúng có nhiều phụ nữ, mà phần nhiều phụ nữ có tánh nhẹ dạ, cả tin, dễ tin người, dễ bị dụ, cả nể như vậy nên khi trong tăng chúng xuất hiện những tà thuyết, tà pháp do vô tình, hay cố tình từ những người thiếu hiểu biết trong tứ chúng đưa ra thì những người phụ nữ này dễ dàng chấp nhận, dễ dàng đón nhận những tà pháp này. Họ không tìm hiểu cẩn trọng những điều được thấy, được nghe; không tìm hiểu cẩn trọng những nguồn kinh sách tự cho là của Phật dạy, làm cho tà pháp được lộ hành, được phát triển trong lòng Chánh Pháp của đạo Phật, tạo ra sự chia rẽ, sự suy đồi trong đạo Phật. Rồi người trước truyền cho người sau những tà pháp, tà thuyết trà trộn, trá hình trong đạo Phật, đưa Chánh Pháp trong đạo Phật dần đi đến sự diệt vong là vì thế. Đó là lý do Đức Phật không muốn cho nữ nhân xuất gia trong đạo Phật và đó cũng là lý do Đức Phật tuyên bố Chánh Pháp tồn tại năm trăm năm.

Nhưng ngày nay, dù người nữ có xuất gia hay không xuất gia trong đạo Phật thì đạo Phật cũng đã đi qua một ngàn năm và đến thời điểm này là đã hơn hai ngàn năm trăm năm. Như vậy, hơn hai ngàn năm vừa qua có biết bao nhiêu những loạn lạc, những nhiễu loạn, những thêm bớt, những trá hình, những giả mạo cho là Phật giáo trong đạo Phật. Vì vậy, chúng ta ngày nay đừng đổ lỗi cho người nữ đã xuất gia vào trong tăng đoàn, mà bản thân mỗi hành giả đến với đạo Phật hãy cố gắng tìm về nguồn cội Phật giáo, tìm về những lời dạy nguyên chất của Đức Phật để thành tựu những trí tuệ chân chánh về đạo Phật, thành tựu trí tuệ chân chánh về tự thân và cuộc sống theo những lời dạy chân chánh của Đức Phật, đạt được lợi ích thật sự, lợi ích chân thật cho tự thân khi đến với đạo Phật, đến với trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Người học đạo ngày nay cần cẩn trọng tìm hiểu kỹ Phật pháp, tìm hiểu kỹ các nguồn kinh sách, tìm hiểu kỹ các pháp hành có đúng, có xác thực, có chính xác với lời Phật dạy hay không. Đừng hời hợt trong sự tu học của tự thân để không bị “tiền mất tật mang”, uổng công tu học mà còn rơi vào tà kiến, tà pháp của tà nhân đã đưa vào Chánh Pháp của đạo Phật.

2.2 Kinh Nikāya và sự trường tồn của Chánh Pháp

Tinh túy của Nikāya chính là Trí về Ngũ uẩn. Pháp hành chủ đạo trong Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn chính là Phương Pháp Tám Đúng. Trong nhiều bài kinh Nikāya, Đức Phật

đã nói Phương Pháp Tám Đúng và Bốn niệm xứ trong Phương Pháp Tám Đúng là Chánh Pháp của Đạo Phật, là chỗ mà những người con Phật cần phải nương tựa, cần phải tu tập và cần phải thành tựu. Những ai tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, tự mình tha thiết học hỏi Bốn niệm xứ và an trú tâm trên Bốn niệm xứ, không nương tựa vào một điều gì khác trong sự tu tập đi đến sự chấm dứt sanh tử. Những vị ấy là bậc tối thượng thừa, là những vị tối thượng trong hàng đệ tử của Đức Phật (mời tham khảo kỹ các kinh như: Kinh Bệnh, Kinh Cunda, Kinh Celam, Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống, Kinh Makhādeva). Như vậy, **Kinh Nikāya chính là Chánh Pháp của Đạo Phật.**

Kinh Nikāya có tầm quan trọng và vị trí thế nào trong Đạo Phật?

- **Kinh Nikāya còn thì Chánh Pháp còn, Kinh Nikāya mất thì Chánh Pháp mất.** Vì sao? Vì kinh Nikāya là bộ sách đúc kết lại tất cả những lời dạy chân chánh, nguyên gốc của Đức Phật. Vì vậy, nếu kinh Nikāya biến mất thì có nghĩa là những lời dạy chân thật của Đức Phật đã biến mất, Chánh Pháp đã biến mất. Chánh Pháp là phương pháp chân chánh, phương pháp đúng đưa đến sự chấm dứt khổ đau. Nhưng nếu phương pháp đúng này đã bị thất truyền, đã bị biến mất thì Con đường đưa đến sự chấm dứt luân hồi sanh tử phiền não và khổ đau

của chúng sanh sẽ bị khép lại, chúng sanh sẽ lại rơi vào trong bóng đêm của vô minh, rơi vào trong sự đen tối, lũng nhùng, luân quần của si ám, quờ quạng, và những tri kiến cục bộ, chấp vá, không lối thoát.

Đau khổ thay cho chúng sanh nếu như bộ Nikāya này bị thất truyền và biến mất một cách hoàn toàn.

2.3 Nguyên nhân Mạt pháp

2.3.1 Kinh Tượng Pháp (*Tương II, 384*)

Tôn giả Mahākassapa (Đại Ca Diếp) bạch Đức Phật:

- “*Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?*”

- *Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong thời điều pháp biến mất, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí.*

- *Này Kassapa, điều pháp không biến mất cho đến khi nào tương pháp không hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào tương pháp hiện ra ở đời, thời điều pháp biến mất.*

Ví như, này Kassapa, vàng (thật) không biến mất khi nào vàng giả chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào vàng

*giả hiện ra ở đời, thời vàng (thật) biến mất. Ở đây, **khí nào người ngu có mặt trong Tăng đoàn, chính họ làm cho Chánh Pháp biến mất.***

- Nay Kassapa, có năm pháp đưa đến Chánh Pháp bị nhiễu loạn và biến mất. Thế nào là năm?

Ở đây, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

- *Sống không cung kính, không tùy thuận theo Đức Phật*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận Chánh Pháp*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận Tăng đoàn*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận học giới*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận đối với Thiền định”.*

2.3.2 Kinh Luật Của Bạc Thiện Thệ (Tăng II, 94)

- “Này các Tỷ kheo, có 4 pháp này đưa đến sự hỗn loạn của Chánh Pháp. Thế nào là bốn?

1. *Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo học thuộc lòng kinh, được lãnh thọ sai lầm, với văn cú sắp đặt bị đảo lộn. Do văn cú bị sắp đặt đảo lộn, này các Tỷ-kheo, nên nghĩa lý bị hướng dẫn sai lạc. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ nhất đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất.*
2. *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo là những người khó nói, thành tựu với những pháp khiến cho trở thành khó nói, khó kham nhẫn. Họ không kính trọng lời giáo*

giới. Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ hai đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

3. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, thông hiểu các tập A-hàm, bậc trì Pháp, trì Luật, trì toát yếu. Các vị ấy không nói lại kinh cho người khác một cách cẩn thận. Khi họ mệnh chung, kinh bị cắt đứt tại gốc rễ, không có chỗ y cứ. Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ ba đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất.
4. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, các Trưởng lão Tỷ-kheo là những vị sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và những thế hệ sau tiếp nối theo tà kiến của họ. Thế hệ ấy cũng sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ tư đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất”.
5. **Kinh Diệu Pháp Hỗn Loạn 3 (Tăng II, 602)**, giống như kinh trên nhưng Đức Phật nói thêm pháp thứ năm là: Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, chúng Tăng bị chia rẽ. Khi chúng Tăng bị chia rẽ, nay các Tỷ-kheo, có sự mắng nhiếc lẫn nhau, có sự đấu khẩu lẫn nhau, có sự tản xuất

lẫn nhau. Ai không có tịnh tín không tìm được tịnh tín, và những ai có tịnh tín có thể đổi khác. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

2.3.3 Kinh Diệu Pháp Hỗn Loạn 1 (Tăng II, 598)

- “Này các Tỷ-kheo, năm pháp này đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?

1. Không cẩn trọng nghe pháp
2. Không cẩn trọng học thuộc lòng pháp
3. Không cẩn trọng thọ trì pháp
4. Không cẩn trọng quán sát ý nghĩa các pháp
5. Không cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp”.

2.3.4 Kinh Diệu Pháp Hỗn Loạn 2 (Tăng II, 599)

- “Này các Tỷ-kheo, năm pháp này đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?

1. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không học thuộc lòng Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Không hỏi tự nói, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng. Đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không thuyết pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất.
3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không để cho các người khác nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất.
4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không có đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất.
5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo với tâm không tùy tâm, không tùy tứ, với ý không tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất”.

2.3.5 Kinh Đất (Tăng I, 118)

(Trích đoạn)

--Những Tỷ-kheo nào, chặn đứng cả văn và nghĩa, bằng cách nắm giữ sai lạc các kinh điển và những văn tự thích ứng, thì những Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chịu trách nhiệm về bất hạnh cho đa số, không an lạc cho đa số,

không lợi ích cho đa số, bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Ngươi. Ngoài ra, các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chất chứa nhiều vô phước, làm cho **điều pháp biến mất**.

--Những Tỷ-kheo nào, tùy thuận cả văn và nghĩa, bằng cách nắm giữ đúng đắn các kinh điển và những văn tự thích ứng, thì những Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chịu trách nhiệm về hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Ngươi. Ngoài ra, các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chất chứa nhiều phước đức và làm cho **điều pháp an trú**.

2.3.6 Kinh Các Sức Mạnh (Tăng I, 102)

(Trích đoạn)

10. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự hỗn loạn (mê mờ) và biến mất của diệu pháp. Thế nào là hai?

- Văn cú bị đảo ngược, và ý nghĩa bị hiểu lầm.
- Nếu văn cú bị đảo ngược thì ý nghĩa bị hiểu lầm.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp đưa đến sự hỗn loạn và biến mất của diệu pháp.

11. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến an trú, không biến loạn, không biến mất của diệu pháp. Thế nào là hai?

- Văn cú phối trí chơn chánh và ý nghĩa được hiểu chơn chánh.

- Nếu văn cú được phối trí chơn chánh, thời ý nghĩa được hiểu chơn chánh.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp đưa đến an trú, không hỗn loạn, không biến mất của diệu pháp.

2.3.7 Kinh Phi Pháp (Tăng I, 39)

(Trích đoạn)

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào nêu rõ:

- Phi pháp là pháp, Pháp là phi pháp,
- Phi luật là luật, Luật là phi luật,
- Như Lai không nói lên, không tuyên bố là Như Lai có nói lên, có tuyên bố,
- Như Lai có nói lên, có tuyên bố là Như Lai không có nói lên, không tuyên bố,
- Như Lai không thực hành là Như Lai có thực hành,
- Như Lai có thực hành là Như Lai không thực hành,
- Như Lai không có chế đặt là Như Lai có chế đặt.
- Như Lai có chế đặt là Như Lai không chế đặt.

Sở hành của những vị ấy, đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh đau khổ cho chư Thiên và loài Người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo,

những Tỷ-kheo ấy tạo điều vô phước và khiến cho điều pháp biến mất.

2.3.8 Kinh Phi Pháp (Tăng I, 41)

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào nêu rõ:

- *Phi pháp là phi pháp, Pháp là pháp,*
- *Phi luật là phi luật, Luật là luật,*
- *Như Lai không nói lên, không tuyên bố, là Như Lai không nói lên, không tuyên bố,*
- *Như Lai có nói lên, có tuyên bố, là Như Lai có nói lên, có tuyên bố,*
- *Như Lai không thực hành là Như Lai không thực hành,*
- *Như Lai có thực hành là Như Lai có thực hành,*
- *Như Lai không chế đặt là Như Lai không chế đặt,*
- *Như Lai có chế đặt là Như Lai có chế đặt.*

Các vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, sở hành như vậy, đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy tạo phước đức và an trú điều pháp này.

2.3.9 Kinh Vô Phạm (Tăng I, 43)

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào nêu rõ:

- Không phạm tội là có phạm tội.
- Có phạm tội là không phạm tội.
- Tội nhẹ là tội nặng.
- Tội nặng là tội nhẹ.
- Tội thô trọng là tội không thô trọng.
- Tội không thô trọng là tội thô trọng.
- Tội có dư tàn là tội không dư tàn.
- Tội không dư tàn là tội có dư tàn.
- Tội có thể sám hối là tội không có thể sám hối.
- Tội không có thể sám hối là tội có thể sám hối.

Những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, đưa lại bất hạnh cho đa số, không an lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa lại bất hạnh đau khổ cho chư Thiên và loài Người. Và hơn thế nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy, tạo điều vô phước và khiến cho điều pháp biến mất.

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào nêu rõ:

- Không phạm tội là không phạm tội.
- Phạm tội là phạm tội.
- Tội nhẹ là tội nhẹ.

- *Tội nặng là tội nặng.*
- *Tội thô trọng là tội thô trọng.*
- *Tội không thô trọng là tội không thô trọng.*
- *Tội có dư tàn là tội có dư tàn.*
- *Tội không dư tàn là tội không dư tàn.*
- *Tội có thể sám hối là tội có thể sám hối.*
- *Tội không có thể sám hối là tội không có thể sám hối.*

Những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, đưa lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tao điều phước đức và khiến cho điều pháp được an trú.

2.3.10 Kinh Bà-la-môn (Tương V, 272)

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Thắng Lâm, khu vườn ông Cấp Cô Độc. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, vị Bà-la-môn ấy thưa với Thế Tôn:

- Do nhân gì, do duyên gì, thừa Tôn giả Gotama, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, thừa Tôn giả Gotama, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?

Do **Bốn Niệm Xứ** không được tu tập, không được làm cho sung mãn, này Bà-la-môn, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không có tồn tại lâu dài.

Do Bốn Niệm Xứ được tu tập, được làm cho sung mãn, này Bà-la-môn, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài.

2.3.11 Kinh Trú (Tương V, 269)

Tôn giả Bhada hỏi tôn giả Ānanda:

- “Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền Giả Ānanda, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không có tồn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?

- Do Bốn niệm xứ không được tu tập, không được làm cho sung mãn, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không có tồn tại lâu dài. Do Bốn niệm xứ được tu tập, được làm cho sung mãn, thừa Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài”.

2.3.12 Kinh Sợ Hãi Trong Tương Lai 3 (Tăng II, 479)

1. - Có **năm sợ hãi về tương lai** này, này các Tỷ-kheo, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng, sau khi rõ biết, cần phải tinh tấn đoạn trừ chúng. Thế nào là năm?

2. Này các Tỷ-kheo, sẽ có những vi Tỷ-kheo trong tương lai, thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, nếu họ thọ đại giới cho các người khác, họ sẽ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Các người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, họ sẽ thọ đại giới cho các người khác, họ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Các người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do Pháp ô nhiễm, nên Luật bị ô nhiễm; do Luật ô nhiễm, nên Pháp bị ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ nhất về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các

Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn trừ chúng.

3. *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, họ làm y chỉ sư cho các người khác. Họ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Những người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Các người ấy, do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, lại làm y chỉ sư cho những người khác, họ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do Pháp ô nhiễm, nên Luật bị ô nhiễm. Do Luật ô nhiễm, nên Pháp bị ô nhiễm.*

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ hai về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn trừ chúng.

4. *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, khi họ thuyết về Thắng pháp hay về Quảng thuyết, họ rơi*

vào hắc pháp, không có thể giác ngộ rõ ràng. Nay các Tỷ-kheo, đây là do ô nhiễm Pháp, nên sanh ô nhiễm Luật; do ô nhiễm Luật, nên sanh ô nhiễm Pháp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ ba về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận chúng.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, đối với các kinh tạng do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến không, khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ không có nghe, họ không có lắng tai, họ không an trú tâm liễu giải, họ không nghĩ rằng các kinh ấy cần phải học tập, cần phải học thuộc lòng.** Còn những kinh điển do các thi sĩ làm, những bài thi, với những chữ văn hoa, với những câu văn hoa, thuộc ngoại điển do các đệ tử thuyết, trong khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ lắng tai, họ an trú tâm liễu giải. Các pháp ấy, họ sẽ nghĩ cần phải học tập, cần phải học thuộc lòng. Nay các Tỷ-kheo, đây là do Pháp ô nhiễm, nên Luật ô nhiễm; do Luật ô nhiễm, nên Pháp ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ tư về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sợ hãi ấy.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập nên các trưởng lão Tỷ-kheo sẽ sống đầy đủ, biếng nhác dẫn đầu trong thói đạo, từ bỏ gánh nặng viễn ly, không có hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và quần chúng về sau sẽ đi theo **tà kiến** của họ. Họ sẽ trở thành những người sống đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu trong thói đạo, từ bỏ gánh nặng, viễn ly, sẽ không hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do nhiễm ô về Pháp, đưa đến nhiễm ô về Luật; do nhiễm ô về Luật, đưa đến nhiễm ô về Pháp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ năm về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, cần phải tinh tấn để đoạn tận sợ hãi ấy.

Này các Tỷ-kheo, năm sợ hãi về tương lai này, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sợ hãi ấy.

2.3.13 Kinh Sợ Hãi Trong Tương Lai 4 (Tăng II, 484)

1. - Có năm sợ hãi về tương lai này, hiện chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sợ hãi ấy.

2. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn các y tốt đẹp. Do họ tham muốn các y tốt đẹp, họ sẽ từ bỏ các y nhặt nơi đồng rác, họ sẽ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng, họ sẽ đi đến các làng, thị trấn, kinh đô vua chúa và sống tại các chỗ ấy. Vì nhân y áo, họ sẽ rơi vào những hành vi tầm cầu không thích hợp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ nhất về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, cần phải tinh tấn để đoạn trừ sợ hãi ấy.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn các đồ ăn khát thực ngon lành. Do họ tham muốn các đồ ăn khát thực ngon lành, họ sẽ từ bỏ nếp

sống khát thực, từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ đi vào các làng, thị trấn, kinh đô của vua và sinh sống tại đấy, tìm cầu các món ăn thượng vị, như vớí đầu lười. Do nhân đồ ăn khát thực, họ sẽ rơi vào nhiều hành động tâm cầu không thích hợp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ hai về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, cần phải tinh tấn để đoạn trừ sợ hãi ấy.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn sàng tọa tốt đẹp**. Do họ tham muốn các sàng tọa tốt đẹp, họ sẽ từ bỏ nếp sống dưới gốc cây, họ sẽ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ đi vào các làng, thị trấn, kinh đô của vua và sinh sống tại đấy. Vì nhân sàng tọa, họ sẽ rơi vào nhiều hành động tâm cầu không thích hợp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ ba về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết chúng cần phải tinh tấn để đoạn trừ sợ hãi ấy.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ sống liên hệ với Tỷ-kheo ni, các chánh học nữ, các Sa-di ni**. Khi sống liên hệ với Tỷ-kheo ni, chánh học nữ, Sa-di ni, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là: Họ sẽ

không thích thú sống Phạm hạnh, hay họ sẽ rơi vào một trong những tội lỗi ô nhiễm, sẽ từ bỏ học pháp và trở lui lại đời sống thế tục.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ tư về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết chúng cần phải tinh tấn để đoạn trừ sợ hãi ấy.

*6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai sống liên hệ với các người có hệ lụy đến khu vườn**, với các Sa-di. Khi sống liên hệ với các người có hệ lụy đến khu vườn và với các Sa-di, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là họ sẽ sống và tận hưởng các vật liệu cất chứa, và họ sẽ làm các thô tướng đối với đất đai và đối với các sản phẩm trồng trọt.*

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ năm về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sự sợ hãi ấy.

Năm sự sợ hãi về tương lai này, này các Tỷ-kheo, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận những sợ hãi ấy.

2.3.14 Kinh Cỏ Rơm (Tương II, 467)

(Trích đoạn)

- *Sống trên các gối rơm, này các Tỷ-kheo, là nếp sống hiện nay của các Tỷ-kheo, không phóng dật, nhiệt tâm trong các nỗ lực. Ác ma không có cơ hội, không có đối tượng (để xâm lăng).*

- *Trong tương lai, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sẽ trở thành nhu nhược, tay chân mềm mỏng. Họ nằm trên những đồ nằm mềm mại. Họ ngủ cho đến mặt trời mọc trên những gối bông. Ác ma sẽ nắm được cơ hội, sẽ nắm được đối tượng.*

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: “*Chúng tôi sẽ sống trên những gối rơm, **không phóng dật, nhiệt tâm trong nỗ lực***”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

2.3.15 Kinh Vị Trưởng Lão (Tăng II, 493)

1. - *Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Trưởng lão đem lại bất hạnh cho đa số, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người.*

2. Thế nào là năm?

- Trưởng lão là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia, xuất gia đoanh vây, nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe. Các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Vì ấy có tà kiến, có tri kiến điên đảo. Vì ấy làm cho nhiều người từ bỏ điều pháp, chấp nhận phi điều pháp.
- Vì Tỷ-kheo là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.
- Vì vị Trưởng lão được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia và xuất gia đoanh vây, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.
- Vì rằng, Tỷ-kheo Trưởng lão nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.
- Vì rằng Tỷ-kheo là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.

Thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo Trưởng lão đem lại bất hạnh cho đa số, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Trưởng lão đem lại hạnh phúc cho đa số, đem lại an lạc cho đa số, đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.

4. Thế nào là năm?

- *Trưởng lão là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia, xuất gia đoan vâng, nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe. Các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh, hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quan sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Vị ấy có chánh kiến, không có tri kiến điên đảo. Vì ấy làm cho nhiều người từ bỏ phi điều pháp, chấp nhận điều pháp.*
- *Vị Tỷ-kheo Trưởng lão là bậc kỳ cựu xuất gia đã lâu ngày, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*

- *Vị Tỷ-kheo Trưởng lão đã được nhiều người biết đến, có danh vọng, được số đông người tại gia xuất gia đoanh vây, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*
- *Vì rằng Tỷ-kheo Trưởng lão nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*
- *Vì rằng Tỷ-kheo Trưởng lão là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Trưởng lão đem lại hạnh phúc cho đa số, đem lại an lạc cho đa số, đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.

2.4 Tóm lược những nguyên nhân mất pháp

Thông qua những bài kinh trên, những nguyên nhân đưa đến Chánh pháp bị nhiễu loạn và biến mất chính là:

Pháp tóm lược:

1. Không cẩn trọng tìm hiểu Phật pháp
2. Không tôn kính Tam Bảo
3. Sống phóng dật
4. Tứ chúng không nhu hòa

5. Tứ chúng không cần trọng trong tu học và trao truyền
6. Tứ chúng không tinh cần đúng pháp
7. Không tự giác mà lại đi giác tha
8. Đã tự giác nhưng không giác tha.

Pháp chi tiết:

1). Không tìm hiểu kỹ Phật pháp

1. Không xác định rõ Chánh pháp và tượng pháp
2. Không xác định rõ Pháp và Luật trong đạo Phật: Không khẳng định rõ vấn đề Pháp và phi pháp, Luật và phi luật, phạm tội và không phạm tội trong đạo Phật. Trắng đen trong Phật pháp không được nêu lên một cách rõ ràng, thiện và bất thiện không nêu rõ, các pháp không rạch ròi, minh bạch, trong sáng.
3. Không xác định rõ điều Đức Phật nói và không nói: Không khẳng định rõ những điều Như Lai không nói lên, không tuyên bố, không thực hành, không chế đặt. Không xác định rõ những điều Như Lai có nói lên, có tuyên bố, có thực hành, có chế đặt.

2). Không tôn kính Tam Bảo

4. Không cung kính, không tùy thuận Đức Phật.
5. Không cung kính, không tùy thuận Chánh pháp.
6. Không cung kính, không tùy thuận Tăng đoàn.
7. Không cung kính, không tùy thuận Học pháp.

8. Không cung kính, không tùy thuận Thiên định.

3). Sóng phóng dật

9. Tham ngủ: Người tu trở thành nhu nhược, ngủ cho đến mặt trời mọc trên chần âm nệm êm.
10. Dính mắc ruộng vườn: Người tu sống liên hệ, hệ lụy đến khu vườn. Khi sống như vậy họ sẽ sống và tận hưởng các vật liệu cất chứa, thích làm vườn, thích trồng trọt, họ sẽ làm các thô tướng đối với đất đai và đối với các sản phẩm trồng trọt, không chuyên chú trong sự nhiếp phục thân tâm.
11. Quá thân mật: Các Tỷ-kheo sống liên hệ với Tỷ-kheo ni, các chánh học nữ, các Sa-di ni. Khi sống như vậy họ sẽ không thích thú sống Phạm hạnh hay họ sẽ rơi vào một trong những tội lỗi ô nhiễm, sẽ từ bỏ học pháp và trở lui lại đời sống thế tục.
12. Phóng dật: Tứ chúng sống phóng dật buông lung, không cung kính, không tùy thuận pháp không phóng dật.
13. Không tri túc với tứ vật dụng: Người tu tham muốn các y tốt đẹp, tham muốn các đồ ăn khát thực ngon lành, tham muốn sàng tọa tốt đẹp. Do tham muốn như vậy, họ sẽ từ bỏ các y nhặt nơi đồng rác, họ sẽ từ bỏ nếp sống khát thực, họ sẽ từ bỏ nếp sống dưới gốc cây, họ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng, họ sẽ đi đến các làng, thị trấn, kinh đô và sống tại các chỗ ấy. Vì nhân y áo, vì nhân đồ ăn khát thực, vì nhân

sàng tọa, họ sẽ rơi vào những hành động tâm cầu không thích hợp.

4). Tứ chúng không nhu hòa

14. Không cung kính, không tùy thuận tiếp đón.
15. Không cung kính, không vâng lời lẫn nhau.
16. Không dễ nói: Tứ chúng tâm tánh không dễ nói, không kham nhẫn, không kính trọng những lời nhắc nhở chỉ dạy của bậc hiền trí.
17. Chia rẽ nhau: Tứ chúng bị chia rẽ, mắng nhiếc nhau, đấu khẩu nhau, tản xuất nhau, làm cho người chưa có lòng tin trong sạch đối với Tam bảo thì không tìm được tịnh tín, và người đã có tịnh tín thì sẽ bị mất tịnh tín.

5). Tứ chúng không cẩn trọng trong tu học và trao truyền

18. Không cẩn trọng nghe pháp.
19. Không cẩn trọng học thuộc lòng pháp.
20. Không cẩn trọng thọ trì pháp.
21. Không cẩn trọng quán sát ý nghĩa các pháp. Với tâm không tùy tâm, tùy tứ, với ý không tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng.
22. Không cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp.
23. Người trao truyền kinh không cẩn trọng nắm vững ngữ nghĩa bài kinh, thọ lãnh sai lầm giáo pháp, với văn cú sắp đặt bị đảo lộn làm cho nghĩa lý bị hướng dẫn sai lạc.

24. Người trao truyền kinh, trao truyền pháp không cần trọng khi nói kinh, dịch kinh, thuyết pháp. Người thông hiểu kinh, thông hiểu pháp, không trao truyền kinh, không trao truyền lời Phật dạy một cách cẩn thận cho thế hệ sau. Khi vị này mệnh chung, pháp bị cắt đứt tại gốc rễ, không có chỗ y cứ.

6). Tứ chúng không tinh cần đứng pháp

25. Lười biếng tu tập: Tứ chúng sống lười biếng, đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc. Và những thế hệ sau tiếp nối theo tà kiến của họ. Thế hệ này cũng sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc.

26. Không tu tập Tứ Niệm Xứ: Người tu không tu tập Bốn niệm xứ, Bốn Chánh Cần, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác Chi, Tám Thánh Đạo.

27. Không trau dồi Giới Định Tuệ: Người tu không tu tập thân, không tu tập giới, không tu tập tâm, không tu tập tuệ. Do không tu tập như vậy, nên thân tâm không đi sâu vào trong Thánh pháp, vì vậy họ không lóng tai, không tìm hiểu các kinh tạng do Như Lai tuyên thuyết có ý nghĩa thâm sâu, siêu thế. Nhưng đối với những thi

kệ do các thi sĩ làm thì họ lắng nghe, yêu thích, tìm hiểu ý nghĩa.

7). Chưa tư giác lại đi giác tha

28. Tự thân không tu tập *thân*, không tu tập *giới*, không tu tập *tâm*, không tu tập *tuệ*. Khi tho đại giới cho người mới, vị này không thể huấn luyện người mới về Giới Định Tuệ. Và các người mới này sẽ không thể huấn luyện thế hệ tiếp theo tu tập Giới Định Tuệ. Vì vậy, Chánh pháp và giới luật mà Đức Phật đã truyền trao bị nhiều loạn và biến mất.
29. Tự thân không tu tập *thân*, không tu tập *giới*, không tu tập *tâm*, không tu tập *tuệ*. Khi làm y chỉ sự cho người mới, vị này không thể huấn luyện người mới về Giới Định Tuệ. Và các người mới này sẽ không thể huấn luyện thế hệ tiếp theo tu tập Giới Định Tuệ. Vì vậy, Chánh pháp và giới luật mà Đức Phật đã truyền trao bị nhiều loạn và biến mất.
30. Tự thân không tu tập *thân*, không tu tập *giới*, không tu tập *tâm*, không tu tập *tuệ*. Khi thuyết giảng Thánh pháp, vị này rơi vào hắc pháp, giảng giải các pháp không rõ ràng, đi vào ngõ cụt, làm nhiều loạn pháp. Do Pháp bị nhiều loạn nên Luật bị nhiều loạn. Do Luật bị nhiều loạn nên Pháp nhiều loạn thêm.

31. Vị đứng đầu, vị trưởng thượng, vị trưởng lão là vị có tà kiến, có tri kiến điên đảo, tri kiến sai lầm, lệch lạc, làm cho nhiều người từ bỏ Chánh pháp, đi vào tà pháp.

8). Đã tư giác nhưng không giác tha

32. Không rộng rãi thuyết pháp: Những vị thành tựu trí tuệ về pháp, thông hiểu pháp một cách chân chánh nhưng không thuyết pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng.

33. Không rộng rãi đọc tụng pháp: Tứ chúng không cho đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng.

34. Không tạo thuận duyên cho bậc thành tựu chánh kiến được thuyết pháp: Tứ chúng không tạo điều kiện cho các bậc thành tựu trí tuệ về pháp, bậc thông hiểu pháp được giảng pháp rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng.

Tóm lại, Chánh pháp bị nhiễu loạn, bị diệt tận, bị diệt vong, bị biến mất, bị vùi lấp chính là do ba mươi bốn pháp, ba mươi bốn nguyên nhân trên đây. Chúng tôi chia ba mươi bốn nguyên nhân này thành tám nhóm để thuận tiện cho người con Phật dễ đọc, dễ học, dễ nhớ, luôn ghi khắc trong tâm để nhắc nhở bản thân không góp phần trong việc làm diệt tận Chánh pháp.

3 LÀM SAO CHÁNH PHÁP HƯNG THỊNH?

Như vậy, người con Phật muốn góp phần làm cho Chánh pháp hưng thịnh lâu dài, tránh cho chánh pháp không bị diệt tận thì cần phải tu tập, thực hành các pháp đối trị với các tà pháp nêu trên, đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh. Những pháp đối trị đó chính là người con Phật cần xác định rõ những vấn đề sau và cần tu tập cho vững chắc, cần y tựa trong những vấn đề, những đức hạnh sau:

3.1 Tìm hiểu kỹ Phật pháp

3.1.1 Xác định rõ Chánh pháp và Tượng pháp

Thông qua bài Kinh Tượng Pháp (*Tương* II, 384), chúng ta thấy rằng: Ngày nay, sau khi Đức Phật đã nhập diệt trên hai ngàn năm trăm năm, nếu người tu học không xác định rõ Chánh pháp và tượng pháp thì Chánh pháp sẽ bị tượng pháp xâm nhập, trà trộn, giả mạo làm lũng đoạn và đưa đến diệt vong. Vì vậy, người con Phật cần xác định rõ thời điểm hình thành, thời điểm xuất hiện các kinh sách thông qua các kỳ kết tập kinh điển của Phật giáo để phát hiện các tượng pháp (kinh giả) và xác định Chánh pháp (kinh thật).

Sau khi đã tìm hiểu, xác định rõ Chánh pháp thì hành giả cần tinh tấn tu tập để thành tựu trí tuệ trong Chánh pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy, làm cho Chánh pháp được rực

sáng và tỏa sáng trong cuộc sống; xóa tan đi những si mê, vô minh, lầm lạc về Chánh pháp; đưa Chánh pháp đến với cuộc đời. Như vậy, việc xác định rõ đâu là Chánh pháp và đâu là tượng pháp, đó là pháp đầu tiên, tuyệt đối quan trọng trong việc làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

Việc “Xác định rõ Chánh pháp và tượng pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp là do “Người con Phật không xác định rõ, không khẳng định rõ đâu là Chánh pháp và đâu là tượng pháp”.

3.1.2 Xác định rõ Pháp và Luật trong đạo Phật

Khi không nắm biết rõ, không xác định rõ, không khẳng định rõ thế nào là Chánh pháp và Giới Luật mà Đức Phật đã chỉ dạy, người tu sẽ quờ quạng trong sự hiểu biết về Phật pháp. Khi nghe nhiều quan điểm về Phật pháp thì nhệch, cả tin, không biết đúng sai thật giả thế nào trong đó nên dễ dàng tin theo, dễ dàng thọ nhận. Điều đó góp phần làm cho những tà pháp, tà luật được lòng hành và bành trướng trong Phật giáo, khiến cho Chánh pháp đi đến sự diệt vong.

Vì vậy, người con Phật khi đến với đạo Phật cần tìm hiểu cẩn thận về Phật pháp, tìm hiểu cho kỹ, nắm biết rõ. Người Phật tử xác định rõ đâu là Chánh pháp và đâu không phải Chánh pháp, đâu là Luật và đâu không phải Giới Luật mà

Đức Phật đã đưa ra. Sau khi tìm hiểu kỹ về Pháp và Phi pháp, Luật và phi Luật, người con Phật không nên thọ những giới luật không phải do Đức Phật chế đặt, không nên tu tập thực hành những pháp hành không phải do Đức Phật chỉ dạy.

Để xác định rõ thế nào là Pháp và Luật mà Đức Phật đã chỉ dạy, người con Phật cần tìm hiểu kỹ lịch sử kết tập kinh điển của Phật giáo và cần tìm hiểu kỹ các bài kinh như: Kinh Ví Dụ Con Rắn (*Trung I*, bài 22), Kinh Anuradha (*Tương III*, 210), Kinh Làng Sama (*Trung III*, bài 104), Kinh Nghĩ Như Thế Nào (*Trung III*, bài 103), Kinh Thế Giới (*Tăng I*, 592).

Lại nữa, người con Phật cần xác định rõ vấn đề phạm tội và không phạm tội mà Đức Phật đã đề ra để tự phòng hộ, tự bảo vệ thân tâm, không để thân tâm rơi vào những thân hành, khẩu hành, ý hành đưa đến sự rò rỉ tiếp tục của các lậu hoặc, nhiễm ô.

Tóm lại, sự cẩn trọng tìm hiểu kỹ Phật pháp, sự trạch pháp, sự xác định rõ ràng thế nào là Pháp và Luật mà Đức Phật đã chỉ dạy, thế nào là phạm tội và không phạm tội, sự cẩn trọng này là điều giúp đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

Việc “Xác định rõ Pháp và Luật trong đạo Phật” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp là do “Người con Phật không xác định rõ Pháp và Luật trong đạo Phật”.

3.1.3 Xác định rõ điều Đức Phật nói và không nói

Người con Phật cần tìm hiểu kỹ, cần xác định rõ những điều Đức Phật có nói lên, có tuyên bố, có thực hành, có chế đặt và những điều Đức Phật không nói lên, không tuyên bố, không thực hành, không chế đặt. Sự tìm hiểu kỹ và xác định rõ như vậy để tránh không mang tội xuyên tạc Đức Phật, phỉ báng Đức Phật, không góp phần tạo cơ hội cho tà pháp trà trộn và làm nhiễu loạn Chánh pháp, làm lung đoạn, làm giả mạo những lời dạy chân chánh của Đức Phật.

Như vậy, việc tìm hiểu kỹ Phật pháp, xác định rõ những điều Đức Phật có nói và không nói, xác định rõ nguồn gốc của các kinh điển, xác định rõ thời điểm ra đời của các kinh sách hiện có trong đạo Phật, xác định rõ cốt lõi, cốt tủy của đạo Phật, xác định rõ Chánh pháp là gì trong đạo Phật - Đó là những yếu tố, những tác nhân quan trọng góp phần đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

Việc “Xác định rõ điều Đức Phật nói và không nói” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp là do “Người con Phật không xác định rõ điều Đức Phật nói và không nói”.

3.2 Tôn kính Tam Bảo

3.2.1 Tôn kính Phật

Người đến với đạo Phật cần tìm hiểu kỹ Đức Phật là người như thế nào, chữ Phật có nghĩa là gì, vì sao Ngài được gọi là Phật, Ngài tu tập thế nào, Ngài chứng ngộ cái gì, Ngài giải thoát khỏi cái gì, vì sao Ngài được thế gian tôn kính Ngài, vì sao Ngài được gọi là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, ... Tóm lại, khi đến với đạo Phật, hành giả cần nắm biết rõ Phật là ai, mình là ai, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác là như thế nào, sau khi đã biết rõ như vậy, người con Phật cần lấy đời sống của Đức Phật, lấy đường lối tu tập của Đức Phật làm mẫu mực, làm chuẩn mực, làm kim chỉ nam cho mình, làm định hướng cho mình trong sự tu tập thân tâm, nhiếp phục thân tâm, không nương tựa vào một ai khác, không nương tựa vào một điều gì khác.

Sau khi đã tìm hiểu cẩn trọng và có một sự hiểu biết chân chánh, đúng pháp về Đức Phật, tứ chúng đệ tử Phật một lòng sống cung kính, tùy thuận Đức Phật, không xem thường Đức Phật, không xuyên tạc Đức Phật, không phỉ báng Đức Phật, không ngã mạn ngông cuồng muốn con đường tu tập của mình phải khác với Đức Phật, không ngã mạn ngông cuồng muốn tự mình tìm lấy con đường tu cho mình chứ không chịu đi theo lời dạy của Đức Phật. Người con Phật cần nắm biết rõ những sự kiện không thể xảy ra

trong cuộc đời này để từ bỏ những suy nghĩ ngông cuồng, những bản ngã ngông cuồng, những lòng tin cuồng si, cuồng tín đưa đến tiền mất, tật mang, rước họa cho mình. Hành giả có thể tìm hiểu những sự kiện không thể xảy ra trong các Kinh Đa Giới (*Trung*, bài 115), Đại Kinh Malunkyaputta (*Trung*, bài 64), Kinh Hội Chúng (*Tăng* III, 295), Kinh Tâm Đặt Sai Hướng (*Tăng* I, 21). Tóm lại, khi tứ chúng sống cung kính và tùy thuận Đức Phật như vậy, đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài. “Tôn kính Phật” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến diệt pháp do “Tứ chúng sống không cung kính, không tùy thuận Đức Phật”.

3.2.2 Tôn kính Pháp

Sau khi đã xác định rõ Chánh pháp và tượng pháp, người con Phật cần tìm hiểu cần trọng về ý nghĩa, tác dụng, giá trị và lợi ích của Chánh pháp đối với thế giới vô minh, thế giới trầm luân trong biển sanh tử khổ đau. Sau khi nắm biết rõ như vậy, tứ chúng đệ tử Phật một lòng sống cung kính, tùy thuận theo Chánh pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một điều gì khác, đưa thân tâm vào trong đời sống với Tám sự chân chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy trong Chánh pháp, tu tập thân tâm theo tinh thần Bốn niệm xứ mà Đức Phật đã từng tu tập thành

tự và truyền trao lại cho cuộc đời này. Không tự ý thêm bớt vào lời dạy của Đức Phật, không tự ý thêm bớt trong sự tu tập theo Bốn niệm xứ, không tự ý thêm bớt trong Thánh chánh định, trong thiền định mà Đức Phật đã chỉ dạy. Khi tứ chúng đệ tử Phật sống cung kính và tùy thuận Chánh pháp như vậy sẽ làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Tôn kính Pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mất pháp do “Tứ chúng sống không cung kính, không tùy thuận Chánh pháp”.

3.2.3 Tôn kính Tăng

“Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh (hay Như pháp hành) là chúng đệ tử của Thế Tôn, tức là Bốn đôi, Tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng đánh lễ, đáng cúng dường, đáng chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở trên đời”. Bốn đôi tám chúng đó chính là: Bạc đã chứng Dự lưu Thánh quả và bạc đang hướng đến để chứng Dự lưu, hai chúng này được gọi là đôi thứ nhất. Bạc đã chứng Nhất lai và bạc đang hướng đến chứng Nhất lai, hai chúng này được gọi là đôi thứ hai. Bạc đã chứng Bất lai và bạc đang hướng đến chứng Bất lai, hai chúng này được gọi là đôi thứ ba. Bạc đã chứng A-la-hán quả và bạc

đang hướng đến chứng A-la-hán quả, hai chúng này là đôi thứ tư. Đó gọi là “bốn đôi tám chúng”.

Như vậy, khi nói đệ tử của Đức Phật tức là hàng bốn đôi, tám chúng. Bốn đôi tám chúng này là những Thánh đệ tử, những vị đệ tử chân chánh của Đức Phật, những vị được Đức Phật công nhận là đệ tử của Ngài. Không phải với hình thức, đầu tóc, quần áo mà Đức Phật công nhận đó là đệ tử của Ngài. *Vậy trường hợp nào Đức Phật không công nhận là đệ tử của Ngài, không công nhận là một người tu chân chánh, và không công nhận khả năng tu chứng của vị ấy?*

3.2.3.1 Bảy trường hợp Đức Phật không nhận là đệ tử

3.2.3.1.1 Người cứng đầu, nói nhiều, hoang dâm, gian dối

Kinh Kê Lừa Dối (Tăng I, 598)

“Những vị Tỷ-kheo nào, lừa dối, cứng đầu, lắm mồm, lắm miệng, hoang dâm, hỗn hào, không có định tĩnh, những Tỷ-kheo ấy không phải là Tỷ-kheo của Ta. Những Tỷ-kheo ấy đã rơi khỏi Pháp Luật này. Và họ không đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp Luật này.

Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào không lừa dối, không lắm mồm lắm miệng, có trí, không cứng đầu, khéo định tĩnh, những Tỷ-kheo ấy phải là Tỷ-kheo của Ta. Và những

Tỷ-kheo ấy không rơi khỏi Pháp Luật này, và họ đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp Luật này”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, người cứng đầu, lừa dối, lăm mồm, lăm miệng, hỗn hào, hoang dã, không có định tĩnh, người như vậy không được Đức Phật xem là đệ tử của Ngài. Và vị này cũng không thể đi đến sự tăng trưởng, tăng thịnh, tiến bộ, tăng rộng trong Chánh pháp này.

3.2.3.1.2 Người không thành tựu Trí về Ngũ uẩn

Kinh Sona (Tương III, 97)

*“Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Sona, không biết rõ sắc, không biết rõ (nappajananti) sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; không biết rõ thọ... không biết rõ tưởng... không biết rõ các hành... không biết rõ thức, không biết rõ thức tập khởi, không biết rõ thức đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt. Những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, **không những không được chấp nhận** là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Những vị ấy ngay trong đời sống hiện tại, cũng không tự mình chứng tri với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.*

Còn những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Sona, biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; biết rõ thọ... biết rõ tưởng... biết rõ các hành... biết rõ thức, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt. Những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, **không những được chấp nhận** là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Những vị Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, còn tự mình chứng tri với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh”.

Kinh Sa-Môn (Tương III, 336)

“Này Ràdha, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật biết rõ **sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn** này, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được chấp nhận là Sa-môn giữa các vị Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy không thể ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Nhưng này Ràdha, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy ngay trong hiện tại,

tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, người không thành tựu trí về Ngũ uẩn thì Đức Phật không chấp nhận là người tu và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tự mình tu tập chứng đạt mục đích của sự tu hành. Vì có sao? Vì tu là tu tập nhiếp phục những dục, ái, tham, sân, si trong tự thân. Nhưng để có thể nhìn thấy được tất cả những cấu uế này trong nội tâm thì cần phải nhìn thấy Ngũ uẩn vì tất cả những cấu uế này nằm trong Ngũ uẩn. Vì vậy, khi không thành tựu trí về Ngũ uẩn thì không thấy được những cấu uế trong tâm. Khi không thấy rõ những cấu uế trong tâm thì tu cái gì? Thanh lọc cái gì? Vì vậy, người không thành tựu trí về Ngũ uẩn thì Đức Phật không công nhận đó là người tu, và ngay trong hiện tại, vị này cũng không tu tập được gì, không chứng đắc được gì, không đạt được mục đích của sự tu.

3.2.3.1.3 Người không thành tựu Trí về Sáu căn

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn 1 (*Tương V, 322*)

*“Này các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? **Nhãn** căn, **nhĩ** căn, **tỷ** căn, **thiệt** căn, **thân** căn, **ý** căn.*

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt,

sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi **sáu căn** này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, không được chấp nhận là Sa-môn... Và những vị ấy, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi sáu căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, được chấp nhận là Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh”.

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn 2 (Tương V, 323)

“Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết nhãn căn, không như thật rõ biết nhãn căn tập khởi, không như thật rõ biết nhãn căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến nhãn căn đoạn diệt... không như thật biết rõ nhĩ căn... tỷ căn... thiệt căn... thân căn... không như thật rõ biết ý căn, không như thật rõ biết ý căn tập khởi, không như thật rõ biết ý căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến ý căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, không được chấp nhận là Sa-môn... Và những vị ấy, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và

an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Nhưng những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết nhãn căn, như thật rõ biết nhãn căn tập khởi, như thật rõ biết nhãn căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến nhãn căn đoạn diệt... như thật biết rõ nhĩ căn... tỷ căn... thiệt căn... thân căn... như thật rõ biết ý căn, như thật rõ biết ý căn tập khởi, như thật rõ biết ý căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến ý căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, được chấp nhận là Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

(Hết trích kinh)

Như vậy, người không thành tựu trí về sáu căn thì Đức Phật không chấp nhận là người tu và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tự mình tu tập chứng đạt mục đích của sự tu hành. Vì có sao? Vì sáu căn là sáu chỗ để Ngũ uẩn tiếp xúc với sáu trần làm sanh khởi ra liên tục những sắc, thọ, tưởng, hành, thức với những dục, ái, tham, sân, si chất chứa trong đó. Nếu không thành tựu trí về sáu căn thì sẽ chấp trước sáu căn, cho sáu căn là mình, không cần trọng thực hành hộ trì các căn, để cho nội trần đi vào trong nội tâm,

quấy nhiễu nội tâm, khuấy động thọ tướng hành thức, làm cho dục, ái, bản ngã tàn phá thân tâm. Như vậy, nếu không thành tựu trí về sáu căn thì không thể nhiếp phục được các căn. Nếu không nhiếp phục được các căn thì dục, ái, tham, sân, si sẽ sanh khởi hoài trong tâm, như vậy thì tu cái gì... Vì vậy, người không thành tựu trí về sáu căn không được Đức Phật chấp nhận là người tu và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể chứng đắc được mục đích của sự tu hành.

Nhưng nếu muốn thành tựu trí về sáu căn thì cần phải thành tựu trí về Ngũ uẩn vì sáu căn nằm trong Ngũ uẩn. Khi thành tựu trí về Ngũ uẩn thì sẽ đi đến sự thành tựu trí về sáu căn. Vì vậy, hành giả cần đặc biệt lưu ý điểm này để biết rõ mình cần phải bắt đầu tu tập từ đâu.

3.2.3.1.4 Người không thành tựu Trí về Mười Hai Duyên

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn (Tương II, 33)

“Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết rõ già chết, không biết rõ già chết tập khởi, không biết rõ già chết đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt; không biết rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... không biết rõ các hành, không biết rõ các hành tập khởi, không biết rõ các hành đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến

*các hành đoạn diệt; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy **không** được chấp nhận là Sa-môn... Và những vị ấy, ngay trong đời sống hiện tại cũng **không** có thể với thẳng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.*

*Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay là Bà-la-môn nào **biết rõ** già chết, biết rõ già chết tập khởi, biết rõ già chết đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt... biết rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... biết rõ các hành, biết rõ các hành tập khởi, biết rõ các hành đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt; các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy **được chấp nhận là Sa-môn**... Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại **có thể với thẳng trí tự mình giác ngộ**, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn và mục đích Bà-la-môn hạnh”.*

(Hết trích kinh)

Như vậy, người không thành tựu trí về Mười hai nhân duyên thì Đức Phật không chấp nhận là người tu, và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tự mình tu tập chứng đạt mục đích của sự tu hành. Vì có sao? Vì mục đích của sự tu hành để hết khổ, để thoát khổ, nhưng người tu lại không thấy rõ khổ, không thấy rõ những nguyên nhân đưa đến khổ sanh khởi thì làm sao chấm dứt được khổ, làm sao

diệt được khổ. Và khi không thấy rõ khổ, không thấy rõ nguyên nhân sanh khổ, không chấm dứt được khổ, không diệt tận được khổ thì tu cái gì đây? Vì vậy, người tu mà không thành tựu trí về Mười hai nhân duyên thì Đức Phật không công nhận đó là người tu và ngay trong hiện tại vị này cũng không thể tu chứng được điều gì.

Nhưng nếu muốn thành tựu trí về Mười hai nhân duyên thì phải thành tựu trí về Ngũ uẩn vì những nhân duyên này chính là những duyên làm sanh khởi ra những thân Ngũ uẩn vô thường này. Vì vậy, khi tu tập thành tựu Bốn Thánh trí về Ngũ uẩn thì hành giả cũng sẽ đi đến sự thành tựu trí về Mười hai nhân duyên. Hành giả cần đặc biệt lưu ý điểm này để biết rõ mình cần phải bắt đầu tu tập từ đâu.

3.2.3.1.5 Người không thành tựu Trí về Cảm Thọ

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn (Tương IV, 376)

“Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của ba thọ này, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn... Và các vị ấy ngay trong hiện tại cũng không với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của ba **thọ** này, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn... Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh”.

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn 1 (Tương V, 326)

“Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Lạc** căn, **khổ** căn, **hỷ** căn, **ưu** căn, **xả** căn. Vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi năm căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn... Và những vị ấy, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi năm căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn 2 (*Tương V, 327*)

Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Lạc** căn, **khổ** căn, **hỷ** căn, **ưu** căn, **xả** căn.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không rõ biết lạc căn, không rõ biết lạc căn tập khởi, không rõ biết lạc căn đoạn diệt, không rõ biết con đường đưa đến lạc căn đoạn diệt... không rõ biết xả căn, không rõ biết xả căn tập khởi, không rõ biết xả căn đoạn diệt, không rõ biết con đường đưa đến xả căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn... Và những vị ấy, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, rõ biết lạc căn, rõ biết lạc căn tập khởi, rõ biết lạc căn đoạn diệt, rõ biết con đường đưa đến lạc căn đoạn diệt... rõ biết xả căn, rõ biết xả căn tập khởi, rõ biết xả căn đoạn diệt, rõ biết con đường đưa đến xả căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

(Hết trích kinh)

Như vậy, người không thành tựu trí về các cảm thọ thì Đức Phật không chấp nhận là người tu, và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tự mình tu tập chứng đạt mục đích của sự tu hành. Vì có sao? Vì mục đích của sự tu hành là để nhiếp phục và diệt tận tất cả những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã. Nhưng những cấu uế này nằm trong cảm thọ, nếu không thành tựu trí về cảm thọ thì không thể thấy biết trọn vẹn các cấu uế này. Khi không thấy biết rõ các cấu uế trong nội tâm thì làm sao nhiếp phục được các cấu uế và tẩy sạch hết các cấu uế này. Khi không thấy biết rõ các cấu uế, không nhiếp phục được các cấu uế, không tẩy sạch hết các cấu uế trong tâm thì tu cái gì đây? Vì vậy, người không thành tựu trí về cảm thọ thì Đức Phật không chấp nhận là người tu, và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tự mình tu chứng được gì.

Nhưng nếu muốn thành tựu trí về các cảm thọ thì phải thành tựu trí về Ngũ uẩn vì các cảm thọ nằm trong Ngũ uẩn. Khi thành tựu trí về Ngũ uẩn thì sẽ đi đến sự thành tựu trí về các cảm thọ. Vì vậy, hành giả cần đặc biệt lưu ý điểm này để biết rõ mình cần phải bắt đầu tu tập từ đâu.

3.2.3.1.6 Người không thành tựu Trí về Lợi danh

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn (*Tương II*, 412)

“Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không biết sự tập khởi của lợi đắc, cung kính, danh vọng,

không biết sự đoạn diệt của lợi đắc, cung kính, danh vọng, không biết con đường đưa đến sự đoạn diệt của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn... Và những vị ấy, ngay trong đời sống hiện tại cũng không tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh và mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Và những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết được sự tập khởi của lợi đắc, cung kính, danh vọng, biết được sự đoạn diệt của lợi đắc, cung kính, danh vọng, biết được con đường đưa đến sự đoạn diệt của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy ngay trong đời sống hiện tại, có thể tự mình giác ngộ với thượng trí, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn và mục đích Bà-la-môn hạnh”.

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn (Tương II, 411)

“Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết sự tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt, nguy hiểm và xuất ly của **lợi đắc, cung kính, danh vọng**; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại cũng không tự mình với

thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh và mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Và những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật biết sự tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt, nguy hiểm và xuất ly của lợi dắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, được chấp nhận là Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy ngay trong đời sống hiện tại, có thể tự mình giác ngộ với thượng trí, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn và mục đích Bà-la-môn hạnh”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, người không thành tựu trí về lợi danh, cung kính thì Đức Phật không chấp nhận là người tu, và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tự mình tu tập chứng đạt mục đích của sự tu hành. Vì có sao? Vì nếu không thành tựu trí về lợi danh, cung kính thì khi lợi danh, cung kính đến với người tu thì người tu sẽ tham đắm, dính mắc, chấp trước, trói buộc vào chúng nhưng vị này không thấy không biết. Khi được danh, được lợi, được cung kính thì bản ngã trong vị này sẽ tăng trưởng và phát triển nhưng vị này không thấy không biết. Bề ngoài thì nói lời nhân nghĩa đạo lý, nhưng bên trong thì sân si, dao động, phóng dật, tham danh, tham lợi, bản ngã chất chồng. Vì vậy, người tu nhưng không thành tựu trí về lợi danh cung kính không được Đức

Phật chấp nhận là người tu và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tu chứng được gì.

Nhưng nếu muốn thành tựu trí về lợi danh cung kính thì phải thành tựu trí về Ngũ uẩn vì những cảm giác yêu thích lợi danh cung kính, cảm giác ganh tỵ với lợi danh cung kính của người, cảm giác mong muốn lợi danh cung kính đến với mình... Tất cả những cảm giác này nằm trong Ngũ uẩn. Do đó, khi thành tựu trí về Ngũ uẩn thì sẽ đi đến sự thành tựu trí về lợi danh cung kính. Hành giả cần đặc biệt lưu ý điểm này để biết rõ mình cần phải bắt đầu tu tập từ đâu.

3.2.3.1.7 Người không thành tựu Trí về Bốn đại

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn (*Tương II, 305*)

“Này các Tỷ-kheo, có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này không như thật quán tri (pajànatī) vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn... Và các vị ấy ngay trong hiện tại cũng không với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này như thật quán tri vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn... Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh”.

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn (Tương II, 306)

“Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán tri địa giới tập khởi, không quán tri địa giới đoạn diệt, không quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn diệt... không quán tri thủy giới... không quán tri hỏa giới... không quán tri phong giới, không quán tri phong giới tập khởi, không quán tri phong giới đoạn diệt, không quán tri con đường đưa đến phong giới đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những vị Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn, giữa những vị Bà-la-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại không thể tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tri địa giới, quán tri địa giới tập khởi, quán tri địa giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn

diệt... quán tri thủy giới... quán tri hỏa giới... quán tri phong giới, quán tri phong giới tập khởi, quán tri phong giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến phong giới đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa các vị Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn, giữa các vị Bà-la-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh".

(Hết trích kinh)

Như vậy, người không thành tựu Trí về Tứ đại thì Đức Phật không chấp nhận là người tu, và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tự mình tu tập chứng đạt mục đích của sự tu hành. Vì có sao? Vì thân này là do tứ đại hợp thành, thể giới vật chất này là thể giới của tứ đại. Nếu người tu không thành tựu trí về tứ đại thì người tu sẽ không nhàm chán đối với thân này, không nhàm chán đối với thể giới vật chất này. Do không nhàm chán đối với thân này nên dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh đối với thân và đối với thể giới này vẫn sanh khởi, vẫn hiện hữu, vẫn tồn tại, như vậy thì tu cái gì đây? Vì vậy, người tu nhưng không thành tựu trí về Tứ đại thì Đức Phật không chấp nhận đó là người tu, và ngay trong hiện tại vị này cũng không thể tu chứng được gì.

3.2.3.2 *Kết luận*

Thông qua các bài kinh trên, chúng ta thấy rằng không phải với hình thức, đầu tóc, quần áo mà Đức Phật công nhận là đệ tử của Ngài. Những vị được Đức Phật công nhận là đệ tử của Ngài đó phải là những vị có những đức hạnh vi diệu hiền thiện (diệu hạnh), có tâm tánh trung thực, chơn thật (trực hạnh), có đời sống chân chánh thiện lành với Tám sự Chân Chánh (chơn chánh hạnh), có sự tu tập hành trì và thể nhập trí tuệ theo đúng Chánh pháp mà Ngài đã chỉ dạy (như pháp hành), và đó chính là những vị đi vào hàng bốnđôi, tám chúng.

Khi đến với đạo Phật, hành giả cần cần trọng tìm hiểu kỹ Tam bảo, cần biết rõ thế nào là những vị đệ tử chân chánh của Đức Phật, sau khi biết rõ như vậy, tứ chúng đệ tử Phật một lòng sống cung kính, tùy thuận Thánh chúng, không cống cao ngã mạn, không xem thường bạn đồng tu, sẵn sàng xả bỏ những tâm ý chủ quan, cá nhân để hòa hợp trong tinh thần chung của Thánh chúng. Tâm luôn an trú trong hạnh “*Lời nói khiêm nhường - Tâm hồn khiêm hạ - Hành xử khiêm cung - Hiền hòa khiêm tốn - Kính trên nhường dưới - Khiêm nhã nhún nhường - Khéo xét lỗi mình - Khéo phòng hộ căn*”. Khi tứ chúng đệ tử Phật sống cung kính và tùy thuận Thánh chúng như vậy sẽ làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Tôn kính Thánh chúng” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống không cung kính, không tùy thuận Thánh chúng, hành xử theo chủ quan, bản ngã, cá nhân, ích kỷ, không tùy thuận đại chúng”.

3.2.4 Tôn kính các học pháp

Tứ chúng đệ tử Phật một lòng sống cung kính, tùy thuận các học pháp về giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao, không tự ý thêm bớt, chỉnh sửa, thay đổi Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy, đưa thân tâm vào trong sự tu tập theo Giới Định Tuệ một cách nghiêm túc, thận trọng theo trình tự của Văn Tư Tu, xác định rõ từng giai đoạn tu của mình. Sau khi đã xác định giai đoạn tu của mình, cần tu tập thật tốt, thật hoàn mãn trong từng giai đoạn. Không hấp tấp, vội vàng, bắt cần, đốt giai đoạn để rồi không có bước đi nào ra bước đi nào, không có giai đoạn nào ra giai đoạn nào, chao đảo trong thế đứng của mình, chao đảo trong trí tuệ của mình. Việc tôn kính các học pháp và tu tập tuần tự trong các học pháp giúp hành giả xác định, ổn định, định hình những bước đi của mình trên con đường đi đến sự chấm dứt sanh tử, phiền não, khổ đau. Pháp cung kính và tùy thuận các học pháp đưa hành giả đi đến sự đạt được chân đứng trong đạo Phật và làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Tôn kính các học pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống không cung kính, không tùy thuận các học pháp”.

3.2.5 Tôn kính thiền định

Tứ chúng một lòng sống cung kính, tùy thuận theo phương pháp tu tập định tâm mà Đức Phật đã chỉ dạy. Dùng bảy sự chân chánh để chuẩn bị sự định tâm chân chánh. Không tự động thêm bớt vào phương pháp thiền định, phương pháp định tâm trong Thánh Chánh định. Không xem thường thiền định. Không bỏ qua sự tu tập thiền định. Cần xác định rõ Giới Định Tuệ là ba pháp cần tu tập của người tu, không được xem thường và bỏ qua bất cứ pháp nào trong ba pháp này. Nếu không tu tập giới hạnh thì tâm không được an ổn. Người cư sĩ cần giữ gìn giới hạnh của người cư sĩ để thân tâm được an ổn trong đời sống tại gia. Khi tâm không an ổn thì khó tu tập thiền định. Khi tâm không có thiền định, không có định tâm một cách chân chánh thì trí tuệ không thể thành tựu một cách chân chánh và viên mãn. Người không có thiền định, tâm không định tĩnh, bình tĩnh, hành xử dao động, bộp chộp, dễ có nhiều sơ suất, nhiều sự không kiểm chế sai sót trong lời nói, hành động, làm cho người cười chê, làm mất đi nét đẹp của người tu, khiến cho người chưa có lòng tin trong Tam bảo sẽ không sanh khởi được lòng tin, người có lòng tin với Tam bảo sẽ sanh nghi ngờ,

suy sụp lòng tin, mất đi lòng tin đối với Tam bảo. Tuy nói thứ tự là Giới Định Tuệ nhưng hành giả cần tu tập Giới Định Tuệ một cách song hành. Vì vậy, trong sự tu tập này không được phép xem thường thiền định nhưng cũng không nên quá chú trọng tập trung vào thiền định mà không tu tập, không trau dồi trí tuệ và các đức hạnh vi diệu, hiền thiện của một người con Phật. Khi Giới Định Tuệ được vận hành một cách hài hòa đồng điệu thì sự tu tập thân tâm sẽ mau chóng tiến triển tốt và mau chóng đi đến thành tựu viên mãn. Tóm lại, sự cung kính, tôn kính Thánh giới hạnh, Thánh thiền định và Thánh trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao đó là một trong những pháp tuyệt đối quan trọng trong việc Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Tôn kính thiền định” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống không cung kính, không tu tập thiền định”.

3.3 Không phóng dật

3.3.1 Không tham ngủ

Kinh Cỏ Rơm (*Tương II, 467*): “*Trong tương lai, các Tỷ-kheo sẽ trở thành nhu nhược, tay chân mềm mỏng. Họ nằm trên những đồ nằm mềm mại. Họ ngủ cho đến mặt trời mọc trên những gò bông. Ác ma sẽ nắm được cơ hội, sẽ nắm được đối tượng. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần*

phải học tập như sau: “Chúng tôi sẽ sống trên những gỏi rơm, không phóng dật, nhiệt tâm trong nỗ lực”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập”. Như vậy, pháp không tham ngủ, không lười biếng, không phóng dật là pháp đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Không tham ngủ” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp là do “Người tu tham ngủ, lười biếng, nhu nhược, ngủ đến mặt trời mọc”.

3.3.2 Không dính mắc ruộng vườn

Khi hệ lụy dính mắc vào ruộng vườn, người tu sẽ bị mất nhiều thời gian và sẽ sống trong sự tận hưởng các vật liệu sản phẩm cất chứa từ ruộng vườn, thích làm vườn, thích trồng trọt, làm các thô tướng đối với đất đai và đối với các sản phẩm trồng trọt, không chuyên chú trong sự nhiếp phục thân tâm, không tập trung trong sự nhiếp phục thân tâm, không nỗ lực diệt tận dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc. Vì vậy, người tu không nên hệ lụy, không nên dính mắc vào ruộng vườn, lo nhiếp phục thân tâm, không lo chuyện vườn tược, không ham thích sống tận hưởng các vật liệu sản phẩm cất chứa từ ruộng vườn, không ham thích làm vườn, không ham thích trồng trọt, không ham thích tận hưởng các sản phẩm từ trồng trọt, không làm các thô tướng đối với đất đai. Sống như vậy

hành giả sẽ có nhiều thời gian để tu tập, có nhiều thời gian để tập trung vào sự trau dồi Giới Định Tuệ mà một người tu chân chánh cần phải thành tựu. Như vậy, pháp này đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Không dính mắc ruộng vườn” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mật pháp do “Người tu thích sống nhàn cư với vườn tược, thích trồng trọt để nuôi sống, không tinh cần tinh tấn tập trung trong sự tu tập tâm, nhiếp phục dục, ái, vô minh, lậu hoặc”.

3.3.3 Không quá thân mật

Kinh Sợ Hãi Trong Tương Lai 4 (Tăng II, 484)

“Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ sống liên hệ với Tỷ-kheo ni, các chánh học nữ, các Sa-di ni. Khi sống liên hệ với Tỷ-kheo ni, chánh học nữ, Sa-di ni, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là: Họ sẽ không thích thú sống Phạm hạnh, hay họ sẽ rơi vào một trong những tội lỗi ô nhiễm, sẽ từ bỏ học pháp và trở lui lại đời sống thế tục.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ tư về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, cần phải tinh tấn để đoạn trừ sợ hãi ấy”.

Như vậy, các mối quan hệ khác giới tính, hoặc đồng giới tính nên có những khoảng cách, ranh giới thích hợp. Nếu không giữ khoảng cách thích hợp, xô bồ, không ý tứ trong các mối quan hệ, không giữ lễ đối với nhau, sa đà, phóng dật, buông lung. Khi không hộ trì các căn thì dẫn đến sự sanh khởi những cảm xúc ái, dục. Khi ái, dục sanh khởi, sự tu tập lại chưa tốt, chưa thành tựu được chánh kiến, chưa nhìn thấy rõ những cảm xúc ái dục này, sự như lý tác ý còn quá yếu ớt nên những cảm xúc ái, dục này sẽ khống chế, dẫn dắt thân tâm đi đến những hành động sai lầm, tội lỗi, nhiễm ô, dẫn đến sa đọa, sa ngã, dẫn đến thoái đọa trong sự tu tập.

Do đó, trong xã hội ngày nay, người tu không nên sống liên hệ quá thân mật với nhau dù là đồng giới hay khác giới. Như vậy, xúc được ngăn chặn, do xúc được ngăn chặn nên thọ được ngăn chặn, do thọ được ngăn chặn nên dục, ái được ngăn chặn. Khi sống như vậy sẽ không bị rơi vào một trong những tội lỗi ô nhiễm, sẽ không từ bỏ học pháp và không trở lui lại đời sống thế tục. Nhưng đôi khi không phải gặp nhau nhiều lần rồi ái dục mới sanh khởi mà đôi khi chỉ gặp gỡ một, hai lần là ái dục cũng đã khởi sanh. Khi ái, dục đã khởi sanh thì cần phải mạnh mẽ như lý tác ý để diệt tận ái dục này, làm cho nó không thể sanh khởi trong tương lai. Pháp không liên hệ quá thân mật, không liên hệ quá gần gũi, không liên hệ quá thường xuyên để tránh

những ái dục sanh khởi qua sự tiếp xúc, xúc chạm, gặp gỡ nhau thường xuyên.

“Không quá thân mật” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mật pháp là do “Người tu sống liên hệ quá thân mật với nhau, dẫn đến rơi vào trong những tội lỗi nhiễm ô, cấu uế”.

3.3.4 Không phóng dật

Sống phóng dật là sống buông lung, phóng túng, vật vờ, thả lỏng các căn, cảm xúc nào sanh khởi thì hành xử theo cảm xúc đó. Cảm xúc dục sanh khởi thì ngoan ngoãn làm theo ý dục muốn; cảm giác ái sanh khởi thì ngoan ngoãn phục tùng cảm giác ái; cảm giác sân sanh khởi thì khúm núm làm theo cảm giác sân; cảm giác lười biếng sanh khởi thì ngoan ngoãn vâng lời cảm giác lười biếng; cảm giác si ám, vật vờ sanh khởi thì thả nổi thân tâm trong sự si ám, vật vờ; cảm giác hơn thua, bản ngã sanh khởi thì thân khẩu ý hành xử trong sự hơn thua, bản ngã... Sống chìm nổi theo những cảm giác cảm xúc, không nhìn thấy rõ, không tuệ tri rõ những cảm giác, cảm xúc này, không tuệ tri những thọ, tưởng, hành gì đang hoạt động, đang dẫn dắt, đang thúc giục, đang bức bách, đang chi phối trong thân tâm và không nỗ lực tinh tấn nhiếp phục, diệt tận những cảm giác cảm xúc bất thiện này, đó gọi là sống phóng dật. Sống phóng dật tức là sống trong vô minh, sống trong hôn mê,

sống trong si ám, sống trong dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, lậu hoặc. Sống như vậy hiện tại đau khổ, tương lai khổ đau, chờ đợi ở đời sống tiếp theo sẽ là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, người bất hạnh, kém may mắn với nước mắt đọng đầy. Nếu tứ chúng sống phóng dật như vậy sẽ đưa đến Chánh pháp bị diệt vong.

Tóm lại, để là những người con Phật chân chánh, tứ chúng sống tinh cần tinh tấn, không phóng dật, các căn khéo phòng hộ, luôn quán sát thân tâm, nhận diện Ngũ uẩn, nhận diện những rác bần, sâu bọ, rắn rết trong thân tâm, tinh tấn chế ngự những cấu uế này, tinh tấn nhiếp phục chúng, đào thải chúng hoàn toàn khỏi nội tâm.

Nếu người con Phật sống buông lung, phóng dật, thả lỏng các căn, không cố gắng khống chế những cảm giác tham dục, thèm dục, khát dục, mê dục, ám ảnh dục đang sanh khởi trong thân tâm, không cố gắng nhiếp phục những cảm giác mong muốn tham danh, tham lợi trong mình, không cố gắng nhiếp phục những cảm giác sân tức trong mình, không cố gắng vượt qua những cảm giác lười biếng, hôn mê, vật vờ, phóng dật, giải đãi, dễ vui, cho phép mình được thoải mái trong các dục, cho phép mình được hưởng thụ dâm dục, cho phép mình được thoải mái trong sân giận, cho phép mình được buông lung vật vờ trong cảm giác si ám, sống như vậy thật không xứng đáng là một người con Phật, làm ô uế hình ảnh của hàng tứ chúng. Dù không ai

biết những hành vi cấu uế, nhiễm ô của mình, dù không ai biết những tâm niệm bản thủ của mình, dù không ai biết đời sống ô nhục thối tha của mình nhưng nhân quả sẽ biết, trời đất sẽ biết, chư thiên, chư thần xung quanh mình sẽ biết. Và khi thân hoại mạng chung, chờ đợi một đời sống buông lung, phóng dật trong sự tu hành sẽ là đọa xứ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, cù hủi, lở loét, đói rách, tật nguyền, bất hạnh, khổ đau. Người xung quanh mình có thể cảm thông, tha thứ, bỏ qua cho mình khi biết được những sai trái của mình, nhưng nhân quả thì rất sòng phẳng, rất công chính, liêm minh, không dung tình, dung thứ, vị tha.

Nhân quả sẽ không tha thứ cho một đời sống buông lung, phóng dật, vô đạo đức, đạo đức giả, giả dối, che đậy, mập mờ, thối tha, thối nát. Nhân quả rất công bằng. Và nhân quả luôn là người đồng hành, là người đi theo sát từng bước chân của các chúng sanh để chờ thời cơ, chờ cơ hội, chờ nhân duyên để khai hoa trở quả. Vì vậy, không nên sống buông lung, phóng dật trong các dục vọng, trong dâm dục, trong sân hận, trong si mê, trong hơn thua, ganh tỵ, tật đố, hẹp hòi, ích kỷ, ngã mạn, nói lời đâm thọc, dối trá... Người con Phật trong hàng tứ chúng, đệ tử Phật sống với hạnh không phóng dật sẽ làm cho Chánh pháp hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Không phóng dật” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống phóng dật, lười biếng, không cố gắng tinh tấn tu tập”.

3.3.5 Tri túc

Tri túc là biết đủ, biết chấp nhận, biết vừa lòng, biết hài lòng, biết an vui với những thứ mình có, không đứng núi này trông núi nọ, không thèm muốn cái của người. Hạnh tri túc biết đủ của người tu đó là tri túc biết đủ, biết hài lòng đối với tứ vật dụng là y áo, sàng tọa, đồ ăn khát thực, dược phẩm trị bệnh.

Nhưng bên cạnh đó, người con Phật đối với sự tu tập nhiếp phục tham sân si trong tự thân thì “Không nên thấy đủ trong các thiện pháp”, đó là lời dạy của Đức Phật. Người tu không nên thấy đủ trong sự tu học của mình khi mà nội tâm mình vẫn còn dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc. Ngày đêm tinh cần tinh tấn làm cho tăng thượng, làm cho tiến bộ hơn những thiện pháp trong mình, nỗ lực hướng đến sự tăng thượng Thánh giới hạnh, tăng thượng Thánh thiện định, tăng thượng Thánh trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Tu tập được pháp gì thì hoan hỷ trong thiện pháp ấy và nỗ lực tinh tấn tu tập những thiện pháp còn lại. Khi thành tựu được thiện pháp gì thì không nên khen mình chê người, không nên chỉ trích, bài bác, xuyên tạc xung quanh, tạo ra sự đả phá, chống đối xung quanh, nội tâm

nhỏ hẹp, hướng ngoại, hài lòng trong thiện pháp chút ít của mình, không cố gắng trau dồi tiếp tục những giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà mình chưa thành tựu. Sự tu tập như vậy, khó lòng tiến bộ, lại còn làm tăng trưởng những rác bần, cấu uế trong nội tâm.

Tham muốn các y tốt đẹp, tham muốn đồ ăn khát thực ngon, tham muốn sử dụng sàng tọa tốt đẹp là điều không tương xứng với một người tu. Tâm còn tham muốn tứ vật dụng tốt đẹp thì không xứng với Thánh hạnh mà mình đang theo, không xứng với Thánh hạnh mà Đức Phật đã chỉ dạy. Khi thọ dụng tứ vật dụng không tương xứng với người tu thì tứ chúng nhìn vào tuy không nói ra lời nhưng bên trong sẽ có sự: hoặc là thấy vậy mà ham thích theo, đua đòi theo, hoặc là thấy vậy mà ganh tỵ, ganh ghét, hoặc là thấy vậy mà chán ngán người tu, chán ngán sự tu, chán ngán những hình thức đại diện trong Phật giáo. Vì vậy, để góp phần làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài, hành giả cần quán chiếu, cần như lý tác ý để nhiếp phục lòng dục, lòng ái, lòng tham đối với y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, và không nên thọ dụng những tứ vật dụng không tương xứng với một người tu. Đây là điều Đức Phật muốn truyền dạy thông qua bài Kinh Sơ Hãi Trong Tương Lai 4 (*Tăng II*, 484).

“Tri túc” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Người tu sống không tri túc trong tứ vật dụng, tham muốn hưởng thụ vật chất”.

3.4 Tu tập “Hạnh nhu hòa”

3.4.1 Tùy thuận pháp tiếp đón

Khi gặp nhau người con Phật nên có sự chào hỏi, thăm hỏi nhau đúng pháp, sống với nhau với tâm cung kính, tùy thuận pháp giao tiếp trong cuộc sống, chào hỏi đúng pháp, không quá thân thiện thiếu lễ nghi, thiếu oai nghi, nhưng cũng không quá lạnh lùng, lạnh nhạt, thờ ơ, thể hiện ta đây là người trên trước. Người tu chân chánh không xem thường sự chào đón, chào hỏi nhau một cách đúng pháp. Việc thăm hỏi, chào hỏi nhau đúng pháp làm cho người mới đến với đạo Phật có thiện cảm với đạo Phật, thiện cảm với Tam bảo, đồng thời việc chào hỏi đúng pháp sẽ làm cho tứ chúng có sự an ổn an lạc khi gặp nhau, khi tiếp xúc nhau.

Pháp tùy thuận tiếp đón đưa đến sự hòa ái, khả ái, gần gũi trong tứ chúng. Pháp này làm cho bản ngã được lắng dịu, địa vị, danh vọng, chức quyền, những pháp có khả năng đưa đến sự tăng trưởng ngã mạn sẽ được lắng dịu, tứ chúng hòa đồng, hòa ái, gần gũi, khả ái với nhau và khả ái trong mắt mọi người, tạo thiện cảm cho người đến với Phật pháp.

Do đó, người con Phật nên cung kính, tùy thuận pháp tiếp đón.

“Tùy thuận tiếp đón” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp là do “Tứ chúng sống không cung kính pháp tiếp đón, hờ hững, lạnh lùng, ngã mạn, chẳng đoái hoài, thờ ơ, chẳng chào hỏi, thăm hỏi đúng pháp khi giao tiếp”.

3.4.2 Cung kính nhau, lắng nghe nhau

Tứ chúng chung sống với nhau trong sự hòa ái, hòa hợp, từ ái với nhau trước mặt lẫn sau lưng, vâng lời lẫn nhau, biết lắng nghe nhau, cung kính nhau, không xô bồ trong hành xử, giữ những phép tắc giới hạn cần thiết trong cư xử, trong nói chuyện, trong hành vi, lấy lễ để đối đãi nhau. Khi có những góp ý chân thành, đúng pháp thì cần dẹp bỏ bản ngã để tiếp nhận những lời góp ý. Khi nghe lời hay, ý đúng từ những người xung quanh, dù đó là người mình không ưa, không thích, nhưng nếu người đó nói lời đúng pháp thì vẫn nên nghe và nên thực hành. Đừng để cho thành kiến, định kiến với người đó chi phối mình, làm mình phản kháng trước tất cả mọi lời nói của người kia.

Khi nghe người nói điều mình đã biết thì cũng đừng vội nói là “tôi biết”, “biết”, “biết rồi”, nên tập tánh kham nhẫn trong khi nghe. Dù điều mình đã biết rồi nhưng cũng cứ lắng nghe, vì đôi khi mình chỉ biết một mặt hay một phần

của vấn đề đó còn những mặt khác của vấn đề thì mình vẫn còn chưa biết. Với người nhạy bén, tinh xảo, trong khi lắng nghe người kia nói sẽ có thể nhìn ra được tâm địa, tính cách, tánh tình của người nói, nhờ vậy sẽ biết cách tiếp đón ứng xử với người kia.

Vì vậy, hãy tập lắng nghe dù người nói điều mình đã biết, đừng vội bắt kham nhẫn, bộp chộp, đốp chát, nhanh nhẩu nói những câu “biết”, “biết rồi”, “tôi biết”. Hạnh cung kính lắng nghe là diệu hạnh, là một trong những nét hạnh vi diệu, hiền thiện của người con Phật. Dù là người mình thích hay người mình không thích, người trên mình hay người dưới mình thì cũng nên tập tâm lắng nghe nhau, cung kính nhau. Đức hạnh cung kính, kính lễ người làm cho hành giả lắng dịu bản ngã, giảm được sân si và nếu tu đúng theo Chánh pháp thì sẽ đi đến sự diệt tận được bản ngã, sân si, tâm buông lung, phóng dật, dễ vui, tâm hơn thua, cống cao, ngã mạn, tâm ganh tỵ, tật đố, ích kỷ, hẹp hòi. Hạnh cung kính là diệu hạnh, là nét hạnh vi diệu, hiền thiện, chân chánh, đúng pháp của một người con Phật. Hạnh cung kính trước làm cho hành giả trở thành con người khả ái, dễ thương, đáng kính, khiêm cung, khiêm hạ, gần gũi với người, sau là hành giả sẽ mau chóng dễ dàng đi sâu vào trong Thánh pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy. Khi một người đầy đủ những nét hạnh vi diệu hiền thiện lại được tu tập theo đúng Chánh

pháp thì vị này chắc chắn sẽ góp phần làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Cung kính nhau, lắng nghe nhau” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống không cung kính nhau, không lắng nghe nhau. Người dưới không tôn kính người trên, người trên không lắng nghe người dưới, bạn đạo với nhau không cung kính nhau, không lắng nghe nhau”.

3.4.3 Tâm tánh nhu hòa, dễ nói

Tánh không nhu hòa, không dễ nói đó là những tâm tánh dù đã được nói, được chỉ dạy, được nghe trình bày vấn đề một cách trong sáng, chân chánh, đúng pháp, rõ ràng nhưng trong tâm vẫn khởi lên sự cố chấp, bảo thủ, ương ngạnh, cứng đầu, khó dạy, khó bảo, khó nói, hơn thua, ganh tỵ, tật đố, ích kỷ, hẹp hòi, thích xuyên tạc, thích bôi nhọ người khác, thích nói sau lưng người khác, thích nói xấu người, nói với ác ý, ngã mạn ta đây ngấm ngấm hoặc lộ ra ngoài, chống đối ngấm ngấm hoặc lộ ra ngoài. Với người có tâm không nhu hòa, không dễ nói, không cung kính, không thận trọng thì khả năng tu tiến và thể nhập vào Thánh pháp này là điều không thể xảy ra. Đây là điều đã được nói trong Kinh sau:

Kinh KHÔNG CÓ CUNG KÍNH 1 (Tăng II, 325)

1- Nay các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không cung kính, không thân trọng, (vì ấy) không sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn hữu học pháp, sự kiện này không xảy ra.
- Không làm cho viên mãn hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn các giới luật, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn các giới luật, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh tri kiến, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn chánh tri kiến, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh định, sự kiện này không xảy ra.

2. Nay các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo có cung kính có thân trọng, sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn hữu học pháp, sự kiện này có xảy ra.

- Sau khi làm cho viên mãn *hữu học pháp*, vị ấy sẽ làm cho viên mãn các giới luật, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn các giới luật, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh tri kiến, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn chánh tri kiến, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh định, sự kiện này có xảy ra.

Kinh KHÔNG CÓ CUNG KÍNH 2 (Tăng II, 326)

1. - Nay các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không cung kính, không thận trọng, không sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, (vị ấy) sẽ làm viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm viên mãn hữu học pháp, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn giới uẩn, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn giới uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn định uẩn, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn định uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn tuệ uẩn, sự kiện này không xảy ra.

2. Nay các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo có cung kính, có thận trọng, sống trung hòa với các vị đồng Phạm hạnh, vị ấy sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn hữu học pháp, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn giới uẩn, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn giới uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn định uẩn, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn định uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn tuệ uẩn, sự kiện này có xảy ra.

(Hết trích kinh)

Tóm lại, người con Phật, người muốn tu tập thể nhập vào dòng Thánh pháp này cần tập hạnh nhu hòa, dễ nói, sống với nhau với tâm dễ thương, hiền hòa, hiền lành, hiền từ, hiền hậu, nhu thuận, biết lắng nghe, biết kham nhẫn, biết nhường nhịn nhau, biết hy sinh cho nhau, tôn trọng, kính trọng những lời nhắc nhở chỉ dạy của bậc hiền trí, bậc thiện tri thức, bậc có tâm mong muốn cho mình ngày một tốt đẹp hơn. Không câu nệ lời nói hoặc âm điệu câu nói của người, chỉ nắm giữ cái đúng, cái hay, cái thiện, cái tốt trong lời góp ý đó đối với bản thân mình, cố gắng để ý mình nhiều hơn những điều mà người đã góp ý và tinh tấn nhiếp phục những điều đã được người nhắc nhở.

Pháp “nhu hòa, dễ nói” đưa tứ chúng đi đến sự hòa hợp, hòa thuận, hòa nhã, hòa đồng, hòa ái, làm cho tứ chúng sống chan hòa, an lạc với nhau trong không khí nhẹ nhàng, an vui, không để cho các thế lực muốn phá hoại Phật pháp, phá hoại Tam bảo có cơ hội xâm nhập vào Tứ chúng, làm lung đoạn, làm chia rẽ tứ chúng. Pháp “nhu hòa, dễ nói” giúp ngăn chặn, ngăn ngừa, phòng hộ, nhiếp phục, thay thế, đẩy lùi sự hoạt động của những tâm tánh ương ngạnh, cứng đầu, khó dạy, khó bảo, cố chấp, thành kiến, định kiến với nhau trong vô minh, si ám.

“Tâm tánh nhu hòa, dễ nói” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống với tâm tánh không nhu hòa, không dễ nói, ương ngạnh, cứng đầu, ngã mạn, khó nói”.

3.4.4 Không gây chia rẽ

Chia rẽ Tăng chúng, Thánh chúng là một trong những hành vi đưa đến quả báo bị sanh vào trong địa ngục và phải chịu đựng những nhục hình, cực hình hết sức khổ đau. Chia rẽ Thánh chúng là một trong năm trọng tội. Năm trọng tội hay còn gọi ngũ nghịch tội, đó là: giết mẹ, giết cha, giết vị A-la-hán, với ác tâm làm Như Lai chảy máu và phá hòa hợp Tăng. Với người đã phạm vào một trong năm tội trọng này thì khi chết sẽ bị sanh vào đọa xứ, địa ngục, không thể chữa

trị, không thể cứu chữa, điều đó được nói trong Kinh Ngũ Nghịch (*Tăng II*, 546).

Vì vậy, tứ chúng tập sống với nhau trong sự hòa thuận, hòa đồng, tương thân, tương ái, không chia rẽ nhau, không mắng nhiếc nhau, không đấu khẩu nhau, không tấn xuất nhau, lấy sự hòa ái làm trọng, lấy sự nhu hòa làm trọng. Lấy sự vững mạnh của đại chúng làm trọng. Lấy sự đoàn kết của đại chúng làm trọng. Không chia bè, chia phái để củng cố quyền lợi, địa vị của bản thân. Không cấu kết bè phái để chia rẽ đại chúng. Không cấu kết bè phái để đả phá vị này, vị kia trong đại chúng. Cố gắng vượt qua, cố gắng nhiếp phục, cố gắng khắc phục những tâm tư hẹp hòi, ganh tỵ, ích kỷ, hơn thua, ngã mạn, đố kỵ, cao thấp, danh lợi, chức quyền. Cố gắng nhiếp phục những tâm dèm dẹt, soi mói người khác, bươi móc cái xấu của người khác.

Tránh việc lấy cái xấu của người khác làm đề tài trong cuộc nói chuyện của mình. Tránh nói xấu người khác, tránh nói sau lưng với tâm ác ý, tránh nói lời cay nghiệt, lời độc ác về người, tránh nói lời đâm thọc làm cho người trên ghét người dưới. Tránh những lời nói với ác tâm làm cho người này ghét người kia, làm cho người này hiểu lầm người kia, làm cho người này có thành kiến, định kiến với người kia, làm cho người này xa lánh, lạnh lùng, khi dễ, khinh rẽ người kia.

Nhưng nếu “Người nào là phá giới, ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh, đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là người tu nhưng tự nhận là người tu, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh, Thánh chúng không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi. Dầu cho người ấy có ngồi giữa Thánh chúng, nhưng người ấy sống xa Thánh chúng và Thánh chúng sống xa người ấy”, trích trong Kinh Atula Pahàràda (Tăng III, 557)

Như vậy, người phá giới, nội tâm hôi hám, đầy tham dục, tánh tình bất tịnh, hành vi che đậy, sống không chân chánh thì không thể nào thể nhập vào Thánh pháp này và Thánh chúng sẽ hội họp lại đuổi người ấy đi. Nhưng nếu người ấy không bị phát hiện và vẫn sống nhõn nhoe giữa Thánh chúng thì dù cho người ấy ngồi trên cao, ngồi giữa Thánh chúng nhưng người ấy vẫn sống xa Thánh chúng và Thánh chúng sống xa người ấy. Nhưng dù người ấy khéo che đậy, không ai biết rõ hoặc không ai tố cáo sự hôi hám, bần thiêu của người ấy, đạo hữu không ai biết, tứ chúng không ai biết, nhưng trời biết, đất biết, chư Thiên biết, nhân quả biết và chờ đợi một nội tâm hôi hám, bất tịnh như vậy là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, đọa xứ, khổ đau, nước mắt.

Tóm lại, với người có nội tâm hôi hám bất chánh thì không thể nào tu tập được pháp chân chánh, tức là không thể nào

tu tập được Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao. Lại nữa, khi mục đích của sự tu hành không được xác định rõ, hoặc bị phai mờ, phai nhạt, lãng quên thì những thói quen, những lối sống trong hôn mê, vô minh, trầm mịch, bất thiện, si ám sẽ sanh khởi và xâm chiếm tâm, chi phối tâm, dẫn dắt tâm đi vào những nẻo mê lầm, tội lỗi, xấu xa. Vì vậy, để không rơi vào những ngã rẽ tối tăm trong hôn mê trầm mịch, người con Phật cần xác định rõ, cần quyết trạch rõ, cần khẳng định rõ mục đích tu hành, đường hướng tu hành, thái độ tu hành của mình một cách chân chánh đúng pháp.

“Lấy sự nhiếp phục thân tâm làm sự nghiệp.

Lấy sự đoạn diệt tham, sân, si làm ước mong.

Lấy sự không chế dục, ái, bản ngã làm niềm vui thích.

Lấy sự diệt tận vô minh, lậu hoặc làm chiến thắng, chiến công, vinh dự, vinh hạnh của người tu”.

“Không cho phép mình hoan hỷ với chức vụ, địa vị, danh vọng, tiếng tốt, quyền lợi, thành công, vinh dự, vinh hạnh, chiến công, chiến thắng của kẻ phàm phu.

Cho phép mình hoan hỷ với chức vụ, địa vị, danh vọng, tiếng tốt, quyền lợi, thành công, vinh dự, vinh hạnh, chiến công, chiến thắng của bậc Thánh”.

Thế nào là chức vụ và địa vị của Thánh nhân?

Đó là địa vị của bậc Dự lưu, địa vị của bậc Nhất lai, địa vị của bậc Bất lai, địa vị của bậc A-la-hán.

*Thế nào là **danh vọng** của Thánh nhân?*

Đó là những bậc đã đạt được danh xưng: “Đây là bậc đã diệt được ba hạ phần kiết sử”, “Đây là bậc đã diệt được ba hạ phần kiết sử và làm giảm thiểu dục tham và sân hận”, “Đây là bậc đã diệt được năm hạ phần kiết sử”, “Đây là bậc đã hoàn toàn trong sạch”. Đó là bốn danh vọng, danh xưng của các bậc Thánh.

*Thế nào là **tiếng tốt** về bậc Thánh?*

- “Đây là bậc đã thấy biết rõ thân tâm này, đã khai mở được trí tuệ, đã đâm thủng được vô minh”. Đó là tiếng tốt thứ nhất về bậc Thánh.
- “Đây là bậc đã khai mở được trí tuệ về tự thân và đã làm giảm thiểu, làm nguội lạnh, làm muối lợc được lòng dục và lòng sân trong tự thân”. Đó là tiếng tốt thứ hai về bậc Thánh.
- “Đây là bậc đã khai mở được trí tuệ và đã diệt được hoàn toàn lòng dục và lòng sân đối với cuộc sống này”. Đó là tiếng tốt thứ ba về bậc Thánh.
- “Đây là bậc đã khai mở trí tuệ, đã diệt được dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc một cách hoàn toàn và không còn phải tiếp tục chịu sự trầm luân trong dòng sanh tử phiền não và đau khổ này”. Đó là tiếng tốt

thứ tư về bậc Thánh. Như vậy, đó là bốn tiếng tốt về bậc Thánh.

*Thế nào là **quyền lợi** của bậc Thánh?*

- Quyền lợi thứ nhất của bậc Thánh đó là sự an ổn của trí tuệ sau khi diệt được ba hạ phần kiết sử.
- Quyền lợi thứ hai của bậc Thánh đó là sự an ổn của trí tuệ và sự nhiếp phục thân tâm được đôi phần sau khi diệt được ba hạ phần kiết sử và làm nguội lạnh dục tham và sân hận.
- Quyền lợi thứ ba của bậc Thánh đó là sự an ổn của trí tuệ và sự nhiếp phục thân tâm được khá nhiều sau khi diệt được năm hạ phần kiết sử.
- Quyền lợi thứ tư của bậc Thánh đó là sự an ổn của trí tuệ và sự hoàn toàn nhiếp phục được thân tâm sau khi phá sạch mười kiết sử; tâm được hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, thoát khỏi mọi ràng buộc, mọi trói buộc, mọi nhiễm ô cấu uế trong cuộc đời. Đó là bốn quyền lợi hy hữu, tuyệt vời, thần diệu, vi diệu, tối thượng của bậc Thánh.

*Thế nào là **thành công**, là **vinh dự**, là **vinh hạnh**, là **chiến công**, là **chiến thắng** của bậc Thánh?*

- Diệt tận được thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ đó là thành công, là vinh dự, là vinh hạnh, là chiến thắng thứ nhất của bậc Thánh.

- Diệt tận được thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, làm nguội lạnh dục tham và sân hận, đó là thành công, là vinh dự, là vinh hạnh, là chiến thắng thứ hai của bậc Thánh.
- Diệt tận hoàn toàn thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục tham và sân hận, đó là thành công, là vinh dự, là vinh hạnh, là chiến thắng thứ ba của bậc Thánh.
- Diệt tận được hoàn toàn mười kiết sử, mười sự trói buộc tâm đi trong sanh tử, luân hồi, phiền não và khổ đau, đó là thành công, là vinh dự, là vinh hạnh, là chiến thắng thứ tư, chiến thắng tối thượng của bậc Thánh.

Đó là bốn mức độ thành công, bốn mức độ vinh dự, bốn mức độ vinh hạnh, bốn mức độ chiến thắng của các bậc Thánh nhân. Người con Phật chân chánh không cho phép mình hoan hỷ với chức vụ, địa vị, danh vọng, quyền lợi, thành công của phàm phu. Người con Phật chân chánh cho phép mình hoan hỷ với chức vụ, địa vị, danh vọng, quyền lợi, thành công của bậc Thánh. Khi tứ chúng không bị chia rẽ, sống với nhau trong tâm niệm hòa hợp và hướng thượng, hướng đến một đời sống cao đẹp, thánh thiện như vậy, tứ chúng sẽ làm cho người chưa có lòng tin trong sạch đối với Tam bảo thì sẽ tìm được tịnh tín, và người đã có lòng tịnh tín thì lòng tin này sẽ thêm tăng trưởng lớn mạnh. Đây là pháp đưa đến sự hòa hợp lớn mạnh của đại chúng, làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Không chia rẽ nhau” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống gây chia rẽ, gây bất hòa, nói lời đâm thọc, tạo sự xung đột, mất hòa khí trong đại chúng”.

3.5 Tu tập “Hạnh cần trọng”

3.5.1 Cần trọng nghe pháp

Không nghe pháp một cách hời hợt, qua loa, đại khái, tập nghe pháp với sự cần trọng, với sự lắng tai, để tâm vào pháp, nắm bắt ý nghĩa các pháp một cách cần trọng. Nếu phần nghe pháp không cần trọng tức là phần Văn không cần trọng thì phần Tư không thể chân chánh, đúng pháp, dẫn đến sự tư sát, tư duy méo mó lệch lạc, dẫn đến những tri kiến sai lầm cho tự thân và cho tha nhân. Vì vậy, người học Phật cần nắm vững tầm quan trọng của việc cần trọng nghe pháp để có một thái độ nghe pháp một cách chân chánh, đúng pháp. Việc cần trọng nghe pháp làm cho Chánh pháp hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Cần trọng nghe pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng không cần trọng trong việc nghe pháp, đưa đến pháp được nắm hiểu sai lầm, cạn cợt, hời hợt, thêm bớt”.

3.5.2 Cần trọng học thuộc lòng các pháp

Không học các pháp một cách đại khái, qua loa, không học các pháp với thái độ chủ quan, không học các pháp với suy nghĩ chỉ cần nắm nghĩa không cần nắm ngữ, những thái độ học pháp này đưa đến sự diệt vong của Chánh pháp. Người con Phật cần cần trọng học thuộc lòng các pháp mà Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác đã truyền trao. Nhất là những pháp quan trọng trong pháp hành, những pháp nằm trong Tám Chánh, những pháp này cần phải được học thuộc lòng một cách cẩn trọng và trong khi thực hành, hành giả cần theo sát các pháp, không tự ý vẽ vờ thêm bớt các pháp. Việc cẩn trọng học thuộc lòng các pháp góp phần đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Cẩn trọng học thuộc lòng các pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mất pháp do “Tứ chúng không cẩn trọng học thuộc lòng các pháp, đưa đến pháp được nắm hiểu sai lầm, cạn cợt, hời hợt, thêm bớt”.

3.5.3 Cần trọng thọ trì ý nghĩa các pháp

Không nắm hiểu các pháp một cách đại khái, qua loa, hời hợt. Cần thọ nhận, thọ trì, nắm hiểu các pháp một cách chính xác, rõ ràng không mơ hồ, không mộng lung, pháp trắng và pháp đen cần phải thông hiểu một cách rõ ràng,

pháp thiện và pháp bất thiện cần phải thấy biết một cách rạch ròi, trạch pháp. Không để tâm mơ hồ, đại khái trong việc thọ trì, nắm hiểu ý nghĩa các pháp. Việc cần trọng thọ trì ý nghĩa các pháp là tuyệt đối quan trọng, đưa đến tự lợi và lợi tha, đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Cần trọng thọ trì ý nghĩa các pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng không cần trọng thọ trì ý nghĩa các pháp, đưa đến pháp được nắm hiểu sai lầm, cạn cợt, hời hợt, thêm bớt”.

3.5.4 Cần trọng quan sát ý nghĩa các pháp

Sau khi nắm hiểu các pháp một cách cần trọng, chính xác, cần quán sát các pháp trong thực tế của cuộc sống, thực tế của thân tâm. Đưa các pháp đã được học, được hiểu, được thọ trì từ trong lý thuyết, từ trong lời Phật chỉ dạy trong kinh vào trong thân tâm, vào trong cuộc sống để tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng sự thật về các pháp. Việc quán sát ý nghĩa các pháp một cách thường xuyên, liên tục, miên mật sẽ đưa đến sự thể nhập trí tuệ về các pháp. Khi các pháp đã được trí tuệ thể nhập, hành giả sẽ có một chân đứng ổn định trong dòng pháp này, khả năng rơi rớt, tuột khỏi dòng pháp này là không thể xảy ra. Đây chính là sự thành tựu phần Tư trong Văn Tư Tu, hay còn gọi là hành giả đã thành tựu Chánh tri kiến, bước vào

Dự lưu Thánh quả. Việc cần trọng quán sát ý nghĩa các pháp cũng chính là sự thực hành như lý tác ý. Nếu không cần trọng quán sát ý nghĩa các pháp, không thực hành như lý tác ý thì tự thân không thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng các pháp. Như vậy, trí tuệ về các pháp không thành tựu, không thể nhập. Khi trí tuệ về các pháp không được thành tựu, không được thể nhập thì những tư tưởng lệch lạc, méo mó, những tà kiến trong vô minh sẽ dễ dàng xâm chiếm vào nội tâm, tâm dễ chấp nhận những tri kiến lệch lạc của thế gian, dẫn đến Chánh pháp bị diệt vong. Vì vậy, pháp “cần trọng quán sát ý nghĩa các pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy là tuyệt đối quan trọng, pháp này góp phần làm Chánh pháp hưng thịnh và an trú lâu dài”.

“Cần trọng quán sát ý nghĩa các pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mất pháp do “Tứ chúng không cần trọng quán sát ý nghĩa các pháp, đưa đến pháp được nắm hiểu sai lầm, cạn cợt, hời hợt, thêm bớt”.

3.5.5 Cần trọng thực hành pháp và tùy pháp

Sau khi cần trọng quán sát ý nghĩa các pháp, tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng sự thật về các pháp, hành giả cần cần trọng thực hành pháp và tùy pháp. Tùy là tùy tùng, là đi theo. Tùy pháp là những pháp đi theo sau đó. Khi hành giả cần trọng thực hành pháp và tùy pháp thì hành giả sẽ đi đến sự thể nhập thâm sâu vào các pháp và trí tuệ

rộng mở, thiện xảo, khéo léo, uyển chuyển, vững chắc. Khi trí tuệ đã vững chắc, thâm sâu, thiện xảo thì hành giả dễ dàng bỏ gãy mọi tà kiến, tà pháp, tà đạo, bỏ gãy mọi lập luận tà thuyết của những tư tưởng vô minh, những kiến chấp sai lầm. Như vậy, việc cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp góp phần làm hưng thịnh Chánh pháp, làm Chánh pháp được an trú lâu dài.

“Cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng không cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp, đưa đến pháp được nắm hiểu sai lầm, cạn cợt, hời hợt, thêm bớt”.

3.5.6 Cẩn trọng nắm vững Ngũ - Nghĩa của kinh

Khi dịch kinh sách cần cẩn trọng, cẩn thận, cố gắng không để mình thọ lãnh sai lầm, nắm hiểu sai lầm văn cú và nghĩa lý của câu kinh, cố gắng không để cho văn cú bị sắp đặt đảo lộn làm cho nghĩa lý bị hướng dẫn sai lệch. Văn cú cần được sắp đặt chín chu, trước sau rõ ràng, rõ nghĩa, rõ văn, rõ pháp, làm cho nghĩa lý của câu kinh trong sáng, sáng tỏ, không tạo sự hiểu lầm, không tạo sự mù mờ cho người đọc, người học, người thực hành, không làm cho nghĩa lý bị hướng dẫn sai lệch.

“Cẩn trọng nắm vững ngũ nghĩa của kinh” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng không

cần trọng nắm vững ngữ nghĩa của kinh, đưa đến pháp được nắm hiểu sai lầm, cạn cợt, hời hợt, thêm bớt”.

3.5.7 Cần trọng khi nói kinh, dịch kinh, thuyết pháp

Khi nói lại kinh cho người khác nghe, khi dịch lại kinh sách phải hết sức thận trọng, cố gắng không làm mất ý nghĩa của câu kinh, cố gắng để cho người nắm hiểu đúng, nắm hiểu chính xác văn tự và nghĩa lý của câu kinh. Khi nói lại kinh, đọc kinh, dịch kinh, học thuộc kinh cần phải nói, đọc, dịch, học một cách cẩn thận, chính xác với lời dạy gốc của Đức Phật trong những kinh gốc, kinh nguyên thủy, nguyên chất của Phật dạy để không trao truyền, không truyền tải sai lời Phật dạy, không làm cho kinh bị cắt đứt tại gốc rễ, không có chỗ y cứ.

Người thuyết pháp cho tứ chúng cần phải là người thông hiểu pháp về cả văn cú và nghĩa lý, giảng giải pháp cho tứ chúng với sự cẩn trọng, cẩn thận, hết lòng, hết mình, tận tình trao gửi lại tất cả những văn cú, nghĩa lý của các pháp, các kinh mà mình đã được duyên lành học hiểu. Không nói kinh, nói pháp một cách lấp lửng, mập mờ, nói nửa chừng, nói nửa vơi, phần còn lại để người muốn hiểu sao thì hiểu, tạo ra những dấu hỏi, những nghi ngờ trong tâm người học. Người thuyết pháp cần làm tròn trách nhiệm trao truyền Thánh pháp mà mình đã thấy biết, đã giác hiểu cho thế hệ

sau. Như vậy, khi vị này mạng chung, pháp sẽ không bị cắt đứt tại gốc rễ.

“Cẩn trọng khi nói kinh, dịch kinh, thuyết pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng không cẩn trọng trong việc nói kinh, dịch kinh, thuyết pháp, đưa đến pháp bị truyền bá sai lầm, lệch lạc, thêm bớt”.

3.6 Tu tập “Hạnh tinh cần đúng pháp”

3.6.1 Tinh cần tinh tấn

ĐẠI KINH XÓM NGỰA (Trung I, Bài 39)

(Maha Sapura sutta)

(Trích đoạn)

Thế Tôn nói như sau:

– **Sa-môn! Sa-môn!** *Này các Tỷ-kheo, dân chúng biết các Ông là vậy. Và nếu các Ông được hỏi: “Các Ông là ai?” Các Ông phải tự nhận: “Chúng tôi là Sa-môn”.*

*Này các Tỷ-kheo, các Ông đã được danh xưng như vậy, đã tự nhận là như vậy, thì này, các Tỷ-kheo, các Ông phải tự tu tập như sau: “Chúng ta sẽ **thọ trì và thực hành** những pháp tác thành Sa-môn, những pháp tác thành Bà-la-môn. **Như vậy, danh xưng này của chúng ta mới chân chánh và sự tự nhận này của chúng ta mới như thật.** Và những*

đồ cúng dường mà chúng ta thọ hưởng như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh mới có được kết quả lớn, lợi ích lớn cho chúng ta. Và chúng ta xuất gia không thành vô dụng, có kết quả, có thành tích”.

1. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp tác thành Sa-môn, và các pháp tác thành Bà-la-môn?

“Chúng ta sẽ thành tựu tâm quý”. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các Ông phải tu tập.

*Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thể khởi lên ý kiến: “Chúng ta đã thành tựu tâm quý đến mức độ này, như vậy là vừa đủ; đến mức độ này, như vậy đã làm xong. Chúng ta đã đạt được mục đích Sa-môn hạnh. Chúng ta không có gì phải làm hơn nữa”. Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Nay các Tỷ-kheo, **Ta khuyến cáo các Ông**. Nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố cho các Ông: Khi các Ông hướng đến mục đích Sa-môn hạnh, **chớ có từ bỏ mục đích này, khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.***

2. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa?

“Thân hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì thân hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập.

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể khởi lên ý kiến: “Chúng ta đã thành tựu tầm quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ; đến mức độ này, như vậy đã làm xong. Chúng ta đã đạt được mục đích Sa-môn hạnh. Chúng ta không có gì phải làm hơn nữa”.

Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố cho các ông: Khi các Ông hướng đến mục đích Sa-môn hạnh, chớ có từ bỏ mục đích này, khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

3. Này các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa?

“Khẩu hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì khẩu hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập... Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

4. Này các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa?

“Ý hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì ý hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”. Như vậy, này

các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập... Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Nay các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

5. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa?

“Sanh mạng chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì sanh mạng thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập... Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Nay các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

6. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa?

“Chúng ta phải hộ trì các căn. Khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, chúng ta sẽ tư chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến

tham ái, uyu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, chúng ta sẽ tư chế ngư nguyên nhân ấy, hô trì ý căn, thực hành sự hô trì ý căn”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập... Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

7. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa?

“Chúng ta phải biết tiết độ trong ăn uống, với chánh tư duy, chúng ta thọ thực, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tư làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để (thân này) khỏi bị thương hại, để hỗ trợ phạm hạnh, nghĩ rằng: “Như vậy, chúng ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên cảm thọ mới, và chúng ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn””. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập... Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

8. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa?

“Chúng ta phải chú tâm cảnh giác. Ban ngày đi kinh hành (hay) trong lúc ngồi, chúng ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi

các pháp chương ngại. Ban đêm canh một đi kinh hành (hay) trong lúc ngồi, chúng ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chương ngại. Ban đêm canh giữa, chúng ta phải nằm dằng nằm con sư tử, nghiêng bên hông tay phải, một chân dặt trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác, tâm nghĩ đến lúc thức dậy lại. Ban đêm canh đầu thức dậy, đi kinh hành(hay) trong lúc ngồi, chúng ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chương ngại”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập... Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông...khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

9. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa?

“Chúng ta phải chánh niệm tỉnh giác, khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác, khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác, khi mang y kẹp, bình bát, thương y đều tỉnh giác, khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác, khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác, khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập... Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

10. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải

làm hơn nữa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm và thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử hối tiếc, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

- Này các Tỷ-kheo, như một người mắc nợ liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, ta không những trả được những nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

- Nay các Tỷ-kheo, như một người bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian, người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.
- Nay các Tỷ-kheo, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy sau một thời gian được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.
- Nay các Tỷ-kheo, như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy sau một thời gian thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người giải thoát, được tự do đi lại. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Nay ta thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người giải thoát, được tự do đi lại”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

- *Này các Tỷ-kheo, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc. Người ấy sau một thời gian đã đi khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng, yên ổn, không có nguy hiểm, tài sản không bị tổn giảm. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc. Nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, yên ổn, không có nguy hiểm, tài sản không bị tổn giảm”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự mình, quán năm triền cái chưa xả ly, như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường qua sa mạc. Này các Tỷ-kheo, cũng như không mắc nợ, không bị bệnh tật được khỏi tù tội, được tự do, đến được đất lành yên ổn. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi chúng được diệt trừ.

Sau khi đã đoạn trừ năm triền cái này, những triền cái làm ô nhiễm tâm tư, làm yếu ớt trí tuệ, vị ấy ly dục, ly ác bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vị ấy thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này các Tỷ-kheo, như một người hầu tắm lão luyện, hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn

với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Này các Tỷ-kheo, ví như một hồ nước, nước từ trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra và thỉnh thoảng trời mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra, thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh thấm nhuần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi

là “xả niệm lạc trú”, chứng và trú Thiền thứ ba. Vị ấy thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Nay các Tỷ-kheo, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần, tắm ướt, tràn đầy thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. Nay các Tỷ-kheo, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, vị ấy ngồi thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân

không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thâm nhuần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Nay các Tỷ-kheo, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình, người ấy nghĩ: “Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây, ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta”. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: “Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sinh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây”. Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không cấu

nhhiem, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh... Nay các Tỷ-kheo, ví như có hai nhà có cửa và ở đây, một người có mắt đứng ở giữa, người này có thể thấy các người (khác) đi vào nhà, đi ra, đi qua, đi lại. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Lâu

tận trí... Này các Tỷ-kheo, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, một người có mắt, đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: “Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ”. Vị ấy biết như thật: “Đây là khổ”, biết như thật: “Đây là Nguyên nhân của Khổ”, biết như thật: “Đây là sự Diệt khổ”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến diệt khổ”, biết như thật: “Đây là những lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là sự đoạn trừ các lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc”. Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát”. Vị ấy tuệ tri: “Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm xong, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa”.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy được gọi là Sa-môn, là Bà-la-môn, là vị đã tắm sạch sẽ, là vị đã biết và hiểu rõ, là bậc có học, là bậc Thánh, là bậc A-la-hán.

- Thế nào Tỷ-kheo là Sa-môn? Vị này đã làm cho dừng lại các ác, các pháp bất thiện, những pháp này ô nhiễm,

đưa đến tái sanh, đáng sợ hãi, đem lại khổ quả, đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là Sa-môn.

- Thế nào Tỷ-kheo là Bà-la-môn? Vị này đã tận xuất ra ngoài các ác, các pháp bất thiện, những pháp này ô nhiễm, đưa đến tái sanh, đáng sợ hãi, đem lại khổ quả, đưa đến sanh già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là Bà-la-môn.
- Thế nào Tỷ-kheo đã tắm sạch sẽ? Vị này đã tắm gội sạch sẽ các ác, các pháp bất thiện... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã tắm sạch sẽ.
- Thế nào là Tỷ-kheo đã biết và hiểu rõ? Vị này đã biết và hiểu rõ các ác, các pháp bất thiện... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã biết rõ.
- Thế nào là Tỷ-kheo có học? Vị này đã tiêu diệt các ác, các pháp bất thiện... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có học.
- Thế nào là Tỷ-kheo được gọi là bậc Thánh, là bậc A-la-hán? Vị này đã làm cho xa lìa các ác, các pháp bất thiện... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được gọi là bậc Thánh, là bậc A-la-hán.

(Hết trích kinh)

Như vậy, người con Phật chân chánh cần phải tinh cần, tinh tấn tu tập và thể nhập các pháp sau:

1. Tu tập tám quý
2. Tu tập thân hành thanh tịnh, minh chánh
3. Tu tập khẩu hành thanh tịnh, minh chánh
4. Tu tập ý hành thanh tịnh, minh chánh
5. Tu tập thân mạng thanh tịnh, minh chánh
6. Hộ trì các căn
7. Tiết độ trong ăn uống
8. Chú tâm cảnh giác
9. Chánh niệm tỉnh giác
10. Tìm chỗ thanh vắng, gột sạch năm triền cái
11. Thể nhập bốn thiền
12. Thể nhập Thánh Trí về Khô, Thánh Trí về Lậu hoặc, diệt tận lậu hoặc, thành tựu Lậu Tận Trí.

Đó là mười hai pháp mà một người tu chân chánh cần phải tu tập và thể nhập.

Tóm lại, người con Phật chân chánh cần phải sống tinh cần tinh tấn, tri túc, không lười biếng, không sống sa đọa, không bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không bỏ rơi gánh nặng trong các thiện pháp, không khen mình chê người, không thỏa mãn dừng lại trong các thiện pháp đã thành tựu, tinh tấn cố gắng để chứng đạt được những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc được những gì chưa chứng đắc, để chứng

ngộ được những gì chưa chứng ngộ. Như vậy, những thể hệ sau cũng tiếp nối con đường của thể hệ trước, họ cũng sẽ sống trong sự tri túc, không biếng nhác, không sa đọa, không bỏ rơi gánh nặng sống viển ly, không bỏ rơi gánh nặng trong các thiện pháp, không dừng lại giữa chừng trong các thiện pháp, tinh tấn cố gắng để chứng đạt được những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc được những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ được những gì chưa chứng ngộ.

“Tinh cần tinh tấn” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống lười biếng, buông lung, phóng dật, chọn cái dễ mà làm, chọn cái dễ mà tu, từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp, tu được chút ít thì thỏa mãn trong sự tu tập, gìn giữ được vài giới hạnh thì khen mình chê người, không cố gắng để đạt được mục đích của sự tu, không nỗ lực tu tập thành tựu Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy”.

3.6.2 Tu tập Bốn niệm xứ

Mục đích của sự tu hành là để nhìn thấy rõ những rác bẩn, những căn bã, cấu uế, nhiễm ô, vô minh, lậu hoặc trong tự thân và tiến hành công cuộc thanh lọc, đào thải, chế ngự, nhiếp phục, đoạn tận khỏi nội tâm tất cả những cấu uế, lậu hoặc này. Nhưng để có thể nhìn thấy rõ những rác bẩn, cấu uế, lậu hoặc này thì cần phải nhìn thấy rõ Ngũ uẩn vì những

rác bần, cấu uế này nằm trà trộn trong Ngũ uẩn. Và để có thể nhìn thấy rõ Ngũ uẩn thì cần phải an trú tâm trong việc quán sát thân, thọ, tâm, pháp thì mới có thể nhìn thấy được trọn vẹn tất cả các hành tướng của Ngũ uẩn.

Thân, thọ, tâm, pháp hay còn gọi là Bốn niệm xứ, đây là bốn chỗ hay bốn nơi tâm cần an trú, cần quán sát để thành tựu trí tuệ về tự thân, thành tựu trí tuệ về Ngũ uẩn, thấy rõ dục, ái, tham, sân, si, bần ngã, vô minh, lậu hoặc. Sau khi nhìn thấy rõ tất cả các hành tướng của Ngũ uẩn thì mới có thể đi đến sự thấy biết trọn vẹn tất cả các lậu hoặc, uế nhiễm trong nội tâm. Sau khi đã nhìn thấy rõ tất cả những uế nhiễm trong nội tâm thì mới có thể tiến hành công cuộc thanh lọc thân tâm, đào thải khỏi thân tâm tất cả những rác bần, uế nhiễm này.

Mục đích của người tu là làm trong sạch một nội tâm uế nhiễm. Mục đích của đạo Phật là chỉ dẫn cho người tu một phương pháp tu tập chân chánh để làm trong sạch tâm uế nhiễm này. Và phương pháp chân chánh đó chính là đưa tâm về quán sát thân, thọ, tâm, pháp để thành tựu chánh kiến về tự thân, đưa thân tâm vào trong đạo lộ chân chánh, đúng pháp để tu tập sự đào thải khỏi thân tâm tất cả những cấu uế, nhiễm ô. Đạo lộ chân chánh, đúng pháp để tẩy sạch hết tất cả những nhiễm ô trong nội tâm đó chính là sự tu tập theo phương pháp Tám chánh. Với thân tâm được tu tập tám sự chân chánh thì tất cả những rác bần, những cấu

uế lậu hoặc trong tự thân sẽ được thanh lọc sạch, đào thải sạch và đi đến sự diệt tận một cách hoàn toàn.

Như vậy, khi đường lối tu tập chân chánh đưa đến sự nhiếp phục thân tâm được thấy biết một cách trong sáng, rõ ràng thì Bốn niệm xứ được thấy biết, được tu tập một cách chân chánh, đúng pháp. Khi Bốn niệm xứ và Pháp tám chánh được thấy biết, được tu tập chân chánh, đúng pháp thì Chánh pháp này được biết đến, được tu tập, được trao truyền, được tồn tại lâu dài.

Và khi trong Chánh pháp này có người tu tập chân chánh, đúng pháp về Bát Chánh Đạo, Bốn niệm xứ thì chắc chắn sẽ có người thành tựu các Thánh quả, thành tựu đạo quả giải thoát, thành tựu Giới Định Tuệ, thành tựu sự nhiếp phục dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc. Khi có người thành tựu Thánh đạo, thành tựu Thánh quả tức là có sự chứng minh được phương pháp Tám chánh và Bốn niệm xứ là phương pháp chân chánh, là đạo lộ chân chánh, là pháp hành chân chánh, là đường lối tu tập chân chánh đưa người thực hành đi đến sự nhiếp phục dục, ái, tham, sân, si, trong tự thân. Và như vậy, giá trị của con đường, lợi ích của con đường này, tính độc đáo thần diệu của con đường này được hiển lộ, được rực sáng và tỏa sáng trong bầu trời vô minh tăm tối này, tức là Chánh pháp này được hưng thịnh và an trú lâu dài.

Nhưng khi đường lối tu tập chân chánh đưa đến sự nhiếp phục thân tâm không được thấy biết một cách trong sáng, rõ ràng thì Bốn niệm xứ sẽ không được thấy biết một cách chân chánh và không được tu tập một cách đúng pháp.

Khi pháp Tám chánh và Bốn niệm xứ không được tu tập một cách chân chánh, đúng pháp thì không có người thành tựu Thánh đạo.

Khi không có sự thành tựu Thánh đạo thì sẽ không có sự thành tựu Thánh quả.

Khi không có sự thành tựu Thánh quả tức là không có sự tu chứng chân chánh trong đạo Phật.

Khi không có sự tu chứng chân chánh trong đạo Phật thì sẽ không có người chân chánh trình bày thuyết giảng về đường lối tu tập chân chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy đưa đến sự nhiếp phục thân tâm, tẩy sạch thân tâm khỏi các cấu uế.

Khi không có sự chứng minh, không có sự hiển lộ sự vi diệu thân diệu của Chánh pháp trong đạo Phật thì giá trị của đạo Phật không được hiển lộ, giá trị của Chánh pháp không được thấy biết, không được trình bày một cách chân chánh trên cuộc đời này.

Khi tác dụng, giá trị, lợi ích, tinh hoa của Chánh pháp không được hiển lộ, không được phơi bày, không được

thấy biết, không được trình bày một cách chân chánh, đúng pháp thì Chánh pháp sẽ bị mai một dần, sẽ bị thất truyền, sẽ bị người đời lãng quên, sẽ đi đến sự lạng lẽ, âm thầm biến mất khỏi cuộc đời này.

Khi Chánh pháp biến mất, hay khi Tám chánh và Bốn niệm xứ không còn được ai thấy biết một cách chân chánh trên cuộc đời này, tức là khi phương pháp tu tập chân chánh đưa đến sự chấm dứt sanh tử, phiền não và khổ đau bị thất truyền, bị biến mất, thế giới lại chìm vào trong biển vô minh tăm tối, vấn đề giải quyết sanh tử lại rơi vào trong ngõ cụt, không có lối thoát, nước mắt, phiền não và những nỗi thống khổ trong sanh tử của chúng sanh lại tiếp tục triền miên.

Đó là lý do vì sao khi Bốn niệm xứ không được tu tập một cách chân chánh đúng pháp thì Chánh pháp không được tồn tại lâu dài, và khi Bốn niệm xứ được tu tập một cách chân chánh đúng pháp thì Chánh pháp được hưng thịnh và được an trú lâu dài.

Người con Phật cần nắm vững điều này để có thái độ chân chánh, cái nhìn chân chánh đúng pháp đối với Bốn niệm xứ, pháp Tám chánh. Từ đó, hành giả có sự tìm hiểu cẩn trọng về Bốn niệm xứ, pháp Tám chánh và có sự nghiêm túc tu tập thực hành trong đạo lộ này. Đây là điều đã được thể hiện rõ trong các Kinh Niệm Xứ (*Trung*, bài 10), Kinh

Đại Niệm Xứ (*Trường*, bài 22), Kinh Trú (*Tương V*, 269), Kinh Tôn Giảm (*Tương V*, 271), Kinh Bà-la-môn (*Tương V*, 272), Kinh Magandiya (*Trung*, bài 75), Kinh Ambapālī (*Tương V*, 219), Kinh Con Đường (*Tương V*, 288), Kinh Xà-nisa (*Trường*, bài 18).

3.6.3 Trau dồi Giới Định Tuệ

Kinh Sợ Hải Trong Tương Lai 3 (*Tăng II*, 479)

“Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập nên các trưởng lão Tỷ-kheo sẽ sống đầy đủ, biếng nhác dẫn đầu trong thời đọa, từ bỏ gánh nặng viễn ly, không có hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và quần chúng về sau sẽ đi theo tà kiến của họ. Họ sẽ trở thành những người sống đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu trong thời đọa, từ bỏ gánh nặng, viễn ly, sẽ không hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do nhiễm ô về Pháp, đưa đến nhiễm ô về Luật; do nhiễm ô về Luật, đưa đến nhiễm ô về Pháp.”

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ năm về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, cần phải tinh tấn để đoạn tận sợ hãi ấy.

(Hết trích kinh)

Như vậy, Chánh pháp diệt vong là do người tu không tu tập, không trau dồi thân tâm, không trau dồi giới hạnh, thiền định và trí tuệ một cách chân chánh, đúng pháp để rồi tạo ra một thể hệ mới không có đức hạnh, không có định tĩnh, không có trí tuệ, làm ô nhiễm pháp, làm ô uế đạo, làm tàn mạt đạo pháp chân chánh của Đức Phật.

Vì vậy, trong sự tu tập Thánh pháp này, hành giả cần tu tập đầy đủ và tu tập đúng pháp trong Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Khi thành tựu được đôi phần giới hạnh thì không nên dừng lại tại đó rồi khen mình chê người, chê bai, chống đối, đả phá chỗ này chỗ kia. Khi khen mình chê người, đả phá, chống đối xung quanh là giới hạnh trong thân khẩu ý của hành giả đã không được tốt đẹp, làm người đòi cưỡi chê, đạo hạnh kém cỏi.

Nhưng đáng cay thay là những thân hành không giới hạnh, phá giới, chìm đắm trong dâm dục hèn hạ, tâm không định tĩnh, Thánh trí tuệ không thật sự thành tựu, lại đi giảng dạy người, giáo hóa người, nói những lời đạo đức sáo rỗng, những lời trí tuệ rỗng không. Bản thân không giới hạnh lại đi dạy giới hạnh cho người, bản thân không định tĩnh lại đi

dạy cách định tâm cho người, bản thân không trí tuệ lại đi dạy trí tuệ cho người. Một tay che trời, che đất, che giấu người đời, che giấu bạn đạo, che giấu đồ chúng nhưng không che giấu được nhân quả, không che giấu được bậc trí nhân, không trốn tránh khỏi bàn tay của nhân quả, không thoát khỏi đọa xứ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, những kiếp người khốn khổ hoạn nạn trong bất hạnh và nước mắt. Nếu tự thân đã phá giới, sống dâm dục hèn hạ, không có khả năng nhiếp phục được tập khí dâm dục thấp hèn thì nên về trong đời sống phàm tục, để không thọ nhận của tín thí, không phải chịu nhiều đời kiếp sau đó phải sống cảnh đọa đầy trong đọa xứ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, thân người bần cùng, bất hạnh, đói khổ lang thang.

(Trích kinh)

“Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, đối với các kinh tạng do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến không, khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ không có nghe, họ không có lắng tai, họ không an trú tâm liễu giải, họ không nghĩ rằng các kinh ấy cần phải học tập, cần phải học thuộc lòng. Còn những kinh điển do các thi sĩ làm, những bài thi, với những chữ văn hoa, với những câu văn hoa, thuộc ngoại điển do các đệ tử

thuyết, trong khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ lóng tai, họ an trú tâm liễu giải. Các pháp ấy, họ sẽ nghĩ cần phải học tập, cần phải học thuộc lòng. Nay các Tỷ-kheo, đây là do Pháp ô nhiễm, nên Luật ô nhiễm; do Luật ô nhiễm, nên Pháp ô nhiễm”.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ tư về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sợ hãi ấy.

(Hết trích kinh)

Như vậy, nguyên nhân loạn pháp, mạt pháp là do người tu không tu tập thân, không tu tập Giới Định Tuệ nên không thông hiểu những lời dạy thâm sâu của Đức Phật, lại đi yêu thích những văn thơ bay bổng của thi sĩ thế gian, thi sĩ phạm phu, học thuộc lòng những văn thơ ấy, rồi còn đi thuyết giảng những văn thơ ấy, làm suy đồi đạo Pháp, làm ô nhiễm đạo Pháp.

Người con Phật ngày nay cần nắm biết rõ nguyên nhân mạt pháp này và cần tu tập, trau dồi giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy để có thể thông hiểu sâu sắc những lời dạy thâm sâu của đức Thế Tôn. Nếu tự thân không tu tập tốt về Giới Định Tuệ, tức là tự thân không thể nhập vào Thánh pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy thì sẽ không thể thâm hiểu những nghĩa lý thâm sâu trong lời Phật dạy.

Do không hiểu được những nghĩa lý thâm sâu trong lời Phật dạy, pháp được thấy biết một cách sơ sài, hời hợt nên những tà kiến, tà pháp có thể len lỏi vào trong nội tâm, dẫn dắt tâm đi vào trong vô minh, làm cho các lậu hoặc có cơ hội tồn tại, có cơ hội lén lút hoạt động và rồi chúng lại tiếp tục lén lút dẫn dắt tâm đi trong sanh tử.

Tóm lại, để không rơi khỏi đạo lộ của sự giải thoát, không tạo cơ hội cho vô minh và lậu hoặc có thể ẩn nấp trá hình dưới nhiều hình thức trong nội tâm, hành giả cần có sự tu tập cẩn trọng, tu tập chân chánh đúng pháp trong giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy. Hành giả cần nhiếp phục những tập khí dâm loạn, bất thiện, khen mình chê người, đâm chọt đầu này đầu kia với tâm ác ý, sân hận, đả phá, chỉ trích. Tu tập như vậy, trước là để tự thân không bị rơi vào trong đọa xứ, địa ngục, không rơi vào trong những tư tưởng, những lập luận của những tà pháp, tà nhân, tà đạo dẫn dắt, sau là tự thân góp phần làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Tinh cần tu tập, trau dồi Giới Định Tuệ” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng không tinh cần tu tập trau dồi Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã truyền trao”.

3.7 Tự giác trước, giác tha sau

3.7.1 Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ mới thọ đại giới cho người

Kinh Sợ Hãi Trong Tương Lai 3 (Tăng II, 479)

“Này các Tỷ-kheo, sẽ có những vi Tỷ-kheo trong tương lai, thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập.

*Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, nếu họ **thọ đại giới** cho các người khác, họ sẽ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ.*

Các người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập.

Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, họ sẽ thọ đại giới cho các người khác, họ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Các người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do Pháp ô nhiễm, nên Luật bị ô nhiễm; do Luật ô nhiễm, nên Pháp bị ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ nhất về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai; các

Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn trừ chúng”.

(Hết trích kinh)

Nếu tự thân không tu tập, không thành tựu Giới Định Tuệ mà lại đi làm lễ thọ đại giới cho người thì người thấy vậy mà khinh thường, xem thường, không cố gắng tu tập, bất mãn, chán nản trong sự tu, đưa đến buông lung, phóng dật, thả nổi các căn, sống thối đọa trong các thiện pháp. Vì vậy, vị làm lễ thọ đại giới cho người, là vị phải có sự tu tập về Giới, Định, Tuệ thì tứ chúng mới thật sự kính nể chứ không phải chỉ kính nể bên ngoài, kính nể trên lời nói, kính lễ ở đầu môi nhưng trong nội tâm thì bất mãn, chán nản, buồn phiền, khinh khi. Thế hệ sau sẽ không có sự nỗ lực tu tập, sống lười biếng, đọa lạc, xa rời Chánh pháp, làm cho Chánh pháp bị phai mờ, thất truyền và đi đến sự diệt vong. Như vậy, để góp phần làm Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài thì sau khi tự thân đã tu tập thành tựu Giới, Định, Tuệ rồi hãy làm lễ thọ đại giới cho người.

3.7.2 Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ mới làm y chỉ sư cho người

Kinh Sợ Hãi Trong Tương Lai 3 (Tăng II, 479)

*“Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ trở thành những người **thân** không tu tập, **giới** không tu*

tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, họ làm y chỉ sư cho các người khác. Họ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Những người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Các người ấy, do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, lại làm y chỉ sư cho những người khác, họ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do Pháp ô nhiễm, nên Luật bị ô nhiễm. Do Luật ô nhiễm, nên Pháp bị ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ hai về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn trừ chúng”.

(Hết trích kinh)

Nếu tự thân không tu tập, không thành tựu trong sự tu tập thân, giới, tâm, tuệ nhưng lại làm vị hướng dẫn cho người thì không thể tạo ra một thể hệ mới trong sạch, thanh tịnh, thiện lành, đúng pháp và sẽ làm cho Chánh pháp đi đến sự diệt vong.

Đây là điều đau lòng, nhức nhối trong Phật pháp ngày nay. Người con Phật cần thức tỉnh trước điều này, cần tầm quý sâu sắc trước điều này, cần quyết tâm nỗ lực tu tập thân,

giới, định, tuệ mà Đức Phật đã truyền trao để tự thân trở thành một người con Phật chân chánh thiện lành, thành lập một thể hệ tu tập chân chánh đúng pháp và tạo lập sự chân chánh thiện lành trong những thể hệ tu hành về sau.

Vì vậy, để góp phần làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài, tạo ra một thể hệ mới trong sạch, thanh tịnh, chân chánh, đúng pháp thì vị y chỉ sư, vị hướng dẫn, vị giảng dạy pháp cho người cần có sự tầm quý sâu sắc, cần có sự thân, giới, tâm, tuệ được tu tập, được nhiếp phục, được thành tựu, từ đó mới có thể huấn luyện, đào tạo một thể hệ người tu sau trong sạch, thanh tịnh, đúng pháp.

3.7.3 Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ mới đi thuyết pháp

Nếu tự thân không tu tập, không thành tựu khá tốt trong Giới Định Tuệ nhưng lại đi thuyết pháp chỉ dạy cho người thì thật là một điều xấu hổ, ê chề, ô nhục trong tự thân. Tự thân đã không thành tựu các thiện pháp thì làm sao xứng đáng ngồi giảng dạy và giúp người an trú được trong các thiện pháp. Bản thân rỗng không và vô nghĩa trong lời nói. Một thời gian sau khi người phát hiện ra thì lòng tin của người bị sụp đổ, lòng tin đối với Tam bảo bị tổn giảm, làm cho Chánh pháp bị diệt vong.

Tự giác trước rồi giác tha sau thì sự giác tha như vậy là chân chánh đúng pháp. Nếu bản thân chưa tự giác, tự thân chưa thành tựu sự tu tập nhiếp phục những tập khí tham dục, tham nói, tham lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, chưa thành tựu chánh kiến, chưa thấy được vô minh, lậu hoặc, chưa nhiếp phục vô minh, lậu hoặc, lại đi giảng dạy người, giáo hóa người thì giảng dạy cái gì đây, giáo hóa cái gì đây khi nội tâm rỗng không, trí tuệ rỗng không, không giới đức, không định tĩnh, không thấy biết rõ những gì đang hoạt động, đang vận hành, đang thúc giục, chi phối, khống chế thân tâm. Bản thân còn ở trong bùn lầy, nhớp nhúa, tanh hôi thì làm sao kéo người ra khỏi bùn lầy, nhớp nhúa, tanh hôi. Bản thân còn ở trong vô minh, vô trí thì làm sao giúp người đâm thủng vô minh, khai mở trí tuệ. Bản thân còn chưa thấy rõ con đường thoát khỏi địa ngục, súc sanh thì làm sao có thể chỉ dẫn cho người thấy rõ con đường thoát khỏi địa ngục, súc sanh.

Vì vậy, tự giác trước rồi giác tha sau thì đây là điều Đức Phật khuyến khích, khích lệ người con Phật. Nhưng nếu chưa tự giác, chưa thành tựu chánh kiến mà lại làm y chỉ sư cho người, làm chỗ nương tựa cho người thì chỉ đưa người đi vào trong ngõ cụt, ngõ tối, chốn vô minh, sanh tử, khổ đau.

Tóm lại, để góp phần làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài thì vị truyền đại giới, vị làm y chỉ sư, vị

thuyết pháp, vị giảng pháp chỉ nên đứng ra truyền đại giới, làm y chỉ sư và thuyết giảng sau khi tự thân đã tu tập, đã thành tựu khá tốt trong Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã truyền trao.

“Tự giác trước rồi giác tha sau” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng chưa tự giác, chưa thành tựu trí tuệ, chưa thành tựu chánh kiến mà lại đi giác tha, giáo hóa, giảng dạy người”.

3.7.4 Người đứng đầu phải có chánh kiến

Kinh Vị Trưởng Lão (Tăng II, 493)

(Trích kinh)

“Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Trưởng lão đem lại bất hạnh cho đa số, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là năm?

- *Trưởng lão là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia, xuất gia đoan vâng, nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe. Các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp ấy, vị ấy đã*

nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ... Vì ấy có tà kiến, có tri kiến điên đảo. Vì ấy làm cho nhiều người từ bỏ điều pháp, chấp nhận phi điều pháp.

- *Vì Tỷ-kheo là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*
- *Vì vị Trưởng lão được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia và xuất gia đoan vậy, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*
- *Vì rằng, Tỷ-kheo Trưởng lão nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*
- *Vì rằng Tỷ-kheo là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*

Thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo Trưởng lão đem lại bất hạnh cho đa số, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, trí tuệ của vị trưởng lão, trí tuệ của vị đứng đầu là tuyệt đối quan trọng. Nếu vị trưởng lão, vị đứng đầu, vị trưởng thượng là vị có tà kiến, có tri kiến điên đảo, sai lầm, lệch lạc, hiểu biết hời hợt, nông cạn trong giáo pháp; chưa

thấy tự nhận là thấy, chưa biết tự nhận là biết, chưa chân chánh giác ngộ lại tự nhận là đã chân chánh giác ngộ, chưa thành tựu trí tuệ lại tự nhận là có trí tuệ; tâm còn vô minh, lậu hoặc nhưng không thấy, không biết lại tuyên bố là công việc đã làm xong; vô tình hoặc cố ý nói những lời làm cho người khác tưởng rằng vị này đã thành tựu đạo quả viên mãn. Khi nghe vị trưởng lão nói như vậy, khi nghe người khác đồn như vậy, những vị không thành tựu chánh kiến sẽ không đủ trí tuệ để kiểm định sự thật, kiểm định sự chân chánh trong lời nói của vị trưởng lão và tin theo sự thấy, sự nghe đó, tin theo tà kiến, đi theo sự hiểu biết sai lầm, sự tập tập sai lầm của vị trưởng lão, trưởng thượng này. Vì sao người ta dễ tin vào vị trưởng lão, trưởng thượng? Vì vị này có được năm lợi thế:

- Xuất gia đã lâu ngày, được nhiều người biết đến.
- Có danh tiếng, danh xưng, địa vị, chức vụ trong đại chúng.
- Được một số đông người tại gia và xuất gia đoanhydây.
- Nhận được nhiều sự cúng dường của tứ chúng nên mở rộng các chi nhánh, các cơ sở tu học bề thế tiếng tăm.
- Nghe pháp nhiều, đọc nhiều, hiểu nhiều, ghi nhớ điều đã được nghe, nên khi nói, khi thuyết giảng biết

dẫn chứng sách này, sách kia, làm cho nhiều người tin theo tri kiến của vị ấy.

Với năm lợi thế này, vị trưởng lão trưởng thượng có tà kiến này sẽ làm cho nhiều người tin tưởng theo sự hiểu biết sai lầm và đường lối tu sai lầm của vị ấy. Vị ấy sẽ làm cho nhiều người từ bỏ Chánh pháp, đi vào tà pháp, đi theo tà kiến, tri kiến vô minh của mình. Vị trưởng lão này đem lại bất hạnh cho đa số, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người, làm cho Chánh pháp bị diệt vong.

Tóm lại, nếu vị trưởng lão, vị trưởng thượng, vị đứng đầu hội chúng là vị có tà kiến, có tri kiến không chánh trực, có cái nhìn cái thấy không chân chánh, không đúng pháp, nhìn méo mó lời dạy của Đức Phật, bị ngã mạn chi phối, bị vô minh chi phối, bị danh lợi chi phối, sống trong ảo tưởng về tự thân, sống không trung thực với tự thân, lừa dối bản thân, dối lừa quần chúng, không tu hành chân chánh theo Chánh pháp chánh đạo, ngạo mạn tự tin với tri kiến cá nhân, giả dối, xảo trá, lừa gạt, che giấu cái chưa được của tự thân, phô trương, khoe khoang cái được chút ít nhỏ nhặt trong sự tu học; khuếch đại, phóng đại sự việc nhỏ nhặt để quần chúng nể sợ, để có danh tiếng ta đây vậy khác với quần chúng, qua mặt quần chúng, nói lời đạo đức sáo rỗng, giả dối, không tu tập chân chánh, đúng pháp trong Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Vị trưởng lão, vị đứng

đầu như vậy đem lại bất hạnh cho đồ chúng, cho quần chúng, cho chư Thiên và loài người.

Nhưng nếu vị trưởng lão, vị trưởng thượng, vị đứng đầu hội chúng là vị có chánh kiến, có tri kiến chánh trực, có cái nhìn cái thấy chân chánh, đúng pháp; không nhìn méo mó lời Phật dạy; không bị ngã mạn chi phối, không bị vô minh chi phối, không bị danh lợi chi phối; sống chân thật với tự thân, không lừa dối bản thân, không lừa dối quần chúng; tu hành chân chánh theo Chánh pháp chánh đạo; không ngạo mạn tự tin với tri kiến cá nhân; không giả dối, xảo trá, không che giấu cái chưa được của mình, không phô trương, không khoe khoang cái được chút ít nhỏ nhặt trong sự tu học; không khuếch đại sự việc nhỏ nhặt để quần chúng nể sợ, để có danh tiếng ta đây vậy khác; không qua mặt quần chúng; không nói lời đạo đức sáo rỗng mà bản thân chưa tu tập, chưa thành tựu; nói những lời mà tự thân đã tu tập, đã thành tựu; tu tập chân chánh, đúng pháp trong Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã truyền trao, vị trưởng lão như vậy. Vị trưởng thượng, vị đứng đầu như vậy đem lại an lạc, đem lại hạnh phúc cho đồ chúng, cho quần chúng, cho chư Thiên và loài người.

Do đó, vị trưởng lão, người đứng đầu, vị trưởng thượng trong tứ chúng cần tu tập chánh kiến, cần thành tựu chánh kiến, không có những tri kiến điên đảo sai lầm, lệch lạc, để không làm cho những người đi theo bị rơi vào tà pháp, tà

kiến, tà đạo. Đây là pháp tuyệt đối quan trọng góp phần đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

3.8 Thực hành “Hạnh giác tha” Thuyết

3.8.1 pháp rộng rãi cho tứ chúng

Sau khi đã cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp, sau khi đã thành tựu trí tuệ vững chắc, thâm sâu trong giáo pháp, thành tựu đôi phần ổn định trong Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy, đôi phần nhiếp phục được dục, ái, tham, sân, si, làm chủ được khá tốt thân hành, khẩu hành, ý hành. Khi ấy, hành giả có thể thuyết pháp rộng rãi cho tứ chúng, làm cho Chánh pháp được rực sáng, tỏa sáng trong cuộc đời, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, góp phần làm hưng thịnh Chánh pháp, làm Chánh pháp an trú lâu dài.

3.8.2 Đọc tụng pháp một cách rộng rãi

Sau khi đã được nghe pháp, học pháp, hành pháp từ vị thành tựu chánh kiến thuyết giảng, tứ chúng hội họp với nhau để cùng tu học trong tinh thần hòa đồng, hòa ái, tương thân, tương ái, cùng đọc tụng pháp một cách rộng rãi để cho các pháp đã được nghe, được học, được thực hành đi sâu vào trong tâm, thấm nhuần trong tâm và an trú trong tâm.

Việc cùng nhau tụng đọc pháp làm sức mạnh trong sự tu học của tứ chúng được duy trì, tăng trưởng và phát triển; làm cho tự thân hoan hỷ trong pháp và làm cho đại chúng hoan hỷ trong pháp; giúp giữ lửa trong tự thân và giữ lửa trong đại chúng; làm cho Chánh pháp được rực sáng, tỏa sáng trong bầu trời tăm tối vô minh. Đó là lý do vì sao cần đọc tụng pháp một cách rộng rãi, vì sao việc đọc tụng pháp góp phần làm Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

3.8.3 Tạo thuận duyên cho vị thuyết pháp

Khi trong tứ chúng có vị thành tựu chánh kiến, thành tựu các thiện pháp nêu trên thì tứ chúng cần tạo điều kiện thuận lợi cho vị này thuyết pháp rộng rãi cho đại chúng. Không vì ganh tỵ, tật đố, ích kỷ, hẹp hòi, không vì quyền lợi cá nhân, không vì địa vị, danh vọng của bản thân mà không tạo duyên cho vị thành tựu chánh kiến và thành tựu thiện pháp được thuyết pháp rộng rãi cho đại chúng.

Người con Phật chân chánh cần lấy Chánh pháp làm trọng, lấy lợi ích của đại chúng làm trọng, lấy mục đích làm cho Chánh pháp được trường tồn làm trọng, biết gạt bỏ những quyền lợi, địa vị, danh vọng thấp kém, phàm phu, tạo điều kiện thuận lợi cho vị thành tựu chánh kiến, thành tựu các thiện pháp được thuyết pháp một cách rộng rãi cho tứ chúng.

Tóm lại, hạnh giác tha là hạnh cao đẹp của người con Phật, góp phần làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài. Nếu tự giác trước rồi giác tha sau thì đó là chân chánh đúng pháp. Nhưng nếu bản thân chưa tự giác, chưa thành tựu các thiện pháp các đức hạnh cần có của một người tu mà lại thích đi giác tha thì đó là làm trò cười cho thiên hạ. Bản thân còn mù lòa thì làm sao giúp cho người sáng mắt được. Bản thân còn ở trong vô minh tăm tối thì làm sao giúp người phá được vô minh.

Vì vậy, nếu chưa tự giác mà thích đi giác tha, thích đi giảng dạy, thuyết pháp, giáo hóa người thì chẳng qua là bị dục nói kích động, bị dục nói chi phối thân tâm; trạng thái hữu lậu hoạt động mạnh; tâm hướng ngoại, dao động; không nhiếp phục được thân tâm, không nhiếp phục được hữu lậu, không khống chế được dục lậu; tâm không định tĩnh, tâm không an tịnh, tâm không tìm được sự an trú bên trong, tâm không ở yên được một chỗ. Tâm như vậy được gọi là tâm không được tu tập, tâm không nhu nhuyễn, không lắng dịu, không dễ dạy, dễ bảo. Tâm như vậy là tâm chạy theo dục, bị dục khống chế, bị dục chi phối, bị dục áp bức áp đảo. Tâm như vậy là tâm làm nô lệ cho dục, tâm làm tay sai cho dục, là kẻ phục dịch cho dục, là kẻ tôi tớ cho dục. Tâm như vậy là tâm hoạt động theo dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Tâm như vậy làm sao giác tha, làm sao giáo hóa người, làm sao mang lại lợi ích thật sự cho người? Tâm như vậy làm

sao hướng dẫn cho người nhiếp phục được dục, nhiếp phục được ái, nhiếp phục được tham, sân, si, bản ngã và vô minh? Tâm như vậy làm sao giúp người vượt thoát khỏi khổ đau, vượt thoát khỏi biển trầm luân trong sanh tử? Hành sự giáo hóa người với một nội tâm như vậy thì thật là vô nghĩa, thật là rỗng không, thật là vô ích, vô tích sự, đem lại nhiều vô phước cho tự thân, đem lại nhiều vô phước cho người nghe, người hành, người tin theo, làm cho Chánh pháp đi đến sự diệt vong.

“Thực hành hạnh giác tha, hạnh chân chánh thuyết pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân diệt pháp do “người con Phật đã không chân chánh giác tha, không chân chánh giảng dạy, không chân chánh trao truyền Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao”.

3.9 Kết luận

PHÁP TỔNG QUÁT đưa đến thịnh pháp: 8 pháp

- Tìm hiểu kỹ Phật pháp.
- Tôn kính Tam Bảo.
- Không phóng dật.
- Tu tập hạnh nhu hòa.
- Tu tập hạnh cẩn trọng.
- Tu tập hạnh tinh cần đúng pháp.
- Tự giác trước, giác tha sau.

- Thực hành hạnh giác tha.

PHÁP CHI TIẾT đưa đến thịnh pháp: 34 pháp

1). Tìm hiểu kỹ Phật pháp

1. Xác định rõ Chánh pháp và Tượng pháp
2. Xác định rõ Pháp và Luật trong đạo Phật
3. Xác định rõ điều Đức Phật nói và không nói

2). Tôn kính Tam Bảo

4. Tôn kính Đức Phật
5. Tôn kính Chánh pháp
6. Tôn kính Thánh chúng
7. Tôn kính các học pháp
8. Tôn kính thiền định

3). Không phóng dật

9. Không tham ngủ
10. Không dính mắc ruộng vườn
11. Không quá thân mật
12. Không phóng dật
13. Tri túc trong tứ vật dụng

4). Tu tập “Hạnh nhu hòa”

14. Tùy thuận pháp tiếp đón
15. Cung kính nhau, lắng nghe nhau.
16. Tâm tánh nhu hòa, dễ nói

17. Không chia rẽ nhau

5). Tu tập “Hanh cần trong”

18. Cần trọng nghe pháp

19. Cần trọng học thuộc lòng các pháp

20. Cần trọng thọ trì ý nghĩa các pháp

21. Cần trọng quán sát ý nghĩa các pháp

22. Cần trọng thực hành pháp và tùy pháp

23. Người trao truyền kinh cần trọng nắm vững ngữ-nghĩa của kinh

24. Người trao truyền kinh cần trọng khi nói kinh, dịch kinh, thuyết pháp

6). Tu tập “Hanh tinh cần đúng pháp”

25. Tinh cần tinh tấn

26. Tu tập Bốn niệm xứ

27. Trau dồi Giới Định Tuệ

7). “Tự giác trước, giác tha sau”

28. Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ rồi mới thọ đại giới cho người.

29. Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ rồi mới làm y chỉ sư cho người.

30. Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ rồi mới đi thuyết pháp

31. Người đứng đầu phải có chánh kiến

8). Thực hành “Hạnh giác tha”

32. Thuyết pháp rộng rãi cho tứ chúng

33. Đọc tụng pháp một cách rộng rãi

34. Tạo thuận duyên cho vị thành tựu trí tuệ thuyết pháp

Tóm lại, trên đây là ba mươi bốn pháp đối trị làm cho Chánh pháp hưng thịnh đã được chúng tôi chia thành tám nhóm để người con Phật dễ đọc, dễ học, dễ ghi nhớ, dễ ghi khắc trong tâm. Người con Phật cần nắm biết rõ những pháp đưa đến Chánh pháp bị diệt vong và những pháp đối trị đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh an trú lâu dài. Sau khi nắm biết rõ như vậy, cần nỗ lực tu tập những pháp đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và nỗ lực tránh xa những pháp làm cho Chánh pháp bị diệt vong, đó là thái độ chân chánh của những người con Phật chân chánh.

4 SƠ LƯỢC LỊCH SỬ KẾT TẬP KINH ĐIỂN

4.1 Các kỳ kết tập kinh điển Phật Giáo

Trong phần này, chúng tôi xin phép chỉ tóm tắt sơ lược về các kỳ kết tập kinh điển. Nếu quý vị nào muốn tìm hiểu kỹ về vấn đề này thì có thể lên mạng để tìm hiểu, vấn đề này đã được nhiều vị sử gia đã tìm hiểu và đã được đưa lên mạng.

- *Kết tập kinh điển lần 1*: Tại Ấn độ, thành Rājagaha, sau khi Đức Phật nhập diệt 3 tháng. Người chủ tọa trong kỳ kết tập đầu tiên này là Ngài Mahākassapa và 500 vị A-la-hán, (trong đó 499 vị A-la-hán được chính Đức Phật công nhận khi Ngài còn tại thế, còn Tôn giả Ānanda, chứng A-la-hán quả sau khi Đức Phật nhập diệt nhưng trước kỳ kết tập kinh điển này). Các loại kinh điển được công nhận trong Phật giáo lúc này chỉ là bốn bộ Nikāya: Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh. Trong Phật giáo thuở ban đầu chỉ có Tạng Kinh và Tạng Luật. Trong Tạng Kinh thì chỉ có 4 bộ Nikāya, không có Tiểu Bộ kinh và không có Tạng Luận.
- *Kết tập kinh điển lần 2*: Tại Ấn độ, thành Vesali (Tỳ-Xá-Ly), sau khi Đức Phật nhập diệt 100 năm, gồm 700 Tỷ-kheo. Trong kỳ kết tập này Tăng đoàn chia rẽ, phân

chia thành 2 bộ phái là Trưởng lão bộ và Đại chúng bộ. Kinh Tiểu Bộ được kết tập vào giai đoạn này.

- *Kết tập kinh điển lần 3*: Tại Ấn độ, thành Pataliputta (Hoa Thị), nước Ma Kiệt Đà, thời vua A-dục, khoảng 250 năm sau khi Đức Phật nhập diệt. Lúc ấy, Tăng đoàn xảy ra nhiều tranh luận, biện luận, Tạng Luận và bộ Atỳđàm (Vi Diệu Pháp) được chính thức hình thành. Một số đồng ý bộ luận này, một số khác không đồng ý nên tạo ra một sự chia rẽ sâu sắc trong Tăng đoàn. Sự chia rẽ này đã làm sản sinh ra hơn 20 bộ phái với những sự lý luận, lập luận, tranh luận, biện luận, chấp trước, chấp thủ khác nhau. Tăng đoàn chia rẽ thành 20 bộ phái: Đại chúng bộ chia rẽ thành 9 bộ phái, Thượng tọa bộ chia rẽ thành 11 bộ phái. Phật giáo từ giai đoạn này rất phức tạp, rất nhiều ngoại đạo xuất gia gia nhập vào Phật giáo vì mục đích được lợi dưỡng cung kính và danh vọng. Lại có nhiều Tỷ-kheo vốn xuất thân là Bà-la-môn giáo, khi xuất gia theo Phật giáo lại cố tình đưa giáo lý của Bà-la-môn giáo vào Phật giáo, giảng giải Phật giáo theo Bà-la-môn giáo. Do đó, Tăng đoàn từ giai đoạn này rất là phức tạp, nhiều vị chưa phải là bậc A-la-hán nhưng lại tự nhận mình là bậc A-la-hán rồi lại tự đặt ra những khiếm khuyết của vị A-la-hán, bôi nhọ hình tượng vị A-la-hán vốn là vị được Đức Phật nói là bậc tối thượng ở trên đời. Về sau này, có ý kiến cho rằng

danh từ Tiểu thừa xuất hiện là để chỉ các lý luận, biện luận, lập luận của các bộ phái trong giai đoạn này. Số không công nhận bộ luận Tạng này và không công nhận kỳ kết tập này vì xem đây là kỳ kết tập của bộ phái, các vị này đã bỏ đi về miền Bắc nước Ấn độ và cũng lập ra các bộ luận khác, từ đây hình thành Phật giáo Bắc Tông và bộ Luận tạng của Bắc Tông. Sau lần kết tập kinh điển thứ ba, vua A-dục cho con trai là Ngài Mahinda mang Tạng Luận này, cùng với Tạng Kinh Nikāya và Tạng Luật đi sang Tích Lan để truyền đạo, từ đây thành lập Phật giáo Nam Tông.

- *Kết tập kinh điển lần 4 theo Bắc truyền:* Khoảng 400 năm sau khi Đức Phật nhập diệt, Đại chúng bộ kết tập lần 4 tại Kasmira, miền Tây bắc Ấn Độ.
- *Kết tập kinh điển lần 4 theo Nam truyền:* Khoảng 500 năm sau khi Đức Phật nhập diệt, Ngài Mahinda chủ tọa kỳ kết tập này tại Tích Lan.
- *Kết tập kinh điển lần 5:* Theo Tây lịch là vào năm 1871, chư Tăng chọn thủ đô Miến Điện là Mandalay làm địa điểm kết tập. Thời gian kéo dài 5 tháng. Vị chủ tọa kết tập kinh điển lần thứ 5 này là Trưởng lão Pong Yi Sayadaw, có 2.400 Chư Tăng tham dự. Vua Mindon là người bảo trợ cuộc kết tập kinh điển.

- *Kết tập kinh điển lần 6*: Bắt đầu từ ngày 17/5/1954 đến ngày lễ Tam Hợp (Phật đản) năm 1956, Phật Lịch 2.500, nghĩa là trong 2 năm mới hoàn tất. Nơi tổ chức kỳ kết tập là trong một thạch động vĩ đại tại thủ đô Rangoon (Yangon). Ngài Nyungan Sayadaw được đại hội suy tôn làm vị chủ tọa. Thủ tướng U Nu của chính phủ Miến Điện tài trợ chi phí cho cuộc kết tập kinh điển kỳ này.

4.2 Sau khi Đức Phật nhập diệt

4.2.1 Kinh Gopaka Moggallāna (*Trung III*, bài 108)

(Gopaka Moggallāna sutta)

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Ānanda trú ở Rājagaha (Vương Xá) tại Veluvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc, khi Thế Tôn thị tịch không bao lâu. Lúc bấy giờ, Vua Ajātasattu con bà Videhi nước Māgadha (Ma-kiệt-đà), vì nghi ngờ Pajjota (Đặng Quang Vương), nên cho xây kiên cố thành Rājagaha.

Tôn giả Ānanda buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Rājagaha để khát thực. Rồi Tôn giả Ānanda suy nghĩ: “Nay còn quá sớm để vào Rājagaha khát thực. Vậy ta hãy đi đến Bà-la-môn Gopaka Moggallāna và chỗ làm việc của

vị này”. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Bà-la-môn Gopaka Moggallāna và chỗ làm việc của vị này. Bà-la-môn Gopaka Moggallāna thấy Tôn giả Ānanda từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Ānanda:

– Hãy đến, Tôn giả Ānanda! Thiện lai, Tôn giả Ānanda! Đã lâu rồi Tôn giả Ānanda mới tạo được cơ hội này, tức là đến đây. Tôn giả Ānanda hãy ngồi xuống, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn.

Tôn giả Ānanda ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Còn Bà-la-môn Gopaka Moggallāna chọn một chỗ ngồi thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Gopaka Moggallāna thưa với Tôn giả Ānanda:

– Có thể chăng, một Tỷ-kheo thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Tôn giả Gotama bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu?

– **Không thể có một Tỷ-kheo, này Bà-la-môn, thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu.** Này Bà-la-môn, Thế Tôn là bậc làm khởi dậy con đường trước đây chưa được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói, là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và nay các đệ tử là những vị sống hành

đạo và tùy hành, và sẽ thành tựu (những pháp ấy) về sau.

Nhưng cuộc nói chuyện giữa Tôn giả Ānanda và Bà-la-môn Gopaka Moggallāna bị gián đoạn. Bà-la-môn Vassakara bậc đại thần nước Māgadha đi thị sát các công sự Rājagaha (Vương Xá), đến công trường của Bà-la-môn Gopaka Moggallāna, đến chỗ Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakara, bậc đại thần nước Māgadha thưa với Tôn giả Ānanda:

– Ở đây, thưa Tôn giả Ānanda, Tôn giả đang ngồi đàm luận câu chuyện gì? Và câu chuyện gì của Tôn giả bị gián đoạn?

– Này Bà-la-môn, ở đây, Bà-la-môn Gopaka Moggallāna nói với tôi như sau: “Có thể có chăng, Tôn giả Ānanda, một Tỷ-kheo thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Tôn giả Gotama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu?” Khi được nói vậy, này Bà-la-môn, tôi nói với Bà-la-môn Gopaka Moggallāna như sau: “Này Bà-la-môn, không thể có một vị Tỷ-kheo nào thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu. Này Bà-la-môn, Thế Tôn là bậc làm khởi dậy con đường trước đây chưa được hiện khởi, làm

cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói, là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và các đệ tử Ngài là những vị sống hành đạo và tùy hành đạo và sẽ thành tựu (những pháp ấy) về sau”.

– Thừa Tôn giả Ānanda, có một vị Tỷ-kheo nào được Tôn giả Gotama sắp đặt: “Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông và các Ông nay sẽ y chỉ vị này”?

– Nay Bà-la-môn, **không có** một vị Tỷ-kheo nào được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác sắp đặt: “Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông, và các Ông sẽ y chỉ vị này”.

– Thừa Tôn giả Ānanda, có một vị Tỷ-kheo nào được chúng Tăng thỏa thuận và một số đông các vị Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt: “Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, và các Ông nay sẽ y chỉ vị này”?

– **Không có** một vị Tỷ-kheo nào, nay Bà-la-môn, được chúng Tăng thỏa thuận và được số đông các vị Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt: “Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này”.

– Và như vậy là không có chỗ nương tựa, thừa Tôn giả Ānanda, như vậy do nhân gì (quý vị) có thể hòa hợp?

– Nay Bà-la-môn, chúng tôi không phải không có chỗ nương tựa. Nay Bà-la-môn, chúng tôi có chỗ nương tựa, và **Pháp là chỗ nương tựa của chúng tôi.**

– ... Nhưng thừa Tôn giả Ānanda, ý nghĩa lời nói này cần phải hiểu như thế nào?

– Nay Bà-la-môn, Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thi thiết học pháp, đã tuyên bố giới bốn Patimokkha cho các Tỷ-kheo. Trong những ngày Bố-tát (Uposatha) chúng tôi cận trú ở chung một thôn điền, tất cả chúng tôi hội họp với nhau tại một chỗ; sau khi tụ họp, chúng tôi hỏi những gì đã xảy ra cho mỗi một người. Nếu trong khi hỏi nhau như vậy, **có Tỷ-kheo phạm tội, phạm giới, chúng tôi bảo vị ấy làm đúng Pháp, đúng lời dạy. Thật vậy, không phải các Tôn giả xử sự chúng tôi, chính Pháp xử sự chúng tôi.**

– Thừa Tôn giả Ānanda, có Tỷ-kheo nào mà nay Quý vị cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường, sau khi cung kính, tôn trọng, Quý vị nương tựa?

– Nay Bà-la-môn, có Tỷ-kheo mà nay chúng tôi cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường, và sau khi chúng tôi cung kính, tôn trọng, chúng tôi nương tựa.

– ... Thưa Tôn giả Ānanda, ý nghĩa lời nói ấy cần phải hiểu như thế nào?

– Nay Bà-la-môn, có mười khả hỷ pháp được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Giữa chúng tôi, vị nào có đầy đủ mười pháp này, chúng tôi nay cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường vị ấy. Sau khi cung kính, tôn trọng, chúng tôi an trú, nương tựa vị ấy.

Thế nào là mười?

1. Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, sau khi thọ trì, học tập trong các học pháp.
2. Vị ấy là bậc đa văn, thọ trì những điều đã nghe, cất chứa những điều đã nghe; những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa, với văn, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp ấy đều được nghe nhiều, được thọ trì, được lời nói làm cho quen thuộc, được ý tư niệm, được chánh kiến khéo ngộ nhập.
3. Vị ấy biết đủ đối với các vật thực vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, đượ phẩm trị bệnh.
4. Vị ấy là người tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, chứng được bốn Thiền, thuộc tăng

thượng tâm hiện tại lạc trú.

5. Vị ấy thực hiện các loại thần thông sai biệt, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang hư không; độn thổ trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết - già đi trên hư không như chim có cánh; với bàn tay, vị ấy chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến Phạm thiên.
6. Sau khi đi sâu vào tâm chúng sanh, tâm loài Người với tâm của mình, vị ấy được biết như sau: Tâm có tham, biết tâm có tham. Tâm không tham, biết tâm không tham. Tâm có sân, biết tâm có sân. Tâm không sân, biết tâm không sân. Tâm có si, biết tâm có si. Tâm không si, biết tâm không si. Tâm chuyên chú, biết tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết tâm tán loạn. Đại hành tâm, biết là đại hành tâm; không phải đại hành tâm, biết không phải đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng, biết tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, biết tâm vô thượng. Tâm Thiền định, biết tâm Thiền định. Tâm không Thiền định, biết tâm không Thiền định. Tâm giải thoát, biết tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, biết tâm không giải thoát.
7. (Với **thiên nhĩ** thanh tịnh siêu nhân sẽ nghe hai loại tiếng chư Thiên và loài Người, xa và gần - bài kinh này

bị thiếu phần thứ bảy này)

8. *Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... nhớ đến các đời sống quá khứ.*
9. *Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.*
10. *Với sự đoạn diệt các lậu hoặc, sau khi với thượng trí đã chứng ngộ, vị ấy chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.*

Này Bà-la-môn, mười pháp khả hỷ này đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên giữa chúng tôi. Vị nào có đầy đủ mười pháp này, chúng tôi nay cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường vị ấy. Sau khi cung kính, tôn trọng, chúng tôi an trú, nương tựa vị ấy.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Vassakara, (Vũ Thế) đại thần nước Māgadha, nói với tướng quân Upānanda:

– Tướng quân nghĩ thế nào? Nếu là như vậy, này tướng quân, những vị Tôn giả này cung kính những ai đáng cung kính, tôn trọng những ai đáng tôn trọng, lễ bái những ai đáng lễ bái, cúng dường những ai đáng cúng dường; thời chắc chắn những Tôn giả này cung kính những ai đáng cung kính, tôn trọng những ai đáng tôn trọng, lễ bái

những ai đáng lễ bái, cúng dường những ai đáng cúng dường. Và nếu những Tôn giả ấy không cung kính, không tôn trọng, không lễ bái, không cúng dường (Tỷ-kheo) này, thì những Tôn giả ấy cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ai?

Rồi Bà-la-môn Vassakara, vị đại thần nước Māgadha thưa với Tôn giả Ānanda:

– Tôn giả Ānanda nay trú tại đâu?

– Nay Bà-la-môn, tôi trú ở Veluvana (Trúc Lâm).

– Thưa Tôn giả Ānanda, có phải Veluvana là một chỗ khả ái, ít tiếng động, ít tiếng ồn, được che khỏi gió, xa lánh dân cư đông đúc, thích hợp Thiền tịnh?

– Thật vậy, nay Bà-la-môn, Veluvana (Trúc Lâm) là một chỗ khả ái, ít tiếng động, ít tiếng ồn, được che khỏi gió, xa cách dân cư đông đúc, thích hợp Thiền tịnh, xứng đáng với những vị hộ trì và thủ hộ như Ngài.

– Thật vậy, thưa Tôn giả Ānanda, Veluvana là một chỗ khả ái, ít tiếng động, ít tiếng ồn, được che khỏi gió, xa lánh dân cư đông đúc, thích hợp Thiền tịnh, xứng đáng với những người tu Thiền và tánh thiên về Thiền định như quý vị Tôn giả. Và chư vị Tôn giả là những vị tu Thiền và tánh thiên về Thiền định. Thưa Tôn giả Ānanda, một thời Tôn giả Gotama ở tại Vesali, Đại Lâm, ở Kutagarasala (Trùng

Các giảng đường). Rồi thưa Tôn giả Ānanda, tôi đi đến Mahavana (Đại Lâm), Kutagarasala, đến Tôn giả Gotama. Ở đây, Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện nói về Thiền định. Tôn giả Gotama thật là vị tu Thiền và tánh thiện về Thiền định. Và Tôn giả Gotama tán thán tất cả Thiền định.

– Nay Bà-la-môn, **Thế Tôn ấy không tán thán tất cả Thiền định**, không không tán thán tất cả Thiền định.

❖ Và này Bà-la-môn, loại Thiền định nào Thế Tôn ấy không tán thán?

- Ở đây, này Bà-la-môn, một số vị sống với tâm tham nhuần dục tham, bị dục tham chi phối, và không như thật biết sự giải thoát khỏi dục tham đã được khởi lên. Vị ấy lấy dục tham làm đối tượng tối hậu. Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.
- Vị ấy sống với tâm tham nhuần sân hận, bị sân hận chi phối, và không như thật biết sự giải thoát khỏi sân hận đã được khởi lên. Vị ấy lấy sân hận làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.
- Vị ấy sống với tâm tham nhuần hôn trầm thụy miên, bị hôn trầm thụy miên chi phối, và không như thật biết sự giải thoát khỏi hôn trầm thụy miên đã được khởi lên. Vị ấy lấy hôn trầm thụy miên làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.

- *Vị ấy sống với tâm tham nhuần trạo hối, bị trạo hối chi phối và không như thật biết sự giải thoát khỏi trạo hối đã được khởi lên. Vị ấy lấy trạo hối làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.*
- *Vị ấy sống với tâm tham nhuần nghi hoặc, bị nghi hoặc chi phối và không như thật biết sự giải thoát khỏi nghi hoặc đã được khởi lên. Vị ấy lấy nghi hoặc làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.*

Này Bà-la-môn, Thế Tôn ấy không tán thán loại Thiền định như vậy.

- ❖ *Và này Bà-la-môn, loại Thiền định nào Thế Tôn ấy tán thán?*
- *Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.*
- *Diệt tầm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.*
- *Chứng và trú Thiền thứ ba...*
- *Chứng và trú Thiền thứ tư...*

Này Bà-la-môn, loại Thiền như vậy, Thế Tôn ấy tán thán.

– Thật vậy, thưa Tôn giả Ānanda, Tôn giả Gotama khiển trách Thiên đáng được khiển trách, tán thán Thiên đáng được tán thán. Nay thưa Tôn giả Ānanda, chúng tôi phải đi. Chúng tôi có những việc, có nhiều phận sự phải làm.

– Nay Bà-la-môn, hãy làm gì Bà-la-môn nghĩ là hợp thời.

Rồi Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Māgadha, hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Ānanda giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Bà-la-môn Gopaka Moggalana, khi Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Māgadha đi không bao lâu, thưa với Tôn giả Ānanda:

– Nếu chúng tôi không hỏi Tôn giả Ānanda thời Tôn giả Ānanda đã không trả lời.

– Nay Bà-la-môn, có phải chúng tôi đã nói với Ông: **“Không có một Tỷ-kheo nào thành tựu mười pháp ấy một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ những pháp mà Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu.**

Nay Bà-la-môn, vị Thế Tôn ấy là bậc làm cho khởi dậy con đường trước đây chưa từng được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói; là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và nay các đệ tử Ngài là những

vị sống hành đạo và tùy hành đạo, và sẽ thành tựu (những pháp ấy) về sau”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, bài kinh trên đã làm sáng tỏ những vấn đề tuyệt đối quan trọng sau khi Đức Phật nhập diệt.

1. Không thể có một người nào có thể thành tựu trọn vẹn, thành tựu một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Đức Phật đã thành tựu. Vì vậy, đừng nghĩ có một ai đó ngang tầm với Đức Phật và xứng đáng được gọi là Phật.
2. Đức Phật là bậc làm khởi dậy con đường đưa đến sự giải thoát khỏi sanh tử, chấm dứt khổ đau. Ngài là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Đệ tử của Ngài là những vị sống thực hành theo con đường, theo đạo lộ, theo phương pháp mà Ngài đã chỉ dạy. Vì vậy, đừng nghĩ có thể thêm bớt vào trong pháp hành mà Đức Phật đã hướng dẫn.
3. Đức Phật không có sắp đặt, không có chỉ đạo, không có chỉ thị ai là người để chúng tăng nương tựa và nghe theo sau khi Ngài diệt độ. Vì vậy, người con Phật cần tỉnh thức, tỉnh ngộ trong vấn đề này.
4. Không có một người nào được Tăng chúng thỏa thuận và sắp đặt là người để chúng Tăng nương tựa và nghe theo sau khi Đức Phật nhập diệt. Người con Phật cần tỉnh thức, tỉnh ngộ trong vấn đề này.

5. Nơi để cho Tăng chúng nương tựa và nghe theo chính là Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao. Và Chánh pháp đó, pháp chân chánh mà người con Phật cần phải nghe theo, cần phải thực hành theo đó chính là tâm hướng nội, hướng vào tự thân để quán sát thân này, quán sát cảm thọ cảm giác đang có mặt trong thân tâm, quán sát các hành tướng của tâm, quán sát những điều cần phải diệt trừ hay cần phải tu tập để thành tựu trí tuệ và sự thanh lọc sạch thân tâm. Đó là chỗ mà người con Phật cần quay về nhìn nhận, cần quay về quán sát, cần quay về tu tập và thực hành để thành tựu trí tuệ về tự thân, thành tựu sự nhiếp phục thân tâm, làm chủ thân tâm, đào thải khỏi thân tâm tất cả những rác bẩn, cấu uế lậu hoặc. (Kinh Bệnh)
6. Trong Tăng chúng, vị nào thành tựu mười pháp sau sẽ được Tăng chúng cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường và nương tựa:
 - Thành tựu giới hạnh đầy đủ, viên mãn.
 - Là bậc đa văn, nghe nhiều, thọ trì những điều đã được nghe, được chánh kiến khéo ngộ nhập.
 - Biết đủ đối với tứ vật dụng.
 - Chúng được bốn Thiên
 - Thành tựu Thân tức thông
 - Thành tựu Tha tâm thông
 - Thành tựu Thiên nhĩ thông

- Thành tựu Túc mạng minh
- Thành tựu Thiên nhãn minh
- Thành tựu Lưu tận trí

Đây là mười pháp mà một Tỳ-kheo thành tựu sẽ được Tăng chúng cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường và nương tựa. Nhưng rất tiếc, bài kinh cũng đã khẳng định ngoài Đức Phật Thích Ca đương thời thì không ai có đủ phước duyên và trí tuệ để thành tựu trọn vẹn mười pháp này, vì vậy, Đức Phật đã căn dặn sau khi Ngài nhập diệt thì người con Phật cần phải nương tựa vào Chánh pháp, nương tựa vào Bốn niệm xứ để tu tập, không nương tựa vào một điều gì khác. Nhưng khi nói tu tập Bốn niệm xứ thì cần phải tu tập đầy đủ Bốn niệm xứ chứ không phải chỉ tu tập phần niệm thân, hay chỉ tu tập phần niệm thọ, hay chỉ tu tập phần niệm tâm. Sự tu tập như vậy là thiếu sót, là không đầy đủ theo lời Phật dạy và không đủ khả năng đâm thủng vô minh, khai mở trí tuệ, thành tựu đạo quả.

Lại nữa, ví như khi nói tu tập niệm thân, hay tu tập niệm thọ, hay tu tập niệm tâm thì cần phải kiểm tra xem cách tu tập quán thân, quán thọ hay quán tâm mà mình đang tu tập có đúng với cách quán thân, quán thọ, quán tâm mà Đức Phật đã chỉ dạy trong Bốn niệm xứ không, hay pháp hành mà mình đang tập đây chỉ giống tên, giống danh từ trong Bốn niệm xứ chứ không giống pháp hành trong Bốn niệm xứ.

Tiếp nữa, trong sự tu tập Bốn niệm xứ, nếu không tu tập phần quán pháp trong Bốn niệm xứ thì không thể thành tựu trí tuệ trọn vẹn về thân tâm và về các pháp đang có mặt trong thân tâm. Đây là những điều mà người tu tập Bốn niệm xứ cần tuyệt đối lưu tâm.

Và điều quan trọng cần lưu ý rằng, Bốn niệm xứ chính là phần chánh niệm trong Bát Chánh Đạo, đó là phần thứ bảy trong Bát Chánh Đạo. Vì vậy để có thể tu tập và thành tựu trọn vẹn phần chánh niệm này thì hành giả cần phải tu tập và thành tựu sáu phần đầu trong Bát Chánh Đạo, tức là phải tu tập và thành tựu chánh tri kiến trước rồi sau đó tu tập thành tựu các pháp chánh tiếp theo thì phần chánh niệm mới có thể tu tập và thành tựu một cách trọn vẹn được.

Vì vậy, giai đoạn đầu trong sự tu tập cần tập trung vào chánh tri kiến, khi thành tựu chánh tri kiến thì các pháp chánh sau mới có thể thành tựu được, tức là bước đầu cần phải tu tập phần Văn (nghe lời dạy của Đức Phật, nghe lời giảng giải của các bậc đã thành tựu chánh kiến) và như lý tác ý.

Tóm lại, ngoài Đức Phật thì không ai đủ phước duyên để thành tựu mười pháp trên, vì vậy, người con Phật cần nương tựa vào Chánh pháp mà Đức Phật đã để lại chứ không nương tựa vào một điều gì khác.

7. Không phải loại thiền định nào cũng được Đức Phật tán thán, khuyến khích. Những loại thiền định không bắt

đầu bằng chánh tri kiến, không thấy biết rõ chân tướng của năm triền cái, không đối diện với năm triền cái, không như thật biết cách tu tập để giải thoát khỏi năm triền cái, không tẩy sạch năm triền cái. Những loại thiền định như vậy Đức Phật không tán thán. Tóm lại, những sự tu tập thiền định, nhưng chỉ trú tâm vào trong định, chỉ giữ trong tâm sự rõ biết, sự an tịnh; khi có năm triền cái khởi lên, không phân tích, không quán sát, không tra xét cẩn trọng, không tìm hiểu nguyên nhân, không phân tích thực trạng, không cần biết đó là gì, chỉ cần giữ sự rõ biết, chỉ theo đề mục đã định sẵn; dục tham, sân, hôn trầm, vọng tưởng, nghi hoặc sanh khởi thì mặc kệ, không quan tâm. Những loại thiền định như vậy Đức Phật không tán thán.

8. Tứ thiền là loại thiền định được Đức Phật tán thán và khuyến khích thực hành. Thiền định đầu tiên cần phải tu tập, đó chính là sự từ bỏ dục tham, trừ diệt năm triền cái và định tâm trong cảm giác hỷ lạc, cảm giác vui mừng vì thân tâm đã xả ly được các pháp bất thiện. Đó là loại thiền định đầu tiên cần phải tu tập và thành tựu, sau đó là sự tu tập nhị thiền, tam thiền và tứ thiền. Như vậy, trước khi bước vào thiền định hành giả cần phải trừ diệt sạch những triền cái, những pháp che mờ tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

Trong nhiều bài kinh như Kinh Định (*Tương V*, 39), Kinh Tư Lương Cho Định (*Tăng III*, 333), Kinh Xà-Ni-Sa (*Trường II*, bài 18) Đức Phật đã nói: Để bước vào sự thiền định chân chánh thì trước đó cần phải thành tựu sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh. Bảy sự chân chánh này đưa đến sự tẩy sạch năm triền cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, rồi sau đó mới tu tập thiền định. Bảy pháp chân chánh này là tư cụ, là tư lương để một hành giả có thể chân chánh đi đến sự kiện toàn trong thiền định, sự đúng pháp trong thiền định, sự hoàn hảo trong thiền định.

Một thiền định được sửa soạn bởi bảy pháp chân chánh này được gọi là thiền định của các Đức Phật, thiền định của các bậc Thánh, hay còn gọi là Thánh Chánh định.

Một thiền định như vậy không ôm ấp trong lòng, không cất chứa trong lòng những dục tham, sân hận, hôn trầm, vọng tưởng, hoài nghi, tâm thể nhập một sự định tĩnh, thanh tịnh sau khi thành tựu chánh kiến, sau khi tẩy sạch hết các pháp che mờ tâm, đây là loại thiền định mà Đức Phật tán thán. Người con Phật cần đặc biệt lưu tâm vấn đề này. Tóm lại, trong tu hành, để cho tâm định tĩnh an tịnh thì thiền định là pháp cần phải tu tập, nhưng không phải hành giả chỉ chuyên chú trong sự định tâm mà không cần biết những gì

đang diễn ra trong và xung quanh sự tu tập thiền định của mình.

Vấn tu là con đường tu tập thân tâm. Vấn không chân chánh, không đầy đủ, không đúng pháp thì Tư lệch lạc, Tu méo mó. Vì vậy, cần tu tập chánh tri kiến, tu tập sự thấy biết chân chánh xác thực về thân tâm này, thành tựu sự thấy biết đúng về thân tâm này thì sau đó các thiện pháp và sự định tâm chân chánh chắc chắn sẽ được hình thành và thành tựu viên mãn. Không vội vàng tập trung vào thiền định mà không cần biết những gì đang diễn ra trong khi thiền định và sau khi buông thiền định. Chỉ giữ sự biết, chỉ trú trong đề mục nhưng không cần biết những gì đang vận hành, đang hoạt động, đang khống chế, đang áp bức, đang dẫn dắt và đang chi phối thân tâm thì đó là một sự tu tập chưa đúng pháp, chưa chân chánh, chưa thiện xảo.

9. Điểm cuối trong bài kinh là một lần nữa nhấn mạnh và xác quyết rõ ràng: Không ai có thể thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ mười pháp nêu trên ngoài Đức Phật Thích Ca. Và như vậy là: Không có người nào có thể ngang bằng với Đức Phật về giới đức và trí tuệ. Không có người nào xứng đáng được gọi là Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác như Đức Phật Thích Ca. Vì vậy, hãy cẩn thận với suy nghĩ cho ai đó là Phật, là ngang hàng với Đức Phật.

Sau khi Đức Phật nhập diệt, người con Phật cần phải an trú tâm trong Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một điều gì khác. Chánh pháp Bốn niệm xứ là chỗ an toàn cho người con Phật. Chánh Pháp Bốn niệm xứ là ngọn đèn, là chỗ nương tựa cho người con Phật. Chánh pháp Bốn niệm xứ là chỗ mà người con Phật cần phải nương theo đó để nhìn lại thân tâm mình mà tu tập và nhiếp phục thân tâm. Đừng rời xa chỗ an toàn này, đừng rời xa đạo lộ an toàn này mà đi vào con đường của bất an, mộng lung, vô minh, không lối thoát.

Trên đây là chín điều trọng đại sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn. Người con Phật phải cẩn trọng ghi nhớ chín điều này để xác định cho mình những trí tuệ chân chánh, đúng pháp, không sai lệch, không méo mó về Chánh pháp và sự truyền thừa trong Chánh pháp.

4.2.2 Kinh Mahāpajāpatī Gotamī (Tăng III, 649)

(Trích đoạn)

- *Này Ānanda, nếu nữ nhân không được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, thời này Ānanda, Phạm hạnh được an trú lâu dài, và diệu pháp được tồn tại đến một ngàn năm.*

*Vì rằng, này Ānanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nay này Ānanda, Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài, thời này Ānanda, **điều pháp được tồn tại năm trăm năm**.*

(Hết trích kinh)

Như vậy, Đức Phật đã tuyên bố Chánh Pháp này tồn tại năm trăm năm. Và rồi năm trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt, một loạt kinh sách mới lại xuất hiện, cùng với sự xuất hiện của dòng kinh sách mới lại này là sự xuất hiện danh từ Tiểu Thừa và Đại Thừa. Đây là hai danh từ không có trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế, và trong bốn kỳ kết tập kinh điển đầu tiên cũng không có hai danh từ này. Có ý kiến cho rằng: Danh từ Tiểu Thừa là dùng để nói đến thời kỳ chia rẽ phân phái trong Tăng đoàn giai đoạn kết tập kinh điển lần thứ ba, chứ không phải dùng để chỉ về bộ Đại Tạng Kinh Nikāya mà Đức Phật đã chỉ dạy. Nếu hiểu như vậy về danh từ Tiểu Thừa thì danh từ này cũng tạm chấp nhận được. Nhưng nếu cho rằng **Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn** (Tứ Thánh Đế), **Phương Pháp Tám Đúng** (Bát Chánh Đạo), **Bốn Chỗ Cần Quán Sát** (Tứ Niệm Xứ) là pháp Tiểu Thừa, nếu hiểu như vậy về danh từ Tiểu Thừa thì những người con Phật cần suy xét cẩn trọng, chớ vội phát ngôn theo những phát biểu như vậy để tránh mang tội phỉ báng Chánh Pháp, tránh rơi vào tà kiến, tà đạo, không thoát khỏi ba đường ác đạo là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Một người

con Phật thân trọng thì hãy khoan vội tin vào lời được nghe này mà nên tìm hiểu, học hỏi cẩn trọng về kinh Nikāya. Vì sao?

Vì nếu xét về ý nghĩa và tầm quan trọng của các pháp trên trong Nikāya, thì trong kinh Minh (*Tương V, 625*) Đức Phật đã nói như sau: ***“Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Bốn Thánh Đế mà Ta và các ông phải lâu ngày chìm nổi trong sanh tử”***. Như vậy, do không thành tựu bốn Thánh trí về Ngũ uẩn, không thấy rõ bốn sự thật về Ngũ uẩn, không tìm ra manh mối của sanh tử nên Bồ-tát Tất Đạt Đa đã phải lặn hụp, chìm nổi lâu ngày, lâu đời, lâu kiếp trong sanh tử. Khi thấy rõ bốn sự thật về Ngũ uẩn, manh mối của luân hồi sanh tử được phát giác phát hiện và được phá bỏ nên Bồ-tát Tất Đạt Đa đã thoát ra khỏi bóng tối của vô minh, thoát ra khỏi bóng đen của màn đêm đen tối trong biển sanh tử. Như vậy, Tứ Thánh Đế hay Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn, hay Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn là bốn trí tuệ tuyệt đối quan trọng trong việc vượtthoát lưới sanh tử. Nếu không thấy biết rõ điều này, khôngthấy biết rõ tầm quan trọng của bốn trí tuệ này thì cơ hội ra khỏi sanh tử là điều không thể. Điều này đã thể hiện rõ trong câu nói trên của Đức Phật. Vì vậy, bốn Thánh trí thần diệu này không phải là những pháp tầm thường, thấp kém, do đó, không nên sử dụng những danh từ thấp kém để nói

về bốn Thánh trí này để tránh khẩu nghiệp phỉ báng Thánh pháp.

Lại nữa, trong kinh Thành Ấp (*Tương II*, 185), Đức Phật đã nêu rõ rằng: ***“Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy một con đường cũ, một đạo lộ cũ do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua. Con đường ấy chính là Con đường Thánh đạo tám ngành. Ta đã đi theo con đường ấy. Ta đã chứng đắc con đường này đưa đến giác ngộ”***. Như vậy, thông qua đoạn kinh này, chúng ta thấy rằng Phương pháp Tám Đúng hay Con đường Thánh đạo tám ngành, hay Bát Chánh Đạo chính là pháp hành, là đạo lộ tu tập, là cách thức tu tập của các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa và của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngày nay. Lời tuyên bố này của Đức Phật là một Thánh chuông được đánh lên một cách hùng hồn, hùng vĩ, đánh động trời đất, đánh thức cuộc đời và đánh thức những ai đang đi tìm cầu sự giải thoát sanh tử rằng: *Nếu bạn muốn vượt thoát biển trầm luân sanh tử này thì bạn hãy bước lên một chiếc thuyền thật to lớn, vững chắc, được thiết kế và được trang bị đầy đủ những phương tiện thiện xảo và hoàn hảo là: Thấy biết đúng, suy nghĩ đúng, lời nói đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ, định đúng cách. Với một chiếc thuyền bát nhã hoàn hảo như vậy, bạn mới có thể đối diện với màn đêm đen tối của vô minh trên biển sanh tử, đối diện với những đợt sóng bão hãi hùng của dục, ái, tham,*

sân, si và đối diện với những loài cá mập hung tợn tinh vi ranh ma của bản ngã trong biển cả vô minh và trầm luân này. Và thông qua lời tuyên bố này của Đức Phật, chúng ta cũng thấy rõ rằng: Phương pháp Tám đúng hay Bát Chánh Đạo chính là Phật đạo, là Chánh Đăng Chánh Giác đạo, là đạo lộ tu tập, là cách thức tu tập của tất cả các bậc Chánh Đăng Giác từ quá khứ, cho đến hiện tại và vị lai. Vì vậy, phương pháp Tám Đúng không phải là tiểu thừa, cũng không phải là đại thừa, mà đó chính là Phật thừa, là Chánh Đăng Chánh Giác thừa, là cỗ xe tối thượng, là sự thừa tự tối thượng, sự thừa tự một đường lối tu tập, một cách thức tu tập trí tuệ thiện xảo và hoàn hảo của các bậc Chánh Đăng Chánh Giác.

Lại nữa, trong kinh Bà-La-Môn (*Tương V*, 13), Đức Phật đã tuyên bố như sau: ***“Bát Chánh Đạo là cỗ xe tối thượng chinh phục trong chiến trận”***. Như vậy, Bát Chánh Đạo hay Phương pháp Tám Đúng được Đức Phật tuyên bố là cỗ xe tối thượng trong việc chinh phục sanh tử luân hồi, chinh phục vô minh, chinh phục tham, sân, si, bản ngã, khát ái. Nếu muốn chinh phục sanh tử luân hồi, vô minh, khát ái nhưng lại không biết sử dụng phương tiện tối thượng, cỗ xe tối thượng này thì quả thật là một thiệt thòi lớn, một thua thiệt lớn cho hành giả. Trong khi các bậc Trí dùng cỗ xe tối thượng để đi chinh phục Vô minh và khát ái, còn mình lại dùng những chiếc xe không có chất lượng, những

chiếc xe tưởng tượng, những chiếc xe hư ảo để đi chống chọi lại với vô minh, bản ngã và tham sân si thì quả thật là đáng tội nghiệp cho mình.

Lại nữa, trong kinh Đại Bát Niết-Bàn (*Trường I*, bài 16), Đức Phật đã khẳng định rõ: ***“Nơi nào có sự thực hành Bát Chánh Đạo thì nơi đó có người chứng đắc các Thánh quả. Nơi nào không có sự thực hành Bát Chánh Đạo thì nơi đó không có người chứng đắc các Thánh quả”***. Đức Phật được gọi là bậc Thánh hay Thánh nhân. Thánh có nghĩa là thanh cao, cao thượng. Phàm có nghĩa là thường tình, phàm tình, bình thường. Người bình thường, hay phàm nhân là những người với tâm đầy đầy những tham sân si, vô minh, khát ái, người như vậy được gọi là người bình thường của thế gian. Người thanh cao, cao thượng, người xuất thế là người với tâm không còn tham sân si, không còn vô minh, không còn khát ái - người như vậy được gọi là người trong sạch, người thanh cao hay Thánh nhân. Đức Phật tự nhận Ngài là bậc Thánh vì tâm Ngài đã hoàn toàn trong sạch, hoàn toàn thanh tịnh, hoàn toàn hết sạch những uế nhiễm, hết sạch những dục, ái, tham, sân, si, vô minh, bản ngã. Người thực hành theo Bát Chánh Đạo, hay Phương Pháp Tám Đúng là người thực hành sự thanh lọc, sự tẩy rửa, sự diệt tận hết tất cả những cấu uế của nội tâm. Các vị này đang hướng tâm đến sự trong sạch, thanh tịnh, thanh cao theo lời dạy của bậc Thánh là Đức Phật. Vì

vậy, Đức Phật gọi đệ tử của Ngài là “Thánh đệ tử”. Thánh đệ tử là đệ tử của bậc Thánh, là người đang nghe theo lời dạy của bậc Thánh để thanh lọc những cấu uế về dục nhiễm, hữu nhiễm, vô minh nhiễm trong nội tâm. Tùy theo giai đoạn thành tựu sự thanh lọc tâm mà gọi là Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, hay A-la-hán. Dự lưu là thấy được tâm cấu uế nhưng chưa tẩy sạch hết những cấu uế này trong tâm. Nhất lai là thấy được tâm cấu uế và tẩy sạch được khá nhiều những cấu uế về dục tham và sân hận. Bất lai là thấy được tâm cấu uế và tẩy sạch được hoàn toàn những cấu uế về dục tham và sân hận. A-la-hán là thấy được tâm cấu uế và tẩy sạch được hoàn toàn những tàn dư cấu uế về hữu nhiễm và vô minh nhiễm. ***Như vậy, tùy theo giai đoạn thành tựu sự thanh lọc tâm mà gọi là Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, hay A-la-hán.*** Bốn tên gọi này còn gọi là bốn mức độ thanh lọc tâm, bốn giai đoạn thanh lọc tâm hay còn gọi là Bốn Thánh quả. Bốn Thánh quả là bốn kết quả tu tập khi đi theo lời dạy của bậc Thánh để đạt được tâm trong sạch, thanh cao. Lời khẳng định trên của Đức Phật đã làm rực sáng và chói sáng giá trị của Phương Pháp Tám Đúng: Trong pháp hành nào, trong sự tu tập nào không có thực hành pháp Tám Đúng là Thấy đúng, Nghĩ đúng, Nói đúng, Làm đúng, Sống đúng, Siêng đúng, Quán đúng, Định đúng thì nơi đó không có sự thành tựu đạo quả chân chánh, không có sự chứng đắc đạo quả chân chánh, không có sự diệt tận vô minh, bản

ngã và tham sân si. Trong pháp hành nào, trong sự tu tập nào có sự thực hành pháp Tám Đúng thì nơi đó có sự thành tựu đạo quả chân chánh, có sự chứng đắc đạo quả chân chánh, có sự diệt tận tham sân si, bản ngã và vô minh. Lời dạy này của Đức Phật rất cần để chúng ta nghiêm túc nhìn lại, nghiêm túc xem xét lại pháp hành, pháp tu mà mình đang tu tập, để không phải “tiền mất tật mang, đã tràng xe cát”.

Và lại nữa, trong kinh Niệm Xứ (*Trung I*, bài 10), Đức Phật đã xác quyết rằng: ***“Này các Tỷ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh... đó là Bốn niệm xứ”***. Vì sao Đức Phật lại nói như vậy? Vì sao Bốn niệm xứ là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh? Chúng sanh đang sống với một nội tâm nhiễm ô, đầy những dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, đầy những tham dục, tham ái, tham danh, tham lợi, tham sắc, tham tài, sân hận, nóng giận, si mê, hôn trầm, trạo cử, bản ngã, vô minh. Với một trạng thái tâm uế nhiễm, nhớp nhúa, đầy những rác bần như vậy thì không thể chỉ cầu nguyện cầu xin mà tâm này được trong sạch thanh tịnh, cũng không thể chỉ để cho tâm này lắng yên mà tâm này được trong sạch thanh tịnh, cũng không thể dùng bùa chú mà tâm này được trong sạch thanh tịnh. Với một nội tâm đầy uế nhiễm như vậy nếu bây giờ muốn tâm này được trở thành trong sạch thanh tịnh thì không có cách nào khác là phải trực diện với

nội tâm này, phải nhìn thẳng vào thân tâm này, nhìn thẳng vào thân, những cảm giác (thọ), tâm và những gì đang có mặt trong thân tâm (pháp) để thấy biết rõ những gì đang có mặt trong thân tâm, thấy biết rõ những gì đang dằn dặt, đang chi phối, đang xúi giục trong thân tâm, thấy biết rõ những dục, ái, tham, sân, si, những rác bần trong thân tâm và tiến hành công cuộc thanh lọc sạch, tẩy sạch những rác bần này theo phương pháp Tám đúng mà Đức Phật đã chỉ dạy. Bốn niệm xứ là thân, thọ, tâm, pháp - đây là bốn chỗ tâm cần xoay lại nhìn vào đó để phát giác phát hiện ra sự vận hành, sự hoạt động của bốn chỗ này và phát giác phát hiện ra những rác bần trong bốn chỗ này, tiến hành tẩy sạch những uế nhiễm trong đó. Như vậy, cách duy nhất để tẩy sạch một tâm uế nhiễm là phải nhìn thẳng vào nó, phải thấy biết rõ tất cả những khía cạnh của nó, thấy rõ những cách thức hoạt động của nó và từ đó mới có thể thanh lọc sạch, tẩy sạch tâm uế nhiễm này. Đó là ý nghĩa lời tuyên bố, lời xác quyết của Đức Phật rằng: ***“Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn, đó là Bốn niệm xứ”***.

Như vậy, thông qua những lời xác quyết trên của Đức Phật, chúng ta thấy rằng Tứ Thánh Đế, Bát Chánh Đạo, Tứ Niệm Xứ là những điều tuyệt đối quan trọng mà người tu đạo giải thoát cần phải thấy biết, cần phải chứng ngộ, cần phải thể

nhập và cần phải thành tựu để vượt thoát lưới sanh tử. Đó là trí tuệ tối thượng, là pháp hành tối thượng trong sự tu tập tâm đi đến sự tẩy sạch tham sân si, diệt tận bản ngã, diệt tận vô minh và khát ái, tẩy sạch hết tất cả những rác bần, những cấu bần trong nội tâm, thành tựu tâm thanh tịnh, trong sạch, không còn chút dao động dính mắc trói buộc đối với nội trần và ngoại trần, tâm được hoàn toàn tịch lặng, giải thoát. Chính vì trước đó Bồ-tát Tất Đạt Đa đã không thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng về các vấn đề trên nên Ngài phải chịu đựng sự trầm luân triền miên trong sanh tử trong một thời gian khá dài. Và khi mà tất cả những trí tuệ thâm sâu vi diệu này được khai mở, tâm được tẩy sạch khỏi các cấu uế, Ngài được tâm hoàn toàn trong sạch, hoàn toàn giải thoát khỏi các cấu uế, giải thoát khỏi sự trầm luân triền miên trong dòng sanh tử đầy phiền não, đau khổ và bất an này. Đó là điều mà Đức Phật đã tuyên bố. Những lời tuyên bố trên của Ngài là một chuỗi những Thánh trổng, Thánh chuông hùng hồn được đánh lên để đánh thức thế gian, đánh thức chúng sanh ở các cõi, thông cáo với các thế giới rằng: Cuộc chiến chống vô minh và khát ái, cuộc chiến chống tham sân si, cuộc chiến chống luân hồi sanh tử đã thành công rực rỡ, đã chiến thắng rực rỡ. Những lời tuyên bố trên là những khúc ca khải hoàn vĩ đại nhất, những khúc ca chiến thắng huy hoàng nhất, lịch sử nhất và lợi ích nhất cho cuộc đời đầy triền phược và phiền não này.

Những lời tuyên bố trên của Đức Phật là tiếng rống sư tử của Đức Như Lai, là sự đồng đặc tuyên bố sự chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác của Đức Phật. Và điều gì mà Đức Phật đã tuyên bố thì điều đó sẽ là như vậy mãi mãi về sau, không thể sai khác được.

Trong kinh Thế Giới (*Tăng I*, 592), Đức Phật đã nói: “Từ đêm Như Lai chứng được Chánh Đẳng Giác, đến đêm Như Lai nhập Niết-bàn, trong thời gian ấy, điều gì Như Lai nói, nói lên, tuyên bố, tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy, được gọi là Như Lai. Như Lai nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy. Vì rằng nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy. Do vậy, được gọi là Như Lai”. Bát Chánh Đạo hay Phương Pháp Tám Đúng là pháp hành đã được Đức Phật tuyên bố là cỗ xe tối thượng, tức là Tối thượng thừa, là pháp tu của các bậc Chánh Đẳng Giác thì Bát Chánh Đạo chính là như vậy, là không thể khác được, không phải là pháp thấp kém. Vì vậy, người con Phật sau này, khi nghe những danh từ Tiểu Thừa, Đại thừa thì cần nên thận trọng, khoan vội đặt lòng tin, khoan vội phát ngôn theo, để tránh những nghiệp quả tai hại khôn lường, rời xa chánh đạo, rời xa con đường đưa đến sự giải thoát khỏi tất cả những cảnh sống vô thường, tạm bợ, mong lung, bệnh tật, bất an và đầy phiền não này.

Khi còn tại thế, Đức Phật đã từng tuyên bố: **“Diệu Pháp này tồn tại năm trăm năm”**, kinh Mahāpajāpatī Gotamī

(Tăng III, 649). Vậy thì ngày nay, khi Đức Phật đã nhập diệt trên 2.500 năm, lịch sử đã đi qua, những sự kiện đã diễn ra năm trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt vẫn còn đó, nếu muốn, người con Phật ngày nay có thể nhìn kỹ lại quá khứ, xem xét kỹ lại những sự kiện đã xảy ra trong lịch sử Phật giáo trong giai đoạn đó thì sẽ có thể tự mình thấy biết, tự mình kiểm chứng, tự mình xác chứng lời tiên tri của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tóm lại, người con Phật chân chánh cần dần thân tìm hiểu học hỏi căn trọng kinh Nikāya và cần nắm hiểu căn trọng câu nói này của Đức Phật: ***“Chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn (Tứ Thánh Đế) mà Ta và các ông phải lâu ngày chìm nổi trong sanh tử”***. Sau khi tìm hiểu học hỏi căn trọng câu kinh trên, cần nắm vững cốt tủy của Nikāya là gì rồi áp dụng thực hành để kiểm nghiệm, kiểm chứng, thực chứng điều đã được Đức Phật tuyên bố trong câu kinh, khi đó hành giả sẽ sáng tỏ lợi ích, giá trị và tầm quan trọng của Phương Pháp Tám Đúng, Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn, Bốn Chỗ Cần Quán Sát.

5 GIỚI THIỆU CÔNG TRÌNH PHÂN LOẠI NIKĀYA

5.1 Duyên lành đời trước

Do tiếp nối duyên lành đời trước, nên dù vào độ tuổi hai mươi, chúng tôi vẫn không say đắm với đời sống vật chất phù hoa dao động của thế gian, chúng tôi thích thú trong việc tìm đọc kinh sách của Đức Phật và những lời giảng giải các kinh do Phật dạy. Từ năm 1993, chúng tôi bắt đầu đến với đạo Phật qua giáo lý Bắc truyền, đến năm 2001 thì tâm có chút trải nghiệm khá thú vị theo tinh thần thiên tông. Nhưng không dừng lại tại đây, chúng tôi vẫn tiếp tục tìm hiểu Phật pháp. Năm 2003, duyên hội tụ, chúng tôi đi định cư ở Pháp. Đến khoảng giữa năm 2005, chúng tôi được người anh trai ở Việt Nam gửi qua bộ đĩa kinh Nikāya bằng mp3, người anh trai này cũng là vị sư huynh, người hướng dẫn chúng tôi trong giai đoạn đầu tu học theo giáo lý Bắc truyền.

Khi nhận được bộ đĩa kinh Nikāya, bài kinh Nikāya đầu tiên chúng tôi nghe đó là *Kinh Phạm Võng*, bài thứ nhất trong Trường Bộ Kinh, cảm giác khi đó của chúng tôi thật vô cùng hoan hỷ.

Lâu nay tiếp xúc với giáo lý Bắc truyền với những ngôn ngữ và ngữ cảnh thật là trừu tượng, khó hiểu, nhưng nay được tiếp xúc với Nikāya, những bài kinh nói về đời sống thực tế của Đức Phật, có người nói lời khen Ngài, có người

chê Ngài, và cách mà Ngài tiếp nhận những lời khen chê của thế gian. Lần đầu tiên được tiếp xúc với hình ảnh của Đức Phật trong cuộc đời thực, hình ảnh của Ngài với con người bằng xương, bằng thịt, thành tựu trí tuệ siêu phàm và đang sống thế nào trong đời sống phàm tục này, chúng tôi thấy thời gian như quay trở lại, không gian như tái hiện lại đời sống thực của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, chúng tôi thật sự vô cùng hoan hỷ, hân hoan. Những lời kinh Nikāya như có phép màu lôi cuốn chúng tôi, như đưa chúng tôi ngược dòng thời gian trở về xứ sở Ấn Độ cách đây trên 2.500 năm, nơi có bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời với bao nhiêu điều kỳ diệu đã xảy ra. Chúng tôi say mê, khoan khoái, thích thú, chú tâm hoàn toàn để lắng nghe hết bài Nikāya này đến bài Nikāya khác, cảm giác hân hoan dâng tràn, cảm giác hỷ lạc tràn ngập.

Đôi khi trong lúc đang nghe Nikāya, những cảm giác hoan hỷ thích thú phấn khích dâng cao, chúng tôi phải dừng lại việc nghe để cho tâm hân hoan, hoan hỷ thấm nhuần toàn thân, lan tỏa sung mãn khắp cả thân tâm. Càng nghe chúng tôi càng thấy hay, càng nghe chúng tôi càng cảm thấy vô cùng thích thú, vô cùng hoan hỷ. Cứ như vậy, mỗi lần nghe kinh Nikāya, hay mỗi lần nói đến kinh Nikāya là những cảm xúc hỷ lạc lại dâng trào lên một cách mạnh mẽ trong chúng tôi. Thật vi diệu thay những bài kinh Nikāya! Thật

hy hữu thay những bài kinh Nikāya! Thật tuyệt vời thay những bài kinh Nikāya!

Sau khi thấy kinh Nikāya quá hay, quá tuyệt vời, chúng tôi đã giới thiệu kinh Nikāya với những người bạn thân quen của mình, nhưng kỳ lạ thay, khi đọc những bài kinh này họ lại bảo là kinh này khô khan quá và khó hiểu quá, họ không có được sự khoan khoái thích thú với dòng kinh chánh thống Phật giáo này. Sau khi tiếp xúc với nhiều người như vậy, cuối cùng chúng tôi nhận ra rằng, sở dĩ mình hiểu được, thấm thía được, yêu thích được, thích thú được những ý nghĩa thâm sâu trong kinh Nikāya đó là do hai nhân duyên lành sau đây: Duyên lành thứ nhất là sự trải nghiệm tâm năm 2001, duyên lành thứ hai là đời trước chúng tôi đã từng kết giao thâm sâu với dòng pháp này. Nhờ hai duyên lành này mà chúng tôi mới thấu hiểu sâu sắc và hoan hỷ ngập tràn với dòng pháp này chứ chẳng phải là chúng tôi tài giỏi gì hơn ai. Vì sao chúng tôi lại nói vậy?

Trong bài kinh “*Cội Rễ Sự Vật*” thuộc *Tăng Chi Bộ Kinh*, *chương Tám Pháp*, Đức Phật đã dạy rằng “***Tất cả pháp lấy Thọ làm chỗ tụ hội***” một trong những ý nghĩa của câu nói này là: “***Những gì đã suy nghĩ, đã nói, đã làm ở đời trước đều hội tụ trong cảm thọ***”. Và những cảm thọ mà chúng ta đang có ở đời này sẽ nói lên những gì mà chúng ta đã sống, đã làm, đã suy nghĩ trong những đời sống trước. Vì sao có người đọc Nikāya cảm thấy khô khan, khó hiểu và

đội ngược ra, trong khi có người đọc Nikāya lại cảm thấy vô cùng hoan hỷ, vô cùng hân hoan, vô cùng hạnh phúc, cảm giác hỷ lạc chạy rần rần trong toàn thân, nụ cười tươi không dứt, gương mặt tươi sáng rạng rỡ như bông hoa đang nở? Đó là vì sao?

Có thể nói trong việc hình thành sự khác nhau giữa hai sự kiện này là do nhiều nhân duyên, nhiều yếu tố khác nhau, nhưng trong đó cũng có sự góp mặt của yếu tố là duyên đời trước. Nếu đời trước chưa từng kết duyên sâu sắc với dòng pháp chánh thống Phật dạy này thì đời này tuy gặp được Chánh Pháp này nhưng không thấy có cảm tình, không thấy có cảm giác cảm xúc thích thú nào trong tâm. Nếu đời trước đã từng kết duyên thâm sâu với dòng Thánh pháp này thì đời này gặp lại Thánh pháp này như tri kỷ tri âm gặp lại nhau.

5.2 Động cơ thực hiện công trình phân loại Kinh Nikāya

Sau đó, khi nghe đến bài “*Kinh Sa-môn Quả*” trong Trường Bộ Kinh, chúng tôi thấy bài kinh này quá tuyệt vời vì bài kinh này đã nói rõ tiến trình tu tập đi đến sự giải thoát. Lúc ấy chúng tôi phát tâm muốn làm phần tóm tắt cho bài kinh này, đến phần cuối bài làm này chúng tôi muốn đưa vào đôi nét về Tứ Niệm Xứ, nhưng lại không biết kinh Niệm Xứ nằm ở đâu trong kinh Nikāya, vì lúc này chúng tôi chỉ mới nghe được mấy bài kinh đầu trong

Trường Bộ Kinh. Mùa hè năm ấy, có dịp về Việt Nam, chúng tôi ghé thăm một Tịnh Xá và thưa hỏi một vị ở đó rằng *kinh về Tứ Niệm Xứ* nằm ở đâu trong bộ Nikāya, vị này đã trả lời đại khái là nó ở trong bộ Đại Tạng Kinh nhưng không chỉ dẫn rõ là nằm trong bộ kinh nào, bài mấy.

Khi ấy về, chúng tôi cảm giác buồn buồn trong lòng và suy nghĩ: “*Đại tạng kinh hay kinh Nikāya này gồm mấy chục quyển, dày quá và nhiều quyển quá, làm sao biết ở đâu mà tìm? Nếu có những người muốn tìm hiểu một bài kinh nào trong Nikāya, hay muốn tìm hiểu một vấn đề nào trong đây thì làm sao mà tìm?*”. Sau đó, chúng tôi có đến gặp quý thầy ở Học viện Phật Giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, được quý thầy ở đó hoan hỷ khích lệ trong tập sách đầu tay và khích lệ trong việc học hiểu Nikāya. Khi trở về Pháp, chúng tôi nuôi dưỡng trong mình tâm ý sẽ “*thực hiện công trình phân loại kinh Nikāya*” để giúp cho những ai muốn tìm hiểu Nikāya hay tìm hiểu những chủ đề trong bộ kinh này sẽ có thể dễ dàng tìm thấy. Đó là lý do đưa đến chín năm thực hiện công trình phân loại kinh Nikāya của chúng tôi. Bây giờ nhớ lại, chúng tôi thấy cảm ơn vị Sư kia, vì nếu vị Sư ấy trả lời rõ, chỉ dẫn rõ cho chúng tôi rằng kinh về Tứ Niệm Xứ nằm đâu trong bộ Đại Tạng Kinh thì sẽ không có công trình phân loại kinh Nikāya này.

Sau ba năm đến với kinh Nikāya và sống trong niềm hỷ lạc luôn dâng trào, năm 2008, duyên lành đã đến, chúng tôi

quyết định bắt tay vào công việc phân loại kinh Nikāya. Trong thời gian này, chúng tôi sống thắm nhuần trong tinh thần kinh Nikāya: sáng trên đường đến chỗ làm, chiều trên đường về nhà, trong giờ làm, trong giờ nghỉ trưa, chúng tôi thường xuyên nghe kinh Nikāya bằng mp3 (vì nghe kinh bằng tai nghe trong bảy năm liền, nên đến năm 2013 thì màng nhĩ bị tổn thương, lỗ tai hơi bị điếc và đau nhức khó chịu khi nghe bằng tai nghe). Tối về, sau khi nghỉ ngơi và ăn chiều, chúng tôi lại ngồi vào bàn vi tính để tiến hành đọc kỹ từng bài kinh, đọc kỹ từng câu kinh, từng lời, từng chữ, từng danh từ trong bài kinh để nắm bắt ý nghĩa của bài kinh và làm công việc phân loại các bài kinh theo chủ đề.

5.3 Những khó khăn trong quá trình phân loại Năm bộ Nikāya

Vì chưa có kinh nghiệm trong công việc này, nên sau hai năm làm phân loại kinh (2008-2009), chúng tôi nhìn lại và thấy không ổn, không khéo trong việc làm này nên quyết định bỏ toàn bộ phần đã làm trong hai năm qua. Năm 2010, chúng tôi bắt đầu làm lại từ đầu, đến năm 2011, sau hai năm làm phân loại, chúng tôi xem xét lại và lại thấy không hài lòng nên cũng đã bỏ những gì đã làm trong hai năm tiếp theo đó.

Đến lần thứ ba này thì chúng tôi đã có đôi chút kinh nghiệm, đối trước mỗi bài kinh, chúng tôi đọc cẩn trọng, đọc kỹ

từng câu, từng lời, từng chữ trong bài kinh. Vừa đọc, vừa nhâm nhi tìm xem có bao nhiêu đề tài, bao nhiêu chủ đề, bao nhiêu danh từ riêng, danh từ chung, những câu kinh đặc biệt được nói đến trong bài kinh, chỗ nào nên in đậm, chỗ nào nên gạch dưới, chỗ nào nên tô màu để cho người đọc dễ dàng nắm hiểu được và nhớ được những điểm quan trọng trong bài kinh, và nắm hiểu được ý nghĩa tổng quát toàn bộ bài kinh. Đôi khi đứng trước những bài kinh hay, những đoạn kinh quan trọng, thâm sâu, khó hiểu, chúng tôi phải dừng lại ở đó cả tiếng đồng hồ để tìm cách đánh dấu, gạch dưới, tô màu cho phù hợp và làm nổi bật điều quan trọng, điều thâm thúy, điều tinh tế mà bậc Chánh Đẳng Giác muốn chỉ dạy trong câu kinh đó. Và đôi khi cũng có những bài kinh, những câu kinh quá vi diệu, quá thâm thúy, quá tuyệt vời làm chúng tôi sững người lại, cảm giác hoan hỷ dâng tràn, cảm giác sự thâm sâu vô cùng trong lời dạy của Bậc Đạo Sư. Chúng tôi dừng lại để thưởng thức pháp hỷ, pháp lạc vi diệu này và không tiếp tục làm nữa.

Chúng tôi nhớ lại một kỷ niệm khó quên trong lần phân loại kinh thứ ba. Đó là sau khi bỏ những phần phân loại đã làm trong bốn năm đầu, chúng tôi bắt đầu lại từ đầu công việc phân loại kinh lần thứ ba vào khoảng gần giữa năm 2011. Lần này, sau khi làm được khoảng hai năm, tức là vào khoảng năm 2013, một lần nọ sau khi đã phân loại xong một phần kinh Tăng Chi, khi dịch chuyển các phần

kinh này vào các hồ sơ, chúng tôi đã sơ suất không sao chép lại và đã xóa toàn bộ phần kinh đã làm trong sáu tháng trời rỗng rã. Lần này, chúng tôi đã bị sốc, chúng tôi bị kiệt sức, chúng tôi cảm thấy ngao ngán, cảm thấy quá mệt mỏi và không còn tinh thần để bắt tay vào làm lại phần phân loại này và nghĩ rằng chắc là mình không đủ duyên, không đủ phước để hoàn tất công trình này, thôi bây giờ chỉ lo tu thôi, không làm nữa. Sáu tháng sau đó chúng tôi mới lấy lại tinh thần để tiếp tục công việc phân loại kinh. Từ đó về sau, sau mỗi một phần làm chúng tôi đều cẩn thận sao chép lại nhiều bản để lưu trữ. Đây quả thật là một kinh nghiệm đáng cay.

Có thể nói rằng, trong suốt thời gian làm công việc phân loại này, “sự làm việc, sự tu học và sự thực hành luôn đi đôi với nhau”, chúng tôi luôn thấy sự vô thường trước mắt mình nên không bao giờ chúng tôi dám nghĩ đến việc mình sẽ sống và sẽ làm đến ngày hoàn tất công trình này. Trong thời gian đó, chúng tôi cứ nghĩ rằng *“thôi cứ làm đến đâu hay đến đó, nếu đủ duyên thì hoàn thành, còn không đủ duyên thì đành chịu vậy”*.

Trong giai đoạn cuối khi gần hoàn tất công trình này, mỗi lần chúng tôi lên máy bay đi từ Pháp về Việt Nam, trước khi đi chúng tôi đều sao chép lại phần phân loại đã làm, đưa cho người bạn thân nhất của mình cất giữ và căn dặn bạn rằng: *“Nếu có chuyện gì xảy ra thì hãy tìm cách phổ*

biến phân phân loại này, dù nó chưa hoàn thành trọn vẹn nhưng chắc chắn với phần làm còn dang dở này cũng sẽ giúp ích được khá nhiều cho những người muốn tìm hiểu và tu học theo kinh Nikāya”.

Nhưng rồi, năm 2017, cuối cùng duyên lành cũng đã hội tụ, chúng tôi cũng đã hoàn tất công trình này và đã trình công trình này với Đại đức Thích Giác Hoàng, nguyên Chánh văn phòng Học viện Phật Giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh. Sư đã hoan hỷ đón nhận và đã tạo duyên lành cho chúng tôi được giới thiệu công trình này với Chư Tôn Đức Tăng Ni tại Học viện Phật Giáo Việt Nam cơ sở II, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh vào mùa hè năm 2017.

Như vậy, cuối cùng công trình phân loại kinh Nikāya đã hoàn tất và đã được công bố cho cộng đồng Phật giáo Việt Nam. Đối với chúng tôi được sống đến giây phút đó đã là quá đủ, quá hạnh phúc trong cuộc đời này. Chúng tôi không biết nói gì hơn là lòng tri ân, lòng biết ơn, lòng cảm kích cảm ơn nhân duyên, cảm ơn thọ mạng, cảm ơn phước báu, cảm ơn chư thiên đã bảo hộ chúng tôi, đã gìn giữ chúng tôi được an toàn cho đến lúc hoàn tất công trình vi diệu hy hữu cao quý này. Chúng con xin cúi đầu cung kính cảm ơn tất cả!

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

Kính lễ chúng Tăng (Bốn đôi – Tám chúng) đệ tử Phật, những bậc đã gìn giữ và lưu truyền Chánh Pháp này đến ngày hôm nay.

Kính lễ đức Hòa thượng đạo hiệu Thích Minh Châu, người đã phiên dịch bộ kinh Nikāya từ tiếng Pāli sang Việtngữ.

5.4 Những phát hiện trong quá trình phân loại Nikāya

Nhớ lại lần đầu tiên khi nhận được bộ đĩa kinh Nikāya bằng mp3, chúng tôi đã xem và đã chọn bộ kinh nào mà mình cho là khó nhất để chọn nghe đầu tiên, và chúng tôi đã chọn nghe Trường Bộ Kinh. Sau khi nghe hết Trường Bộ Kinh, chúng tôi lại chọn bộ khó tiếp theo để nghe, và chúng tôi đã chọn Trung Bộ Kinh, rồi sau đó là Tăng Chi Bộ Kinh, sau đó là Tương Ưng Bộ Kinh, và sau đó là Tiểu Bộ Kinh. Sau khi nghe hết Tiểu Bộ Kinh, chúng tôi lại bắt đầu nghe lại từ đầu với Trường Bộ Kinh. Cứ như vậy, chúng tôi nghe tới, nghe lui nhiều lần 5 bộ Nikāya. Lần đầu là chúng tôi nghe để nắm hiểu ý nghĩa chung của mỗi bài kinh. Lần sau nghe thì chúng tôi bắt đầu để ý đến chi tiết của bài kinh. Trong khoảng bốn năm đầu nghe kinh Nikāya, tuy rất thích, rất khoan khoái với từng bài trong Nikāya, nhưng vẫn không nắm hiểu được tinh thần chung, tinh hoa và cốt tủy của Nikāya.

Cứ như vậy, đến khoảng năm 2009, trong khi nghe và làm phân loại Nikāya, chúng tôi bắt đầu phát hiện ra: ***“Nikāya nhắc nhiều đến Ngũ uẩn”***. Khi phát hiện ra điều này, trong tâm chúng tôi khởi lên câu hỏi: *“Tại sao kinh Nikāya lại nhắc nhiều đến Ngũ uẩn như vậy? Chắc là Ngũ uẩn có một vai trò quan trọng gì đây nên Nikāya lại nhắc nhiều đến Ngũ uẩn như vậy?”*.

Năm 2008, khi bắt đầu làm công việc phân loại kinh Nikāya, cũng là lúc chúng tôi bắt đầu thực hành thiền tập. Trong thời gian đầu khi đến với kinh Nikāya, chúng tôi không biết tinh yếu của Đại Tạng Kinh này là gì, đến năm 2009, khi phát giác Nikāya nhắc nhiều đến Ngũ uẩn, sự thắc mắc trong chúng tôi khởi lên, từ đó danh từ Ngũ uẩn in sâu vào tâm trí của chúng tôi. Sau đó, chúng tôi quyết định xem kỹ lại các định nghĩa về Ngũ uẩn trong Nikāya và bắt đầu áp dụng việc nhận diện Ngũ uẩn trong các buổi thiền tập của mình.

Trong hai năm đầu tu tập nhận diện Ngũ uẩn, chúng tôi gặp khá nhiều những khó khăn vì hiện tại đang có một số những hiểu biết sai lầm về Ngũ uẩn so với định nghĩa Ngũ uẩn trong Nikāya, chúng tôi bị nhập nhòa trong việc nhận diện TƯỚNG và HÀNH, HÀNH và THỨC, TƯỚNG và THỨC. ***Sau đó, chúng tôi quyết định bỏ hết những sự giải thích về Ngũ uẩn vầy khác của các vị đương thời và quay về với lời giải thích về Ngũ uẩn theo lời dạy chánh thống***

của Đức Phật trong kinh Nikāya. Sau khi xác quyết rõ đường hướng mình đi theo và tu tập theo đường hướng này một thời gian thì các pháp đã dần lộ rõ, chúng tôi đã dần thấy biết rõ hành tướng của Ngũ uẩn trong nội tâm mình. Thời gian đầu chúng tôi chỉ thấy được những hành tướng thô sơ của Ngũ uẩn, nhưng rồi với thời gian, với sự tinh cần hành trì, tinh cần tu tập nhìn lại nội tâm mình, tinh cần phát giác phát hiện những gì đang có mặt, đang vận hành, đang hoạt động trong nội tâm mình thì sau đó chúng tôi đã dần phát hiện những hành tướng vi tế hơn, tinh vi hơn của Ngũ uẩn và phát hiện những pháp bất thiện, những rác bẩn, những răn, rết, sâu bọ ranh ma, quỷ quyết nằm ẩn nấp trong Ngũ uẩn trong nội tâm, và chúng tôi đã tiến hành ***như lý tác ý*** để tẩy trừ những rác bẩn, những răn rết sâu bọ này trong tâm.

Nếu chúng ta quán sát kỹ về thân tâm và cuộc sống thì chúng ta sẽ thấy rằng: “*Cuộc sống bên ngoài mà chúng ta đang nhìn thấy tuy muôn hình vạn trạng nhưng tất cả cũng chỉ là Sắc Uẩn. Phần còn lại khi nhìn vào bên trong tâm mình thì tất cả những cái hiện đang có mặt trong tâm này chỉ là những Cảm Thọ, những Tưởng, những Suy Nghĩ và những sự Hay Biết”.* Như vậy, nếu khéo quán sát thân tâm này, thế giới này và cuộc sống này, chúng ta sẽ thấy rằng: ***Tất cả những gì đang có mặt trong thân tâm này, trong***

thế giới này và trong cuộc sống này, tất cả chỉ xoay quanh Ngũ uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) mà thôi.

Thông qua việc nhận diện Ngũ uẩn theo tinh thần của *Tứ Niệm Xứ* và thực hành *Cảm Giác Toàn Thân*, hành giả thường định tâm trên thân, tâm vị này thường trú trong sự an lạc, bình an, khuynh hướng của tâm luôn thấy rõ sự có mặt, sự vận hành, sự chi phối, sự khống chế của Ngũ uẩn trong thân tâm và trong thế giới, luôn biết rằng các sắc, thọ, tưởng, hành và thức này là do duyên sanh, bản chất của nó là biến đổi, vô thường, khổ, phiền não và hoại diệt, không có gì là mình, là của mình cả. Khi đối duyên xúc cảnh, tâm vị này không dễ bị dao động, thường quay về rõ biết những cảm giác trong thân tâm, tinh tế và nhanh nhạy phát giác phát hiện những sự động chuyển trong tâm, tinh tế phát hiện những cảm thọ có tham, có sân, có si trong thân tâm, tinh tế phát giác những cảm giác của bản ngã, cảm giác ta đây, cảm giác hơn thua, cảm giác ích kỷ v.v.

Khi đã nhanh nhẹn, tinh tế phát hiện những hoạt động của Ngũ uẩn và phát hiện những rác bần trong nội tâm thì việc tẩy sạch những rác bần trong tâm là điều không còn xa nữa. Tức là không còn xa nữa, không còn lâu nữa, việc thanh lọc sạch nội tâm, thành tựu tâm trong sạch, thanh tịnh, giải thoát, Niết-bàn. Đây là một logic thiết thực của đạo lý nhân quả trong cuộc sống. Đây là một nhân quả đúng pháp của

việc tu học Phật pháp chứ không có gì là mơ hồ, ảo vọng, mộng lung.

Khi một người tu học theo con đường này, cho đến khi vị này đã nhìn thấy khá rõ những hoạt động của Ngũ uẩn trong nội tâm mình, đã thấy khá rõ, khá nhiều, khá sâu sắc những rác bần thô tế trong tâm và đã có sự khéo như lý tác ý để tẩy sạch những rác bần đã trôi ra, đã lộ ra trong tâm thì vị này đã có được sự an toàn, sự vững chắc trên con đường vượt thoát lưới sanh tử.

Đến giờ phút này, sau gần mười lăm năm tiếp xúc với kinh Nikāya và sau trên mười năm trong việc tu tập quay về nội tâm nhận diện Ngũ uẩn, chúng tôi vẫn không dám nói mình đã nhìn thấy hết tất cả những hoạt động của Ngũ uẩn trong nội tâm, và cũng không dám nói mình đã nhìn thấy hết tất cả những rác bần trong nội tâm, nhưng chúng tôi biết rõ mình đã nhìn thấy được khá nhiều về nội tâm này và con đường đưa đến sự vượt thoát biển trầm luân sanh tử này là không còn xa nữa.

Viết những lời này ra không phải để khoe khoang, cũng không phải để nhận được lời khen ngợi của ai, mà chỉ để khích lệ các bạn đạo đang dần thân trên con đường tìm hiểu và tu học theo lời dạy của Đức Phật trong kinh Nikāya.

Khi làm công việc phân loại kinh Nikāya và khi phát giác ra vai trò của **“trí về Ngũ uẩn”** trong sự tu học Phật pháp,

chúng tôi đã phát hiện ra cốt tủy của lời Phật dạy là: *“Mục đích của việc tu đạo không phải để thành một ông thần ông thánh to lớn nào cả, hay không phải để thành một hình tướng với hào quang với sắc hình vậy khác, mà việc tu đạo hay việc tu học theo lời dạy của Đức Phật chính là việc: Quay về nhìn lại nội tâm mình để phát giác phát hiện Ngũ uẩn đang có mặt, đang vận hành, đang dẫn dắt, đang chi phối mọi hoạt động lớn nhỏ của mình ra sao trong từng giây phút của sự sống. Từ sự phát giác phát hiện ra sự lộng hành của Ngũ uẩn trong tâm sẽ đi đến việc phát giác phát hiện ra những sự uế nhiễm trong tâm, những rác bần, những cặn bã, những sâu bọ, rắn rết, xà tinh, yêu tinh, yêu quái trong tâm. Sau khi phát hiện ra những rác bần trong tâm thì thực hành theo phương pháp Tám đúng, tỉnh cần như lý tác ý để tẩy sạch những rác bần này”*.

Như vậy, tu không phải để thành một cái gì, hay thành một thân tướng gì, mà tu chính là tu tập nhìn lại nội tâm, tập nhìn thấy rõ Ngũ uẩn trong tâm, tập nhận diện những rác bần trong tâm, tiến hành việc tẩy trừ những rác bần, những tham ái dính mắc đối với Ngũ uẩn trong tâm. Đó gọi là tu.

Khi tâm hết sạch rác bần, hết sạch tham sân si, hết sạch bần ngã ta đây, hết sạch *dục nhiễm, hữu nhiễm, vô minh nhiễm*, tâm được hoàn toàn trong sạch, không còn một tí rác bần nào trong tâm, không còn một chút làm chấp nào

đối với Ngũ uẩn, không còn một chút dao động nào khi sáu căn của Ngũ uẩn tiếp xúc với sáu trần, đó là sự tu đã thành công, sự tu đã thành tựu, đó chính là Niết-bàn, là giải thoát.

Tu không phải để nắm lấy một cái gì, không phải để nắm giữ một cái gì, không phải để cho một cái gì là mình, là của mình, không phải để thành một hình tướng nào, hay thành một tâm này tâm nọ, mà **tu chính là “thấy để mà buông bỏ”**.

- **Thấy** đây là thấy Ngũ uẩn và thấy Rác bần trong tâm.
- **Buông** đây là buông tham ái, sân hận, si mê, buông chấp thủ đối với Ngũ uẩn.
- **Bỏ** đây là vứt bỏ, là đào thải, là diệt tận những dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu do sự vô trí đối với Ngũ uẩn đã hình thành lâu ngày trong nội tâm.

Đó là điều mà chúng tôi đã phát giác ra trong quá trình tu học của bản thân trong hơn mười lăm năm thâm nhập vào lời dạy của Đức Phật thông qua việc nghe, đọc, học, hành và phân loại kinh Nikāya.

5.5 Ngũ uẩn Trí và Ba mươi bảy Bò-đề Phần

Một điều lý thú khác nữa là sau khi làm việc và tu tập nhận diện Ngũ uẩn theo lời dạy của Đức Phật thì dần dần chúng tôi cũng đã thông hiểu được những tinh túy thâm sâu trong sự liên hệ giữa Trí về Ngũ uẩn và Ba mươi bảy Bò-đề phần.

Đây là những pháp giúp hành giả tu tập đi đến sự đoạn diệt **Vô minh** và **Khát ái** đối với Ngũ uẩn.

• **37 Bồ-đề Phần**

- Tứ Niệm Xứ là **Bốn chỗ cần quán sát** để thấy biết rõ về Ngũ uẩn.
- Tứ Chánh Cần là **Bốn việc chánh cần làm** để tẩy sạch vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Tứ Như Ý Túc là **Bốn pháp để định tâm** như ý muốn.
- Năm Căn là **Năm nền tảng tu tập** để tẩy sạch vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Năm Lực là **Năm sức mạnh cần có** để diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Thất Giác Chi là **Bảy pháp đến giác ngộ**, đưa đến thấy biết tất cả những hoạt động của Ngũ uẩn trong nội tâm, diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Bát Chánh Đạo là **Phương pháp tu Tám Đúng** đưa đến diệt tận vô minh và khát ái với Ngũ uẩn. Phương pháp Tám đúng này chuyển vận trạng thái tâm từ vô minh không thấy biết Ngũ uẩn đi đến sự thấy biết rõ Ngũ uẩn và diệt tận tham ái đối với Ngũ uẩn. Phương pháp Tám đúng là: *Thấy đúng, Nghĩ đúng, Nói đúng, Làm đúng, Sống đúng, Siêng đúng, Quán đúng, Định đúng*. Tức là Chánh Tri Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh

Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

- Với **Chánh tri kiến là Thấy biết đúng về Tứ Thánh Đế**. Tứ Thánh Đế là Bốn sự thật về khổ, hay Bốn sự thật về Ngũ uẩn, hay Bốn Thánh trí về khổ, hay Bốn Thánh trí về Ngũ uẩn.
 - *Thánh trí thứ nhất*: Sự chấp thủ Ngũ uẩn là phiền não và khổ đau.
 - *Thánh trí thứ hai*: Ngũ uẩn sanh khởi do duyên vô minh và tham ái.
 - *Thánh trí thứ ba*: Ngũ uẩn diệt tận khi hết vô minh và hết tham ái.
 - *Thánh trí thứ tư*: Phương Pháp Tám đúng là phương pháp chân chánh đưa đến tẩy sạch vô minh và tham ái đối với Ngũ uẩn.
- Với **Chánh niệm là Tứ niệm xứ**. Tứ Niệm Xứ chính là Bốn chỗ cần quán niệm để đưa đến thấy biết đầy đủ về Ngũ uẩn.
 - Niệm *Thân* đưa đến thấu rõ về Sắc Uẩn.
 - Niệm *Thọ* đưa đến thấu rõ về Thọ Uẩn.
 - Niệm *Tâm* đưa đến thấu rõ hành tướng chung của Thọ, Tưởng, Hành và Thức uẩn.

- Niệm *Pháp* đưa đến thấu rõ những vấn đề xung quanh sự vận hành của Ngũ uẩn và những điều phải tu tập để tẩy sạch Vô minh và Tham ái đối với Ngũ uẩn.

Như vậy, thông qua sự trình bày trên, chúng ta thấy rằng, **Ba mươi bảy Bồ-đề phần** chính là **Ba mươi bảy pháp dự phần vào Giải thoát**, đưa đến Niết-bàn, đưa đến tẩy sạch vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.

5.6 Các hình thức phân loại trong công trình này

Khi thực hiện công việc phân loại kinh Nikāya, chúng tôi đã tìm hiểu thật kỹ về các giai đoạn kết tập kinh điển của Phật giáo và được biết trong lần kết tập kinh điển đầu tiên là khoảng 3 tháng sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, kinh Nikāya lúc **bảy giờ chỉ có 4 bộ kinh**. Sau đó, đến lần kết tập kinh điển lần thứ 2, tức là 100 năm sau khi Đức Phật nhập diệt và đến lần kết tập kinh điển lần thứ 3, tức là khoảng 250 năm sau khi Đức Phật nhập diệt, thì Tiểu Bộ Kinh dần dần được thành lập. Vì vậy, để cẩn thận chính xác theo lời Phật dạy, chúng tôi để riêng phần phân loại Tiểu Bộ Kinh, không để chung trong phần phân loại 4 bộ kinh chính.

Bốn bộ Nikāya được phân loại theo 3 phần chính sau đây:

- Nikāya phân loại theo Chủ đề
- Nikāya phân loại theo Tên kinh
- Nikāya phân loại theo Tìm kiếm khác.

5.6.1 Phần 1 – Nikāya theo Chủ Đề

Khi cần tìm một chủ đề nào đó trong kinh Nikāya thì chúng ta chỉ cần vào phần “**Nikāya phân loại theo chủ đề**” thì chúng ta sẽ có tất cả những bài kinh Nikāya liên hệ với chủ đề đó. Khi vào trong phần Nikāya phân loại theo chủ đề, chúng ta sẽ thấy tất cả những chủ đề được nói đến trong đạo Phật. Phần chủ đề này được sắp theo thứ tự bảng chữ cái ABC.

ÁC KIẾN	6/6/2018 2:59 PM	File folder
ÁC MA	5/24/2018 9:33 PM	File folder
ÁC PHÁP	4/26/2018 3:49 PM	File folder
ÁC TỶ-KHEO	6/20/2018 9:43 PM	File folder
Ái	4/26/2018 3:49 PM	File folder
Alahán	4/26/2018 3:43 PM	File folder
ANĀTHAPINDIKA	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Atula	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Ba mươi bảy Bồ đề phần	6/16/2018 8:49 AM	File folder
Bạc Alahán	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bạc Bất Lai	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bạc Chân Nhân	4/29/2018 9:00 PM	File folder
Bạc Chánh Đẳng Giác	7/26/2018 7:58 PM	File folder
Bạc Dự Lưu	5/5/2018 5:25 AM	File folder
Bạc Hữu Học	6/20/2018 9:23 PM	File folder
Bạc Nhất Lai	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bạc Tam Minh	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bạc Thân Chứng	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bạc Thanh Văn	4/26/2018 3:43 PM	File folder

Ví dụ: Nếu muốn tìm chủ đề Bát Chánh Đạo thì chúng ta sẽ vào mục “Bát Chánh Đạo”. Khi vào trong chủ đề Bát Chánh Đạo, chúng ta sẽ có tất cả các bài kinh nói về Bát Chánh Đạo: Phần đầu trong chủ đề này là những bài kinh nói về định nghĩa Bát Chánh Đạo, các bài tiếp theo là tất cả những bài kinh liên hệ đến chủ đề về Bát Chánh Đạo như: Bắt đầu tu tập từ đâu ở trong Bát Chánh Đạo, Con đường trung đạo, Đầu đuôi của sự tu tập và Bát Chánh

Đạo, Người thành tựu trí về Bát Chánh Đạo còn gọi là gì, Mục đích của Bát Chánh Đạo, Quả của Bát Chánh Đạo, Bát Chánh Đạo liên hệ như thế nào trong tiến trình sanh khởi Bảy giác chi, Tiến trình tu tập, v.v.

Như vậy khi muốn tìm hiểu chủ đề về Bát Chánh Đạo thì chỉ cần vào trong “Nikāya phân loại theo chủ đề”, rồi vào trong thư mục Bát Chánh Đạo thì ta sẽ có tất cả những bài kinh trong Nikāya liên hệ đến Bát Chánh Đạo.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng có thể thống kê được số lượng bao nhiêu bài kinh trong một chủ đề. Ví dụ, ở phần Bát Chánh Đạo này là 147 bài kinh, nhưng đây chỉ là những bài kinh nói chung về Bát Chánh Đạo chứ không phải nói về từng phần riêng trong Bát Chánh Đạo. Sau đó, nếu chúng ta muốn tìm hiểu riêng như Chánh Tri Kiến, Chánh Tư Duy... từng phần trong Bát Chánh Đạo thì có từng chủ đề riêng và những phần này sẽ khác trong phần Bát Chánh Đạo chung.

 Bát Chánh đạo	4/26/2018 3:43 PM	File folder
 Bát chánh đạo 1 - Chánh kiến	4/29/2018 2:32 PM	File folder
 Bát chánh đạo 2 - Chánh tư duy	4/26/2018 3:43 PM	File folder
 Bát chánh đạo 3 - Chánh ngữ	4/26/2018 3:43 PM	File folder
 Bát chánh đạo 4 - Chánh nghiệp	4/26/2018 3:43 PM	File folder
 Bát chánh đạo 5 - Chánh mạng	4/26/2018 3:43 PM	File folder
 Bát chánh đạo 6 - Chánh tinh tấn	4/26/2018 3:43 PM	File folder
 Bát chánh đạo 7 - Chánh niệm	4/26/2018 3:43 PM	File folder
 Bát chánh đạo 8 - Chánh định	4/26/2018 3:43 PM	File folder

Chẳng hạn khi vào “Bát Chánh Đạo 1 - Chánh Kiến” thì chúng ta sẽ có tất cả những bài kinh về Chánh Kiến, tương tự đối với Chánh Tư Duy cũng vậy, ở đây ta cũng có thể biết số lượng các bài kinh nói về Chánh Kiến cũng như Chánh Tư Duy.

Nếu muốn tìm hiểu một tiêu đề nào đó trong Bát Chánh Đạo như tiêu đề “*hai duyên làm sanh khởi Chánh Kiến*” thì chúng ta nhấn hai lần chuột phải vào tiêu đề này và sẽ thấy được bài kinh nói về tiêu đề này. Khi nhấn vào tiêu đề này chúng ta thấy xuất hiện file word với bài kinh tên “*Đại Kinh Phương Quảng, số 43, Trung Bộ quyển I*”.

Trong phần phân loại này, những bài kinh Nikāya trong đây có điểm đặc biệt khác so với trên mạng. Phần kinh Nikāya để trên mạng sẽ để tất cả chữ là màu đen, phải tự đọc và tự tìm hiểu những câu kinh quan trọng ở trong đó. Nhưng khi chúng ta tìm hiểu Nikāya trong phần *phân loại*

này, chúng ta sẽ thấy những câu kinh thuộc về câu hỏi được đề *chữ nghiêng*, những điểm quan trọng trong bài kinh chúng tôi sẽ cho *tô đậm, tô màu, chữ nghiêng, gạch đầu hàng, gạch dưới* v.v. Cách làm này sẽ giúp chúng ta nắm được ý nghĩa của các bài kinh một cách nhanh chóng và khi đọc xong bài kinh, chúng ta sẽ dễ dàng nhớ lại chi tiết và tổng quát nội dung bài kinh.

Những chủ đề còn lại rất đa dạng như *Bệnh và Thuốc, Bốn Thánh Quả, Cõi trời, Cư Sĩ, Cách chọn thầy chọn bạn, Tứ Niệm Xứ, Lậu Hoặc, Lòng Tin, Duyên Khởi* v.v. Trong phần phân loại này có tổng cộng 448 chủ đề, và với số lượng này chúng tôi hy vọng sẽ làm hài lòng những vị muốn tìm hiểu và học hỏi kỹ tinh thần Nikāya mà Đức Phật đã truyền trao.

5.6.2 Phần 2 – Nikāya theo Tìm Kiếm Khác

Tiếp theo là phần kinh Nikāya xếp theo tìm kiếm khác. Nếu chúng ta muốn tìm kiếm một câu kinh đặc biệt nào đó mà Đức Phật đã tuyên bố, hay một vài vấn đề nhỏ lẻ trong Phật giáo, phần Nikāya Xếp Theo Tìm Kiếm Khác này sẽ đáp ứng được điều đó cho chúng ta. Ví như chúng ta muốn tìm hiểu vấn đề “*Sự hiểu sai về Chánh Pháp*” thì khi vào trong phần này chúng ta sẽ có những bài kinh liên quan đến nội dung này và thông qua vấn đề này chúng ta sẽ thấy rõ rằng: *Ngay thời Đức Phật còn tại thế vẫn có những người hiểu*

sai lầm Chánh Pháp, hiểu sai lầm lời Phật dạy còn nói gì đến sau khi Đức Phật nhập diệt.

Hay khi chúng ta nghe câu kinh “*Không có một con mắt nào có thể thấy được Đức Phật một khi Ngài đã nhập diệt*” nhưng chúng ta không biết câu kinh đó nằm ở đâu thì chúng ta bấm vào trong phần tìm kiếm khác chúng ta gõ chữ “*Không*” thì lập tức màn hình sẽ hiển thị tất cả những bài mà chúng ta cần tìm. Trong phần này có 3.355 bài kinh để tìm hiểu những vấn đề riêng lẻ trong đạo Phật.

5.6.3 Phần 3 – Nikāya theo Tên Kinh

Đây là phần công hiến tất cả những bài kinh được xếp theo tên kinh.

Thí dụ chúng ta nghe nói trong Kinh Thủ Chuyển, Đức Phật nói rằng “*Khi Ngài chưa chứng ngộ Trí tuệ về Ngũ uẩn thì Ngài không nói là Ngài chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi Ngài đã chứng được Trí tuệ về Ngũ uẩn thì Ngài mới tuyên bố Ngài đã chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”. Khi nghe nói như vậy, chúng ta thấy nghi ngờ và muốn tự mình tìm hiểu vấn đề này thì chúng ta có thể vào phần xếp theo tên kinh và gõ chữ “*Thủ*” thì sẽ gặp ngay bài kinh Thủ Chuyển.

Trong phần kinh Nikāya xếp theo Tên Kinh này, chúng tôi xin công hiến đến quý vị tất cả các bài kinh có trong Nikāya,

từ những bài kinh có nội dung dài hàng trăm trang đến những bài kinh chỉ có vài hàng, tất cả đều được tập hợp đầy đủ trong phần này.

Tổng số lượng của Nikāya phân xếp theo tên kinh là 3.036 bài kinh. Đây vẫn là con số chưa chính xác, vì còn một số bài kinh nằm trong phần cuối của những phần như Tương Ưng Uẩn, Tương Ưng Đạo, Tương Ưng Sáu Xứ, v.v. Trong những phần Tương Ưng này, một số bài kinh ở phần cuối chỉ có tựa đề mà thôi, còn những phần chánh trong kinh thì lặp lại những bài kinh trước đó. Vì thế, phân xếp loại này có 3.036 bài kinh đây chỉ là con số tương đối chứ chưa thật sự chính xác. Con số chính xác phải thêm một số bài kinh nữa, nhưng những bài kinh này cũng chỉ là tên kinh mà thôi.

5.6.4 Phần 4 – Phân loại Kinh Tiểu Bộ Tập 1 và Tập 3

Riêng về phần **Tiểu Bộ Kinh**, chúng tôi không làm phân loại Tiểu Bộ tập 2, 4-10, vì trong tiểu bộ tập 2 là nói về chuyện ngạ quỷ và cõi trời, còn Tiểu Bộ tập 4 cho đến tập 10 thì nói về những câu chuyện tiền thân của Đức Phật và các vị đệ tử. Vì xét về thời gian hình thành của Tiểu Bộ Kinh nên chúng tôi hạn chế việc tìm hiểu sâu vào Tiểu Bộ Kinh để tránh phạm lỗi khi đi theo những quyền kinh sách hình thành sau này.

Trong phần Tiểu Bộ Kinh tập 1 và tập 3, chúng ta sẽ thấy có phần phân loại Kinh Tiểu Tụng, Kinh Pháp Cú, Kinh Phật Tự Thuyết, Kinh Phật Thuyết Như Vầy, Kinh Tập, bên cạnh đó có thêm phần Kinh Pháp Cú có số thứ tự và không có số thứ tự.

Chẳng hạn, nếu chúng ta muốn tìm hiểu câu kinh “***Ai sống một trăm năm không thấy Pháp sanh diệt***” thì chúng ta chỉ cần tìm **văn A** thì sẽ ra ngay câu kinh mà chúng ta muốn tìm.

Kinh Tiểu Bộ Tập 3 nói về Trưởng Lão Tăng, Trưởng Lão Ni, đó là các vị thánh đệ tử thời Đức Phật. Vì phần này quan trọng và cũng là gương tu tập nên chúng tôi đã tiến hành phân loại phần kinh này.

5.6.5 Phần 5 – Bốn Bộ Nikāya bằng PDF

Tiếp theo là Phần công hiến cho chúng ta **Bốn bộ kinh Nikāya dạng PDF** với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu, xuất bản 1996. Trong phần này nếu chúng ta thấy một bài kinh nào đó và muốn đọc nội dung của bài kinh ấy, chỉ cần nhấn ngay vào bài kinh đó thì chúng ta sẽ có ngay nội dung của bài kinh.

Phiên bản 4 bộ kinh Nikāya dạng file PDF trong này khác biệt thế nào so với một số phiên bản đăng tải trên mạng?

Với một số phiên bản PDF về kinh Nikāya hiện có trên mạng, khi chúng ta vào phần Kinh Tăng Chi Bộ - *Chương Một Pháp* thì chỉ có một phần *Chương Một Pháp* thôi, còn tất cả những bài kinh nhỏ còn lại nằm trong phần *Chương Một Pháp* thì không có đường dẫn, cho nên nếu chúng ta muốn tìm 1 bài kinh nhỏ ở trong *Chương Một Pháp* trong phiên bản này thì chúng ta phải tự mình kiểm bài kinh đó, không thể nhấn vào và thấy liền nội dung của bài kinh mà mình muốn xem.

Nhưng với phần phân loại này của chúng tôi sẽ giúp ích cho các bạn rất nhiều trong việc tìm kiếm các kinh trong Tăng Chi Bộ và Tương Ưng Bộ.

Trên đây là toàn bộ công trình phân loại kinh Nikāya mà chúng tôi đã tiến hành thực hiện trong 9 năm qua, tức là từ năm 2008 đến 2017.

5.7 Đặc điểm văn phong trong Kinh Nikāya bản dịch tiếng Việt

5.7.1 Đơn giản, ngắn gọn, súc tích

Văn phong, ngôn ngữ, từ ngữ trong bộ kinh này rất đơn giản, ngắn gọn, súc tích, không lòng vòng quanh co mà đi thẳng vào vấn đề. Đây là ưu điểm thứ nhất về văn phong trong bộ kinh Nikāya do Hòa thượng Thích Minh Châu biên dịch.

Tuy nhiên, vì cách nói thẳng và nói rất ngắn gọn, cho nên, nếu người đọc thiếu kham nhẫn, thiếu cẩn trọng, đọc nhanh, đọc lướt, đọc không kỹ, không để tâm vào từng lời kinh, không để tâm chiêm nghiệm ý nghĩa của từng câu kinh, không khéo nhìn sâu để thấy được sự liên hệ trước sau của câu kinh, thì vị này rất khó thâm nhập ý nghĩa của câu kinh, khó thấy biết trọn vẹn ý nghĩa của bài kinh, khó nắm được cốt tủy của Nikāya và khó thể nhập thâm sâu vào dòng pháp này.

5.7.2 Tính lặp lại của văn nói và tính nguyên bản

Lại nữa, các bài kinh này được dịch chính xác từ nguyên bản Pāli, người dịch tôn trọng nguyên bản nên không tự tiện thêm bớt đoạn kinh nào dù rằng nguyên bản có nhiều đoạn được lặp đi lặp lại nhiều lần. Đây là ưu điểm thứ hai về văn phong trong bộ kinh Nikāya này, tức là sự nghiêm túc cung kính trong sự truyền thừa và trao truyền giáo pháp, không tự tiện thêm bớt chỉnh sửa lời Phật dạy.

Tuy nhiên, vì nhiều lần lặp lại như vậy, cho nên, nếu người đọc không có sự kham nhẫn, không có sự kiên trì thì rất dễ thấy ngán, thấy chán trong khi đọc và rất dễ bỏ cuộc trong việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya.

5.7.3 Văn phong gần gũi với người Việt

Với lối hành văn đơn giản, gần gũi, dễ hiểu, ngôn ngữ sử dụng không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng, các câu văn, câu kinh trong bản dịch này hợp với văn phong của người Việt, làm cho người Việt có thể đến gần với lời của đức Thế Tôn. Bản dịch này không phải là một bản dịch có ngôn ngữ cá nhân, có cách hành văn cá nhân, có tư cách cá nhân, có cái nhìn cá nhân, có ý kiến cá nhân. Bản dịch này được xem là bản dịch có giá trị nhất trong các bản dịch kinh Nikāya đã và đang được thực hiện hiện nay. Đây là ưu điểm thứ ba về văn phong trong bộ Nikāya này.

5.7.4 Thuật ngữ Hán Việt trong bản dịch

Một số từ trong bản dịch này còn sử dụng danh từ Hán Việt, gây khó hiểu đối với cộng đồng người Việt hiện nay, đây cũng là điểm hạn chế trong bộ kinh này. Nhưng có lẽ chúng ta cũng nên làm quen với những danh từ này vì thật sự cũng khó tìm những danh từ thuần Việt để diễn giải hết ý nghĩa của những danh từ như lậu hoặc, vô minh, Niết-bàn... Vì vậy, trong phần “Giải thích một số từ Hán Việt” trong tập sách này, chúng tôi đã mạo muội chia sẻ ý nghĩa của một vài danh từ Hán Việt trọng yếu trong bộ kinh để hành giả thuận tiện trong việc tìm hiểu, học hỏi, tu tập. Hành giả cũng có thể lên mạng tra từ điển để tìm hiểu thêm. Sau khi

sáng tỏ ý nghĩa, hành giả nên áp dụng tu tập thực hành để có thể thể nhập thâm sâu vào lời Phật dạy trong bộ kinh này.

5.7.5 Một vài ý kiến khác

Một số ý kiến cho rằng bản dịch này có vài điểm chưa sáng tỏ, chưa trong sáng, nhưng nếu xét về tinh thần chủ đạo trong lời dạy của Đức Phật chính là Tứ Thánh Đế, Bát Chánh Đạo thì bộ kinh này là hoàn hảo, không có gì đáng để chê trách. Lại nữa, với quá trình nghiên cứu, học hỏi, hành trì theo kinh Nikāya trong hơn mười lăm năm, với sự nắm hiểu được tinh thần cốt tủy của Nikāya và tinh hoa của Ba mươi bảy Bồ-đề phần thì đối với chúng tôi vài điểm nhỏ nhất không sáng tỏ trong bộ kinh này là điều hoàn toàn không đáng kể vì nó không ảnh hưởng đến tinh thần tu học về Tứ Thánh Đế, Bát Chánh Đạo, Tứ Niệm Xứ, không ảnh hưởng đến sự tu tập thân tâm, nhiếp phục thân tâm, đoạn diệt tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc trong hành giả. Vì vậy, những điểm nhỏ nhất, không sáng tỏ trong bộ kinh này là điều hoàn toàn không quan trọng, không ảnh hưởng đến sự tu tập của hành giả theo Chánh pháp, chánh đạo trong những lời dạy nguyên gốc của đức Thế Tôn.

Ví như có một bức tranh đồ sộ, vĩ đại, bức tranh này là một tuyệt tác đỉnh điểm của nghệ thuật. Trên bức tranh này có một vài hạt bụi nhỏ thì những hạt bụi đó là không đáng kể, không quan trọng, không ảnh hưởng đến tổng thể và chi tiết của bức tranh, không đáng được đem ra làm chỗ để đánh giá thấp giá trị của bức tranh vĩ đại này, người có tầm nhìn rộng lớn sẽ không làm việc đó.

Cũng vậy, bộ Đại Tạng Kinh Nikāya do cố Hòa thượng Thích Minh Châu biên dịch là một bức tranh tuyệt tác đồ sộ vĩ đại của thế kỷ hai mươi. Đây là một tác phẩm vĩ đại của Phật Giáo Việt Nam. Với tác phẩm này, với sự chịu khó tìm hiểu cẩn trọng và sự nỗ lực thực hành đúng theo lời dạy của Đức Phật trong bộ kinh này, người vô minh sẽ được thành người có trí, người không giới đức sẽ được thành người có giới đức, người không thiện định sẽ được thành người có thiện định, Ngũ uẩn bị nhìn thấy, vô minh bị đâm thủng, sanh tử bị phơi bày, luân hồi bị phá vỡ. Do đó, với một tác phẩm vĩ đại như vậy, với một bức tranh tuyệt vời như vậy, thật không đáng đem một vài hạt bụi nhỏ trong đó ra để phê bình, chỉ trích. Người tu học đạo cần nắm được trọng tâm chủ yếu, pháp hành chủ yếu trong lời Phật dạy trong Nikāya rồi đem ra thực hành tu tập nhiếp

phục tự thân, đó là điều quan trọng nhất và đó cũng là cách học pháp thông minh được Đức Phật nói là “người có trí tự mình giác hiểu”.

5.7.6 Lời khuyên dành cho học giả, hành giả

Tóm lại, dù rằng lối văn phong trực chỉ và ngắn gọn, các câu kinh được lặp lại nhiều lần, nhiều danh từ Hán Việt được sử dụng, gây khó hiểu cho người đọc nhưng người học Phật cũng nên cố gắng *nghe - đọc - học* trực tiếp, tiếp cận trực tiếp với các bản kinh Nikāya. Vì sao vậy?

Vì trước là để làm quen với văn phong của bộ kinh này, sau là khi đã quen với lối văn phong này rồi thì hành giả có thể tự mình tìm hiểu các bài kinh khác trong bộ Nikāya. Một khi đã quen với lối văn phong này, hành giả sẽ cảm thấy thích thú, cảm thấy khoan khoái khi tự mình được nghe, được đọc những lời dạy chân chánh nguyên gốc của đức Thế Tôn trong kinh tạng Nikāya.

Tóm lại, nếu ai muốn tìm hiểu học hỏi các bài kinh gốc về lời dạy của Đức Phật trong bộ Nikāya này thì ba yêu cầu quan trọng, hay ba điều cần phải tu tập trước nhất đó là:

- ***Sự yêu thích*** tìm cầu học hỏi cái gốc của Phật pháp.
- ***Sự khéo để tâm*** vào lời dạy của Đức Phật, khéo chiêm nghiệm, khéo quán sát ý nghĩa lời kinh với thực tế cuộc sống.

- **Sự kiên trì**, nhẫn nại, chịu khó, kham nhẫn trong khi tu học Phật pháp, trong khi đọc những lời được lặp lại nhiều lần trong Nikaya.

Nếu không yêu thích học hỏi, không khéo để tâm quán sát chiêm nghiệm và không kham nhẫn với sự lặp lại trong câu kinh thì sẽ không thể tiếp cận, không thể thâm nhập sâu vào lời dạy của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác trong kinh tạng Nikāya.

Việc lặp lại nhiều lần trong kinh Nikaya cũng giúp cho hành giả xem lại các cảm thọ trong mình và nhận diện chúng. Hành giả tập quán sát những cảm giác khó chịu, cảm giác thiếu kiên nhẫn, cảm giác hấp tấp vội vàng, cảm giác nóng vội muốn nắm hiểu ý nghĩa. Khi nhìn thấy những tập khí sân si nóng nảy này, hành giả nên thực hành như lý tác ý để nhiếp phục chúng, hướng chúng đến sự thanh tịnh lắng dịu trong khi đọc, học kinh sách.

Chư vị Thánh tăng ngày xưa đã cẩn trọng truyền khẩu cho nhau lời Phật dạy trong sự lặp tới lặp lui nhiều lần như vậy để bảo đảm không bị sai sót, không bị tam sao thất bản trong lời dạy của Đức Bổn Sư. Các Ngài đã phải học thuộc lòng tất cả những câu kinh lặp tới lặp lui như vậy để trao truyền nhau giáo pháp thần diệu của Đức Phật, mãi cho đến khi kinh Nikaya được kết tập, được ghi lại bằng chữ viết thì việc truyền khẩu kinh Nikaya mới được chấm dứt.

Như vậy, chư vị Thánh tăng ngày xưa đã phải khổ công học thuộc lòng bộ đại kinh này để gìn giữ và trao truyền lại Thánh pháp cao quý này cho người đời sau. Và Hòa thượng thượng Minh hạ Châu đã phải để thời gian mười mấy năm trời trong cuộc đời của Ngài để phiên dịch lại những bản kinh này sang Việt ngữ, giúp người con Phật ở Việt Nam có cơ hội được tiếp cận những lời dạy nguyên chất của Đức Phật. Để rồi ngày giờ này chúng ta có được một phiên bản kinh Nikaya lời Phật dạy bằng tiếng Việt, ngày giờ này chúng ta có cơ hội được thấy, được nghe, được học, được đọc, được cầm trên tay mình những quyển kinh Nikaya tuyệt vời thần diệu, phơi bày sự thật của cuộc sống, vén lên bức màn bí mật của cuộc đời. Chúng ta thật là may mắn, thật là hạnh phúc. Ngày giờ này chúng ta chỉ cần ngồi xuống, chậm rãi mở từng trang kinh ra và chậm rãi đọc cẩn trọng từng lời từng chữ trong quyển kinh để chúng ta được quay về trong thời Đức Phật còn tại thế, được sống lại trong những giây phút mà Đức Phật đã khai thị, đã trình bày, đã thuyết giảng sự thật về cuộc đời này cho chúng sanh... Thật hạnh phúc thay cho chúng ta! Thật tuyệt vời thay cho chúng ta! Thật may mắn thay cho chúng ta!

Khi đọc những lời lặp đi, lặp lại trong bộ kinh này, chúng tôi thật sự cảm thấy kính phục, cảm thấy ngưỡng mộ, thương mến, quý kính vô cùng chư vị Thánh tăng ngày xưa,

các Ngài đã phải khổ công học thuộc lòng và truyền tụng cùng nhau những lời kinh lặp đi lặp lại này, để ngày giờ này chúng ta có được những phiên bản chắc thật trong lời Phật dạy. Thế mà chúng ta ngày nay chỉ cần ngồi xuống và đọc lại thôi nhưng chúng ta cũng thiếu sự kham nhẫn, thiếu sự nhẫn nại, tâm đầy khó chịu trước sự lặp lại nhiều lần của lời kinh, trong khi đó chư vị Thánh tăng ngày xưa đã phải học thuộc lòng hết tất cả những lời kinh này... Thật tội nghiệp thay cho chúng ta! Thật tầm quý thay cho chúng ta! Thật đáng thương thay cho sự thiếu kham nhẫn của chúng ta!

Ngày nay, chúng ta cần tác ý như vậy để tâm được lắng dịu, được kham nhẫn, được dễ chịu trong khi học, đọc những quyển kinh Nikaya chân chánh được trao truyền từ chư vị Thánh tăng ngày xưa. Trong khi đọc, học kinh Nikaya, chúng ta cần tu tập, cần rèn luyện cho mình đức tánh chậm rãi, cẩn trọng, kham nhẫn, không hấp tấp, không vội vàng, không bất cẩn, không đọc qua loa những lời dạy nguyên chất của đức Bôn Sư.

Lại nữa, người con Phật ngày nay không nên dừng lại ở địa vị của một học giả mà cần tiến lên địa vị của một hành giả, cần dần thân tu tập thực hành lời Phật dạy để tự thân chứng thực được những sự thật về thân tâm, sự thật về cuộc sống, để tự thân thật sự nếm được hương vị vi diệu trong giáo pháp chân chánh của đức Bôn Sư. Vì vậy, hãy là một hành

giả chứ không chỉ là một học giả. Bởi học giả được Đức Phật ví như “Muỗng với vị canh”; hành giả được Đức Phật ví như “Lưỡi với vị canh”. Đây là một hành giả để nếm được hương vị trí tuệ, hương vị tu tập và hương vị giải thoát vi diệu, thần diệu của Thánh pháp này.

5.8 Lời kết

Với lòng chân thành hướng về những người con chân chánh của Đức Phật đang trên con đường tìm hiểu Phật pháp nên chúng tôi đã thực hiện tập sách “*Tinh Hoa Nikāya*” và “*Công Trình Phân Loại Kinh Nikāya*” này. Còn nhiều công trình tiếp theo cần phải làm từ công trình này nhưng có lẽ chúng tôi không còn nhiều thời gian nữa. Chúng tôi *không giữ bản quyền* công trình phân loại này. Nếu có vị thiện tri thức nào phát tâm làm tiếp những gì cần phải làm sau công trình này thì đây là điều chúng tôi vô cùng ủng hộ, hoan hỷ và tùy hỷ. Chúng tôi thực hiện công trình này với tâm nguyện góp phần làm tỏa sáng và rực sáng Chánh Pháp cao quý này, và giúp cho những người con Phật được thuận tiện trong việc tìm hiểu và tu học theo lời dạy của Đức Phật trong kinh Nikāya. Do đó, chúng tôi cũng mong rằng: *Những ai sử dụng công trình này xin hãy một lòng tôn kính Đức Phật và tôn kính Pháp bảo cao quý này, vì lợi ích cho bản thân và vì lợi ích cho số đông trong hiện tại và tương lai, xin đừng thêm bớt bất cứ gì vào trong các bài kinh Nikāya nguyên chất lời Phật dạy này và xin*

đừng làm cho sớm ngày diệt tận Chánh Pháp vì điều hy hữu này.

Tuy đã toàn tâm, toàn ý trong việc thực hiện tập sách và công trình này nhưng chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sơ sót trong quá trình làm. Vì vậy, nếu có những sai sót nào hoặc có sự không hài lòng nào trong công trình này và trong những lời chia sẻ trên, xin quý vị thiện tri thức hãy vì lòng từ bi và lòng tôn kính Pháp bảo mà chân thành chỉ dạy hoặc hỷ xả bỏ qua cho.

Kính chúc tất cả Quý đạo hữu thân tâm thường an lạc, thành tựu Giới hạnh, Thiền định và Trí tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn, đạt được mục đích chân chánh của một người con Phật chân chánh.

5.9 Lời tri ân

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân Cố Hòa thượng Thích Minh Châu, Ngài đã mang ánh sáng trí tuệ của Đức Phật đến với Phật tử Việt Nam. Ngài đã đem những lời dạy nguyên chất của Đức Phật từ văn bản Pāli dịch sang Việt ngữ, nhờ vậy mà ngày nay chúng con được thấy, được nghe, được học hiểu chính xác những lời dạy nguyên chất của Đức Bốn Sư và nhờ vậy cuộc sống của chúng con không trở thành vô nghĩa, vô ích. Một lần nữa chúng con xin chân thành cúi đầu với vô lượng cung kính

tri ân Cố Hòa thượng thượng Minh hạ Châu - Vị đệ tử cao quý, đáng kính của Đức Phật.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân Đại Đức Thích Giác Hoàng, nguyên Chánh văn phòng Học viện Phật Giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Ngài đã hoan hỷ hỗ trợ chúng con hoàn thành việc giới thiệu công trình phân loại kinh Nikāya này với chư Tôn đức Tăng Ni tại Học viện Phật Giáo Việt Nam cơ sở II, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh vào mùa hè năm 2017, đây là thời điểm chính thức công bố công trình phân loại 5 bộ kinh Nikāya.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân Đại đức Thích Minh Thành, trụ trì chùa Linh Quy Pháp Ấn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Ngài đã chân thành hoan hỷ đón nhận công trình này và đã phát tâm làm công trình này thành một *Ứng dụng (Apps)* đưa lên mạng để phổ biến rộng rãi trong cộng đồng Phật giáo Việt Nam và thế giới, tạo điều kiện thuận lợi cho những ai muốn tìm hiểu kinh Nikāya và tu học theo tinh thần của Nikāya.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân đến hai bậc sanh thành, chúng con xin cảm ơn cha mẹ đã cho chúng con có mặt trong hiện đời này và làm những công việc hiền thiện chân chánh của một người con Phật chân chánh.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân quý đạo hữu Tâm Minh Anh (Dũng), đạo hữu Thiện Trí (So), đạo

hữu Mỹ Vân và tất cả những đạo hữu đã hỗ trợ chúng con hoàn tất công trình này.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý đạo hữu, quý Phật tử gần xa đã hoan hỷ cùng chúng con tham gia ấn tống tập sách này.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân những nhân duyên thiện lành, tri ân phước báu, tri ân thọ mạng, tri ân Chư Thiên đã bảo hộ chúng con duy trì được thọ mạng để hoàn tất công trình này và hoàn tất tập sách này.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân tất cả những vị Thiện tri thức đã hoan hỷ đón nhận công trình Phân Loại Nikaya và phổ biến rộng rãi công trình này đến cộng đồng Phật giáo gần xa, góp phần làm duy trì Chánh Pháp, phổ biến Chánh Pháp và vững trú Chánh Pháp.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân tất cả quý vị Thiện tri thức đã hoan hỷ đón nhận tập sách Tinh Hoa Nikaya với tâm rộng lượng cởi mở, với lòng từ bi, với tuệ hỷ xả.

5.10 Hồi hướng

Với công đức mà chúng con có được trong khi thực hiện tập sách Tinh Hoa Nikāya và trong Công Trình Phân Loại Kinh Nikāya, chúng con xin chân thành cầu nguyện cho ngôi Tam Bảo được còn mãi trên đời để chúng sanh luôn có nơi nương tựa. Nguyện cầu chư tôn đức Tăng Ni cùng quý nam nữ Phật tử, tứ chúng đệ tử Phật ở khắp mọi nơi luôn sống theo Pháp, an trú trong Chánh Pháp, thân tâm thường an lạc, Giới Hạnh, Thiền Định và Trí Tuệ được thành tựu viên mãn, mau chóng chứng đạt sự bình lặng nội tại, diệt tận tham, sân, si, bần ngã, lậu hoặc, vô minh, đoạn tận sanh tử và chấm dứt khổ đau.

Phước báu của việc làm hiền thiện này, chúng con cũng xin hồi hướng chia sẻ đến cha mẹ hiện tiền của chúng con những người thân hiện tại, người thân đã mất, người thân quá khứ, bạn bè thân hữu gần xa, chư vị nghe, đọc, hiểu việc làm này, cùng chư vị hữu tình trong cùng khắp trời đất rộng lớn vô biên này, mong tất cả đều được tâm hiền thương và sự hồi hướng chia sẻ phước báu này thấm nhuần mà được nhiều an lạc, nhiều an vui, tuệ khai mở, trí thành tựu, diệt vô minh, diệt tham ái, xả chấp thủ, sạch phiền não, tâm thanh tịnh, thật giải thoát.

NGUYỄN ĐEM CÔNG ĐỨC NÀY,
HƯỚNG VỀ KHẮP TẤT CẢ,
ĐỆ TỬ VÀ CHÚNG SANH,
ĐỀU TRỌN THÀNH PHẬT ĐẠO.

HẾT TẬP 3